

# TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

## CHƯƠNG TRÌNH 12

### PHẦN I: GIÁO DỤC KINH TẾ

#### BÀI 1 : TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ (5 tiết)

#### HỆ THỐNG LÝ THUYẾT

##### 1. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

a. Tăng trưởng kinh tế, Các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế

a. Tăng trưởng kinh tế, Các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế

**Khái niệm:** Tăng trưởng kinh tế là sự tăng lên về thu nhập hay tổng giá trị hàng hoá và dịch vụ mà nền kinh tế tạo ra trong một thời kì nhất định (so với thời kì gốc cần so sánh).

\* **Các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế**

\* **Tổng sản phẩm quốc nội (GDP):** GDP là giá trị bằng tiền của tất cả hàng hoá và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trên lãnh thổ một nước trong một thời gian nhất định (thường là một năm).

=> GDP là thước đo đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế của một quốc gia trong một thời điểm nhất định.

**GDP thường được tính như sau:**

*GDP là tổng chi tiêu cho tiêu dùng cuối cùng, tính bằng công thức:*

$$GDP = C + I + G + (X - M)$$

Trong đó: C: Chi tiêu của hộ gia đình

I: Chi tiêu của doanh nghiệp G: Chi tiêu của chính phủ

X: Kim ngạch xuất khẩu

M: Kim ngạch nhập khẩu

**Ví dụ:** Trong năm 2023 quốc gia thống kê, chi tiêu của hộ gia đình là 50, chi tiêu chính phủ là 1000, tổng đầu tư là 650, xuất khẩu là 500 còn nhập khẩu là 400.

=> **GDP (2023)** = 50 + 1000 + 650 + (500 - 400) = 1800.

\* **Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (GDP/người):** GDP bình quân đầu người được tính bằng cách chia tổng sản phẩm quốc nội GDP trong năm cho dân số trung bình của năm tương ứng.

=> GDP/người là thước đo mức sống người dân của một quốc gia; là một trong những căn cứ để tính chỉ số phát triển con người (HDI).

\* **Tổng thu nhập quốc dân (GNI):** - GNI là thước đo về thu nhập của nền kinh

-- GNI là thước đo về thu nhập của nền kinh

- Được tính bằng: +tổng thu nhập từ hàng hoá, dịch vụ cuối cùng do công dân của quốc gia đó tạo ra (trong và ngoài lãnh thổ).

+ trong một thời gian nhất định (thường là một năm).

**GNI được tính theo công thức sau:**

$$GNI = GDP + \text{Chênh lệch thu nhập với nhân tố nước ngoài}$$

Chênh lệch thu nhập nhân tố nước ngoài = Thu lợi tức nhân tố nước ngoài - Chi trả lợi tức nhân tố nước ngoài

Nghĩa là: GNI = GDP + Chênh lệch giữa thu nhập của người lao động Việt Nam ở nước ngoài gửi về và thu nhập của người nước ngoài ở Việt Nam gửi ra + Chênh lệch giữa thu nhập sở hữu nhận được từ nước ngoài với thu nhập sở hữu trả cho nước ngoài.

Ví dụ: Nếu một công ty ở Việt Nam có chi nhánh tại Mỹ và mang lại lợi nhuận 50 triệu USD trong năm đó, thì số tiền này sẽ được tính vào GNI của Việt Nam.

\* **Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/người)**

-là thước đo trung bình mức thu nhập một người dân trong quốc gia thu được trong năm

-được tính bằng cách chia tổng thu nhập quốc dân trong năm cho dân số trung bình của năm tương ứng.

=>GNI/người dùng để đánh giá mức sống, phân hoá giàu nghèo, tính tỉ lệ nghèo nhằm hoạch định chính sách góp phần nâng cao mức sống, xoá đói, giảm nghèo.

**Sự khác biệt giữa GDP và GNI ?**

	GDP	GNI
<b>Định nghĩa</b>	<u>Tổng giá trị sản phẩm và dịch vụ được sản xuất trong lãnh thổ quốc gia</u> trong một khoảng thời gian cụ thể	<u>Tổng thu nhập của công dân và doanh nghiệp của một quốc gia</u> , bao gồm thu nhập từ <u>trong và ngoài quốc gia</u> .

**TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025**

<b>Phạm vi đo lường</b>	Sản phẩm và dịch vụ trong lãnh thổ quốc gia.	Thu nhập của công dân và doanh nghiệp quốc gia, bao gồm thu nhập từ ngoại quốc.
<b>Người tạo ra</b>	Người trong nước và người nước ngoài tạo ra trong phạm vi lãnh thổ nước đó.	Công dân mang quốc tịch quốc gia đó (có thể tạo ra giá trị trong và ngoài lãnh thổ nước đó)
<b>Ý nghĩa</b>	Phản ánh quy mô nền kinh tế, sức mạnh kinh tế của quốc gia	Phản ánh sự giàu có, tiềm lực kinh tế của công dân quốc gia
<b>Ứng dụng phổ biến</b>	Được sử dụng rộng rãi trong đánh giá kích thước và tốc độ phát triển kinh tế của một quốc gia.	Thường được sử dụng trong việc đo lường khả năng mua và thu nhập trung bình của người dân trong quốc gia.

**b. Vai trò của tăng trưởng kinh tế**

- Điều kiện cần thiết để khắc phục tình trạng đói nghèo lạc hậu
- Điều kiện để giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao phúc lợi xã hội, phát triển văn hoá, giáo dục, thể thao
- Tiền đề vật chất để củng cố an ninh, quốc phòng
- Nâng cao vai trò quản lí của Nhà nước, vị thế của quốc gia.
- Điều kiện tiên quyết để khắc phục tình trạng tụt hậu đối với quốc gia đang phát triển như Việt Nam.

**2. PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**a. Phát triển kinh tế và các chỉ tiêu phát triển kinh tế**

**\* Khái niệm: - sự tăng trưởng kinh tế**

- chuyển dịch cơ cấu kinh tế
- đảm bảo tiến bộ xã hội.

**\* Các chỉ tiêu phát triển kinh tế**

- tăng trưởng kinh tế: **\*Tổng sản phẩm quốc nội (GDP)**  
**\*Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (GDP/người)**  
**\*Tổng thu nhập quốc dân (GNI)**  
**\*Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/người)**

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế tích cực: Tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ trong GDP tăng lên  
 Tỷ trọng ngành nông nghiệp trong GDP giảm xuống=> Sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá: tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp trong GDP (tỉ lệ phần trăm giữa các ngành) nhưng giá trị tuyệt đối của các ngành đều tăng (tăng lên về năng suất/thu nhập)

- Tiến bộ xã hội + **Chỉ số phát triển con người (HDI) gồm:** chỉ số sức khỏe (tuổi thọ); chỉ số giáo dục và chỉ số thu nhập. + **Tỉ lệ hộ nghèo đa chiều:** là tình trạng con người không được đáp ứng ở mức tối thiểu các nhu cầu cơ bản trong cuộc sống (việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin).

+ **Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số Gini):** là chỉ tiêu phản ánh tình trạng bất bình đẳng trong phân phối thu nhập của các tầng lớp dân cư (hệ số Gini càng cao thì mức bất bình đẳng trong phân phối thu nhập càng lớn)

Nội dung	Tăng trưởng kinh tế	Phát triển kinh tế
Các chỉ tiêu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng sản phẩm quốc nội (GDP)</li> <li>- Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (GDP/người)</li> <li>- Tổng thu nhập quốc dân (GNI)</li> <li>- Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/người).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tăng trưởng kinh tế</b> (GDP, GNI, GDP/người, GNI/người).</li> <li>- <b>Chuyển dịch cơ cấu</b> ngành kinh tế theo hướng tích cực:</li> <li>+ Tỷ trọng của ngành công nghiệp, dịch vụ trong GDP tăng lên;</li> <li>+ Tỷ trọng của ngành nông nghiệp giảm đi.</li> </ul>

**TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025**

		<b>- Chỉ tiêu về tiên bộ xã hội:</b> + Chỉ số phát triển con người HDI tăng; + Chỉ số đói nghèo, chỉ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (Gini) giảm.
--	--	---

**Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế**

- **Tăng trưởng kinh tế:** là điều kiện tiền đề cho phát triển kinh tế
  - **Phát triển kinh tế:** Phạm vi rộng lớn, toàn diện hơn bao hàm cả tăng trưởng kinh tế lẫn chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiên bộ xã hội hướng tới mục tiêu tiên bộ xã hội, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.
- =>quan hệ mật thiết với nhau

**b. Vai trò của phát triển kinh tế**

**+ Đảm bảo tiền đề vật chất cho phát triển:**

- Kết cấu hạ tầng KT-XH
- Văn hoá, giáo dục
- Tiềm lực QP-AN
- Hội nhập quốc tế
- Nâng cao sức mạnh quốc gia

**+ Nâng cao trình độ phát triển, tạo đà phát triển nhanh, vững chắc cho nền kinh tế**

**+ Đảm bảo tiên bộ xã hội:**

- Xây dựng thể chế kinh tế tiên bộ
- Nâng cao năng lực quản lí của Nhà nước
- Phân phối công bằng, hợp lí

**+Điều kiện tiên quyết để khắc phục tình trạng tụt hậu**

**3. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững**

**a. Khái niệm phát triển bền vững**

Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lí và hài hoà giữa ba mặt của sự phát triển (phát triển kinh tế, phát triển xã hội, bảo vệ môi trường)

**Tác động từ tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững:**

<b>Tác động tích cực:</b> Nếu tăng trưởng kinh tế ổn định đảm bảo điều kiện vật chất cho sự phát triển giải quyết tốt các vấn đề xã hội. => là tiêu chí hàng đầu của phát triển bền vững	<b>Tác động tiêu cực:</b> Nếu tăng trưởng không gắn với mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường Gây ra sự bất ổn trong xã hội ảnh hưởng không tốt đến môi trường kinh doanh làm cản trở đến phát triển kinh tế, không thực hiện được phát triển bền vững.
---	---

**b. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững**

- Tăng trưởng kinh tế là nội dung, điều kiện cần thiết của phát triển bền vững.
- Tăng trưởng kinh tế không chú trọng đến phát triển bền vững sẽ dẫn đến nhiều hậu quả tiêu cực, -cản trở sự phát triển của quốc gia
- Phát triển bền vững , nâng cao chất lượng tăng trưởng, thực hiện các chính sách phát triển xã hội tạo điều kiện giữ vững ổn định chính trị , nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**DẠNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO BÀI 1**

**Câu 1:** Tiêu chí nào dưới đây không phải là chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng kinh tế?

- A. Tổng thu nhập quốc dân. **B. Tổng doanh số bán hàng.**
- C. Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người. **D. Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người.**

**Câu 2:** Dùng để biểu thị thu nhập của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định được tính bằng tổng thu nhập từ hàng hóa, dịch vụ cuối cùng do công dân của quốc gia đó tạo ra trong một năm là

- A. tổng thu nhập quốc nội (GDP). **B. tổng thu nhập quốc dân trên đầu người.**
- C. tổng thu nhập quốc nội trên đầu người. **D. tổng thu nhập quốc dân (GNI).**

**Câu 3:** Cụm từ GDP/người là một trong những chỉ tiêu thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế nó thể hiện nội dung nào dưới đây?

- A. Tổng sản phẩm quốc nội. **B. Tổng sản phẩm quốc dân theo đầu người.**
- C. Tổng sản phẩm quốc dân. **D. Tổng sản phẩm quốc nội theo đầu người.**

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 4:** Giá trị bằng tiền của tất cả các hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trên lãnh thổ một nước trong thời gian nhất định được gọi là

- A. tổng thu nhập quốc dân (GNI).  
B. tổng thu nhập quốc nội (GDP).  
C. tổng thu nhập quốc nội trên đầu người.  
D. tổng thu nhập quốc dân trên đầu người.

**Câu 5:** Cụm từ GNI là một trong những chỉ tiêu thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế nó thể hiện nội dung nào dưới đây?

- A. Tổng thu nhập quốc dân.  
B. Tổng sản phẩm quốc nội theo đầu người.  
C. Tổng thu nhập quốc dân theo đầu người.  
D. Tổng sản phẩm quốc nội.

**Câu 6:** Phát biểu nào dưới đây là sai về chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế?

- A. Mức tăng tổng sản phẩm quốc nội trong một thời kỳ nhất định.  
B. Mức tăng tổng thu nhập quốc dân trong một thời kỳ nhất định.  
C. Mức tăng chỉ số gia tiêu dùng của một nền kinh tế hàng năm.  
D. Mức tăng thu nhập quốc dân bình quân đầu người hàng năm.

**Câu 7:** Em hãy đánh giá Đúng/Sai ở mỗi nhận định dưới đây về tăng trưởng kinh tế.

- A. Thu nhập bình quân đầu người là tiêu chí duy nhất để đánh giá tăng trưởng kinh tế. **S**  
B. Tăng trưởng là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. **S**  
C. Tăng trưởng kinh tế là một trong những tiêu chí của phát triển kinh tế. **Đ**  
D. Tăng trưởng kinh tế góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân. **Đ**

**Câu 8:** Đối với mỗi quốc gia, phát triển kinh tế thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu ngành.  
B. Chuyển dịch vùng sản xuất.  
C. Chuyển dịch việc phân phối.  
D. Chuyển đổi mô hình tiền tệ.

**Câu 9:** Phát biểu nào sau đây là sai về các chỉ tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế?

- A. Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng của tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và tổng thu nhập quốc dân (GNI).  
B. GDP là một trong những thước đo đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế của quốc gia trong thời điểm nhất định.  
C. Có thể đánh giá mức sống, phân hoá giàu nghèo, xác định tỉ lệ nghèo của một quốc gia bằng tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người.  
D. Phát triển kinh tế là sự tăng tiến về mọi mặt kinh tế, chính trị, xã hội của một quốc gia.

**Câu 10:** Khi đánh giá sự phát triển kinh tế của một quốc gia, người ta không căn cứ vào chỉ số nào dưới đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.  
B. Tiến bộ và công bằng xã hội.  
C. Lạm phát và thất nghiệp.  
D. Tốc độ tăng trưởng kinh tế.

**Câu 11:** Phát biểu nào dưới đây là sai về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển kinh tế?

- A. Phát triển bền vững là sự bảo đảm để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.  
B. Tăng trưởng kinh tế là điều kiện để thúc đẩy phát triển bền vững.  
C. Một quốc gia muốn phát triển kinh tế chỉ cần đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế.  
D. Các quốc gia đều đặt mục tiêu phát triển bền vững nhưng muốn phát triển được phải dựa vào tăng trưởng kinh tế.

**Câu 12:** Phát biểu nào dưới đây là sai về vai trò của phát triển kinh tế?

- A. Phát triển kinh tế góp phần giảm bớt chênh lệch trình độ phát triển.  
B. Phát triển kinh tế góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa đất nước.  
C. Phát triển kinh tế nhanh sẽ kéo theo việc tàn phá tài nguyên gia tăng.  
D. Phát triển kinh tế tạo điều kiện để phát triển văn hóa, giáo dục.

**Câu 13:** Nội dung nào dưới đây không phải là chỉ tiêu để đánh giá sự phát triển kinh tế của một quốc gia

- A. Thực hiện chính sách an sinh xã hội.  
B. Công tác giải quyết việc làm, bảo hiểm.  
C. Tỷ lệ lạm phát và tăng giá hàng tiêu dùng.  
D. Thu nhập bình quân đầu người (GNI/người).

**Câu 14:** Một nền kinh tế được coi là phát triển khi cơ cấu lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ phải lớn hơn lao động tham gia vào khu vực

- A. công nghiệp.  
B. nông nghiệp.  
C. vận tải.  
D. dịch vụ.

**Câu 15:** Giải quyết tốt vấn đề nào dưới đây sẽ góp phần nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI) ở nước ta hiện nay?

- A. Giải quyết việc làm và thu nhập.  
B. Gia tăng tỷ trọng ngành dịch vụ.  
C. Phát triển nông nghiệp hữu cơ.  
D. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 16.** Việc thực hiện tốt công tác xóa đói giảm nghèo sẽ góp phần trực tiếp vào việc thực hiện mục tiêu nào dưới đây của phát triển kinh tế?

- A. Chỉ số lạm phát tự nhiên. B. Chỉ số thất nghiệp cơ cấu.  
C. Chỉ số phát triển con người. D. Chỉ số lao động, việc làm.

**Câu 17.** Chọn đáp án đúng sai trong các ý sau

- A. Chỉ số phát triển con người (HDI) tỷ lệ thuận với tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước. **D**  
B. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế của một quốc gia. **S**  
C. Trình độ của người lao động là tiêu chí để đánh giá sự phát triển kinh tế. **S**  
D. Thực hiện nền kinh tế xanh, nền kinh tế tuần hoàn, nền kinh tế hướng tới con người là mục tiêu của tăng trưởng kinh tế. **S**

**GIẢI THÍCH: CÂU 17**

- a) Chỉ số phát triển con người (HDI) tỷ lệ thuận với tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước. *Đúng, vì khi tăng trưởng kinh tế cao sẽ tạo những tiền đề vật chất để thực hiện các mục tiêu về con người.*  
b) Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế của một quốc gia. *Sai, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo nó là tiêu chí để đánh giá sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.*  
c) Trình độ của người lao động là tiêu chí để đánh giá sự phát triển kinh tế. *Sai, đây chỉ nói về trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.*  
d) Thực hiện nền kinh tế xanh, nền kinh tế tuần hoàn, nền kinh tế hướng tới con người là mục tiêu của tăng trưởng kinh tế. *Sai, đây là những nội dung cơ bản phản ánh sự phát triển bền vững.*

**Câu 18:** Một trong những thước đo để đánh giá mức tăng trưởng kinh tế của một quốc gia đó là dựa vào

- A. mức tăng tổng sản phẩm quốc nội. B. chỉ tiêu về tiến bộ xã hội.  
C. mức tăng chỉ số phát triển con người. D. chỉ tiêu về cơ cấu kinh tế.

**Câu 19:** Trong các chỉ tiêu về tiến bộ xã hội, chỉ tiêu nào dưới đây không là căn cứ để đánh giá sự phát triển kinh tế của một quốc gia?

- A. Chỉ số đói nghèo dân cư. B. Chỉ số phát triển con người.  
C. Chỉ số lạm phát theo thời kỳ. D. Chỉ số bất bình đẳng thu nhập.

**Câu 20:** Phát biểu nào dưới đây là sai về phát triển kinh tế?

- A. Phát triển kinh tế là quá trình tăng tiến về mọi mặt của nền kinh tế.  
B. Muốn phát triển kinh tế cần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao.  
C. Mục tiêu cuối cùng của phát triển kinh tế là xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại.  
D. Phát triển kinh tế góp phần giảm bớt chênh lệch vùng miền.

**Câu 21:** Phát biểu nào dưới đây là sai về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển kinh tế?

- A. Một quốc gia muốn phát triển kinh tế chỉ cần đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế.  
B. Phát triển bền vững là sự bảo đảm để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.  
C. Tăng trưởng kinh tế là điều kiện để thúc đẩy phát triển bền vững.  
D. Các quốc gia đều đặt mục tiêu phát triển bền vững nhưng muốn phát triển được phải dựa vào tăng trưởng kinh tế.

**Câu 22:** Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của tăng trưởng kinh tế đối với việc xóa đói giảm nghèo ở nước ta?

- A. Tăng trưởng kinh tế làm gia tăng tỷ lệ đói nghèo. B. Xóa đói giảm nghèo sẽ hạn chế sự tăng trưởng kinh tế.  
C. Tăng trưởng kinh tế là cơ sở để xóa đói giảm nghèo. D. Xóa đói giảm nghèo sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**Câu 23: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Theo Tổng cục Thống kê công bố, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023 đạt 5,05% và có xu hướng tăng dần theo thời gian, quý IV đạt 6,72%, cao nhất so với quý III, II và quý I (tương ứng đạt 5,47, 4,25% và 3,41%), cao hơn mức trung bình của thế giới và khu vực cũng như nhiều nước trong giai đoạn tăng trưởng nhanh.

- A. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 đạt mức cao nhất so với các năm trước đó. **D**  
B. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 sẽ tỉ lệ thuận với mức thu nhập và đời sống của người dân. **D**  
C. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 cho thấy Việt Nam là quốc gia có mức sống cao. **S**  
D. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 là căn cứ để so sánh với sự tăng trưởng kinh tế của năm 2024. **D**

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Giải thích Câu 23:** Theo Tổng cục Thống kê công bố, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023 đạt 5,05% và có xu hướng tăng dần theo thời gian, quý IV đạt 6,72%, cao nhất so với quý III, II và quý I (tương ứng đạt 5,47, 4,25% và 3,41%), cao hơn mức trung bình của thế giới và khu vực cũng như nhiều nước trong giai đoạn tăng trưởng nhanh.

- a) Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 đạt mức cao nhất so với các năm trước đó. ( Đúng vì tốc độ tăng trưởng dương tức là đã bằng năm trước đó và tăng thêm)
- b) Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 sẽ tỉ lệ thuận với mức thu nhập và đời sống của người dân. ( Đúng vì GDP tăng sẽ làm cho thu nhập theo đầu người tăng)
- c) Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 cho thấy Việt Nam là quốc gia có mức sống cao. ( Sai, GDP không phản ánh mức sống của người dân)
- d) Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 là căn cứ để so sánh với sự tăng trưởng kinh tế của năm 2024. ( Đúng, tốc độ tăng trưởng kinh tế của năm sau sẽ lấy năm trước làm căn cứ)

**Câu 24:** Theo Tổng cục Thống kê năm 2022, tổng tỷ lệ nghèo đa chiều cả nước là 9,35%, trong đó, tỷ lệ hộ nghèo là 5,2% và tỷ lệ hộ cận nghèo là 4,15%. Theo báo cáo, Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam là 0,703 vào năm 2021, tăng hai bậc trên bảng xếp hạng toàn cầu, lên vị trí 115/191 quốc gia, thuộc nhóm trung bình cao của thế giới. Điều này cho thấy, kinh tế, xã hội của nước ta đang tiếp tục phát triển và là điểm sáng thứ hai châu Á về tốc độ tăng GDP, cải thiện về thu hút FDI, vốn gián tiếp, kiều hối và phát triển du lịch, nông nghiệp và một số ngành công nghiệp phụ trợ gắn với xuất khẩu. Để thực hiện và giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, tiến bộ và công bằng xã hội, nhất định chúng ta phải xây dựng môi trường xã hội chủ nghĩa trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với một hệ giá trị thật sự tiến bộ.

- A. Chỉ số phát triển con người (HDI) tỷ lệ thuận với tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước. **Đ**
- B. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế của một quốc gia. **S**
- C. Việt Nam đã giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng và phát triển kinh tế. **Đ**
- D. Thực hiện nền kinh tế xanh, nền kinh tế tuần hoàn, nền kinh tế hướng tới con người là mục tiêu của tăng trưởng kinh tế. **S**

**Giải thích Câu 24:** Theo Tổng cục Thống kê năm 2022, tổng tỷ lệ nghèo đa chiều cả nước là 9,35%, trong đó, tỷ lệ hộ nghèo là 5,2% và tỷ lệ hộ cận nghèo là 4,15%. Theo báo cáo, Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam là 0,703 vào năm 2021, tăng hai bậc trên bảng xếp hạng toàn cầu, lên vị trí 115/191 quốc gia, thuộc nhóm trung bình cao của thế giới. Điều này cho thấy, kinh tế, xã hội của nước ta đang tiếp tục phát triển và là điểm sáng thứ hai châu Á về tốc độ tăng GDP, cải thiện về thu hút FDI, vốn gián tiếp, kiều hối và phát triển du lịch, nông nghiệp và một số ngành công nghiệp phụ trợ gắn với xuất khẩu. Để thực hiện và giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, tiến bộ và công bằng xã hội, nhất định chúng ta phải xây dựng môi trường xã hội chủ nghĩa trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với một hệ giá trị thật sự tiến bộ.

- a) Chỉ số phát triển con người (HDI) tỷ lệ thuận với tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước. *Đúng, vì khi tăng trưởng kinh tế cao sẽ tạo những tiền đề vật chất để thực hiện các mục tiêu về con người.*
- b) Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế của một quốc gia. *Sai, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo nó là tiêu chí để đánh giá sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.*
- c) Việt Nam đã giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng và phát triển kinh tế. *Đúng, những kết quả đạt được về tốc độ tăng GDP, về tỷ lệ hộ nghèo, về chỉ số con người đã phản ánh nước ta giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng và phát triển kinh tế*
- d) Thực hiện nền kinh tế xanh, nền kinh tế tuần hoàn, nền kinh tế hướng tới con người là mục tiêu của tăng trưởng kinh tế. *Sai, đây là những nội dung cơ bản phản ánh sự phát triển bền vững.*

**Câu 25:** Về cơ cấu nền kinh tế năm 2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,96%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,12%; khu vực dịch vụ chiếm 42,54%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,38%. Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2023 ước đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD. GDP bình quân đầu người năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 101,9 triệu đồng/người, tương đương 4.284,5 USD, tăng 160 USD so với năm 2022. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 199,3 triệu đồng/lao động (tương đương 8.380 USD/lao động, tăng 274 USD so với năm 2022); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 3,65% do trình độ của

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2023 ước đạt 27%, cao hơn 0,6 điểm phần trăm so với năm 2022).

- A. Cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch chưa phù hợp với các chỉ tiêu về phát triển kinh tế.
- B. Thu nhập 4284,5USD/1 người năm 2023 thể hiện thu nhập quốc dân bình quân theo đầu người của nước ta.
- C. Năng suất lao động là một chỉ tiêu cơ bản phản ánh sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của một quốc gia.
- D. Trình độ của người lao động là tiêu chí để đánh giá sự phát triển kinh tế.

**Giải thích Câu 25:** Về cơ cấu nền kinh tế năm 2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,96%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,12%; khu vực dịch vụ chiếm 42,54%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,38%. Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2023 ước đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD. GDP bình quân đầu người năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 101,9 triệu đồng/người, tương đương 4.284,5 USD, tăng 160 USD so với năm 2022. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 199,3 triệu đồng/lao động (tương đương 8.380 USD/lao động, tăng 274 USD so với năm 2022); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 3,65% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2023 ước đạt 27%, cao hơn 0,6 điểm phần trăm so với năm 2022).

- a) Cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch chưa phù hợp với các chỉ tiêu về phát triển kinh tế. *Sai, cơ cấu ngành kinh tế chuyển biến tích cực, công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn, nông nghiệp ngày càng giảm.*
- b) Thu nhập 4284,5USD/1 người năm 2023 thể hiện thu nhập quốc dân bình quân theo đầu người của nước ta. *Sai đây là thu nhập quốc nội theo đầu người ( GDP/người)*
- c) Năng suất lao động là một chỉ tiêu cơ bản phản ánh sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của một quốc gia. *Sai, đây chỉ nói về trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.*
- d) Trình độ của người lao động là tiêu chí để đánh giá sự phát triển kinh tế. *Sai, đây chỉ nói về trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.*

**Câu 26:** Tiêu chí nào dưới đây không phải là chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng kinh tế?

- A. Tổng thu nhập quốc dân.
- B. Tổng doanh số bán hàng.**
- C. Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người.
- D. Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người.

**Câu 27:** Dùng để biểu thị thu nhập của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định được tính bằng tổng thu nhập từ hàng hóa, dịch vụ cuối cùng do công dân của quốc gia đó tạo ra trong một năm là

- A. tổng thu nhập quốc nội ( GDP).                      **B. tổng thu nhập quốc dân trên đầu người.**
- C. tổng thu nhập quốc nội trên đầu người.        **D. tổng thu nhập quốc dân (GNI).**

**Câu 28:** Cụm từ GDP/người là một trong những chỉ tiêu thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế nó thể hiện nội dung nào dưới đây?

- A. Tổng sản phẩm quốc nội.                      **B. Tổng sản phẩm quốc dân theo đầu người**
- C. Tổng sản phẩm quốc dân.                      **D. Tổng sản phẩm quốc nội theo đầu người.**

**Câu 29:** Giá trị bằng tiền của tất cả các hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trên lãnh thổ một nước trong thời gian nhất định được gọi là

- A. tổng thu nhập quốc dân (GNI).                      **B. tổng thu nhập quốc nội (GDP).**
- C. tổng thu nhập quốc nội trên đầu người.        **D. tổng thu nhập quốc dân trên đầu người.**

**Câu 30:** Cụm từ GNI là một trong những chỉ tiêu thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế nó thể hiện nội dung nào dưới đây?

- A. Tổng thu nhập quốc dân.**                      **B. Tổng sản phẩm quốc nội theo đầu người**
- C. Tổng thu nhập quốc dân theo đầu người.        **D. Tổng sản phẩm quốc nội.**

**Câu 31:** Phát biểu nào dưới đây là sai về chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế?

- A. Mức tăng tổng sản phẩm quốc nội trong một thời kỳ nhất định.
- B. Mức tăng tổng thu nhập quốc dân trong một thời kỳ nhất định.
- C. Mức tăng chỉ số gia tiêu dùng của một nền kinh tế hàng năm.**
- D. Mức tăng thu nhập quốc dân bình quân đầu người hàng năm.

**Câu 32:** Em hãy đánh giá Đúng/Sai ở mỗi nhận định dưới đây về tăng trưởng kinh tế.

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

A. Thu nhập bình quân đầu người là tiêu chí duy nhất để đánh giá tăng trưởng kinh tế. - S

B. Tăng trưởng là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. - S

C. Tăng trưởng kinh tế là một trong những tiêu chí của phát triển kinh tế. - Đ

D. Tăng trưởng kinh tế góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân. - Đ

**Câu 33.** Đối với mỗi quốc gia, phát triển kinh tế thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

A. Chuyển dịch cơ cấu ngành.

B. Chuyển dịch vùng sản xuất.

C. Chuyển dịch việc phân phối.

D. Chuyển đổi mô hình tiền tệ.

**Câu 34.** Phát biểu nào sau đây là **sai** về các chỉ tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế?

A. Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng của tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và tổng thu nhập quốc dân (GNI).

B. GDP là một trong những thước đo đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế của quốc gia trong thời điểm nhất định.

C. Có thể đánh giá mức sống, phân hoá giàu nghèo, xác định tỉ lệ nghèo của một quốc gia bằng tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người.

D. Phát triển kinh tế là sự tăng tiến về mọi mặt kinh tế, chính trị, xã hội của một quốc gia.

**Câu 35.** Khi đánh giá sự phát triển kinh tế của một quốc gia, người ta **không** căn cứ vào chỉ số nào dưới đây?

A. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

B. Tiến bộ và công bằng xã hội.

C. Lạm phát và thất nghiệp.

D. Tốc độ tăng trưởng kinh tế.

**Câu 36.** Phát biểu nào dưới đây là **sai** về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển kinh tế?

A. Phát triển bền vững là sự bảo đảm để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

B. Tăng trưởng kinh tế là điều kiện để thúc đẩy phát triển bền vững.

C. Một quốc gia muốn phát triển kinh tế chỉ cần đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế.

D. Các quốc gia đều đặt mục tiêu phát triển bền vững nhưng muốn phát triển được phải dựa vào tăng trưởng kinh tế.

**Câu 37.** Phát biểu nào dưới đây là **sai** về vai trò của phát triển kinh tế?

A. Phát triển kinh tế góp phần giảm bớt chênh lệch trình độ phát triển.

B. Phát triển kinh tế góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa đất nước

C. Phát triển kinh tế nhanh sẽ kéo theo việc tàn phá tài nguyên gia tăng.

D. Phát triển kinh tế tạo điều kiện để phát triển văn hóa, giáo dục.

**Câu 38.** Nội dung nào dưới đây **không** phải là chỉ tiêu để đánh giá sự phát triển kinh tế của một quốc gia?

A. Thực hiện chính sách an sinh xã hội.

B. Công tác giải quyết việc làm, bảo hiểm.

C. Tỷ lệ lạm phát và tăng giá hàng tiêu dùng.

D. Thu nhập bình quân đầu người (GNI/người)

**Câu 39.** Một nền kinh tế được coi là phát triển khi cơ cấu lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ phải lớn hơn lao động tham gia vào khu vực

A. công nghiệp. B. nông nghiệp. C. vận tải. D. dịch vụ.

**Câu 40.** Giải quyết tốt vấn đề nào dưới đây sẽ góp phần nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI) ở nước ta hiện nay?

A. Giải quyết việc làm và thu nhập.

B. Gia tăng tỷ trọng ngành dịch vụ.

C. Phát triển nông nghiệp hữu cơ.

D. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**Câu 41.** Việc thực hiện tốt công tác xóa đói giảm nghèo sẽ góp phần trực tiếp vào việc thực hiện mục tiêu nào dưới đây của phát triển kinh tế?

A. Chỉ số lạm phát tự nhiên

B. Chỉ số thất nghiệp cơ cấu.

C. Chỉ số phát triển con người.

D. Chỉ số lao động, việc làm.

**Câu 42.** Chọn đáp án đúng **sai** trong các ý sau?

A. Chỉ số phát triển con người (HDI) tỷ lệ thuận với tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước. Đ

B. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế của một quốc gia. S

C. Trình độ của người lao động là tiêu chí để đánh giá sự phát triển kinh tế. S

D. Thực hiện nền kinh tế xanh, nền kinh tế tuần hoàn, nền kinh tế hướng tới con người là mục tiêu của tăng trưởng kinh tế. S

### GIẢI THÍCH:

a) Chỉ số phát triển con người (HDI) tỷ lệ thuận với tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước. *Đúng*, vì khi tăng trưởng kinh tế cao sẽ tạo những tiền đề vật chất để thực hiện các mục tiêu về con người.

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

b) Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế của một quốc gia. *Sai, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo nó là tiêu chí để đánh giá sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.*

c) Trình độ của người lao động là tiêu chí để đánh giá sự phát triển kinh tế. *Sai, đây chỉ nói về trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.*

d) Thực hiện nền kinh tế xanh, nền kinh tế tuần hoàn, nền kinh tế hướng tới con người là mục tiêu của tăng trưởng kinh tế. *Sai, đây là những nội dung cơ bản phản ánh sự phát triển bền vững.*

**Câu 43 :** Đối với mỗi quốc gia, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nào dưới đây là tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế ?

A. Cơ cấu vùng kinh tế.      B. Cơ cấu lãnh thổ.      C. Cơ cấu ngành kinh tế.      D. Cơ cấu thu nhập.

**Câu 44.** Khi đánh giá sự phát triển kinh tế, người ta không căn cứ vào sự tăng lên của yếu tố nào dưới đây?

A. Mức thu nhập của người dân.      B. Chỉ số giá cả của hàng hóa.  
C. Chỉ số bất bình đẳng xã hội.      D. Chỉ số phát triển con người.

**Câu 45 :** Một trong những thước đo để đánh giá mức tăng trưởng kinh tế của một quốc gia đó là dựa vào

A. mức tăng tổng sản phẩm quốc nội.      B. chỉ tiêu về tiến bộ xã hội.  
C. mức tăng chỉ số phát triển con người.      D. chỉ tiêu về cơ cấu kinh tế.

**Câu 46:** Trong các chỉ tiêu về tiến bộ xã hội, chỉ tiêu nào dưới đây không là căn cứ để đánh giá sự phát triển kinh tế của một quốc gia ?

A. Chỉ số đói nghèo dân cư      B. Chỉ số phát triển con người.  
C. Chỉ số lạm phát theo thời kỳ.      D. Chỉ số bất bình đẳng thu nhập.

**Câu 47:** Phát biểu nào dưới đây là **sai** về phát triển kinh tế ?

A. Phát triển kinh tế là quá trình tăng tiến về mọi mặt của nền kinh tế.  
B. Muốn phát triển kinh tế cần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao.  
C. Mục tiêu cuối cùng của phát triển kinh tế là xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại.  
D. Phát triển kinh tế góp phần giảm bớt chênh lệch vùng miền.

**Câu 48:** Phát biểu nào dưới đây là sai về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển kinh tế ?

A. Một quốc gia muốn phát triển kinh tế chỉ cần đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế.  
B. Phát triển bền vững là sự bảo đảm để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.  
C. Tăng trưởng kinh tế là điều kiện để thúc đẩy phát triển bền vững.

D. Các quốc gia đều đặt mục tiêu phát triển bền vững nhưng muốn phát triển được phải dựa vào tăng trưởng kinh tế.

**Câu 49:** Sự phát triển nào dưới đây phản ánh sự chuyển biến tổng hợp của nền kinh tế cả về số lượng và chất lượng ?

A. Phát triển việc làm.      B. Tỷ lệ lạm phát.      C. Tăng trưởng kinh tế. D. Phát triển kinh tế.

**Câu 50:** Khi đánh giá sự phát triển kinh tế, người ta **không** căn cứ vào sự tăng lên của yếu tố nào dưới đây ?

A. Mức thu nhập của người dân.      B. Chỉ số giá cả của hàng hóa.  
C. Chỉ số bất bình đẳng xã hội.      D. Chỉ số phát triển con người.

**Câu 51:** Nội dung nào dưới đây không phải là chỉ tiêu để đánh giá sự phát triển kinh tế?

A. Thực hiện chính sách an sinh xã hội.      B. Công tác giải quyết việc làm, bảo hiểm.  
C. Thu nhập bình quân đầu người (GNI/người).      D. Tỷ lệ lạm phát và tăng giá hàng tiêu dùng

**Câu 52:** Nội dung nào dưới đây **không** phải là chỉ tiêu để đánh giá sự phát triển kinh tế của nước ta ?

A. Chuyển dịch cơ cấu lao động.      B. Chuyển dịch cơ cấu ngành.  
C. Năng suất lao động xã hội      D. Vấn đề việc làm và thu nhập.

**Câu 53:** Tăng trưởng kinh tế là trong thời kì nhất định nền kinh tế

A. giảm về quy mô, sản lượng.      B. tăng lên về quy mô, sản lượng.  
C. đảm bảo chỉ tiêu năm trước.      D. giá cả hàng hóa tăng nhanh.

**Câu 54:** Yếu tố nào sau đây **không** phải là chỉ tiêu của phát triển kinh tế?

A. Sự gia tăng dân số.      B. Thu nhập bình quân đầu người.  
C. Mức tăng tổng sản phẩm quốc nội.      D. Những thay đổi về cơ cấu kinh tế.

**Câu 55:** Phát biểu nào sau đây là **sai** về tăng trưởng kinh tế?

A. Tăng trưởng kinh tế là tăng lên về quy mô sản lượng của nền kinh tế.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**B.** Tổng thu nhập quốc dân là một trong những căn cứ đánh giá tăng trưởng kinh tế.

**C.** Việt Nam và các quốc gia khác trong ASEAN đều có tăng trưởng kinh tế như nhau.

**D.** Tăng trưởng kinh tế được tính trong một thời kì nhất định.

**Câu 56:** Sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lí, đảm bảo tiến bộ xã hội là

**A.** tổng sản phẩm quốc nội. **B.** phát triển kinh tế. **C.** phát triển xã hội. **D.** tăng trưởng kinh tế.

**Câu 57:** Tăng trưởng, phát triển kinh tế là điều kiện tiên quyết để nước ta

**A.** khắc phục tình trạng tụt hậu.

**B.** tài trợ hoạt động từ thiện.

**C.** tìm kiếm thị trường.

**D.** đa dạng nền kinh tế.

**Câu 58:** Phát biểu nào sau đây **sai** về vai trò của tăng trưởng, phát triển kinh tế?

**A.** Tăng trưởng, phát triển kinh tế tạo điều kiện giải quyết việc làm cho đất nước.

**B.** Tăng trưởng, phát triển kinh tế góp phần giải quyết tình trạng đói nghèo.

**C.** Tăng trưởng, phát triển kinh tế tạo điều kiện củng cố quốc phòng an ninh.

**D.** Tăng trưởng, phát triển kinh tế tạo điều kiện cho mọi công dân có thu nhập bằng nhau.

**Câu 59:** Hành vi nào dưới đây kìm hãm sự tăng trưởng, phát triển kinh tế đất nước?

**A.** Sản xuất hàng giả, hàng nhái.

**B.** Tạo việc làm cho người lao động

**C.** Tìm kiếm thị trường tiêu thụ.

**D.** Đóng thuế theo quy định.

**Câu 60:** Việc làm nào dưới đây góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế đất nước?

**A.** Sản xuất hàng giả, hàng nhái.

**B.** Ứng dụng công nghệ 4.0 vào sản xuất.

**C.** Nợ lương của người lao động.

**D.** Gian lận thuế, nợ thuế, trốn thuế.

**Câu 61:** Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững

**A.** có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

**B.** độc lập với nhau.

**C.** cản trở nhau phát triển.

**D.** triệt tiêu nhau.

**Câu 62:** GDP là tiêu chí nào trong các chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng kinh tế?

**A.** Tổng thu nhập quốc nội bình quân đầu người.

**B.** Tổng sản phẩm quốc nội.

**C.** Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người.

**D.** Tổng thu nhập quốc dân.

### DẠNG 2

**Câu 1:** Phát biểu nào dưới đây là sai về phát triển kinh tế?

**A.** Phát triển kinh tế là kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và tăng trưởng về xã hội.

**B.** Phát triển kinh tế là sự tăng tiến mọi mặt về kinh tế - xã hội của một quốc gia.

**C.** Phát triển kinh tế là quá trình biến đổi về lương của một quốc gia trong thời gian nhất định.

**D.** Phát triển kinh tế là quá trình tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ xã hội.

**Câu 2:** Khi đánh giá sự phát triển kinh tế của một quốc gia, người ta **không** căn cứ vào tiêu chí nào dưới đây?

**A.** Cơ cấu vùng kinh tế.

**B.** Cơ cấu ngành kinh tế.

**C.** Tiềm lực quốc phòng.

**D.** Cơ cấu thành phần kinh tế.

**Câu 3:** Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững được thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

**A.** Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững không liên quan đến nhau.

**B.** Tăng trưởng kinh tế không gây ảnh hưởng đến phát triển bền vững.

**C.** Tăng trưởng kinh tế quan trọng nhưng không đảm bảo phát triển bền vững.

**D.** Tăng trưởng kinh tế là điều kiện tiên quyết để đạt được phát triển bền vững.

**Câu 4:** Đối với mỗi quốc gia, phát triển kinh tế thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

**A.** Chuyển dịch vùng sản xuất.

**B.** Chuyển dịch cơ cấu ngành.

**C.** Chuyển dịch việc phân phối.

**D.** Chuyển đổi mô hình tiền tệ.

**Câu 5:** Trong mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển kinh tế thì tăng trưởng kinh tế **không** đóng vai trò nào dưới đây đối với phát triển kinh tế?

**A.** Là nội dung của phát triển bền vững.

**B.** Là động lực của phát triển xã hội.

**C.** Là điều kiện cần thiết thiết để phát triển bền vững. **D.** Là nhân tố bên ngoài của phát triển bền vững.

**Câu 6:** Dùng để biểu thị thu nhập của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định được tính bằng tổng thu nhập từ hàng hóa, dịch vụ cuối cùng do công dân của quốc gia đó tạo ra trong một năm là

**A.** tổng thu nhập quốc nội ( GDP).

**B.** tổng thu nhập quốc dân trên đầu người.

**C.** tổng thu nhập quốc nội trên đầu người.

**D.** tổng thu nhập quốc dân ( GNI).

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 7:** Yếu tố nào dưới đây là chỉ tiêu của phát triển kinh tế?

- A. Mức sống bình dân. B. Tiến bộ xã hội. C. Cơ cấu dòng tiền. D. Tăng trưởng dân số.

**Câu 8:** Cụm từ GDP/người là một trong những chỉ tiêu thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế nó thể hiện nội dung nào dưới đây?

- A. Tổng sản phẩm quốc nội. B. Tổng sản phẩm quốc dân theo đầu người.  
C. Tổng sản phẩm quốc dân. D. Tổng sản phẩm quốc nội theo đầu người.

**Câu 9:** Đối với mỗi quốc gia, vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế thể hiện ở việc, thông qua tăng trưởng và phát triển kinh tế sẽ góp phần

- A. tăng tỷ lệ đói nghèo đa chiều. B. gia tăng phân hóa giàu nghèo.  
C. giải quyết tốt vấn đề việc làm. D. gia tăng lệ thuộc vào thế giới.

**Câu 10:** Phát biểu nào dưới đây là đúng về phát triển kinh tế?

- A. Mục tiêu cuối cùng của phát triển kinh tế là xây dựng được cơ cấu kinh tế hiện đại.

B. Phát triển kinh tế là quá trình tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ xã hội.

C. Phát triển kinh tế là quá trình biến đổi về lượng của nền kinh tế

D. Muốn phát triển kinh tế cần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao.

**Câu 11:** Tăng trưởng kinh tế được biểu hiện ở nội dung nào dưới đây?

A. Tập trung đến sự tiến bộ về phân phối thu nhập. B. Đảm bảo phát triển bền vững về môi trường.

C. Sự gia tăng quy mô sản lượng của nền kinh tế. D. Chú trọng vào cải thiện chất lượng cuộc sống.

**Câu 12:** Phát biểu nào dưới đây là sai về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển kinh tế?

A. Tăng trưởng, phát triển kinh tế tạo điều kiện để phát triển văn hoá, giáo dục.

B. Một quốc gia muốn phát triển bền vững, chỉ cần đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế.

C. Phát triển kinh tế góp phần giảm bớt chênh lệch trình độ phát triển giữa các vùng.

D. Phát triển kinh tế góp phần thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế.

**Câu 13:** Tăng trưởng và phát triển kinh tế **không** có vai trò nào dưới đây?

A. Thực hiện phân phối công bằng.

B. Nâng cao mức sống người dân.

C. Gia tăng khoảng cách giàu nghèo.

D. Thu hẹp khoảng cách các vùng.

**Câu 14:** Phát biểu nào sau đây là sai về các chỉ tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế?

A. Phát triển kinh tế góp phần thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế

B. Tăng trưởng, phát triển kinh tế tạo điều kiện để phát triển văn hoá, giáo dục.

C. Tăng trưởng kinh tế là thước đo năng lực của một quốc gia biểu hiện qua quy mô tăng trưởng và tốc độ tăng trưởng.

D. Phát triển kinh tế là quá trình biến đổi về lượng của nền kinh tế ở một quốc gia trong khoảng thời gian nhất định.

**Câu 15:** Nội dung nào dưới đây **không** phải là tiêu chí thể hiện sự tăng trưởng kinh tế của một quốc gia?

A. Sự gia tăng thu nhập của người dân.

B. Sự gia tăng của dân số.

C. Sự gia tăng của hàng hóa.

D. Sự gia tăng mức sống của người dân.

**Câu 16:** Quá trình tăng trưởng kinh tế gắn liền với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đảm bảo tiến bộ xã hội là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. Phát triển kinh tế. B. Tăng trưởng kinh tế. C. Hội nhập kinh tế. D. Kinh tế đối ngoại.

**Câu 17:** Đối với mỗi quốc gia, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nào dưới đây là tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế?

A. Cơ cấu vùng kinh tế. B. Cơ cấu lãnh thổ. C. Cơ cấu ngành kinh tế. D. Cơ cấu thu nhập.

**Câu 18:** Đối với mỗi quốc gia, tăng trưởng kinh tế có vai trò nào dưới đây đối với sự phát triển bền vững?

A. Độc lập.

B. Mục đích.

C. Nội dung.

D. Hậu quả.

**Câu 19:** Giá trị bằng tiền của tất cả các hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trên lãnh thổ một nước trong thời gian nhất định được gọi là

A. tổng thu nhập quốc dân ( GNI).

B. tổng thu nhập quốc nội ( GDP).

C. tổng thu nhập quốc nội trên đầu người.

D. tổng thu nhập quốc dân trên đầu người.

**Câu 20:** Phát biểu nào sau đây là sai về các chỉ tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế?

A. Có thể đánh giá mức sống, phân hoá giàu nghèo, xác định tỉ lệ nghèo của một quốc gia bằng tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**B.** Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng của tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và tổng thu nhập quốc dân (GNI).

**C.** GDP là một trong những thước đo đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế của quốc gia trong thời điểm nhất định.

**D.** Phát triển kinh tế là sự tăng tiến về mọi mặt kinh tế, chính trị, xã hội của một quốc gia.

**Câu 21:** Trong mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển kinh tế nếu tăng trưởng kinh tế không hợp lý sẽ tác động như thế nào tới việc phát triển kinh tế của mỗi quốc gia?

**A.** Không tác động tới sự phát triển.

**B.** Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển

**C.** Kim hãm và tác động tiêu cực.

**D.** Thúc đẩy và tạo động lực.

**Câu 22:** Ngoài việc căn cứ vào sự tăng lên về thu nhập hay tổng giá trị hàng hóa và dịch vụ mà nền kinh tế tạo ra trong một thời kỳ nhất định, người ta còn căn cứ vào sự tăng lên của yếu tố nào dưới đây?

**A.** Thu nhập của đối tượng yếu thế.

**B.** Thu nhập trung bình của các quốc gia.

**C.** Thu nhập trung bình của người dân.

**D.** Thu nhập của tầng lớp thượng lưu.

**Câu 23:** Khi đánh giá sự phát triển kinh tế của một quốc gia, người ta **không** căn cứ vào chỉ số nào dưới đây?

**A.** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**B.** Lạm phát và thất nghiệp.

**C.** Tiên bộ và công bằng xã hội.

**D.** Tốc độ tăng trưởng kinh tế.

**Câu 24:** Cụm từ GNI là một trong những chỉ tiêu thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế nó thể hiện nội dung nào dưới đây?

**A.** Tổng thu nhập quốc dân.

**B.** Tổng thu nhập quốc dân theo đầu người.

**C.** Tổng sản phẩm quốc nội theo đầu người.

**D.** Tổng sản phẩm quốc nội.

**Câu 25:** Một trong những thước đo để đánh giá mức tăng trưởng kinh tế của một quốc gia đó là dựa vào

**A.** chỉ số giảm nghèo đa chiều.

**B.** tổng hàng hóa xuất khẩu.

**C.** tổng thu nhập quốc dân.

**D.** chỉ số phát triển bền vững.

**Câu 26:** Phát biểu nào dưới đây là đúng về chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế?

**A.** Mức tăng chỉ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập.

**B.** Mức tăng tổng thu nhập quốc dân trong một thời kỳ nhất định.

**C.** Mức tăng dân số của một quốc gia trong một thời kỳ nhất định.

**D.** Mức tăng thu nhập của từng cá nhân trong một thời kỳ nhất định.

**Câu 27:** Đối với mỗi quốc gia, tăng trưởng kinh tế là

**A.** quá trình phân phối lại tiền tệ.

**B.** sự mất giá của đồng tiền nội địa.

**C.** quá trình kiểm chế lạm phát.

**D.** sự gia tăng mức sống người dân.

**Câu 28:** Tăng trưởng và phát triển kinh tế **không** có vai trò nào dưới đây?

**A.** Phát triển lực lượng sản xuất.

**B.** Nâng cao năng xuất lao động.

**C.** Khai thác tiềm năng kinh tế.

**D.** Làm cạn kiệt nguồn tài nguyên.

**Câu 29:** Khi đánh giá sự phát triển kinh tế, người ta không căn cứ vào sự tăng lên của yếu tố nào dưới đây?

**A.** Mức thu nhập của người dân.

**B.** Chỉ số bất bình đẳng xã hội.

**C.** Chỉ số giá cả của hàng hóa.

**D.** Chỉ số phát triển con người.

**Câu 30:** Đối với một quốc gia tăng trưởng và phát triển kinh tế có vai trò quan trọng, là điều kiện cần thiết để

**A.** thúc đẩy tỷ lệ thất nghiệp.

**B.** gia tăng tỷ lệ lạm phát.

**C.** thúc đẩy phân hóa giàu nghèo.

**D.** khắc phục tình trạng đói nghèo.

**Câu 31:** Một quốc gia được coi là có sự phát triển về kinh tế khi cơ cấu ngành nông nghiệp giảm đi, cơ cấu ngành công nghiệp, dịch vụ có xu hướng

**A.** giảm theo.

**B.** tăng lên.

**C.** không đổi.

**D.** cân bằng.

**Câu 32:** Trong một cuộc thảo luận về phát triển kinh tế của một quốc gia, một nhóm học sinh đề xuất tăng cường đầu tư vào giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao năng lực của người lao động. Đề xuất của nhóm học sinh phản ánh thái độ

**A.** ủng hộ và đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế.

**B.** lạc quan nhưng không liên quan gì đến tăng trưởng kinh tế.

**C.** đồng tình nhưng không có tác động đến tăng trưởng kinh tế.

**D.** phản đối những hành vi cản trở sự phát triển kinh tế.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- Câu 33:** Cụm từ GNI là một trong những chỉ tiêu thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế nó thể hiện nội dung nào dưới đây?
- A. Tổng sản phẩm quốc dân theo đầu người.      B. Tổng thu nhập quốc dân.  
C. Tổng sản phẩm quốc nội theo đầu người.      D. Tổng sản phẩm quốc nội.
- Câu 34:** Yếu tố nào dưới đây là chỉ tiêu của tăng trưởng kinh tế?
- A. Sự gia tăng dân số của một quốc gia.      B. Mức tăng tổng sản phẩm quốc nội.  
C. Số lao động tham gia sản xuất.      D. Tổng diện tích đất được sử dụng.
- Câu 35:** Một trong những thước đo để đánh giá mức tăng trưởng kinh tế của một quốc gia đó là dựa vào
- A. chỉ tiêu về tiến bộ xã hội.      B. mức tăng tổng sản phẩm quốc nội.  
b. mức tăng chỉ số phát triển con người.  
C. chỉ tiêu về cơ cấu kinh tế.
- Câu 36:** Trong các chỉ tiêu về tiến bộ xã hội, chỉ tiêu nào dưới đây **không** là căn cứ để đánh giá sự phát triển kinh tế của một quốc gia?
- A. Chỉ số đói nghèo dân cư.      B. Chỉ số phát triển con người.  
C. Chỉ số lạm phát theo thời kỳ.      D. Chỉ số bất bình đẳng thu nhập.
- Câu 37:** Phát biểu nào dưới đây là sai về phát triển kinh tế?
- A. Phát triển kinh tế là quá trình tăng tiến về mọi mặt của nền kinh tế.  
B. Muốn phát triển kinh tế cần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao.  
C. Mục tiêu cuối cùng của phát triển kinh tế là xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại.  
D. Phát triển kinh tế góp phần giảm bớt chênh lệch vùng miền.
- Câu 38:** Đối với mỗi quốc gia, tăng trưởng kinh tế là
- A. sự bổ sung tỷ lệ thất nghiệp.      B. sự tăng trưởng mức sản xuất.  
C. sự suy giảm chất lượng sống.      D. quá trình gia tăng lạm phát.
- Câu 39:** Khi đánh giá sự phát triển kinh tế của một quốc gia, người ta **không** căn cứ vào chỉ số nào dưới đây?
- A. Tình trạng đói nghèo.      B. Phát triển con người.  
C. Bất bình đẳng xã hội      D. Quản trị người mua hàng.
- Câu 40:** Đối với mỗi quốc gia, vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế thể hiện ở việc, thông qua tăng trưởng và phát triển kinh tế sẽ góp phần
- A. nâng cao tỷ lệ thất nghiệp.      B. hạn chế nguồn thu ngân sách.  
C. kiềm chế mở rộng việc làm.      D. nâng cao phúc lợi xã hội.
- Câu 41:** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh bản chất của phát triển kinh tế?
- A. Tình trạng mất ổn định chính trị diễn ra thường xuyên trong khu vực.  
B. Mức sống trung bình của người dân tăng trong một thời kì nhất định.  
C. Cải thiện năng suất lao động thông qua áp dụng công nghệ tiên tiến.  
D. Tăng tỉ trọng ngành công nghiệp trong tổng sản phẩm quốc nội.
- Câu 42:** Trong mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển kinh tế nếu tăng trưởng kinh tế mà không chú trọng đến phát triển bền vững sẽ gây ra hậu quả nào dưới đây?
- A. Mở rộng hội nhập quốc tế.      B. Bất bình đẳng xã hội giảm.  
C. Môi trường bị suy thoái.      D. Vấn đề thất nghiệp giảm.
- Câu 43:** Cụm từ GDP là một trong những chỉ tiêu thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế nó thể hiện nội dung nào dưới đây?
- A. Tổng sản phẩm quốc dân.      B. Tổng sản phẩm quốc nội theo đầu người.  
C. Tổng sản phẩm quốc nội.      D. Tổng sản phẩm quốc dân theo đầu người.
- Câu 44:** Trong mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển kinh tế nếu tăng trưởng kinh tế mà không chú trọng đến phát triển bền vững sẽ gây ra hậu quả nào dưới đây?
- A. Đời sống con người nâng cao.      B. Tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt.  
C. Tệ nạn xã hội ngày càng giảm.      D. Vấn đề đói nghèo bị đẩy lùi.
- Câu 45:** Phát biểu nào dưới đây là sai về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển kinh tế?
- A. Một quốc gia muốn phát triển kinh tế chỉ cần đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế.  
B. Phát triển bền vững là sự bảo đảm để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.  
C. Tăng trưởng kinh tế là điều kiện để thúc đẩy phát triển bền vững.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

D. Các quốc gia đều đặt mục tiêu phát triển bền vững nhưng muốn phát triển được phải dựa vào tăng trưởng kinh tế.

**Câu 46:** Đối với một quốc gia, khi đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế, người ta **không** căn cứ vào chỉ tiêu nào dưới đây?

- A. Tổng sản phẩm quốc nội. B. Thu nhập quốc nội bình quân đầu người.  
C. Tổng thu nhập quốc dân. D. Kết quả thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ.

**Câu 47:** Đối với mỗi quốc gia, phát triển kinh tế **không** thể hiện ở chỉ tiêu nào dưới đây?

- A. Chỉ tiêu về thu nhập quốc dân. B. Chỉ tiêu về thu thuế toàn cầu.  
C. Chỉ tiêu về thu nhập quốc nội. D. Chỉ tiêu về tăng trưởng kinh tế.

**Câu 48:** Sự phát triển nào dưới đây phản ánh sự chuyển biến tổng hợp của nền kinh tế cả về số lượng và chất lượng?

- A. Phát triển kinh tế. B. Tăng trưởng kinh tế. C. Tỷ lệ lạm phát. D. Tỷ lệ thất nghiệp.

**Câu 49:** Đối với một quốc gia, tăng trưởng kinh tế được thể hiện ở sự gia tăng ở

- A. thu nhập người dân. B. chỉ số lạm phát. C. tỷ lệ thất nghiệp. D. tỷ lệ tử vong.

**Câu 50:** Đối với một quốc gia, tăng trưởng kinh tế được thể hiện ở sự gia tăng các

- A. tệ nạn xã hội. B. giá trị hàng hóa. C. quan hệ đối ngoại. D. tổ chức tội phạm.

**Câu 51:** Phát biểu nào dưới đây là sai về chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế?

- A. Mức tăng tổng sản phẩm quốc nội trong một thời kỳ nhất định.  
B. Mức tăng tổng thu nhập quốc dân trong một thời kỳ nhất định.  
C. Mức tăng chỉ số gia tiêu dùng của một nền kinh tế hàng năm.  
D. Mức tăng thu nhập quốc dân bình quân đầu người hàng năm.

**Câu 52:** Đối với mỗi quốc gia, vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế **không** thể hiện ở việc, thông qua tăng trưởng và kinh tế sẽ góp phần

- A. củng cố quốc phòng, an ninh. B. nâng cao phúc lợi xã hội.  
C. gia tăng lạm phát, thất nghiệp. D. khắc phục tình trạng đói nghèo.

**Câu 53:** Thước đo để đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế của một quốc gia trong một thời điểm nhất định là chỉ tiêu nào dưới đây?

- A. Tổng thu nhập quốc nội ( GDP). B. Tổng thu nhập quốc dân trên đầu người.  
C. Tổng thu nhập quốc nội trên đầu người. D. Tổng thu nhập quốc dân ( GNI).

**Câu 54:** Đối với một quốc gia, khi đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế, người ta **không** căn cứ vào chỉ tiêu nào dưới đây?

- A. Giảm nghèo đa chiều. B. Thu nhập quốc dân theo đầu người.  
C. Thu nhập quốc dân. D. Thu nhập quốc nội theo đầu người.

**Câu 55:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế đối với mỗi quốc gia?

- A. Giải quyết vấn đề việc làm. B. Nâng cao vị thế của nước ta.  
C. Nâng cao cuộc sống người dân. D. Thúc đẩy phân hóa giàu nghèo.

**Câu 56:** Phát biểu nào dưới đây là sai về vai trò của phát triển kinh tế?

- A. Phát triển kinh tế góp phần giảm bớt chênh lệch trình độ phát triển.  
B. Phát triển kinh tế góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa đất nước  
C. Phát triển kinh tế nhanh sẽ kéo theo việc tàn phá tài nguyên gia tăng.  
D. Phát triển kinh tế tạo điều kiện để phát triển văn hóa, giáo dục.

**Câu 57:** Sự gia tăng về quy mô sản lượng của một nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định so với thời kỳ gốc là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Tăng trưởng xã hội. B. Tăng trưởng kinh tế. C. Phát triển kinh tế. D. Hội nhập kinh tế.

**Câu 58:** Cụm từ GDP/người là một trong những chỉ tiêu thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế nó thể hiện nội dung nào dưới đây?

- A. Tổng sản phẩm quốc dân. B. Tổng sản phẩm quốc nội theo đầu người.  
C. Tổng sản phẩm quốc dân theo đầu người. D. Tổng sản phẩm quốc nội.

**Câu 59:** Trong mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển kinh tế các quốc gia kiên trì mục tiêu phát triển bền vững sẽ tác động trở lại đối với tăng trưởng kinh tế theo chiều hướng nào dưới đây?

- A. Không thúc đẩy và bị động. B. Kìm hãm và hạn chế tác động.  
C. Thúc đẩy và tạo động lực. D. Cân bằng và không liên hệ.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 60:** Trong quá trình hội nhập quốc tế, tăng trưởng kinh tế là điều kiện tiên quyết để nước ta không rơi vào tình trạng nào dưới đây?

- A. Thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp. B. Có quan hệ song phương toàn diện.  
C. Hợp tác và cạnh tranh toàn diện. D. Ngày càng tụt hậu so với thế giới.

### Câu 1: Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Về kinh tế, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hằng năm tính theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD (so với mức 2.100 USD năm 2015). Lạm phát giữ ở mức dưới 5%. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; năm 2014 đã có 1,4 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, trên 8,5 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, trên 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế. Đời sống nhân dân được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người đạt 2.052 USD/người (2014). Tuổi thọ trung bình đạt 73,5 tuổi (2015). Hoàn thành nhiều mục tiêu Thiên niên kỷ.

**Câu 1:** Nội dung nào dưới đây **không** phải là chỉ tiêu để đánh giá sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong thông tin trên?

- A. Thực hiện chính sách an sinh xã hội. B. Công tác giải quyết việc làm, bảo hiểm.  
C. Thu nhập bình quân đầu người (GNI/người). D. Tỷ lệ lạm phát và tăng giá hàng tiêu dùng.

**Câu 2:** Nội dung nào dưới đây về phát triển kinh tế không được đề cập trong thông tin trên?

- A. Thu nhập bình quân đầu người (GNI/người). B. Tổng sản phẩm quốc dân (GDP).  
C. Tốc độ tăng dân số hàng năm. D. Thu nhập quốc nội theo đầu người (GDP/người).

**Câu 3:** Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm có vai trò như thế nào đối với sự phát triển kinh tế của nước ta trong giai đoạn này?

- A. Quyết định nhất. B. Không đáng kể. C. Kim hãm. D. Động lực.

### Câu 2: Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Tính chung thời kì thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm (2011 - 2020), tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt khoảng 5,9%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực. Quy mô GDP tăng gấp 2,4 lần, từ 116 tỉ USD năm 2010 lên 268,4 tỉ USD vào năm 2020. GDP bình quân đầu người tăng từ 1.331 USD năm 2010 lên khoảng 2.750 USD năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm nhanh, từ 14,2% năm 2010 xuống còn 7% năm 2015 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015) và giảm từ 9,2% năm 2016 xuống dưới 3% vào năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều). Cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các huyện nghèo, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tăng cường. Thực hiện nhiều giải pháp tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động

**Câu 1:** Nội dung nào dưới đây **không** phải là chỉ tiêu cơ bản để đánh giá sự tăng trưởng và phát triển kinh tế trong thông tin trên?

- A. Thu nhập bình quân theo GDP. B. Tốc độ tăng dân số.  
C. Tốc độ tăng GDP. D. Tỷ lệ hộ nghèo và thu nhập.

**Câu 2:** Nội dung nào dưới đây thể hiện tăng trưởng kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện phát triển bền vững được đề cập trong thông tin trên?

- A. Thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao. B. Tốc độ tăng dân số phù hợp với.  
C. Tạo việc làm và nâng cao thu nhập. D. Giảm tỷ lệ lạm phát, giá cả được kiểm soát.

**Câu 3:** Yếu tố nào được đề cập trong thông tin trên là nhân tố quyết định việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế về mặt xã hội?

- A. Tăng trưởng dân số. B. Tốc độ tăng lạm phát. C. Tăng trưởng việc làm. D. Tăng trưởng kinh tế.

### Câu 3: Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Cơ cấu kinh tế ngành và nội ngành chuyển biến tích cực; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo và ứng dụng công nghệ cao tăng lên. Cơ cấu lao động chuyển dịch từ khu vực năng suất lao động thấp sang khu vực năng suất lao động cao hơn. Tỷ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng số lao động cả nước giảm từ 48,6% năm 2010 xuống còn 34% năm 2020. Tỷ trọng lao động ngành công nghiệp và xây dựng tăng từ 21,7% lên 30,3%; ngành dịch vụ từ 29,7% lên khoảng 35,7% trong cùng giai đoạn;... Đời sống người dân không ngừng được cải thiện; tạo sinh kế và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Thu nhập bình quân đầu người tăng 3,1 lần, từ 16,6 triệu đồng năm 2010 lên 51,5 triệu đồng năm 2019. Thực hiện nhiều giải pháp tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động. Mạng lưới cơ sở y tế phát

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

triển rộng khắp, năng lực, chất lượng khám, chữa bệnh và y đức được nâng lên; y tế cơ sở được chú trọng. Tuổi thọ trung bình tăng từ 72,9 tuổi năm 2010 lên 73,7 tuổi vào năm 2020.

**Câu 1:** Nội dung nào dưới đây không phải là chỉ tiêu để đánh giá sự phát triển kinh tế của nước ta?

- A. Chuyển dịch cơ cấu lao động. B. Chuyển dịch cơ cấu ngành.  
C. Năng suất lao động xã hội. D. Vấn đề việc làm và thu nhập.

**Câu 2:** Một nền kinh tế được coi là phát triển khi cơ cấu lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ phải lớn hơn lao động tham gia vào khu vực

- A. công nghiệp. B. vận tải. C. dịch vụ. D. nông nghiệp.

**Câu 3:** Giải quyết tốt vấn đề nào dưới đây sẽ góp phần nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI) ở nước ta hiện nay?

- A. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế. B. Gia tăng tỷ trọng ngành dịch vụ.  
C. Phát triển nông nghiệp hữu cơ. D. Giải quyết việc làm và thu nhập.

**Câu 4: Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới**

Đảng, Nhà nước đã quan tâm, bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước và huy động nguồn lực toàn xã hội để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo. Kết quả xóa đói giảm nghèo đã tạo thêm cơ sở vững chắc cho Việt Nam bảo đảm các quyền và lợi ích của người dân. Nổi bật là về nhà ở, đi lại, đến năm 2020, cả nước đã xây dựng, củng cố được hàng vạn ngôi nhà, căn hộ cho người nghèo, xóa bỏ hầu hết nhà tạm ở các thôn, bản; 99% địa bàn đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng biên giới có đường giao thông từ tỉnh đến huyện, xã. Về chăm sóc sức khỏe, trên 90% người dân đều có thể bảo hiểm y tế và được các dịch vụ chăm sóc sức khỏe với chi phí thấp. Với hệ thống bệnh viện, trạm y tế và dịch vụ y tế thông suốt từ trung ương đến cơ sở, Việt Nam đã khống chế, đẩy lùi nhiều bệnh dịch nguy hiểm; tuổi thọ trung bình của người dân tăng từ 64 tuổi trong thập kỷ 90 (thế kỷ XX) lên 73-75 tuổi năm 2020.

**Câu 1:** Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của tăng trưởng kinh tế đối với việc xóa đói giảm nghèo ở nước ta?

- A. Tăng trưởng kinh tế làm gia tăng tỷ lệ đói nghèo. B. Xóa đói giảm nghèo sẽ hạn chế sự tăng trưởng kinh tế.  
C. Xóa đói giảm nghèo sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. D. Tăng trưởng kinh tế là cơ sở để xóa đói giảm nghèo.

**Câu 2:** Việc thực hiện tốt công tác xóa đói giảm nghèo sẽ góp phần trực tiếp vào việc thực hiện mục tiêu nào dưới đây của phát triển kinh tế?

- A. Chỉ số thất nghiệp cơ cấu. B. Chỉ số lạm phát tự nhiên.  
C. Chỉ số lao động, việc làm. D. Chỉ số phát triển con người.

**Câu 3:** Việc quan tâm bố trí nguồn lực cho công tác xóa đói giảm nghèo là góp phần thực hiện chỉ tiêu nào dưới đây về phát triển kinh tế?

- A. Tiến bộ xã hội. B. Tăng trưởng kinh tế. C. Thu nhập quốc dân. D. Thu ngân sách.

**Câu 1: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Theo Tổng cục Thống kê năm 2022, tổng tỷ lệ nghèo đa chiều cả nước là 9,35%, trong đó, tỷ lệ hộ nghèo là 5,2% và tỷ lệ hộ cận nghèo là 4,15%. Theo báo cáo, Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam là 0,703 vào năm 2021, tăng hai bậc trên bảng xếp hạng toàn cầu, lên vị trí 115/191 quốc gia, thuộc nhóm trung bình cao của thế giới. Điều này cho thấy, kinh tế, xã hội của nước ta đang tiếp tục phát triển và là điểm sáng thứ hai châu Á về tốc độ tăng GDP, cải thiện về thu hút FDI, vốn gián tiếp, kiều hối và phát triển du lịch, nông nghiệp và một số ngành công nghiệp phụ trợ gắn với xuất khẩu. Để thực hiện và giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, tiến bộ và công bằng xã hội, nhất định chúng ta phải xây dựng môi trường xã hội chủ nghĩa trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với một hệ giá trị thật sự tiến bộ.

a) Chỉ số phát triển con người (HDI) tỷ lệ thuận với tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước. *Đúng, vì khi tăng trưởng kinh tế cao sẽ tạo những tiền đề vật chất để thực hiện các mục tiêu về con người.*

b) Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế của một quốc gia. *Sai, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo nó là tiêu chí để đánh giá sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.*

c) Việt Nam đã giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng và phát triển kinh tế. *Đúng, những kết quả đạt được về tốc độ tăng GDP, về tỷ lệ hộ nghèo, về chỉ số con người đã phản ánh nước ta giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng và phát triển kinh tế*

d) Thực hiện nền kinh tế xanh, nền kinh tế tuần hoàn, nền kinh tế hướng tới con người là mục tiêu của tăng trưởng kinh tế. *Sai, đây là những nội dung cơ bản phản ánh sự phát triển bền vững.*

**Câu 2: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,96%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,12%; khu vực dịch vụ chiếm 42,54%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,38%. Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2023 ước đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD. GDP bình quân đầu người năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 101,9 triệu đồng/người, tương đương 4.284,5 USD, tăng 160 USD so với năm 2022. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 199,3 triệu đồng/lao động (tương đương 8.380 USD/lao động, tăng 274 USD so với năm 2022); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 3,65% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2023 ước đạt 27%, cao hơn 0,6 điểm phần trăm so với năm 2022).

a) Cơ cấu ngành kinh tế chuyên dịch chưa phù hợp với các chỉ tiêu về phát triển kinh tế. *Sai, cơ cấu ngành kinh tế chuyển biến tích cực, công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn, nông nghiệp ngày càng giảm.*

b) Thu nhập 4284,5USD/1 người năm 2023 thể hiện thu nhập quốc dân bình quân theo đầu người của nước ta. *Sai đây là thu nhập quốc nội theo đầu người ( GDP/người)*

c) Năng suất lao động là một chỉ tiêu cơ bản phản ánh sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của một quốc gia. *Sai, đây chỉ nói về trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.*

d) Trình độ của người lao động là tiêu chí để đánh giá sự phát triển kinh tế. *Sai, đây chỉ nói về trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.*

**Câu 3: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Theo Tổng cục Thống kê công bố, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023 đạt 5,05% và có xu hướng tăng dần theo thời gian, quý IV đạt 6,72%, cao nhất so với quý III, II và quý 1 (tương ứng đạt 5,47, 4,25% và 3,41%), cao hơn mức trung bình của thế giới và khu vực cũng như nhiều nước trong giai đoạn tăng trưởng nhanh.

a) Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 đạt mức cao nhất so với các năm trước đó. ( Đúng vì tốc độ tăng trưởng dương tức là đã bằng năm trước đó và tăng thêm)

b) Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 sẽ tỉ lệ thuận với mức thu nhập và đời sống của người dân. ( Đúng vì GDP tăng sẽ làm cho thu nhập theo đầu người tăng)

c) Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 cho thấy Việt Nam là quốc gia có mức sống cao. ( Sai, GDP không phản ánh mức sống của người dân)

d) Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 là căn cứ để so sánh với sự tăng trưởng kinh tế của năm 2024. ( Đúng, tốc độ tăng trưởng kinh tế của năm sau sẽ lấy năm trước làm căn cứ)

**Câu 4: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Tính chung thời kì thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm (2011 - 2020), tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt khoảng 5,9%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực. Quy mô GDP tăng gấp 2,4 lần, từ 116 tỉ USD năm 2010 lên 268,4 tỉ USD vào năm 2020. GDP bình quân đầu người tăng từ 1.331 USD năm 2010 lên khoảng 2.750 USD năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm nhanh, từ 14,2% năm 2010 xuống còn 7% năm 2015 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015) và giảm từ 9,2% năm 2016 xuống dưới 3% vào năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều). Cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các huyện nghèo, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tăng cường. Thực hiện nhiều giải pháp tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động

a) Trong giai đoạn 2011 – 2020 Việt Nam luôn duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. *Đúng, điều này thể hiện ở quy mô GDP tăng 2.4 lần sau 10 năm.*

b) Phát triển kinh tế góp phần giúp nước ta thực hiện tốt các vấn đề xã hội. *Đúng, nhờ phát triển kinh tế, chúng ta có tiềm lực vật chất thực hiện các vấn đề xã hội.*

c) Việc chúng ta đầu tư nhiều cho phát triển xã hội sẽ kéo giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế. *Sai, Việt Nam luôn chú trọng cả phát triển kinh tế và xã hội, phát triển xã hội sẽ tạo tiềm lực để phát triển kinh tế.*

d) Trong quá trình phát triển, Việt Nam luôn đặt con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển. *Đúng, đây là thể hiện bản chất ưu việt của chế độ ta*

**Câu 5: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Về kinh tế, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hằng năm tính theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD (so với mức 2.100 USD năm 2015). Lạm phát giữ ở mức dưới 5%. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

xã hội; năm 2014 đã có 1,4 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, trên 8,5 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, trên 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế. Đời sống nhân dân được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người đạt 2.052 USD/người (2014). Tuổi thọ trung bình đạt 73,5 tuổi (2015). Hoàn thành nhiều mục tiêu Thiên niên kỷ.

a) Kết quả tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm tạo tiền đề vật chất thúc đẩy các chỉ tiêu về phát triển kinh tế. *Đúng, nhờ có sự tăng trưởng kinh tế, chúng ta có cơ sở để thực hiện tốt các vấn đề xã hội.*

b) Thu nhập theo đầu người từ 3.500 USD giảm xuống còn 2052 USD phản ánh sự phát triển kinh tế theo chiều hướng đi xuống. *Sai, 3500 USD đây là con số tính theo GDP, còn 2052 là thu nhập quốc dân bình quân đầu người.*

c) Tuổi thọ trung bình của người dân Việt Nam không ngừng tăng là kết quả của việc thực hiện tăng trưởng kinh tế cao. *Đúng, nhờ có tăng trưởng kinh tế đã tạo tiền đề vật chất cho sự phát triển về xã hội.*

d) Với 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế là thể hiện các chỉ tiêu về tiến bộ xã hội khi nước ta phát triển kinh tế. *Đúng, đây là những chỉ tiêu về xã hội, nó thể hiện kết quả phát triển kinh tế ở Việt Nam.*

----- HẾT -----

## BÀI 2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

### HỆ THỐNG LÝ THUYẾT

#### 1. Khái niệm và sự cần thiết hội nhập kinh tế quốc tế.

##### a. Khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế:

**Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình một quốc gia thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung**

##### b. Sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế

- Trong điều kiện toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế là tất yếu khách quan với mọi quốc gia. Hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra cơ hội để mỗi quốc gia mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư, chuyển dịch cơ cấu theo hướng hiện đại, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế; tạo nhiều việc làm và nâng cao thu nhập cho các tầng lớp dân cư.

- Đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, hội nhập kinh tế quốc tế tạo cơ hội tiếp cận và sử dụng các nguồn lực bên ngoài như tài chính, khoa học công nghệ, kinh nghiệm quản lí,... tận dụng thời cơ phát triển rút ngắn, thu hẹp khoảng cách với các nước tiên tiến, khắc phục nguy cơ tụt hậu.

#### 2. Các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế

##### a) Các cấp độ hội nhập kinh tế quốc tế

+ **Hội nhập song phương:** Là sự liên kết, hợp tác giữa hai quốc gia góp phần thúc đẩy thương mại, liên kết đầu tư, đem lại lợi ích cho người dân, doanh nghiệp hai nước, được thực hiện thông qua các hiệp định thương mại tự do, đầu tư trực tiếp nước ngoài

Đặc điểm: dễ đạt được những thoả thuận và nghĩa vụ, ưu đãi phù hợp vì chỉ áp dụng cho hai quốc gia kí kết. Việt Nam đã mở rộng quan hệ hợp tác song phương với hơn một trăm quốc gia trên thế giới, xây dựng và nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện với 17 nước, giúp bảo đảm, củng cố môi trường hoà bình, ổn định, tranh thủ lợi thế của các đối tác để bảo vệ, phát triển đất nước nhanh và bền vững.

##### + **Hội nhập kinh tế khu vực:**

+ Đặc điểm: Là quá trình liên kết, hợp tác giữa các quốc gia trong một khu vực trên cơ sở tương đồng về địa lí, văn hoá, xã hội hoặc có chung mục tiêu, lợi ích phát triển

Hình thức: Thông qua các Tổ chức kinh tế khu vực, các Diễn đàn hợp tác kinh tế khu vực, Hiệp định đối tác kinh tế,... Việt Nam đã chủ động tham gia các hình thức hội nhập kinh tế khu vực như: Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu,...

+ Ưu điểm: Hình thức này giúp quốc gia hợp tác kinh tế sâu rộng và toàn diện với các nước trong khu vực và thế giới, mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư nước ngoài nhiều hơn

+ **Hội nhập kinh tế toàn cầu:** + Đặc điểm: Là quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ với nhau thông qua việc tham gia các tổ chức kinh tế toàn cầu.

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

+ Hình thức: Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Quỹ tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng thế giới

+ Ưu điểm: Đây là hình thức hội nhập sâu rộng nhất của nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới tạo thêm nhiều cơ hội để hợp tác với nhiều quốc gia, tổ chức, khu vực trên toàn thế giới, mở rộng quan hệ thương mại ra thị trường toàn cầu,....

### b) Các hoạt động kinh tế quốc tế

- Hoạt động thương mại quốc tế: Là những hoạt động trao đổi hàng hoá, dịch vụ giữa các quốc gia thông qua xuất, nhập khẩu, thương mại quốc tế kích thích tiêu dùng, mở rộng sản xuất, chuyển giao công nghệ và đầu tư giữa các quốc gia, nhờ đó, tạo tiền đề cho tăng trưởng và phát triển kinh tế.

- Hoạt động đầu tư quốc tế: Là quá trình di chuyển vốn từ quốc gia này đến quốc gia khác nhằm đem lại lợi ích cho các bên tham gia, đầu tư quốc tế giúp tăng cường nguồn vốn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tạo thêm việc làm, phát triển chất lượng nguồn nhân lực, tiếp thu khoa học công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý tiên tiến, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế,... cho nước tiếp nhận đầu tư như Việt Nam.

- Hoạt động dịch vụ thu ngoại tệ: Dịch vụ thu ngoại tệ bao gồm các dịch vụ quốc tế như du lịch, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, bảo hiểm, xuất nhập khẩu lao động, thanh toán và tín dụng,... có vai trò tạo nguồn thu ngoại tệ giúp cải thiện cán cân thanh toán quốc tế.

### 3. Tìm hiểu đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

- Hội nhập kinh tế quốc tế là một chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta trong suốt quá trình đổi mới, phát triển đất nước. Quan điểm định hướng là chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế toàn diện, sâu rộng, sử dụng linh hoạt, hiệu quả nhiều hình thức hội nhập kinh tế quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ kinh tế quốc tế.

- Một số chính sách nhằm thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế: Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính; Cải thiện môi trường thu hút đầu tư nước ngoài; Gia tăng mức độ liên kết giữa các tỉnh, vùng, phát huy thế mạnh của từng địa phương, khuyến khích tạo điều kiện các địa phương chủ động tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế.....

\*Trách nhiệm của công dân đối với chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước

- Thực hiện và tuyên truyền cho mọi người thực hiện tốt chính sách HNKTQT
- Ủng hộ những hành vi chấp hành chính sách HNKTQT.
- Phê phán những hành vi không chấp hành chính sách HNKTQT.

### BÀI TẬP TN THAM KHẢO

**Câu 1:** Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, thông qua quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ góp phần tạo ra

- A. nhiều cơ hội việc làm.
- B. nhiều lãnh thổ mới.
- C. những đảng phái mới.
- D. những chủng tộc mới.

**Câu 2.** Phát biểu nào dưới đây không đúng khi nói về sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế?

A. Hội nhập kinh tế quốc tế chỉ cần thiết với những quốc gia đang thiếu các nguồn lực về vốn.  
B. Các nước đang phát triển cần tham gia hội nhập kinh tế quốc tế để tiếp cận và sử dụng được các nguồn lực bên ngoài.

C. Hội nhập kinh tế quốc tế có khả năng thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế quốc gia.

D. Đối với nước ta, hội nhập kinh tế là con đường ngắn nhất để rút ngắn khoảng cách lạc hậu.

**Câu 3:** Là sự thoả thuận giữa các bên tham gia nhằm xoá bỏ hầu hết hàng rào cản thuế quan và phi thuế quan nhưng vẫn duy trì chính sách thuế quan riêng của mỗi bên đối với các nước ngoài hiệp định là thể hiện mức độ hội nhập kinh tế quốc tế ở mức độ

- A. thị trường chung.
- B. thoả thuận thương mại ưu đãi.
- C. hiệp định thương mại tự do.
- D. liên minh kinh tế.

**Câu 4:** Ngày 14/1/1998, tại Thủ đô Kuala Lumpur, Malaysia, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của tổ chức

- A. APEC.
- B. WTO.
- C. ASEAN.
- D. ASEM.

**Câu 5.** 11/1/2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức này?

- A. APEC.
- B. WTO.
- C. ASEAN.
- D. ASEM.

**Câu 6.** Ngày 28-7-1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ bảy của tổ chức này?

- A. APEC.
- B. WTO.
- C. ASEAN.
- D. ASEM.

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 7.** Quá trình một quốc gia thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới dựa trên cơ sở cùng có lợi và tuân thủ các quy định chung là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Hội nhập kinh tế quốc tế.                      B. Liên kết kinh tế quốc tế.  
C. Kết nối kinh tế quốc tế.                      D. Tích hợp kinh tế quốc tế.

**Câu 8.** Quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, cùng nhau thỏa thuận, cùng tham gia các tổ chức toàn cầu là hình thức hội nhập nào dưới đây?

- A. Hội nhập kinh tế đa phương. B. Hội nhập kinh tế khu vực.  
C. Hội nhập kinh tế toàn cầu.    D. Hội nhập kinh tế song phương.

**Câu 9.** Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế của VN?

- A. Dịch chuyển dòng ngoại tệ.                      B. Gia tăng sự lệ thuộc về chính trị.  
C. Tăng cường quốc phòng.                      D. Đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa.

**Câu 10:** Đối với một đất nước đang phát triển như Việt Nam, để thúc đẩy kinh tế phát triển thì cần

- A. chủ động hội nhập kinh tế quốc tế với các quốc gia/vùng lãnh thổ.  
B. chỉ lựa chọn phát triển quan hệ kinh tế với các quốc gia phát triển.  
C. chỉ lựa chọn liên kết, hợp tác với các quốc gia trong khối Asean.  
D. chủ động tách biệt quan hệ thương mại với nước láng giềng.

**Câu 10:** Đối với một đất nước đang phát triển như Việt Nam, để thúc đẩy kinh tế phát triển thì cần

- A. chủ động hội nhập kinh tế quốc tế với các quốc gia/vùng lãnh thổ.  
B. chỉ lựa chọn phát triển quan hệ kinh tế với các quốc gia phát triển.  
C. chỉ lựa chọn liên kết, hợp tác với các quốc gia trong khối Asean.  
D. chủ động tách biệt quan hệ thương mại với nước láng giềng.

**Câu 11. Đọc thông tin sau và chọn các đáp án đúng**

*Hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần thúc đẩy thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam. Thời kỳ 1995 - 2022, Việt Nam thu hút được 39.313 dự án với tổng vốn đăng ký 541.149,4 triệu USD, tổng vốn thực hiện 269.227,4 triệu USD (chiếm 49,75% tổng vốn đăng ký). Số dự án và vốn thực hiện hàng năm có xu hướng gia tăng trong thời kỳ này, tăng từ 415 dự án với vốn thực hiện là 7.925,2 triệu USD năm 1995 lên 2.169 dự án với vốn thực hiện là 22.396 triệu USD năm 2022. Vốn FDI vào Việt Nam chiếm 22,87% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, đóng góp 18,16% GDP và 54,82% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa*

- A. Việc thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam càng nhiều càng khiến nước ta lệ thuộc kinh tế vào các nước trên thế giới.  
B. Hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo cơ hội cho nước ta tiếp cận và sử dụng nguồn lực tài chính cho sự phát triển của đất nước.  
C. Việc thu hút được nhiều vốn và dự án đầu tư sẽ khiến nền kinh tế Việt Nam bị lệ thuộc nguồn lực từ bên ngoài.  
D. Thông tin trên thể hiện Việt Nam là một đối tác tin cậy của các nước trên thế giới.

**Câu 12.** Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, hội nhập kinh tế quốc tế trở thành

- A. mở rộng thị trường.    B. xu hướng tất yếu.    C. hợp tác song phương.    D. tạo ra sự phát triển.

**Câu 13:** Khi tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế song phương, mỗi quốc gia cần dựa vào nguyên tắc nào dưới đây?

- A. Có cùng lịch sử hình thành.                      B. Tôn trọng độc lập chủ quyền.  
C. Tương đồng trình độ phát triển.                      D. Có sự tương đồng về tôn giáo.

**Câu 14:** Phát biểu nào dưới đây là sai về sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Hội nhập kinh tế quốc tế giúp các quốc gia tận dụng được các nguồn lực bên ngoài để phát triển.  
B. Hội nhập kinh tế quốc tế góp phần mở rộng thị trường để thúc đẩy sản xuất trong nước.  
C. Hội nhập kinh tế quốc tế giúp nền kinh tế quốc gia phát triển bền vững.  
D. Hội nhập kinh tế quốc tế làm cho nền kinh tế quốc gia ngày càng phụ thuộc vào bên ngoài.

**Câu 15:** Hội nhập kinh tế quốc tế bao gồm các hình thức nào dưới đây?

- A. Hội nhập về kinh tế và hội nhập về văn hoá.    B. Hội nhập toàn cầu, hội nhập khu vực và hội nhập song phương.  
C. Toàn cầu hoá kinh tế và toàn cầu hoá chính trị.    D. Hội nhập về kinh tế và hội nhập về xã hội.

**DẠNG 2**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 1:** Từ ngày 11/1/2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), sự kiện lớn này đã để lại nhiều dấu ấn tích cực trên hành trình đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Việc gia nhập WTO là biểu hiện của hình thức hội nhập kinh tế quốc tế nào dưới đây?

- A. Song phương.      B. Khu vực.      C. Toàn cầu.      D. Toàn quốc.

**Câu 2:** Ngày 28-7-1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ bảy của ASEAN, đánh dấu bước đi đầu tiên của đất nước trong hành trình hội nhập khu vực và thế giới. Việc gia nhập ASEAN là biểu hiện của hình thức hội nhập kinh tế quốc tế nào dưới đây?

- A. Song phương.      B. Toàn quốc.      C. Khu vực.      D. Toàn cầu.

**Câu 3:** Là sự thoả thuận giữa các bên tham gia nhằm xoá bỏ hầu hết hàng rào thuế quan và phi thuế quan nhưng vẫn duy trì chính sách thuế quan riêng của mỗi bên đối với các nước ngoài hiệp định là thể hiện mức độ hội nhập kinh tế quốc tế ở mức độ

- A. thị trường chung.      B. thoả thuận thương mại ưu đãi.  
C. hiệp định thương mại tự do.      D. liên minh kinh tế.

**Câu 4:** Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, thông qua quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ góp phần tạo ra

A. nhieu cơ hội việc làm.      B. nhiều lãnh thổ mới.      C. những đảng phái mới.      D. những chủng tộc mới.

**Câu 5:** Đối với các nước đang phát triển, việc tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ mang lại lợi ích nào dưới đây?

- A. Lệ thuộc tài chính vào nước lớn.      B. Tận dụng được nguồn tài chính.  
C. Mở mang thêm phạm vi lãnh thổ.      D. Được chuyển lên thành nước lớn.

**Câu 6:** Ngày 25/12/2008, Việt Nam và Nhật Bản đã chính thức ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản, xét về cấp độ hợp tác đây là hình thức hợp tác

- A. toàn cầu.      B. song phương.      C. khu vực.      D. châu lục.

**Câu 7:** Phát biểu nào dưới đây là sai về sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Hội nhập kinh tế quốc tế chỉ cần thiết với những quốc gia đang thiếu các nguồn lực về vốn.  
B. Các nước đang phát triển cần tham gia hội nhập kinh tế quốc tế để tiếp cận và sử dụng được các nguồn lực bên ngoài.  
C. Hội nhập kinh tế quốc tế có khả năng thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế quốc gia.  
D. Đối với nước ta, hội nhập kinh tế là con đường ngắn nhất để rút ngắn khoảng cách lạc hậu.

**Câu 8:** Khi tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế song phương, mỗi quốc gia cần dựa vào nguyên tắc nào dưới đây?

- A. Có cùng lịch sử hình thành.      B. Tôn trọng độc lập chủ quyền.  
C. Tương đồng trình độ phát triển.      D. Có sự tương đồng về tôn giáo.

**Câu 9:** Trong các quan hệ kinh tế quốc tế, việc tham gia của mỗi quốc gia không được thực hiện ở cấp độ nào dưới đây?

- A. Quy chế miễn thị thực.      B. Liên minh kinh tế.  
C. Thị trường chung.      D. Liên minh thuế quan.

**Câu 10:** Ngày 14/1/1998, tại Thủ đô Kuala Lumpur, Malaysia, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC). Việc gia nhập ASEAN là biểu hiện của hình thức hội nhập kinh tế quốc tế nào dưới đây?

- A. Toàn quốc.      B. Toàn cầu.      C. Song phương.      D. Khu vực.

**Câu 11:** Hội nhập kinh tế là quá trình một quốc gia thực hiện việc gắn kết nền kinh tế của mình với

- A. người đứng đầu chính phủ.      B. nguyên thủ của một nước.  
C. một nhóm người.      D. các quốc gia khác.

**Câu 12:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò và tác dụng to lớn của hội nhập kinh tế quốc tế đối với mỗi quốc gia?

- A. Thu hút vốn đầu tư.      B. Mở rộng thị trường.      C. Mở rộng biên giới.      D. Tạo nhiều việc làm.

**Câu 13:** Phát biểu nào dưới đây là sai về sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Hội nhập kinh tế quốc tế giúp các quốc gia tận dụng được các nguồn lực bên ngoài để phát triển  
B. Hội nhập kinh tế quốc tế góp phần mở rộng thị trường để thúc đẩy sản xuất trong nước.  
C. Hội nhập kinh tế quốc tế giúp nền kinh tế quốc gia phát triển bền vững.  
D. Hội nhập kinh tế quốc tế làm cho nền kinh tế quốc gia ngày càng phụ thuộc vào bên ngoài.

**Câu 14:** Phát biểu nào dưới đây là sai khi quan niệm về hội nhập kinh tế quốc tế?

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**A.** Trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, các quốc gia thường chú trọng đến liên kết với các quốc gia có trình độ phát triển tương đồng.

**B.** Trong hội nhập kinh tế quốc tế, mối quan hệ giữa các quốc gia được xây dựng trên nguyên tắc cùng có lợi.

**C.** Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình gắn kết nền kinh tế của quốc gia này với nền kinh tế của quốc gia khác trên thế giới.

**D.** Khi tham gia một tổ chức kinh tế quốc tế, mỗi quốc gia thành viên không chỉ có nghĩa vụ tuân thủ mà phải chủ động đề xuất, tham gia xây dựng những điều khoản quy định của tổ chức.

**Câu 15:** Hội nhập kinh tế quốc tế bao gồm các hình thức nào dưới đây?

**A.** Hội nhập về kinh tế và hội nhập về văn hoá.

**B.** Hội nhập toàn cầu, hội nhập khu vực và hội nhập song phương.

**C.** Toàn cầu hoá kinh tế và toàn cầu hoá chính trị.

**D.** Hội nhập về kinh tế và hội nhập về xã hội.

**Câu 16:** Hội nhập kinh tế khu vực **không** được thực hiện giữa các quốc gia có đặc điểm nào dưới đây?

**A.** Tương đồng về địa lý.

**B.** Đang chiến tranh với nhau.

**C.** Có sự phù hợp về văn hóa.

**D.** Cùng chung mục tiêu.

**Câu 17:** Khi tham gia vào các quan hệ kinh tế quốc tế, các quốc gia thoả thuận, cam kết dành cho nhau các ưu đãi về thuế quan và phi thuế quan đối với hàng hoá của nhau là thể hiện mức độ hội nhập kinh tế quốc tế ở mức độ

**A.** hiệp định thương mại tự do.

**B.** thoả thuận thương mại ưu đãi.

**C.** thị trường chung.

**D.** liên minh kinh tế.

**Câu 18:** Trong các quan hệ kinh tế quốc tế, việc tham gia của mỗi quốc gia có thể thực hiện ở cấp độ nào dưới đây?

**A.** Thỏa thuận tài trợ nhân đạo.

**B.** Hiệp định tương trợ tư pháp.

**C.** Hiệp định vay vốn ưu đãi.

**D.** Thỏa thuận thương mại ưu đãi.

**Câu 19:** Một trong những biểu hiện của hợp tác kinh tế quốc tế là các quốc gia có thể cùng quốc gia khác tham gia ký kết

**A.** hiệp định chiến tranh.

**B.** xác định mốc biên giới.

**C.** hiệp định thương mại tự do.

**D.** tuần tra chung trên biển.

**Câu 20:** Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam luôn kiên định quan điểm “ lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ” điều này thể hiện nguyên tắc nào khi hội nhập kinh tế quốc tế?

**A.** Bình đẳng.

**B.** Thỏa thuận.

**C.** Công bằng.

**D.** Cùng có lợi.

**Câu 21:** Quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ với nhau thông qua việc tham gia vào các tổ chức kinh tế toàn cầu là một trong những hình thức hội nhập kinh tế quốc tế ở cấp độ

**A.** khu vực.

**B.** song phương.

**C.** toàn cầu.

**D.** toàn diện.

**Câu 22:** Quá trình một quốc gia thực hiện việc gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới dựa trên cơ sở cùng có lợi và tuân thủ quy định chung là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

**A.** Kinh tế đối ngoại. **B.** Hội nhập kinh tế. **C.** Phát triển kinh tế. **D.** Tăng trưởng kinh tế.

**Câu 23:** Khi tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế song phương, mỗi quốc gia cần dựa vào nguyên tắc nào dưới đây?

**A.** Phải cùng trong khu vực.

**B.** Phải tương đồng văn hóa.

**C.** Nước lớn có quyền áp đặt.

**D.** Bình đẳng và cùng có lợi.

**Câu 24:** Đối với mỗi quốc gia, hình thức hội nhập sâu rộng nhất, gắn kết với nhiều quốc gia, tổ chức, khu vực trên thế giới là hình thức nào dưới đây?

**A.** Hội nhập liên minh. **B.** Hội nhập song phương. **C.** Hội nhập khu vực. **D.** Hội nhập toàn cầu.

**Câu 25:** Việc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới thể hiện Việt Nam tham gia cấp độ hội nhập nào dưới đây?

**A.** Hội nhập song phương. **B.** Hội nhập khu vực. **C.** Hội nhập toàn cầu. **D.** Hội nhập đa phương.

**Câu 26:** Khi tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế song phương, các quốc gia **không** bắt buộc phải thủ nguyên tắc nào dưới đây?

**A.** Tôn trọng vị thế của nhau.

**B.** Bình đẳng cùng có lợi.

**C.** Phải sử dụng ngôn ngữ của nhau.

**D.** Tôn trọng độc lập chủ quyền.

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 27:** Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, các nước tham gia cần tuân thủ nguyên tắc nào dưới đây?

- A. Cá lớn nuốt cá bé.
- B. Nước nhỏ phụ thuộc nước lớn.
- C. Các bên cùng có lợi.
- D. Nước nhỏ không được tự quyết.

**Câu 28:** Hình thức hợp tác nào dưới đây **không** phải là biểu hiện của hình thức hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Hội nhập bảo tồn văn hóa.
- B. Hội nhập kinh tế song phương.
- C. Hội nhập kinh tế toàn cầu.
- D. Hội nhập kinh tế khu vực.

**Câu 29:** Các hoạt động kinh tế đối ngoại của quốc gia **không** gồm hoạt động nào?

- A. Thương mại nội địa.
- B. Thương mại quốc tế.
- C. Dịch vụ thu ngoại tệ.
- D. Đầu tư quốc tế.

**Câu 30:** Một trong những biểu hiện của hợp tác kinh tế quốc tế là các quốc gia có thể cùng quốc gia khác tham gia

- A. mở rộng phạm vi lãnh thổ.
- B. xâm chiếm quốc gia khác.
- C. áp đặt thuế tốt thiểu toàn cầu.
- D. thỏa thuận thương mại ưu đãi.

**Câu 31:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò và tác dụng to lớn của hội nhập kinh tế quốc tế đối với mỗi quốc gia?

- A. Thúc đẩy tăng trưởng.
- B. Gia tăng lệ thuộc nước khác.
- C. Nâng cao thu nhập người dân.
- D. Nâng cao vị thế đất nước.

**Câu 32:** Là hình thức các bên tham gia hình thành thị trường chung đồng thời xây dựng chính sách kinh tế chung, thực hiện những mục tiêu chung cho toàn liên minh là thể hiện mức độ hội nhập kinh tế quốc tế ở mức độ

- A. thị trường chung.
- B. liên minh kinh tế.
- C. hiệp định thương mại tự do.
- D. thỏa thuận thương mại ưu đãi.

**Câu 33:** Được thành lập bởi các quốc gia trong cùng khu vực địa lý để thúc đẩy tự do thương mại, tự do di chuyển lao động và vốn giữa các thành viên là thể hiện mức độ hội nhập kinh tế quốc tế ở mức độ

- A. liên minh kinh tế.
- B. thị trường chung.
- C. hiệp định thương mại tự do.
- D. thỏa thuận thương mại ưu đãi.

**Câu 34:** Việc các quốc gia cùng nhau tham gia các liên minh thuế quan chung là biểu hiện của hình thức

- A. hợp tác lĩnh vực chính trị.
- B. hợp tác về biên giới lãnh thổ.
- C. hội nhập kinh tế quốc tế.
- D. hội nhập về văn hóa dân tộc.

**Câu 35:** Khẳng định nào dưới đây là đúng khi nói về hội nhập khu vực?

- A. Là hợp tác kí kết giữa hai quốc gia trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi.
- B. Là quá trình liên kết hợp tác giữa các quốc gia trong một khu vực.
- C. Là quá trình liên kết giữa các quốc gia thông qua việc tham gia các tổ chức toàn cầu.
- D. Là quá trình liên kết giữa các quốc gia thông qua việc tham gia các tổ chức xã hội.

**Câu 36:** Ở cấp độ quốc gia, việc làm nào dưới đây thể hiện sự hội nhập quốc tế?

- A. Tài trợ hoạt động khủng bố.
- B. Tài trợ tổ chức phi nhân đạo.
- C. Tham gia sứ mệnh nhân đạo.
- D. Tham gia hiệp định thương mại.

**Câu 37:** Là hình thức xoá bỏ thuế quan và những hàng rào phi thuế quan đối với những hàng hoá, dịch vụ trong quan hệ buôn bán của các nước thành viên, đồng thời thiết lập và áp dụng một biểu thuế quan chung của các nước thành viên với các nước khác là thể hiện mức độ hội nhập kinh tế quốc tế ở mức độ

- A. liên minh thuế quan.
- B. thỏa thuận thương mại ưu đãi.
- C. hiệp định thương mại tự do.
- D. thị trường chung.

**Câu 38:** Phát biểu nào dưới đây là đúng về hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Hội nhập kinh tế quốc tế chỉ cần thiết đối với những quốc gia đang phát triển để thu hẹp khoảng cách tụt hậu.
- B. Trong hội nhập kinh tế quốc tế, một quốc gia được lợi thì sẽ có quốc gia khác chịu thiệt về kinh tế.
- C. Hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra sự phụ thuộc và mất cân bằng về lợi ích giữa các quốc gia với nhau.
- D. Hội nhập kinh tế quốc tế có thể diễn ra giữa hai quốc gia với nhau trên cơ sở cùng có lợi về kinh tế.

**Câu 39:** Quá trình liên kết, hợp tác giữa các quốc gia trong khu vực trên cơ sở tương đồng về địa lý, văn hóa, xã hội là một trong những hình thức hội nhập kinh tế quốc tế ở cấp độ

- A. hội nhập kinh tế toàn cầu.
- B. hội nhập kinh tế song phương.
- C. hội nhập kinh tế toàn diện.
- D. hội nhập kinh tế khu vực.

**Câu 40:** Đối với hình thức hội nhập kinh tế song phương, việc thực hiện những thỏa thuận và nghĩa vụ đã ký kết được áp dụng cho



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

A. hai quốc gia ký kết với nhau.

B. các nước trong khu vực.

C. mọi quốc gia trên thế giới.

D. nhiều quốc gia khác nhau.

**Câu 41:** Ngày 11/11/2011 Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Chi Lê được ký kết và có hiệu lực từ ngày 1/1/2014, xét về cấp độ hợp tác đây là hình thức hợp tác

A. khu vực.

B. song phương.

C. châu lục.

D. toàn cầu.

**Câu 42:** Quá trình liên kết, hợp tác giữa hai quốc gia với nhau dựa trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau là biểu hiện của hình thức hợp tác quốc tế ở cấp độ

A. hội nhập toàn cầu. B. hội nhập khu vực. C. hội nhập song phương. D. hội nhập toàn diện.

**Câu 43:** Trong điều kiện toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế giúp mỗi quốc gia có cơ hội

A. mở rộng lãnh thổ. B. mở rộng chủ quyền. C. mở rộng thị trường. D. mở mang trí tuệ.

**Câu 44:** Thông qua việc gắn kết nền kinh tế của mình với các quốc gia khác trong khu vực và toàn thế giới, giúp các quốc gia có thể tận dụng được những

A. ràng buộc về mặt lãnh thổ.

B. hỗ trợ từ các tổ chức khủng bố.

C. sai lầm của các quốc gia khác.

D. thành tựu khoa học – công nghệ.

**Câu 45:** Xét về hình thức, hội nhập kinh tế quốc tế là toàn bộ các hoạt động kinh tế đối ngoại của một quốc gia, bao gồm các hoạt động nào dưới đây?

A. Thương mại nội địa, đầu tư quốc tế, du lịch nội địa.

B. Thương mại quốc tế, đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài.

C. Thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, dịch vụ thu ngoại tệ.

D. Toàn cầu hoá kinh tế và toàn cầu hoá chính trị.

**Câu 46:** Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, các bên tham gia **không** được sử dụng nguyên tắc nào dưới đây?

A. Cùng có lợi.

B. Cưỡng chế.

C. Cùng thỏa thuận.

D. Bình đẳng.

**Câu 47:** Khi tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, hình thức hội nhập song phương là quá trình liên kết và hợp tác giữa

A. bốn quốc gia.

B. nhiều quốc gia.

C. ba quốc gia.

D. hai quốc gia.

**Câu 1: Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới**

Việt Nam đã phát triển quan hệ kinh tế với các tổ chức quốc tế, các công ty đa quốc gia. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA, năm 2015), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á - Âu (EAEU, năm 2016). Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta tiếp tục được thúc đẩy thông qua việc hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) vào cuối năm 2015, CPTPP (năm 2016), EVFTA (năm 2020), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP, năm 2020), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam, Anh và Bắc Ireland (UKVFTA, năm 2020). Đến đầu năm 2022, Việt Nam đã tham gia và đang đàm phán 17 FTA, trong đó, có 15 FTA có hiệu lực và đang thực thi cam kết, 2 FTA đang đàm phán (FTA giữa Việt Nam và Khối thương mại tự do châu Âu (EFTA FTA), FTA Việt Nam - Israel). Có thể thấy, việc ký kết các FTA chứng tỏ vai trò của Việt Nam trong việc thúc đẩy thương mại tự do và hội nhập kinh tế, thương mại ở cả châu Á, châu Mỹ và châu Đại Dương.

**Câu 1:** Việc ký kết hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á - Âu là biểu hiện của hình thức hợp tác nào dưới đây?

A. Hội nhập khu vực.

B. Hội nhập toàn cầu.

C. Hội nhập song phương.

D. Hội nhập đa phương.

**Câu 2:** Việc tham gia ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương không mang lại ý nghĩa nào dưới đây?

A. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

B. Mở rộng thị trường việc làm.

C. Mở rộng thị trường xuất khẩu.

D. Thay đổi chế độ chính trị.

**Câu 3:** Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc là biểu hiện của hình thức hợp tác nào dưới đây?

A. Hội nhập đa phương.

B. Hội nhập khu vực.

C. Hội nhập song phương.

D. Hội nhập toàn cầu.

**Câu 2: Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới**

Diễn đàn hợp tác kinh tế là hình thức hội nhập kinh tế quốc tế ra đời vào thập niên 80 thế kỷ XX, ví dụ: Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM). Các quốc gia tham gia diễn đàn hợp tác kinh tế không có những cam kết mang tính ràng buộc thực hiện, mà chủ yếu mang tính định hướng, khuyến nghị hành động đối với các quốc gia thành viên. Những nguyên tắc được xây dựng giữa các quốc gia tham gia diễn đàn là linh hoạt và tự nguyện để thực hiện tự do hoá và thuận lợi hoá thương mại, đầu tư. Tuy vậy, ngày nay, diễn đàn hợp tác kinh tế cũng có vai trò khá quan

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

trọng trong định hướng phát triển kinh tế, thương mại cũng như giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội cùng quan tâm của các quốc gia trong một khu vực, duy trì, thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế, nhất là trong thời điểm xuất hiện những xu thế chống lại toàn cầu hóa gia tăng bảo hộ trong nước.

**Câu 1:** Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), là những diễn đàn đi sâu giải quyết các vấn đề nào dưới đây?

A. Chính trị - quân sự. B. Kinh tế - quốc phòng. C. Kinh tế - thương mại. D. Ngoại giao – quốc phòng.

**Câu 2:** Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), là biểu hiện của hình thức hợp tác kinh tế quốc tế nào dưới đây?

A. Hợp tác toàn cầu. B. Hợp tác khu vực. C. Hợp tác song phương. D. Hợp tác quốc tế.

**Câu 3:** Nội dung nào dưới đây thể hiện mục đích của hội nhập kinh tế song phương và đa phương giữa các nước trên thế giới hiện nay?

A. Thúc đẩy chuyển giao vũ khí. B. Phân chia lợi nhuận bình quân.  
C. Phân chia lại phạm vi quyền lực. D. Thúc đẩy tự do hóa thương mại.

**Câu 3: Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới**

Kể từ khi chính thức gia nhập WTO, Việt Nam đã ghi nhận những thành tựu về phát triển kinh tế. Việt Nam trở thành nền kinh tế có độ mở cao, tới 200% GDP và cải thiện cán cân thương mại hàng hóa, chuyển từ nhập siêu sang xuất siêu trong giai đoạn 2016 - 2020. Đến năm 2020 nhiều hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương đã có hiệu lực, thúc đẩy hoạt động xuất khẩu hàng hóa của nước ta ngày càng mở rộng. Theo Tổng cục Thống kê, từ năm 2016 đến năm 2022, cán cân thương mại của Việt Nam luôn đạt thặng dư với mức xuất siêu tăng dần qua các năm. Năm 2022, cán cân thương mại xuất siêu đạt 12,4 tỷ USD, là năm thứ 7 liên tiếp cán cân thương mại hàng hóa ở mức thặng dư mặc dù gặp nhiều khó khăn sau ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh COVID-19. Trở thành một trong 20 nền thương mại lớn nhất thế giới.

**Câu 1:** Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam?

A. Dịch chuyển dòng ngoại tệ. B. Gia tăng sự lệ thuộc về chính trị.  
C. Tăng cường quốc phòng. D. Đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa.

**Câu 2:** Việc gia nhập WTO của Việt Nam là biểu hiện của hình thức hội nhập nào dưới đây?

A. Hội nhập khu vực. B. Hội nhập toàn cầu. C. Hội nhập song phương. D. Hội nhập toàn diện.

**Câu 3:** Khi gia nhập tổ chức Thương mại thế giới WTO, Việt Nam có điều kiện tham gia sâu vào hoạt động nào dưới đây cùng với các nước trên thế giới?

A. Giữ gìn hòa bình. B. Hệ thống thanh toán tiền tệ.  
C. Củng cố quốc phòng. D. Chuỗi giá trị và sản xuất.

**Câu 1: trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Việt Nam ngày càng thực sự phát huy vai trò của mình trong việc tham gia ngày càng sâu rộng vào quá trình liên kết khu vực và thế giới. Là thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) từ năm 1995, nước ta tham gia tích cực và đóng góp vào quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN, tham gia các tổ chức và diễn đàn khác như Diễn đàn An ninh khu vực (ARF), Cộng đồng kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) Diễn đàn cấp cao Đông Á (EAS), Cộng đồng Pháp ngữ, Phong trào không liên kết... Nước ta đã tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do song phương và khu vực và đang đàm phán các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, trong đó có Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Hiệp định đối tác hợp tác kinh tế khu vực (RCEP).

a) Cộng đồng Pháp ngữ, Phong trào không liên kết là biểu hiện của hình thức hội nhập kinh tế quốc tế. *Sai, đây là hình thức hợp tác về chính trị, văn hóa.*

b) Việt Nam cần vừa hội nhập kinh tế song phương vừa hội nhập kinh tế đa phương. *Đúng, đa dạng hóa hình thức nhằm phát huy được những lợi thế của đất nước.*

c) Kết hợp chặt chẽ hội nhập về kinh tế với hội nhập về chính trị, văn hóa. *Đúng, đây là hình thức hợp tác toàn diện và sâu rộng.*

d) Khi hội nhập kinh tế quốc tế Việt Nam là quốc gia đang phát triển nên phải tuân thủ các quy định do các nước phát triển đặt ra. *Sai, mọi quốc gia đều bình đẳng và tuân thủ nguyên tắc chung.*

**Câu 2: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Vị thế của Việt Nam trên thế giới đã được củng cố toàn diện trong giai đoạn 2011 - 2022. Cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ, đến năm 2020, Việt Nam có 30 đối tác chiến lược và đối tác chiến lược toàn diện; có quan hệ ngoại giao với 189/193 nước, có quan hệ kinh tế với 160 nước và 70 vùng lãnh thổ. Đến năm 2022, tổng số quan hệ kinh tế - thương mại của Việt Nam đã nâng lên thành 230 nước và

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

vùng lãnh thổ. Với việc thực hiện chủ trương hội nhập quốc tế toàn diện với trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế, vị thế của đất nước tiếp tục được cải thiện đáng kể. Có thể khẳng định, hội nhập kinh tế quốc tế đóng góp quan trọng vào việc mở rộng và đưa quan hệ của nước ta với các đối tác đi vào chiều sâu, tạo thế đan xen lợi ích, góp phần gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

a) Việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược và chiến lược toàn diện là thể hiện hình thức hội nhập kinh tế quốc tế ở cấp độ khu vực. *Sai, đây là hình thức song phương giữa hai quốc gia với nhau.*

b) Hội nhập kinh tế quốc tế không góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng GDP hàng năm ở Việt Nam. *Sai, thông qua hội nhập kinh tế quốc tế, hàng hóa nước ta đẩy mạnh xuất khẩu sẽ góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng GDP*

c) Nước ta đang phát triển vì vậy khi hội nhập kinh tế quốc tế Việt Nam phải chấp nhận từ bỏ lợi ích của mình để hội nhập. *Sai, khi hội nhập kinh tế quốc tế các nước cùng bình đẳng, cùng có lợi.*

d) Hội nhập kinh tế quốc tế góp phần đưa hàng hóa của Việt Nam đến với các thị trường trên thế giới. *Đúng, thông qua các hiệp định kinh tế giúp hàng hóa Việt Nam dễ dàng thâm nhập vào thị trường thế giới.*

**Câu 3: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Tổ chức Thương mại thế giới được thành lập và hoạt động từ ngày 01/01/1995 với mục tiêu thiết lập và duy trì một nền thương mại toàn cầu tự do, thuận lợi và minh bạch. Tham gia WTO, các quốc gia được hưởng các quy định về tự do thương mại hàng hoá, dịch vụ, sở hữu trí tuệ và đầu tư. Từ ngày 11/01/2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của WTO.

a) Tổ chức quốc tế trong thông tin trên thuộc cấp độ hội nhập khu vực. *gia trong thông tin là hội nhập toàn cầu.*

b) Cấp độ hội nhập các quốc gia tham gia trong thông tin là hội nhập toàn cầu.

c) Tham gia tổ chức quốc tế, chỉ có các nước phát triển được hưởng lợi ích.

d) Các quốc gia tham gia tổ chức quốc tế trên không nhất thiết phải tuân thủ các quy định chung của tổ chức.

**Câu 4: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Đến nay, nước ta đã có quan hệ chính thức với 189/193 quốc gia và vùng lãnh thổ (trong đó có 4 đối tác chiến lược toàn diện, 17 đối tác chiến lược, 13 đối tác toàn diện); có quan hệ thương mại với 224 đối tác và quan hệ hợp tác với hơn 300 tổ chức quốc tế; đã ký hơn 90 hiệp định thương mại song phương, gần 60 hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư; đàm phán, ký kết và thực thi 19 Hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương với hầu hết các nền kinh tế lớn trên thế giới; trong đó 16 FTA đã có hiệu lực với hơn 60 đối tác, phủ rộng khắp các châu lục với tổng GDP chiếm gần 90% GDP toàn cầu, đưa Việt Nam trở thành một trong những nước dẫn đầu khu vực về tham gia các khuôn khổ hợp tác kinh tế song phương và đa phương.

a) Nước ta có quan hệ hợp tác kinh tế với 189/193 quốc gia và vùng lãnh thổ. *Sai, đây là quan hệ về ngoại giao, trong số này có những nước vừa có quan hệ ngoại giao vừa quan hệ kinh tế.*

b) Việc ký kết các hiệp định thương mại song phương và đa phương giúp Việt Nam mở rộng hoạt động kinh tế đối ngoại. *Đúng, thông qua các hoạt động này chúng ta có thể mở rộng thị trường xuất khẩu ra thế giới.*

c) Kinh tế đối ngoại là yếu tố giữ vai trò quan trọng góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế. *Đúng, vì thông qua hoạt động này thúc đẩy hàng hóa giao lưu với thế giới từ đó thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế.*

d) Hoạt động kinh tế đối ngoại là một bộ phận cấu thành chính sách đối ngoại của Việt Nam. *Đúng, vì trong công tác đối ngoại thì hoạt động kinh tế đối ngoại có vai trò quan trọng.*

----- HẾT -----

### **BÀI 3: BẢO HIỂM XÃ HỘI**

#### **HỆ THỐNG LÝ THUYẾT**

##### **1. Bảo hiểm và một số loại hình bảo hiểm**

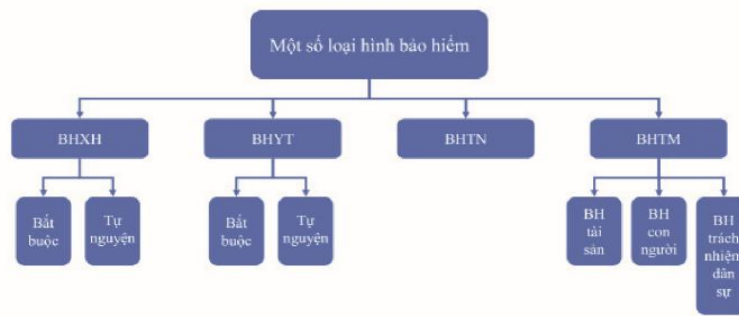
\* **Bảo hiểm:** Là một dịch vụ tài chính thông qua đó người tham gia bảo hiểm sẽ đóng phí bảo hiểm cho bên cung cấp dịch vụ bảo hiểm để được hưởng bồi thường, chi trả bảo hiểm cho những thiệt hại mà người tham gia bảo hiểm hoặc người thứ ba phải gánh chịu khi rủi ro hay sự kiện bảo hiểm xảy ra.

\* **Một số loại hình bảo hiểm:** bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thương mại.

- Sơ đồ một số loại bảo hiểm thường có ở Việt Nam hiện nay.

#### **MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

# TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025



## 1.1. BHXH

\* K/n: Là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp 1 phần thu nhập của người LĐ khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm, đau, thai sản, tai nạn LĐ, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi LĐ trên cơ sở đóng vào quỹ BHXH (Khoản 1 Điều 3 Luật BHXH 2014)

\* Có 2 loại BHXH

- BHXH bắt buộc: Là loại hình BHXH do nhà nước tổ chức mà người LĐ và người sử dụng LĐ phải tham gia (khoản 2, Điều 3, Luật BHXH 2014)

- Chế độ được hưởng: ốm đau, thai sản; tai nạn LĐ, bệnh nghề nghiệp; hưu trí; tử tuất

- BHXH tự nguyện: Là loại hình BHXH do nhà nước tổ chức mà người tham gia được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình và NN có chính sách hỗ trợ tiền đóng BHXH (khoản 2, Điều 3, Luật BHXH 2014)

- Chế độ được hưởng: hưu trí; tử tuất

## 1.2. BHYT

\* K/n BHYT: Là loại hình BH thuộc lĩnh vực CSSK cộng đồng do NN thực hiện; theo đó, người tham gia BH sẽ được chi trả 1 phần hoặc toàn bộ chi phí thăm khám, điều trị, phục hồi SK nếu không may xảy ra tai nạn hoặc bệnh tật.

\* Loại hình:

- **Bảo hiểm y tế bắt buộc** là hình thức bảo hiểm được áp dụng đối với các đối tượng theo Luật định để chăm sóc sức khỏe, không vì mục đích lợi nhuận do Nhà nước tổ chức thực hiện (khoản 1 Điều 2 Luật Bảo hiểm y tế 2008, sửa đổi bổ sung 2014)

- **Bảo hiểm y tế tự nguyện** là hình thức bảo hiểm do các công ty bảo hiểm cung cấp, áp dụng đối với những người không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc.

## 1.3. BH thất nghiệp

\* k/n: Bảo hiểm thất nghiệp là chế độ bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi bị mất việc làm, hỗ trợ người lao động học nghề, duy trì và tìm kiếm việc làm trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp (theo khoản 4 Điều 3 Luật Việc làm 2013).

## 1.4. BH thương mại

- **Bảo hiểm thương mại** là hoạt động của tổ chức BH chấp nhận rủi ro của người được BH trên cơ sở bên mua BH đóng phí BH để tổ chức BH bồi thường, trả tiền BH khi xảy ra sự kiện BH theo thỏa thuận trong hợp đồng BH đc được 2 bên ký kết.

- Bảo hiểm thương mại gồm: BH tài sản; BH con người; BH trách nhiệm dân sự.

- Nguyên tắc hoạt động: số đông bù số ít, qua đó người BH cam kết bồi thường hoặc trả tiền BH cho bên được BH khi có sự kiện được BH xảy ra với điều kiện bên được BH cam kết trả một khoản tiền gọi là phí bảo hiểm.

## 2. vai trò của bảo hiểm

\*Vai trò của bảo hiểm :

+ Đối với cá nhân: Mang lại sự ổn định và đảm bảo cuộc sống cho người được hưởng bảo hiểm. Khi gặp rủi ro sự cố thì người tham gia bảo hiểm sẽ nhận được hỗ trợ từ bảo hiểm để giảm bớt gánh nặng tài chính và duy trì mức sống tối thiểu.

+ Đối với doanh nghiệp: góp phần huy động vốn để phát triển kinh tế, tạo thêm việc làm cho thị trường lao động tạo sự an tâm cho xã hội.

+ Đối với quốc gia: Góp phần thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ cấp bách của chính phủ, thúc đẩy hội nhập hợp tác kinh tế quốc tế.

\*Ví dụ :

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

+ Người tham gia Bảo hiểm y tế khi khám chữa bệnh sẽ được chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí, giảm gánh nặng kinh tế đối với người bệnh và gia đình bệnh nhân; Bên cạnh đó tạo nguồn tài chính hỗ trợ cho hoạt động y tế, thực hiện công bằng và nhân đạo trong lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân

+ Cá nhân và doanh nghiệp tham gia Bảo hiểm rủi ro tài sản: Trong đời sống thường nhật và kinh doanh sản xuất, vốn dĩ có nhiều rủi ro không thể lường trước như cháy nổ, hỏa hoạn, giông bão, lũ lụt, lốc xoáy, sự sơ sót trong sử dụng lửa, nồi áp suất, hàn xì trong sửa chữa... gây ra những tổn thất không hề nhỏ về con người lẫn của cải vật chất. Trong các trường hợp rủi ro trên, chủ thể tham gia bảo hiểm rủi ro được bồi thường cho doanh nghiệp khi xảy ra sự kiện bảo hiểm giúp cho các tổ chức bảo toàn được nguồn vốn, tài sản; đối với các cá nhân và gia đình có thể khắc phục được các khó khăn về tài chính và tránh rơi vào tình trạng kiệt quệ về cả tinh thần và vật chất; Huy động vốn đầu tư tăng trưởng kinh tế; Thu hút đầu tư nước ngoài, thúc đẩy hội nhập kinh tế; Ổn định ngân sách nhà nước; Đề phòng, hạn chế tổn thất cho kinh tế - xã hội; Tạo thêm việc làm cho thị trường lao động; Tạo sự an tâm cho xã hội...

### **Bảo hiểm có vai trò to lớn cả về kinh tế và xã hội:**

- Về kinh tế:

- + Góp phần chuyển giao rủi ro, là một kênh để huy động vốn để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội;
- + Ổn định và tăng thu ngân sách nhà nước, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế.

- Về xã hội:

- + Giảm thiểu tổn thất, đảm bảo an toàn cho cuộc sống của con người;
- + Góp phần hình thành lối sống tiết kiệm trong xã hội;
- + Góp phần tạo công ăn việc làm, giảm thất nghiệp trong nền kinh tế.

### **BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO**

**Câu 1.** Hoạt động dịch vụ tài chính thông qua đó người tham gia bảo hiểm đóng một khoản phí cho tổ chức bảo hiểm để hưởng được bồi thường hoặc chi trả bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A.** Bảo tước.                    **B.** Tín dụng.                    **C.** Bảo hiểm.                    **D.** Tài chính.

**Câu 2.** Phát biểu nào sau đây là **sai** về vai trò của bảo hiểm?

- A.** Góp phần tạo công ăn việc làm trong nền kinh tế.    **B.** Đóng góp vào thu ngân sách nhà nước.  
**C.** Huy động vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội    **D.** Giảm thất nghiệp trong nền kinh tế.

**Câu 3.** Bảo hiểm gồm những loại hình nào sau đây?

- A.** Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm hưu trí.  
**B.** Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thương mại, bảo hiểm hưu trí.  
**C.** Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thương mại.  
**D.** Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm hưu trí.

**Câu 4.** Sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, hết tuổi lao động,... trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội là loại hình bảo hiểm nào?

- A.** Bảo hiểm thất nghiệp.    **B.** Bảo hiểm y tế.    **C.** Bảo hiểm xã hội.    **D.** Bảo hiểm thương mại.

**Câu 5.** Bảo hiểm nào chỉ có hình thức bắt buộc, không có hình thức tự nguyện?

- A.** Bảo hiểm y tế.    **B.** Bảo hiểm thất nghiệp.    **C.** Bảo hiểm xã hội.    **D.** Bảo hiểm thương mại.

**Câu 6.** Chủ thể nào có quyền được hưởng trợ cấp thất nghiệp khi bị mất việc làm?

- A.** Người sử dụng lao động.                    **B.** Người lao động.  
**C.** Tổ chức bảo hiểm.                    **D.** Người lao động và người sử dụng lao động.

**Câu 7:** Bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng do

- A.** đoàn thể thực hiện.                    **B.** Nhà nước thực hiện.  
**C.** Công đoàn thực hiện                    **D.** người dân thực hiện.

**Câu 8:** Theo quy định của pháp luật, người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nếu đủ điều kiện có thể được hưởng chế độ

- A.** trợ cấp đi lại.                    **B.** trợ cấp thất nghiệp.    **C.** trợ cấp lưu trú.                    **D.** trợ cấp thai sản.

**Câu 9:** Loại hình bảo hiểm do Nhà nước tổ chức mà người lao động và người sử dụng lao động thuộc đối tượng theo quy định phải tham gia là

- A.** bảo hiểm thân thể.                    **B.** bảo hiểm xã hội tự nguyện.  
**C.** bảo hiểm xã hội bắt buộc.                    **D.** bảo hiểm tài sản.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 10:** Loại hình bảo hiểm do Nhà nước tổ chức nhằm bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm, đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động dựa trên cơ sở mức đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội của người lao động trước đó là loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm xã hội. B. Bảo hiểm dân sự. C. Bảo hiểm con người. D. Bảo hiểm thương mại.

**Câu 11:** Cơ sở để người tham gia bảo hiểm y tế được nhận quyền lợi bảo hiểm là căn cứ vào

- A. thời gian tham gia bảo hiểm. B. mức đóng quỹ bảo hiểm y tế.  
C. tình trạng bệnh tật mắc phải. D. độ tuổi tham gia bảo hiểm.

**Câu 12:** Chủ thể của loại hình bảo hiểm xã hội là do

- A. các doanh nghiệp tư nhân. B. tổ chức thương mại.  
C. nhà đầu tư nước ngoài. D. Nhà nước tổ chức.

**Câu 13:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của bảo hiểm đối với sự phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Huy động vốn dài hạn. B. Thúc đẩy tín dụng đen.  
C. Ổn định tài chính cá nhân. D. Giảm lao động thất nghiệp.

**Câu 14:** Theo quy định của pháp luật, cơ quan bảo hiểm xã hội **không** phải chi trả loại trợ cấp nào dưới đây đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc?

- A. trợ cấp bệnh nghề nghiệp. B. trợ cấp tử tuất. C. trợ cấp lưu trú. D. trợ cấp tai nạn lao động.

**Câu 15:** Bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng gồm những loại hình nào dưới đây?

- A. Vận động và tự nguyện. B. Tự nguyện và cưỡng chế.  
C. Bắt buộc và vận động. D. Tự nguyện và bắt buộc.

**Câu 16:** Một trong những quyền lợi của người tham gia bảo hiểm xã hội là bị ốm đau hoặc nghỉ thai sản, nếu đủ điều kiện họ sẽ được nhận

- A. tiền trợ cấp theo quy định. B. toàn bộ số tiền đã đóng.  
C. bảo hiểm thất nghiệp. D. chi phí khám chữa bệnh.

**Câu 17:** Thông qua việc thu phí bảo hiểm trước khi rủi ro được bảo hiểm xảy ra sẽ giúp huy động được yếu tố nào dưới đây để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Những cá nhân tài năng. B. Các loại hình tín dụng đen.  
C. Nguồn vốn nhân đôi. D. Nhiều lao động thất nghiệp.

**Câu 18:** Một trong những mục đích của người tham gia bảo hiểm là nhằm

- A. phải nộp phí bảo hiểm. B. được đóng phí bảo hiểm.  
C. được từ chối trách nhiệm. D. được bồi thường thiệt hại.

**Câu 19:** Về mặt kinh tế, một trong những vai trò của bảo hiểm góp phần giúp các cá nhân và tổ chức tham gia bảo hiểm

- A. ngày càng lệ thuộc vào nhau. B. ổn định được nguồn tài chính.  
C. thu được nhiều lợi nhuận. D. chiếm đoạt tài sản của nhau.

**Câu 20:** Đặc điểm chung của bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp đó là đều do

- A. Hộ gia đình đứng ra tổ chức. B. Nhà nước đứng ra tổ chức.  
C. doanh nghiệp tư nhân tổ chức. D. doanh nghiệp nước ngoài tổ chức.

**Câu 21:** Một trong những quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế là khi không may bị ốm đau, hay xảy ra tai nạn họ sẽ nhận được

- A. trợ cấp thai sản, ốm đau. B. tiền mặt để chi tiêu hàng ngày.  
C. thanh toán khám, chữa bệnh. D. lương hưu hàng tháng.

**Câu 22:** Anh A đến đại lý bán bảo hiểm để mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe cơ giới cho chiếc xe máy mà mình đang sử dụng. Bác A đã sử dụng loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm y tế. B. Bảo hiểm thương mại. C. Bảo hiểm xã hội. D. Bảo hiểm thất nghiệp.

**Câu 23:** Loại hình dịch vụ trong đó có sự cam kết bồi thường giữa bên cung cấp bảo hiểm với bên tham gia bảo hiểm về những rủi ro, thiệt hại khi xảy ra sự kiện bảo hiểm nhằm mục đích ổn định kinh tế cho người tham gia và hướng tới đảm bảo an sinh xã hội là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Thất nghiệp. B. Tăng trưởng kinh tế. C. Bảo hiểm. D. Phát triển kinh tế.

**Câu 24:** Loại hình bảo hiểm nào dưới đây, trong đó hoạt động của tổ chức bảo hiểm chấp nhận rủi ro của người được bảo hiểm trên cơ sở bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm để tổ chức bảo hiểm bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm đã được hai bên ký kết.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- A. Bảo hiểm y tế. B. Bảo hiểm thất nghiệp. C. Bảo hiểm thương mại. D. Bảo hiểm xã hội.
- Câu 25:** Theo quy định của pháp luật, đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp là người lao động và
- A. cơ quan quản lý lao động. B. thân nhân người lao động.  
C. người sử dụng lao động. D. người đào tạo lao động.
- Câu 26:** Đối với ngân sách nhà nước, một trong những vai trò của bảo hiểm là góp phần giúp cho ngân sách nhà nước
- A. không bị thâm hụt. B. ổn định và tăng thu. C. mất cân đối thu chi D. chi tiêu nhiều hơn.
- Câu 27:** Theo quy định của pháp luật, với người tham gia loại hình bảo hiểm tự nguyện chỉ được nhận quyền lợi bảo hiểm nào dưới đây?
- A. Bệnh nghề nghiệp. B. Chế độ thai sản. C. Tai nạn lao động. D. Chế độ tử tuất.
- Câu 28:** Theo quy định của pháp luật, người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nếu đủ điều kiện có thể được hưởng chế độ
- A. trợ cấp ăn trưa B. trợ cấp học tập. C. công tác phí. D. trợ cấp ốm đau.
- Câu 29:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của bảo hiểm đối với sự phát triển kinh tế - xã hội?
- A. Gia tăng tỷ lệ lạm phát. B. Tăng thu ngân sách nhà nước.  
C. Mở rộng hội nhập quốc tế. D. Tạo ra nhiều việc làm mới.
- Câu 30:** Phát biểu nào dưới đây là sai về khái niệm bảo hiểm?
- A. Bảo hiểm thương mại là loại hình bảo hiểm mang tính kinh doanh.  
B. Bảo hiểm hoạt động theo nguyên tắc "số đông bù số ít".  
C. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế không mang tính kinh doanh.  
D. Bảo hiểm được thành lập dựa trên đóng góp tự nguyện của xã hội.
- Câu 31:** Phát biểu nào dưới đây là sai về vai trò của bảo hiểm?
- A. Tham gia bảo hiểm xã hội sẽ giúp mỗi cá nhân tham gia được an tâm tài chính khi về già.  
B. Bảo hiểm thất nghiệp chỉ có ý nghĩa đối với người bị mất việc làm thời kì dịch bệnh.  
C. Bảo hiểm tài sản giúp doanh nghiệp bảo đảm về tài sản và ổn định sản xuất kinh doanh.  
D. Bảo hiểm y tế là một chính sách xã hội do Nhà nước tổ chức thực hiện nhằm mục tiêu xã hội.
- Câu 32:** Một trong những quyền lợi của người tham gia bảo hiểm thất nghiệp là khi họ bị mất việc nếu đủ điều kiện họ sẽ nhận được
- A. lương hưu hàng tháng. B. phí bảo hiểm đã đóng.  
C. tiền trợ cấp thất nghiệp. D. trợ cấp khám chữa bệnh.
- Câu 33:** Theo quy định của pháp luật, cơ quan bảo hiểm xã hội **không** phải chi trả loại trợ cấp nào dưới đây đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc?
- A. trợ cấp ốm đau. B. trợ cấp đi lại. C. trợ cấp hưu trí. D. trợ cấp thai sản.
- Câu 34:** Chủ thể của loại hình bảo hiểm thất nghiệp là do
- A. Nhà nước thực hiện. B. người dân thực hiện. C. Công đoàn thực hiện D. đoàn thể thực hiện.
- Câu 35:** Bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm thuộc lĩnh vực
- A. Văn hóa xã hội. B. An sinh xã hội. C. Phúc lợi xã hội. D. Chăm sóc sức khỏe.
- Câu 36:** Phát biểu nào dưới đây là sai về vai trò của bảo hiểm?
- A. Bảo hiểm y tế hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cộng đồng giảm nhẹ gánh nặng cho ngân sách nhà nước.  
B. Thị trường bảo hiểm Việt Nam hoạt động còn mang tính tự phát không có sự quản lý  
C. Bảo hiểm thất nghiệp bù đắp một phần thu nhập cho người lao động khi bị mất việc  
D. Bảo hiểm xã hội giúp người lao động nhanh chóng khắc phục tổn thất về vật chất và tinh thần
- Câu 37:** Trong vấn đề giải quyết việc làm, việc mở rộng và đa dạng hóa các loại hình bảo hiểm sẽ góp phần
- A. tăng tỉ lệ thất nghiệp thường xuyên. B. đưa thị trường việc làm bị thu hẹp.  
C. làm mất cân đối cung cầu lao động. D. tạo ra ngày càng nhiều việc làm mới.
- Câu 38:** Xét về mặt quan hệ dân sự, bảo hiểm là một
- A. dịch vụ ngân hàng. B. dịch vụ tín dụng. C. dịch vụ tài chính. D. dịch vụ tiền tệ.
- Câu 33:** Một trong những đặc điểm của loại hình bảo hiểm thương mại là có
- A. tính không hoàn lại. B. tính bắt buộc. C. tính kinh doanh. D. tính rủi ro cao.
- Câu 39:** Xét về bản chất thì bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm thương mại đều có điểm chung ở chỗ các loại hình bảo hiểm này đều
- A. là một loại hình của dịch vụ tài chính. B. có độ rủi ro cao và không nên tham gia.  
C. người tham gia bao giờ cũng thua thiệt. D. có tính bắt buộc mọi chủ thể tham gia.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 40:** Đối với mỗi cá nhân, khi không may gặp rủi ro, việc tham gia bảo hiểm sẽ giúp các cá nhân

- A. được hỗ trợ trọn đời. B. được hoàn trả đầy đủ. C. đổi vận may mắn. D. ổn định tài chính.

**Câu 41:** Bạn A học sinh lớp 10 trường THPT X không may bị tai nạn giao thông phải nhập viện điều trị một tháng. Sau khi ra viện, bạn A được cơ quan bảo hiểm thanh toán toàn bộ chi phí điều trị và phẫu thuật theo quy định. Bạn A đã tham gia loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm thất nghiệp. B. Bảo hiểm xã hội. C. Bảo hiểm thương mại. D. Bảo hiểm y tế.

**Câu 42:** Loại hình bảo hiểm nào dưới đây nhằm bù đắp một phần thu nhập, hỗ trợ học nghề, duy trì và tìm kiếm việc làm cho người lao động khi bị mất việc làm trên cơ sở đóng góp vào quỹ bảo hiểm theo quy định.

- A. Bảo hiểm y tế. B. Bảo hiểm con người. C. Bảo hiểm thất nghiệp. D. Bảo hiểm xã hội.

**Câu 43:** Phát biểu nào dưới đây là sai về khái niệm bảo hiểm?

- A. Bảo hiểm chia sẻ tổn thất cho những người tham gia, theo nguyên tắc “số đông bù số ít”.  
B. Người tham gia bảo hiểm chuyển giao rủi ro cho tổ chức bảo hiểm trên cơ sở đóng phí.  
C. Khi rủi ro xảy ra, người tham gia bảo hiểm sẽ được bồi ngay số tiền đã thiệt bị thiệt hại.  
D. Tham gia bảo hiểm giúp các cá nhân, nhanh chóng ổn định đời sống vật chất, tinh thần.

**Câu 44:** Phát biểu nào dưới đây là sai về vai trò của bảo hiểm?

- A. Bảo hiểm xã hội giúp người lao động khắc phục toàn bộ các rủi ro.  
B. Bảo hiểm góp phần huy động vốn để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.  
C. Bảo hiểm giúp các cá nhân, đảm bảo an toàn cho các khoản đầu tư.  
D. Bảo hiểm giúp con người chuyển giao rủi ro khắc phục hậu quả tổn thất.

**Câu 45:** Theo quy định của pháp luật, đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc gồm người lao động và

- A. người sử dụng lao động. B. thân nhân người lao động.  
C. người đào tạo lao động. D. cơ quan quản lý lao động.

**Câu 46:** Cơ sở pháp lý để thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia bảo hiểm thương mại là dựa vào

- A. địa vị người tham gia bảo hiểm. B. hậu quả của người được bảo hiểm.  
C. hợp đồng bảo hiểm giữa hai bên. D. quy mô của công ty bảo hiểm.

**Câu 47:** Về mặt tài chính, khi các doanh nghiệp tham gia các loại hình bảo hiểm sẽ giúp doanh nghiệp được

- A. thâm tóm thị trường. B. miễn các loại thuế. C. ổn định và an toàn. D. xuất khẩu ưu đãi.

**Câu 48:** Ông M được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định nghỉ hưu theo quy định, sau khi hoàn thiện các thủ tục, ông M được nhận chế độ hưu trí hàng tháng. Ông M đã tham gia loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm y tế. B. Bảo hiểm xã hội. C. Bảo hiểm thương mại. D. Bảo hiểm thất nghiệp.

**Câu 49:** Loại hình bảo hiểm nào dưới đây thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng do Nhà nước thực hiện; theo đó, người tham gia bảo hiểm sẽ được chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí thăm khám, điều trị, phục hồi sức khỏe nếu không may xảy ra tai nạn hoặc bệnh tật?

- A. Bảo hiểm y tế. B. Bảo hiểm con người. C. Bảo hiểm xã hội D. Bảo hiểm thất nghiệp.

**Câu 50:** Một trong những đặc điểm của loại hình bảo hiểm thương mại là dựa trên nguyên tắc nào dưới đây giữa người tham gia bảo hiểm và tổ chức tiến hành bảo hiểm?

- A. Bắt buộc. B. Cưỡng chế. C. Quyền uy. D. Tự nguyện.

**Câu 51:** Một trong những quyền lợi của người tham gia bảo hiểm xã hội là khi hết tuổi lao động, nếu đủ điều kiện họ sẽ được nhận

- A. tiền trợ cấp thất nghiệp. B. số tiền đã đóng bảo hiểm.  
C. tiền lương hưu hàng tháng. D. tiền hỗ trợ khi về già.

**Câu 52:** Theo quy định của pháp luật, với người tham gia loại hình bảo hiểm tự nguyện chỉ được nhận quyền lợi bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Chế độ ốm đau. B. Chế độ thai sản. C. Tai nạn lao động. D. Chế độ hưu trí.

**Câu 53:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của bảo hiểm đối với mỗi cá nhân và gia đình?

- A. Ổn định vật chất, tinh thần. B. Chia sẻ khi gặp rủi ro.  
C. Đảm bảo an toàn tài chính. D. Gia tăng bao lực giới.

**Câu 54:** Đối với người tham gia bảo hiểm, một trong những vai trò của bảo hiểm đó là giúp mỗi cá nhân tham gia bảo hiểm nếu không may gặp rủi ro có thể

- A. chuyển giao rủi ro cho cơ quan bảo hiểm. B. được mọi người giúp đỡ, hỗ trợ thiệt hại.  
C. yêu cầu được bồi thường cho bản thân. D. xác định được phần thiệt hại của bản thân.



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 55:** Với loại hình bảo hiểm xã hội, người lao động sẽ nhận được quyền lợi bảo hiểm dựa trên cơ sở nào dưới đây?

- A. Mức đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội. B. Vị thế xã hội lúc tham gia.  
C. Địa vị xã hội khi tham gia. D. Nhu cầu hưởng bảo hiểm xã hội.

**Câu 56:** Theo quy định của pháp luật, với người tham gia loại hình bảo hiểm xã hội trường hợp nào dưới đây người tham gia bảo hiểm **không** được nhận quyền lợi bảo hiểm?

- A. Do hết tuổi lao động theo quy định. B. Do bị sa thải vì vi phạm kỷ luật.  
C. Ốm đau hoặc tai nạn lao động. D. Thai sản hoặc bệnh nghề nghiệp.

**Câu 57:** Theo quy định của pháp luật, người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nếu đủ điều kiện có thể được hưởng chế độ

- A. tai nạn giao thông. B. tai nạn đi lại. C. tai nạn lao động. D. tai nạn thương tích.

**Câu 1: Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới**

Bà H là lao động tự do sống trên địa bàn tỉnh Y. Sau một thời gian khám bệnh và điều trị tại bệnh viện K, bà H cầm trên tay hóa đơn, chứng từ thanh toán bảo hiểm y tế với số tiền 80 triệu đồng. Kết quả sau khi điều trị, bà đã được thanh toán gần một nửa chi phí điều trị gần 50 triệu đồng, thuộc đối tượng đồng chi trả 20%. Bà xúc động nói thêm: “Nhờ có sự tư vấn của cán bộ bảo hiểm xã hội, cách đây 5 tháng tôi có mua một tấm thẻ bảo hiểm y tế nay nhờ có tấm thẻ BHYT này mà tôi không trở thành gánh nặng tài chính của các con khi ốm đau, đến bây giờ bản thân tôi mới thấm thía cái câu khẩu hiệu: “BHYT đóng góp khi lành để dành khi ốm. Có thẻ BHYT, mình được lợi rất nhiều về viện phí, chất lượng khám chữa bệnh cũng tương đương với dịch vụ, tôi mong rằng mọi người nên tham gia BHYT để được bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, bản thân, gia đình một cách tốt nhất”.

**Câu 1:** Loại hình bảo hiểm mà bà H tham gia có đặc điểm là

- A. bắt buộc. B. được tài trợ. C. được vĩnh viễn. D. tự nguyện.

**Câu 2:** Nhờ có tham gia loại hình bảo hiểm đã mang lại lợi ích gì dưới đây cho bà H khi gặp rủi ro về ốm đau?

- A. Khám chữa bệnh chất lượng cao. B. Giảm gánh nặng tài chính gia đình.  
C. Được hỗ trợ tiền sau khi ra viện. D. Được khám miễn phí suốt đời.

**Câu 3:** Loại hình bảo hiểm mà bà H tham gia là

- A. Bảo hiểm thất nghiệp. B. Bảo hiểm y tế. C. Bảo hiểm xã hội. D. Bảo hiểm thương mại.

**Câu 2: Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới**

Ông N từng tham gia đóng BHXH bắt buộc, sau đó ông nghỉ tham gia Hội Nông dân thị trấn khi mới đóng được 15 năm, chưa đủ điều kiện về số năm đóng BHXH để có chế độ hưu trí (tối thiểu 20 năm). Cuối năm 2022, ông quyết định tham gia BHXH tự nguyện, nhờ sự kiên trì theo đuổi đóng đủ số năm quy định, giờ đây ông N chính thức được nhận lương hưu. Ông chia sẻ: “ Sau khi được tư vấn cán bộ BHXH huyện, trường hợp của tôi có 2 phương án lựa chọn, 1 là hưởng BHXH 01 lần, hai là đóng 1 lần BHXH tự nguyện những năm còn thiếu. Sau khi nghe cán bộ BHXH phân tích, tôi suy nghĩ và bàn bạc với gia đình, ông quyết định đóng BHXH tự nguyện một lần cho những năm còn thiếu. Sau khi hoàn thành thủ tục đóng tiền, ít ngày sau tôi nhận tháng lương hưu đầu tiên với số tiền hơn 1,8 triệu đồng. Với khoản lương hưu này giúp tôi có thêm khoản thu nhập để lo cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, tôi còn được cấp thẻ BHYT chăm sóc sức khỏe trọn đời.

**Câu 1:** Ông N đã tham gia các loại hình bảo hiểm xã hội nào dưới đây?

A. Tự nguyện và trọn đời. B. Tự nguyện và trả góp. C. Bắt buộc và tự nguyện. D. Bắt buộc và trả góp.

**Câu 2:** Ông N không là đối tượng của loại hình bảo hiểm nào được đề cập trong thông tin trên.

- A. Bảo hiểm xã hội tự nguyện. B. Bảo hiểm y tế.  
C. Bảo hiểm xã hội bắt buộc. D. Bảo hiểm thất nghiệp.

**Câu 3:** Ông N đang được hưởng chế độ nào dưới đây khi đủ điều kiện hưởng bảo hiểm tham gia bảo hiểm xã hội ?

- A. Trợ cấp khám bệnh. B. Chế độ tai nạn lao động. C. Chế độ tử tuất. D. Chế độ hưu trí.

**Câu 3: Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới**

Chia sẻ về việc quyết định tham gia BHXH tự nguyện, chị D cho biết, trước đây chị làm công nhân đã có 10 năm tham gia BHXH bắt buộc và sau khi nghỉ việc chị không còn được tham gia nữa. Nghỉ việc ở nhà, chị chuyển sang bán hàng ăn để mưu sinh hàng ngày. Công việc vất vả, thức khuya dậy sớm khiến sức khỏe chị ngày một yếu đi. Lúc này chị bắt đầu nghĩ tới và tham gia BHXH tự nguyện. Tính đến nay chị đã



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

đóng được 5 năm, mỗi lần đều đóng theo quý, mỗi quý hơn 600 ngàn đồng. Không những tham gia BHXH tự nguyện, chị còn tham gia cả BHYT hộ gia đình. Nói về lợi ích của việc tham gia những loại hình bảo hiểm trên, chị D xúc động cho hay: Tôi cũng vừa mới mổ u được vài tháng. Đến khi bị bệnh tôi mới thấy sự hữu ích của những loại hình bảo hiểm này. Cứ hoàn cảnh như hiện nay, khi hết tuổi lao động mà không tham gia các loại hình bảo hiểm của nhà nước sẽ không biết lấy gì nuôi thân nếu như không có nguồn thu ổn định.

**Câu 1:** Ngoài loại hình bảo hiểm xã hội, chị D còn tham gia loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm thương mại. B. Bảo hiểm y tế. C. Bảo hiểm thất nghiệp. D. Bảo hiểm dân sự.

**Câu 2:** Các loại hình bảo hiểm mà chị D tham gia có đặc điểm chung nào dưới đây?

- A. Được hưởng ngay sau khi đóng phí. B. Do Nhà nước tổ chức.  
C. Do cá nhân triển khai. D. Bắt buộc đối với mọi công dân.

**Câu 3:** Thông tin trên cho biết chị D đã và đang tham gia các loại hình bảo hiểm xã hội nào dưới đây?

- A. Bắt buộc và tài trợ. B. Thất nghiệp và tự nguyện.  
C. Tự nguyện và tài trợ. D. Tự nguyện và bắt buộc.

**Câu 4: Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới**

Năm 2013 bà Nguyễn Thị A giao kết hợp đồng lao động có thời hạn 24 tháng với trường tiểu học E với mức lương như sau. Tuy nhiên, từ ngày 01/1/2015 đến ngày 30/6/2015, bà A nghỉ hưởng chế độ thai sản. Sau đó, do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động vì vậy bà A đã làm đơn xin nghỉ việc theo quy định của pháp luật lao động và ngày 01/7/2015 trường tiểu học E ban hành quyết định nghỉ việc cho bà A, quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Câu 1:** Theo quy định của pháp luật, sau thời gian bà A được trường tiểu học E ban hành quyết định nghỉ việc, nếu không đi làm tiếp, bà A có thể tiếp tục tham gia loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm xã hội tự nguyện. B. Bảo hiểm xã hội thai sản.  
C. Bảo hiểm xã hội bắt buộc. D. Bảo hiểm thất nghiệp.

**Câu 2:** Theo quy định của pháp luật, sau thời gian bà A được trường tiểu học E ban hành quyết định nghỉ việc, bà A có quyền được hưởng loại bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm thất nghiệp. B. Bảo hiểm dân sự. C. Trợ cấp tai nạn. D. Trợ cấp thai sản.

**Câu 3:** Theo quy định của pháp luật, trong thời gian nghỉ chế độ thai sản bà A được hưởng chế độ bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Trợ cấp nghề nghiệp. B. Bảo hiểm thất nghiệp. C. Chế độ hưu trí. D. Chế độ thai sản.

**Câu 5: Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới**

Ông H, ở Thành phố K, sau khi dừng tham gia BHXH bắt buộc đã bỏ số tiền hơn 44 triệu đồng đóng BHXH tự nguyện những năm còn thiếu để được hưởng lương hưu tâm sự, chia sẻ: “Lúc trước làm việc, tôi cũng có tham gia BHXH, do điều kiện tôi xin nghỉ và đã hưởng một lần. Số tiền nhận khi đó cũng giúp tôi làm được một số việc nhưng cũng chẳng được bao lâu. Đến khi sau này đi làm lại và tham gia BHXH, lúc gần nghỉ việc do hết tuổi lao động, quá trình tham gia BHXH của mình chỉ được 18 năm 02 tháng chưa đủ điều kiện để hưởng chế độ hưu trí. Tôi đã suy nghĩ, rút kinh nghiệm lần trước nên đã quyết định đóng BHXH tự nguyện số năm còn thiếu để hưởng lương hưu”. Tiền lương hưu hàng tháng cũng đủ trang trải cho cuộc sống hàng ngày, mình còn được cấp thẻ BHYT quyền lợi cao hơn so với lúc đi làm để đi khám bệnh, mà lớn tuổi rồi sức khỏe xuống có khi ở bệnh viện nhiều hơn ở nhà. Nên tính ra việc nhận lương hưu nó bảo đảm hơn cho bản thân mình khi về già”.

**Câu 1:** Ông H là đối tượng đã tham gia những loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp.  
B. Bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội tự nguyện và bắt buộc.  
C. Bảo hiểm xã hội tự nguyện, bắt buộc và bảo hiểm y tế.  
D. Bảo hiểm thân thể, tai sản và bảo hiểm thương mại.

**Câu 2:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của bảo hiểm đối với ông H?

- A. Được chăm sóc sức khỏe trọn đời. B. Được hưởng trợ cấp ốm đau.  
C. Ổn định thu nhập khi về già. D. Được hưởng chế độ tử tuất.

**Câu 1: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Chia sẻ về việc quyết định tham gia BHXH tự nguyện, chị D cho biết, trước đây chị làm công nhân đã có 10 năm tham gia BHXH bắt buộc và sau khi nghỉ việc chị không còn được tham gia nữa. Nghỉ việc ở nhà, chị chuyển sang bán hàng ăn để mưu sinh hàng ngày. Công việc vất vả, thức khuya dậy sớm khiến sức

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

khỏe chị ngày một yếu đi. Lúc này chị bắt đầu nghĩ tới và tham gia BHXH tự nguyện. Tính đến nay chị đã đóng được 5 năm, mỗi lần đều đóng theo quý, mỗi quý hơn 600 ngàn đồng. Không những tham gia BHXH tự nguyện, chị còn tham gia cả BHYT hộ gia đình. Nói về lợi ích của việc tham gia những loại hình bảo hiểm trên, chị D xúc động cho hay: Tôi cũng vừa mới mổ u được vài tháng. Đến khi bị bệnh tôi mới thấy sự hữu ích của những loại hình bảo hiểm này. Cứ hoàn cảnh như hiện nay, khi hết tuổi lao động mà không tham gia các loại hình bảo hiểm của nhà nước sẽ không biết lấy gì nuôi thân nếu như không có nguồn thu ổn định.

a) Chị D tham gia bảo hiểm bắt buộc 10 năm sau đó bỏ không tham gia vì đã nghỉ việc là hợp lý. *Sai, điều này rất thiệt thòi, nếu chị bảo lưu hoặc chuyển ngay sang tự nguyện chị sẽ có thời gian tham gia cao hơn.*

b) Người lao động tự do nên tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. *Đúng, vì hình thức này khá linh hoạt, phù hợp với nhiều đối tượng.*

c) Vì đã tham gia bảo hiểm xã hội nên khi nhập viện mổ khối u chị sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau. *Sai vì chị tham gia loại hình bảo hiểm xã hội tự nguyện nên chị chỉ được hưởng chế độ thanh toán bảo hiểm y tế mà không được hưởng trợ cấp ốm đau đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.*

d) Loại hình bảo hiểm y tế mà chị D tham gia là loại hình bảo hiểm y tế bắt buộc đối với mọi gia đình. *Sai, đây là hình thức bảo hiểm tự nguyện, mua theo gia đình thì sẽ có chính sách giảm mức đóng với một số thành viên.*

**Câu 2: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Ông H, ở Thành phố K, sau khi dừng tham gia BHXH bắt buộc đã bỏ số tiền hơn 44 triệu đồng đóng BHXH tự nguyện những năm còn thiếu để được hưởng lương hưu tâm sự, chia sẻ: “Lúc trước làm việc, tôi cũng có tham gia BHXH, do điều kiện tôi xin nghỉ và đã hưởng một lần. Số tiền nhận khi đó cũng giúp tôi làm được một số việc nhưng cũng chẳng được bao lâu. Đến khi sau này đi làm lại và tham gia BHXH, lúc gần nghỉ việc do hết tuổi lao động, quá trình tham gia BHXH của mình chỉ được 18 năm 02 tháng chưa đủ điều kiện để hưởng chế độ hưu trí. Tôi đã suy nghĩ, rút kinh nghiệm lần trước nên đã quyết định đóng BHXH tự nguyện số năm còn thiếu để hưởng lương hưu”. Tiền lương hưu hàng tháng cũng đủ trang trải cho cuộc sống hàng ngày, mình còn được cấp thẻ BHYT quyền lợi cao hơn so với lúc đi làm để đi khám bệnh, mà lớn tuổi rồi sức khỏe xuống có khi ở bệnh viện nhiều hơn ở nhà. Nên tính ra việc nhận lương hưu nó bảo đảm hơn cho bản thân mình khi về già”.

a) Ông H quyết định đóng một lần số năm còn thiếu để hưởng chế độ hưu trí là phù hợp. *Đúng vì ông H đã hết tuổi lao động lại đã có trên 18 năm nên số năm còn lại đóng 1 lần là khá ít trong khi nếu đóng đủ ông sẽ được hưởng chế độ hưu trí ngay.*

b) Việc rút bảo hiểm xã hội một lần là việc cần cân nhắc kỹ lưỡng với mọi công dân vì quyền lợi lâu dài. *Đúng vì rút một lần sẽ chỉ giải quyết cái lợi trước mắt.*

c) Ngoài chế độ hưu trí, ông H còn được hưởng trợ cấp ốm đau và chế độ bảo hiểm y tế. *Sai, ông H chỉ được hưởng chế độ bảo hiểm y tế.*

d) Việc linh hoạt đóng chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện thể hiện chính sách ưu việt của nhà nước. *Đúng vì như vậy sẽ phù hợp với nhiều đối tượng người lao động*

**Câu 3: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Chị E giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn với công ty A. Hàng tháng, chị E đóng đầy đủ các loại BHXH. Đến 01/6/2020, chị E nghỉ thai sản (nghỉ đến hết 31/12/2020). Vì lý do gia đình, 01/1/2021 chị E nộp đơn xin nghỉ việc. Trước khi chấm dứt HĐLĐ, tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 15 tháng. Căn cứ vào quy định của pháp luật lao động chị đã làm hồ sơ gửi cơ quan chức năng để nhận hỗ trợ theo quy định. Sau đó được sự tư vấn của bạn bè, chị E tham gia gói bảo hiểm nhân thọ cho cả mẹ và con chị.

a) Loại hình bảo hiểm xã hội mà chị E tham gia trước khi nghỉ việc là bảo hiểm xã hội tự nguyện. *Sai, đây là loại hình bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của pháp luật lao động.*

b) Chị E đã tham gia loại hình bảo hiểm thất nghiệp tự nguyện nên chị được hưởng trợ cấp thất nghiệp. *Sai, đây là hình thức bảo hiểm thất nghiệp bắt buộc nên chị được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định.*

c) Trước khi nghỉ việc chị E không tham gia bảo hiểm y tế. *Sai, vì chị E ký hợp đồng không xác định thời hạn với công ty A nên chị E là đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc.*

d) Bảo hiểm nhân thọ mà chị E tham gia là loại hình bảo hiểm thương mại. *Đúng, đây là loại hình bảo hiểm tự nguyện.*

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 4: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Ông N từng tham gia đóng BHXH bắt buộc, sau đó ông nghỉ tham gia Hội Nông dân thị trấn khi mới đóng được 15 năm, chưa đủ điều kiện về số năm đóng BHXH để có chế độ hưu trí (tối thiểu 20 năm). Cuối năm 2022, ông quyết định tham gia BHXH tự nguyện, nhờ sự kiên trì theo đuổi đóng đủ số năm quy định, giờ đây ông N chính thức được nhận lương hưu. Ông chia sẻ: “ Sau khi được tư vấn cán bộ BHXH huyện, trường hợp của tôi có 2 phương án lựa chọn, 1 là hưởng BHXH 01 lần, hai là đóng 1 lần BHXH tự nguyện những năm còn thiếu. Sau khi nghe cán bộ BHXH phân tích, tôi suy nghĩ và bàn bạc với gia đình, ông quyết định đóng BHXH tự nguyện một lần cho những năm còn thiếu. Sau khi hoàn thành thủ tục đóng tiền, ít ngày sau tôi nhận tháng lương hưu đầu tiên với số tiền hơn 1,8 triệu đồng. Với khoản lương hưu này giúp tôi có thêm khoản thu nhập để lo cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, tôi còn được cấp thẻ BHYT chăm sóc sức khỏe trọn đời.

a) Công dân cứ đóng đủ số năm tham gia bảo hiểm xã hội là sẽ được nhận chế độ hưu trí. *Sai, ngoài số năm còn phải đủ điều kiện về sức khỏe và độ tuổi.*

b) Ông N đã cao tuổi nên nếu rút bảo hiểm xã hội một lần sẽ lợi hơn khi đóng tiếp để hưởng hưu trí. *Sai, vì việc đóng tiếp để được hưởng hưu trí sẽ giúp ông ổn định về tài chính lúc về già khi bản thân ông rất khó tìm việc làm mới.*

c) Ông N chỉ được hưởng chế độ hưu trí và thẻ bảo hiểm y tế để khám bệnh. *Sai, ngoài chế độ hưu trí, sau này ông N còn được hưởng chế độ tử tuất sau khi mất đi.*

d) Tham gia bảo hiểm đã giúp ông N được bảo vệ sức khỏe và yên tâm về tài chính khi về già. *Đúng vì ông được cấp thẻ bảo hiểm y tế trọn đời và có khoản thu nhập ổn định hàng tháng.*

### BÀI 4: AN SINH XÃ HỘI

#### HỆ THỐNG LÝ THUYẾT

#### 1. AN SINH XÃ HỘI VÀ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI CƠ BẢN

##### a, khái niệm an sinh xã hội

là hệ thống các chính sách can thiệp của nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội.

##### b, một số chính sách an sinh xã hội cơ bản và sự cần thiết của an sinh xã hội

\*Một số chính sách an sinh xã hội cơ bản: chính sách hỗ trợ việc làm, chính sách về bảo hiểm, chính sách trợ giúp xã hội, chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản.

Chính sách an sinh xã hội	Giải thích	Ví dụ cụ thể tại Việt Nam
Chính sách việc làm, thu nhập và giảm nghèo	Hỗ trợ người lao động nâng cao cơ hội tìm việc làm, tham gia thị trường lao động để có thu nhập, từng bước đảm bảo thu nhập tối thiểu cho người dân; đặc biệt là người nghèo, thanh niên, lao động nông thôn và các nhóm lao động dễ bị tổn thương khác cải thiện cuộc sống, góp phần chuyển đổi cơ cấu việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp, xóa nghèo, giảm nghèo và ổn định xã hội	Các chương trình <b>đào tạo nghề</b> cho người lao động thất nghiệp tại các trung tâm giới thiệu việc làm. Ngoài ra, <b>Dự án Quốc gia hỗ trợ tạo việc làm</b> giúp người dân ở nông thôn tìm việc làm mới. Chương trình <b>Giảm nghèo bền vững</b> do Chính phủ phát động, hỗ trợ tài chính và hướng dẫn sản xuất cho các hộ nghèo ở vùng nông thôn và miền núi.
Chính sách về bảo hiểm	Hỗ trợ người dân phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro khi bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, mất sức lao động, hết tuổi lao động. Gồm một số chính sách về: BHXH, BHYT, BHTN...	Bảo hiểm xã hội bắt buộc cho công nhân tại các công ty, giúp họ nhận <b>trợ cấp thai sản, trợ cấp ốm đau</b> , và chế độ <b>lương hưu</b> khi đến tuổi nghỉ hưu.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

Chính sách an sinh xã hội	Giải thích	Ví dụ cụ thể tại Việt Nam
Chính sách trợ giúp xã hội	Bảo vệ phổ cập đối với mọi thành viên trong xã hội trên cơ sở sự tương trợ cộng đồng, chia sẻ rủi ro. Nó bao gồm: các chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng cho những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (người cao tuổi, người khuyết tật nặng, trẻ mồ côi...) trợ cấp xã hội đột xuất cho người dân khi gặp phải những rủi ro, khó khăn bất ngờ như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... giúp họ ổn định cuộc sống	Chương trình <b>trợ cấp xã hội hàng tháng</b> cho người cao tuổi không có lương hưu, người khuyết tật, trẻ em mồ côi, giúp họ cải thiện cuộc sống.
Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản	Chính sách đảm bảo cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản ở mức tối thiểu như các chính sách về giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin... cho người dân, đặc biệt là các đối tượng yếu thế trong xã hội (người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn và đồng bào dân tộc thiểu số).	Chương trình <b>cung cấp dịch vụ y tế miễn phí</b> cho trẻ em dưới 6 tuổi, người nghèo, và các dịch vụ giáo dục hỗ trợ cho trẻ em mồ côi, vùng sâu vùng xa như <b>trường học xã hội và trung tâm giáo dục nghề nghiệp</b> .
Kết luận	- An sinh xã hội ra đời nhằm bảo đảm an toàn cho mọi thành viên trong xã hội, trước những rủi ro trong cuộc sống. Mỗi công dân cần nhận thức đúng đắn về vai trò của an sinh xã hội, tích cực tham gia và tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện các chính sách về an sinh xã hội để không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.	

\* Sự cần thiết của an sinh xã hội:

- An sinh xã hội nhằm góp phần giảm thiểu tối đa mức độ nghèo đói, những tổn thương, rủi ro xã hội mà người dân gặp phải.

- An sinh xã hội có ý nghĩa quan trọng trong đời sống xã hội, chẳng hạn như: Đảm bảo các điều kiện sống và phát triển tốt nhất cho người dân, bao gồm an toàn, sức khỏe, giáo dục, lao động, thu nhập, chăm sóc xã hội và các quyền lợi khác; Giúp giảm bớt gánh nặng chi phí cho người dân trong các lĩnh vực như y tế, giáo dục, bảo hiểm, trợ cấp,... Thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội, góp phần tăng cường nguồn lực, năng lực và năng suất lao động của các cá nhân và cộng đồng; Tạo ra môi trường sống an toàn, bình đẳng và công bằng cho người dân, thể hiện quyền cơ bản của con người, chủ nghĩa nhân đạo của Nhà nước và tinh thần đoàn kết của xã hội; Phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro và biến cố xã hội, như bệnh tật, tai nạn, thất nghiệp, thương tật, tuổi già, chết, thiên tai,...

### 2. vai trò của an sinh xã hội

Đối với đối tượng thụ hưởng chính sách an sinh xã hội

- Được hỗ trợ giải quyết việc làm
- Tăng thu nhập cho những người yếu thế
- Được cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin....

Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội:

- Góp phần xóa đói giảm nghèo
- Giảm bất bình đẳng, thu hẹp chênh lệch giữa các vùng, các nhóm dân cư,
- Góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

Đối với Nhà nước

- Giúp nâng cao hiệu quả quản lý xã hội.
- Giải quyết tốt các vấn đề xã hội.
- Giữ vững ổn định chính trị, xã hội và củng cố QP-AN.

## BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO

**Câu 1:** Chính sách an sinh xã hội **không** có vai trò nào dưới đây đối với đối tượng được hưởng?

- A.** Phòng ngừa biến cố. **B.** Ngăn ngừa rủi ro. **C.** Khắc phục rủi ro. **D.** Quản lý xã hội.



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

A. Chính sách bảo hiểm xã hội.

B. Chính sách giảm nghèo, thu nhập.

C. Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản.

D. Chính sách trợ giúp xã hội.

**Câu 14: Trả lời câu hỏi Đúng, sai - Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:**

Đảng và Nhà nước xác định vấn đề bảo đảm nhà ở ổn định cho người dân là một nhiệm vụ xã hội quan trọng. Chính vì vậy, để bảo đảm điều kiện sinh sống tối thiểu cho người dân, Luật Nhà ở năm 2014 quy định các chính sách hỗ trợ về nhà ở cho một số đối tượng: hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn; hộ gia đình tại khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng nặng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu; người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị; người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; học sinh, sinh viên các học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề; học sinh trường dân tộc nội trú công lập được sử dụng nhà ở trong thời gian học tập. Nhà nước đã ban hành một số chính sách về đất đai, huy động vốn, vay vốn ưu đãi và loại hình phát triển nhà ở xã hội. Đồng thời, Nhà nước cũng đã ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và người dân đã tích cực tham gia xây dựng nhà ở xã hội, nhất là cho các đối tượng nghèo, khó khăn.

a) Vấn đề bảo đảm nhà ở ổn định cho người dân là nội dung cơ bản của chính sách trợ giúp xã hội. *Sai, đây là nội dung thuộc chính sách trợ giúp xã hội.*

b) Việt Nam cần có chính sách bảo hiểm về nhà ở để hỗ trợ người có thu nhập thấp vay vốn mua nhà ổn định cuộc sống. *Sai đây là chính sách tín dụng để hỗ trợ về tín dụng cho người vay nhà.*

c) Thực hiện chính sách về nhà ở cho người dân chính là thực hiện tốt chỉ số về tiến bộ xã hội đối với sự phát triển kinh tế. *Đúng, hỗ trợ nhà ở cũng là cơ sở để thúc đẩy quyền con người.*

d) Giải quyết vấn đề nhà ở xã hội là trách nhiệm của toàn xã hội. *Đúng đây là chính sách an sinh xã hội quan trọng liên quan trực tiếp tới các hộ gia đình.*

### DẠNG 2

**Câu 1:** Chính sách an sinh xã hội **không** có vai trò nào dưới đây đối với đối tượng được hưởng?

A. Phòng ngừa biến cố. B. Ngăn ngừa rủi ro. C. Khắc phục rủi ro. D. Quản lý xã hội.

**Câu 2:** Để thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về giải quyết việc làm, Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp

A. tạo ra nhiều sản phẩm.

B. tạo ra nhiều việc làm mới.

C. bảo vệ người lao động.

D. tăng thu nhập cho người lao động.

**Câu 3:** Trong hệ thống chính sách an sinh xã hội ở nước ta hiện nay, một trong những chính sách dịch vụ xã hội cơ bản là dịch vụ

A. việc làm tối thiểu.

B. thu nhập tối đa.

C. y tế tối thiểu.

D. bảo hiểm tối thiểu.

**Câu 4:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện mục tiêu của chính sách an sinh xã hội về giải quyết việc làm, bảo đảm thu nhập và giảm nghèo bền vững?

A. Giảm tỷ lệ hộ giàu trong xã hội.

B. Cải thiện cuộc sống hộ nghèo.

C. Xóa bỏ khoảng cách giàu nghèo.

D. Giảm tỷ lệ người thất nghiệp.

**Câu 5:** Một trong những vai trò của an sinh xã hội là góp phần giúp các đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội có thể chủ động, ngăn ngừa và giảm bớt

A. phạm tội.

B. rủi ro.

C. quyền lợi.

D. lợi nhuận.

**Câu 6:** Việc làm nào dưới đây góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về vấn đề giải quyết việc làm?

A. Chia đều các nguồn thu nhập.

B. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

C. Chấp hành quy tắc công cộng.

D. Bảo trợ hoạt động truyền thông.

**Câu 7:** Một trong những mục tiêu của chính sách an sinh xã hội về bảo hiểm nhằm giúp người dân

A. xóa đói giảm nghèo.

B. xóa bỏ nhà tạm.

C. phòng ngừa rủi ro.

D. phòng ngừa thất nghiệp.

**Câu 8:** Đối với đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội, việc thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội đem lại lợi ích nào dưới đây?

A. Hưởng thu nhập vô điều kiện

B. Được hoàn trả lại lợi ích đã mất.

C. Khắc phục và giảm thiểu rủi ro.

D. Được hỗ trợ miễn phí trọn đời.

**Câu 9:** Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, việc thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội sẽ góp phần

A. thúc đẩy sự phân hóa giàu nghèo.

B. thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

C. thúc đẩy tình trạng thất nghiệp.

D. thúc đẩy tình trạng lạm phát.

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 10:** Hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. An sinh xã hội.      B. Bảo hiểm xã hội.      C. Chất lượng cuộc sống.      D. Thượng tầng xã hội.

**Câu 11:** Một trong những mục tiêu của việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội là nhằm giúp các đối tượng yếu thế trong xã hội có thể

- A. ổn định cuộc sống.      B. mặc cảm và tự ti.      C. từ bỏ cuộc sống.      D. gia tăng giàu nghèo.

**Câu 12:** Việc làm nào dưới đây góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về vấn đề giải quyết việc làm?

- A. Chia đều lợi nhuận khu vực.      B. Hưởng chế độ phụ cấp khu vực.  
C. Xóa bỏ định kiến về giới.      D. Phát triển sản xuất và dịch vụ.

**Câu 13:** Trong hệ thống chính sách an sinh xã hội ở nước ta hiện nay, một trong những chính sách dịch vụ xã hội cơ bản là dịch vụ

- A. thu đổi ngoại tệ.      B. hỗ trợ pháp lý.      C. giáo dục tối thiểu.      D. hỗ trợ việc làm.

**Câu 14:** Việc nhà nước có chính sách hỗ trợ gạo từ nguồn ngân sách nhà nước cho nhân dân các vùng khó khăn dịp Tết nguyên đán là thực hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?

- A. Chính sách hỗ trợ bảo hiểm.      B. Chính sách trợ giúp xã hội.  
C. Chính sách trợ giúp việc làm.      D. Chính sách hỗ trợ thu nhập.

**Câu 15:** Ở nước ta hiện nay, chính sách nào dưới đây **không** thuộc hệ thống chính sách an sinh xã hội cơ bản?

- A. Chính sách về bảo hiểm.      B. Chính sách xuất khẩu nông sản.  
C. Chính sách hỗ trợ thu nhập.      D. Chính sách hỗ trợ giảm nghèo.

**Câu 16:** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh chính sách dịch vụ xã hội cơ bản trong hệ thống an sinh xã hội ở nước ta?

- A. Dịch vụ y tế tối thiểu.      B. Công tác văn hóa, thông tin.  
C. Dịch vụ việc làm tối thiểu.      D. Dịch vụ giáo dục tối thiểu.

**Câu 17:** Đối với mỗi quốc gia, an sinh xã hội là một trong những tiêu chí đánh giá sự

- A. bất công xã hội.      B. vi phạm dân quyền.  
C. phát triển kinh tế.      D. tiền bộ xã hội.

**Câu 18:** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh vai trò của chính sách an sinh xã hội?

- A. Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo.      B. Thúc đẩy lạm phát, thất nghiệp.  
C. Góp phần xóa đói giảm nghèo.      D. Phân phối lại thu nhập xã hội.

**Câu 19:** Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, việc thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội sẽ góp phần

- A. tăng nguồn thu ngân sách.      B. giảm tỷ lệ lạm phát, thất nghiệp.  
C. gia tăng thất nghiệp tự nhiên.      D. nâng cao chất lượng cuộc sống.

**Câu 20:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện nội dung của chính sách an sinh xã hội về bảo hiểm ở nước ta?

- A. Trợ cấp tai nạn lao động.      B. Trợ cấp xóa nhà tạm.      C. Trợ cấp ốm đau.      D. Trợ cấp thai sản.

**Câu 21:** Việc nhà nước có chính sách trợ cấp hàng tháng cho đối tượng người cao tuổi không thuộc diện được hưởng chế độ hưu trí là thực hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?

- A. Chính sách hỗ trợ y tế.      B. Chính sách trợ giúp việc làm.  
C. Chính sách hỗ trợ nhà ở.      D. Chính sách trợ giúp xã hội.

**Câu 22:** Ở nước ta hiện nay, chính sách nào dưới đây **không** thuộc hệ thống chính sách an sinh xã hội cơ bản?

- A. Chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài.      B. Chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội.  
C. Chính sách hỗ trợ giảm nghèo.      D. Chính sách trợ giúp xã hội.

**Câu 23:** Chính sách trợ giúp xã hội **không** nhằm thực hiện mục tiêu nào dưới đây?

- A. Gia tăng sự phân hóa, bất bình đẳng.      B. Giúp người yếu thế ổn định cuộc sống.  
C. Thực hiện bình đẳng trong xã hội.      D. Hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn.

**Câu 24:** Một trong những vai trò của an sinh xã hội là góp phần giúp các đối tượng nào dưới đây có thể giảm thiểu rủi ro và từng bước ổn định cuộc sống cho bản thân?

- A. Đối tượng thu nhập cao.      B. Đối tượng có lương hưu.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- C. Đối tượng là nam giới. D. Đối tượng yếu thế.
- Câu 25:** Việc làm nào dưới đây góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về vấn đề giải quyết việc làm?
- A. Chăm sóc sức khỏe khi ốm. B. Chăm sóc sức khỏe ban đầu.  
C. Chiếm hữu tài nguyên. D. Cho vay vốn ưu đãi để sản xuất.
- Câu 26:** Việc nhà nước đầu tư kinh phí để phát triển hệ thống nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp là góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?
- A. Chính sách giải quyết việc làm. B. Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản.  
C. Chính sách trợ giúp xã hội. D. Chính sách bảo hiểm xã hội.
- Câu 27:** Nhà nước có chính sách để hỗ trợ việc đẩy mạnh xuất khẩu lao động là góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?
- A. Chính sách hỗ trợ thu nhập. B. Chính sách trợ giúp xã hội.  
C. Chính sách bảo hiểm xã hội. D. Chính sách giải quyết việc làm.
- Câu 28:** Đối với sự phát triển kinh tế xã hội, chính sách an sinh xã hội có vai trò nào dưới đây?
- A. Khắc phục rủi ro gặp phải. B. Giải quyết các vấn đề xã hội.  
C. Nâng cao chất lượng đời sống. D. Nâng cao vị thế của cá nhân.
- Câu 29:** Đối với mỗi quốc gia, chính sách an sinh xã hội có vai trò như thế nào đối với Nhà nước?
- A. Thủ đoạn chính trị B. Chính sách tiền tệ  
C. Phương tiện điều hành. D. Công cụ quản lý.
- Câu 30:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện chính sách trợ giúp xã hội trong hệ thống chính sách an sinh xã hội ở nước ta?
- A. Hỗ trợ về bảo hiểm y tế. B. Hỗ trợ hoạt động tư pháp.  
C. Hỗ trợ dạy nghề, học nghề. D. Hỗ trợ sinh hoạt hàng tháng.
- Câu 31:** Việc nhà nước có chính sách hỗ trợ thường xuyên đối với các đối tượng như trẻ mồ côi, người khuyết tật để giúp họ ổn định cuộc sống thể hiện nội dung của chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?
- A. Chính sách hỗ trợ giáo dục. B. Chính sách hỗ trợ xã hội.  
C. Chính sách việc làm, thu nhập. D. Chính sách giảm nghèo.
- Câu 32:** Việc hỗ trợ người dân tham gia bảo hiểm y tế là thể hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?
- A. Chính sách giảm nghèo. B. Chính sách hỗ trợ giáo dục.  
C. Chính sách bảo hiểm xã hội. D. Chính sách việc làm, thu nhập.
- Câu 33:** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh vai trò của chính sách an sinh xã hội?
- A. Đảm bảo cuộc sống người dân. B. Hạn chế những rủi ro, biến cố.  
C. Thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. D. Mở rộng sự lệ thuộc vào nhà nước.
- Câu 34:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện mục tiêu của chính sách an sinh xã hội về giải quyết việc làm, bảo đảm thu nhập và giảm nghèo bền vững?
- A. Giải quyết việc làm ở nông thôn. B. Xóa bỏ nhà tạm không an toàn.  
C. Cứu đói người dân khi giáp hạt. D. Nâng cao thu nhập người dân.
- Câu 35:** Việc làm nào dưới đây sẽ góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về vấn đề giải quyết việc làm?
- A. Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn. B. Độc quyền phân loại hàng hóa.  
C. Chia đều lợi nhuận thường niên. D. Làm trái thỏa ước lao động tập thể.
- Câu 36:** Việc Nhà nước có biện pháp để mở rộng quy mô và chất lượng các trường dạy nghề là góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?
- A. Chính sách giáo dục. B. Chính sách dịch vụ xã hội.  
C. Chính sách tài chính công. D. Chính sách việc làm.
- Câu 37:** Ở nước ta hiện nay, chính sách nào dưới đây là nội dung cơ bản của hệ thống an sinh xã hội?
- A. Chính sách gia tăng dân số. B. Chính sách hỗ trợ việc làm.  
C. Chính sách giáo dục và đào tạo. D. Chính sách khoa học và công nghệ.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Trong năm 2023 toàn tỉnh M đã giải quyết việc làm mới cho hơn 8.000 lao động, trong 5 năm đã tạo việc làm cho 41.394 lao động, đạt 103% so với kế hoạch. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị giảm từ 5,2% năm xuống còn 4,54%. Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn tăng dần, đạt 75% tăng lên 85%. Chương trình mục tiêu giảm nghèo của tỉnh triển khai có hiệu quả các chính sách, chương trình



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo. Đa số hộ nghèo được nâng cao nhận thức, cố gắng tìm tòi học tập kinh nghiệm trong sản xuất, tự tạo việc làm để vươn lên thoát nghèo, cải thiện điều kiện sống và sinh hoạt. Kết quả giảm nghèo của toàn tỉnh trong 5 năm đã vượt mục tiêu đề ra, giảm từ 38.085 hộ nghèo, chiếm tỉ lệ 28,4% xuống còn 18.048 hộ nghèo.

**Câu 38:** Việc giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị đã phản ánh hiệu quả của chính sách an sinh xã hội nào dưới đây mà tỉnh M đã thực hiện?

- A. Chính sách bảo hiểm.
- B. Chính sách giảm nghèo.
- C. Chính sách việc làm.
- D. Chính sách thu nhập.

**Câu 39:** Chính sách an sinh xã hội nào dưới đây mà tỉnh M triển khai đã giúp các hộ nghèo từng bước ổn định cuộc sống?

- A. Chính sách dịch vụ xã hội.
- B. Chính sách xóa đói, giảm nghèo.
- C. Chính sách trợ giúp xã hội.
- D. Chính sách bảo hiểm xã hội.

**Câu 40:** Nội dung nào dưới đây không thể hiện vai trò của việc thực hiện chính sách an sinh xã hội mà tỉnh M đã triển khai?

- A. Giải quyết vấn đề việc làm.
- B. Tăng thu nhập cho người dân.
- C. Thúc đẩy sự phân hóa giàu nghèo.
- D. Giúp người nghèo ổn định cuộc sống.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Hệ thống bảo hiểm xã hội được quan tâm phát triển với nội dung và hình thức ngày càng phong phú, nhằm chia sẻ rủi ro và trợ giúp thiết thực cho những người tham gia. Số người tham gia bảo hiểm bắt buộc tăng nhanh, từ 4,8 triệu (năm 2001) lên 9,7 triệu (năm 2011). Sau gần 3 năm triển khai bảo hiểm xã hội tự nguyện, đến năm 2010 có khoảng 96,6 nghìn người tham gia. Năm 2011 có khoảng 7,6 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Bảo hiểm y tế tăng nhanh từ 13,4% dân số (năm 2000) lên khoảng 62% (năm 2010). Đặc biệt, đã thực hiện chính sách bảo hiểm y tế miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi, một số đối tượng chính sách, người nghèo và hỗ trợ bảo hiểm y tế cho các hộ cận nghèo, v.v.. Bên cạnh đó việc hỗ trợ các đối tượng yếu thế được thực hiện rộng hơn cả về quy mô và đối tượng thụ hưởng với mức trợ giúp ngày càng tăng. Kinh phí trợ giúp thường xuyên từ ngân sách nhà nước và số người được thụ hưởng tăng nhanh, từ 113 tỉ đồng cho hơn 180 nghìn người (năm 2001) tăng lên 4.500 tỉ đồng cho hơn 1,6 triệu người (năm 2010). Hàng năm Nhà nước còn trợ cấp đột xuất hàng nghìn tỉ đồng và hàng chục nghìn tấn lương thực, thuốc men, chủ yếu để trợ giúp khắc phục thiên tai.

**Câu 45:** Việc nhà nước triển khai chính sách bảo hiểm xã hội và chương trình xóa đói giảm nghèo là thực hiện chỉ tiêu nào dưới đây của phát triển kinh tế?

- A. Chỉ số tiên bộ xã hội.
- B. Tổng thu nhập quốc dân.
- C. Tổng sản phẩm quốc dân.
- D. Thu nhập theo đầu người.

**Câu 42:** Hệ thống bảo hiểm là một trong những trụ cột của chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?

- A. Chính sách việc làm.
- B. Chính sách thu nhập.
- C. Chính sách giảm nghèo.
- D. Chính sách bảo hiểm.

**Câu 43:** Việc các đối tượng yếu thế được nhận sự hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước là thể hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây của nhà nước?

- A. Chính sách bảo hiểm xã hội.
- B. Chính sách giảm nghèo, thu nhập.
- C. Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản.
- D. Chính sách trợ giúp xã hội.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Theo thống kê, hiện nước ta có khoảng hơn 20% dân số là những đối tượng yếu thế trong xã hội, trong đó khoảng trên 12 triệu người cao tuổi, gần 7 triệu người khuyết tật, người có vấn đề sức khỏe tâm thần, 2 triệu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khoảng 2 triệu lượt hộ gia đình cần được trợ giúp đột xuất hàng năm, 234.000 người nhiễm HIV được phát hiện, khoảng 30.000 nạn nhân bị bạo lực, bạo hành trong gia đình. Ngoài ra, còn các đối tượng là phụ nữ, trẻ em bị ngược đãi, bị mua bán, bị xâm hại, hoặc lang thang kiếm sống trên đường phố cần được sự trợ giúp của Nhà nước và xã hội.

**Câu 46:** Việc thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội đối với các đối tượng là người yếu thế trong xã hội có vai trò nào dưới đây?

- A. Tạo bình đẳng trong xã hội.
- B. Giúp họ bớt tự ti, mặc cảm.
- C. Tạo gánh nặng cho xã hội.
- D. Gia tăng khoảng cách giàu nghèo.

**Câu 47:** Nội dung nào dưới đây không góp phần vào việc hỗ trợ, trợ giúp các lực lượng yếu thế trong xã hội với hệ thống chính sách an sinh xã hội của nước ta?

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

A. Hỗ trợ về y tế và bảo hiểm.

B. Ngăn cản họ tiếp cận dịch vụ xã hội.

C. Xây dựng trung tâm bảo trợ xã hội.

D. Trợ cấp kinh phí hàng tháng.

**Câu 49:** Để giúp các đối tượng yếu thế trong xã hội, nhà nước cần đẩy mạnh thực hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?

A. Chính sách trợ giúp xã hội.

B. Chính sách việc làm.

C. Chính sách giáo dục.

D. Chính sách xóa đói giảm nghèo.

**Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

**Câu 1:** Nhà nước đã dành 21% ngân sách cho phúc lợi xã hội, là mức cao nhất trong số các nước ASEAN, nhờ đó đã cơ bản thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra. Trong bối cảnh đại dịch COVID-19, thông qua chính sách hỗ trợ trực tiếp của Chính phủ và chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, đã hỗ trợ hơn 14,4 triệu người với tổng kinh phí hơn 33.000 tỷ đồng. Trong 5 năm qua, đời sống người có công không ngừng được nâng lên; hằng năm ngân sách Nhà nước dành hơn 32.000 tỷ đồng để thực hiện các chế độ ưu đãi người có công và thân nhân. Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từng bước trở thành trụ cột chính trong hệ thống an sinh xã hội.

a) Việc hỗ trợ kinh phí với các đối tượng là người có công và thân nhân là thực hiện chính sách trợ giúp xã hội. *Đúng, đây là những hoạt động góp phần hỗ trợ cho các đối tượng chính sách ổn định cuộc sống.*

b) Tăng trưởng kinh tế đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội. *Đúng, vì thông qua tăng trưởng kinh tế sẽ tạo nguồn lực vật chất để thực hiện chính sách an sinh xã hội.*

c) Việt Nam vừa chú trọng phát triển kinh tế vừa quan tâm thực hiện chính sách an sinh xã hội. *Đúng, thể hiện ở việc nhà nước đầu tư nhiều ngân sách cho việc thực hiện chính sách an sinh xã hội.*

d) Ngân sách nhà nước là nguồn lực duy nhất để thực hiện các chính sách an sinh. *Sai, ngoài ngân sách nhà nước còn có các nguồn lực từ xã hội khác.*

**Câu 2:** Nhà nước đã ban hành các chính sách về phổ cập giáo dục; các chính sách hỗ trợ giáo dục cho học sinh thuộc hộ nghèo, thuộc diện đối tượng bảo trợ xã hội, dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Đảng và Nhà nước tập trung hoàn thiện ba loại cơ chế, chính sách lớn là: phát triển hệ thống khám chữa bệnh, hệ thống bảo hiểm y tế, hệ thống y tế dự phòng Nhà nước đã từng bước hoàn thiện hệ thống chính sách khám chữa bệnh trong đó có những ưu tiên cho trẻ em dưới 6 tuổi, người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên, người dân tộc thiểu số, người nghèo và các đối tượng yếu thế; giảm các rào cản trong tiếp cận dịch vụ y tế thông qua việc liên thông các tuyến khám chữa bệnh. Nhà nước cũng đã quan tâm phát triển hệ thống y tế dự phòng để tăng cường khả năng phòng chống các loại dịch bệnh trong xã hội. Vấn đề bảo đảm dịch vụ y tế tối thiểu đã đạt được những kết quả quan trọng

a) Nhà nước cũng đã quan tâm phát triển hệ thống y tế dự phòng là phù hợp với chính sách bảo hiểm xã hội trong hệ thống an sinh xã hội. *Sai, phát triển hệ thống y tế dự phòng là nội dung của chính sách an sinh xã hội về dịch vụ xã hội cơ bản*

b) Chính sách ưu tiên cho trẻ em dưới 6 tuổi, người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên, người dân tộc thiểu số, người nghèo và các đối tượng yếu thế là thể hiện chính sách trợ giúp xã hội. *Đúng là những chính sách giúp các đối tượng này khắc phục và giảm thiểu rủi ro.*

c) Hoàn thiện hệ thống chính sách khám chữa bệnh để đảm bảo dịch vụ y tế tối thiểu tới từng người dân là phù hợp chính sách an sinh xã hội. *Đúng, dịch vụ y tế tối thiểu góp phần hình thành nên hệ thống an sinh xã hội là dịch vụ xã hội cơ bản.*

d) Phổ cập giáo dục và hỗ trợ giáo dục là một trong những dịch vụ xã hội tối thiểu trong hệ thống an sinh xã hội của nước ta. *Đúng, việc đảm bảo yêu cầu giáo dục tối thiểu là dịch vụ xã hội cơ bản trong hệ thống an sinh xã hội.*

**Câu 3:** Đảng và Nhà nước xác định vấn đề bảo đảm nhà ở ổn định cho người dân là một nhiệm vụ xã hội quan trọng. Chính vì vậy, để bảo đảm điều kiện sinh sống tối thiểu cho người dân, Luật Nhà ở năm 2014 quy định các chính sách hỗ trợ về nhà ở cho một số đối tượng: hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn; hộ gia đình tại khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng nặng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu; người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị; người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; học sinh, sinh viên các học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề; học sinh trường dân tộc nội trú công lập được sử dụng nhà ở trong thời gian học tập. Nhà nước đã ban hành một số chính sách về đất đai, huy động vốn, vay vốn ưu đãi và loại hình phát triển nhà ở xã hội. Đồng thời, Nhà nước cũng đã ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

ngiệp, các tổ chức xã hội và người dân đã tích cực tham gia xây dựng nhà ở xã hội, nhất là cho các đối tượng nghèo, khó khăn.

a) Vấn đề bảo đảm nhà ở ổn định cho người dân là nội dung cơ bản của chính sách trợ giúp xã hội. *Sai, đây là nội dung thuộc chính sách trợ giúp xã hội.*

b) Việt Nam cần có chính sách bảo hiểm về nhà ở để hỗ trợ người có thu nhập thấp vay vốn mua nhà ổn định cuộc sống. *Sai đây là chính sách tín dụng để hỗ trợ về tín dụng cho người vay nhà.*

c) Thực hiện chính sách về nhà ở cho người dân chính là thực hiện tốt chỉ số về tiến bộ xã hội đối với sự phát triển kinh tế. *Đúng, hỗ trợ nhà ở cũng là cơ sở để thúc đẩy quyền con người.*

d) Giải quyết vấn đề nhà ở xã hội là trách nhiệm của toàn xã hội. *Đúng đây là chính sách an sinh xã hội quan trọng liên quan trực tiếp tới các hộ gia đình.*

**Câu 4:** Bảo đảm nước sạch cho nhân dân là một nhiệm vụ và mục tiêu quan trọng mang tầm quốc gia. Luật bảo vệ môi trường năm 2014 đã quy định về bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư, hộ gia đình và quản lý chất thải, nước thải. Chính phủ đã ban hành Chương trình mục tiêu Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012-2015; Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với mục tiêu tổng thể là đảm bảo người dân nông thôn được quyền tiếp cận sử dụng dịch vụ cấp nước sạch công bằng, thuận lợi, an toàn với chi phí hợp lý; phấn đấu đến năm 2030 có 65% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn với số lượng tối thiểu 60 lít/người/ngày; đến năm 2045, phấn đấu 100% người dân nông thôn được sử dụng nước sạch và vệ sinh an toàn, bền vững.

a) Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch là nội dung của chính sách việc làm, xóa đói giảm nghèo. *Sai đây là nội dung của chính sách về dịch vụ xã hội cơ bản.*

b) Vấn đề nước sạch vừa là vấn đề an sinh xã hội vừa là vấn đề chất lượng sống của người dân. *Đúng vì vấn đề này liên quan trực tiếp tới chất lượng cuộc sống của người dân.*

c) Chỉ tiêu về nước sạch và vệ sinh môi trường là một chỉ tiêu quan trọng đánh giá sự tăng trưởng kinh tế. *Sai, chỉ tiêu về nước sạch và vệ sinh môi trường gắn với chỉ số về tiến bộ xã hội nên nó là chỉ tiêu biểu hiện sự phát triển kinh tế.*

d) Giải quyết vấn đề nước sạch cũng chính là thực hiện tốt quyền con người. *Đúng, sẽ góp phần nâng cao sức khỏe và đời sống người dân.*

## BÀI 5. LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH

### HỆ THỐNG LÝ THUYẾT

#### 1. Kế hoạch kinh doanh và sự cần thiết phải lập kế hoạch kinh doanh.

**Kế hoạch kinh doanh:** là một bản trình bày ý tưởng kinh doanh và cách thức hiện thực hoá ý tưởng đó của người kinh doanh.

**Kế hoạch kinh doanh bao gồm:**

- Xác định định hướng, ý tưởng kinh doanh
- Xác định mục tiêu kinh doanh.
- Phân tích điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh.
- Xác định chiến lược kinh doanh.
- Xác định kế hoạch tổ chức thực hiện chiến lược.
- Đánh giá rủi ro tiềm ẩn và giải pháp.

**Sự cần thiết của lập kế hoạch kinh doanh**

- Bản kế hoạch kinh doanh sẽ giúp cho chủ thể kinh doanh
- + **Nắm bắt tình hình thực tế** đưa ra định hướng tương lai.
- + **Xác định mục tiêu, chiến lược, thị trường, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, nội lực của bản thân**, đưa ra phương hướng kinh doanh và phương thức thực hiện.
- + **Phát hiện và khắc phục thiếu sót.** Từ đó, chủ thể kinh doanh sẽ chủ động thực hiện, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh để có tầm nhìn tốt hơn cho việc kinh doanh trong tương lai.

#### 2. các bước lập kế hoạch kinh doanh

##### Bước 1: Xác định ý tưởng kinh doanh

- Ý tưởng kinh doanh có vai trò định hướng, giúp chủ thể kinh doanh xác định được những vấn đề cơ bản của kinh doanh: Kinh doanh mặt hàng gì? Đối tượng khách hàng là ai? Họ có nhu cầu gì? Kinh doanh bằng cách nào? Kinh doanh cho ai?

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- Nguồn để xác định ý tưởng kinh doanh có thể từ lợi thế nội tại xuất phát từ đam mê, hiểu biết, khả năng huy động nguồn lực,... của chủ thể kinh doanh hay từ những cơ hội bên ngoài như: nhu cầu mới chưa được đáp ứng, nguồn cung ứng, hưởng lợi từ chính sách,...

- Lưu ý: Ý tưởng kinh doanh được xác định phải đảm bảo tính mới, sáng tạo, khả thi, mang lại lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh.

### **Bước 2: Xác định mục tiêu kinh doanh**

Mục tiêu kinh doanh: Những mục tiêu mà doanh nghiệp đề ra và dự đoán sẽ đạt được trong một khoảng thời gian được xác định. Lưu ý cả hướng tới những hành động rõ ràng, cụ thể, phù hợp với điều kiện, có tính khả thi và kết quả thiết thực

- Mục tiêu ngắn hạn (1 tháng-1 năm): Là mục tiêu mà hoạt động kinh doanh cần đạt được trong một khoảng thời gian ngắn từ một tháng đến một năm

- Mục tiêu trung hạn (từ 2-5 năm): Là những mục tiêu mà chủ thể kinh doanh cần đạt được trong một khoảng thời gian dài hơn có thể từ 2 đến 5 năm

- Mục tiêu dài hạn (5 năm trở lên): Là những mục tiêu mà chủ thể kinh doanh cần đạt được trong khoảng thời gian từ 5 năm trở lên

### **Bước 3: Phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh**

Điều kiện để thực hiện ý tưởng kinh doanh: Sự phù hợp của sản phẩm, dịch vụ kinh doanh, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, điểm mạnh, điểm yếu so với đối thủ cạnh tranh, yếu tố pháp lý....

- Sản phẩm: Chất lượng, giá cả, dịch vụ khách hàng, tính năng, điểm mạnh và điểm yếu của sản phẩm so với đối thủ và yêu cầu của khách hàng.

- Khách hàng: Nhu cầu, mong muốn, độ tuổi, giới tính, thu nhập và hành vi của người tiêu dùng.

- Thị trường: Quy mô thị trường, tốc độ tăng trưởng, xu hướng và các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường như đối thủ cạnh tranh, yếu tố pháp lý....

- Tài chính: Số vốn hiện có, số vốn cần huy động.

- Nhân sự: Số lượng, chất lượng, kỹ năng chuyên môn, kinh nghiệm,...

### **Bước 4: Xác định chiến lược kinh doanh**

- Chiến lược kinh doanh là nội dung cơ bản của một kế hoạch kinh doanh gồm một chuỗi các biện pháp, cách thức của chủ thể kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả tối ưu.

Chiến lược kinh doanh thể hiện mục tiêu chinh phục thị trường kinh doanh cụ thể. Sự thành bại của chiến lược sẽ tác động trực tiếp các kế hoạch kinh doanh cụ thể trong nội bộ đơn vị kinh doanh.

- Xây dựng các kế hoạch cụ thể gồm: Kế hoạch sản xuất/cung cấp sản phẩm, kế hoạch bán hàng, tiếp thị, quảng cáo, kế hoạch phát triển kinh doanh, kế hoạch tài chính, kế hoạch quản lý nhân sự.

\* Kế hoạch sản xuất/cung cấp sản phẩm

+ Bố trí địa điểm, mặt bằng sản xuất.

+ Kỹ thuật công nghệ sản xuất.

+ Xác định loại hình và phương pháp tổ chức sản xuất.

\* **Kế hoạch bán hàng, tiếp thị, quảng cáo**

+ Chiến lược quảng bá, giới thiệu sản phẩm,

+ Tìm hiểu nhu cầu khách hàng

+ Phương thức phân phối tiện lợi để thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

\* **Kế hoạch phát triển kinh doanh:** Cần xác định rõ những nhân tố tích cực cần thúc đẩy để phát triển thành công, nêu bật được những mốc thời gian cụ thể để kiểm soát quá trình phát triển và tạo ra những thay đổi cần thiết của đơn vị kinh doanh

\* **Kế hoạch tài chính:** Bảo đảm cân đối thu, chi theo các mốc thời gian phát triển của đơn vị kinh doanh, thể hiện khả năng tài chính của chủ thể kinh doanh bảo đảm tính khả thi của phương án kinh doanh được lựa chọn.

\* **Kế hoạch quản lý nhân sự:** Cần xác định số lượng, chất lượng, cơ cấu tổ chức và quản lý nhân sự, căn cứ vào quy mô sản xuất để xây dựng theo các mô hình quản lý. Với mô hình quản lý trực tiếp, chủ thể kinh doanh trực tiếp quản lý hoạt động kinh doanh.

### **Bước 5: Đánh giá cơ hội, rủi ro và biện pháp xử lý**

- Cơ hội kinh doanh: Sự gia tăng của thị trường, sự phát triển của KHCN, ....

- Rủi ro: Thiên tai, rủi ro về kỹ thuật, rủi ro về cung cấp đầu vào, ...

+ Rủi ro về chính trị: liên quan đến tình hình chính trị trong và ngoài nước, quan điểm của Chính phủ đối với phát triển kinh tế tư nhân,...

## **MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- + Rủi ro về kinh tế: biến động thị trường, thu nhập, thanh toán, biến động không dự kiến trước được của tỉ giá hối đoái, lạm phát, lãi suất
- + Rủi ro về cung cấp các yếu tố đầu vào như: công nhân nghỉ việc, giá xăng dầu tăng, đơn vị cung cấp nguyên liệu tự ý không thực hiện đúng hợp đồng,
- + Rủi ro về kĩ thuật và vận hành khi công nghệ và thiết bị không thể vận hành và bảo dưỡng phù hợp như thiết kế ban đầu.
- Biện pháp xử lý: đa dạng hóa các quan hệ kinh doanh, thiết lập các nguồn dự trữ cần thiết để đề phòng...

### BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO

**Câu 1:** Việc các chủ thể kinh tế xác định các vấn đề như kinh doanh mặt hàng gì, đối tượng khách hàng là ai, họ có nhu cầu gì là thực hiện nội dung nào dưới đây của việc lập kế hoạch kinh doanh?

- A. Xác định mục tiêu kinh doanh.
- B. Xác định chiến lược kinh doanh.
- C. Xác định ý tưởng kinh doanh.
- D. Xác định điều kiện thực hiện.

**Câu 2:** Khi lập kế hoạch kinh doanh, các chủ thể cần thực hiện bước nào dưới đây?

- A. Xác định ý tưởng kinh doanh.
- B. Xác định thời gian hoàn thành.
- C. Xác định mức lợi nhuận đạt được.
- D. Xác định chủ thể sẽ đỡ đầu.

**Câu 3:** Để quá trình kinh doanh diễn ra hiệu quả, kế hoạch kinh doanh của các chủ thể cần xác định được

- A. số thuế phải đóng.
- B. ý tưởng kinh doanh.
- C. số tiền sẽ thu lợi.
- D. thời gian thành công.

**Câu 4:** Khi các chủ thể đặt ra những kế hoạch và mục tiêu cụ thể sẽ đạt được khi tiến hành kinh doanh là đã thực hiện nội dung nào dưới đây của lập kế hoạch kinh doanh?

- A. Xác định điều kiện thực hiện.
- B. Xác định ý tưởng kinh doanh.
- C. Xác định chiến lược kinh doanh.
- D. Xác định mục tiêu kinh doanh.

**Câu 5:** Bước khởi đầu trong việc lập kế hoạch kinh doanh là các chủ thể phải xác định được

- A. ý tưởng kinh doanh.
- B. chiến lược kinh doanh.
- C. các rủi ro gặp phải.
- D. mục tiêu kinh doanh.

**Câu 6:** Khi phân tích yếu tố về khách hàng để lập kế hoạch kinh doanh, các chủ thể **không** cần quan tâm đến nội dung nào dưới đây?

- A. Hành vi tiêu dùng.
- B. Nguồn gốc xuất thân.
- C. Nhu cầu khách hàng.
- D. Độ tuổi khách hàng.

**Câu 7:** Khi xác định mục tiêu kinh doanh, các chủ thể **không** cần chú ý tới tiêu chí nào dưới đây?

- A. Tính có thể đo lường.
- B. Tính khả thi.
- C. Tính vô thời hạn.
- D. Tính cụ thể.

**Câu 8:** Một trong những điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh mà các chủ thể sản xuất cần phân tích để lập kế hoạch kinh doanh phù hợp là

- A. yếu tố hội nhập.
- B. yếu tố khách hàng.
- C. yếu tố xuất thân.
- D. yếu tố quốc tế.

**Câu 9:** Một trong những đặc điểm của ý tưởng kinh doanh là ý tưởng đó phải có

- A. tính nhân đạo.
- B. tính sáng tạo.
- C. tính phi lợi nhuận.
- D. tính xã hội.

**Câu 10:** Khi xây dựng bản kế hoạch kinh doanh, các chủ thể **không** cần đưa nội dung nào dưới đây vào kế hoạch của mình?

- A. Phương hướng kinh doanh.
- B. Cách thức thực hiện.
- C. Thời điểm hoàn thành.
- D. Điều kiện thực hiện.

**Câu 11:** Nội dung cơ bản của một bản kế hoạch kinh doanh gồm một chuỗi các biện pháp, cách thức của chủ thể kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả tối ưu được gọi là

- A. kế hoạch sản xuất.
- B. kế hoạch tài chính.
- C. chiến lược đàm phán.
- D. chiến lược kinh doanh.

**Câu 12:** Khi phân tích yếu tố tài chính để thực hiện ý tưởng kinh doanh, chủ thể cần phải phân tích nội dung nào dưới đây?

- A. Số vốn mình muốn có.
- B. Số vốn đã thua lỗ.
- C. Số vốn đã đầu tư.
- D. Số vốn cần huy động.

**Câu 13:** Trong quá trình lập kế hoạch kinh doanh, một trong những điều kiện mà cần chủ thể cần phân tích là yếu tố

- A. Nhân sự và đối thủ.
- B. Tài chính và nhân sự.
- C. Tài chính và lợi nhuận.
- D. Đối thủ và lợi nhuận.

**Câu 14:** Lập kế hoạch kinh doanh giúp các chủ thể kinh doanh xác định được

- A. lợi nhuận thực tế.
- B. thời điểm thất bại.
- C. thời gian thành công.
- D. mục tiêu hướng tới.

**Câu 15:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện việc xác định ý tưởng kinh doanh khi lập kế hoạch kinh doanh?

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- A. Kinh doanh mặt hàng gì. B. Đối tượng khách hàng là ai.  
C. Tỷ suất lợi nhuận thu được. D. Kinh doanh bằng cách nào.
- Câu 16:** Trong quá trình lập kế hoạch kinh doanh, một trong những điều kiện mà chủ thể cần phân tích là yếu tố  
A. Nhà nước. B. Quốc tế. C. Thị trường. D. Lợi nhuận.
- Câu 17:** Ý tưởng kinh doanh là những suy nghĩ, hành động sáng tạo, có tính khả thi, có thể đem lại lợi nhuận trong  
A. nghệ thuật. B. công tác. C. học tập. D. kinh doanh.
- Câu 18:** Khi phân tích các điều kiện thực hiện hoạt động kinh doanh, các chủ thể cần chú ý phân tích điều kiện nào dưới đây?  
A. Phân tích chiến lược. B. Phân tích mục tiêu. C. Phân tích sản phẩm. D. Phân tích ý tưởng.
- Câu 19:** Bản tóm tắt kế hoạch kinh doanh **không** bao gồm nội dung nào dưới đây?  
A. Thuận lợi và khó khăn. B. Ý tưởng kinh doanh.  
C. Tên kế hoạch kinh doanh. D. Thời điểm thành công.
- Câu 20:** Chị Q mở một cửa hàng quần áo và cho rằng phong cách thời trang mà chị Q yêu thích thì khách hàng cũng sẽ thích. Việc làm của chị Q đã bỏ qua bước nào trong lập kế hoạch kinh doanh?  
A. Xác định ý tưởng kinh doanh. B. Phân tích rủi ro tiềm ẩn và biện pháp xử lý.  
C. Phân tích điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh. D. Xác định kế hoạch tài chính.
- Câu 21:** Kế hoạch kinh doanh xác định rõ sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược, công việc dự định thực hiện và cách đạt được  
A. trách nhiệm xã hội. B. mục tiêu xã hội. C. mục tiêu kinh doanh. D. trách nhiệm kinh tế.
- Câu 22:** Yếu tố nào dưới đây **không** phải là tiêu chí để đánh giá một ý tưởng kinh doanh tốt?  
A. Không có tính khả thi. B. Có tính mới mẻ, độc đáo.  
C. Có ưu thế vượt trội. D. Có lợi thế cạnh tranh.
- Câu 23:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện mục đích của việc lập kế hoạch kinh doanh?  
A. Xác định phương thức thực hiện. B. Thống nhất cá nhân làm chủ.  
C. Dự báo khó khăn, vướng mắc. D. Huy động nguồn lực tham gia.
- Câu 24:** Khi phân tích yếu tố tài chính để thực hiện ý tưởng kinh doanh, chủ thể cần phải phân tích nội dung nào dưới đây?  
A. Số vốn hiện có. B. Số vốn lợi nhuận. C. Số vốn chưa có. D. Lợi nhuận sẽ có.
- Câu 25:** Lập kế hoạch kinh doanh giúp các chủ thể kinh doanh xác định được  
A. số thuế có thể gian lận. B. chiến lược kinh doanh.  
C. thủ đoạn khách hàng. D. đối tác cần loại bỏ.
- Câu 26:** Khi phân tích sản phẩm của mình dự kiến sẽ tiến hành kinh doanh, các chủ thể **không** cần quan tâm đến yếu tố nào dưới đây?  
A. Chủ thể tạo ra sản phẩm. B. Điểm yếu của sản phẩm.  
C. Tính năng sản phẩm. D. Điểm mạnh của sản phẩm.
- Câu 27:** Kế hoạch kinh doanh là bản phác thảo quá trình kinh doanh trong một khoảng thời gian  
A. không xác định. B. chưa xác định. C. mãi mãi. D. nhất định.
- Câu 28:** Khi mở quán cà phê, anh Q đặt mục tiêu là phục vụ ít nhất 100 người/ngày; doanh thu đạt khoảng 180 triệu đồng/tháng, sau 3 tháng hoạt động quán thu hồi đủ vốn và bắt đầu có lợi nhuận. Anh Q đã đặt mục tiêu kinh doanh ở nội dung nào dưới đây?  
A. Đối tác. B. Thị trường. C. Sản phẩm. D. Tài chính.
- Câu 29:** Nhận định nào dưới đây là **không** đúng khi nói về ý nghĩa của việc lập kế hoạch kinh doanh?  
A. Giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu kinh doanh. B. Tăng lợi nhuận kinh doanh ngay lập tức.  
C. Tăng khả năng huy động vốn cho doanh nghiệp.  
D. Duy trì thị trường và xây dựng quan hệ tốt với khách hàng.
- Câu 30:** Khi phân tích yếu tố nhân sự để thực hiện ý tưởng kinh doanh, chủ thể **không** cần phải phân tích nội dung nào dưới đây?  
A. Số lượng nhân sự. B. Chất lượng nhân sự. C. Kỹ năng, chuyên môn. D. Quan hệ gia đình.
- Câu 31:** Nhận thấy tỉnh B có nhu cầu lớn về các sản phẩm gỗ nhân tạo do có nhiều khu công nghiệp lớn chuẩn bị đi vào hoạt động. Công ty A đã quyết định lên kế hoạch mở rộng thị trường sang tỉnh B. Công ty A đã phân tích các điều kiện kinh doanh ở nội dung nào dưới đây?

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

A. Sản phẩm. B. Thị trường. C. Tài chính. D. Khách hàng.

**Câu 32:** Khi lập kế hoạch kinh doanh, các chủ thể cần thực hiện bước nào dưới đây?

A. Xác định thời gian khai trương. B. Xác định mục tiêu làm từ thiện.  
C. Xác định mục tiêu kinh doanh. D. Xác định thời gian đóng cửa.

**Câu 33:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện mục đích của việc lập kế hoạch kinh doanh?

A. Xác định mục tiêu kinh doanh. B. Đưa ra phương hướng thực hiện.  
C. Xác định chiến lược thị trường. D. Đưa ra thời gian thành công.

**Câu 34:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện trong kế hoạch kinh doanh?

A. Các điều kiện thực hiện hoạt động kinh doanh.  
B. Mục tiêu và chiến lược kinh doanh.  
C. Kế hoạch hoạt động kinh doanh.  
D. Thông số kỹ thuật, công thức sản xuất sản phẩm.

**Câu 35:** Khi phân tích sản phẩm của mình dự kiến sẽ tiến hành kinh doanh, các chủ thể **không** cần quan tâm đến yếu tố nào dưới đây?

A. Chất lượng sản phẩm. B. Đặc tính sản phẩm. C. Giá trị sản phẩm. D. Nguồn gốc sản phẩm.

**Câu 36:** Nội dung nào dưới đây thể hiện việc chủ thể đã biết phân tích các điều kiện thực hiện kế hoạch kinh doanh?

A. Mở rộng hoạt động quảng cáo trực tuyến. B. Dự kiến kinh doanh thực phẩm sạch.  
C. Sản phẩm phù hợp với nhu cầu người tiêu dùng.  
D. Phân đầu thu hồi vốn sau sáu tháng kinh doanh.

**Câu 37:** Khi phân tích yếu tố về thị trường để lập kế hoạch kinh doanh, các chủ thể **không** phân tích yếu tố nào dưới đây?

A. Xu hướng tiêu dùng. B. Tốc độ tăng trưởng. C. Quy mô thị trường. D. Xu hướng ảnh hưởng.

**Câu 38:** Khi phân tích yếu tố về khách hàng để lập kế hoạch kinh doanh, các chủ thể **không** cần quan tâm đến nội dung nào dưới đây?

A. Mong muốn khách hàng. B. Địa điểm làm việc.  
C. Giới tính khách hàng. D. Thu nhập hàng tháng.

**Câu 39:** Bản mô tả những nội dung cơ bản về định hướng, mục tiêu, nguồn lực, tài chính, kế hoạch bán hàng.... nhằm giúp chủ thể kinh doanh xác định được các nhiệm vụ để thực hiện mục tiêu đề ra được gọi là

A. quản lý kinh doanh. B. quản lý tài chính. C. kế hoạch kinh doanh. D. kế hoạch tài chính.

**Câu 40:** Kế hoạch kinh doanh của các chủ thể thể kinh doanh cần có nội dung nào dưới đây?

A. Tóm tắt kế hoạch kinh doanh. B. Tóm tắt quá trình đã kinh doanh.  
C. Tóm tắt thành quả khi kinh doanh. D. Tóm tắt những thất bại khi kinh doanh.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Đề vận hành quán cà phê, anh H xác định ngoài chủ quán có 8 nhân viên; Chủ quán: người trực tiếp quản lý và điều hành quản lý 24/7; Tiếp tân: thu tiền và in hoá đơn; Đầu bếp: pha chế nước uống và chế biến món ăn. Quán hoạt động từ 6 giờ đến 23 giờ nên đội ngũ được chia thành hai ca, mỗi ca 4 người. Khi quán đông khách có thể huy động thời gian rảnh của các thành viên trong gia đình để phục vụ.

**Câu 40:** Thông tin trên đề cập đến yếu tố nào dưới đây khi tiến hành đánh giá các điều kiện thực hiện hoạt động kinh doanh?

A. Thị trường. B. Khách hàng. C. Sản phẩm. D. Nhân sự.

**Câu 41:** Anh H đã thực hiện nội dung nào dưới đây của lập kế hoạch kinh doanh?

A. Xác định chiến lược kinh doanh. B. Phân tích các điều kiện kinh doanh.  
C. Xác định mục tiêu kinh doanh. D. Đánh giá các yếu tố rủi ro gặp phải.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Nhận thấy quê hương mình rất phong phú về các loại thảo mộc và nhu cầu thị trường về dòng sản phẩm này thiên nhiên ngày càng tăng lên, anh H đã xây dựng kế hoạch kinh doanh mỹ phẩm chiết xuất từ thiên nhiên. Sau khi đánh giá những thuận lợi và khó khăn, anh H nhận thấy kế hoạch kinh doanh của mình có khả thi. Nhờ xây dựng kế hoạch kinh doanh tốt, đánh giá đúng cơ hội, đối tượng khách hàng tiềm năng,... nên việc kinh doanh của anh H đã đạt được những thành công ban đầu.

**Câu 43:** Anh H đã biết xác định ý tưởng kinh doanh thông qua việc làm nào dưới đây?

A. Kinh doanh mỹ phẩm từ thiên nhiên. B. Nhận thấy nhu cầu cao về thảo mộc.  
C. Đạt hiệu quả cao trong kinh doanh. D. Đánh giá tiềm năng về khách hàng.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 44:** Khi đánh giá những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành kinh doanh, anh H đã thực hiện bước nào dưới đây của việc lập kế hoạch kinh doanh?

- A. Xác định ý tưởng kinh doanh.
- B. Xác định mục tiêu kinh doanh.
- C. Phân tích điều kiện thực hiện kinh doanh.
- D. Phân tích những rủi ro và biện pháp xử lý.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Sau khi tốt nghiệp đại học ngành công nghệ sinh học, với lợi thế là nhà gần các trường đại học, lại có diện tích đất lớn, chị D quyết định lập nghiệp bằng con đường kinh doanh sản phẩm cây cảnh mi ni với mong muốn sau hai năm sẽ thành lập một doanh nghiệp phân phối các sản phẩm này. Xác định, đây là lĩnh vực kinh doanh không đòi hỏi vốn lớn, trong khi thị trường là các bạn sinh viên có nhu cầu khá cao về loại sản phẩm này, lại không đòi hỏi phải thuê nhiều lao động. Khi bắt tay vào thực hiện công việc kinh doanh, chị đã tìm các nguồn hàng ở nhiều nơi có truyền thống kinh doanh cây cảnh để nhập về khá, ngoài việc thuê một cửa hàng gần trường đại học để bán và giới thiệu sản phẩm, chị D còn ứng dụng các nền tảng mạng xã hội để đăng và quảng bá sản phẩm. Do thời gian đầu chưa có nhiều kinh nghiệm, nên sản phẩm chị cung cấp nhiều cây gặp sâu bệnh chết, đối tượng khách hàng chưa thực sự nhiều, vốn bỏ ra tuy được bảo toàn nhưng lợi nhuận không cao. Từ thực tế kinh doanh, chị quyết định mở rộng sản xuất và lên kế hoạch đầu tư thêm nhiều cửa hàng mới cũng như phát triển kênh truyền thống nhằm mở rộng thị trường.

**Câu 47:** Nội dung nào dưới đây thể hiện chị D đã biết xác định ý tưởng khi lập kế hoạch kinh doanh?

- A. Mở cửa hàng để bán.
- B. Thuê lao động bán hàng.
- C. Sử dụng mạng xã hội.
- D. Kinh doanh cây cảnh.

**Câu 48:** Việc làm nào dưới đây thể hiện khả năng phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh của chị D?

- A. Thành lập doanh nghiệp sau hai năm.
- B. Thiếu kinh nghiệm nên chưa thành công.
- C. Lựa chọn kinh doanh cây cảnh.
- D. Nhu cầu về mặt hàng cây cảnh lớn.

**Câu 49:** Chị D đã xác định cho mình mục tiêu kinh doanh là

- A. mở rộng sản xuất.
- B. thành lập doanh nghiệp.
- C. lập thân, lập nghiệp.
- D. đẩy mạnh truyền thông.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Với mong muốn xây dựng thành công chuỗi cửa hàng phân phối thực phẩm sạch trên địa bàn huyện X. Sau khi tham khảo một số mô hình cũng như kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh doanh này. Anh H đã lên kế hoạch chi tiết để thực hiện ý tưởng kinh doanh của mình. Qua tìm hiểu thực tế anh nhận thấy, đây là sản phẩm đang có nhu cầu lớn, nếu chất lượng đảm bảo thì hoàn toàn có thể chiếm lĩnh được lòng tin của người tiêu dùng. Đặc biệt, qua tư vấn của bạn bè, anh H đã dự liệu được những rủi ro, khó khăn tiềm ẩn để có giải pháp khắc phục. Trên cơ sở tìm hiểu và đánh giá này, anh H đã lên kế hoạch chi tiết việc bán hàng, tiếp thị, quảng cáo để quảng bá giới thiệu sản phẩm đến khách hàng. Sự cam kết của anh đối với việc cung cấp sản phẩm chất lượng cao và an toàn đã thu hút được người tiêu dùng. Chính các yếu tố này đã giúp anh H xây dựng thành công thương hiệu của mình trên địa bàn huyện X, anh dự định sẽ tiếp tục mở rộng các cửa hàng để hình thành chuỗi cửa hàng chất lượng cao.

**Câu 50:** Nội dung nào dưới đây thể hiện việc xác định ý tưởng kinh doanh của anh H?

- A. Đẩy mạnh quảng cáo sản phẩm.
- B. Xây dựng chuỗi cửa hàng.
- C. Mở cửa hàng chất lượng cao.
- D. Kinh doanh thực phẩm sạch.

**Câu 52:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện việc phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh?

- A. Cam kết với người tiêu dùng.
- B. Mở rộng quy mô cửa hàng.
- C. Sản phẩm có nhu cầu lớn.
- D. Quảng cáo giới thiệu sản phẩm.

**Câu 53:** Anh H đã xác định mục tiêu kinh doanh của mình đó là

- A. sản phẩm đang có nhu cầu lớn.
- B. xây dựng chuỗi thực phẩm sạch.
- C. tiếp cận nhu cầu người tiêu dùng.
- D. quảng cáo giới thiệu sản phẩm.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Với niềm yêu thích tìm hiểu và khám phá ngành công nghiệp ô tô, ngay từ khi còn là sinh viên, ông M đã ấp ủ ý tưởng về việc lắp ráp và kinh doanh ô tô với mục tiêu sẽ đưa ra thị trường những chiếc ô tô mang thương hiệu Việt Nam. Khởi nghiệp từ một sinh viên tốt nghiệp đại học ngành chế tạo ô tô, ban đầu ông M làm việc cho một nhà máy sửa chữa ô tô. Sau 5 năm làm quen với công việc, chịu khó học hỏi, ông quyết định thành lập cơ sở sửa chữa ô tô, xe máy, sau này phát triển thành công ty chuyên lắp ráp và kinh doanh ô tô bởi ông nhận thấy thị trường ô tô ở Việt Nam chưa có thương hiệu trong nước trong khi nhu cầu của người dân rất cao, nhà nước có nhiều chính sách ưu đãi để phát triển. Để công ty hoạt động có hiệu quả,



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

ông luôn chủ động, sáng tạo, nắm bắt cơ hội, vạch ra chiến lược kinh doanh; tự trang bị cho mình những kiến thức, kĩ năng quản trị doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lí nội bộ công ty chuyên nghiệp, tạo dựng được mối quan hệ rộng rãi với các đối tác, khách hàng và xây dựng được văn hoá công ty. Nhờ kiến thức và niềm đam mê chỉ sau 10 năm thương hiệu ô tô do ông M xây dựng đã dần hình thành và từng bước có chỗ đứng trên thị trường Việt Nam

**Câu 55:** Nội dung nào dưới đây thể hiện việc ông M đã biết xác định mục tiêu kinh doanh của mình?

- A. Xây dựng thương hiệu ô tô Việt. B. Trang bị kiến thức cơ bản.  
C. Vận dụng chính sách nhà nước. D. Nắm bắt cơ hội để kinh doanh.

**Câu 56:** Nội dung nào dưới đây thể hiện việc ông M đã biết xác định ý tưởng kinh doanh?

- A. Khám phá ngành công nghiệp ô tô. B. Lắp ráp và kinh doanh ô tô Việt.  
C. Tạo dựng hiệu hiệu ô tô Việt. D. Tham gia sửa chữa ô tô, xe máy.

**Câu 57:** Việc làm nào dưới đây thể hiện ông M đã biết phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh?

- A. Lắp ráp và kinh doanh ô tô Việt. B. Xây dựng thương hiệu ô tô Việt.  
C. Nhận thấy nhu cầu trong nước cao. D. Tạo dựng mối quan hệ rộng rãi.

**Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

**Câu 1:** Sau khi tốt nghiệp đại học ngành công nghệ sinh học, với lợi thế là nhà gần các trường đại học, lại có diện tích đất lớn, chị D quyết định lập nghiệp bằng con đường kinh doanh sản phẩm cây cảnh mini với mong muốn sau hai năm sẽ thành lập một doanh nghiệp phân phối các sản phẩm này. Xác định, đây là lĩnh vực kinh doanh không đòi hỏi vốn lớn, trong khi thị trường là các bạn sinh viên có nhu cầu khá cao về loại sản phẩm này, lại không đòi hỏi phải thuê nhiều lao động. Khi bắt tay vào thực hiện công việc kinh doanh, chị đã tìm các nguồn hàng ở nhiều nơi có truyền thống kinh doanh cây cảnh để nhập về khá, ngoài việc thuê một cửa hàng gần trường đại học để bán và giới thiệu sản phẩm, chị D còn ứng dụng các nền tảng mạng xã hội để đăng và quảng bá sản phẩm. Do thời gian đầu chưa có nhiều kinh nghiệm, nên sản phẩm chị cung cấp nhiều cây gặp sâu bệnh chết, đối tượng khách hàng chưa thực sự nhiều, vốn bỏ ra tuy được bảo toàn nhưng lợi nhuận không cao. Từ thực tế kinh doanh, chị quyết định mở rộng sản xuất và lên kế hoạch đầu tư thêm nhiều cửa hàng mới cũng như phát triển kênh truyền thông nhằm mở rộng thị trường.

a) Chị D đã biết dựa vào lợi thế nội tại của mình để xác định ý tưởng kinh doanh. *Đúng, chị D đã dựa vào khả năng của bản thân là có kiến thức về công nghệ sinh học, lại có mặt bằng gần trường đại học đây chính là các yếu tố nội tại giúp chị D xác định ý tưởng kinh doanh.*

b) Việc đặt mục tiêu sau hai năm sẽ thành lập doanh nghiệp là không hợp lý. *Sai, thực tế sau năm đầu thực hiện kế hoạch chị D đã có kế hoạch mở rộng và hiện thực hóa mục tiêu thành lập doanh nghiệp của mình thông qua việc mở rộng nhiều cửa hàng mới.*

c) Chị D chưa biết phân tích các điều kiện về thị trường về tài chính khi thực hiện ý tưởng kinh doanh. *Sai, việc nhận định các bạn sinh viên có nhu cầu lớn về cây cảnh mini là đã đánh giá các điều kiện về thị trường, mặt hàng này đòi hỏi vốn ít là phân tích yếu tố tài chính.*

d) Việc lập kế hoạch kinh doanh đã giúp chị D phát huy tốt được các lợi thế của mình. *Đúng, việc thực hiện kế hoạch kinh doanh giúp chị chị doanh có hiệu quả.*

**Câu 2:** Với mong muốn xây dựng thành công chuỗi cửa hàng phân phối thực phẩm sạch trên địa bàn huyện X. Sau khi tham khảo một số mô hình cũng như kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh doanh này. Anh H đã lên kế hoạch chi tiết để thực hiện ý tưởng kinh doanh của mình. Qua tìm hiểu thực tế anh nhận thấy, đây là sản phẩm đang có nhu cầu lớn, nếu chất lượng đảm bảo thì hoàn toàn có thể chiếm lĩnh được lòng tin của người tiêu dùng. Đặc biệt, qua tư vấn của bạn bè, anh H đã dự liệu được những rủi ro, khó khăn tiềm ẩn để có giải pháp khắc phục. Trên cơ sở tìm hiểu và đánh giá này, anh H đã lên kế hoạch chi tiết việc bán hàng, tiếp thị, quảng cáo để quảng bá giới thiệu sản phẩm đến khách hàng. Sự cam kết của anh đối với việc cung cấp sản phẩm chất lượng cao và an toàn đã thu hút được người tiêu dùng. Chính các yếu tố này đã giúp anh H xây dựng thành công thương hiệu của mình trên địa bàn huyện X, anh dự định sẽ tiếp tục mở rộng các cửa hàng để hình thành chuỗi cửa hàng chất lượng cao.

a) Anh H chưa biết phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh. *Sai, việc đánh giá đây là sản phẩm đang có nhu cầu lớn, nếu chất lượng đảm bảo thì hoàn toàn có thể chiếm lĩnh được lòng tin của người tiêu dùng đã phản ánh nội dung đánh giá các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh.*

b) Giữa việc xác định mục tiêu và ý tưởng kinh doanh chưa có sự thống nhất. *Sai, anh H luôn kiên định mục tiêu và lý tưởng đó là thực hiện thành công chuỗi cửa hàng thực phẩm sạch.*

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

c) Anh H đã biết đánh giá cơ hội rủi ro và có biện pháp xử lý. *Đúng, qua tư vấn của bạn bè, anh H đã dự liệu được những rủi ro, khó khăn tiềm ẩn để có giải pháp khắc phục*

d) Anh H đã biết xác định chiến lược kinh doanh. *Đúng, qua việc anh H đã lên kế hoạch chi tiết việc bán hàng, tiếp thị, quảng cáo để quảng bá giới thiệu sản phẩm đến khách hàng đây là biểu hiện của xác định chiến lược kinh doanh.*

**Câu 3:** Với niềm yêu thích tìm hiểu và khám phá ngành công nghiệp ô tô, ngay từ khi còn là sinh viên, ông M đã ấp ủ ý tưởng về việc lắp ráp và kinh doanh ô tô với mục tiêu sẽ đưa ra thị trường những chiếc ô tô mang thương hiệu Việt Nam. Khởi nghiệp từ một sinh viên tốt nghiệp đại học ngành chế tạo ô tô, ban đầu ông M làm việc cho một nhà máy sửa chữa ô tô. Sau 5 năm làm quen với công việc, chịu khó học hỏi, ông quyết định thành lập cơ sở sửa chữa ô tô, xe máy, sau này phát triển thành công ty chuyên lắp ráp và kinh doanh ô tô bởi ông nhận thấy thị trường ô tô ở Việt Nam chưa có thương hiệu trong nước trong khi nhu cầu của người dân rất cao, nhà nước có nhiều chính sách ưu đãi để phát triển. Để công ty hoạt động có hiệu quả, ông luôn chủ động, sáng tạo, nắm bắt cơ hội, vạch ra chiến lược kinh doanh; tự trang bị cho mình những kiến thức, kỹ năng quản trị doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý nội bộ công ty chuyên nghiệp, tạo dựng được mối quan hệ rộng rãi với các đối tác, khách hàng và xây dựng được văn hoá công ty. Nhờ kiến thức và niềm đam mê chỉ sau 10 năm thương hiệu ô tô do ông M xây dựng đã dần hình thành và từng bước có chỗ đứng trên thị trường Việt Nam

a) Ông M luôn thống nhất mục tiêu và ý tưởng kinh doanh nên đã thành công. *Đúng, ông M đã xác định đúng mục tiêu và ý tưởng kinh doanh trên cơ sở đánh giá đúng các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh.*

b) Việc ông M khởi nghiệp từ nghề sửa chữa lắp ráp ô tô chính là giai đoạn ông thực hiện mục tiêu kinh doanh. *Đúng đây có thể coi là giai đoạn ông M tích lũy kiến thức và hiểu biết để thực hiện mục tiêu đặt ra.*

c) Ông đã phân tích sai yếu tố thị trường và yếu tố khách hàng khi thực hiện ý tưởng kinh doanh. *Sai, ông đã đưa ra phân tích đúng khi cho rằng thị trường ô tô ở Việt Nam chưa có thương hiệu trong nước trong khi nhu cầu của người dân rất cao*

c) Ông M có sai lầm là chưa chú trọng hợp tác quốc tế về sản xuất ô tô Việt. *Đúng, đây là hạn chế của ông M khiến ông không thể tiếp cận được trình độ công nghệ trong ngành sản xuất ô tô thế giới đang phát triển rất mạnh.*

**Câu 4:** Một doanh nghiệp nhỏ phân tích điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh thực phẩm hữu cơ. Qua khảo sát thị trường, sản phẩm, khách hàng và các đối thủ cạnh tranh cho thấy: Xu hướng của người tiêu dùng ở khu vực này đang quan tâm đến việc ăn uống lành mạnh và thực phẩm hữu cơ. Thị trường ở đây đã có một vài cửa hàng thực phẩm, nhưng chưa có doanh nghiệp nào tập trung hoàn toàn vào thực phẩm hữu cơ.

a) Thông tin nói về ý tưởng kinh doanh thực phẩm hữu cơ. *Đúng vì đây là ý tưởng mà doanh nghiệp dự kiến sẽ kinh doanh sau khi phân tích các điều kiện.*

b) Khi xác định ý tưởng kinh doanh chỉ cần lưu ý đến vấn đề tài chính. *Sai, để ý tưởng kinh doanh thành hiện thực cần quan tâm đến các điều kiện kinh doanh như tài chính, nhân sự, thị trường, khách hàng*

c) Trong khu vực chưa có doanh nghiệp tập trung vào sản phẩm hữu cơ là lợi thế cạnh tranh của sản phẩm. *Đúng, đây là lợi thế giúp kế hoạch kinh doanh có thể đạt hiệu quả*

d) Nhu cầu sản phẩm trên thị trường là điều kiện để xác định ý tưởng kinh doanh. *Đúng, vì từ nhu cầu của thị trường đã thúc đẩy doanh nghiệp xây dựng ý tưởng kinh doanh*

**Câu 5:** Cuối năm là thời điểm công việc bận rộn, là dịp nhiều gia đình chủ tâm hơn trong việc thờ cúng. Tận dụng điều kiện này cũng như phát huy tay nghề và kinh nghiệm làm bếp nhiều năm của mình, chị T thành lập doanh nghiệp chuyên cung cấp các dịch vụ thờ cúng. Khách hàng của chị rất đa dạng, từ người làm văn phòng, đến những người buôn bán tất bật ngày Tết hay người chưa hiểu về phong tục.... Doanh nghiệp của chị rất phát triển.

a) Chị T đã đánh giá chưa đúng về nhu cầu của thị trường và yếu tố khách hàng. *Sai, chị T đã nắm được được nhu cầu của thị trường vào dịp cuối năm cũng như yếu tố khách hàng khá đa dạng.*

b) Thành lập doanh nghiệp của chị T là hiện thực hóa việc xác định ý tưởng kinh doanh. *Đúng, sau khi có ý tưởng cũng như phân tích các điều kiện kinh doanh chị quyết định thành lập doanh nghiệp.*

c) Chị T cần xây dựng chiến lược kinh doanh thông qua việc mở rộng kế hoạch bán hàng và tiếp thị sản phẩm là phù hợp. *Đúng vì chỉ có đẩy mạnh quảng bá sản phẩm thì người tiêu dùng mới nắm được và thúc đẩy mở rộng thị trường.*

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

d) Doanh nghiệp của chị T chỉ bán hàng vào dịp cuối năm đây sẽ dẫn đến những rủi ro về thị trường. *Đúng, do chỉ bán mặt hàng thờ cúng vào dịp cuối năm nên sau thời điểm này thị trường sẽ bị thu hẹp lại, đây là yếu tố mà doanh nghiệp của chị T cần phân tích kỹ*

**Câu 58:** Bản mô tả những nội dung cơ bản về định hướng, mục tiêu, nguồn lực, tài chính, kế hoạch bán hàng... nhằm giúp chủ thể xác định được các nhiệm vụ để thực hiện mục tiêu đề ra được gọi là?

**A.** Quản lý kinh doanh. **B.** Kế hoạch tài chính. **C.** Kế hoạch kinh doanh. **D.** Quản lý tài chính.

**Câu 59:** Việc lập kế hoạch kinh doanh sẽ giúp cho chủ thể kinh doanh xác định được

**A.** mục tiêu, chiến lược kinh doanh. **B.** số tiền thu về từ hoạt động kinh doanh.

**C.** chính sách kinh tế của nhà nước. **D.** Nội lực của đối thủ.

**Câu 60:** Việc lập kế hoạch kinh doanh *không* nhằm mục đích nào sau đây?

**A.** Xác định mục tiêu, chiến lược của thị trường.

**B.** Xây dựng phương án đối phó với rủi ro, thách thức mà doanh nghiệp có thể gặp phải.

**C.** Nắm bắt được tình hình thực tế và đưa ra định hướng trong tương lai.

**D.** Thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp.

**Câu 61:** Bản trình bày ý tưởng kinh doanh và cách thức hiện thực hóa ý tưởng đó của người kinh doanh là nội dung khái niệm nào? **Kế hoạch kinh doanh.**

### Thông tin 1:

Anh A đã đạt thành công trong lĩnh vực phân phối sản phẩm, thực phẩm sạch trên thị trường. Với tâm huyết và kiên nhẫn, anh A đã xây dựng một thương hiệu không chỉ là sự lựa chọn hàng đầu trong lĩnh vực thực phẩm sạch mà còn là biểu tượng của sự đổi mới và chất lượng. Để đạt được sự thành công này anh A có sự phân tích kỹ lưỡng các điều kiện: sự phù hợp của sản phẩm, dịch vụ kinh doanh, thị trường... xác định các cơ hội, rủi ro có thể gặp phải và có biện pháp xử lý. Đồng thời anh xây dựng kế hoạch bán hàng, tiếp thị, quảng cáo để quảng bá giới thiệu sản phẩm đến khách hàng. Sự cam kết của anh đối với việc cung cấp sản phẩm chất lượng cao và an toàn đã thu hút được người tiêu dùng với quan tâm đến việc ăn uống lành mạnh và thực phẩm sạch, đồng thời cũng làm nổi bật tầm nhìn chiến lược của anh A trong việc phát triển thị trường. Với sự sáng tạo và quản lý hiệu quả, thành công của anh A đã minh chứng cho sự đổi mới và sức mạnh của doanh nghiệp trong thế kỷ 21.

**A.** Doanh nghiệp của anh A đã phân tích các điều kiện để thực hiện hoạt động kinh doanh có hiệu quả. **D**

**B.** Doanh nghiệp không cần phải tập trung vào việc phát triển mạng lưới phân phối, bởi vì sản phẩm của họ đã được chấp nhận rộng rãi trên thị trường. **S**

**C.** Doanh nghiệp đã thiết lập một kế hoạch marketing chi tiết và hiệu quả để tiếp cận khách hàng. **D**

**D.** Doanh nghiệp không cần phải theo dõi và đánh giá kết quả của các chiến lược kinh doanh, vì đã đạt được thành công. **S**

### Thông tin 2:

Chị H đam mê thiết kế thời trang và mong muốn mở 1 cửa hàng thời trang do mình làm chủ để thực hiện ước mơ nhưng chị lại sợ thiếu kinh nghiệm trong quản lý và kiến thức về thời trang. Mỗi lần nhìn những thiết kế đầy sáng tạo của mình, niềm đam mê trong chị lại dâng trào và chị quyết định thực hiện ước mơ dù chỉ là từng bước: từ việc đọc sách, tìm hiểu qua internet đến tham gia các ngành học đào tạo về thời trang, tìm hiểu thị trường, học hỏi từ những người có kinh nghiệm hay nghiên cứu các xu hướng thời trang. Sau một thời gian, khi có kinh nghiệm, kỹ năng nghề nghiệp thì chị H đã xây dựng kế hoạch kinh doanh cửa hàng thời trang của mình. Đến nay chị đã làm chủ 1 cửa hàng thời trang lớn rất đông khách vì những thiết kế của chị đã đáp ứng được nhu cầu của khách hàng. Chị nhận ra rằng niềm đam mê có thể biến ước mơ thành hiện thực, phải có lòng quyết tâm và sự kiên nhẫn.

**A.** Thành công của chị H là do chị có hiểu biết về thị trường thời trang, xu hướng của người tiêu dùng. **D**

**B.** Việc không có kinh nghiệm trong lĩnh vực thời trang không ảnh hưởng đến việc thành công của chị H. **S**

**C.** Muốn thành công trong lĩnh vực kinh doanh một trong số các tiêu chí mà người kinh doanh phải thực hiện là nghiên cứu thị trường kỹ lưỡng để hiểu rõ về đối tượng khách hàng, đối thủ cạnh tranh, và cơ hội trong ngành. **D**

**D.** Chị H không cần thiết phải đầu tư vào một kế hoạch marketing hoặc quảng cáo cửa hàng sẽ tự thu hút khách hàng. **S**

**Câu 62:** Trong kế hoạch kinh doanh, việc làm nào có thể gây thiệt hại cho doanh nghiệp?

**A.** Phân tích nhu cầu và thị trường.

**B.** Xác định mục tiêu kinh doanh cụ thể.

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

C. Đặt ra kế hoạch tiếp thị và quảng cáo. D. Bỏ qua đánh giá rủi ro và cơ hội.

**Câu 63:** Trong việc lập kế hoạch kinh doanh, việc nào sau đây có thể giúp doanh nghiệp đối phó tốt hơn với rủi ro và khó khăn?

A. Phát triển các chiến lược tiếp thị sáng tạo. B. Đánh giá và biện pháp xử lý rủi ro.

C. Tăng cường quảng cáo trên mạng xã hội. D. Mở rộng quy mô hoạt động ngay từ đầu.

**Câu 64:** Trong việc khởi đầu và quản lý một doanh nghiệp, điều gì được coi là cần thiết nhất?

A. Phương hướng kinh doanh.

B. Sự kiên nhẫn và kiên trì của chủ doanh nghiệp.

C. Lập kế hoạch kinh doanh chi tiết và cụ thể. D. Mạng lưới quan hệ mở rộng.

**Câu 65:** Trong các bước lập kế hoạch kinh doanh, bước nào sau đây cần phải được xem xét kỹ lưỡng để đảm bảo tính khả thi của kế hoạch?

A. Tăng cường quảng cáo và tiếp thị.

B. Xác định mục tiêu và chiến lược kinh doanh

C. Đầu tư vào các công nghệ mới nhất. D. Phân tích chi phí và thu nhập dự kiến

**Câu 66:** Trong quá trình điều hành doanh nghiệp, việc nào sau đây đặc biệt quan trọng và giúp doanh nghiệp duy trì sự cạnh tranh và bền vững trên thị trường?

A. Chiến lược quảng cáo và tiếp thị.

B. Đánh giá sức cạnh tranh từ các đối thủ.

C. Lập kế hoạch kinh doanh chi tiết và cụ thể. D. Mở rộng quy mô hoạt động ngay từ đầu.

### Thông tin 2:

Trong thị trường hiện nay, sự phát triển của công nghệ đã mở ra nhiều cơ hội mới cho doanh nghiệp. Anh T đã xây dựng ý tưởng kinh doanh trên cơ sở tạo ra một nền tảng trực tuyến kết nối các nhà sản xuất địa phương với người tiêu dùng. Bằng cách này, anh T đã có nguồn khách hàng lớn là người tiêu dùng trong và ngoài nước họ có thể mua các sản phẩm chất lượng tốt. Đồng thời, doanh nghiệp có thể hỗ trợ các nhà sản xuất nhỏ và phát triển nền kinh tế địa phương. Hoạt động kinh doanh của anh T đã góp phần giải quyết được công ăn việc làm cho nhiều lao động ở địa phương, phát triển kinh tế cho bà con nơi anh sinh sống.

A. Anh T đã tận dụng các nền tảng trực tuyến như mạng xã hội, quảng cáo trực tuyến và email marketing để tăng tầm nhìn và tương tác với khách hàng tiềm năng. **Đ**

B. Vì đã có lượng khách hàng ổn định nên không cần nghiên cứu thị trường cũng như đánh giá các cơ hội và rủi ro. **S**

C. Chiến lược kinh doanh của anh T là một chuỗi các biện pháp, cách thức để đạt được hiệu quả tối ưu. **Đ**

D. Anh T nắm bắt xu hướng mới và đáp ứng được nhu cầu của thị trường bằng cách cung cấp sản phẩm và dịch vụ mới, cải tiến và độc đáo. **Đ**

### Thông tin 3:

Anh A sau khi tốt nghiệp đại học đã đi làm thuê cho một doanh nghiệp chuyên sản xuất nội thất. Sau 5 năm làm thuê anh A đã tích góp đủ số tiền để mở một phân xưởng nhỏ, chuyên sản xuất bàn ghế cho học sinh. Với sự nỗ lực cố gắng của bản thân anh luôn tìm kiếm cơ hội quảng bá sản phẩm của phân xưởng đến thị trường trong và ngoài nước, anh đã tìm được đối tác đầu tư kinh doanh mặt hàng gỗ. Anh đã từng bước tìm hiểu thị trường và xây dựng thành công công ty liên doanh hoạt động trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu các sản phẩm từ gỗ. Anh A không những tạo được việc làm cho gia đình mà còn giải quyết được công ăn việc làm cho gần 50 nhân công và mua sắm được nhiều máy móc hiện đại cho phân xưởng.

A. Anh A đã tiến hành nghiên cứu thị trường để đánh giá tiềm năng và sự cạnh tranh trong khu vực đó. **Đ**

B. Doanh nghiệp của anh A thành công là do anh A đã dày công xây dựng một chuỗi các biện pháp, cách thức để hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả tối ưu. **S**

C. Để đạt được thành công anh A luôn quan tâm đến nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng thông qua việc tìm kiếm thị trường, khách hàng trong và ngoài nước. **Đ**

D. Việc xác định ý tưởng kinh doanh, mục tiêu kinh doanh và lập kế hoạch kinh doanh không quan trọng, quan trọng nhất là triển khai ý tưởng ngay lập tức. **Đ**

## BÀI 6. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

### HỆ THỐNG LÝ THUYẾT

1, khái niệm và các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

a, Khái niệm

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là toàn bộ trách nhiệm bắt buộc và tự nguyện mà doanh nghiệp thực hiện đối với xã hội bằng những chính sách và việc làm cụ thể, mang lại những ảnh hưởng tích cực đến xã hội, cộng đồng, đóng góp cho việc thực hiện các mục tiêu xã hội và sự phát triển bền vững quốc gia.

### ***b, các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp***

- Trách nhiệm xã hội được thực hiện qua một số hình thức cơ bản sau:

#### **\* Các hình thức**

##### + *Trách nhiệm kinh tế:*

- . Vận hành hiệu quả quá trình sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí, thu được lợi nhuận cao;
- . Cung ứng hàng hoá, dịch vụ đáp ứng nhu cầu của xã hội với mức giá hợp lý;
- . Tạo việc làm cho người lao động với mức thù lao xứng đáng cùng cơ hội phát triển chuyên môn nghề nghiệp;
- . Đảm bảo chất lượng, an toàn sản phẩm cho người tiêu dùng,...

+ *Trách nhiệm pháp lý:* Tuân thủ pháp luật về thuế, môi trường, bảo vệ người tiêu dùng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

##### + *Trách nhiệm đạo đức:*

- . Thực hiện đạo đức kinh doanh, sản xuất sản phẩm, dịch vụ không gây hại cho xã hội và môi trường;
- . Đối xử công bằng, khách quan với người lao động.

##### + *Trách nhiệm nhân văn:*

- . Tham gia các hoạt động thiện nguyện, nhân đạo, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn trong cộng đồng;
- . Tham gia các hoạt động công ích, đóng góp cho sự phát triển cộng đồng và xã hội.

### **\* Trách nhiệm của công dân khi điều hành doanh nghiệp**

- Tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Đảm bảo an toàn, quyền lợi chính đáng cho người lao động.
- Đảm bảo chất lượng sản phẩm, quyền lợi người tiêu dùng.
- Tập thể lãnh đạo xây dựng chính sách, kế hoạch thực hiện trách nhiệm với cộng đồng phù hợp với điều kiện và khả năng của doanh nghiệp.

## **2. ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp**

Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng đối với doanh nghiệp và xã hội.

##### + *Đối với doanh nghiệp:*

- . Góp phần nâng cao chất lượng, giá trị thương hiệu và uy tín của doanh nghiệp,
  - . Tạo dựng niềm tin đối với công chúng, tăng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp,...
- ⇒ Nhờ đó giúp gia tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

##### + *Đối với xã hội:*

- . Góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước.
- . Hỗ trợ giải quyết những khó khăn, thách thức của cộng đồng và xã hội;
- . Góp phần bảo vệ môi trường.

**Câu 1:** Khi tiến hành hoạt động kinh doanh, các doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm pháp lý khi chủ động

- A. bài trừ quyền tự do tính ngưỡng.
- B. làm trái thỏa ước lao động tập thể.
- C. tham gia bảo vệ an ninh quốc gia.
- D. tuyển dụng lao động trực tuyến

**Câu 2:** Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm kinh tế của doanh nghiệp?

- A. Sản xuất hàng giả để thu lợi ích.
- B. Khuyến mại hàng kém chất lượng.
- C. Sản xuất hàng hóa giá cả hợp lý.
- D. Giới thiệu sai chất lượng sản phẩm.

**Câu 3:** Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm pháp lý của các doanh nghiệp khi tiến hành hoạt động kinh doanh?

- A. Nâng cao đời sống vật chất nhân dân.
- B. Thực hiện chính sách, giảm nghèo.
- C. Nộp thuế đầy đủ theo quy định.
- D. Thực hiện chính sách an sinh xã hội.

**Câu 4:** Đối với doanh nghiệp, nội dung nào dưới đây thể hiện ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp?

- A. Tăng lợi thế và khả năng cạnh tranh.
- B. Góp phần bảo vệ môi trường sống.
- C. Giữ ổn định cuộc sống cộng đồng.
- D. Hỗ trợ cộng đồng vượt qua khó khăn



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

B. Hỗ trợ giải quyết những khó khăn của cộng đồng.

C. Nâng cao thương hiệu và uy tín doanh nghiệp.

D. Giúp ổn định cuộc sống cộng đồng.

**Câu 19:** Khi tiến hành hoạt động kinh doanh, các doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm pháp lý khi chủ động

A. nhập khẩu nguyên liệu tự nhiên,

B. kinh doanh đúng ngành nghề đăng ký.

C. tham gia xây nhà tình nghĩa,

D. tuyển dụng chuyên gia cao cấp.

**Câu 20:** Tuân thủ các quy định về thuế, bảo vệ môi trường, bảo vệ người tiêu dùng... thể hiện hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?

A. Pháp lý.

B. Kinh tế.

C. Đạo đức.

D. Nhân văn.

**Câu 21:** Khi đại dịch Covid 19 bùng phát, doanh nghiệp HD đã trích quỹ để ủng hộ Quỹ vacxin của chính phủ, việc làm này thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở hình thức nào dưới đây?

A. Trách nhiệm nhân văn.

B. Trách nhiệm đạo đức.

C. Trách nhiệm pháp lý.

D. Trách nhiệm kinh tế.

**Câu 22:** Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là toàn bộ trách nhiệm bắt buộc và tự nguyện mà doanh nghiệp thực hiện đối với

A. cá nhân.

B. gia đình.

C. xã hội.

D. địa phương.

**Câu 23:** Trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

A. Không thực hiện đăng ký kinh doanh.

B. Kinh doanh mặt hàng không đăng ký.

C. Kinh doanh trước rồi đăng ký sau.

D. Kinh doanh đúng ngành nghề đăng ký.

**Câu 24:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện trách nhiệm đạo đức của doanh nghiệp khi tiến hành kinh doanh?

A. Xâm phạm lợi ích khách hàng.

B. Bảo vệ lợi ích khách hàng.

C. Trung thực trong sản xuất.

D. Giữ chữ tín với khách hàng.

**Câu 25:** Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp về mặt đạo đức **không** thể hiện ở việc mọi doanh nghiệp khi tiến hành kinh doanh đều phải

A. thực hiện tốt đạo đức kinh doanh.

B. từ chối đăng ký kinh doanh.

C. sản xuất sản phẩm an toàn.

D. đối xử công bằng với nhân viên.

**Câu 26:** Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm kinh tế của doanh nghiệp?

A. Xả thải chưa qua xử lý ra môi trường.

B. Tàn phá tài nguyên để thu lợi nhuận.

C. Đầu cơ tích trữ hàng hóa.

D. Tiết kiệm chi phí sản xuất.

**Câu 27:** Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp bao gồm trách nhiệm

A. tự nguyện và tự giác.

B. tự nguyện và bắt buộc.

C. bắt buộc và tự giác.

D. bắt buộc và cưỡng chế.

**Câu 28:** Công dân thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người tiêu dùng khi tiến hành kinh doanh là đã thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở hình thức nào dưới đây?

A. Trách nhiệm nhân văn.

B. Trách nhiệm từ thiện.

C. Trách nhiệm pháp lý.

D. Trách nhiệm kinh doanh.

**Câu 29:** Doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm, dịch vụ hữu ích; không gây hại cho xã hội và môi trường, thể hiện hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?

A. Nhân văn.

B. Đạo đức.

C. Pháp lý.

D. Kinh tế.

**Câu 30:** Nội dung nào dưới đây thể hiện ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với xã hội?

A. Nâng cao chất lượng sản phẩm của mình

B. Góp phần thúc đẩy phát triển bền vững đất nước.

C. Tăng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

D. Giảm chi phí, tăng năng suất lao động trong sản xuất.

**Câu 31:** Công dân kinh doanh đúng ngành, nghề ghi trong giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh là thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở hình thức nào dưới đây?

A. Trách nhiệm kinh doanh.

B. Trách nhiệm pháp lý.

C. Trách nhiệm từ thiện.

D. Trách nhiệm kinh tế.

**Câu 32:** Theo quy định của pháp luật, một trong những hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp về mặt pháp lý thể hiện ở việc mọi doanh nghiệp đều phải

A. nộp thuế đầy đủ theo quy định.

B. chủ động mở rộng sản xuất.

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- C. tích cực tìm kiếm khách hàng. D. hợp lý hóa quá trình sản xuất.
- Câu 33:** Tuân thủ các quy định về quan hệ cạnh tranh lành mạnh, quan hệ lao động công bằng, bình đẳng là thể hiện hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?  
A. Đạo đức. B. Pháp lý. C. Kinh tế. D. Nhân văn.
- Câu 34:** Doanh nghiệp đóng góp quỹ an sinh xã hội, quỹ xóa đói giảm nghèo là thể hiện hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?  
A. Đạo đức. B. Nhân văn. C. Pháp lý. D. Kinh tế.
- Câu 35:** Tuân thủ các quy định về kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế là thể hiện hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?  
A. Nhân văn. B. Đạo đức. C. Pháp lý. D. Kinh tế.
- Câu 36:** Đối với nhân viên của mình, việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm đạo đức của doanh nghiệp?  
A. Cải thiện môi trường lao động. B. Tăng giờ làm trái quy định.  
C. Cải thiện chính sách thuế. D. Thực hiện sai hợp đồng đã ký.
- Câu 37:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp?  
A. Tăng khả năng cạnh tranh. B. Thúc đẩy phát triển bền vững.  
C. Giảm nguồn thu ngân sách. D. Tạo dựng niềm tin với khách hàng.
- Câu 38:** Khi tiến hành hoạt động kinh doanh, các doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm pháp lý khi chủ động  
A. xóa bỏ hiện tượng đầu cơ. B. tuân thủ pháp luật về môi trường.  
C. san bằng tỉ lệ thất nghiệp. D. tuyển dụng nhân sự trực tuyến.
- Câu 39:** Một trong những hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp về mặt đạo đức thể hiện ở việc mọi doanh nghiệp đều phải  
A. sản xuất hàng hóa kém chất lượng. B. thực hiện cạnh tranh lành mạnh.  
C. sử dụng chất cấm để chế biến. D. đăng ký kinh doanh theo pháp luật.
- Câu 40:** Việc các chủ thể kinh tế luôn giữ gìn sự trung thực về sản phẩm của mình đã cam kết là thể hiện trách nhiệm nào dưới đây của doanh nghiệp?  
A. Trách nhiệm phân phối. B. Trách nhiệm sản xuất.  
C. Trách nhiệm đạo đức. D. Trách nhiệm tiêu dùng.
- Câu 41:** Một trong những hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp về mặt đạo đức thể hiện ở việc mọi doanh nghiệp đều phải đối xử  
A. công bằng với đối tác kinh doanh. B. công bằng với mọi nhân viên.  
C. bất công với người lao động. D. phân biệt với người làm thuê.
- Câu 42:** Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm đạo đức của doanh nghiệp khi tiến hành kinh doanh?  
A. Quảng cáo sai sự thật về hàng hoá. B. Khai thác trái phép tài nguyên.  
C. Xả thải chưa xử lí ra môi trường. D. Trả lương đúng hạn cho nhân viên.
- Câu 43:** Việc doanh nghiệp H tìm các giải pháp để mở rộng sản xuất kinh doanh tạo nhiều việc làm cho người lao động và đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp là đã thực hiện trách nhiệm nào dưới đây?  
A. Trách nhiệm pháp lý. B. Trách nhiệm kinh tế.  
C. Trách nhiệm đạo đức. D. Trách nhiệm nhân văn.
- Câu 44:** Trách nhiệm kinh tế của các doanh nghiệp **không** thể hiện ở việc mỗi chủ thể kinh tế vì mục tiêu lợi nhuận đã  
A. đảm bảo lợi ích người tiêu dùng. B. nâng cao năng xuất lao động.  
C. đầu cơ tích trữ nhiều hàng hóa. D. gia tăng phúc lợi cho công nhân.
- Câu 45:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện trách nhiệm kinh tế của doanh nghiệp?  
A. Sản xuất hàng giả thu lợi nhuận. B. Tạo nhiều việc làm mới cho xã hội.  
C. Chăm lo lợi ích người lao động. D. Sản xuất hàng hóa đạt tiêu chuẩn.
- Câu 46:** Việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp góp phần mang lại ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của mỗi quốc gia?  
A. Gia tăng khủng hoảng. B. Phát triển bền vững.  
C. Lạm phát bất ổn. D. Thất nghiệp gia tăng.



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 47:** Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm pháp lý của các doanh nghiệp khi tiến hành hoạt động kinh doanh?

- A. Bảo vệ thương hiệu.
- B. Sản xuất hàng quốc cấm.
- C. Cải tiến kỹ thuật sản xuất.
- D. Bảo vệ môi trường.

**Câu 48:** Trách nhiệm pháp lý của các doanh nghiệp thể hiện ở việc, các doanh nghiệp khi tiến hành kinh doanh đã tuân thủ các quy định của pháp luật về

- A. bảo vệ người lao động.
- B. bảo vệ hành vi tiêu cực.
- C. bảo vệ người vi phạm.
- D. bảo vệ hành vi trốn thuế.

**Câu 49:** Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm pháp lý của các doanh nghiệp khi tiến hành hoạt động kinh doanh?

- A. Trợ giá cho vùng khó khăn.
- B. Kiểm soát ngân sách quốc gia.
- C. Đồng loạt nâng cấp sản phẩm.
- D. Bảo vệ quốc phòng, an ninh.

**Câu 50:** Kể từ khi đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty D luôn chú trọng việc cung cấp một cách công khai minh bạch và chính xác về các sản phẩm của mình để người tiêu dùng lựa chọn là thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở hình thức nào dưới đây?

- A. Trách nhiệm kinh tế.
- B. Trách nhiệm nhân văn.
- C. Trách nhiệm đạo đức.
- D. Trách nhiệm pháp lý.

**Câu 51:** Khi tiến hành hoạt động kinh doanh, các doanh nghiệp phải thực hiện tốt trách nhiệm xã hội thông qua việc làm nào dưới đây?

- A. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo.
- B. Tham gia bảo hiểm nhân thọ.
- C. Tổ chức hội nghị khách hàng.
- D. Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

**Câu 52:** Anh T nộp hồ sơ đăng kí và được cấp giấy phép mở đại lí phân phối xe mô tô. Anh T đã thực hiện trách nhiệm xã hội ở hình thức nào dưới đây?

- A. Trách nhiệm nhân văn.
- B. Trách nhiệm kinh tế.
- C. Trách nhiệm pháp lý.
- D. Trách nhiệm đạo đức.

**Câu 53:** Đối với nhân viên của mình, việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm đạo đức của doanh nghiệp?

- A. Thực hiện sai chế độ.
- B. Kim hãm sự phát triển.
- C. Phân biệt đối xử.
- D. Đối xử công bằng.

**Câu 54:** Nội dung nào dưới đây thể hiện ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với doanh nghiệp?

- A. Hỗ trợ giải quyết những khó khăn của cộng đồng.
- B. Chung tay ứng phó với biến đổi khí hậu.
- C. Giúp ổn định cuộc sống cộng đồng.
- D. Nâng cao thương hiệu và uy tín doanh nghiệp.

**Câu 55:** Doanh nghiệp tham gia các hoạt động khám chữa bệnh miễn phí, xây dựng nhà tình nghĩa là thể hiện hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?

- A. Pháp lý.
- B. Đạo đức.
- C. Kinh tế.
- D. Nhân văn.

**Câu 56:** Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp?

- A. Gian lận hồ sơ kê khai thuế.
- B. Thường xuyên nộp chậm thuế.
- C. Bị xử phạt vì chậm nộp thuế.
- D. Chấp hành pháp luật về thuế.

**Câu 57:** Trách nhiệm pháp lý của các doanh nghiệp thể hiện ở việc, các doanh nghiệp khi tiến hành kinh doanh đã tuân thủ các quy định của pháp luật về

- A. gây hại cho người tiêu dùng.
- B. bảo vệ người tiêu dùng.
- C. từ chối lợi ích người tiêu dùng.
- D. giúp đỡ người tiêu dùng.

**Câu 58:** Bên cạnh việc phát triển sản xuất, các doanh nghiệp tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo là đã thể hiện trách nhiệm nào dưới đây của doanh nghiệp?

- A. Trách nhiệm sản xuất.
- B. Trách nhiệm tiêu dùng.
- C. Trách nhiệm nhân văn.
- D. Trách nhiệm pháp lý.

**Câu 59:** Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp gắn liền với việc thực hiện những chính sách và việc làm mang tính

- A. hàn lâm.
- B. hiện đại.
- C. phổ biến.
- D. tự nguyện.

**Câu 60:** Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là toàn bộ trách nhiệm mà doanh nghiệp thực hiện đối với xã hội bằng những chính sách và việc làm cụ thể mang tính

- A. tạm thời.
- B. tích cực.
- C. tiêu cực.
- D. thời vụ.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 61:** Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm đạo đức của doanh nghiệp khi tiến hành kinh doanh?

- A. Cam kết chất lượng sản phẩm. B. Từ chối thực hiện nghĩa vụ thuế.  
C. Sản xuất hàng kém chất lượng. D. Sử dụng các thủ đoạn phi pháp.

**Câu 62:** Việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm nhân văn của doanh nghiệp?

- A. Đóng góp quỹ xóa đói, giảm nghèo. B. Đầu cơ gây rối loạn thị trường.  
C. Khai thác tàn phá tài nguyên biển. D. Cạnh tranh không lành mạnh.

**Câu 63:** Doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, có lợi nhuận, tạo ra việc làm có mức lương tương xứng là thể hiện hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?

- A. Nhân văn. B. Đạo đức. C. Pháp lý. D. Kinh tế.

**Câu 64:** Khi tiến hành hoạt động kinh doanh, các doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm pháp lý khi chủ động

- A. lắp đặt hệ thống phần mềm quản lí. B. cổ phần hóa tài sản doanh nghiệp.  
C. nộp thuế đầy đủ theo quy định. D. thành lập quỹ bảo trợ xã hội.

**Câu 65:** Nội dung nào dưới đây thể hiện ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với xã hội?

- A. Nâng cao chất lượng sản phẩm của mình.  
B. Tạo dựng niềm tin đối với công chúng.  
C. Chung sức hỗ trợ cộng đồng vượt qua khó khăn.  
D. Giảm chi phí, tăng năng suất lao động trong sản xuất.

**Câu 66:** Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm đạo đức của doanh nghiệp khi tiến hành kinh doanh?

- A. Không bán hàng kém chất lượng. B. Khuyến khích phát triển lâu dài.  
C. Tích cực tìm kiếm khách hàng. D. Chủ động mở rộng sản xuất.

**Câu 67:** Đối với mỗi doanh nghiệp, việc thực hiện tốt trách nhiệm xã hội sẽ góp phần giúp doanh nghiệp tạo dựng được

- A. quan hệ phi lợi nhuận. B. các quan hệ phi pháp.  
C. mối quan hệ miễn thuế. D. thương hiệu và tên tuổi.

**Câu 68:** Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là toàn bộ trách nhiệm bắt buộc và tự nguyện mà doanh nghiệp thực hiện đối với xã hội bằng những

- A. biện pháp và phương hướng cụ thể. B. giải pháp và hành động cụ thể.  
C. chủ trương và quyết sách cụ thể. D. chính sách và việc làm cụ thể.

**Câu 69:** Doanh nghiệp đóng góp quỹ phòng chống thiên tai, quỹ vắc-xin phòng, chống Covid-19... thể hiện hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?

- A. Pháp lý. B. Đạo đức. C. Kinh tế. D. Nhân văn.

**Câu 70:** Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp về mặt đạo đức **không** thể hiện ở việc mọi doanh nghiệp khi tiến hành kinh doanh đều phải

- A. giữ chữ tín với đối tác và khách hàng. B. đối xử công bằng với các nhân viên.  
C. chăm lo đời sống người lao động. D. khai thác và tàn phá tài nguyên.

**Câu 71:** Doanh nghiệp sản xuất hàng giả, hàng kém chất lượng là đã **không** thực hiện trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?

- A. Pháp lý. B. Kinh tế. C. Đạo đức. D. Nhân văn.

**Câu 72:** Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp gắn liền với việc thực hiện những chính sách và việc làm mang tính

- A. giáo điều. B. thuyết phục. C. bắt buộc. D. cưỡng chế.

### **Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới**

Công ty V chuyên sản xuất kinh doanh các sản phẩm sữa, thường xuyên cải tiến mẫu mã, đảm bảo chất lượng sản phẩm cung cấp ra thị trường, kê khai và nộp thuế đầy đủ. Doanh nghiệp đã tham gia chương trình sữa học đường, mang sữa đến các trường mầm non, tiểu học tại nhiều địa phương, phát động cán bộ nhân viên quyên góp, giúp đỡ người dân vùng bị thiên tai vượt qua khó khăn và khắc phục hậu quả sau bão lũ,...

**Câu 73:** Nội dung nào dưới đây phản ánh việc thực hiện trách nhiệm pháp lý của công ty V?

- A. Cải tiến mẫu mã sản phẩm. B. Đảm bảo chất lượng sản phẩm.  
C. Kê khai và nộp thuế đầy đủ. D. Tham gia dự án sữa miễn phí.

**Câu 74:** Hoạt động tham gia chương trình sữa học đường, mang sữa đến các trường mầm non, tiểu học tại nhiều địa phương là thể hiện trách nhiệm nào dưới đây của công ty?

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- A. Trách nhiệm pháp lý. B. Trách nhiệm nhân văn.  
C. Trách nhiệm đạo đức. D. Trách nhiệm kinh tế.

**Câu 75:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp?

- A. Cải tiến mẫu mã sản phẩm. B. Duy trì chất lượng sản phẩm.  
C. Ủng hộ đồng bào bị lũ lụt. D. Liên kết với các nhà phân phối.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Là một doanh nghiệp nhỏ ngành dệt may ở một xã thuần nông, doanh nghiệp V đã cung ứng cho thị trường nhiều sản phẩm có chất lượng cao, thân thiện với môi trường. Công ty đã thu hút được những lao động là thanh niên trong xã, đào tạo họ trở thành những người thợ lành nghề, có việc làm và thu nhập ổn định. Hằng năm, doanh nghiệp còn hỗ trợ kinh phí cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong xã được đi học đại học, tham gia nhiều hoạt động cộng đồng trong xã. Bên cạnh đó công ty rất quan tâm đến đời sống người lao động, ngoài việc thực hiện tốt các chế độ theo quy định, công ty còn chủ động tìm các nguồn kinh phí hợp pháp để hỗ trợ người lao động gặp khó khăn ổn định cuộc sống. Nhờ vậy, uy tín của doanh nghiệp đối với khách hàng, người lao động và xã hội ngày càng tăng, công việc kinh doanh ngày càng phát triển. Năm qua doanh nghiệp được cơ quan thuế tặng bằng khen vì thành tích thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế trên địa bàn.

**Câu 76:** Việc hỗ trợ kinh phí cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong xã được đi học đại học và tham gia các hoạt động cộng đồng trong xã là thể hiện trách nhiệm xã hội nào dưới đây của doanh nghiệp?

- A. Trách nhiệm kinh tế. C. Trách nhiệm pháp lý.  
B. Trách nhiệm nhân văn. D. Trách nhiệm địa phương.

**Câu 77:** Danh hiệu thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế mà công ty đạt được phản ánh việc thực hiện tốt trách nhiệm nào dưới đây của doanh nghiệp?

- A. Trách nhiệm kinh tế. B. Trách nhiệm pháp lý.  
C. Trách nhiệm nhân văn. D. Trách nhiệm đạo đức.

**Câu 78:** Việc làm nào dưới đây của doanh nghiệp V **không** thể hiện trách nhiệm kinh tế của doanh nghiệp khi tiến hành sản xuất, kinh doanh?

- A. Cung cấp các sản phẩm có chất lượng cao. B. Hỗ trợ kinh phí cho học sinh theo học đại học.  
C. Giải quyết việc làm cho lao động địa phương. D. Sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Là doanh nghiệp chuyên kinh doanh các mặt hàng thực phẩm, Công ty A đặc biệt lưu ý đến việc kiểm soát chất lượng đầu vào, luôn chọn những nhà cung cấp tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước về hồ sơ pháp lý; ưu tiên chọn nhà cung cấp có chứng nhận VietGAP, chuỗi thực phẩm an toàn, chứng nhận hữu cơ, hàng Việt Nam chất lượng cao,... Ngoài ra, công ty còn định kỳ khảo sát, đánh giá trực tiếp điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị nhà xưởng cũng như rà soát quá trình tiếp nhận, phân loại, sơ chế, sản xuất, đóng gói của nhà cung cấp. Vì vậy, sản phẩm của công ty ngày càng được nhiều khách hàng tin tưởng, ưa chuộng, doanh thu ngày càng tăng.

**Câu 79:** Việc công ty A chú trọng lựa chọn những nhà cung cấp tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước về hồ sơ pháp lý là thể hiện trách nhiệm xã hội nào dưới đây của doanh nghiệp?

- A. Trách nhiệm đạo đức. B. Trách nhiệm công vụ.  
C. Trách nhiệm pháp lý. D. Trách nhiệm kinh tế.

**Câu 80:** Quá trình công ty A kiểm soát chặt chẽ chất lượng đầu vào để đảm bảo hành hóa bản cho người tiêu dùng luôn có chất lượng tốt nhất như đã cam kết là đã thực hiện tốt trách nhiệm xã hội nào dưới đây của doanh nghiệp?

- A. Trách nhiệm kinh tế. B. Trách nhiệm pháp lý.  
C. Trách nhiệm nhân văn. D. Trách nhiệm đạo đức.

**Câu 81:** Nội dung nào dưới đây thể hiện ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp khi kinh doanh?

- A. Kiểm soát đầu vào. B. Tuân thủ pháp lý. C. Doanh thu tăng cao. D. Cam kết sản phẩm.

**Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

**Câu 1:** Công ty cổ phần B sản xuất hàng đồ chơi trẻ em. Từ nhiều năm nay, công ty đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh, hàng năm đầu tư hàng tỉ đồng để xây

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

dụng hệ thống xử lý nước thải bảo vệ môi trường; sản xuất đồ chơi không ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ em. Đồng thời, công ty còn thực hiện đúng nghĩa vụ kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo quy định.

a) Thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường là công ty đã thực hiện tốt trách nhiệm xã hội ở hình thức pháp lý và kinh tế. *Sai, thực hiện đúng pháp luật bảo vệ môi trường vừa thể hiện trách nhiệm pháp lý vừa thể hiện trách nhiệm đạo đức của doanh nghiệp.*

b) Việc sản xuất các đồ chơi không ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ em là phù hợp với trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở hình thức đạo đức và kinh tế. *Đúng, việc tạo ra những sản phẩm không ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng là phù hợp với trách nhiệm kinh tế thông qua việc làm này sẽ góp phần bảo vệ sức khỏe của con người nên nó cũng thể hiện trách nhiệm đạo đức.*

c) Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước gắn liền với trách nhiệm nhân văn của doanh nghiệp. *Sai, đây là trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp.*

d) Thông qua việc tạo ra những sản phẩm không ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ em, công ty B đã thể hiện trách nhiệm của mình trong việc thúc đẩy phát triển bền vững. *Đúng vì phát triển bền vững bên cạnh việc tăng trưởng kinh tế còn chú trọng đến vấn đề xã hội, việc làm của công ty B góp phần giúp nâng cao chất lượng cuộc sống, quyền con người.*

**Câu 2:** Ông S là giám đốc công ty cổ phần sản xuất hàng công nghiệp. Trong quá trình sản xuất, ông đã chỉ đạo công ty làm mọi cách để giảm chi phí sản xuất nhằm tăng lợi nhuận cho công ty, kể cả việc bỏ qua trách nhiệm của công ty về bảo vệ môi trường như thải khí thải vượt quá mức quy định và xả nước thải chưa qua xử lý vào nguồn nước, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và đời sống của người dân khu vực xung quanh. Đối với sản phẩm của công ty, khi sản phẩm có chỗ đứng trong thị trường, ông S chỉ đạo công ty thay đổi một số linh kiện có giá rẻ hơn để lắp ráp vào sản phẩm, làm giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận cho công ty. Đối với người lao động, công ty đã ký hợp đồng thời vụ với một số lao động phổ thông để không phải đóng bảo hiểm xã hội cho họ đồng thời tạo điều kiện để họ được tự do di chuyển sang công ty khác nếu cần.

a) Giám đốc S chưa thực hiện tốt trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm đạo đức trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. *Đúng, việc không thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường là vi phạm pháp luật về kinh doanh, đồng thời ảnh hưởng đến sức khỏe người dân là vi phạm đạo đức kinh doanh.*

b) Việc bỏ qua yếu tố về môi trường cũng như lắp ráp sản phẩm có giá rẻ hơn để tối ưu hóa lợi nhuận là phù hợp với trách nhiệm kinh tế của doanh nghiệp. *Sai, đây là hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh, vi phạm trách nhiệm kinh tế của chủ thể sản xuất kinh doanh.*

c) Việc tạo điều kiện để người lao động ký hợp đồng thời vụ và không phải đóng bảo hiểm xã hội là thể hiện trách nhiệm đạo đức của doanh nghiệp. *Sai, đây là hành vi vừa vi phạm trách nhiệm pháp lý vừa vi phạm trách nhiệm đạo đức vì làm mất đi quyền lợi của người lao động.*

d) Để xây dựng uy tín và thương hiệu cho công ty, ông S nên trích lợi nhuận để tham gia các hoạt động từ thiện nhân đạo. *Sai để xây dựng uy tín và thương hiệu cho công ty trước tiên công ty phải thực hiện tốt trách nhiệm pháp lý cũng như tạo ra những sản phẩm có chất lượng và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với người lao động.*

**Câu 3:** Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng, công ty H luôn tạo mọi điều kiện để nhân viên công ty được làm việc trong một môi trường an toàn, thân thiện. Công ty đã xây dựng các chính sách đãi ngộ hợp lý, thỏa đáng cho đội ngũ nhân viên, như chế độ lương thưởng kịp thời, chế độ bảo hiểm xã hội, thăm hỏi nhân viên và thân nhân của họ, đảm bảo đầy đủ quyền lợi của người lao động.

d) Việc xây dựng chính sách đãi ngộ hợp lý, thỏa đáng cho đội ngũ nhân viên là thể hiện khả năng lập kế hoạch kinh doanh của công ty H. *Sai, nội dung này không nằm trong nội dung cơ bản của lập kế hoạch kinh doanh, đây là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.*

c) Việc thăm hỏi nhân viên và người thân của họ là thể hiện trách nhiệm pháp lý của các doanh nghiệp. *Sai, đây là trách nhiệm đạo đức và nhân văn của doanh nghiệp.*

a) Thông qua việc xây dựng môi trường an toàn, thân thiện cho nhân viên, công ty H đã thực hiện tốt trách nhiệm kinh tế khi kinh doanh. *Đúng vì hoạt động này tạo điều kiện cho nhân viên được sống trong môi trường tốt qua đó thúc đẩy họ công hiến nhiều hơn cho công ty.*

b) Chính sách đãi ngộ hợp lý và thỏa đáng cho nhân viên vừa thể hiện chính sách an sinh xã hội vừa thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. *Đúng vì những hoạt động này sẽ góp phần giúp đỡ các nhân viên và người thân của họ giảm bớt khó khăn ổn định cuộc sống.*

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 4:** Công ty D chuyên sản xuất máy móc phục vụ cho nông nghiệp. Từ khi sản xuất kinh doanh có hiệu quả, công ty luôn chú trọng bảo vệ môi trường, thực hiện các biện pháp giảm lượng chất thải như rác, khói bụi, nước xả thải các chất thải rắn. Công ty D còn hợp tác với tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế và Ủy ban nhân dân tỉnh K để bảo tồn các vùng đất ngập nước tự nhiên và các môi trường sống khác. Công ty đầu tư xây dựng ba công trình công cộng cho cộng đồng, đáp ứng các tiêu chí công trình xanh, được công nhận là sản phẩm xanh.

a) Biện pháp giảm chất thải, xử lý rác, khói bụi và chất thải rắn là phù hợp với trách nhiệm pháp lý mà mỗi doanh nghiệp phải thực hiện khi kinh doanh. *Đúng điều này thể hiện nghĩa vụ kinh doanh của mỗi doanh nghiệp đó là chấp hành nghĩa vụ về bảo vệ môi trường đây là trách nhiệm pháp lý của mỗi doanh nghiệp khi kinh doanh*

b) Quá trình công ty hợp tác với các tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế là thể hiện hình thức hội nhập kinh tế quốc tế. *Sai đây không phải là hội nhập kinh tế quốc tế mà là việc phối hợp với tổ chức quốc tế để cùng nhau bảo vệ môi trường.*

c) Hoạt động hợp tác với tổ chức quốc tế và chính quyền địa phương để bảo tồn vùng đất ngập nước tự nhiên là thể hiện trách nhiệm kinh tế của doanh nghiệp. *Sai, đây là thể hiện trách nhiệm đạo đức của doanh nghiệp trong việc tham gia bảo vệ môi trường.*

d) Việc đóng góp xây dựng các công trình công cộng cho cộng đồng là việc làm phù hợp với trách nhiệm nhân văn của doanh nghiệp. *Đúng, đây là những hoạt động cộng đồng nhằm giúp đỡ các đối tượng yếu thế trong xã hội.*

**Câu 5:** Doanh nghiệp C kinh doanh trong ngành hàng xuất khẩu thủy hải sản. Doanh nghiệp quan tâm tạo việc làm thường xuyên cho người lao động với mức lương, thưởng xứng đáng và xây dựng một môi trường lao động an toàn, thông thoáng bảo đảm sức khỏe. Vì vậy năng suất lao động trong doanh nghiệp khá cao, sản phẩm bảo đảm chất lượng theo cam kết, khách hàng rất tin tưởng. Trong nhiều năm qua, công ty thường xuyên thực hiện hoạt động quyên góp từ thiện giúp đỡ nhân dân các vùng gặp khó khăn, hoạn nạn. Công ty đã phát động phong trào “Vì miền Trung thân yêu”, nhằm chia sẻ khó khăn để đồng bào các tỉnh miền Trung vượt qua những cơn lũ lụt, nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của đông đảo cán bộ nhân viên công ty, đóng góp công sức để chia sẻ phần nào khó khăn với bà con miền Trung thân yêu.

a) Hoạt động quyên góp từ thiện giúp đỡ nhân dân các vùng gặp khó khăn hoạn nạn là góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội của các doanh nghiệp. *Đúng, thông qua hoạt động này sẽ góp phần giúp đỡ những đối tượng khó khăn, yếu thế trong xã hội.*

b) Thông tin thể hiện công ty C đã thực hiện tốt trách nhiệm kinh tế của doanh nghiệp khi kinh doanh. *Sai, ở đây chỉ đề cập đến trách nhiệm nhân văn của công ty.*

c) Quan tâm tạo việc làm thường xuyên cho người lao động là phù hợp với trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp. *Đúng, đây là trách nhiệm kinh tế của doanh nghiệp nhằm tạo ra công ăn việc làm ổn định cho người lao động.*

d) Hoạt động ủng hộ “ Vì miền trung thân yêu” là phù hợp với trách nhiệm nhân văn từ thiện của mỗi doanh nghiệp. *Đúng đây là những hoạt động thể hiện nhân văn và từ thiện nhằm hỗ trợ giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn.*

## BÀI 7: QUẢN LÝ THU, CHI TRONG GIA ĐÌNH

### HỆ THỐNG LÝ THUYẾT

#### 1. Quản lý thu chi và sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình.

Quản lý thu chi là việc *quản lý* các khoản *thu nhập*, *chi tiêu* nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất tinh thần cho các thành viên trong gia đình và phù hợp với nhu cầu của gia đình.

#### - **Sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình**

- *Kiểm soát* được các nguồn thu trong gia đình.

- *Theo dõi và điều chỉnh* những thói quen chi tiêu không tích cực để đạt được các mục tiêu tài chính trong gia đình.

- *Chủ động* thực hiện kế hoạch tài chính của gia đình.

- *Giúp cân bằng* tài chính, chủ động ứng phó với các tình huống rủi ro có thể xảy ra trong gia đình.

- *Nâng cao* chất lượng cuộc sống gia đình.

#### 2. Xây dựng kế hoạch quản lý thu, chi trong gia đình.

Để xây dựng kế hoạch thu, chi hợp lý mỗi gia đình cần thực hiện các bước cơ bản sau:

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

### **Bước 1: Thảo luận để xác định mục tiêu tài chính trong gia đình**

- Mục tiêu tài chính trong gia đình: là các *mục tiêu* giúp xác định ngân sách để gia đình thực hiện những dự định cụ thể trong một khoảng thời gian nhất định

- **Phân loại:** Ngắn hạn (6<sup>th</sup> – 1 năm); Trung hạn (2 – 5 năm); Dài hạn (5 năm trở lên)

#### **- Tiến hành:**

+ Liệt kê mục tiêu

+ Xác định mức độ ưu tiên

Lưu ý: Đảm bảo tiêu chí cụ thể, đo lường được, có tính khả thi và giới hạn thời gian hoàn thành. Bàn bạc, thống nhất, đồng thuận giữa các thành viên trong gia đình để cùng nhau thực hiện.

### **Bước 2: Xác định các nguồn thu nhập trong gia đình**

- Thu nhập thụ động: không cần sử dụng SLĐ VD: Lãi suất từ tiền gửi ngân hàng, cho thuê nhà...

- Thu nhập chủ động: do hao phí SLĐ tạo ra VD: Tiền lương, tiền thưởng, hoạt động SXKD,...

Lưu ý: Cần duy trì thu nhập gia đình ổn định, kiểm tra xem xét ngân sách GD thường xuyên để cân đối thu, chi

### **Bước 3: Thống nhất các khoản chi thiết yếu và không thiết yếu trong gia đình.**

- Đảm bảo cho những yêu cầu thiết yếu: Là những khoản bắt buộc phải chi tiêu hàng tháng, đảm bảo nhu cầu vật chất của các thành viên trong gia đình.

- Cân nhắc những khoản chi không thiết yếu để cân đối thu – chi

Lưu ý: Thực hiện mục tiêu tiết kiệm, đảm bảo ưu tiên cho những yêu cầu thiết yếu, cân nhắc các khoản chi không thiết yếu.

### **Bước 4. Thống nhất tỷ lệ phân chia các khoản chi thiết yếu, không thiết yếu và tiết kiệm trong gia đình**

- Theo dõi mức chi tiêu của gia đình, căn cứ vào nguồn thu, mục tiêu tài chính và danh mục các khoản chi thiết yếu và không thiết yếu của gia đình để xác định tỉ lệ phân chia các khoản chi cho phù hợp với đặc điểm của gia đình. Dựa trên tỉ lệ đó, phân bổ số tiền cụ thể. Ví dụ: 50% - 20%-30

Lưu ý: tỉ lệ phân chia tùy đặc điểm gia đình và có thể điều chỉnh tùy thời điểm nhất định.

### **Bước 5. Thực hiện các khoản thu chi theo kế hoạch**

- Thực hiện các khoản thu, chi hằng tháng theo kế hoạch thông qua việc ghi chép và điều chỉnh các khoản chi tiêu cho phù hợp. *cụ thể* cho từng khoản chi, phù hợp với mức thu nhập

### **Bài tập trắc nghiệm tham khảo**

**Câu 1:** Việc cân đối các khoản thu và chi nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần của các thành viên sao cho phù hợp với các nguồn thu nhập của gia đình gọi là gì?

A. Quản lý thu, chi đối nội.

B. Quản lý thu, chi nội bộ.

C. Quản lý thu, chi trong gia đình.

D. Quản lý thu, chi đối ngoại.

**Câu 2:** Việc quản lý thu, chi hiệu quả để giải quyết những vấn đề cơ bản về tài chính như cân đối thu - chi, thực hành tiết kiệm, gia tăng thu nhập giúp mỗi gia đình duy trì điều gì?

A. Phát triển và đủ đầy.

B. Ổn định, phát triển và hạnh phúc.

C. Ấm no và hạnh phúc.

D. Phát triển và hạnh phúc.

**Câu 3:** Nhận định nào đúng khi nói về mục đích của việc quản lý thu, chi trong gia đình?

A. Cải thiện và đáp ứng chất lượng cuộc sống theo yêu cầu của xã hội.

B. Chủ động thực hiện kế hoạch tài chính của gia đình.

C. Theo dõi và điều chỉnh những thói quen chi tiêu tích cực để đạt được các mục tiêu tài chính trong gia đình.

D. Chủ động nắm chắc tình hình tài chính của bản thân để điều chỉnh cho phù hợp.

**Câu 4:** Đây là một trong những mục đích của việc quản lý thu, chi trong gia đình?

A. Cải thiện và đáp ứng chất lượng cuộc sống theo yêu cầu của xã hội.

B. Chủ động kiểm soát các khoản thu nhập, chi tiêu của bản thân.

C. Giúp cân bằng tài chính, chủ động ứng phó với các tình huống rủi ro có thể xảy ra trong gia đình.

D. Theo dõi và điều chỉnh những thói quen chi tiêu tích cực để đạt được các mục tiêu tài chính trong gia đình.

**Câu 5:** Một trong những nội dung nói đến sự cần thiết của việc quản lý thu, chi trong gia đình:

A. Chủ động xây dựng kế hoạch tài chính của bản thân.

B. Cải thiện và đáp ứng chất lượng cuộc sống theo yêu cầu của xã hội.

C. Theo dõi và điều chỉnh những thói quen chi tiêu tích cực để đạt được các mục tiêu tài chính trong gia đình.

## **MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

đình.

**D.** Kiểm soát được các nguồn thu trong gia đình.

**Câu 6:** Một trong những bước thực hiện xây dựng kế hoạch thu, chi hợp lý ở mỗi gia đình là

**A.** đảm bảo nhu cầu vật chất và tinh thần đầy đủ cho các thành viên.

**B.** xác định các nguồn thu nhập trong gia đình.

**C.** thỏa mãn các nhu cầu của các thành viên.

**D.** đảm bảo môi trường sống có lợi cho sự phát triển của các thành viên.

**Câu 7:** Thu nhập gia đình là các khoản có thể đến từ sự đóng góp của các thành viên trong gia đình như:

**A.** Tiền lương, tiền công, các khoản thu nhập khác từ hoạt động có thu của gia đình.

**B.** Tiền công, lợi tức từ tiền gửi ngân hàng, tiền được tặng.

**C.** Tiền thưởng, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

**D.** Tiền lương, được cho, tặng, thừa kế.

**Câu 8:** Các mục tiêu giúp xác định ngân sách để gia đình thực hiện những dự định cụ thể trong một khoảng thời gian nhất định gọi là

**A.** kế hoạch tài chính.                    **B.** mục tiêu tài chính.    **C.** quản lý chi tiêu.    **D.** quản lý thu nhập.

**Câu 9:** Quản lý thu nhập trong gia đình là quá trình xác định, theo dõi và tối ưu hoá các nguồn thu nhập nhằm đảm bảo được các mục tiêu tài chính nào dưới đây?

**A.** Ngắn hạn và dài hạn.

**B.** Chủ động, trung hạn.

**C.** Thụ động và chủ động.

**D.** Ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.

**Câu 10:** Mỗi gia đình cần thực hiện mấy bước để xây dựng kế hoạch thu, chi cho hợp lý?

**A.** 4.

**B.** 5.

**C.** 6.

**D.** 7.

**Câu 11:** Nhận định nào sau đây là đúng khi nói về việc xây dựng kế hoạch thu, chi hợp lý trong mỗi gia đình?

**A.** Xác định nguồn chi cần thiết.

**B.** Đảm bảo tỉ lệ phân chia thu, chi và để dành.

**C.** Thảo luận để xác định mục tiêu tài chính trong gia đình và thời gian thực hiện.

**D.** Điều chỉnh các khoản thu, chi cho hợp lý.

**Câu 12:** Những mục tiêu có thể đạt được trong khoảng thời gian từ 6 tháng đến 1 năm được gọi là mục tiêu tài chính

**A.** ngắn hạn.

**B.** trung hạn.

**C.** dài hạn.

**D.** vô hạn.

**Câu 13:** Những mục tiêu phải mất thời gian từ 5 năm trở lên mới có thể đạt được gọi là mục tiêu tài chính nào dưới đây?

**A.** Ngắn hạn.

**B.** Trung hạn.

**C.** Dài hạn.

**D.** Cực hạn.

**Câu 14:** Với mong muốn cho con đi du học, chị H đã mở một sổ tiết kiệm gửi góp 3 năm. Việc làm này của chị H là thực hiện mục tiêu tài chính nào dưới đây?

**A.** Chủ động.

**B.** Ngắn hạn.

**C.** Trung hạn.

**D.** Thiết yếu.

**Câu 15:** Nguồn thu nhập trong mỗi gia đình bao gồm những loại nào dưới đây?

**A.** Chủ động và thụ động.

**B.** Tiền lương và sở hữu.

**C.** Thiết yếu và không thiết yếu.

**D.** Hàng tháng và hàng ngày.

### DẠNG 2

**Câu 1:** Phát biểu nào dưới đây là đúng về sự cần thiết phải quản lý thu chi trong gia đình.

**A.** Lập kế hoạch thu chi trong gia đình giúp mỗi thành viên chi tiêu không giới hạn.

**B.** Lập kế hoạch thu chi trong gia đình giúp hạn chế các thói quen chi tiêu tích cực.

**C.** Lập kế hoạch thu chi trong gia đình là giải pháp để cân bằng tài chính gia đình.

**D.** Lập kế hoạch thu chi trong gia đình nhằm kiểm soát nguồn chi tiêu của người vợ.

**Câu 2:** Một trong những mục đích của việc thực hiện quản lý thu, chi trong gia đình là nhằm

**A.** kiểm soát các nguồn thu trong gia đình.

**B.** kiểm soát các khoản thu của con.

**C.** kiểm soát các khoản chi của con.

**D.** kiểm soát các khoản chi của người chồng.

**Câu 3:** Thực hiện việc quản lý thu chi trong gia đình giúp mỗi gia đình chủ động thực hiện được kế hoạch tài chính

**A.** dòng họ.

**B.** gia đình.

**C.** cá nhân.

**D.** nhà nước.

**Câu 4:** Khi xác định mục tiêu tài chính trong gia đình, cần tránh xác định những mục tiêu tài chính có tính chất nào dưới đây?

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- A. Trìu trương.                      B. Có khả thi.                      C. Đo lường được.                      D. Cụ thể.
- Câu 5:** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình?  
A. Tăng số tiền mặt cho hoạt động mua sắm hằng ngày. B. Tăng chất lượng cuộc sống của gia đình.  
C. Kiểm soát được nguồn thu, chi trong gia đình.    D. Dự phòng cho các trường hợp khẩn cấp và tương lai.
- Câu 6:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện việc xác định mục tiêu tài chính trong gia đình?  
A. Mục tiêu tài chính ngắn hạn.                      B. Mục tiêu tài chính dài hạn.  
C. Mục tiêu tài chính trung hạn.                      D. Mục tiêu tài chính vô hạn.
- Câu 7:** Việc xác định các nguồn thu nhập trong gia đình sẽ giúp mỗi gia đình biết được nội dung nào dưới đây?  
A. Môi quan hệ giữa các thành viên.                      B. Tình hình việc làm và thu nhập.  
C. Tình hình tài chính hiện tại.                      D. Tình trạng hôn nhân gia đình.
- Câu 8:** Nội dung nào dưới đây được liệt kê vào nguồn thu nhập của gia đình khi xây dựng kế hoạch thu chi trong gia đình?  
A. Chi tiêu cho nhu cầu thiết yếu.                      B. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh.  
C. Thu nhập từ lương của bố mẹ.                      D. Thu nhập tiền lãi gửi ngân hàng.
- Câu 9:** Khi xác định mục tiêu tài chính để thực hiện kế hoạch quản lý thu chi hợp lý, mỗi gia đình cần tránh xác định mục tiêu mang tính  
A. ngắn hạn.                      B. dài hạn.                      C. trung hạn.                      D. vô hạn.
- Câu 10:** Mục đích của quản lý thu, chi trong gia đình biểu hiện ở nội dung nào dưới đây?  
A. Chủ động kiểm soát chi tiêu của bản thân.    B. Chủ động thực hiện kế hoạch tài chính của gia đình.  
C. Đảm bảo ổn định dòng tiền cho việc mua sắm của gia đình.  
D. Tối ưu hoá sử dụng khoản thu của bản thân.
- Câu 11:** Thực hiện việc quản lý thu chi trong gia đình không mang lại lợi ích nào dưới đây?  
A. Kiểm soát thu chi hiệu quả.                      B. Giúp cân bằng tài chính.  
C. Hạn chế quan hệ gia đình.                      D. Vượt qua rủi ro tài chính.
- Câu 12:** Nội dung nào dưới đây thể hiện việc xác định các nguồn thu nhập khi xây dựng kế hoạch chi tiêu trong gia đình?  
A. Ghi chép các khoản chi tiêu hàng ngày.                      B. Thống nhất tỷ lệ phân chia các khoản.  
C. Chủ động tìm kiếm nguồn thu nhập.                      D. Xác định khoản chi tiêu thiết yếu.
- Câu 13:** Nội dung nào dưới đây thể hiện việc thực hiện các khoản thu chi trong gia đình theo kế hoạch?  
A. Thống nhất tỷ lệ phân chia các khoản.                      B. Ghi chép các khoản chi tiêu hàng ngày.  
C. Chủ động tìm kiếm nguồn thu nhập.                      D. Xác định khoản chi tiêu thiết yếu.
- Câu 14:** Khi thống nhất tỷ lệ phân chia các khoản chi tiêu, các gia đình **không** cần phân chi tỷ lệ cho nội dung nào dưới đây?  
A. Chi thiết yếu.                      B. Chi nộp thuế nhà đất.  
C. Chi không thiết yếu.                      D. Chi tiết kiệm.
- Câu 15:** Thông qua việc thực hiện quản lý thu, chi trong gia đình góp phần theo dõi và điều chỉnh những hành vi nào dưới đây để đạt được các mục tiêu tài chính trong gia đình?  
A. Thói quen chi tiêu hoang phí.                      B. Thói quen chi tiêu tích cực.  
C. Thói quen chi tiêu không tích cực.                      D. Thói quen chi tiêu tiết kiệm.
- Câu 16:** Việc quản lý thu, chi trong gia đình sẽ giúp mỗi gia đình chủ động được  
A. các khoản rủi ro khi chi tiêu.                      B. các khoản nhà nước hỗ trợ.  
C. các khoản thu nhập ngoài.                      D. kế hoạch tài chính gia đình.
- Câu 17:** Việc cân đối các khoản thu và chi nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần của các thành viên sao cho phù hợp với các nguồn thu nhập của gia đình là nội dung của khái niệm nào dưới đây?  
A. Quản lý thu, chi nội bộ.                      B. Quản lý thu, chi đối ngoại.  
C. Quản lý thu, chi đối nội.                      D. Quản lý thu, chi trong gia đình.
- Câu 18:** Nguồn thu nhập trong gia đình **không** bao gồm khoản nào dưới đây?  
A. Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh. B. Doanh thu từ hoạt động nộp thuế kinh doanh.  
C. Thu nhập từ tiền lương các thành viên.                      D. Thu nhập từ tiền lãi xuất gửi tiết kiệm.
- Câu 19:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình?  
A. Điều chỉnh hành vi tiêu dùng.                      B. Thiết lập mục tiêu tài chính.  
C. Chi tiêu tự do mất kiểm soát.                      D. Kiểm soát các nguồn thu nhập.



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- Câu 20:** Khi lập kế hoạch quản lý thu chi trong gia đình, việc thống nhất các khoản chi thiết yếu và không thiết yếu cần đảm bảo nguyên tắc nào dưới đây?
- A. Ưu tiên cho khoản không thiết yếu.      B. Dành toàn bộ cho khoản không thiết yếu.  
C. Dành toàn bộ cho khoản thiết yếu      D. Ưu tiên cho khoản chi tiêu thiết yếu.
- Câu 21:** Nội dung nào dưới đây không phải là căn cứ để xây dựng kế hoạch quản lý thu, chi trong gia đình?
- A. Các khoản chi tiêu trong gia đình.      B. Các mối quan hệ trong gia đình.  
C. Mục tiêu tài chính trong gia đình.      D. Các nguồn thu nhập trong gia đình.
- Câu 22:** Những khoản chi tiêu nào dưới đây trong gia đình là khoản chi tiêu không thiết yếu?
- A. Chi phí điện nước.      B. Chi phí học tập.      C. Chi phí xem phim.      D. Chi phí ăn, mặc.
- Câu 23:** Kế hoạch quản lý thu chi trong gia đình **không** bao gồm nội dung nào dưới đây?
- A. Xác định mục tiêu tài chính trong gia đình.      B. Xác định các nguồn thu nhập trong gia đình.  
C. Xác định các khoản chi tiêu thiết yếu.      D. Xác định kế hoạch thu lợi nhuận kinh doanh.
- Câu 24:** Để biết được tình hình tài chính hiện tại từ đó có cơ sở để xây dựng kế hoạch tài chính, mỗi gia đình cần xác định được
- A. các vấn đề sẽ phát sinh sau hôn nhân.      B. các nguồn thu nhập trong gia đình.  
C. các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới.      D. các mối quan hệ trong và ngoài gia đình.
- Câu 25:** Gia đình bạn B (có 4 thành viên) đặt ra mục tiêu sau 3 tháng mua một chiếc xe đạp điện chuẩn bị cho em gái vào học trung học phổ thông, sau 3 năm tích lũy được một khoản tiền cho anh trai vào học đại học, sau 10 năm sẽ mua được một căn chung cư. Mục tiêu tài chính nào dưới đây không được gia đình bạn B xác định?
- A. Trung hạn.      B. Dài hạn.      C. Không thời hạn      D. Ngắn hạn.
- Câu 26:** Một trong những mục đích của việc thực hiện quản lý thu, chi trong gia đình là nhằm
- A. cân bằng các mối quan hệ.      B. mối quan hệ cha mẹ và con.  
C. cân bằng các khoản chi.      D. cân bằng tài chính gia đình.
- Câu 27:** Khi xác định các nguồn thu nhập trong gia đình để xây dựng kế hoạch thu chi, các chủ thể **không** cần xác định nguồn thu nhập nào dưới đây?
- A. Tiền trúng thưởng số xổ.      B. Tiền nộp thuế kinh doanh.  
C. Thu nhập từ kinh doanh.      D. Lợi tức từ kinh doanh.
- Câu 28:** Khi thực hiện việc quản lý thu chi trong gia đình sẽ giúp mỗi gia đình có thể chủ động
- A. tự do chi tiêu theo sở thích.      B. ứng phó các tình huống rủi ro.  
C. chi tiêu ngoài kế hoạch đã định.      D. tạo ra các quỹ ngoài kế hoạch.
- Câu 29:** Sau khi kết hôn, vợ chồng anh D bàn bạc thống nhất mục tiêu sau 1 năm sẽ mua sắm được những đồ dùng thiết yếu trong gia đình và tiết kiệm được khoảng 100 triệu đồng. Vợ chồng anh D đã thực hiện bước nào dưới đây của quá trình lập kế hoạch thu chi trong gia đình?
- A. Xác định nguồn thu thiết yếu.      B. Xác định khoản chi thiết yếu.  
C. Xác định các nguồn thu nhập.      D. Xác định mục tiêu tài chính.
- Câu 30:** Khi lập kế hoạch quản lý thu chi trong gia đình, các chủ thể chủ động xác định và thiết lập các mục tiêu tài chính cụ thể mà gia đình mong muốn đạt được trong tương lai là thực hiện bước nào dưới đây?
- A. Phân chi các khoản thu chi.      B. Xác định các nguồn thu nhập.  
C. Xác định mục tiêu tài chính.      D. Thống nhất tỷ lệ thu chi.
- Câu 31:** Những khoản bắt buộc phải chi tiêu hàng tháng để phục vụ các thành viên trong gia đình được gọi là khoản chi tiêu
- A. không thiết yếu.      B. đặc biệt.      C. thiết yếu.      D. quá xa xỉ.
- Câu 32:** Nhận định nào dưới đây là đúng khi nói về quản lý thu, chi trong gia đình?
- A. Ghi chép khoản thu hằng tháng.      B. Lập kế hoạch chi tiêu hằng tháng.  
C. Phân loại các khoản chi thiết yếu và không thiết yếu.  
D. Phân bổ các khoản thu và chi vào các mục đích cụ thể.
- Câu 33:** Khoản chi nào dưới đây được gọi là khoản chi tiêu thiết yếu trong gia đình?
- A. Chi tiêu cho ăn, mặc.      B. Chi tiêu mua hàng xa xỉ.  
C. Chi tiêu cho việc đi lại.      D. Chi tiêu cho việc học tập.
- Câu 34:** Phát biểu nào dưới đây là sai về các yêu cầu khi lập kế hoạch thu, chi trong gia đình?
- A. Luôn luôn ưu tiên cắt giảm các khoản chi tiêu thiết yếu.  
B. Xác định mục tiêu tài chính trong gia đình cần giới hạn thời gian hoàn thành.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

C. Thường xuyên kiểm tra ngân sách và nguồn thu nhập của gia đình.

D. Chủ động loại bỏ các thói quen chi tiêu không hợp lý.

**Câu 35:** Vợ chồng anh D và chị H dự định năm tới sẽ mua nhà trên thành phố phục vụ việc học tập của các con, anh chị yêu cầu các thành viên trong gia đình đều có trách nhiệm chi tiêu hợp lý để thực hiện ý định trên. Anh D và chị H đã thực hiện nội dung nào dưới đây của lập kế hoạch quản lý thu chi trong gia đình?

A. Thống nhất các khoản chi thiết yếu.

B. Thống nhất các nguồn thu nhập cơ bản.

C. Xác định mục tiêu tài chính gia đình.

D. Thực hiện các khoản thu, chi đã định.

**Câu 36:** Khi xác định các mục tiêu tài chính trong gia đình, mỗi gia đình cần ưu tiên thực hiện các mục tiêu mang tính

A. không xác định.

B. cấp bách.

C. dài hạn.

D. không cần thiết.

**Câu 37:** Sự cần thiết phải tiết kiệm và đầu tư khi quản lý thu chi trong gia đình thể hiện ở việc

A. quản lý và phân bổ thu nhập gia đình.

B. dự phòng cho tương lai.

C. tăng quỹ tiền mặt cho hoạt động mua sắm.

D. tối ưu hoá sử dụng thu nhập của gia đình.

**Câu 38:** Khi xác định mục tiêu tài chính trong gia đình, cần đảm bảo nguyên tắc nào dưới đây?

A. Vừa làm vừa thay đổi thời gian.

B. Không xác định thời gian hoàn thành.

C. Làm xong mới xác định mục tiêu.

D. Dự kiến thời gian hoàn thành mục tiêu.

**Câu 39:** Quá trình xác định, theo dõi và tối ưu hoá các nguồn thu nhập để đảm bảo tài chính gia đình được gọi là

A. quản lý hoạt động tiêu dùng.

B. quản lý thu nhập trong gia đình.

C. quản lý hoạt động kinh tế.

D. quản lý chi tiêu trong gia đình.

**Câu 40:** Nội dung nào dưới đây **không** phải là tiêu chí khi xác định mục tiêu tài chính của gia đình?

A. Mục tiêu tài chính vô hạn.

B. Mục tiêu tài chính ngắn hạn.

C. Mục tiêu tài chính trung hạn.

D. Mục tiêu tài chính dài hạn.

**Câu 41:** Quản lý thu chi trong gia đình là việc sử dụng các nội dung nào dưới đây để đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của các thành viên trong gia đình?

A. Các khoản chi. B. Các khoản tài trợ. C. Các khoản thu, chi. D. Các khoản thu.

**Câu 42:** Nội dung nào dưới đây thể hiện việc xác định các khoản chi tiêu trong gia đình khi lập kế hoạch quản lý thu chi?

A. Chủ động tìm kiếm nguồn thu nhập.

B. Xác định khoản chi tiêu thiết yếu.

C. Ghi chép các khoản chi tiêu hàng ngày.

D. Thống nhất tỷ lệ phân chia các khoản.

**Câu 43:** Để xây dựng kế hoạch quản lý thu, chi hợp lý, mỗi gia đình cần thảo luận dân chủ để cùng nhau

A. xác định vai trò của mỗi cá nhân.

B. xác định dòng vốn cần đầu tư.

C. xác định công việc của mỗi thành viên.

D. xác định mục tiêu tài chính phù hợp.

**Câu 44:** Việc làm nào dưới đây thể hiện thói quen chi tiêu hợp lý trong gia đình?

A. Thiết lập mục tiêu tài chính.

B. Chi tiêu quá mức thu nhập.

C. Không xây dựng quỹ dự phòng.

D. Chi tiêu không có kế hoạch.

**Câu 45:** Nguồn thu nhập trong gia đình **không** bao gồm khoản nào dưới đây?

A. Thu nhập từ tiền cho thuê nhà.

B. Thu nhập từ tiền thưởng.

C. Thu nhập từ kinh tế đối ngoại.

D. Thu nhập từ tài sản thừa kế.

**Câu 46:** Những khoản chi tiêu nào dưới đây trong gia đình là khoản chi tiêu không thiết yếu?

A. Chi phí cho việc đi lại.

B. Chi phí chăm sóc sức khỏe.

C. Chi phí sinh hoạt hàng ngày.

D. Chi phí phục vụ giải trí.

**Câu 47:** Khi xác định mục tiêu tài chính để thực hiện kế hoạch quản lý thu chi hợp lý, mỗi gia đình cần xác định

A. bỏ qua thời gian thực hiện.

B. nhiều mục tiêu dài hạn.

C. thời gian thực hiện cụ thể.

D. một mục tiêu dài hạn.

**Câu 48:** Phát biểu nào dưới đây là sai về lập kế hoạch thu, chi trong gia đình?

A. Xác định các nguồn chi tiêu là cơ sở để xây dựng kế hoạch thu chi.

B. Khi nguồn thu nhập có biến động giảm thì cần điều chỉnh kế hoạch cho hợp lý.

C. Xác định mục tiêu tài chính là căn cứ để lập kế hoạch thu chi.

D. Muốn lập được kế hoạch thu chi các thành viên cần thống nhất các khoản chi tiêu.

**Câu 49:** Phát biểu nào dưới đây là sai về sự cần thiết phải quản lý thu chi trong gia đình.

A. Quản lý thu chi trong gia đình thúc đẩy thói quen chi tiêu hợp lý.

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

B. Quản lý thu chi trong gia đình nhằm điều chỉnh thói quen chi tiêu.

C. Quản lý thu chi trong gia đình sẽ gia tăng sự lệ thuộc vào tài chính.

D. Quản lý thu chi trong gia đình sẽ kiểm soát được nguồn thu của gia đình.

**Câu 50:** Thói quen chi tiêu nào dưới đây là phù hợp với việc quản lý chi tiêu trong gia đình?

A. Dành toàn bộ cho tiêu dùng.

B. Chi tiêu tự do theo sở thích.

C. Dành toàn bộ cho tiết kiệm.

D. Chi tiêu theo kế hoạch đã lập.

**Câu 51:** Để giúp gia đình kiểm soát được các khoản chi tiêu đồng thời đảm bảo được các mục tiêu tài chính đã xác định thì các thành viên trong gia đình cần có sự thống nhất về tỷ lệ

A. phân chia các khoản chi tiêu.

B. đóng góp vào mục tiêu chung.

C. chi tiêu các khoản hàng tháng.

D. số tiền sẽ phải tiết kiệm.

**Câu 52:** Những khoản chi tiêu nhằm mục đích phục vụ các mối quan hệ xã hội và mua sắm xa xỉ được gọi là khoản chi tiêu

A. thiết thực.

B. rất quan trọng.

C. thiết yếu.

D. không thiết yếu.

**Câu 53:** Phát biểu nào dưới đây là sai về khi lập kế hoạch thu, chi trong gia đình?

A. Xác định rõ mục tiêu tài chính phù hợp với thực tế gia đình.

B. Phân bổ hợp lý tài chính cho các nhu cầu thiết yếu.

C. Lập quỹ dự phòng là không cần thiết khi đã xác định mục tiêu tài chính.

D. Luôn đặt giới hạn định mức chi tiêu cho từng thói quen chi tiêu hàng ngày.

**Câu 54:** Thông qua việc thực hiện quản lý thu, chi trong gia đình một cách phù hợp sẽ góp phần giúp

A. nâng cao chất lượng cuộc sống.

B. nâng cao vai trò của người vợ.

C. tạo ra sự mâu thuẫn, chia rẽ.

D. nâng cao vai trò của người chồng.

**Câu 55:** Phát biểu nào dưới đây là sai về sự cần thiết phải quản lý thu chi trong gia đình?

A. Quản lý thu chi trong gia đình giúp nâng cao chất lượng cuộc sống gia đình.

B. Quản lý thu chi trong gia đình giúp kiểm soát các nguồn thu trong gia đình.

C. Quản lý thu chi trong gia đình góp phần điều chỉnh thói quen chi tiêu không hợp lý.

D. Quản lý thu chi trong gia đình sẽ gia tăng các tình huống rủi ro trong gia đình.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Sau khi cưới nhau, anh D và chị H dự định sau 3 năm sẽ mua nhà và ra ở riêng. Vợ chồng anh chị đồng thuận thực hiện kế hoạch quản lý thu, chi bằng sổ theo dõi hàng tháng sau khi bàn bạc thống nhất. Theo đó, vợ chồng chị sẽ dành 50% tổng thu nhập cho chi tiêu thiết yếu, sinh hoạt hằng ngày; 20% dành cho các khoản dự phòng, tiết kiệm, mua nhà,... và 30% còn lại dành cho các hoạt động giải trí, giao tiếp xã hội,... Sau năm đầu thực hiện, do có tổ phát sinh đó là có con nhỏ nên anh chị buộc phải giảm số tiền cho các hoạt động giải trí để tăng cho các sinh hoạt thiết yếu, đặc biệt số tiền giảm này chị đã tham gia một gói bảo hiểm an sinh cho con mình để phòng lúc ốm đau, mặc dù biết là nhiều mối quan hệ xã hội bị cắt giảm nhưng anh chị vẫn cảm thấy vui và tự tin về mục tiêu tài chính của mình sẽ đạt được/

**Câu 57:** Gói bảo hiểm an sinh mà vợ chồng anh D và chị H tham gia cho con mình là loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

A. Bảo hiểm thất nghiệp. B. Bảo hiểm xã hội. C. Bảo hiểm thương mại. D. Bảo hiểm y tế.

**Câu 58:** Nội dung nào dưới đây thể hiện việc xác định mục tiêu tài chính trong gia đình?

A. Tham gia hoạt động giải trí.

B. Mua bảo hiểm an sinh cho con.

C. Mua nhà và ra ở riêng sau 3 năm.

D. Xây dựng sổ theo dõi thu chi.

**Câu 59:** Việc vợ chồng anh D và chị H dành 30% thu nhập cho các hoạt động giải trí và giao tiếp xã hội là khoản chi nào dưới đây?

A. Chi tiêu thiết yếu.

B. Chi tiêu không thiết yếu.

C. Mục tiêu tài chính gia đình.

D. Chi tiết rất quan trọng.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Khi biết có một căn nhà cũ bán với giá rẻ, anh T liền lên kế hoạch dự trù tài chính, mua lại căn nhà đó để sửa chữa và cho thuê với giá hợp lý. Cách thức này vừa giúp gia đình anh có thêm nguồn thu nhập vừa giữ được tài sản hiện có của anh. Bên cạnh đó, anh T dành một khoản lớn thu nhập cho mục tiêu tiết kiệm. Anh chi tiêu ở mức tối thiểu cho sinh hoạt hằng ngày với các nhu cầu thiết yếu. Anh quan niệm rằng chỉ có tiết kiệm mới có thể thực hiện được mục tiêu mua nhà, mua xe,... Vì vậy, anh hạn chế giao tiếp, không mở rộng quan hệ xã hội để tránh các khoản chi không cần thiết, không mang lại cho anh lợi ích gì.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 60:** Nội dung nào dưới đây thể hiện anh T chưa biết phân chia một cách phù hợp giữa các khoản chi tiêu thiết yếu và không thiết yếu?

- A. Mua nhà và sửa lại cho thuê.
- B. Tiết kiệm dùng để mua nhà.
- C. Bảo toàn tài sản hiện có.
- D. Dành khoản lớn để tiết kiệm.

**Câu 62:** Việc làm nào dưới đây thể hiện anh T đã biết bổ thu nguồn thu nhập cho gia đình?

- A. Tập trung vào tiền tiết kiệm.
- B. Giảm chi tiêu thiết yếu.
- C. Hạn chế giao tiếp bạn bè.
- D. Mua nhà rồi cho thuê lại.

**Câu 63:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện việc lập kế hoạch quản lý thu, chi trong gia đình của anh T trong thông tin trên?

- A. Giảm chi tiêu không thiết yếu.
- B. Chỉ tiết kiệm mà không chi tiêu.
- C. Phân chia các khoản chi.
- D. Mua nhà rồi cho thuê lại.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Đầu năm, vợ chồng anh A thống nhất đặt mục tiêu mỗi tháng sẽ dành 60% thu nhập cho các chi tiêu thiết yếu, tiết kiệm 20% thu nhập gia đình để có đủ tiền mua xe máy mới cho vợ nhưng hai tháng nay, anh A bị mất việc, thu nhập gia đình bị giảm sút, kinh tế gia đình eo hẹp mà vợ anh vẫn quyết tâm thực hiện mục tiêu tiết kiệm đã đặt ra bằng cách cắt giảm một số chi tiêu thiết yếu trong gia đình. Để phụ giúp gia đình trong thời gian chưa đi làm trở lại, anh A đã tham gia chạy xe ôm tại bên xe đồng thời nhận giao hàng cho một số cửa hàng trên địa bàn sinh sống. Nhờ đó mà sau một năm vợ chồng anh A đã hoàn thành mục tiêu đặt ra. Khi anh A đã ổn định với công việc mới, hai vợ chồng quyết tâm năm năm tới sẽ mua được một mảnh đất để làm cửa hàng cho thuê.

**Câu 64:** Việc tham gia chạy xe ôm và giao hàng cho các cửa hàng là hoạt động góp phần tạo ra thu nhập nào dưới đây?

- A. Thừa kế.
- B. Bảo hiểm.
- C. Thụ động.
- D. Chủ động.

**Câu 66:** Mục tiêu tài chính ban đầu mà vợ chồng anh A xác định đó là

- A. đi làm xe ôm giao hàng.
- B. mua xe máy mới cho vợ.
- C. mua đất xây cửa hàng.
- D. cắt giảm chi tiêu cơ bản.

**Câu 67:** Nội dung nào dưới đây thể hiện việc thực hiện kế hoạch quản lý thu, chi trong gia đình anh A?

- A. Điều chỉnh các khoản chi.
- B. Đặt mục tiêu mua xe.
- C. Bổ sung các khoản tiết kiệm.
- D. Tham gia tìm kiếm việc làm.

**Câu 68:** Chị T ấp ủ dự định cho con trai (hiện đang học lớp 10) đi du học. Chị ước tính số tiền cần để trả tiền chi phí cho con 4 năm đại học là 300 triệu đồng. Với số tiền lớn này, Chị T xác định mốc thời gian tiết kiệm tiền phải trên 2 năm, mục tiêu trước mắt là khoản chi phí cho con học trung tâm để lấy chứng chỉ ngoại ngữ trong năm học lớp 10 này. Chị T lập một kế hoạch tài chính để đạt được mục tiêu tài chính trên. Theo dự kiến, mỗi tháng nhà chị T sẽ phải tiết kiệm tối thiểu 8 triệu đồng và duy trì mức tiết kiệm này là 3 năm. Để dự phòng chi phí phát sinh và đáp ứng các nhu cầu cấp thiết khác như: quỹ học tập, quỹ dự phòng, quỹ mừng sinh nhật bạn bè, người thân, ... mỗi tháng chị T tiết kiệm thêm 1 triệu đồng bỏ ở một ống tiết kiệm riêng dùng trong trường hợp khẩn cấp. Ngoài ra, chị T dự tính, sẽ làm thêm công việc báo cáo thuế tháng cho 2 công ty và chị T dùng số tiền này bổ sung vào quỹ tiết kiệm của mình. Trong 20 tháng đầu tiên, gia đình chị T cố gắng đạt được mục tiêu tiết kiệm 200 triệu đồng. Từ số tiền này, T sẽ mở tài khoản tiết kiệm ở ngân hàng để đầu tư sinh lời mỗi năm. Số tiền sinh lời này, T dùng bổ sung vào quỹ tiết kiệm của mình để sớm đạt được mục tiêu tài chính đã đặt.

**Câu 69:** Để thực hiện được mục tiêu cho con đi du học như dự định, với nguồn thu nhập hiện tại chị T nên cắt giảm các khoản chi tiêu nào dưới đây?

- A. Chi tiêu thiết yếu.
- B. Các khoản tiết kiệm.
- C. Các khoản dự phòng.
- D. Chi tiêu không thiết yếu.

**Câu 70:** Kế hoạch quản lý thu chi trong gia đình của chị T trong thông tin trên không bao gồm khoản chi nào dưới đây?

- A. Chi phí không thiết yếu.
- B. Chi đầu tư kinh doanh.
- C. Chi tiết kiệm, dự phòng.
- D. Chi phí thiết yếu.

**Câu 71:** Trong thông tin trên, nội dung nào dưới đây không thể hiện việc xác định mục tiêu tài chính trong gia đình của chị T?

- A. Tiết kiệm mỗi tháng 8 triệu.
- B. Chi phí cho con đi du học.
- C. Chi phí học chứng chỉ.
- D. Làm thêm báo cáo thuế.

**Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 1:** Sau khi cưới nhau, anh D và chị H dự định sau 3 năm sẽ mua nhà và ra ở riêng. Vợ chồng anh chị đồng thuận thực hiện kế hoạch quản lý thu, chi bằng sổ theo dõi hàng tháng sau khi bàn bạc thống nhất. Theo đó, vợ chồng chị sẽ dành 50% tổng thu nhập cho chi tiêu thiết yếu, sinh hoạt hằng ngày; 20% dành cho các khoản dự phòng, tiết kiệm, mua nhà,... và 30% còn lại dành cho các hoạt động giải trí, giao tiếp xã hội,... Sau năm đầu thực hiện, do có tổ phát sinh đó là có con nhỏ nên anh chị buộc phải giảm số tiền cho các hoạt động giải trí để tăng cho các sinh hoạt thiết yếu, đặc biệt số tiền giảm này chị đã tham gia một gói bảo hiểm an sinh cho con mình để phòng lúc ốm đau, mặc dù biết là nhiều mối quan hệ xã hội bị cắt giảm nhưng anh chị vẫn cảm thấy vui và tự tin về mục tiêu tài chính của mình sẽ đạt được/

**A.** Thực hiện kế hoạch thu chi bằng sổ theo dõi hàng tháng là thể hiện việc xác định mục tiêu tài chính trong gia đình. *Sai, đây là thể hiện việc thực hiện kế hoạch chi tiêu tài chính trong gia đình.*

**B.** Việc tham gia bảo hiểm an sinh cho con mình là biện pháp nhằm tăng nguồn thu nhập cho gia đình. *Sai, đây là khoản chi tiêu phục vụ cho sức khỏe và đề phòng rủi ro.*

**C.** Kể từ khi có con nhỏ, anh D và chị H đã chủ động cắt giảm các khoản chi không thiết yếu là phù hợp. *Đúng, vì những khoản này chưa thực sự cần thiết để tập trung cho các khoản thiết yếu.*

**D.** Anh D và chị H xác định mục tiêu tài chính dài hạn là sau 3 năm kết hôn sẽ mua được nhà là chưa phù hợp. *Sai, việc này đã được anh chị bàn bạc và thống nhất, với thời gian 3 năm là phù hợp*

**Câu 2:** Khi biết có một căn nhà cũ bán với giá rẻ, anh T liền lên kế hoạch dự trữ tài chính, mua lại căn nhà đó để sửa chữa và cho thuê với giá hợp lý. Cách thức này vừa giúp gia đình anh có thêm nguồn thu nhập vừa giữ được tài sản hiện có của anh. Bên cạnh đó, anh T dành một khoản lớn thu nhập cho mục tiêu tiết kiệm. Anh chi tiêu ở mức tối thiểu cho sinh hoạt hằng ngày với các nhu cầu thiết yếu. Anh quan niệm rằng chỉ có tiết kiệm mới có thể thực hiện được mục tiêu mua nhà, mua xe,... Vì vậy, anh hạn chế giao tiếp, không mở rộng quan hệ xã hội để tránh các khoản chi không cần thiết, không mang lại cho anh lợi ích gì.

**A.** Việc phân chia các khoản chi tiêu thiết yếu và không thiết yếu của anh T là hoàn toàn phù hợp. *Sai, anh T đang dành quá nhiều cho tiết kiệm, trong khi các khoản chi thiết yếu còn khá ít.*

**B.** Hoạt động mua nhà rồi cho thuê lại là khoản thu nhập thụ động trong gia đình. *Đúng, khoản này không cần sử dụng sức lao động để đem lại thu nhập.*

**C.** Mua nhà và mua xe đây là các mục tiêu tài chính trong gia đình của anh T. *Đúng, đây là các mục tiêu anh T đang cần hướng tới.*

**D.** Việc hạn chế giao tiếp và không mở rộng quan hệ xã hội nhằm giảm các khoản chi tiêu thiết yếu của anh T là phù hợp. *Sai, đây là các khoản chi tiêu không thiết yếu.*

**Câu 3:** Đầu năm, vợ chồng anh A thống nhất đặt mục tiêu mỗi tháng sẽ dành 60% thu nhập cho các chi tiêu thiết yếu, tiết kiệm 20% thu nhập gia đình để có đủ tiền mua xe máy mới cho vợ nhưng hai tháng nay, anh A bị mất việc, thu nhập gia đình bị giảm sút, kinh tế gia đình eo hẹp mà vợ anh vẫn quyết tâm thực hiện mục tiêu tiết kiệm đã đặt ra bằng cách cắt giảm một số chi tiêu thiết yếu trong gia đình. Để phụ giúp gia đình trong thời gian chưa đi làm trở lại, anh A đã tham gia chạy xe ôm tại bến xe đồng thời nhận giao hàng cho một số cửa hàng trên địa bàn sinh sống. Nhờ đó mà sau một năm vợ chồng anh A đã hoàn thành mục tiêu đặt ra. Khi anh A đã ổn định với công việc mới, hai vợ chồng quyết tâm năm năm tới sẽ mua được một mảnh đất để làm cửa hàng cho thuê.

**A.** Kiểm soát các khoản chi tiêu là nhân tố giúp vợ chồng anh A đạt được mục tiêu tài chính trong gia đình. *Đúng, nhờ việc linh hoạt điều chỉnh các khoản chi tiêu mà vợ chồng anh A đã thực hiện được mục tiêu là mua xe máy.*

**B.** Vợ chồng anh A đã biết phân chia tỷ lệ các khoản chi tiêu trong gia đình. *Đúng, vì ngoài các khoản thiết yếu, vợ chồng anh A đã dự kiến các khoản không thiết yếu và tiết kiệm.*

**C.** Vợ chồng anh A dành 60% thu nhập cho chi tiêu thiết yếu là chưa phù hợp. *Sai, việc này được căn cứ vào thực tế gia đình anh A.*

**D.** Việc đồng thời thực hiện hai mục tiêu tài chính gia đình của vợ chồng anh A là chưa hợp lý. *Sai, sau khi thực hiện xong mục tiêu mua xe máy vợ chồng anh A mới thực hiện mục tiêu mua đất.*

**Câu 4:** Vợ chồng chị H đều làm nhân viên cho công ty người ngoài, xác định thu nhập của hai vợ chồng ở mức khá từ 40 – 60 triệu đồng/ tháng vì vậy hai vợ chồng chị xác định, ngoài việc nuôi hai con ăn học, cần phải tiết kiệm để sau 3 năm nữa sẽ đủ tiền mua được chung cư vì lúc đó các con cũng đã lớn. Để thực hiện dự định này, chị H thực hiện triệt để quy tắc 50/30/20, trong đó: 50% dành cho các chi tiêu thiết yếu cho gia đình như: chi phí đi lại, ăn uống, điện nước, tiền học cho con,... 30% thu nhập được dùng cho các mục tiêu tài chính như trả nợ, tiết kiệm, quỹ dự phòng,... 20% dành cho các chi tiêu cá nhân của các thành viên

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

trong gia đình bao gồm các khoản chi phí mua sắm, du lịch, giải trí,... Cuối mỗi tháng, chị tổng hợp chi tiêu trong tháng, so sánh chi tiêu thực tế với kế hoạch đề ra. Từ đó, đưa ra những nhận định khách quan và điều chỉnh chi tiêu những tháng sau cho phù hợp.

a) Số tiền 40 – 60 triệu đồng/ tháng của vợ chồng chị H là nguồn thu nhập chính làm căn cứ xây dựng kế hoạch thu chi trong gia đình. *Đúng vì đây là nguồn thu nhập chính của cả hai vợ chồng, nguồn thu nhập này sẽ quyết định việc phân chia các khoản thu chi trong gia đình.*

b) Trong kế hoạch quản lý thu chi của gia đình chị H chỉ có một mục tiêu duy nhất là mua được chung cư sau ba năm. *Sai, ngoài mục tiêu mua chung cư còn có mục tiêu là nuôi dạy các con ăn học.*

d) Việc thường xuyên tổng hợp, so sánh chi tiêu thực tế với kế hoạch đề ra là phù hợp. *Đúng đây chính là bước để kiểm tra đánh giá lại kế hoạch đã đề ra để có biện pháp điều chỉnh.*

c) Quy tắc 50/30/20 là hợp lý với mức thu nhập của hai vợ chồng chị H. *Đúng vì quy tắc này đã ưu tiên cho các khoản chi tiêu thiết yếu là phù hợp với hoàn cảnh của hai vợ chồng chị H.*

**Câu 5:** Vợ chồng anh P và chị Q đang tìm mua căn nhà đầu tiên của mình. Mặc dù hai người đều có công việc tốt, có khả năng mua căn nhà như mong muốn nhưng họ vẫn muốn đảm bảo việc có thể duy trì các khoản thanh toán thế chấp trong tương lai và lối sống hiện tại. Anh P và chị Q cần thực hiện những việc làm nào để quản lý thu, chi trong gia đình?

a) Xác định mục tiêu tài chính. *Đúng, ở đây mục tiêu tài chính là mua căn nhà*

b) Ưu tiên chi tiêu cho nhu cầu thiết yếu. *Đúng, anh chị vẫn phải duy trì các khoản chi tiêu thiết yếu như nuôi con, ăn ở đi lại của cả gia đình.*

c) Chi tiêu dựa trên số tiền có sẵn. *Sai, ngoài việc chi tiêu, để đạt được mục tiêu mua nhà, anh chị cần tính toán yếu tố dự phòng.*

d) Chi tiêu cho sở thích của hai vợ chồng. *Sai, nên tập trung vào các khoản chi tiêu thiết yếu và thực hiện được mục tiêu tài chính*

**Câu 6:** Vợ chồng anh N có tổng thu nhập từ 20 – 25 triệu đồng/tháng. Kể từ khi mới kết hôn, anh chị đã thống nhất cách thức kiểm soát thu, chi. Mọi nguồn thu của các thành viên trong gia đình đều được ghi chép lại và người vợ sẽ giữ tiền. Bên cạnh đó, anh chị còn đưa ra 4 cách kiểm soát nguồn chi: chỉ mua sắm vào những ngày quy định, chi tiêu có mục đích, tạo một danh sách mua sắm trước khi mua và tạo ra giới hạn chi tiêu. Nhờ vậy mà gia đình anh N luôn đạt trạng thái chi tiêu hiệu quả và tiết kiệm được những khoản tiền đều đặn hằng tháng.

a) Vợ chồng anh N không xác định mục tiêu tài chính rõ ràng. *Sai, ở đây căn cứ vào nguồn thu nhập vợ chồng anh N đã lập kế hoạch chi tiêu chi tiết đồng thời có tính đến yếu tố tiết kiệm.*

b) Việc kiên trì thực hiện 4 cách kiểm soát nguồn chi sẽ làm cho chi tiêu trong gia đình bị hạn chế. *Sai, nhờ việc kiểm soát nguồn chi sẽ giúp việc chi tiêu được cân bằng và chủ động.*

c) Số tiền 20 – 25 triệu đồng/ tháng là căn cứ duy nhất để vợ chồng anh N xây dựng kế hoạch quản lý thu chi trong gia đình. *Đúng việc xây dựng kế hoạch thu chi trong gia đình dựa vào nguồn thu nhập chính của hai vợ chồng.*

d) Vợ chồng anh N không cần điều chỉnh kế hoạch quản lý thu chi trong gia đình vì biện pháp này đã phù hợp. *Sai, tùy vào thực tế thu nhập và sinh hoạt trong gia đình vợ chồng anh N cần điều chỉnh cho linh hoạt*

## PHẦN II: GIÁO DỤC PHÁP LUẬT - CHƯƠNG TRÌNH 12 BÀI 8: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ KINH DOANH VÀ NỢP THUẾ

### 1. HỆ THỐNG LÝ THUYẾT

### 2. Quyền và nghĩa vụ kinh doanh của công dân

#### a. Quyền của công dân về kinh doanh:

- Công dân có các quyền về kinh doanh như:

- + Quyền tự do kinh doanh những ngành, nghề mà pháp luật không cấm;
- + Quyền bình đẳng về kinh doanh;
- + Quyền khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về kinh doanh;
- + Quyền tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và kí kết hợp đồng;
- + Có quyền tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động;...

#### b. Nghĩa vụ cơ bản của công dân về kinh doanh.

- Công dân có các nghĩa vụ về kinh doanh như:

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- + Tuân thủ quy định của Hiến pháp và pháp luật về kinh doanh;
- + Tôn trọng quyền tự do kinh doanh của người khác;
- + Khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật;
- + Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên;
- + Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động trong doanh nghiệp và người tiêu dùng;
- + Thực hiện các quy định của pháp luật về quốc phòng, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội

### 2. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về nộp thuế.

#### a. Quyền của công dân về nộp thuế:

##### - Người nộp thuế có các quyền như:

- + Được cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế;
- + Được giữ bí mật thông tin, trừ các thông tin phải cung cấp cho cơ quan thuế;
- + Được hưởng các ưu đãi về thuế, hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế;
- + Được tố cáo những hành vi vi phạm pháp luật về nộp thuế;...

#### b. Nghĩa vụ cơ bản của công dân về kinh doanh.

##### - Người nộp thuế có các nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật về thuế như:

- + Khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật;
- + Chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra thuế.
- + Tôn trọng các quyền nộp thuế của người khác....

### BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO

#### PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (29 câu).

**Câu 1:** Trường hợp nào dưới đây mọi công nhân đều bình đẳng về nghĩa vụ trong kinh doanh?

- A. Lựa chọn các nhà đầu tư, khách hàng.
- B. Thế chấp tài sản vay vốn ngân hàng.
- C. Kinh doanh đúng ngành nghề đăng ký.
- D. Mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa.

**Câu 2:** Khi tiến hành hoạt động kinh doanh, mọi công dân được hưởng quyền nào dưới đây?

- A. Tuyển dụng và sử dụng lao động hợp pháp.
- B. Khai, nộp thuế đúng quy định.
- C. Bảo đảm quyền lợi người lao động.
- D. Tôn trọng quyền tự do kinh doanh.

**Câu 3:** Khi tiến hành hoạt động kinh doanh, mọi công dân phải thực hiện nghĩa vụ nào sau đây?

- A. Đồng loạt nâng cấp sản phẩm.
- B. Kiểm soát ngân sách quốc gia.
- C. Bảo vệ quốc phòng, an ninh.
- D. Trợ giá cho vùng khó khăn.

**Câu 4:** Khi tiến hành hoạt động kinh doanh, mọi công dân phải thực hiện nghĩa vụ nào sau đây?

- A. Tổ chức hội nghị khách hàng.
- B. Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
- C. Tham gia bảo hiểm nhân thọ.
- D. Ứng dụng AI trong sản xuất.

**Câu 5:** Một trong những quyền cơ bản của công dân về kinh doanh là mọi chủ thể kinh doanh đều được

- A. căn bằng nguồn thu nhập.
- B. chủ động ký kết hợp đồng.
- C. tiếp thu hỗ trợ định kỳ.
- D. ấn định vốn đầu tư công.

**Câu 6:** Một trong những quyền cơ bản của công dân về kinh doanh là mọi chủ thể kinh tế khi tiến hành hoạt động kinh doanh đều được

- A. kê khai, nộp thuế định kì.
- B. khuyến khích phát triển lâu dài.
- C. quyết định quy trình kiểm toán.
- D. tiếp nhận hỗ trợ khẩn cấp.

**Câu 7:** Một trong những nghĩa vụ cơ bản của công dân về kinh doanh là mọi chủ thể kinh tế khi tiến hành hoạt động kinh doanh đều phải

- A. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- B. tự chủ xúc tiến thương mại.
- C. duy trì lãi suất ngân hàng.
- D. chủ động bảo vệ môi trường.

**Câu 8:** Theo quy định của pháp luật, khi tiến hành hoạt động kinh doanh, công dân được hưởng quyền cơ bản nào dưới đây?

- A. Kinh doanh động vật hoang dã khai thác từ thiên nhiên.
- B. Thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- C. Khai khai trung thực, đầy đủ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.
- D. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động.

**Câu 9:** Pháp luật về phát triển kinh tế quy định khi tiến hành hoạt động kinh doanh, mọi công dân đều phải

- A. bảo vệ quyền lợi người lao động.
- B. duy trì chuỗi cung ứng toàn cầu.
- C. xóa bỏ bất bình đẳng thu nhập.
- D. quản lý bằng hình thức trực tiếp.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 10:** Theo quy định của pháp luật, một trong những quyền cơ bản của công dân về kinh doanh là mọi công dân được tự do lựa chọn

A. thời điểm đầu cơ tích trữ hàng hóa.

**C. ngành nghề pháp luật không cấm.**

B. thực hiện quy định pháp luật về kinh doanh.

D. phát hành công trái xây dựng Tổ quốc.

**Câu 11:** Theo quy định của pháp luật, một trong những quyền cơ bản của công dân về kinh doanh là mọi công dân được

A. bảo vệ môi trường trong sản xuất.

C. kinh doanh dịch vụ tín dụng đen.

B. thu hẹp phân hóa giàu nghèo trong xã hội.

**D. tố cáo vi phạm pháp luật về kinh doanh.**

**Câu 12:** Theo quy định của pháp luật, khi tiến hành hoạt động kinh doanh, mọi công dân phải thực hiện nghĩa vụ nào sau đây?

A. Phát hành cổ phiếu.

C. Thanh lý tài sản.

B. Tư vấn chuyên gia.

**D. Bảo vệ môi trường.**

**Câu 13:** Theo quy định của pháp luật, khi tiến hành hoạt động kinh doanh, mọi công dân phải thực hiện nghĩa vụ nào sau đây?

**A. Nộp thuế đầy đủ theo quy định.**

C. Lắp đặt hệ thống phần mềm quản lý.

B. Cổ phần hóa tài sản doanh nghiệp.

D. Thành lập quỹ bảo trợ xã hội.

**Câu 14:** Theo quy định của pháp luật, một trong những quyền của công dân về kinh doanh là mọi công dân đều phải thực hiện nghĩa vụ

A. thay đổi hình thức hợp tác.

**C. tôn trọng quyền tự do kinh doanh.**

B. sử dụng chuyên gia nước ngoài.

D. mở rộng quy mô sản xuất.

**Câu 15:** Theo quy định của pháp luật, mọi loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau đều có quyền

A. xóa bỏ các loại hình cạnh tranh.

C. chia đều của cải trong xã hội.

B. sở hữu tài nguyên thiên nhiên.

**D. tự chủ đăng kí kinh doanh.**

**Câu 16:** Nội dung nào dưới đây là nghĩa vụ của công dân về nộp thuế?

A. Cung cấp thông tin thực hiện nghĩa vụ thuế.

C. Tố cáo hành vi gian lận thuế nhập khẩu.

B. Được hoàn thuế giá trị gia tăng.

**D. Tôn trọng quyền nộp thuế của người khác.**

**Câu 17:** Theo quy định của pháp luật trường hợp nào dưới đây là quyền về nộp thuế của công dân?

A. Kê khai hồ sơ thủy trung thực chính xác.

C. Mua bán hóa đơn giá trị gia tăng.

B. Được ưu đãi về thuế kinh doanh năng lượng tái tạo.

D. Quyết định mức thuế phải nộp về ngân sách.

**Câu 18:** Công dân thực hiện nghĩa vụ về thuế trong kinh doanh khi thực hiện hành vi nào dưới đây?

A. Chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế.

C. Gia hạn thời gian nộp thuế.

B. Công khai thông tin về thuế.

**D. Chấp hành quyết định thanh tra thuế.**

**Câu 19:** Công dân được hưởng quyền về thuế khi tiến hành hoạt động kinh doanh trong trường hợp nào dưới đây?

**A. Được hoàn thuế giá trị gia tăng.**

C. Khai tăng tiền thuế được hoàn.

B. Nộp hồ sơ đăng ký thuế muộn.

D. Lập hồ sơ hủy vật tư khác thực tế.

**Câu 20:** Hành vi vi phạm nào dưới đây vi phạm nghĩa vụ của công dân về thuế?

A. Thay đổi thông tin hồ sơ thuế.

C. Ghi hóa đơn khi bán hàng.

**B. Trốn thuế, gian lận thuế.**

D. Lập hồ sơ hủy vật tư khác thực tế.

**Câu 21:** Khi tiến hành kinh doanh công dân được hưởng quyền về thuế trong trường hợp nào dưới đây?

A. Kê khai đầy đủ trong hồ sơ thuế.

**C. Nhận quyết định xử lý về thuế.**

B. Sử dụng hóa đơn chứng từ hợp pháp.

D. Nộp hồ sơ khai thuế kịp thời.

**Câu 22:** Theo quy định của pháp luật trường hợp nào dưới đây là quyền về nộp thuế của công dân khi kinh doanh?

**A. Khởi kiện quyết định xử lý về thuế.**

C. Kê khai nhằm tăng số tiền được hoàn thuế.

B. Sử dụng không hợp pháp hóa đơn chứng từ.

D. Cường chế thi hành quyết định hành chính thuế.

**Câu 23:** Anh A thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với số vốn 5 tỷ đồng kinh doanh vật liệu xây dựng. Trong quá trình hoạt động, anh A đã ký kết và thực hiện hợp đồng cung ứng vật tư, vật liệu với nhiều đối tác. Công ty của anh A đã bị cơ quan thuế phát hiện không xuất hóa đơn bán hàng cho nhiều công trình nhằm trốn thuế. Trong trường hợp này, công ty của anh A đã vi phạm nghĩa vụ nào dưới đây về nộp thuế?

A. Chấp hành quyết định kiểm tra thuế.

B. Tôn trọng quyền nộp thuế của công dân.



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

### C. Kê khai nộp thuế đúng quy định.

### D. Giữ bí mật thông tin về nộp thuế.

**Câu 24:** Doanh nghiệp X là một doanh nghiệp tư nhân chuyên kinh doanh các mặt hàng điện tử gia dụng do ông Q bỏ vốn thành lập và làm chủ. Từ khi thành lập, doanh nghiệp luôn được cán bộ thuế hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về thuế. Nhờ đó, doanh nghiệp X thực hiện đúng quy định của pháp luật và được chính quyền địa phương tuyên dương. Việc cán bộ thuế hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về thuế cho doanh nghiệp X là đảm bảo quyền được

A. hưởng các ưu đãi về hoàn thuế kinh doanh.

B. cung cấp thông tin thực hiện nghĩa vụ về thuế.

C. giữ bí mật thông tin trong kinh doanh.

D. tố cáo hành vi vi phạm pháp luật kinh doanh.

**Câu 25:** Cuối năm bộ phận kế toán doanh nghiệp sản xuất lắp ráp ô tô X hoàn tất hồ sơ để quyết toán với cơ quan thuế. Với kết quả kinh doanh thuận lợi năm vừa qua, khoản thuế chính mà doanh nghiệp phải nộp là thuế thu nhập doanh nghiệp trích từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cùng thu nhập từ các nguồn khác. Bên cạnh đó, doanh nghiệp còn nộp các loại thuế khác như thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, ... Trong trường hợp này doanh nghiệp đã thực hiện nghĩa vụ về thuế nào dưới đây trong kinh doanh?

A. Kê khai nộp thuế đúng quy định.

B. Thực hiện quyết định kiểm tra thanh tra thuế.

C. Tôn trọng quyền nộp thuế của công dân.

D. Được hưởng ưu đãi về thuế trong kinh doanh.

**Câu 26:** Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Theo số liệu từ Tổng cục Thuế, tính đến ngày 31.3, đã có 15.925/15.935 cửa hàng xăng trên cả nước thực hiện xuất hóa đơn điện tử sau từng lần bán hàng đạt tỷ lệ 99,94%. Hiện nay, chỉ còn 10 cửa hàng xăng dầu chưa xuất hóa đơn điện tử sau từng lần bán hàng do ở vùng sâu, vùng xa và cơ sở hạ tầng chưa đạt chuẩn. Tới cuối tháng 3, cả nước có 15.935 cửa hàng bán lẻ xăng, dầu, giảm 46 cửa hàng so với con số công bố trước đó 6 ngày của Tổng cục Thuế là 15.981 cửa hàng. Số cửa hàng xăng dầu giảm là do đã đóng cửa hoặc đang trong quá trình xem xét, có thể thu hồi giấy phép kinh doanh. (Trung Kiên (2024), 99,94% cửa hàng xăng trên cả nước thực hiện xuất hóa đơn điện tử sau từng lần bán, *Tạp chí điện tử Thuế nhà nước*)

Thông tin đề cập vi phạm nào dưới đây về nghĩa vụ nộp thuế trong kinh doanh?

A. Lắp đặt phần mềm quản lý.

B. Kê khai thuế theo quy định.

C. Mua bán hóa đơn bán hàng.

D. Tự quyết mức thuế phải nộp.

**Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 27,28,29**

Bà K là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên TM chuyên cung cấp dịch vụ du lịch và lưu trú. Trong điều hành công ty, bà K tự quyết định đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty, từ việc tổ chức bộ máy hoạt động kinh doanh, đầu tư tài chính, kí hợp đồng bán các chương trình du lịch, tuyển nhân làm việc ở các bộ phận... Bà cũng quyết định sử dụng lợi nhuận sau thuế để mở rộng hoạt động kinh doanh, xây dựng thêm khu nghỉ dưỡng sử dụng vật liệu xanh. Để tăng vốn đầu tư, bà K đã chỉ đạo bộ phận kế toán của công ty không nhập sổ sách một số nguồn thu của doanh nghiệp, không tham gia bảo hiểm xã hội. Khi cơ quan thuế kiểm tra, phát hiện các sai phạm, đình chỉ hoạt động kinh doanh của công ty TM 01 tháng và buộc khắc phục, nộp đủ số thuế thu nhập doanh nghiệp, bà K đã nghiêm chỉnh chấp hành.

**Câu 27:** Bà K đã sử dụng quyền nào dưới đây của công dân về kinh doanh?

A. Kinh doanh mặt hàng pháp luật không cấm.

B. Khắc phục sai phạm trốn thuế trong kinh doanh.

C. Chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra thuế.

D. Chỉ đạo người lao động kê khai sai hồ sơ thuế.

**Câu 28:** Bà K không vi phạm nghĩa vụ nào dưới đây trong kinh doanh du lịch và lưu trú?

A. Bảo vệ quyền lợi người lao động.

B. Bảo vệ tài nguyên, môi trường.

C. Thực hiện pháp luật về thuế.

D. Quyết định lợi nhuận thường niên.

**Câu 29:** Một trong các nghĩa vụ bà K phải thực hiện trong kinh doanh được đề cập ở thông tin trên là

A. đảm bảo lợi ích hợp pháp của khách du lịch.

B. tạo công ăn, việc làm cho người lao động.

C. đóng góp quỹ phúc lợi xã hội.

D. nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai (4 câu).**

**Câu 1.** Đọc đoạn thông tin sau:

Anh An thành lập doanh nghiệp tư nhân chuyên bán hàng và cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trước kỳ nộp thuế, anh An đến cơ quan thuế và được cơ quan thuế cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu liên quan đến quyền và nghĩa vụ nộp thuế. Hiểu được quyền và nghĩa vụ của mình, anh An nghiêm chỉnh chấp hành chế độ kế toán thống kê, ghi chép đầy đủ doanh số bán hàng, kê khai đầy đủ, kịp thời, chính xác số tiền thuế phải nộp, đóng thuế đầy đủ và đúng hạn.

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

A. Doanh nghiệp trong thông tin vi phạm quyền về kinh doanh.	<b>S</b>
B. Nghĩa vụ doanh nghiệp mà anh An đã thực hiện là nộp thuế.	<b>Đ</b>
C. Một trong các quyền doanh nghiệp được hưởng là tự chủ đăng kí kinh doanh.	<b>Đ</b>
D. Doanh nghiệp đã thực hiện nghĩa vụ bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.	<b>S</b>

**Câu 2.** Đọc đoạn thông tin sau:

Cửa hàng của ông V kinh doanh quần áo các loại, có giấy phép kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Đã mấy năm nay cửa hàng thường xuyên đông khách, có doanh thu cao, kinh doanh có lãi và thực hiện đúng chế độ kế toán. Nhưng sang năm nay ông V bắt đầu không kê khai hoặc kê khai thiếu một số hàng hóa bán ra hàng ngày để giảm doanh số bán hàng và giảm số tiền thuế đáng ra phải nộp.

A. Ông V tự do kinh doanh mặt hàng pháp luật không cấm.	<b>Đ</b>
B. Cửa hàng của ông V đã kinh doanh đúng mặt hàng đã đăng kí.	<b>Đ</b>
C. Ông A đã tuân thủ mọi quy định của pháp luật khi tiến hành kinh doanh.	<b>S</b>
D. Ông V có hành vi gian lận thuế.	<b>Đ</b>

**Câu 3.** Đọc đoạn thông tin sau:

Anh Tuấn đăng ký thành lập công ty tư nhân chuyên sản xuất hàng may mặc. Khi đăng ký thành lập công ty, anh kê khai đầy đủ nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Sau 5 năm hoạt động, công ty sản xuất kinh doanh hiệu quả, mang lại lợi nhuận, nộp thuế đóng góp vào ngân sách nhà nước, giải quyết việc làm cho người lao động ở địa phương. Trong suốt 5 năm qua, vốn và tài sản của công ty được sử dụng vào hoạt động kinh doanh luôn được ghi chép đầy đủ vào sổ kế toán và báo cáo tài chính của công ty.

A. Công ty anh Tuấn thành lập thực hiện quyền tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động khi tiến hành kinh doanh.	<b>Đ</b>
B. Anh Tuấn đã thực hiện nghĩa vụ bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.	<b>S</b>
C. Doanh nghiệp của anh Tuấn không có báo cáo tài chính, vi phạm pháp luật về kinh doanh.	<b>S</b>
D. Khi tiến hành hoạt động kinh doanh, anh Tuấn đã đóng góp vào ngân sách nhà nước.	<b>Đ</b>

**Câu 4.** Đọc đoạn thông tin sau:

Hộ kinh doanh của bà M có giấy phép kinh doanh mặt hàng rượu nội, bia và nước giải khát các loại. Nhưng khi bán hàng, bà M lại bán thêm rượu ngoại và các loại trà, thuốc lá là những mặt hàng hộ kinh doanh của bà chưa kê khai đăng ký khi nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh. Sau khi lực lượng chức năng phát hiện, đã lập biên bản, xử phạt hành chính đối với sai phạm của bà M đồng thời yêu cầu bà đăng kí bổ sung mặt hàng kinh doanh. Cho rằng số tiền phải nộp phạt vượt quá mức quy định hiện hành, bà M đã có đơn đề nghị cơ quan chức năng xem xét lại quyết định xử phạt.

A. Bà M kinh doanh không đúng mặt hàng đã đăng kí.	<b>Đ</b>
B. Bà M phải chịu trách nhiệm pháp lí về hành vi vi phạm pháp luật trong kinh doanh.	<b>Đ</b>
C. Việc bà M đề nghị cơ quan chức năng xem xét lại quyết định xử phạt là thực hiện quyền tố cáo của công dân.	<b>S</b>
D. Cơ quan chức năng xử phạt hành chính đối với sai phạm của bà M là áp dụng pháp luật.	<b>Đ</b>

### PHẦN III: Dạng trả lời ngắn (4 câu)

**Câu 1:** Giám đốc khách sạn là ông A đã trì hoãn thanh toán tiền lương trái với hợp đồng đã kí kết với anh H là đầu bếp. Ông A đã vi phạm nghĩa vụ gì trong kinh doanh?

**Đáp án:** **Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.**

**Câu 2:** Ngày 19/3/2024, Cục Thuế Đà Nẵng cho biết, vừa có quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng do có hành vi: sử dụng không hợp pháp 34 số hoá đơn của Công ty TNHH TM tổng hợp Đăng Huân để kê khai thuế dẫn đến làm giảm số thuế giá trị gia tăng phải nộp với số tiền hơn 71 triệu đồng và làm giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp với số tiền gần 89 triệu đồng. (Thời báo Tài chính Việt Nam, 20-3-2024)

Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng đã vi phạm nghĩa vụ nào về thuế?

**Đáp án:** **Kê khai, nộp thuế.**

**Câu 3:** Trong quá trình kinh doanh, nghĩa vụ quan trọng nhất của doanh nghiệp đối với nhà nước là

.....  
**Đáp án:** **nộp thuế.**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 4:** Các doanh nghiệp Việt Nam kết nối với các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, tổ chức nước ngoài tại các thị trường xuất khẩu truyền thống, thị trường xuất khẩu tiềm năng, đồng thời tổ chức đón các đoàn doanh nghiệp, nhà nhập khẩu nước ngoài vào Việt Nam để giao dịch, mua hàng là thực hiện quyền nào trong kinh doanh?

**Đáp án:** *Tìm kiếm thị trường, khách hàng.*

### BÀI 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ SỞ HỮU TÀI SẢN VÀ TÔN TRỌNG TÀI SẢN CỦA NGƯỜI KHÁC

#### HỆ THỐNG LÝ THUYẾT

##### 1. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN VỀ SỞ HỮU TÀI SẢN

###### Quyền sở hữu tài sản

Mọi người có quyền sở hữu tài sản. Quyền sở hữu tài sản bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt tài sản theo quy định của pháp luật.

Quyền chiếm hữu là quyền của chủ thể tự mình nắm giữ, quản lý, chi phối trực tiếp tài sản.

Quyền sử dụng là quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản.

Quyền định đoạt là quyền chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho người khác, từ bỏ quyền sở hữu, tiêu dùng hoặc tiêu hủy tài sản.

###### Nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản

Công dân có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu tài sản: không được thực hiện hành vi trái pháp luật, xâm phạm lợi ích quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

##### 2. NGHĨA VỤ TÔN TRỌNG TÀI SẢN CỦA NGƯỜI KHÁC

Công dân có nghĩa vụ tôn trọng quyền sở hữu tài sản của người khác, không được xâm phạm tài sản của cá nhân, tổ chức, Nhà nước. Nếu gây thiệt hại về tài sản cho người khác phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Người có hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh, nộp thuế, quyền sở hữu tài sản và nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm có thể bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật, truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

#### BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO

##### PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (15 câu).

**Câu 1:** Vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản được hình thành do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc từ các căn cứ khác theo quy định của pháp luật được gọi là

A. vật chất.                      B. quan hệ kinh tế.                      C. tài sản.                      D. quan hệ dân sự.

**Câu 2:** Quyền sở hữu tài sản bao gồm các quyền nào dưới đây?

A. chiếm hữu, phân chia tài sản.                      B. chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản.

C. quyết định, sử dụng, mua bán tài sản.                      D. sử dụng, cho mượn tài sản.

**Câu 3:** Quyền của chủ thể tự mình nắm giữ, quản lý, chi phối trực tiếp tài sản là quyền

A. chiếm hữu tài sản.                      B. định đoạt tài sản.

C. sử dụng tài sản.                      D. cho mượn tài sản.

**Câu 4:** Quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản là quyền

A. chiếm hữu tài sản.                      B. định đoạt tài sản.

C. sử dụng tài sản.                      D. mua bán tài sản.

**Câu 5:** Quyền chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho người khác, từ bỏ quyền sở hữu tiêu dùng hoặc tiêu hủy tài sản là quyền

A. chiếm hữu tài sản.                      B. định đoạt tài sản.                      C. sử dụng tài sản.                      D. quản lý tài sản.

**Câu 6:** Quyền của công dân đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là quyền

A. sở hữu tài sản.                      B. định đoạt tài sản.                      C. sử dụng tài sản.                      D. khai thác tài sản.

##### Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 7,8,9

Chị B được bố mẹ là ông A và bà H tặng cho một mảnh đất để xây nhà và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy phép xây dựng nhà ở. Tuy nhiên, vợ chồng anh trai của chị B khi biết chuyện đã bày tỏ thái độ bất mãn, phản đối việc làm của bố mẹ vì cho rằng mảnh đất đó là phần của mình, chị B là con gái nên không có quyền hưởng. Ngày chị B khởi công xây nhà, vợ chồng anh trai đã dẫn theo một số người đến ngăn cản, đe dọa cấm chị B tiếp tục xây dựng.

**Câu 7:** Việc tặng mảnh đất cho chị B thể quyền nào dưới đây của ông A và bà H đối với tài sản?

#### MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

A. chiếm hữu tài sản. B. định đoạt tài sản. C. sử dụng tài sản. D. quản lý tài sản.

**Câu 8:** Chị B khởi công, xây dựng nhà ở trên mảnh đất bố mẹ cho là thể hiện quyền nào dưới đây đối với tài sản?

A. sở hữu tài sản. B. định đoạt tài sản. C. sử dụng tài sản. D. khai thác tài sản.

**Câu 9:** Vợ chồng anh trai ngăn cản, đe dọa, cấm chị B tiếp tục xây dựng nhà là vi phạm qui định nào dưới đây của pháp luật về tài sản?

A. Tôn trọng tài sản của người khác. B. Phá hoại tài sản của người khác.  
C. Sử dụng tài sản của người khác. D. Định đoạt tài sản của người khác.

**Câu 10:** Ông Q cho vợ chồng anh B thuê 1 căn nhà để ở và có ký kết hợp đồng, trong đó ghi rõ bên thuê nhà không được tự ý thay đổi cấu trúc của căn nhà. Tuy nhiên, trong thời gian thuê nhà, vợ chồng anh B đã tự ý cải tạo, sửa chữa, thay đổi cấu trúc của ngôi nhà để phục vụ nhu cầu sử dụng của mình mà không thông báo xin phép ông Q. Trong trường hợp này, vợ chồng anh B có quyền nào dưới đây đối với ngôi nhà?

A. sở hữu tài sản. B. định đoạt tài sản. C. sử dụng tài sản. D. cho thuê tài sản.

**Câu 11:** Anh C cho anh B thuê chiếc xe ô tô để đi du lịch. Tuy nhiên, đã quá thời hạn cho thuê xe mà anh B vẫn không trả lại xe. Khi biết anh B đã đem xe đi cầm cố tại tiệm cầm đồ gần đó, anh C liền liên lạc với anh B nhưng anh này không nghe điện thoại. Anh C nhiều lần đến nhà để đòi xe nhưng đều không gặp được anh B. Hành vi cầm cố xe ô tô của anh B là vi phạm quyền nào dưới đây về tài sản?

A. sở hữu tài sản. B. định đoạt tài sản. C. sử dụng tài sản. D. cho thuê tài sản.

### Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 12,13

Tại khu bờ kè, lô S cư xá T, dù chính quyền địa phương đã gắn biển cấm kinh doanh, buôn bán nhưng anh B, chủ các quán ăn trong khu vực, vẫn ngang nhiên lấn chiếm làm nơi kinh doanh. Không chỉ chiếm dụng khuôn viên bờ kè làm nơi để bàn ghế, ban đêm, khi khách đông anh B còn lấn chiếm lòng đường làm nơi để xe, gây cản trở giao thông.

**Câu 12:** Hành vi lấn chiếm bờ kè của anh B đã

A. xâm phạm tài sản của nhà nước. B. thực hiện quyền kinh doanh.  
C. sử dụng tài sản công cộng. D. tận dụng tài sản công.

**Câu 13:** Hành vi sử dụng lòng đường làm nơi để xe, gây cản trở giao thông của anh B đã vi phạm nghĩa vụ nào dưới đây đối với tài sản?

A. Định đoạt tài sản của công dân. B. Quản lý nhà nước và xã hội.  
C. Bảo vệ tài nguyên công cộng. D. đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

**Câu 14:** Chị G vay của vợ chồng ông P một khoản tiền để đầu tư kinh doanh. Sau kinh doanh thua lỗ, chị G không có khả năng trả nợ và phải bỏ trốn. Vợ chồng ông P không tìm được chị G nên đã dẫn theo một số thanh niên tới nhà bố mẹ của chị G để đòi nợ, đập phá đồ đạc nhằm gây sức ép trả nợ. Hành vi đập phá đồ đạc của vợ chồng ông P là hành vi

A. xâm phạm tài sản của nhà nước. B. xâm phạm tài sản của công dân.  
C. định đoạt tài sản đã cho vay. D. chiếm hữu tài sản của người nợ.

**Câu 15:** Anh K kí hợp đồng thuê nhà của bà M trong thời hạn 5 năm để mở quán trà sữa. Để phù hợp với việc kinh doanh, được sự đồng ý của bà M, anh K đã cải tạo mặt bằng ngôi nhà. Sau 2 năm thuê nhà, anh K đã chuyển nhượng quán cho chị V. Sau khi chị V sửa chữa, cải tạo ngôi nhà, bà M mới biết chuyện. Trong trường hợp này, anh K đã vi phạm quyền nào dưới đây về tài sản?

A. Định đoạt tài sản. B. Cho thuê tài sản. C. Sử dụng tài sản. D. Chiếm hữu tài sản.

### PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai (5 câu).

**Câu 1.** Đọc đoạn thông tin sau:

Anh T đã chuyển nhầm tiền của công ty cho ông Q có số tài khoản mở tại ngân hàng A từ tài khoản đúng tên anh mở tại ngân hàng S. Ngay lập tức, anh đến nơi mở tài khoản để được hỗ trợ. Nhân viên ngân hàng hướng dẫn anh về công an xã nơi đăng ký thường trú để làm đơn khiếu nại. Anh T đã tới công an xã trình báo và được các cán bộ ở đây cho làm tờ tường trình sự việc, ký tên đầy đủ đúng theo thủ tục. Sau đó ngân hàng S đã hỗ trợ, tạm khóa tài khoản của người nhận tiền nhầm. Tuy nhiên, anh T tìm cách liên lạc với ông Q nhưng người này không đồng ý hỗ trợ làm thủ tục tiếp theo với ngân hàng để anh T được nhận lại tiền.

A. Hành vi của ông Q là đúng pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong sở hữu tài sản.	S
B. Khoản tiền anh T chuyển nhầm vào tài khoản ngân hàng của ông Q thuộc sở hữu của ông	S



**TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025**

Q.	
C. Khoản tiền anh T chuyển nhằm vào tài khoản ngân hàng của ông Q thuộc sở hữu của công ty.	<b>D</b>
D. Ông Q có trách nhiệm phối hợp với ngân hàng để anh T được nhận lại tiền đã chuyển nhằm	<b>D</b>

**Câu 2.** Đọc đoạn thông tin sau:

Ông C là người trông giữ xe máy cho khách hàng của siêu thị B theo hợp đồng được ký kết giữa ông và siêu thị. Thực hiện nhiệm vụ của mình, ông C thường xuyên trông giữ xe cẩn thận và có trách nhiệm. Nhưng một lần, lợi dụng tình hình khách hàng ra vào đông, kẻ gian đã lấy trộm chiếc xe máy trong số xe ông C có trách nhiệm trông coi. Siêu thị đã yêu cầu ông C bồi thường cho chủ xe máy bị mất với giá trị tương đương thực tế của xe.

A. Ông C có trách nhiệm bồi thường cho chủ xe.	<b>D</b>
B. Siêu thị có trách nhiệm bồi thường cho chủ xe.	<b>S</b>
C. Xe máy ông C có trách nhiệm trông coi bị lấy trộm thuộc quyền sở hữu của chủ xe.	<b>D</b>
D. Khi thực hiện nhiệm vụ trông coi xe máy của siêu thị, ông C có quyền được hưởng tiền công/lương và có nghĩa vụ bảo quản tài sản của khách hàng siêu thị.	<b>D</b>

**Câu 3.** Đọc đoạn thông tin sau:

Ông S và bà D ký kết với nhau hợp đồng thuê nhà. Theo hợp đồng, bà D thuê nhà mặt phố của gia đình ông S để bán hàng may mặc, nhà có hai phòng ngăn nhau bằng một bức tường. Sau khi thuê được hơn một tháng, thấy để riêng từng phòng thì chật chội, bà D đã thuê thợ đến phá bức tường ngăn này để hai phòng thông nhau cho rộng và thoáng. Con trai khuyên bà D xin ý kiến đồng ý của ông S thì hãy làm nhưng bà D không nghe và cho rằng bà mất tiền thuê nhà muốn làm gì là quyền của bà.

A. Bà D là chủ sở hữu của ngôi nhà mặt phố được thuê để bán hàng may mặc.	<b>S</b>
B. Thông qua hợp đồng thuê nhà đã kí kết, ông S đã trao quyền sử dụng ngôi nhà cho bà D.	<b>D</b>
C. Bà D có quyền tự do sử dụng ngôi nhà thuê theo ý muốn của bà.	<b>S</b>
D. Bà D chỉ có quyền sử dụng ngôi nhà thuê trong phạm vi hợp đồng đã kí kết.	<b>D</b>

**Câu 4.** Đọc đoạn thông tin sau:

Nhờ ông S và bà X cùng là hàng xóm của nhau, nhà sát vách. Khi sửa nhà, bà X làm thêm mái tôn che mưa nhưng lại không làm máng thoát nước. Mỗi khi trời mưa, nước từ mái tôn nhà bà X chảy tràn sang mái nhà ông S gây thấm nước xuống các phòng bên dưới. Ông S nhiều lần yêu cầu bà X phải làm máng thoát nước nhưng bà X không đồng ý vì cho rằng nhà ông S bị thấm nước không phải là do việc bà sửa nhà.

A. Bà X không có quyền sửa chữa ngôi nhà của mình	<b>S</b>
B. Khi sửa nhà, bà X đã không thực hiện nghĩa vụ tôn trọng tài sản của ông S	<b>D</b>
C. Bà X có trách nhiệm khắc phục những hư hại trong ngôi nhà của ông S do hành vi sửa nhà của bà gây ra	<b>D</b>
D. Ông S có quyền yêu cầu bà X làm máng thoát nước và bồi thường hoặc khắc phục những hư hại do hành vi sửa nhà của bà X gây ra	<b>D</b>

**Câu 5.** Đọc đoạn thông tin sau:

Gia đình ông B nuôi nhiều lợn theo mô hình VAC trên khuôn viên của gia đình nhưng không có hệ thống tiêu thoát nước, khí thải đảm bảo. Nước và khí thải được thải trực tiếp vào đường thoát nước (không có nắp che) chung của xóm làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường và những hộ dân xung quanh. Dù đã được nhắc nhở nhiều lần nhưng gia đình ông B vẫn không khắc phục thậm chí tình trạng ô nhiễm ngày càng nặng hơn gây bức xúc ảnh hưởng tới đời sống của cộng đồng.

A. Ông B có quyền sử dụng khuôn viên của nhà mình trong khu dân cư để trồng trọt, chăn nuôi.	<b>S</b>
B. Khi tiến hành sản xuất nông nghiệp trên đất của mình, ông B phải thực hiện nghĩa vụ bảo vệ môi trường.	<b>D</b>
C. Ông B có trách nhiệm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do hoạt động chăn nuôi lợn đã gây ra.	<b>D</b>
D. Ông B không có quyền chăn nuôi nhiều lợn theo mô hình VAC trong khuôn viên của gia đình ở khu dân cư.	<b>D</b>

**PHẦN III: Dạng trả lời ngắn (7 câu).**

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 1:** Theo quy định của pháp luật, quyền của chủ thể đối với tài sản mà mình chiếm hữu, sử dụng và định đoạt là gì?

**Đáp án:** *Sở hữu tài sản.*

**Câu 2:** Theo quy định của pháp luật, chủ thể nắm giữ, quản lí, chi phối trực tiếp tài sản là có quyền gì đối với tài sản?

**Đáp án:** *Chiếm hữu tài sản.*

**Câu 3:** Công dân khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản là thực hiện quyền gì đối với tài sản?

**Đáp án:** *Sử dụng tài sản.*

**Câu 4:** Công dân chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho người khác, từ bỏ quyền sở hữu tiêu dùng hoặc tiêu hủy tài sản là thực hiện quyền gì đối với tài sản?

**Đáp án:** *Định đoạt tài sản.*

**Câu 5:** Theo quy định của pháp luật, quyền của công dân đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là quyền .....

**Đáp án:** *Sở hữu tài sản.*

**Câu 6:** Chị S thế chấp quyền sử dụng đất là tài sản mang tên mình để vay ngân hàng 200 triệu đồng trong thời hạn 3 năm. Trong 3 năm này, chủ thể nào có quyền sử dụng đất là tài sản thế chấp của chị S?

**Đáp án:** *Chị S.*

**Câu 7:** Chị S thế chấp quyền sử dụng đất là tài sản mang tên mình để vay ngân hàng Z số tiền 200 triệu đồng trong thời hạn 3 năm, lãi suất 7,4%/năm. Đến hạn, chị S không có khả năng thanh toán nợ. Khi đó, chủ thể nào có quyền sử dụng đất là tài sản chị S thế chấp tại ngân hàng?

**Đáp án:** *Ngân hàng Z.*

## BÀI 10: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

### HỆ THỐNG LÝ THUYẾT

#### 1. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG HÔN NHÂN

Công dân có quyền tự do kết hôn khi đáp ứng đủ các điều kiện kết hôn và có quyền yêu cầu Toà án giải quyết li hôn để chấm dứt hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Công dân có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật trong kết hôn, li hôn; phải tôn trọng quyền kết hôn, li hôn của người khác.

#### 2. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG GIA ĐÌNH

##### a) Quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng

Vợ chồng bình đẳng trong quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản; có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình; có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng lẫn nhau; có quyền và nghĩa vụ tạo điều kiện, giúp đỡ nhau phát triển về mọi mặt; có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản riêng của mình.

##### b) Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con, giữa các thành viên khác trong gia đình

Cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ yêu thương, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con; tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập và giáo dục để con phát triển lành mạnh, toàn diện cả về thể chất, trí tuệ và đạo đức.

Con có quyền được cha mẹ thương yêu, tôn trọng; được học tập và giáo dục; được phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức; có bổn phận kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ; có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, đặc biệt khi cha mẹ mất năng lực hành vi dân sự, ốm đau, già yếu, khuyết tật.

Anh, chị, em có quyền, nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ của mình. Ông bà nội, ông bà ngoại có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, sống mẫu mực và nêu gương tốt cho con cháu; cháu có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà.

### BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO

**Câu 1:** Vợ, chồng bình đẳng, tôn trọng nhau được thể hiện ở việc vợ chồng có nghĩa vụ ngang nhau trong việc:

- a) áp đặt mọi quan điểm riêng.                      b) bài trừ quyền tự do tín ngưỡng.  
c) tạo lập và bảo vệ khối tài sản chung.        d) lựa chọn hành vi bạo lực.

**Câu 2:** Một trong những nội dung quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và gia đình là cha mẹ

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

có quyền và nghĩa vụ:

- a) tôn trọng ý kiến của con.                      b) quản lý nhân sự trực tuyến.  
c) lạm dụng sức lao động của con.              d) áp dụng mọi loại cạnh tranh.

**Câu 3:** Vợ chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc lựa chọn nơi cư trú là bình đẳng trong quan hệ:

- a) nhân thân.              b) tài sản.              c) việc làm.              d) nhà ở.

**Câu 4:** Công dân có quyền tự do kết hôn khi có đủ điều kiện kết hôn theo:

- a) hương ước của làng, xã.                      b) quy định của pháp luật.  
c) quy định của tổ dân phố.                      d) ý kiến của cha mẹ.

**Câu 5:** Việc dùng tài sản chung để đầu tư kinh doanh phải được bàn bạc, thỏa thuận giữa vợ và chồng là thể hiện sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong quan hệ:

- a) hôn nhân.              b) tài sản.              c) chính trị.              d) xã hội.

**Câu 6:** Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng có thể không gây ra hậu quả nào sau đây?

- a) Chấm dứt giao dịch liên quan đến tài sản.      b) Thiệt hại về tài sản cho gia đình và xã hội.  
c) Quan hệ hôn nhân rạn nứt.                      d) Môi trường xã hội không an toàn.

**Câu 7:** Hành vi nào sau đây không phải là quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con?

- a) Thương yêu, chăm sóc con ruột.                      b) Ép buộc con làm việc trái pháp luật.  
c) Chăm lo, giáo dục con phát triển lành mạnh.      d) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con.

**Câu 8:** Theo quy định của pháp luật, quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng không thể hiện ở việc làm nào sau đây?

- a) che giấu hành vi bạo lực.                      b) định đoạt khối tài sản chung.  
c) giúp đỡ nhau cùng phát triển.                      d) lựa chọn nơi cư trú.

**Câu 9:** Công dân có quyền tự do kết hôn khi nào?

- a) Khi được gia đình đồng ý.                      b) Khi đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.  
c) Khi muốn xây dựng một gia đình hạnh phúc.      d) Khi muốn có con và sinh sống chung với người khác.

**Câu 10:** Khi mục đích của hôn nhân không đạt được, công dân có quyền gì?

- a) Quyền đơn phương chấm dứt mọi nghĩa vụ hôn nhân.  
b) Quyền yêu cầu tòa án bắt buộc duy trì hôn nhân.  
c) Quyền ly hôn để bảo vệ lợi ích cá nhân và gia đình.  
d) Quyền tự quyết định giữ nguyên hoặc chấm dứt hôn nhân mà không cần lý do.

**Câu 11:** Công dân có nghĩa vụ gì sau khi ly hôn?

- a) Không còn trách nhiệm với con cái.                      b) Tuân thủ nguyên tắc của chế độ hôn nhân.  
c) Chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.              d) Giữ liên lạc với tất cả thành viên gia đình cũ.

**Câu 12:** Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân trong hôn nhân có thể dẫn đến hậu quả gì?

- a) Làm cho hôn nhân tự nguyện không được thực hiện.      b) Làm cho hôn nhân bền vững hơn.  
c) Tạo ra ảnh hưởng tích cực cho xã hội.                      d) Giúp phát triển các quyền của công dân.

**Câu 13:** Việc duy trì quan hệ hôn nhân tiến bộ giúp công dân đạt được điều gì?

- a) Được mọi người ngưỡng mộ, tôn trọng.                      b) Không bị dư luận xã hội phản đối.  
c) Phát huy tốt chính sách của Đảng và Nhà nước về quyền công dân.  
d) Được Nhà nước bảo vệ mọi quyền lợi cá nhân.

**Câu 14:** Quyền kết hôn của công dân không được đảm bảo trong trường hợp nào sau đây?

- a) Khi hai người đủ tuổi và không thuộc các trường hợp cấm kết hôn.  
b) Khi cả hai bên đều tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn.  
c) Khi một trong hai người chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.  
d) Khi cả hai đều không có quan hệ hôn nhân khác và muốn kết hôn.

**Câu 15:** Quyền ly hôn của công dân không được thực hiện trong trường hợp nào sau đây?

- a) Khi hôn nhân không còn mang lại lợi ích cho gia đình và sức khỏe của các bên.  
b) Khi mục đích của hôn nhân không đạt được, và cả hai đồng thuận ly hôn.  
c) Khi mâu thuẫn gia đình có thể hòa giải và không làm ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần của các bên.  
d) Khi một trong hai bên muốn tìm cơ hội để xây dựng cuộc sống mới.

**Câu 16:** Nghĩa vụ nào sau đây là không đúng khi công dân muốn kết hôn?

- a) Tuân thủ quy định của pháp luật về độ tuổi kết hôn.

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

b) Tuân thủ nguyên tắc hôn nhân một vợ, một chồng.

c) Phải chăm sóc, nuôi dưỡng con sau ly hôn.

d) Đảm bảo không có quan hệ hôn nhân nào khác tại thời điểm kết hôn.

**Câu 17:** Nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con sau ly hôn sẽ không được thực hiện khi nào?

a) Khi cả hai bên đồng ý chia sẻ trách nhiệm nuôi dưỡng con.

b) Khi một bên không còn sống cùng con nhưng vẫn chu cấp đầy đủ.

c) Khi một bên từ chối thực hiện nghĩa vụ và không bảo đảm quyền lợi cho con.

d) Khi cả hai cùng thỏa thuận và có kế hoạch chăm sóc con chung.

**Câu 18:** Việc vi phạm quyền và nghĩa vụ trong hôn nhân có thể gây ra hậu quả nào sau đây?

a) Giúp hôn nhân trở nên bền vững hơn.

b) Gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh gia đình trong xã hội.

c) Đảm bảo chính sách của Nhà nước về quyền lợi gia đình được thực thi.

d) Tăng cường sự tôn trọng của xã hội đối với gia đình.

**Câu 19:** Việc vợ chồng bình đẳng và tôn trọng nhau trong đời sống gia đình không được thể hiện ở hành vi nào sau đây?

a) Cả vợ và chồng có vị trí, vai trò ngang nhau trong gia đình.

b) Cả hai đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trong việc tạo lập tài sản chung.

c) Vợ hoặc chồng tự quyết định sử dụng tài sản chung mà không cần hỏi ý kiến của người còn lại.

d) Mỗi người có quyền với tài sản riêng của mình và được thừa kế tài sản của nhau.

**Câu 20:** Việc tôn trọng quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng góp phần tạo ra điều gì?

a) Sự phát triển bền vững của gia đình và xã hội. b) Sự tranh chấp tài sản và tài chính trong gia đình.

c) Một môi trường xã hội không an toàn và căng thẳng. d) Những vấn đề tài chính kéo dài trong hôn nhân.

**Đáp án đúng:** a) Sự phát triển bền vững của gia đình và xã hội.

**Câu 21:** Đọc thông tin sau: Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng có thể dẫn đến những hậu quả tiêu cực.

a) Quan hệ hôn nhân bền vững và ổn định. b) Hôn nhân rạn nứt và tranh chấp tài sản.

c) Sự phát triển tốt đẹp của gia đình và xã hội. d) Một môi trường xã hội an toàn và hài hòa.

**Câu 22:** Đọc thông tin sau: Khi vợ và chồng tôn trọng quyền với tài sản riêng của nhau, điều này giúp duy trì sự bình đẳng và ổn định trong hôn nhân.

a) Mỗi bên tự ý quyết định về tài sản chung của cả hai.

b) Mỗi bên được quyền sử dụng tài sản riêng của mình theo ý muốn.

c) Vợ hoặc chồng có quyền sử dụng tài sản riêng của đối phương mà không cần hỏi ý kiến.

d) Cả hai bên đều không có quyền với tài sản riêng của mình.

**Câu 23:** Đọc thông tin sau: Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng thường dẫn đến các hậu quả tiêu cực trong gia đình và xã hội.

a) Làm hôn nhân rạn nứt và tan vỡ. b) Gây thiệt hại về tài sản và tài chính cho gia đình.

c) Tạo ra môi trường xã hội an toàn và hài hòa. d) Ảnh hưởng tiêu cực đến chính sách gia đình của Nhà nước.

**Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 24-31:**

**Đọc thông tin sau:** Anh Hoàng và chị Lan đã kết hôn và chung sống với nhau được 10 năm. Tuy nhiên, thời gian gần đây, anh Hoàng thường xuyên quyết định sử dụng tài sản chung của gia đình mà không hỏi ý kiến của chị Lan, gây ra mâu thuẫn và bất hòa. Anh Hoàng cũng có hành vi coi nhẹ quyền và nghĩa vụ chăm sóc con cái, thường xuyên bỏ bê con và không hỗ trợ chị Lan trong việc nuôi dưỡng con cái. Những hành vi này làm chị Lan cảm thấy mệt mỏi và suy nghĩ về khả năng ly hôn để bảo vệ quyền lợi cho bản thân và con.

**Câu 24:** Trong tình huống trên, anh Hoàng đã vi phạm quyền và nghĩa vụ nào trong hôn nhân?

a) Quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con cái.

b) Quyền và nghĩa vụ tôn trọng tài sản riêng của nhau.

c) Quyền và nghĩa vụ giúp đỡ lẫn nhau trong công việc.

d) Quyền và nghĩa vụ tạo điều kiện phát triển cho vợ chồng.

**Câu 25:** Hành vi tự ý quyết định tài sản chung mà không hỏi ý kiến của chị Lan của anh Hoàng là biểu hiện của điều gì?

a) Sự tôn trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. b) Vi phạm quyền sở hữu tài sản của vợ chồng.

c) Sự hợp tác trong đời sống gia đình.

d) Quyền thừa kế tài sản của nhau.

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 26:** Nếu chị Lan quyết định ly hôn, lý do nào dưới đây sẽ phù hợp nhất?

- a) Không còn tình cảm và không thể hòa giải. b) Không đồng ý với sở thích cá nhân của anh Hoàng.  
c) Không muốn tiếp tục chăm sóc con cái. d) Không muốn sống chung với gia đình chồng.

**Câu 27:** Trong trường hợp ly hôn, anh Hoàng có nghĩa vụ nào sau đây đối với con?

- a) Chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái. b) Không có nghĩa vụ gì sau khi ly hôn.  
c) Chỉ cần chu cấp tài chính mà không cần chăm sóc. d) Được quyết định nơi ở của con.

**Câu 28:** Hành vi của anh Hoàng nếu tiếp tục diễn ra có thể dẫn đến hậu quả nào?

- a) Hôn nhân hạnh phúc và bền vững. b) Quan hệ hôn nhân bị rạn nứt và có thể tan vỡ.  
c) Một gia đình hòa thuận và bình yên. d) Sự phát triển tốt đẹp của cả gia đình.

**Câu 29:** Điều nào sau đây là một quyền của chị Lan trong hôn nhân?

- a) Quyền thừa kế tài sản của anh Hoàng sau khi anh mất.  
b) Quyền tự do quyết định tài sản chung mà không cần hỏi ý kiến anh Hoàng.  
c) Quyền từ chối chăm sóc con cái khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn.  
d) Quyền bình đẳng trong quyết định liên quan đến tài sản chung.

**Câu 30:** Khi có mâu thuẫn gia đình, hành động nào là hợp lý nhất để giải quyết?

- a) Tự giải quyết mà không cần sự can thiệp của pháp luật.  
b) Liên hệ các cơ quan chức năng để hỗ trợ giải quyết tranh chấp.  
c) Hủy bỏ quyền lợi của đối phương để bảo vệ quyền lợi của mình.  
d) Yêu cầu ly hôn ngay lập tức.

**Câu 31:** Khi anh Hoàng tự ý sử dụng tài sản chung, hành động này có thể gây ra hậu quả gì cho gia đình?

- a) Làm cho mối quan hệ vợ chồng thêm bền chặt.  
b) Gây mất lòng tin và làm tổn thương quan hệ vợ chồng.  
c) Mang lại niềm vui và hạnh phúc cho gia đình.  
d) Làm cho cả hai người hài lòng về cuộc sống chung.

**Câu 32:** Cha mẹ có nghĩa vụ nào sau đây đối với con chưa thành niên?

- a) Tôn trọng ý kiến của con trong các quyết định.  
b) Không cần chăm lo học tập của con vì đã trưởng thành.  
c) Chỉ cần nuôi dưỡng con cho đến khi 10 tuổi. d) Chỉ cần quan tâm khi con yêu cầu.

**Câu 33:** Hành vi nào sau đây thể hiện đúng nghĩa vụ của con đối với cha mẹ?

- a) Không quan tâm đến cha mẹ khi trưởng thành. b) Luôn yêu quý và kính trọng cha mẹ.  
c) Chỉ chăm sóc cha mẹ khi có yêu cầu từ pháp luật. d) Yêu thương cha mẹ khi còn phụ thuộc kinh tế.

**Câu 34:** Theo nội dung trên, khi cha mẹ vi phạm nghĩa vụ chăm sóc và giáo dục, điều gì có thể xảy ra với con cái?

- a) Con cái sẽ phát triển tốt về thể chất và tinh thần.  
b) Con cái không được chăm sóc đúng cách, ảnh hưởng sức khỏe.  
c) Con cái sẽ tự lập hoàn toàn mà không cần cha mẹ. d) Con cái sẽ tự chăm sóc sức khỏe của mình.

**Câu 35:** Hành vi nào sau đây là quyền của con đối với cha mẹ?

- a) Được cha mẹ tôn trọng ý kiến và thương yêu. b) Từ chối mọi sự chăm sóc của cha mẹ.  
c) Bỏ qua mọi trách nhiệm với cha mẹ khi trưởng thành. d) Chỉ nghe lời cha mẹ khi có lợi cho bản thân.

**Câu 36:** Nghĩa vụ nào sau đây thuộc về cha mẹ khi con đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự?

- a) Chỉ cần quan tâm đến tài sản của con. b) Trông nom, chăm sóc và bảo vệ quyền lợi của con.  
c) Chỉ cần chu cấp tài chính mà không cần chăm sóc. d) Tôn trọng ý kiến cá nhân mà không cần hỗ trợ.

**Câu 37:** Theo pháp luật, quyền nào sau đây thuộc về con chưa thành niên?

- a) Quyền được cha mẹ tôn trọng và chăm sóc toàn diện. b) Quyền từ chối sự chăm sóc của cha mẹ.  
c) Quyền không cần quan tâm đến học tập. d) Quyền quyết định mọi việc trong gia đình.

**Câu 38:** Nếu cha mẹ không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ với con, điều gì có thể bị ảnh hưởng?

- a) Sự phát triển thể chất và tinh thần của con. b) Quyền tự do hoàn toàn của con trong mọi hoạt động.  
c) Tài sản riêng của con khi trưởng thành. d) Khả năng sinh hoạt hàng ngày của cha mẹ.

**Câu 39:** Hành vi nào của con là không đúng với bổn phận đối với cha mẹ?

- a) Không quan tâm đến cha mẹ khi họ già yếu. b) Yêu quý và kính trọng cha mẹ.  
c) Phụng dưỡng cha mẹ khi cha mẹ không còn khả năng lao động.  
d) Thường xuyên thăm hỏi, chăm sóc cha mẹ.

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 40-47

Ông Hưng và bà Lan có một cậu con trai tên Nam, 14 tuổi. Ông Hưng muốn Nam học thêm các môn học nâng cao để có thể vào trường tốt, nhưng bà Lan lại cho rằng Nam nên có thời gian chơi và nghỉ ngơi để phát triển một cách toàn diện. Ông Hưng thường xuyên ép Nam học thêm, không cho cậu bé tham gia các hoạt động giải trí, dẫn đến căng thẳng trong gia đình.

**Câu 40:** Hành vi nào của ông Hưng vi phạm nghĩa vụ chăm sóc và giáo dục con cái?

- a) Đưa Nam đi học thêm các môn nâng cao.      b) Cấm Nam tham gia các hoạt động giải trí.  
c) Khuyến khích Nam tự học và phát triển.      d) Lắng nghe ý kiến của Nam về việc học.

**Câu 41:** Ông Hưng có thể làm gì để tôn trọng ý kiến của Nam?

- a) Ép Nam học thêm mà không hỏi ý kiến.      b) Lắng nghe ý kiến của Nam về việc học.  
c) Cấm Nam gặp bạn bè.      d) Đưa ra yêu cầu học tập mà không giải thích.

**Câu 42:** Theo quy định, quyền nào của Nam có thể bị vi phạm nếu ông Hưng tiếp tục hành động như hiện tại?

- a) Quyền được yêu thương và chăm sóc.      b) Quyền tham gia quyết định về việc học tập.  
c) Quyền được đi chơi với bạn bè.      d) Quyền được học tập theo sở thích.

**Câu 43:** Hành động nào của bà Lan có thể giúp cải thiện tình hình giáo dục của Nam?

- a) Để ông Hưng quyết định mọi việc về học tập.  
b) Cùng ông Hưng trao đổi và tìm ra giải pháp chung.

- c) Cấm Nam không được chơi game.  
d) Thuyết phục Nam học theo ý kiến của bà mà không bàn bạc.

**Câu 44:** Hành vi nào của ông Hưng có thể dẫn đến việc Nam bị căng thẳng?

- a) Khuyến khích Nam tham gia các hoạt động thể thao.  
b) Ép Nam phải học mỗi ngày mà không có thời gian nghỉ ngơi.

- c) Tạo điều kiện cho Nam gặp gỡ bạn bè.      d) Hỗ trợ Nam trong việc học tập.

**Câu 45:** Hành động nào của ông Hưng không phù hợp với quy định về nghĩa vụ cha mẹ?

- a) Cần lắng nghe và tôn trọng ý kiến của Nam.      b) Ép Nam học các môn mà ông yêu cầu.  
c) Tạo cơ hội cho Nam tham gia các hoạt động giải trí.

- d) Khuyến khích Nam tham gia các hoạt động học tập.

**Câu 46:** Ông Hưng cần phải làm gì để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Nam?

- a) Cấm Nam có bạn bè.      b) Không lắng nghe ý kiến của Nam.

- c) Cung cấp cho Nam sự hỗ trợ cần thiết trong việc học.

- d) Ép Nam tham gia các lớp học không phù hợp.

**Câu 47:** Ông Hưng nên làm gì để không vi phạm quyền của Nam trong việc giáo dục?

- a) Tôn trọng quyết định của Nam về việc học tập.  
b) Cấm Nam tham gia bất kỳ hoạt động nào khác ngoài học.

- c) Buộc Nam học thêm vào cuối tuần.  
d) Không hỏi ý kiến của Nam khi quyết định về việc học.

**Câu 48:** Trong mối quan hệ vợ chồng, việc xác định tài sản riêng và tài sản chung không liên quan đến quyền và nghĩa vụ. Điều này được thể hiện qua:

- a) Tài sản mua sắm trong thời gian hôn nhân là tài sản chung, ngoại trừ tài sản riêng.  
b) Vợ chồng có quyền thừa kế tài sản của nhau mà không cần tuân thủ nguyên tắc nào.

- c) Tài sản cá nhân như đồ trang sức vẫn thuộc quyền sở hữu riêng.

- d) Tài sản chung không cần phải được bảo vệ bởi cả hai vợ chồng.

**Câu 49:** Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng không có tác động tiêu cực đến quan hệ hôn nhân. Điều này thể hiện qua:

- a) Việc một bên không tham gia vào các quyết định tài chính có thể dẫn đến sự rạn nứt trong quan hệ.

- b) Hành vi bao lưc gia đình có thể gây tổn hại tài chính và tinh thần cho cả hai bên.

- c) Tranh chấp tài sản sau ly hôn không gây thiệt hại cho xã hội.

- d) Những hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ không ảnh hưởng đến sự phát triển của con cái.

**Câu 50:** Việc bảo vệ khối tài sản chung không phải là nghĩa vụ của cả hai vợ chồng. Điều này thể hiện qua:

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

a) Cả hai vợ chồng đều có trách nhiệm trong việc bảo vệ tài sản chung.

b) Vợ chồng có thể để cho một bên hoàn toàn quyết định về tài sản chung mà không tham khảo ý kiến của bên kia.

c) Họ có quyền tự do sử dụng tài sản riêng của mình mà không cần thông báo cho nhau.

d) Quyền và nghĩa vụ về tài sản không cần thiết phải được thảo luận giữa hai vợ chồng.

**Câu 51:** Quan hệ hôn nhân sẽ không bị ảnh hưởng nếu có hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Điều này thể hiện qua:

a) Hành vi không trung thực trong quản lý tài sản chung có thể dẫn đến sự thiếu tin tưởng.

b) Việc một bên vi phạm quyền riêng tư của bên kia không gây ra vấn đề gì trong quan hệ.

c) Việc ly hôn không bao giờ xảy ra do tranh chấp tài sản.

d) Hành vi vi phạm có thể tạo ra những ảnh hưởng xấu đến mối quan hệ xã hội.

**Câu 52:** Quyền thừa kế tài sản của nhau không phải là một quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Điều này thể hiện qua:

a) Vợ chồng có quyền thừa kế tài sản của nhau theo quy định pháp luật.

b) Tài sản riêng không thể thừa kế cho bên còn lại.

c) Thừa kế tài sản không cần phải tuân thủ nguyên tắc nào.

d) Thừa kế chỉ diễn ra sau khi có sự đồng ý của cả hai bên.

**Câu 53:** Việc một bên có tài sản riêng trong hôn nhân không phải là yếu tố quyết định trong mối quan hệ vợ chồng. Điều này thể hiện qua:

a) Tài sản riêng không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong quan hệ hôn nhân.

b) Tài sản riêng không cần phải được bảo vệ.

c) Tài sản chung vẫn có thể bị ảnh hưởng bởi tài sản riêng của vợ chồng.

d) Sự tranh chấp tài sản riêng sẽ không gây ảnh hưởng đến gia đình.

**Câu 54:** Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, việc phân chia tài sản không liên quan đến mức độ tình cảm giữa hai bên. Điều này thể hiện qua:

a) Mâu thuẫn tài chính không thể giải quyết được nếu không có sự can thiệp của bên thứ ba.

b) Tình cảm không ảnh hưởng đến việc phân chia tài sản chung.

c) Việc phân chia tài sản cần phải dựa trên thỏa thuận của cả hai vợ chồng.

d) Không thể chia tài sản trong trường hợp có mâu thuẫn lớn.

**Câu 55:** Vợ chồng có quyền tự do quản lý tài sản của mình mà không cần thông báo cho bên còn lại. Điều này thể hiện qua:

a) Vợ chồng có quyền quản lý tài sản chung mà không cần sự đồng ý của bên còn lại.

b) Tài sản riêng của mỗi bên là quyền sở hữu hoàn toàn của người đó.

c) Quyền quản lý tài sản chung phải dựa trên sự đồng thuận của cả hai vợ chồng.

d) Tài sản chung không cần sự can thiệp từ cả hai vợ chồng.

## II/ Câu hỏi đúng/sai

**Câu 1:** Đọc thông tin sau:

Ông Đ là bác sĩ nha khoa, chủ chuỗi phòng khám Răng - Hàm - Mặt tại Bắc Ninh. Ông luôn kỳ vọng con trai duy nhất là H sẽ nối nghiệp mình. Do vậy, ngay khi lên cấp 3, ông Đ đã hướng H học khối B với mục tiêu thi đỗ vào trường đại học Y Hà Nội. Học lực của H không quá nổi trội, năm đầu tiên thi trượt chỉ được 23 điểm. Ông động viên con ôn tập để thi tiếp dù con không muốn. Liên tiếp hai năm sau đó, H vẫn tiếp tục trượt đại học với mức điểm thi đạt được ngày càng giảm, từ 23 xuống dưới 20 điểm. Ông Đ vẫn yêu cầu H: "Bố có mỗi mình con, nếu không học Y thì bao nhiêu phòng khám kia bố biết truyền cho ai. Không đủ sức vào đại học thì con gắng học trung cấp y cũng được."

Lựa chọn:

a) Bố mẹ mong muốn con cái thành công và cố gắng hướng con theo con đường mình cho là tốt nhất.

b) Mục đích của ông Đ chỉ muốn tốt cho con.

c) Bố mẹ là người biết rõ khả năng của con nên sẽ định hướng đúng.

d) Sự từng trải của bố mẹ sẽ giúp con thành công.

Giải thích:

• a) Đúng. Ông Đ mong muốn con thành công và cố gắng định hướng theo con đường ông cho là tốt nhất.

• b) Sai. Mặc dù ông Đ muốn tốt cho con, nhưng ông không quan tâm đến khả năng thực tế của H.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- c) Sai. Ông Đ chưa hiểu rõ khả năng của H, dẫn đến việc áp đặt ngành nghề không phù hợp.
- d) Sai. Sự kỳ vọng của ông Đ không thể đảm bảo thành công nếu không phù hợp với năng lực của H.

**Câu 2:** Đọc thông tin sau:

Bà T là một phụ nữ truyền thống và luôn mong muốn con trai mình, anh K, kết hôn với một người có địa vị tương xứng trong xã hội. Khi K đem lòng yêu và muốn kết hôn với chị M – một cô gái làm việc tự do và có hoàn cảnh gia đình bình thường – bà T đã phản đối kịch liệt. Bà cho rằng K nên kết hôn với người mà gia đình đã chọn, có gia thế tốt để đảm bảo hạnh phúc lâu dài. Bất chấp sự phản đối, K vẫn kiên quyết muốn kết hôn với M. Hai mẹ con đã tranh luận nhiều lần về việc K có quyền tự quyết định cuộc sống hôn nhân của mình hay không.

Lựa chọn:

- a) Mẹ của K có quyền can thiệp vào quyết định kết hôn của con vì bà là người sinh thành và có kinh nghiệm.
- b) K có quyền tự do lựa chọn người mình muốn kết hôn.
- c) Hạnh phúc của K sẽ được đảm bảo nếu làm theo lời mẹ khuyên.
- d) Con cái phải luôn tuân theo định hướng của gia đình khi chọn người kết hôn.

Giải thích:

- a) Sai. Quyền quyết định kết hôn thuộc về K, không phải mẹ.
- b) Đúng. K có quyền tự do quyết định kết hôn với người mình yêu.
- c) Sai. Hạnh phúc của K không thể đảm bảo chỉ qua lời khuyên của mẹ.
- d) Sai. Việc kết hôn là quyền cá nhân của K và không nhất thiết phải theo định hướng gia đình.

**Câu 3:** Đọc thông tin sau:

Anh N và chị P là vợ chồng đã kết hôn được 10 năm và có một con gái là bé A, 8 tuổi. Do mâu thuẫn kéo dài không thể hòa giải, họ quyết định ly hôn. Trong quá trình thỏa thuận phân chia quyền nuôi dưỡng, anh N mong muốn được quyền nuôi con vì anh cho rằng điều kiện kinh tế của mình tốt hơn, có thể chăm lo cho bé A đầy đủ. Tuy nhiên, chị P lại cho rằng con gái cần được ở với mẹ để nhận được sự quan tâm và chăm sóc tốt hơn về mặt tinh thần, vì chị là người trực tiếp chăm sóc A từ khi bé còn nhỏ. Tranh chấp về quyền nuôi dưỡng này trở nên gay gắt khi cả hai bên đều không thể đi đến thỏa thuận chung.

Lựa chọn:

- a) Anh N có quyền nuôi con vì điều kiện kinh tế tốt hơn.
- b) Bé A có quyền bày tỏ nguyện vọng về người sẽ trực tiếp nuôi dưỡng mình.
- c) Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con sau ly hôn nên do cả bố và mẹ đảm nhận.
- d) Chỉ cần điều kiện kinh tế tốt thì sẽ nuôi dạy con tốt hơn.

Giải thích:

- a) Sai. Điều kiện kinh tế chỉ là một yếu tố, quyền nuôi con còn phụ thuộc vào các yếu tố khác như tình cảm và sự gắn bó.
- b) Đúng. Bé A có quyền bày tỏ nguyện vọng về người nuôi dưỡng mình.
- c) Sai. Sau ly hôn, một người sẽ nuôi con trực tiếp, người còn lại có trách nhiệm cấp dưỡng.
- d) Sai. Điều kiện kinh tế không phải là yếu tố duy nhất, chăm sóc tinh thần cũng rất quan trọng.

**Câu 4:** Đọc thông tin sau:

Chị L và anh T đã kết hôn được 12 năm và có hai con chung, một bé trai 10 tuổi và một bé gái 6 tuổi. Gần đây, chị L phát hiện ra rằng anh T có mối quan hệ ngoài hôn nhân với một người phụ nữ khác. Cảm thấy tổn thương và tức giận, chị L quyết định đôi chất với anh T. Tuy nhiên, anh T cho rằng mối quan hệ này không ảnh hưởng đến tình cảm và trách nhiệm của anh đối với vợ con và vẫn mong muốn giữ gìn gia đình. Chị L, trong khi đó, cảm thấy không thể tiếp tục sống chung khi niềm tin và tình yêu đã bị phản bội. Cuộc xung đột trở nên căng thẳng khi chị L yêu cầu anh T phải lựa chọn giữa gia đình và mối quan hệ ngoài hôn nhân này.

Lựa chọn:

- a) Chị L có quyền yêu cầu anh T chấm dứt mối quan hệ ngoài hôn nhân để bảo vệ hạnh phúc gia đình.
- b) Anh T không sai vì anh vẫn làm tròn trách nhiệm với vợ con.
- c) Chị L không nên can thiệp vào các mối quan hệ cá nhân của anh T.
- d) Chuyện ngoài hôn nhân của anh T không ảnh hưởng đến gia đình nếu anh vẫn chu cấp đầy đủ.

Giải thích:

- a) Đúng. Chị L có quyền yêu cầu anh T chấm dứt mối quan hệ ngoài hôn nhân vì nó ảnh hưởng đến

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

hạnh phúc gia đình.

- b) Sai. Trách nhiệm đối với gia đình không chỉ là chu cấp vật chất, mà còn là lòng chung thủy.
- c) Sai. Mọi quan hệ ngoài hôn nhân của anh T ảnh hưởng trực tiếp đến chị L và gia đình, vì vậy chị L có quyền can thiệp.
- d) Sai. Mọi quan hệ ngoài hôn nhân của anh T làm tổn hại niềm tin và sự ổn định gia đình, không chỉ là vấn đề vật chất.

**Câu 5:** Đọc thông tin sau:

Chị M và anh H đã kết hôn được 8 năm và có một con trai 5 tuổi. Ban đầu, cuộc sống gia đình khá yên ả, nhưng trong vài năm gần đây, anh H thường xuyên có hành vi bạo lực với chị M, đặc biệt mỗi khi anh có chuyện không vui hoặc căng thẳng từ công việc. Lần gần đây nhất, anh H đã đánh chị M trước mặt con trai khi chị phản đối về việc anh uống rượu quá nhiều. Chị M cảm thấy sợ hãi và lo lắng cho sự an toàn của mình cũng như con trai. Tuy nhiên, khi bạn bè khuyên chị M nên báo công an hoặc tìm sự hỗ trợ, chị lại lo sợ việc này sẽ làm mất danh dự gia đình và ảnh hưởng đến con.

Lựa chọn:

- Chị M nên chấp nhận tình huống này vì lợi ích của con trai.
- Việc anh H bạo lực gia đình là vi phạm pháp luật.
- Chị M nên tìm kiếm sự giúp đỡ từ các tổ chức hỗ trợ phụ nữ và trẻ em.
- Việc giữ gìn danh dự gia đình quan trọng hơn việc tố cáo hành vi bạo lực.

**Giải thích:**

- **a) Sai:** Chấp nhận bạo lực không chỉ gây hại về thể chất và tinh thần cho chị M mà còn tạo môi trường xấu ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm lý của con trai.
- **b) Đúng:** Theo pháp luật Việt Nam, bạo lực gia đình là hành vi vi phạm pháp luật và bị xử lý nghiêm minh.
- **c) Đúng:** Chị M cần tìm sự hỗ trợ từ các cơ quan, tổ chức như Hội Liên hiệp Phụ nữ, tổng đài hỗ trợ, hoặc công an để bảo vệ an toàn cho bản thân và con trai.
- **d) Sai:** Việc giữ gìn danh dự gia đình không thể quan trọng hơn việc tố cáo hành vi bạo lực, vì điều này có thể kéo dài và làm trầm trọng thêm vấn đề.

**Phân tích thêm:**

Hành vi bạo lực của anh H không chỉ ảnh hưởng tiêu cực đến chị M mà còn gây tổn thương tâm lý cho con trai, đặc biệt khi bé chứng kiến những cảnh tượng này. Để bảo vệ cả hai mẹ con, chị M cần mạnh dạn tìm kiếm sự giúp đỡ từ các cơ quan chức năng và tổ chức xã hội. Tố cáo hành vi bạo lực không chỉ giúp chị M bảo vệ bản thân mà còn có thể ngăn ngừa những hậu quả nghiêm trọng hơn trong tương lai.

**Câu 6:** Đọc thông tin sau: Anh B và chị D đã kết hôn được 15 năm và cùng nhau gây dựng một doanh nghiệp nhỏ chuyên về sản xuất thực phẩm. Doanh nghiệp này đã mang lại nguồn thu nhập ổn định và giúp họ mua được một căn nhà và một số tài sản giá trị khác. Tuy nhiên, thời gian gần đây, mâu thuẫn giữa hai người tăng lên, và họ quyết định ly hôn. Khi thỏa thuận về tài sản, anh B cho rằng phần lớn tài sản chung và doanh nghiệp nên thuộc về mình vì anh đã đầu tư nhiều vốn ban đầu và đảm nhận vai trò quản lý chính. Chị D lại cho rằng chị cũng đã đóng góp công sức không nhỏ vào công ty và hỗ trợ anh B trong suốt quá trình kinh doanh. Cả hai không thể thống nhất về cách phân chia tài sản và quyền sở hữu doanh nghiệp.

- Tài sản chung và doanh nghiệp nên thuộc về anh B vì anh là người đầu tư vốn ban đầu và quản lý chính.
- Chị D có quyền yêu cầu chia đôi tài sản chung, bao gồm cả doanh nghiệp, vì đó là tài sản hình thành trong hôn nhân.
- Quyền sở hữu doanh nghiệp chỉ thuộc về người đứng tên chính trong giấy phép kinh doanh.
- Việc phân chia tài sản sẽ phụ thuộc vào đóng góp nhiều hay ít của mỗi bên trong hôn nhân.

**Giải thích:**

- Sai. Tài sản chung trong hôn nhân được xác định dựa trên quy định pháp luật, không phụ thuộc hoàn toàn vào sự đầu tư ban đầu hay vai trò quản lý.
- Đúng. Theo luật pháp, tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung và có thể yêu cầu chia đều khi ly hôn, trừ khi có thỏa thuận khác.
- Sai. Quyền sở hữu không chỉ dựa trên việc đứng tên trong giấy phép kinh doanh mà còn xét đến quy

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

định về tài sản chung.

d) Sai. Pháp luật quy định tài sản chung thường được chia đều, không chỉ dựa vào đóng góp nhiều hay ít.

**Câu 7:** Đọc thông tin sau: Ông M có một căn nhà và một khoản tiền tiết kiệm lớn. Ông có hai người con, một con trai là anh K và một con gái là chị H. Anh K không may qua đời sớm, để lại một con trai là bé N (cháu nội của ông M). Chị H thì vẫn còn sống và có một con gái là bé Q (cháu ngoại của ông M). Khi ông M qua đời, không để lại di chúc rõ ràng về việc phân chia tài sản, cả hai bên gia đình đều cho rằng mình có quyền thừa kế tài sản của ông M. Gia đình chị H cho rằng tài sản của ông nên được chia đều cho các cháu, vì cả bé N và bé Q đều là cháu ruột của ông. Tuy nhiên, gia đình của anh K lại cho rằng vì anh K là con trai duy nhất của ông, nên toàn bộ tài sản thừa kế phải dành cho cháu nội là bé N.

a) Bé N có quyền hưởng toàn bộ tài sản thừa kế của ông M vì là cháu nội duy nhất.

b) Cả bé N và bé Q đều có quyền thừa kế tài sản của ông M vì đều là cháu ruột.

c) Chỉ có bé N được hưởng thừa kế vì gia đình anh K đã mất người cha, còn chị H vẫn đang sống.

d) Quyền thừa kế sẽ chỉ được xác định nếu có di chúc của ông M.

**Giải thích:**

a) Sai. Quy định thừa kế không ưu tiên cháu nội hơn cháu ngoại, cả hai đều được hưởng thừa kế nếu không có di chúc.

b) Đúng. Nếu không có di chúc, tài sản được chia đều cho người thừa kế cùng hàng.

c) Sai. Sự hiện diện của chị H không ảnh hưởng đến quyền thừa kế của bé Q.

d) Sai. Ngay cả khi không có di chúc, tài sản vẫn được chia theo luật định.

**Câu 8:** Đọc thông tin sau: Anh T có một căn hộ đứng tên riêng, mua trước khi kết hôn. Khi kết hôn với chị V, anh T quyết định sử dụng căn hộ này làm nơi ở chung của hai vợ chồng và không làm giấy tờ chuyển nhượng cho chị V. Suốt 10 năm chung sống, cả hai đã đầu tư không ít tiền vào việc sửa chữa, cải tạo căn hộ, và chị V cũng góp phần vào chi phí sinh hoạt chung. Sau khi xảy ra mâu thuẫn và quyết định ly hôn, chị V cho rằng căn hộ là tài sản chung của hai vợ chồng, vì cả hai đã sử dụng và cùng đóng góp vào giá trị của nó trong thời gian dài. Anh T, ngược lại, khẳng định rằng căn hộ này là tài sản riêng của anh từ trước khi kết hôn nên không thể chia.

a) Căn hộ là tài sản riêng của anh T, nên anh có quyền sở hữu hoàn toàn mà không chia cho chị V.

b) Căn hộ là tài sản chung của hai vợ chồng vì đã được cả hai sử dụng và đầu tư sửa chữa, cải tạo.

c) Chị V có quyền yêu cầu phân chia căn hộ vì đã đóng góp vào chi phí cải tạo.

d) Anh T phải chia căn hộ cho chị V vì đây là nơi ở chung của hai vợ chồng trong suốt thời gian hôn nhân.

**Giải thích:**

a) Đúng. Căn hộ là tài sản riêng của anh T vì được mua trước hôn nhân và không chuyển nhượng thành tài sản chung.

b) Sai. Việc sử dụng hoặc cải tạo không làm thay đổi quyền sở hữu nếu không có sự thỏa thuận hoặc chuyển nhượng hợp pháp.

c) Sai. Chị V có thể yêu cầu bồi hoàn chi phí cải tạo nếu có chứng cứ rõ ràng, nhưng không có quyền chia căn hộ.

d) Sai. Việc sử dụng làm nơi ở chung không tự động biến tài sản riêng thành tài sản chung.

**Câu 9:** Đọc thông tin sau: Chị L và anh S đã kết hôn được 10 năm và có hai con chung. Trong thời gian hôn nhân, chị L phát hiện anh S có mối quan hệ ngoài hôn nhân với một người phụ nữ khác, và trong thời gian này, anh S đã có một đứa con riêng với người phụ nữ đó. Khi chị L biết tin, mâu thuẫn trong gia đình gia tăng, và hai người quyết định ly hôn. Trong quá trình ly hôn, chị L yêu cầu anh S phải chu cấp cho các con chung của họ và đồng thời muốn được biết rõ về quyền lợi của đứa con ngoài giá thú của anh S. Anh S lại cho rằng đứa con ngoài giá thú không liên quan đến trách nhiệm của chị L, và chỉ cần lo liệu cho các con chung.

a) Chị L có quyền yêu cầu anh S cấp dưỡng cho các con chung và không cần quan tâm đến đứa con ngoài giá thú.

b) Anh S phải cấp dưỡng cho cả ba đứa trẻ, bao gồm cả đứa con ngoài giá thú.

c) Đứa con ngoài giá thú không có quyền thừa kế tài sản của anh S.

d) Chị L có nghĩa vụ phải chăm sóc và cấp dưỡng cho đứa con ngoài giá thú của anh S.

**Giải thích:**

a) Đúng. Chị L có quyền yêu cầu anh S cấp dưỡng cho các con chung mà không phải chịu trách nhiệm về

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

con ngoài giá thú của anh S.

b) Sai. Anh S có trách nhiệm cấp dưỡng cho con ngoài giá thú, nhưng không liên quan đến trách nhiệm của chị L.

c) Sai. Đứa con ngoài giá thú có quyền thừa kế tài sản của anh S theo quy định pháp luật.

d) Sai. Chị L không có nghĩa vụ chăm sóc hay cấp dưỡng cho đứa con ngoài giá thú của anh S.

**Câu 10:** Đọc thông tin sau: Chị Hoa và anh Minh là vợ chồng đã kết hôn được 5 năm và có một con trai 3 tuổi. Chị Hoa là nhân viên văn phòng, còn anh Minh làm việc tự do tại nhà. Thời gian gần đây, chị Hoa cảm thấy không công bằng vì mặc dù làm việc cả ngày ở văn phòng, nhưng khi về nhà, chị vẫn phải đảm nhận hầu hết công việc nhà như nấu ăn, dọn dẹp và chăm sóc con cái. Trong khi đó, anh Minh thường chỉ làm việc nhà vào cuối tuần và không giúp đỡ chị trong những công việc hàng ngày. Một hôm, chị Hoa đã bày tỏ sự không hài lòng với anh Minh về việc này. Chị yêu cầu anh giúp chị chia sẻ công việc nhà một cách công bằng hơn, nhưng anh Minh cho rằng chị đã quen với việc làm mọi thứ và không cần thiết phải thay đổi.

a) Chị Hoa có quyền yêu cầu anh Minh tham gia vào công việc nhà.

b) Anh Minh có thể từ chối yêu cầu của chị Hoa vì chị là người phụ nữ trong gia đình.

c) Việc phân chia công việc nhà nên dựa trên thỏa thuận và sự đồng thuận của cả hai bên.

d) Chị Hoa không nên bận tâm về việc chia sẻ công việc nhà vì đó là trách nhiệm của phụ nữ.

### Giải thích:

a) Đúng. Chị Hoa có quyền yêu cầu anh Minh chia sẻ công việc nhà để đảm bảo sự công bằng trong gia đình.

b) Sai. Quan điểm rằng công việc nhà là của phụ nữ không phù hợp trong xã hội hiện đại.

c) Đúng. Việc phân chia công việc nhà nên dựa trên sự thỏa thuận và đồng thuận để tạo sự hài lòng.

d) Sai. Việc coi công việc nhà là trách nhiệm riêng của phụ nữ không còn phù hợp trong xã hội hiện đại.

### Câu 11: Đọc thông tin sau:

Anh Tuấn là một doanh nhân thành đạt, kiếm được nhiều tiền từ việc kinh doanh. Chị Lan, vợ anh, là một giáo viên mầm non, thu nhập không cao và thường phải làm việc vất vả. Gần đây, khi có thành công trong công việc, anh Tuấn bắt đầu có những thái độ coi thường vợ mình. Anh thường xuyên nói rằng chị không hiểu biết nhiều, không thể giúp đỡ anh trong các vấn đề tài chính và thường phê phán cách chi tiêu của chị.

Mỗi khi có bạn bè đến nhà chơi, anh Tuấn lại khoe khoang về thành công của mình và ngầm ý rằng chị Lan không xứng đáng với vị trí của anh. Chị Lan cảm thấy tổn thương và không được tôn trọng. Chị cố gắng nói chuyện với anh Tuấn về cảm xúc của mình, nhưng anh chỉ lảng tránh và nói rằng chị nên tự hào về những gì anh đã đạt được.

a) Anh Tuấn có quyền coi thường vợ vì anh là người kiếm tiền nhiều hơn.

b) Chị Lan nên chấp nhận sự coi thường của anh Tuấn vì anh thành đạt.

c) Việc coi thường vợ là hành vi không tôn trọng và không nên có trong hôn nhân.

d) Chị Lan có thể yêu cầu anh Tuấn thay đổi thái độ của mình.

### Giải thích:

• a (Sai): Không có lý do nào để coi thường người khác dựa trên thu nhập. Mỗi cá nhân đều xứng đáng được tôn trọng.

• b (Sai): Thành đạt không có nghĩa là phải coi thường người khác. Cần tôn trọng và đối xử công bằng trong mối quan hệ.

• c (Đúng): Coi thường vợ là hành vi thiếu tôn trọng, không thể có trong mối quan hệ vợ chồng.

• d (Đúng): Chị Lan có quyền yêu cầu sự tôn trọng và thay đổi thái độ từ anh Tuấn.

### Câu 12: Đọc thông tin sau:

Chị Hương và anh Minh yêu nhau được 3 năm. Họ quyết định sống chung để có thể hỗ trợ nhau trong cuộc sống hàng ngày và tiết kiệm chi phí sinh hoạt. Tuy nhiên, cả hai chưa đăng ký kết hôn vì chị Hương muốn tập trung vào việc học tập để hoàn thành chương trình đại học, trong khi anh Minh cho rằng họ có thể tiếp tục như vậy mà không cần thủ tục pháp lý.

Thời gian trôi qua, mối quan hệ của họ ngày càng sâu sắc. Nhưng khi chị Hương gặp phải một số khó khăn trong học tập và cần sự hỗ trợ về tài chính, anh Minh đã không thể đưa ra quyết định rõ ràng về việc có nên đăng ký kết hôn hay không. Chị Hương cảm thấy lo lắng vì không có sự bảo đảm về mặt pháp lý

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

cho mỗi quan hệ của họ. Một ngày nọ, họ bắt đầu tranh luận về việc liệu có cần thiết phải kết hôn hay không và trách nhiệm của mỗi người trong mỗi quan hệ này.

- Việc sống chung mà không đăng ký kết hôn là một cách thể hiện sự tự do và không cần thiết phải hợp pháp hóa.
- Chị Hương có quyền yêu cầu anh Minh đăng ký kết hôn để bảo vệ quyền lợi của mình.
- Anh Minh không cần phải lo lắng về việc đăng ký kết hôn vì họ đã sống chung như vợ chồng.
- Cả hai nên thảo luận và thống nhất về việc có nên đăng ký kết hôn hay không.

### Giải thích:

- a (Sai): Sống chung không vi phạm pháp luật nhưng không có sự cam kết pháp lý sẽ có nhiều rủi ro về quyền lợi cá nhân.
- b (Đúng): Chị Hương có quyền yêu cầu đăng ký kết hôn để bảo vệ quyền lợi và trách nhiệm.
- c (Sai): Sống chung không đồng nghĩa với việc có sự bảo đảm pháp lý cho quyền lợi của cả hai.
- d (Đúng): Cần thảo luận để thống nhất và giải quyết vấn đề về hôn nhân một cách hợp lý.

### Câu 13: Đọc thông tin sau:

Anh Nam và chị Lan đã kết hôn được 2 năm. Chị Lan xuất thân từ một gia đình có điều kiện trung bình, trong khi anh Nam đến từ một gia đình giàu có. Mặc dù chị Lan đã cố gắng để hòa nhập vào gia đình nhà chồng, nhưng anh Nam thường xuyên có những câu nói thiếu tôn trọng về gia đình vợ.

Một lần, khi cả hai về thăm nhà chị Lan, anh Nam đã bình luận một cách châm biếm về cách bài trí trong nhà, nói rằng nó không sang trọng và không xứng đáng với tiêu chuẩn của anh. Chị Lan cảm thấy rất tổn thương và bối rối, nhưng không biết cách phản ứng ra sao. Khi chị cố gắng nói chuyện với anh về cảm xúc của mình, anh Nam lại cho rằng chị quá nhạy cảm và cần phải chấp nhận sự thật rằng gia đình vợ không thể so sánh với gia đình chồng.

- Anh Nam có quyền coi thường nhà vợ vì gia đình anh có điều kiện tốt hơn.
- Chị Lan không nên bận tâm đến lời nói của anh Nam vì đó chỉ là sự thật.
- Việc coi thường gia đình vợ là hành vi thiếu tôn trọng và có thể gây rạn nứt trong mối quan hệ.
- Anh Nam nên trân trọng gia đình vợ và không đánh giá thấp giá trị của họ.

### Giải thích:

- a (Sai): Không có lý do nào để coi thường gia đình vợ dù gia đình chồng có điều kiện tốt hơn. Mỗi gia đình đều xứng đáng được tôn trọng.
- b (Sai): Mặc dù có sự khác biệt về hoàn cảnh, nhưng chị Lan có quyền cảm thấy tổn thương và không cần phải bỏ qua sự thiếu tôn trọng.
- c (Đúng): Coi thường gia đình vợ là hành vi thiếu tôn trọng, có thể gây rạn nứt mối quan hệ vợ chồng.
- d (Đúng): Anh Nam nên trân trọng gia đình vợ và không đánh giá thấp giá trị của họ để giữ gìn mối quan hệ hòa hợp.

### Câu 14: Đọc thông tin sau:

Anh Hải và chị Mai là một cặp vợ chồng trẻ vừa mới cưới. Trong khi nhiều gia đình đang chuẩn bị cho ngày Tết đoàn viên, anh Hải và chị Mai quyết định lên kế hoạch đi du lịch cùng bạn bè để đón năm mới tại một bãi biển nổi tiếng. Họ cảm thấy rằng đây là cơ hội tuyệt vời để thư giãn và tận hưởng cuộc sống sau những ngày làm việc căng thẳng.

Trước ngày đi, anh Hải đã thông báo cho bố mẹ mình rằng họ sẽ không về nhà để ăn Tết mà sẽ đi du lịch. Bố mẹ anh rất thất vọng vì không chỉ mong chờ được đoàn tụ với con cái mà còn muốn có thời gian bên gia đình trong dịp đặc biệt này. Họ cảm thấy bị bỏ rơi và không được coi trọng.

Khi nhận được phản hồi từ bố mẹ, anh Hải và chị Mai không hiểu lý do tại sao bố mẹ lại buồn và cho rằng việc đi du lịch là lựa chọn cá nhân của họ, không cần phải có trách nhiệm gì với gia đình.

- Anh Hải và chị Mai có quyền đi du lịch vào dịp Tết mà không cần quan tâm đến cảm xúc của bố mẹ.
- Bố mẹ anh Hải có quyền cảm thấy buồn vì con cái không về ăn Tết cùng gia đình.
- Anh Hải nên thuyết phục chị Mai hủy kế hoạch du lịch để có thể về với gia đình vào dịp Tết.
- Anh Hải và chị Mai không cần phải cảm thấy có lỗi vì đã đi du lịch vào Tết.

### Giải thích:

- a (Sai): Việc không quan tâm đến cảm xúc của bố mẹ trong dịp Tết có thể gây tổn thương và làm mất đi sự gắn kết gia đình.



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- b (Đúng): Bố mẹ có quyền cảm thấy buồn khi con cái không về trong dịp Tết vì đây là dịp đoàn tụ quan trọng.
- c (Đúng): Anh Hải nên xem xét lại kế hoạch và thuyết phục chị Mai về với gia đình để không làm tổn thương cảm xúc của bố mẹ.
- d (Sai): Việc không về nhà vào Tết có thể khiến họ cảm thấy có lỗi và cần xem xét lại quyết định để giữ gìn mối quan hệ gia đình.

### Câu 15: Đọc thông tin sau:

Anh Tuấn và chị Lan là một cặp vợ chồng trẻ sống tại Hà Nội. Hai người đều có công việc ổn định và thu nhập hàng tháng khá tốt. Tuy nhiên, gần đây, họ thường xuyên xảy ra tranh cãi về cách quản lý thu nhập trong gia đình.

Chị Lan muốn tiết kiệm một phần thu nhập để chuẩn bị cho tương lai, bao gồm việc mua nhà và tích lũy cho quỹ hưu trí. Trong khi đó, anh Tuấn lại cho rằng họ nên tiêu tiền vào những trải nghiệm như du lịch và ăn uống tại các nhà hàng, vì anh tin rằng cuộc sống cần phải tận hưởng, không nên chỉ biết đến tiết kiệm.

Một ngày nọ, sau khi nhận lương, chị Lan đề xuất rằng họ nên tạo ra một quỹ tiết kiệm chung để đầu tư cho các mục tiêu lâu dài. Anh Tuấn không đồng tình và cho rằng điều đó sẽ khiến họ không còn tiền để tận hưởng cuộc sống hàng ngày. Cả hai bắt đầu tranh cãi về vấn đề này, với mỗi người đều khẳng khái bảo vệ quan điểm của mình.

- a) Việc tiết kiệm là cần thiết để đảm bảo tương lai và quản lý tài chính gia đình hiệu quả.
- b) Anh Tuấn có quyền chi tiêu tự do mà không cần phải bàn bạc với chị Lan.
- c) Cả hai nên tìm một giải pháp chung để quản lý thu nhập sao cho phù hợp với mong muốn của cả hai.
- d) Việc tiêu tiền vào trải nghiệm không cần thiết phải có kế hoạch, chỉ cần làm theo cảm xúc.

### Giải thích:

- a (Đúng): Tiết kiệm là cần thiết để đảm bảo tương lai và giúp gia đình quản lý tài chính hiệu quả.
- b (Sai): Trong một mối quan hệ vợ chồng, cần thảo luận và đồng ý về cách chi tiêu để tránh mâu thuẫn.
- c (Đúng): Cả hai cần tìm giải pháp chung để quản lý tài chính sao cho hợp lý với mong muốn của cả hai.
- d (Sai): Tiêu tiền không có kế hoạch có thể dẫn đến các vấn đề tài chính, cần phải có sự cân nhắc hợp lý.

## BÀI 11. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG HỌC TẬP

### HỆ THỐNG LÝ THUYẾT

#### 1. QUYỀN CỦA CÔNG DÂN TRONG HỌC TẬP.

- Quyền bình đẳng về cơ hội học tập.
- Quyền được học không hạn chế.
- Quyền học bất cứ ngành nghề nào phù hợp với bản thân.
- Quyền học thường xuyên học suốt đời.
- Quyền được tạo điều kiện để phát triển tài năng
- Quyền được tôn trọng, cung cấp đầy đủ các thông tin về việc học tập, rèn luyện.
- Quyền học tập trong môi trường giáo dục an toàn và lành mạnh.

#### 2. NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG HỌC TẬP.

Công dân trong độ tuổi quy định có nghĩa vụ học tập để thực hiện phổ cập giáo dục và hoàn thành giáo dục bắt buộc. Trong học tập, công dân có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật về học tập, tôn trọng quyền học tập của người khác; thực hiện đúng nội quy, tôn trọng nhà giáo, cán bộ và người lao động của cơ sở giáo dục...

**BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1:** Nội dung nào dưới đây thể hiện nghĩa vụ của công dân trong học tập?

- |  |  |
|--|--|
| A. Đăng ký học nâng cao trình độ.              | B. Học tập nâng cao trình độ chuyên môn. |
| C. <u>Thực hiện tốt chương trình giáo dục.</u> | D. Thực hiện đăng ký học trái tuyến.     |

**Câu 2:** Một trong những nội dung của quyền học tập là mọi công dân đều được

- |                                  |  |
|----------------------------------|--|
| A. học chương trình chuyên biệt. | B. miễn học phí toàn phần.             |
| C. ưu tiên chọn trường học.      | D. <u>bình đẳng về cơ hội học tập.</u> |

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 3:** Theo quy định của pháp luật, một trong những nội dung của quyền học tập là mọi công dân đều được

- A. hưởng tất cả ưu đãi B. cộng điểm khu vực. C. miễn, giảm học phí. D. học từ thấp đến cao.

**Câu 4:** Theo quy định của pháp luật, một trong những nội dung của quyền học tập là mọi công dân đều được

- A. bảo mật chương trình học. B. ưu tiên trong tuyển sinh.  
C. thử nghiệm giáo dục quốc tế. D. học bất cứ ngành nghề nào.

**Câu 5:** Trong kì xét tuyển đại học, cao đẳng bạn A đã lựa chọn đăng kí xét tuyển vào ngành kế toán Học viện Ngân hàng vì đã từ lâu A mơ ước trở thành kế toán. Việc làm này thể hiện nội dung nào dưới đây trong thực hiện quyền học tập của A?

- A. Học không hạn chế. B. Bình đẳng về cơ hội học tập.  
C. Học thường xuyên, học suốt đời. D. Học bất cứ ngành nghề nào.

**Câu 6:** Học thường xuyên, học suốt đời nghĩa là mọi công dân được học bằng

- A. các phương tiện hiện đại. B. những cách thức thống nhất,  
C. tất cả giáo trình nâng cao. D. nhiều hình thức khác nhau.

**Câu 7:** Anh P đang theo học ở trường Đại học Y Hà Nội nhưng muốn học thêm một chuyên ngành khác để bổ trợ chuyên môn cho mình nên anh P đã chọn học văn bằng 2 ở một trường Cao đẳng về ngành Dược sỹ. D đã được hưởng quyền nào dưới đây của công dân?

- A. Quyền lao động thường xuyên, liên tục. B. Quyền được phát triển toàn diện.  
C. Quyền học thường xuyên, học suốt đời. D. Quyền tự do học tập.

**Câu 8:** Nội dung nào dưới đây thể hiện nội dung quyền học không hạn chế của công dân?

- A. Học khi được chỉ định. B. Học từ thấp đến cao.  
C. Học thay người đại diện. D. Học theo sự ủy quyền.

**Câu 9:** Theo quy định của pháp luật, một trong những nội dung của quyền học tập là mọi công dân đều được

- A. học không hạn chế B. hưởng mọi ưu đãi. C. miễn, giảm học phí. D. cộng điểm khu vực.

**Câu 10:** Một trong những nội dung cơ bản của quyền học tập là mọi công dân đều được

- A. hưởng tất cả chế độ ưu đãi. B. thay đổi đồng bộ chương trình giáo dục.  
C. điều chỉnh phương thức đào tạo. D. lựa chọn loại hình trường lớp.

**Câu 11:** Công dân có quyền theo học các ngành nghề khác nhau phù hợp với năng khiếu, khả năng, sở thích và điều kiện của mình là thể hiện quyền

- A. học tập không hạn chế. B. bình đẳng về cơ hội học tập.  
C. học bất cứ ngành nghề nào. D. học thường xuyên, học suốt đời.

**Câu 12:** Công dân học từ Tiểu học đến Trung học, đại học và sau đại học là thực hiện quyền học tập của mình ở nội dung nào dưới đây?

- A. Quyền học tập thường xuyên. B. Quyền học bất cứ ngành nghề nào.  
C. Quyền bình đẳng về cơ hội học tập. D. Quyền học không hạn chế.

**Câu 13:** Đối với người khác, hành vi nào dưới đây vi phạm quyền học tập của công dân?

- A. Từ bỏ quyền học tập suốt đời. B. Từ chối quyền lợi của bản thân.  
C. Xúc phạm nhân thân người học. D. Bảo vệ danh dự người học.

**Câu 14:** Công dân vi phạm quyền và nghĩa vụ trong học tập của người khác khi cố ý

- A. hỗ trợ học tập cho học sinh giỏi. B. xâm phạm lợi ích chính đáng người học.  
C. bảo vệ quyền lợi của học sinh khuyết tật. D. chia sẻ nội dung giáo dục hòa nhập.

**Câu 15:** Quan điểm nào dưới đây **sai** khi nói về quyền học tập của công dân?

- A. Quyền học thường xuyên, học suốt đời để nâng cao trình độ.  
B. Quyền học tập khi có sự đồng ý của các cơ quan có thẩm quyền.  
C. Quyền học bất cứ ngành, nghề nào.  
D. Quyền học tập không hạn chế.

**Câu 16:** Quyền học tập của công dân thể hiện ở nội dung nào sau đây?

- A. Học vượt cấp, trước tuổi. B. Cấp học bổng toàn phần.  
C. Học không hạn chế. D. Hưởng trợ cấp xã hội.

**Câu 17:** Công dân có thể học bằng nhiều hình thức khác nhau phù hợp với khả năng và điều kiện của mình là thực hiện hình thức học

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

A. chương trình song ngữ. B. giáo trình liên thông. C. thường xuyên, suốt đời. D. gián đoạn, chuyển tiếp.

**Câu 18:** Công dân có quyền học phù hợp với năng khiếu, khả năng, sở thích và điều kiện của mình là thực hiện quyền học tập ở nội dung nào dưới đây?

- A. Quyền học bất cứ ngành nghề nào. B. Quyền học thường xuyên, học suốt đời.  
C. Quyền bình đẳng về cơ hội học tập. D. Quyền học không hạn chế.

**Câu 19:** Luật Giáo dục quy định Nhà nước và cộng đồng giúp đỡ để người nghèo được học tập, tạo điều kiện để người có năng khiếu phát triển tài năng. Điều này thể hiện nội dung nào dưới đây của quyền học tập?

- A. Xã hội hoá sự nghiệp giáo dục. B. Mở rộng quy mô giáo dục.  
C. Thực hiện công bằng trong giáo dục. D. Ưu tiên đầu tư cho giáo dục.

**Câu 20:** Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, đặc điểm cá nhân, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế là thể hiện nội dung nào trong quyền học tập của công dân?

- A. Quyền học bất cứ ngành nghề nào. B. Quyền bình đẳng về cơ hội học tập.  
C. Quyền học thường xuyên, học suốt đời. D. Quyền học không hạn chế.

**Câu 21:** Phát biểu nào dưới đây là **sai** về quyền học tập của công dân?

- A. Học thường xuyên, học suốt đời là quyền của mỗi công dân  
B. Nếu đủ điều kiện công dân có quyền học bất cứ ngành, nghề nào.  
C. Quyền học tập khi có sự đồng ý của các cơ quan có thẩm quyền.  
D. Mọi công dân có đều có quyền học tập không hạn chế.

**Câu 22:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền công dân trong học tập?

- A. Học bất cứ ngành, nghề nào phù hợp. B. Học từ thấp đến cao.  
C. Học bằng nhiều hình thức khác nhau. D. Học theo sự ủy quyền.

**Câu 23:** Công dân được lựa chọn học những ngành nghề phù hợp với khả năng và điều kiện của mình là thể hiện nội dung nào dưới đây của quyền học tập ?

- A. Được hưởng đời sống tinh thần. B. Tự vấn nghề nghiệp miễn phí.  
C. Học bất cứ ngành nghề nào. D. Sáng tạo không giới hạn.

**Câu 24:** Hành vi nào dưới đây vi phạm quyền và nghĩa vụ học tập của công dân

- A. Học sinh tham gia các hoạt động nghệ thuật do nhà trường tổ chức.  
B. Sinh viên đủ tiêu chuẩn được nhận vào học đúng ngành đăng kí.  
C. Trong thời gian dịch bệnh sinh viên được nghỉ học tạm thời theo quy định.  
D. Cha mẹ ngăn cấm con tham gia các hoạt động tập thể của trường lớp.

**Câu 25:** Mọi công dân được học từ thấp đến cao, từ mầm non đến tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học và sau đại học theo quy định của pháp luật là thể hiện nội dung nào trong quyền học tập của công dân?

- A. Quyền bình đẳng về cơ hội học tập. B. Quyền học bất cứ ngành nghề nào.  
C. Quyền học không hạn chế. D. Quyền học thường xuyên, học suốt đời.

**Câu 26:** Phát biểu nào dưới đây là **sai** về quyền học tập của công dân?

- A. Mọi công dân đều có quyền học tập suốt đời.  
B. Mọi công dân đều có quyền học tập bất kì ngành nghề nào.  
C. Mọi công dân đều có quyền học tập hạn chế.  
D. Mọi công dân đều có quyền học tập từ thấp đến cao.

**Câu 27:** Một trong những nội dung của quyền học tập là mọi công dân đều được

- A. học vượt cấp vượt lớp. B. ấn định học phí thường niên.  
C. học thường xuyên, học suốt đời. D. tiếp nhận học bổng danh dự.

**Câu 28:** Mọi công dân đều có quyền được học

- A. giáo trình nâng cao. B. chương trình liên kết. C. không bị hạn chế. D. theo chủ đề tự chọn.

**Câu 29:** Nội dung nào dưới đây vi phạm nghĩa vụ học tập của công dân?

- A. Vận động trẻ tới lớp. B. Xuyên tạc nội dung giáo dục.  
C. Bảo vệ quyền lợi người học. D. Hỗ trợ học bổng học tập.

**Câu 30:** Nội dung quyền học tập của công dân thể hiện ở việc, công dân có quyền học bất cứ ngành nghề nào phù hợp với

- A. định hướng nhà trường. B. khả năng bản thân. C. nhu cầu xã hội. D. yêu cầu của bố mẹ.

**Câu 31:** Công dân có quyền học thường xuyên, học suốt đời nghĩa là công dân được học bằng

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- A. nhiều hình thức khác nhau. B. những sở thích của mình.  
C. các phương tiện hiện đại. D. những cách thức thông nhất.
- Câu 32:** Mọi công dân đều được học thường xuyên, học suốt đời có nghĩa là  
A. học trong độ tuổi cho phép theo quy định. B. học các cấp học khác nhau.  
C. học bằng nhiều hình thức khác nhau. D. học không phân biệt giới tính.
- Câu 33:** Hành vi nào dưới đây **không** thể hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong học?  
A. Bạn G đã giúp đỡ bạn N cùng lớp để bạn N học tốt môn Tiếng Anh.  
B. Anh D là sinh viên của trường đại học X đã tích cực tham gia các hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội.  
C. Trường đại học B quyết định tuyển thẳng bạn K là học sinh đội tuyển Olympic Hoá học quốc tế.  
D. Trường trung học phổ thông A đã xây dựng và thực hiện chương trình định hướng nghề nghiệp cho học sinh, đặc biệt là học sinh bị khuyết tật.
- Câu 34:** Phát biểu nào dưới đây thể hiện nội dung quyền không hạn chế của công dân?  
A. Công dân chủ động học bất cứ ngành nghề nào yêu thích.  
B. Chủ động lựa chọn hình thức học tập phù hợp bản thân.  
C. Học mọi bậc học thông qua thi tuyển hoặc xét tuyển.  
D. Học ở bất cứ trường nào mà không qua thi tuyển.
- Câu 35:** Mọi công dân có thể học tập bằng nhiều hình thức và ở các loại hình trường, lớp khác nhau là thực hiện nội dung quyền  
A. dự thi lấy chứng chỉ nghề. B. đổi mới giáo trình nâng cao.  
C. học thường xuyên, học suốt đời. D. lựa chọn chương trình song ngữ.
- Câu 36:** Theo quy định của pháp luật, một trong những nội dung của quyền học tập là mọi công dân đều được  
A. học thường xuyên, học suốt đời. B. miễn, giảm học phí.  
C. đặc cách trong tất cả các kì thi. D. cộng điểm ưu tiên.
- Câu 37:** Mặc dù đã được nhắc nhở về nội quy phòng thi nhưng bạn C vẫn có những hành vi gian lận trong thi cử. Hành vi này đã vi phạm nội dung nào dưới đây?  
A. Quyền tự do của công dân. B. Nghĩa vụ học tập của công dân.  
C. Quyền được phát triển của công dân. D. Nghĩa vụ dân sự của công dân.
- Câu 38:** Một trong những nội dung cơ bản của quyền học tập là mọi công dân đều được  
A. cấp học bổng toàn phần. B. thay đổi đồng bộ chương trình.  
C. điều chỉnh phương thức đào tạo. D. học bằng nhiều hình thức.
- Câu 39:** Theo quy định của pháp luật, một trong nội dung của quyền học tập là mọi công dân đều được  
A. ưu tiên trong tuyển sinh. B. học thường xuyên, học suốt đời.  
C. bảo mật chương trình học. D. thử nghiệm giáo dục quốc tế.
- Câu 40:** Tất cả sinh viên đều phải tham gia và hoàn thành khoá học quân sự trong nhà trường là thể hiện nghĩa vụ nào của công dân trong học tập?  
A. Tôn trọng cán bộ, giảng viên. B. Tham gia hoạt động tập thể,  
C. Chấp hành quy định của pháp luật. D. Rèn luyện theo chương trình đào tạo.
- Câu 41:** Biện pháp nào dưới đây **không** áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ trong học tập của công dân?  
A. Xử lý hình sự. B. Thỏa hiệp bỏ qua. C. Xử lý kỷ luật. D. Xử phạt hành chính.
- Câu 42:** Công dân có thể học ở hệ chính quy hoặc giáo dục thường xuyên tùy thuộc vào điều kiện, công việc của mỗi người là thực hiện quyền học ở nội dung nào dưới đây?  
A. Học từ thấp đến cao. B. Học thường xuyên, suốt đời.  
C. Học không hạn chế. D. Học bất cứ ngành, nghề nào.
- Câu 43:** Mặc dù bố mẹ A muốn con trở thành bác sĩ nhưng A lại đăng kí vào trường sư phạm. A đã vận dụng quyền học tập ở nội dung nào dưới đây?  
A. Học theo chỉ định, B. Học vượt cấp, vượt lớp.  
C. Học thường xuyên, liên tục. D. Học bất cứ ngành, nghề nào.
- Câu 44:** Một trong những nội dung cơ bản của quyền học tập là mọi công dân được  
A. miễn học phí toàn phần. B. bình đẳng về cơ hội học tập.  
C. đào tạo mọi ngành nghề. D. ưu tiên chọn trường học.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- Câu 45:** Theo quy định của pháp luật, một trong những nội dung của quyền học tập là mọi công dân đều được
- A. hưởng trợ cấp khó khăn  
B. học từ thấp đến cao  
C. đặc cách khi xét tuyển  
D. cấp học bổng toàn phần
- Câu 46:** Mọi công dân đều được học ở các trường cao đẳng, đại học thông qua tuyển sinh là thể hiện nội dung quyền học
- A. theo chỉ định.  
B. liên thông.  
C. trực tuyến.  
D. không hạn chế.
- Câu 47:** Công dân có thể học ở hệ chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, học ban ngày hoặc buổi tối là nội dung quyền
- A. bình đẳng về cơ hội.  
B. học bất cứ ngành nghề nào.  
C. học không hạn chế.  
D. học thường xuyên, học suốt đời.
- Câu 48:** Khi thực hiện quyền học tập của mình, công dân có nghĩa vụ
- A. học thường xuyên, suốt đời.  
B. từ chối đóng học phí.  
C. tôn trọng nội quy trường lớp.  
D. học vượt cấp, vượt lớp.
- Câu 49:** Nội dung nào dưới đây **không** thuộc quyền học tập của công dân?
- A. Học từ thấp đến cao.  
B. Học bằng nhiều hình thức khác nhau,  
C. Học bất cứ ngành, nghề nào phù hợp.  
D. Học theo sự ủy quyền.
- Câu 50:** Nội dung nào dưới đây thể hiện quyền học không hạn chế của công dân?
- A. Học khi được chỉ định.  
B. Học theo sự ủy quyền,  
C. Học thay người đại diện.  
D. Học từ thấp đến cao.
- Câu 51:** Cùng với việc thực hiện quyền học tập của mình, công dân có nghĩa vụ
- A. học tập suốt đời.  
B. tôn trọng nhà giáo.  
C. học tập thường xuyên.  
D. học không hạn chế.
- Câu 52:** Mọi công dân có thể học tập bằng nhiều hình thức và ở các loại hình trường, lớp khác nhau là thực hiện nội dung quyền
- A. đổi mới giáo trình nâng cao.  
B. học thường xuyên, học suốt đời.  
C. dự thi lấy chứng chỉ nghề.  
D. lựa chọn chương trình song ngữ.
- Câu 53:** Một trong những nội dung cơ bản của quyền học tập là mọi công dân đều được
- A. cấp học bổng.  
B. học suốt đời.  
C. học vượt cấp.  
D. miễn học phí.
- Câu 54:** Nội dung nào dưới đây thể hiện nghĩa vụ của công dân trong học tập?
- A. Tôn trọng nội quy học tập.  
B. Chủ động bổ sung kiến thức.  
C. Học vượt lớp, vượt cấp.  
D. Học tập nâng cao trình độ.
- Câu 55:** Một trong những nghĩa vụ của công dân trong học tập, thể hiện ở việc công dân có trách nhiệm hoàn thành
- A. mọi quan hệ đối ngoại.  
B. mọi chứng chỉ hành nghề.  
C. giáo dục tự nguyện.  
D. giáo dục bắt buộc.
- Câu 56:** Trong kì xét tuyển đại học, cao đẳng bạn A đã lựa chọn đăng kí xét tuyển vào ngành kế toán Học viện Ngân hàng vì đã từ lâu A mơ ước trở thành kế toán. Việc làm này thể hiện nội dung nào dưới đây trong thực hiện quyền học tập của A?
- A. Học bất cứ ngành nghề nào.  
B. Bình đẳng về cơ hội học tập.  
C. Học không hạn chế.  
D. Học thường xuyên, học suốt đời.
- Câu 57:** Người có hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ trong học tập của người khác khi
- A. tố cáo hành vi vi phạm trong học tập.  
B. chủ động cung cấp thông tin học tập.  
C. đấu tranh bảo vệ người học.  
D. làm sai lệch kết quả học tập.
- Câu 58:** Một trong những nội dung cơ bản của quyền học tập là mọi công dân đều được
- A. hưởng mọi ưu đãi.  
B. cấp học bổng toàn phần.  
C. học không hạn chế.  
D. điều chỉnh quy mô đào tạo.
- Câu 59:** Hoạt động nào dưới đây **không** phải là quyền học tập của công dân?
- A. Trường trung học phổ thông E đã thực hiện hoạt động “Hòm thư góp ý” nhằm giúp học sinh tham gia xây dựng trường lớp.  
B. Trường trung học phổ thông A đã trao học bổng cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn.  
C. Công đoàn trường trung học phổ thông N tổ chức cuộc thi “Day tốt – Học tốt”

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

D. Đoàn Thanh niên trường trung học phổ thông M đã tổ chức hoạt động tu vấn sức khoẻ, tâm lí cho học sinh.

**Câu 60:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền và nghĩa vụ học tập của công dân?

- A. Công dân được cung cấp đầy đủ các thông tin trong quá trình học tập.
- B. Công dân tố cáo các hành vi vi phạm quyền học tập của công dân.
- C. Công dân được tôn trọng về nhân phẩm, danh dự trong học tập.
- D. Công dân được hưởng đời sống vật chất và tinh thần đầy đủ.

**Câu 61:** Theo quy định của pháp luật, một trong những nội dung của quyền học tập là mọi công dân đều được

- A. miễn, giảm học phí.
- B. học bằng nhiều hình thức.
- C. cộng điểm ưu tiên.
- D. đặc cách xét tốt nghiệp.

**Câu 62:** Nhận thấy em N có năng lực trong tính toán, cô giáo đã tạo điều kiện cho N tham gia đội tuyển học sinh giỏi Toán cấp trường. Việc làm này của cô giáo đã góp phần thực hiện quyền nào của công dân?

- A. Quyền tự do.
- B. Quyền học tập.
- C. Quyền sáng tạo.
- D. Quyền bình đẳng.

**Câu 63:** Một trong những nội dung của quyền học tập là mọi công dân đều được

- A. chuyên nhượng bản quyền tác giả.
- B. học thường xuyên, học suốt đời.
- C. chuyên nhượng bản quyền sáng chế.
- D. học vượt cấp, vượt lớp.

**Câu 64:** Một trong những nội dung của quyền học tập là công dân được

- A. hưởng mọi chính sách ưu đãi.
- B. tự điều chỉnh kết quả tuyển sinh.
- C. học thường xuyên, học suốt đời.
- D. từ bỏ phương pháp học truyền thống.

**Câu 65:** Một trong những nội dung cơ bản của quyền học tập là mọi công dân đều được

- A. hưởng tất cả chế độ ưu đãi.
- B. lựa chọn loại hình trường lớp.
- C. thay đổi đồng bộ chương trình giáo dục.
- D. điều chỉnh phương thức đào tạo.

**Câu 66:** Công dân có thể học bằng nhiều hình thức khác nhau và học ở các loại hình trường, lớp khác nhau là biểu hiện của quyền học tập ở nội dung

- A. học bất cứ nơi nào.
- B. bình đẳng về cơ hội học tập.
- C. học thường xuyên, học suốt đời.
- D. học không hạn chế.

**Câu 67:** Do không đủ điều kiện để theo học đại học sau khi tốt nghiệp THPT, nên H đã lựa chọn hệ vừa học vừa làm. Trong trường hợp này, H đã thực hiện quyền học tập ở nội dung nào dưới đây?

- A. Học không hạn chế.
- B. Học bất cứ ngành nghề nào.
- C. Học thường xuyên, học suốt đời.
- D. Học từ thấp đến cao.

**Câu 68:** Phát biểu nào dưới đây sai về quyền học tập của công dân?

- A. Công dân có quyền học thường xuyên, học suốt đời.
- B. Công dân có quyền học tập theo yêu cầu của gia đình.
- C. Công dân có thể học bất cứ ngành, nghề nào.
- D. Mọi công dân đều có quyền học tập không hạn chế.

**Câu 69:** Công dân hoàn thành tốt các chương trình giáo dục theo quy định là thực hiện nội dung nào dưới đây về quyền và nghĩa vụ của công dân trong học tập?

- A. Nghĩa vụ.
- B. Hậu quả pháp lý.
- C. Quyền.
- D. Trách nhiệm pháp lý.

**Câu 70:** Một trong những nội dung của quyền học tập là bất kì công dân nào cũng được

- A. hoàn trả kinh phí đào tạo.
- B. hưởng các loại phụ cấp.
- C. tự quyết định học bổng.
- D. học bằng nhiều hình thức.

**Câu 71:** Quyền học tập của công dân là thuộc nhóm quyền nào dưới đây?

- A. Quyền kinh tế.
- B. Quyền chính trị.
- C. Quyền dân sự.
- D. Quyền văn hoá.

**Câu 72:** Công dân thực hiện quyền học thường xuyên, học suốt đời trong trường hợp nào sau đây?

- A. Bảo mật quan điểm cá nhân.
- B. Định kỳ bồi dưỡng chuyên môn.
- C. Bác bỏ giáo dục truyền thống.
- D. Từ chối hoạt động hướng nghiệp.

**Câu 73:** Công dân thực hiện đúng nghĩa vụ của mình trong học tập khi thực hiện tốt việc làm nào dưới đây?

- A. Từ chối nhập học đúng đối tượng.
- B. Xúc phạm nhân phẩm người dạy.
- C. Tố cáo hành vi tiêu cực trong học tập.
- D. Khiêu nại quyền lợi học tập của mình.

**Câu 74:** Công dân tuân thủ các quy định của pháp luật về độ tuổi tham gia học tập là thực hiện tốt nội dung nào dưới đây về quyền và nghĩa vụ của công dân trong học tập?

- A. Trách nhiệm pháp lý.
- B. Nghĩa vụ.
- C. Hậu quả pháp lý.
- D. Quyền.

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 75:** Mọi công dân đều được học ở các trường cao đẳng, đại học thông qua tuyển sinh là thể hiện nội dung quyền học tập ở nội dung nào dưới đây?

- A. Học theo chỉ định.      B. Học trực tuyến.      C. Học không hạn chế.      D. Học liên thông.

**Câu 76:** Công dân thực hiện đúng nghĩa vụ của mình trong học tập khi thực hiện tốt việc làm nào dưới đây?

- A. Từ chối giáo dục bắt buộc.      B. Đăng ký hệ vừa học vừa làm.  
C. Thực hiện nội quy học tập.      D. Bổ sung kiến thức chuyên ngành.

**Câu 77:** Công dân có thể học bằng nhiều hình thức khác nhau phù hợp với khả năng và điều kiện của mình là thực hiện hình thức học

- A. chương trình song ngữ.      B. thường xuyên, suốt đời.  
C. gián đoạn, chuyên tiếp.      D. giáo trình liên thông.

**Câu 78:** Theo quy định của pháp luật, nhà nước tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc thiểu số có cơ hội được học tập nâng cao trình độ là góp phần tạo điều kiện để công dân thực hiện quyền học tập ở nội dung nào dưới đây?

- A. Quyền học thường xuyên, học suốt đời.      B. Quyền bình đẳng trong học tập.  
C. Quyền học bất cứ ngành nghề nào.      D. Quyền học không hạn chế.

**Câu 79:** Một trong những nội dung cơ bản của quyền học tập là mọi công dân đều được

- A. cấp học bổng.      B. học suốt đời.      C. học vượt cấp.      D. miễn học phí.

**Câu 80:** Đối với người khác, hành vi nào dưới đây vi phạm quyền học tập của công dân?

- A. Trợ giúp trẻ khuyết tật.      B. Từ chối nhập học chính đáng.  
C. Hỗ trợ học hòa nhập.      D. Từ chối làm sai lệch kết quả.

**Câu 81:** Chính sách cộng điểm ưu tiên trong tuyển sinh đại học, cao đẳng cho học sinh là người dân tộc thiểu số góp phần tạo điều kiện để công dân thực hiện quyền học tập ở nội dung nào dưới đây?

- A. Điều kiện hưởng thụ các giá trị văn hóa.      B. Điều kiện chăm sóc về thể chất.  
C. Điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa.      D. Điều kiện học tập không hạn chế.

**Câu 82:** H có năng khiếu về âm nhạc và đã thi đỗ vào Trường Học Viện Âm Nhạc Quốc Gia Việt Nam nhưng bố mẹ bắt H nghỉ học và làm công nhân may để phụ giúp kinh tế gia đình. Bố mẹ H đã vi phạm quyền nào dưới đây của công dân?

- A. Sáng tạo.      B. Thể hiện tài năng.      C. Học tập.      D. Bình đẳng.

**Câu 83:** Theo quy định của pháp luật, một trong những nội dung của quyền học tập là một công dân đều được

- A. miễn, giảm học phí.      B. đặc cách xét tuyển.      C. cộng điểm ưu tiên.      D. học không hạn chế.

**Câu 84:** Chính sách miễn giảm học phí của Nhà nước ta đã tạo điều kiện giúp đỡ nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn được học tập góp phần tạo điều kiện để công dân thực hiện quyền học tập ở nội dung nào dưới đây?

- A. Chủ trương phát triển giáo dục.      B. Định hướng đổi mới giáo dục.  
C. Bất bình đẳng trong giáo dục.      D. Công bằng xã hội trong giáo dục.

**Câu 85:** Theo quy định của pháp luật, học sinh trung học phổ thông thuộc hộ nghèo được hỗ trợ chi phí học tập. Điều đó thể hiện nội dung nào dưới đây trong quyền học tập của công dân?

- A. Học bất cứ ngành, nghề nào.      B. Bình đẳng về cơ hội học tập.  
C. Học không hạn chế.      D. Học thường xuyên, suốt đời.

**Câu 86:** Công dân thực hiện quyền học không hạn chế trong trường hợp nào sau đây?

- A. Đề xuất tham vấn tâm lí.      B. Được đào tạo sau đại học.  
C. Tiếp nhận trợ cấp thất nghiệp.      D. Tự do tìm kiếm việc làm.

**Câu 87:** Theo quy định của pháp luật, nội dung quyền học tập của công dân còn có ý nghĩa là mọi công dân đều

- A. không có quyền học suốt đời.      B. bị cấm học ngành mà mình không thích.  
C. phải học tới một trình độ nhất định.      D. được đối xử bình đẳng về cơ hội học tập.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi

Các bạn X, M, K và P cùng học lớp 12, nhưng gia đình của X và M nghèo nên hai bạn quyết định đi làm công nhân sau khi thi tốt nghiệp. Hai bạn K và P làm hồ sơ thi vào hai trường đại học có khả năng lấy điểm chuẩn khác nhau. K học giỏi và đều các môn nên chọn thi vào trường lấy điểm cao. P chọn thi vào trường lấy điểm chuẩn thấp để phù hợp sức học của mình. Kết quả K và P đều trúng tuyển vào trường mình chọn.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

Sau 3 năm làm công nhân, nhận thấy việc học tập nâng cao trình độ sẽ hỗ trợ tốt cho việc làm của bản thân, anh X và anh M đã đăng ký học lấy bằng đại học hệ vừa làm vừa học và đã đủ điều kiện tham gia học tập.

**Câu 89:** Thông tin trên cho biết những chủ thể nào dưới đây đã thực hiện quyền học tập không hạn chế?

- A. K và P.                      B. K, P và M.                      C. X và M.                      D. X, M và P

**Câu 90:** Để thực hiện quyền học tập của mình, anh X và anh M đã lựa chọn hình thức học tập nào dưới đây?

- A. Học thường xuyên, suốt đời.                      B. Học tập không hạn chế.  
C. Bình đẳng về cơ hội học tập.                      D. Nhận hỗ trợ trong học tập.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi

Học xong lớp 12, P tham dự kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông và đạt số điểm rất cao khối A00, tuy nhiên, gia đình khó khăn không có điều kiện cho em thực hiện ước mơ học đại học. Khi biết tin, chính quyền địa phương cùng các cá nhân, cơ quan, tổ chức đã đến động viên, thăm hỏi, tặng quà và trao học bổng để giúp P tiếp tục đi học. Nhận được sự hỗ trợ kịp thời, P rất xúc động, em quyết định đăng kí học ngành công nghệ thông tin yêu thích ở trường đại học gần nhà để thực hiện ước mơ của mình

**Câu 92:** Nội dung nào dưới đây trong thông tin trên thể hiện quyền học không hạn chế của bạn P?

- A. Có số điểm thi cao theo khối                      B. Chính quyền chung tay hỗ trợ.  
C. Được trao học bổng để theo học.                      D. Quyết tâm để học Đại học.

**Câu 93:** Nội dung nào dưới đây góp phần vào việc thực hiện quyền bình đẳng của công dân trong học tập?

- A. Trao học bổng để hỗ trợ khó khăn.                      B. Tham dự thi tốt nghiệp phổ thông.  
C. Mơ ước theo học bậc học Đại học.                      D. Thăm hỏi động viên về tinh thần.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi

Vì muốn con được vào lớp chất lượng cao trong trường chuyên của tỉnh, chị H nhờ ông B hiệu trưởng và được ông đồng ý với số tiền là 200 triệu đồng. Sau khi nhận tiền, ông B đã cùng với bà P phó hiệu trưởng làm giả một số giấy tờ để cho con chị H đủ điều kiện. Do lớp chất lượng cao chỉ cho phép một số lượng học sinh cố định nên sau khi nhận con chị H vào ông B hiệu trưởng đã chuyển cháu S xuống lớp đại trà với lý do là kết quả học tập thấp nên bị bố cháu S là ông K làm đơn tố cáo tới cơ quan chức năng.

**Câu 95:** Chủ thể nào trong thông tin trên đã vi phạm quyền học tập của công dân?

- A. Chị H và ông B.                      B. Chị H, bà P và ông K.  
C. Chị H, ông B và bà P.                      D. Ông B và bà P.

**Câu 96:** Chủ thể nào trong thông tin trên chưa tôn trọng nghĩa vụ học tập của người khác?

- A. Ông B và ông K.                      B. Chị H và con.                      C. Chị H và ông B                      D. Ông K và cháu S.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi

Ông H nhận bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông ở tuổi 68 khiến bạn bè và người thân không khỏi ngỡ ngàng. Ông chia sẻ rằng, lúc còn trẻ ông rất thích đi học, nhưng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông chỉ được học đến hết lớp 11. Để có thể tốt nghiệp kì thi này, ông đã đăng ký tham gia học tập văn hóa lớp 12 tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên của quận. Trong suốt quá trình học tập tại đây, ngoài việc nghiêm chỉnh chấp hành nội quy của Trung tâm, ông H còn không ngừng cố gắng tự học. Ông hi vọng rằng tinh thần hiếu học của bản thân sẽ lan toả được đến các con, cháu của mình.

**Câu 98:** Nội dung nào trong thông tin trên **không** thể hiện quyền của người học?

- A. Thực hiện tốt nội quy đề ra.                      B. Lựa chọn hình thức học tập.  
C. Tự học tập, tự nghiên cứu.                      D. Đăng ký học lấy bằng THPT.

**Câu 99:** Thông tin trên thể hiện ông H đã lựa chọn hình thức học tập nào dưới đây?

- A. Vừa học vừa làm.                      B. Học thông qua sự ủy quyền  
C. Học thường xuyên, suốt đời.                      D. Học không hạn chế.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi

Ông B có hai người con. Mặc dù điều kiện kinh tế của gia đình ông không khó khăn nhưng ông cho rằng con gái thì không cần học nhiều mà chỉ cần lấy chồng có điều kiện kinh tế là được. Vì vậy, khi con gái ông là chị T học hết lớp 9, ông không cho chị tiếp tục học THPT mà ở nhà phụ giúp công việc gia đình. Anh C là con trai của ông B sau khi học hết THPT thì rất muốn tiếp tục theo học ngành Mĩ thuật của một trường cao đẳng vì anh có năng khiếu và rất yêu thích công việc liên quan đến lĩnh vực này, thấy được nguyện vọng của anh C, ông B đã động viên và tạo điều kiện để anh C ôn luyện và tham gia thi tuyển. Kết quả anh C đã trúng tuyển vào trường Đại học phù hợp với nguyện vọng của mình.

**Câu 101:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền học tập của anh C?



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

A. Được học tập không hạn chế.

B. Được hỗ trợ về chi phí học tập.

C. Được học tập ngành yêu thích.

D. Được học bất kỳ ngành nghề nào.

**Câu 102:** Nội dung nào dưới đây thể hiện ông B đã vi phạm nghĩa vụ của công dân trong học tập?

A. Không cho con đi học tiếp.

B. Quan tâm động viên con.

C. Yêu cầu con phụ giúp bố mẹ.

D. Tạo điều kiện để con đi học.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1:** Đọc đoạn thông tin sau:

Gần đây, Trường Đại học C tổ chức kì thi kết thúc học phần nhưng do không nắm vững kiến thức các môn học nên M (sinh viên Trường Đại học C) quyết định tìm người thi hộ. Thông qua mạng xã hội, M thuê B (sinh viên một trường đại học khác trên địa bàn) thi hộ hai môn chuyên ngành với giá 600.000 đồng/môn. Tuy nhiên, khi B đang sử dụng giấy tờ giả để tham dự kì thi hộ M thì đã bị giám thị phát hiện. Sau đó các cơ quan chức năng đã tiến hành xử lý hành vi vi phạm của cả M và B bằng hình thức đuổi học.

a) Sinh viên M đã vi phạm quyền học tập của sinh viên B. *Sai, đây là hành vi vi phạm nghĩa vụ học tập của công dân, ở đây cả M và B đều vi phạm nghĩa vụ học tập của công dân.*

b) Bạn M và B đều được học tập tại các trường đại học là thực hiện quyền học tập của công dân. *Đúng, các bạn được tham gia thi tuyển hoặc xét tuyển vào các trường đại học để theo học.*

c) Việc cơ quan chức năng tiến hành đuổi học bạn M và bạn B là vi phạm quyền học tập của công dân. *Sai, căn cứ quy định của pháp luật nên cơ quan chức năng tiến hành kỷ luật M và B vì vi phạm là phù hợp.*

d) Việc bạn M và bạn B khiếu nại quyết định kỷ luật đối với mình là không phù hợp vì hành vi của 2 người là cụ thể. *Sai, bạn M và bạn B vẫn có quyền khiếu nại nếu thấy mức kỷ luật đối với bản thân mình là quá nặng.*

**Câu 2:** Đọc đoạn thông tin sau:

Trước đây, điều kiện gia đình khó khăn nên ông Đ phải nghỉ học giữa chừng để kiếm tiền phụ giúp bố mẹ. Mỗi khi nhìn bạn bè theo đuổi con đường học tập, ông luôn cảm thấy tiếc nuối. Khi lập gia đình và có con, ông Đ đặt hết mọi kì vọng của bản thân lên các con của mình. Vì vậy, ông luôn cố gắng tạo điều kiện về kinh tế để các con yên tâm học tập nhưng lại luôn so sánh, tạo sức ép, bắt các con phải tập trung học tập, ngăn cấm các con tham gia những hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao và những hoạt động xã hội khác. Gần đây, khi nhận tin con trai cả không thi đỗ vào trường chuyên của tỉnh, ông Đ vô cùng tức giận. Ông dùng nhiều lời lẽ tiêu cực để so sánh con với các bạn học khác và tuyên bố không cho con đi học.

a) Ông Đ bị xâm phạm đến quyền học tập của công dân. *Sai, việc ông Đ nghỉ học giữa chừng là do gia đình có hoàn cảnh khó khăn chứ không phải do người khác can thiệp.*

b) Các con của ông Đ đã được thực hiện tốt quyền học tập của mình. *Đúng, điều này thể hiện ở việc ông Đ luôn tạo điều kiện tốt để các con được học tập.*

c) Việc cấm các con không được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ để học tập là phù hợp với quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con. *Sai, trong gia đình, cha mẹ có nghĩa vụ và trách nhiệm tạo điều kiện cho con cái phát triển toàn diện. Việc tạo điều kiện cho con học tập là đúng nhưng việc ngăn cản các con tham gia các hoạt động văn hóa là chưa phù hợp.*

d) Việc dùng lời lẽ tiêu cực và so sánh kết quả học tập của con mình với các bạn khác của ông Đ là hành vi xâm phạm đến quyền của công dân trong gia đình và trong học tập. *Đúng, đây là việc làm đã xâm phạm đến quyền và nghĩa vụ giữa các thành viên trong gia đình và quyền học tập của công dân.*

**Câu 3:** Đọc đoạn thông tin sau:

S là sinh viên năm thứ nhất của một trường đại học. Sau khi tìm hiểu các quy định của trường, S đã quyết định đăng kí thêm các môn học khác so với chương trình tiêu chuẩn mỗi học kì. S nhận thấy các môn có sự liên kết nhất định với nhau và nếu tích lũy đủ các tín chỉ theo chương trình đào tạo có thể ra trường sớm hơn so với các bạn. Biết được ý định của con, bố mẹ đã ra sức phản đối không cho S đăng kí học vượt với lí do không phù hợp với trình độ nhận thức nhưng S vẫn làm hồ sơ đăng ký học thêm và được chấp nhận. Tuy nhiên do không sắp xếp được giữa việc học và đi làm thêm nên sau một năm đăng ký học thêm, S không đủ điều kiện được học tiếp.

a) Sinh viên S đã được thực hiện quyền học tập của mình một cách phù hợp. *Đúng ở đây S đã thực hiện quyền tự do lựa chọn học tập của công dân. Theo quy định của pháp luật, mỗi công dân có quyền tự do lựa chọn học bất cứ ngành nghề nào phù hợp với khả năng, năng khiếu, sở thích và điều kiện của bản thân.*

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

b) Việc phản đối của bố mẹ S là vi phạm quyền học tập của công dân. Đúng, vì việc học tập và đăng ký học tiếp do S tự quyết định có thể tham khảo ý kiến của bố mẹ nếu cảm thấy phù hợp.

c) Việc không đủ điều kiện được học tiếp các của sinh viên S không vi phạm nghĩa vụ học tập của công dân. Sai, công dân khi đã đăng ký theo học phải có trách nhiệm thực hiện tốt các quy định và hoàn thành nhiệm vụ được giao, việc không hoàn thành nhiệm vụ học tập và không được học tiếp là đã không thực hiện tốt nghĩa vụ học tập của công dân.

d) Sinh viên S có quyền được khiếu nại đề nhà trường xem xét lại quyết định không cho học tiếp đối với bản thân mình. Đúng, nếu thấy việc không cho học tiếp của nhà trường là xâm phạm đến lợi ích của mình, sinh viên S có thể làm đơn khiếu nại đề nghị nhà trường xem xét lại.

**Câu 4:** Đọc đoạn thông tin sau:

Sau khi thi đỗ vào trường Đại học mơ ước, V quyết tâm học thật tốt với mong muốn có được việc làm phù hợp với chuyên ngành. Ngay từ năm thứ nhất, V đặt mục tiêu ra trường sớm để có thể giúp đỡ gia đình. Do đó, V đã lập kế hoạch học tập và đăng kí học vượt. Kết quả là V đã tốt nghiệp sớm hơn một năm và có thể tự tin tìm việc với bằng tốt nghiệp loại Giỏi của mình và đủ điều kiện được học tiếp Thạc sĩ. Khi nộp hồ sơ ứng tuyển vào các công ty, hồ sơ của V đều bị loại với lý do V chưa có kinh nghiệm thực tế. Xuất phát từ thực tế đó, V quyết định vừa đăng ký học thạc sĩ vừa xin đi làm thêm cho một số công ty để tích lũy kinh nghiệm.

a) Việc V đỗ vào trường Đại học mình mơ ước là phù hợp với quyền học tập không hạn chế của công dân. Đúng, đây thể hiện công dân có quyền học tập không hạn chế, nếu đủ điều kiện công dân được đăng ký vào trường đại học mình yêu thích.

b) Sinh viên V vừa đi học Thạc sĩ vừa đi làm là chưa phù hợp với nghĩa vụ của công dân về học tập. Sai, nếu có thể sắp xếp công dân có thể lựa chọn hình thức vừa học vừa làm

c) Công dân có quyền đăng ký học trước tuổi, học vượt lớp nếu đủ điều kiện. Đúng, pháp luật cho phép công dân được lựa chọn đăng ký học trước tuổi, học vượt lớp nếu đủ điều kiện.

d) Ngoài việc được thực hiện quyền học tập không hạn chế, sinh viên V đã lựa chọn hình thức học tập thường xuyên, học suốt đời để phù hợp với bản thân. Đúng, việc lựa chọn hình thức vừa học, vừa làm là thể hiện công dân đã thực hiện quyền học tập thường xuyên, học suốt đời.

**Câu 5:** Đọc đoạn thông tin sau:

Được nuông chiều từ bé nên B có tính tình kiêu căng. Khi bước vào bậc THPT, B hầu như không tương tác hoặc chơi cùng với các bạn. Nhiều lần B có thái độ không tôn trọng thầy cô giáo. Cho rằng gia đình mình có điều kiện nên khi sử dụng các trang thiết bị của lớp học, B thường không chú ý giữ gìn, bảo quản. Khi được giáo viên nhắc nhở, B thường tỏ ra không quan tâm và tuyên bố rằng bố mẹ sẽ bồi thường cho bất kì tổn thất nào gây ra cho trường học. Cuối năm học, B không đủ điều kiện xếp loại lên lớp và bị lưu ban. Xét thấy gia đình đủ điều kiện để lo cho cuộc sống của B sau này, bố mẹ B đã làm đơn cho B thôi học.

a) Bố mẹ B chưa thực hiện tốt trách nhiệm của cha mẹ đối với con trong hôn nhân và gia đình. Đúng việc quá nuông chiều đáp ứng đầy đủ các điều kiện của con cái là chưa phù hợp với trách nhiệm của bố mẹ trong gia đình.

b) Hành vi không tôn trọng thầy cô giáo là vi phạm nghĩa vụ của công dân trong học tập. Đúng, bạn B có thái độ không tôn trọng thầy cô giáo là vi phạm nghĩa vụ học tập của công dân.

c) Việc làm đơn cho B thôi học của bố mẹ bạn B là vi phạm nghĩa vụ của công dân trong học tập. Đúng vì như vậy sẽ làm cho B mất cơ hội được học tập cũng như hoàn thành chương trình đào tạo.

d) Bạn B bị lưu ban lại lớp là hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong học tập của bố mẹ bạn B. Sai, đây là hậu quả của hành vi vi phạm nghĩa vụ học tập của bạn B, do B lười học

## BÀI 12: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG BẢO VỆ, CHĂM SÓC SỨC KHOẺ VÀ BẢO ĐẢM AN SINH XÃ HỘI

### HỆ THỐNG LÝ THUYẾT

#### 1. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe.

- Công dân có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; được bình đẳng trong khám bệnh, chữa bệnh; được tôn trọng danh dự, bảo vệ sức khỏe và tôn trọng bí mật riêng tư trong khám bệnh, chữa bệnh; được tiếp cận với thông tin y tế về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe; được tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật trong khám bệnh, chữa bệnh.

- Công dân có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và chịu trách nhiệm pháp lí tương ứng nếu vi phạm; tôn trọng quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của

### MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

mọi người; thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh; tôn trọng người làm việc trong các cơ sở khám, chữa bệnh;...

### 2. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo đảm an sinh xã hội.

-Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội; được bình đẳng trong bảo đảm an sinh xã hội; được tham gia và hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp xã hội; được tiếp cận, tìm hiểu các thông tin về an sinh xã hội; được khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về an sinh xã hội;...

-Công dân có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật về bảo đảm an sinh xã hội như các quy định về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp xã hội, việc làm,...; có nghĩa vụ tôn trọng quyền được bảo đảm an sinh xã hội của mọi người, không được lợi dụng các quyền về bảo đảm an sinh xã hội để xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người khác và xâm phạm đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

### BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO

**PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1:** Theo quy định của pháp luật, trong việc bảo đảm an sinh xã hội, mọi công dân đều được tạo điều kiện để

- A. miễn phí dịch vụ.    B. hưởng mọi phụ cấp.    C. trợ cấp ưu đãi.    D. tìm kiếm việc làm.

**Câu 2:** Trong công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, công dân có quyền được

- A. xúc phạm cán bộ y tế.    B. miễn phí mọi dịch vụ.  
C. làm những gì mình thích.    D. đòi xử bình đẳng.

**Câu 3:** Theo quy định của pháp luật, trong việc bảo đảm an sinh xã hội, mọi công dân đều được tạo điều kiện để

- A. hỗ trợ một dịch vụ xã hội.    B. hưởng mọi dịch vụ xã hội.  
C. đáp ứng các dịch vụ xã hội.    D. tiếp cận các dịch vụ xã hội.

**Câu 4:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền được bảo đảm an sinh xã hội của công dân?

- A. Bảo đảm nhu cầu sinh hoạt.    B. Tiếp cận các thông tin y tế.  
C. Hỗ trợ việc làm, thu nhập.    D. Hưởng các trợ cấp xã hội.

**Câu 5:** Việc người lao động tham gia và được hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định là đã thực hiện quyền của công dân ở nội dung nào dưới đây?

- A. Kinh doanh và đóng thuế.    B. Chăm sóc bảo vệ sức khỏe.  
C. Học tập thường xuyên    D. Bảo đảm an sinh xã hội.

**Câu 6:** Pháp luật quy định về quyền của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe thể hiện ở việc công dân được

- A. cung cấp hoàn toàn miễn phí tất cả các loại thuốc.    B. vui chơi, nghỉ ngơi, giải trí, rèn luyện thân thể.  
C. tự do di chuyển giữa các cơ sở y tế công lập nếu thích.  
D. hưởng thụ miễn phí các dịch vụ khám chữa bệnh.

**Câu 7:** Nhận định nào dưới đây **không** thể hiện nghĩa vụ của công dân về đảm bảo an sinh xã hội theo quy định của pháp luật?

- A. Tìm hiểu các thông tin về chính sách an sinh xã hội.  
B. Chủ động tham gia các chế độ bảo hiểm bắt buộc theo quy định.  
C. Được tiếp cận, tham gia hệ thống an sinh xã hội.  
D. Tôn trọng quyền được đảm bảo an sinh xã hội của người khác.

**Câu 8:** Theo quy định của pháp luật, trong công tác bảo đảm an sinh xã hội mọi công dân đều được

- A. bình đẳng.    B. thụ hưởng.    C. hỗ trợ.    D. trợ cấp.

**Câu 9:** Khi thực hiện quyền và nghĩa vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, công dân **không** thực hiện nghĩa vụ nào dưới đây?

- A. Thanh toán đầy đủ phí theo quy định.    B. Hợp tác với người hành nghề chữa bệnh.  
C. Chấp hành quy định về phòng dịch.    D. Xúc phạm danh dự người hành nghề.

**Câu 10:** Nội dung nào dưới đây thể hiện quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của công dân?

- A. Hỗ trợ việc làm, thu nhập.    B. Tiếp cận các thông tin y tế.  
C. Hưởng các trợ cấp xã hội.    D. Bảo đảm nhu cầu sinh hoạt.

**Câu 11:** Theo quy định của pháp luật, nội dung nào dưới đây thể hiện nghĩa vụ của công dân trong đảm bảo an sinh xã hội?

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- A. Tố cáo hành vi chuộc lợi bảo hiểm.      B. Đóng bảo hiểm đúng và kịp thời.  
C. Tư vấn lợi ích tham gia bảo hiểm.      D. Chuyển giao quyền lợi bảo hiểm.
- Câu 12:** Nội dung nào dưới đây thể hiện quyền được đảm bảo an sinh xã hội của công dân?  
A. Bảo đảm môi trường sống trong lành.      B. Khám, chữa bệnh theo yêu cầu.  
C. Bí mật thông tin cá nhân.      D. Hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.
- Câu 13:** Theo quy định của pháp luật, việc làm nào dưới đây thể hiện quyền của công dân trong bảo đảm an sinh xã hội?  
A. Tham gia bảo hiểm xã hội.      B. Tham gia bảo vệ môi trường.  
C. Đóng thuế theo quy định.      D. Học tập không hạn chế.
- Câu 14:** Theo quy định của pháp luật, cùng với việc thực hiện quyền của công dân trong đảm bảo an sinh xã hội, công dân có nghĩa vụ  
A. khiếu nại hành vi vi phạm.      B. từ chối nhận trợ giúp xã hội.  
C. xuyên tạc đường lối chính sách.      D. tôn trọng quyền của người khác.
- Câu 15:** Nội dung nào dưới đây là nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe?  
A. Chi trả chi phí khám bệnh.      B. Tư vấn khám, chữa bệnh.  
C. Tự chủ chăm sóc sức khỏe.      D. Không bị tra tấn, cực hình.
- Câu 16:** Nhà nước có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người có hoàn cảnh khó khăn là tạo điều kiện cho công dân thực hiện quyền nào sau đây?  
A. Xóa bỏ chênh lệch giàu nghèo.      B. Nâng cao tuổi thọ trung bình.  
C. Thúc đẩy hoạt động ngoại giao.      D. Đảm bảo an sinh xã hội.
- Câu 17:** Theo quy định của pháp luật, việc làm nào dưới đây **không** thể hiện quyền của công dân trong bảo đảm an sinh xã hội?  
A. Chia sẻ thông tin bảo hiểm.      B. Hưởng trợ cấp thất nghiệp.  
C. Hưởng bảo hiểm y tế.      D. Hưởng trợ cấp thiên tai.
- Câu 18:** Nội dung nào dưới đây **không** phải nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe?  
A. Phòng, chống bệnh nhiễm khuẩn.      B. Tôn trọng y, bác sĩ chữa bệnh.  
C. Hợp tác đầy đủ với y, bác sĩ.      D. Đảm bảo vệ sinh trong lao động.
- Câu 19:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền của công dân trong việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe?  
A. Được giữ bí mật về thông tin bệnh.      B. Được từ chối chấp hành nội quy chữa bệnh.  
C. Được tôn trọng danh dự nhân phẩm.      D. Được sao chép hồ sơ bệnh án của bản thân.
- Câu 20:** Phát biểu nào dưới đây là sai về quyền của công dân trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe?  
A. Công dân có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe.  
B. Công dân được miễn phí khám bệnh khi có nhu cầu.  
C. Mọi công dân đều phải chấp hành quy định phòng dịch.  
D. Mọi công dân đều bình đẳng khi sử dụng dịch vụ y tế.
- Câu 21:** Theo quy định của pháp luật, mọi công dân đều có quyền được đảm bảo an sinh xã hội mà **không** bị  
A. phân biệt kì thị.      B. giới hạn nhu cầu.      C. giới hạn chế độ.      D. phân biệt điều kiện.
- Câu 22:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của công dân  
A. Tố cáo bác sĩ có hành vi sai phạm.      B. Bình đẳng trong khám, chữa bệnh.  
C. Bảo vệ thu nhập trong đời sống.      D. Tôn trọng về tính mạng, sức khỏe.
- Câu 23:** Quyền được tiếp cận và duy trì những lợi ích bằng tiền mặt hoặc bằng hiện vật không có sự phân biệt đối xử nào, để bảo vệ con người khỏi các hoàn cảnh khó khăn như thất nghiệp, bệnh tật, tuổi già,... là nội dung của quyền nào dưới đây?  
A. Quyền được làm việc.      B. Quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe.  
C. Quyền được đảm bảo an sinh xã hội.      D. Quyền bình đẳng.
- Câu 24:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền được đảm bảo an sinh xã hội của công dân  
A. Tham gia bảo hiểm thất nghiệp.      B. Đảm bảo nước sạch trong sinh hoạt.  
C. Đóng góp ý kiến Luật bảo hiểm.      D. Hỗ trợ vay vốn để chăn nuôi.
- Câu 25:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của công dân?  
A. Bảo đảm môi trường sống tốt.      B. Bí mật thông tin cá nhân.  
C. Hưởng chế độ trợ cấp thất nghiệp.      D. Khám, chữa bệnh theo yêu cầu.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 26:** Công dân vi phạm quyền được bảo vệ và chăm sóc sức khỏe của người khác khi có hành vi

- A. công khai hồ sơ bệnh lý.
- B. hỗ trợ công tác khám bệnh.
- C. tư vấn sử dụng dịch vụ y tế.
- D. tư vấn rủi ro khi chữa bệnh.

**Câu 27:** Theo quy định của pháp luật, nội dung nào dưới đây thể hiện nghĩa vụ của công dân trong đảm bảo an sinh xã hội?

- A. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế.
- B. Tôn trọng sở hữu tài sản người khác.
- C. Học tập để nâng cao trình độ.
- D. Kê khai trung thực hồ sơ bảo hiểm.

**Câu 28:** Công dân thực hiện quyền được đảm bảo an sinh xã hội thông qua việc làm nào sau đây?

- A. Lựa chọn bảo hiểm nhân thọ.
- B. Thay đổi mạng viễn thông.
- C. Tham gia bảo hiểm y tế.
- D. Đăng kí du học tự túc.

**Câu 29:** Một trong những nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ và chăm sóc sức khỏe là phải

- A. thực hiện việc đăng ký hiến tạng.
- B. chấp hành mọi tai nạn, rủi ro.
- C. chấp hành mọi yêu cầu của bác sĩ.
- D. chấp hành quy định phòng dịch.

**Câu 30:** Khi thực hiện quyền và nghĩa vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, công dân **không** thực hiện nghĩa vụ nào dưới đây?

- A. Từ chối thanh toán phí và lệ phí.
- B. Cung cấp thông tin về nhân thân.
- C. Chấp hành nội quy khám bệnh.
- D. Chấp hành biện pháp chữa bệnh.

**Câu 31:** Phát biểu nào dưới đây là sai về quyền và nghĩa vụ của công dân trong đảm bảo an sinh xã hội?

- A. Mọi công dân đều được tạo điều kiện để tăng thu nhập.
- B. Mọi công dân đều được hưởng trợ cấp xã hội của nhà nước.
- C. Nhà nước có trách nhiệm giúp công dân tiếp cận dịch vụ xã hội.
- D. Tham gia bảo hiểm xã hội giúp công dân chuyển giao rủi ro.

**Câu 32:** Hành vi nào dưới đây thể hiện quyền của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe

- A. Chị P đã bán chiếc xe máy thuộc sở hữu của mình cho một người khác.
- B. Bạn B là sinh viên được tham gia đóng bảo hiểm xã hội.
- C. Anh V là cán bộ y tế đã hướng dẫn đầy đủ các thủ tục nhập viện cho bệnh nhân.
- D. Bà C đã có những góp ý nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cho bệnh viện.

**Câu 33:** Một trong những quyền của công dân trong bảo vệ và chăm sóc sức khỏe là được

- A. từ chối công tác phòng chống dịch truyền nhiễm.
- B. hướng dẫn chăm sóc sức khỏe bản thân.
- C. xuyên tạc bệnh lý người khác nếu mâu thuẫn.
- D. công khai mọi thông tin cá nhân người bệnh.

**Câu 34:** Theo quy định của pháp luật, việc làm nào dưới đây thể hiện quyền của công dân trong bảo đảm an sinh xã hội?

- A. Chia sẻ thông tin phòng dịch.
- B. Được hỗ trợ tìm kiếm việc làm.
- C. Tìm hiểu loại hình doanh nghiệp.
- D. Tham gia ủng hộ người nghèo.

**Câu 35:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền của công dân về bảo vệ và chăm sóc sức khỏe?

- A. Giữ bí mật về hồ sơ sức khỏe.
- B. Cung cấp thông tin về bệnh lý.
- C. Hủy hoại cơ sở khám bệnh.
- D. Tư vấn rủi ro khi chữa bệnh.

**Câu 36:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền của công dân về bảo vệ và chăm sóc sức khỏe?

- A. Được xâm phạm sức khỏe người khác.
- B. Được sử dụng dịch vụ khám bệnh.
- C. Được đảm bảo vệ sinh trong lao động.
- D. Được phục vụ về chuyên môn y tế.

**Câu 37:** Hành vi nào dưới đây thể hiện nghĩa vụ của công dân trong việc được đảm bảo an sinh xã hội?

- A. Bạn T đã nhận được hỗ trợ học nghề sau khi đóng bảo hiểm thất nghiệp.
- B. Bà H đã hưởng chế độ hưu trí khi về hưu theo quy định của pháp luật.
- C. Gia đình ông D đã nhận được hỗ trợ của địa phương về nước sạch trong sinh hoạt.
- D. Vợ chồng anh T đã sử dụng đúng số tiền vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội.

**Câu 38:** Hành vi nào dưới đây **không** thể hiện nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe?

- A. Bà D là người cao tuổi nên không phải chờ khám theo thứ tự quy định.
- B. Ban M tố cáo hành vi bán thuốc giả của cửa hàng thuốc A.
- C. Ông H đã thực hiện các chỉ định của bác sĩ trong khám, chữa bệnh.
- D. Chị P đã trung thực trong khai báo tình trạng bệnh của bản thân.

**Câu 39:** Công dân vi phạm quyền được bảo vệ và chăm sóc sức khỏe của người khác khi có hành vi

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

A. đối xử bình đẳng về chữa bệnh.

B. thông tin về tình hình người bệnh.

C. xuyên tạc bệnh lý để chuộc lợi.

D. từ chối chữa bệnh ngoài y bạ.

**Câu 40:** Theo quy định của pháp luật, việc làm nào dưới đây **không** thể hiện quyền của công dân trong bảo đảm an sinh xã hội?

A. Tham gia bảo hiểm tự nguyện.

B. Quyết định hình thức hiến tạng.

C. Tiếp cận các dịch vụ y tế.

D. Tìm kiếm cơ hội việc làm.

**Câu 41:** Phát biểu nào dưới đây là sai về quyền của công dân trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe?

A. Công dân có quyền giữ bí mật về hồ sơ bệnh án của bản thân.

B. Công dân có quyền sử dụng mọi dịch vụ y tế tại bệnh viện.

C. Công dân được sử dụng các dịch vụ y tế nếu đủ điều kiện.

D. Công dân được đối xử bình đẳng khi sử dụng dịch vụ y tế.

**Câu 42:** Khi thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, mọi người có nghĩa vụ

A. hành hạ cán bộ làm công tác khám bệnh.

B. từ chối mọi can thiệp y khoa

C. từ chối nộp lệ phí nếu không khỏi bệnh.

D. tôn trọng cán bộ hành nghề.

**Câu 43:** Khi thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, công dân có nghĩa vụ

A. xúc phạm cán bộ y tế.

B. xâm phạm nội quy chữa bệnh.

C. chấp hành y bạ của bác sĩ.

D. từ chối chỉ định của bác sĩ.

**Câu 44:** Việc người lao động tự nguyện tham gia và được hưởng chế độ thai sản theo quy định là đã thực hiện quyền của công dân ở nội dung nào dưới đây?

A. Bảo đảm an sinh xã hội.

B. Xã hội hóa công tác y tế.

C. Bảo vệ bà mẹ trẻ em.

D. Kế hoạch hóa gia đình.

**Câu 45:** Một trong những quyền của công dân trong bảo vệ và chăm sóc sức khỏe là được

A. hành hung cán bộ ý tế nếu vi phạm.

B. thông tin về tình trạng sức khỏe.

C. miễn các loại dịch vụ chữa bệnh.

D. cung cấp mọi dịch vụ theo nhu cầu.

**Câu 46:** Để được bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, mọi công dân có nghĩa vụ

A. tham gia đăng ký trực tuyến.

B. kê khai trung thực hồ sơ cá nhân.

C. thực hiện lao động công ích.

D. đảm bảo tiềm lực tài chính cá nhân.

**Câu 47:** Trong công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe công dân, mọi công dân đều có nghĩa vụ

A. khám chữa bệnh theo nhu cầu.

B. khiếu nại việc khám chữa bệnh.

C. sử dụng mọi dịch vụ y tế cao cấp.

D. chấp hành công tác phòng dịch.

**Câu 48:** Nội dung nào dưới đây thể hiện quyền của công dân trong bảo vệ và chăm sóc sức khỏe?

A. Được giữ bí mật về hồ sơ bệnh án.

B. Miễn phí dịch vụ nếu có nhu cầu.

C. Công khai hồ sơ của bệnh nhân

D. Tố cáo sai sự thật về dịch bệnh.

**Câu 49:** Mọi công dân đều bình đẳng trong khám bệnh, chữa bệnh khi ốm đau là nội dung quyền nào sau đây?

A. Lựa chọn dịch vụ công cộng.

B. Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe.

C. Thực hiện phụ cấp độc hại.

D. Thay đổi loại hình bảo hiểm.

**Câu 50:** Theo quy định của pháp luật, nội dung nào dưới đây **không** thể hiện nghĩa vụ của công dân trong đảm bảo an sinh xã hội?

A. Chấp hành quyết định trợ cấp thất nghiệp.

B. Đóng bảo hiểm thất nghiệp cho nhân viên.

C. Khiếu nại chính sách trợ cấp thất nghiệp.

D. Kê khai trung thực hồ sơ hưởng thất nghiệp.

**Câu 51:** Theo quy định của pháp luật, để đảm bảo quyền an sinh xã hội của người lao động, chủ doanh nghiệp có nghĩa vụ nào dưới đây?

A. Đóng bảo hiểm đầy đủ và kịp thời.

B. Hỗ trợ công tác phòng dịch.

C. Tham gia lao động từ thiện.

D. Đóng kinh phí công đoàn đúng hạn.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi

Ngay sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự và trở lại địa phương sinh sống anh S đã nộp hồ sơ xin trợ cấp học nghề gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được đồng ý. Khi hoàn thành quá trình học nghề với chuyên môn nhất định, anh S được Ủy ban nhân dân xã A tạo điều kiện hỗ trợ để có thể mở xưởng sản xuất với quy mô nhỏ. Ngoài ra, anh còn được Ngân hàng chính sách xã hội tạo điều kiện cho vay vốn ưu đãi để xưởng sản xuất có thể đi vào hoạt động ổn định.

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 53:** Trong thông tin trên, Ủy ban nhân dân xã và Ngân hàng chính sách xã hội đã thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân ở nội dung nào dưới đây?

- A. Quản lý vĩ mô nền kinh tế.
- B. Thực hiện chính sách tài khóa.
- C. Thực hiện chính sách tín dụng.
- D. Đảm bảo an sinh xã hội.

**Câu 54:** Việc làm nào dưới đây của anh S thể hiện quyền của công dân trong đảm bảo an sinh xã hội?

- A. Nộp hồ sơ xin trợ cấp học nghề.
- B. Tìm công việc để ổn định.
- C. Phục viên trở về địa phương.
- D. Thực hiện nghĩa vụ quân sự.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi

Bạn G là một học sinh bị khuyết tật vận động từ khi còn nhỏ. Trong quá trình học tập, cùng với sự cố gắng nỗ lực của gia đình, G luôn nhận được sự quan tâm của nhà trường và chính quyền địa phương nhằm tạo điều kiện học tập tốt nhất. G cũng được thăm khám sức khỏe thường xuyên và được cấp phát thuốc để đảm bảo sức khỏe. Sau khi tốt nghiệp đại học G đi xin việc thì lại bị một số doanh nghiệp từ chối và kì thị với lí do bị khuyết không đáp ứng được yêu cầu của công việc.

**Câu 56:** Trong thông tin trên, chủ thể nào dưới đây chưa thực hiện tốt nghĩa vụ của công dân trong việc bảo vệ chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội của công dân?

- A. Gia đình G.
- B. Doanh nghiệp
- C. Nhà trường.
- D. Chính quyền

**Câu 57:** Bạn G đã được hưởng quyền bảo vệ và chăm sóc sức khỏe ở nội dung nào dưới đây?

- A. Tiếp cận các thông tin về y tế.
- B. Tôn trọng về tính mạng, sức khỏe.
- B. Thông tin về tình trạng sức khỏe.
- C. Thăm khám và cấp phát thuốc.

**Câu 58:** Bạn G đã được hưởng quyền bảo đảm an sinh xã hội ở nội dung nào dưới đây?

- A. Hưởng trợ cấp thất nghiệp.
- B. Chính sách trợ giúp xã hội.
- C. Hưởng trợ cấp ốm đau.
- D. Trợ cấp bảo hiểm xã hội.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi

Bà C phát hiện cơ thể mình xuất hiện một số triệu chứng mắc bệnh truyền nhiễm nhưng không thông báo với cán bộ y tế ở địa phương mà tự mua thuốc về chữa trị. Đồng thời, bà vẫn xuất hiện ở những nơi đông người như trường học, khu công nghiệp, trung tâm thương mại mà không thực hiện bất kì phương pháp bảo hộ nào.

**Câu 60:** Để bảo vệ và chăm sóc sức khỏe của mình, bà C có thể vận dụng quyền được bảo vệ chăm sóc sức khỏe ở nội dung nào dưới đây?

- A. Thông báo tình hình bệnh cho cơ quan y tế.
- B. Giữ kín và hạn chế tiếp xúc với người khác.
- C. Bảo mật thông tin mình mắc bệnh.
- D. Đề nghị được cấp kinh phí chữa bệnh.

**Câu 61:** Bà C chưa thực hiện tốt nghĩa vụ của công dân trong việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe ở nội dung nào dưới đây?

- A. Chủ động chăm sóc sức khỏe bản thân.
- B. Giữ bí mật thông tin về tình trạng bệnh.
- C. Tích cực tham gia hoạt động cộng đồng.
- D. Chấp hành quy định phòng chống dịch.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi

Người thân của bà M phát hiện bà đang nằm hôn mê, bất động trên trên nền nhà nên vội đưa bà tới Bệnh viện A ở gần nhà để cấp cứu. Khi tới bệnh viện, bà M được nhân viên bệnh viện đưa vào phòng bệnh. Tuy nhiên, sau khi thăm khám, nhân viên y tế lại đẩy băng ca đưa bà M ra ngoài, từ chối chữa trị vì tình trạng bệnh của bà quá nặng, bệnh viện thiếu bác sĩ, thiếu trang bị y tế. Không nhận được sự hỗ trợ từ Bệnh viện A, người thân của bà M buộc phải liên hệ, tìm kiếm phương tiện để đưa bà tới một cơ sở y tế khác cấp cứu khi bà đang ở trong tình trạng nguy kịch.

**Câu 63:** Trong thông tin trên, người thân của bà M đã bị vi phạm nội dung nào dưới đây về quyền của công dân trong bảo vệ và chăm sóc sức khỏe?

- A. Khám và chữa bệnh kịp thời.
- B. Khiếu nại việc chăm sóc y tế.
- C. Bảo mật thông tin người bệnh.
- D. Được hỗ trợ chi phí chữa bệnh.

**Câu 64:** Trong thông tin trên, nhân viên y tế **không** vi phạm nghĩa vụ nào dưới đây trong bảo vệ và chăm sóc sức khỏe công dân?

- A. Tư vấn hỗ trợ bệnh nhân chữa bệnh.
- B. Tôn trọng người bệnh và người nhà.
- C. Thực hiện khám bệnh theo quy định.
- D. Thực hiện công tác phòng chống dịch.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi





## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

a) Quyết định trích ngân sách để hỗ trợ các gia đình bị thiệt hại của xã A là góp phần thực hiện quyền được đảm bảo an sinh xã hội của người dân. *Đúng, nhờ có sự trợ giúp này sẽ góp phần giảm bớt những khó khăn cho người dân.*

b) Bà M đã được thực hiện quyền của công dân trong việc đảm bảo an sinh xã hội. *Đúng, bà M là một trong những gia đình bị thiệt hại nên là đối tượng được nhận trợ cấp xã hội.*

c) Ông H và bà M đều chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của công dân trong việc đảm bảo an sinh xã hội. *Đúng cả hai đều có hành vi vi phạm các quy định của nhà nước liên quan đến chính sách an sinh xã hội.*

d) Việc làm của ông H và bà M gây ra hậu quả mất công bằng trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội của nhà nước. *Đúng vì hành vi này sẽ làm mất công bằng xâm phạm lợi ích hợp pháp của công dân và lợi ích của Nhà nước; gây nên tình trạng bất bình đẳng trong thụ hưởng chế độ an sinh xã hội*

**Câu 4:** Đọc đoạn thông tin sau:

Bạn G là học sinh lớp 12A1 Trường Trung học phổ thông V, trên địa bàn huyện Y. Mặc dù có hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng nhiều năm liền, G luôn là học sinh giỏi, chăm ngoan của trường. Trong đợt thi tuyển sinh Đại học năm nay, G đã thi đậu vào Trường Đại học H nhưng có dự định không theo học vì gia đình không đủ tiền trang trải. Biết được thông tin, Ngân hàng chính sách huyện Y đã hỗ trợ và hướng dẫn bạn G thực hiện thủ tục vay dành cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Nhờ vậy, G có thể tiếp tục theo đuổi việc học Đại học.

a) Bạn G đã được thực hiện quyền học tập không hạn chế. *Đúng, bạn G được học tập nâng cao trình độ theo nguyện vọng cá nhân.*

b) Bạn G đã thực hiện đúng nghĩa vụ của công dân đối với chính sách an sinh xã hội. *Sai, ở đây việc Ngân hàng chính sách xã hội hỗ trợ vay vốn để bạn G tiếp tục học tập là thực hiện quyền của công dân trong an sinh xã hội.*

c) Ngân hàng chính sách xã hội đã thực hiện tốt chức năng của mình trong việc tạo điều kiện để công dân thực hiện quyền học tập và quyền được bảo đảm an sinh xã hội. *Đúng nhờ việc thực hiện tốt chức năng của mình đã góp phần giúp công dân thực hiện tốt các quyền của mình.*

d) Bạn G không có nghĩa vụ phải hoàn trả lại khoản tiền đã nhận từ ngân hàng chính sách xã hội. *Sai, mặc dù được vay ưu đãi, nhưng bạn G vẫn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền đã vay theo quy định*

**Câu 5:** Đọc đoạn thông tin sau: ‘

Anh Q là nhân viên của Công ty E. Trong quá trình làm việc, anh đã tham gia đầy đủ các loại hình bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Sau khi anh nghỉ việc, công ty thực hiện xác nhận thời gian đóng và trả sổ bảo hiểm xã hội. Nắm bắt được thông tin này, anh K một đối tượng cho vay tín dụng trên địa bàn đã liên hệ và gợi ý anh Q bán lại sổ bảo hiểm để anh K làm việc với cơ quan chức năng. Do cần tiền và xác định sẽ không tham gia tiếp nên anh Q đã đồng ý bán lại để nhận một khoản tiền mặt trang trải cuộc sống.

a) Anh Q đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của công dân về đảm bảo an sinh xã hội. *Sai, việc bán bảo hiểm xã hội của mình cho người khác là hành vi vi phạm pháp luật*

b) Công ty E đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của công dân về đảm bảo an sinh xã hội. *Đúng, công ty đã thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ trong việc đảm bảo quyền lợi cho công nhân.*

c) Anh Q là chủ sở hữu hợp pháp sổ bảo hiểm xã hội nên anh chuyển nhượng lại cho người khác là phù hợp. *Đây là quyền nhân thân của mỗi cá nhân, các nhận không được phép chuyển nhượng cho người khác.*

d) Việc chuyển quyền sử dụng sổ bảo hiểm của mình cho người khác tiềm ẩn nhiều hậu quả to lớn cho xã hội trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội. *Đúng vì như vậy sẽ khiến người lao động mất đi quyền lợi khi về già tư đó áp lực lên hệ thống an sinh xã hội của nhà nước.*

## BÀI 13: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG TRỌNG BẢO VỆ DI SẢN VĂN HOÁ, MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

### HỆ THỐNG LÝ THUYẾT

#### 1. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ di sản văn hoá

\* Công dân có quyền :

- + Hưởng thụ và tiếp cận các giá trị di sản văn hóa.
- + Tham quan, nghiên cứu di sản văn hóa.
- + Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật trong bảo vệ di sản văn hóa.
- + Thực hiện các biện pháp bảo vệ và phát huy di sản văn hóa.

\* Công dân có nghĩa vụ:

### MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- + Chấp hành các quy định của Hiến pháp và pháp luật về bảo vệ di sản văn hóa.
- + Tôn trọng, bảo vệ, giữ gìn di sản văn hoá
- + Thông báo địa điểm phát hiện, giao nộp di vật, cổ vật, bảo vật.

### 2. Quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

\* Công dân có quyền :

- + Sống trong môi trường trong lành, không bị ô nhiễm;
- + Khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên theo quy định của pháp luật;
- + Tham gia bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên theo quy định của pháp luật;
- + Khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên với cơ quan có thẩm quyền;
- + Được tiếp cận, tìm hiểu các thông tin về bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên theo quy định của pháp luật;...

\* Công dân có nghĩa vụ:

- + Tuân thủ theo quy định của Hiến pháp và pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên;
- + Tôn trọng các quyền trong bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên của người khác;
  - + Chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lý và chịu trách nhiệm pháp lý khác theo quy định của pháp luật nếu gây sự cố môi trường, hủy hoại tài nguyên thiên nhiên;...

### BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO

## I. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG BẢO VỆ DI SẢN VĂN HÓA

**PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1:** Phát biểu nào dưới đây là đúng về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ di sản văn hóa?

A. Công dân có quyền ngăn chặn các hành vi phá hoại di sản văn hoá nhưng không có nghĩa vụ xử lý những hành vi đó.

B. Công dân có quyền tham quan các di sản văn hoá của dân tộc nhưng không có quyền tiếp cận những di sản văn hoá đó.

C. Quyền hưởng thụ các di sản văn hoá của công dân được thể hiện ở các hoạt động tham quan di sản, biểu diễn nghệ thuật truyền thống.

D. Bảo vệ di sản văn hoá là nghĩa vụ của Nhà nước, công dân không có nghĩa vụ quan tâm đến các vấn đề này.

**Câu 2:** Nội dung nào dưới đây thể hiện nghĩa vụ của ông N trong việc tham gia bảo vệ di sản văn hóa?

A. Trưng bày cổ vật tại gia đình.

B. Giữ gìn giá trị của các cổ vật.

C. Trao tặng cổ vật cho bảo tàng.

D. Giới thiệu giá trị của cổ vật.

**Câu 3:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền của công dân trong bảo vệ di sản văn hóa?

A. Tố cáo hành vi phá hoại di tích.

B. Nghiên cứu giá trị di tích.

C. Giao nộp cổ vật bị thất lạc.

D. Chấp hành nội quy di tích.

**Câu 4:** Pháp luật quy định công dân có nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hoá trong trường hợp nào dưới đây?

A. Biểu diễn các loại hình nghệ thuật.

B. Tiếp cận các giá trị văn hoá.

C. Giao nộp cổ vật do mình tìm được.

D. Tham quan các di sản văn hoá.

**Câu 5:** Theo quy định của pháp luật, công dân có quyền về bảo vệ di sản văn hoá trong trường hợp nào dưới đây?

A. Che giấu địa điểm phát hiện bảo vật quốc gia.

B. Xử lý hành vi vi phạm về bảo vệ giá trị văn hoá.

C. Tạo điều kiện làm sai lệch các di sản văn hoá.

D. Nghiên cứu các di sản văn hoá của đất nước.

**Câu 6:** Nội dung nào sau đây **không** thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc tham gia bảo vệ di sản văn hóa?

A. Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

B. Chiếm lĩnh kiến thức khoa học kỹ thuật.

C. Tham gia truyền đạo trái phép.

D. Nâng cao trình độ học vấn.

**Câu 7:** Nội dung nào dưới đây thể hiện nghĩa vụ của công dân trong việc tham gia bảo vệ di sản văn hóa?

A. Bảo vệ giá trị di sản.

B. Tiếp cận giá trị di sản.

C. Nghiên cứu giá trị di sản.

D. Chuyển giao chủ sở hữu.

**Câu 8:** Nội dung nào dưới đây thể hiện nghĩa vụ của công dân trong việc tham gia bảo vệ di sản văn hóa?

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

A. Tổ cáo hành vi phá hoại di tích.

B. Tuyên truyền bảo vệ di tích.

C. Phục chế trò chơi dân gian.

D. Nghiên cứu loại hình nghệ thuật.

**Câu 9:** Khi phát hiện hành vi xâm phạm di sản văn hóa trái pháp luật, việc làm nào dưới đây là phù hợp với nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ di sản văn hóa?

A. Tổ cáo với cơ quan chức năng.

B. Hợp tác để cùng thu lợi nhuận.

C. Tham gia hỗ trợ đề hưởng lợi.

D. Yêu cầu chuyển quyền sở hữu.

**Câu 10:** Sao chép trái phép các di sản văn hóa vì mục đích vụ lợi là **không** thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ di sản văn hóa ở nội dung nào dưới đây?

A. Trách nhiệm pháp lý.

B. Nghĩa vụ.

C. Quyền.

D. Trách nhiệm kinh tế.

**Câu 11:** Nội dung nào sau đây **không** thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc tham gia bảo vệ di sản văn hóa?

A. Cải tạo, thay thế di tích lịch sử.

B. Tháo dỡ, phá hủy di tích lịch sử.

C. Thay đổi giá trị di tích lịch sử.

D. Giữ nguyên hiện trạng di tích lịch sử.

**Câu 12:** Ông N đã thể hiện quyền của công dân trong bảo vệ di sản văn hóa ở nội dung nào dưới đây?

A. Thay đổi nội dung cổ vật.

B. Thu phí tham quan cổ vật.

C. Giữ gìn giá trị các cổ vật.

D. Trao tặng cổ vật có giá trị.

**Câu 13:** Phát biểu nào dưới đây là đúng về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ di sản văn hóa?

A. Quyền hưởng thu các di sản văn hoá của công dân được thể hiện ở các hoạt động tham quan di sản, biểu diễn nghệ thuật truyền thống.

B. Bảo vệ di sản văn hoá là nghĩa vụ của Nhà nước, công dân không có nghĩa vụ quan tâm đến các vấn đề này.

C. Công dân có quyền tham quan các di sản văn hoá của dân tộc nhưng không có quyền tiếp cận những di sản văn hoá đó.

D. Công dân có quyền ngăn chặn các hành vi phá hoại di sản văn hoá nhưng không có nghĩa vụ xử lý những hành vi đó.

**Câu 14:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền của công dân trong việc thực hiện pháp luật về di sản văn hóa?

A. Nghiên cứu giá trị di sản.

B. Lan tỏa các giá trị di tích.

C. Thụ hưởng giá trị văn hóa.

D. Chấp hành nội quy di tích.

**Câu 15:** Hành vi nào dưới đây vi phạm các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ di sản văn hoá?

A. Chị M mở câu lạc bộ để truyền bá kỹ thuật hát Ca trù cho trẻ em.

B. Ông H phát tán thông tin sai lệch về giá trị của lễ hội truyền thống.

C. Anh N giới thiệu di sản văn hoá của quê hương trên mạng xã hội.

D. Bạn S tỏ thái độ phê phán các bạn có hành vi vứt rác tại khu di tích.

**Câu 16:** Theo quy định của pháp luật, việc làm nào dưới đây vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ di sản văn hóa?

A. Giao nộp cổ vật bị thất lạc.

B. Tự ý buôn bán cổ vật.

C. Bí mật tìm hiểu di sản.

D. Chia sẻ giá trị của di tích.

**Câu 17:** Theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá, công dân **không** có quyền nào dưới đây?

A. Tham gia nghiên cứu giá trị của các di sản văn hoá.

B. Định đoạt việc sử dụng và khai thác di sản văn hoá.

C. Sở hữu hợp pháp giá trị mà di sản văn hoá mang lại.

D. Ngăn chặn những hành vi phá hoại di sản văn hoá.

**Câu 18:** Phát biểu nào dưới đây là đúng về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ di sản văn hóa?

A. Mọi công dân đều có quyền tiếp cận các di sản văn hóa hợp pháp.

B. Công dân có quyền khai thác giá trị của di sản khi được cấp phép.

C. Mọi di sản văn hóa công dân đều có quyền được sở hữu.

D. Chủ sở hữu theo pháp luật có quyền chuyển nhượng di sản.

**Câu 19:** Khi tiếp cận và khai thác các giá trị của di sản văn hóa, công dân **không** được thực hiện hành vi nào dưới đây?

A. Bổ sung vào đề tài tốt nghiệp.

B. Hưởng thụ giá trị tích cực.

C. Thay đổi nội dung di sản.

D. Chia sẻ giá trị của di sản.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- Câu 20:** Theo quy định của pháp luật, đối với những di sản văn hóa được pháp luật công nhận mọi công dân đều được
- A. tiếp cận.                      B. hủy hoại.                      C. chiếm đoạt.                      D. mua bán.
- Câu 21:** Theo quy định của pháp luật, với các di sản văn hóa có giá trị được pháp luật bảo vệ, công dân có quyền
- A. chủ động phá bỏ công năng.                      B. hủy hoại giá trị của di tích.  
C. tìm hiểu và phát huy giá trị.                      D. xuyên tạc nội dung di tích.
- Câu 22:** Theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, công dân **không** có quyền nào dưới đây?
- A. Buôn bán trái phép cổ vật.                      B. Nghiên cứu loại hình nghệ thuật.  
C. Giao nộp cổ vật bị đánh cắp.                      D. Sở hữu hợp pháp cổ vật giá trị.
- Câu 23:** Hành vi nào dưới đây góp phần giữ gìn, bảo vệ di sản văn hóa
- A. Giao nộp di vật, cổ vật cho nhà nước                      B. Phá bỏ những di sản văn hóa cũ  
C. Mua bán trái phép bảo vật quốc gia                      D. Đào bới trái phép địa điểm khảo cổ
- Câu 24:** Công dân tham gia bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử là góp phần thực hiện pháp về về bảo vệ di sản
- A. giáo dục.                      B. dân số.                      C. tài chính.                      D. văn hóa.
- Câu 25:** Công dân tích cực đấu tranh chống các hủ tục, bài trừ mê tín dị đoan là thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ di sản văn hóa ở nội dung nào dưới đây?
- A. Trách nhiệm kinh tế.                      B. Trách nhiệm pháp lý.  
C. Nghĩa vụ.                      D. Quyền.
- Câu 26:** Nội dung nào sau đây **không** thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc tham gia bảo vệ di sản văn hóa?
- A. Tôn tạo, nghiên cứu các di tích lịch sử                      B. Chiếm đoạt, làm sai lệch di sản văn hóa  
C. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa                      D. Khôi phục và giữ gìn các di sản văn hóa
- Câu 27:** Theo quy định của pháp luật, với các di sản văn hóa có giá trị và được pháp luật bảo vệ, công dân có nghĩa vụ
- A. phá bỏ và chiếm đoạt.                      B. bảo vệ và phát triển.  
C. tìm hiểu và phát huy.                      D. tôn tạo và làm mới.
- Câu 28:** Công dân lưu giữ và phát triển các loại hình nghệ thuật dân gian ở nước ta là đã thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân ở nội dung nào dưới đây?
- A. Tôn trọng tài sản cá nhân.                      B. Học tập thường xuyên.  
C. Bảo vệ môi trường.                      D. Bảo vệ di sản văn hóa.
- Câu 29:** Theo quy định của pháp luật, với các di sản văn hóa được pháp luật bảo vệ, công dân **không** được
- A. tự ý thay đổi cấu trúc.                      B. hưởng thụ giá trị.  
C. nghiên cứu hình thức.                      D. tiếp cận nội dung.
- Câu 30:** Theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, công dân **không** có quyền nào dưới đây?
- A. Nghiên cứu di sản văn hóa.                      B. Tiếp cận di sản văn hóa.  
C. Phục dựng lễ hội truyền thống.                      D. Hủy hoại di sản văn hóa.
- Câu 31:** Nội dung nào dưới đây thể hiện quyền của công dân trong bảo vệ di sản văn hóa?
- A. Tôn trọng giá trị di sản.                      B. Giữ gìn giá trị di sản.  
C. Tiếp cận giá trị di sản.                      D. Bảo vệ giá trị di sản.
- Câu 32:** Theo Điều 41 Hiến pháp năm 2013, mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hoá, tham gia vào đời sống văn hoá, được sử dụng
- A. các cơ sở văn hoá.                      D. các giá trị văn hoá.  
B. các nhạc cụ văn hoá.                      C. các không gian văn hoá.
- Câu 34:** Theo quy định của pháp luật, với các di sản văn hóa công cộng có giá trị và được pháp luật bảo vệ, công dân có quyền
- A. quản lý để phát triển du lịch cộng đồng.                      B. xác lập quyền sở hữu tài sản cá nhân.  
C. phá bỏ nếu không phù hợp với cá nhân.                      D. tiếp cận và hưởng thụ các giá trị di sản.
- Câu 35:** Công dân tham gia tìm hiểu, nghiên cứu phong tục tập quán của các dân tộc là thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ di sản văn hóa ở nội dung nào dưới đây?
- A. Nghĩa vụ.                      B. Quyền.                      C. Trách nhiệm pháp lý.                      D. Trách nhiệm kinh tế.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 36:** Hoạt động của các chủ thể thực hiện các biện pháp tích cực để gìn giữ giá trị di sản văn hoá trong cộng đồng và lưu truyền nó theo thời gian là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Sử dụng di sản văn hoá.
- B. Chuyển giao di sản văn hoá.
- C. Bảo vệ di sản văn hoá.
- D. Tái tạo di sản văn hoá.

**Câu 37:** Theo quy định của pháp luật, việc làm nào dưới đây vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ di sản văn hoá?

- A. Từ chối bảo vệ giá trị di sản.
- B. Ban hành nội quy tham quan.
- C. Từ chối phá hoại di tích văn hoá.
- D. Hướng dẫn nghiên cứu di sản.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi

Trong những năm qua, nhà sưu tầm cổ vật N đã sưu tầm được hàng ngàn cổ vật, trong đó có nhiều cổ vật quý hiếm, có giá trị lớn về văn hoá, lịch sử. Phần lớn các cổ vật này được ông lựa chọn để trao tặng cho các bảo tàng, trường đại học để phục vụ trưng bày và giảng dạy. Số còn lại được ông trưng bày tại nhà hàng của mình ở một địa điểm du lịch để phục vụ du khách tham quan miễn phí.

**Câu 37:** Ông N đã thể hiện quyền của công dân trong bảo vệ di sản văn hoá ở nội dung nào dưới đây?

- A. Thay đổi nội dung cổ vật.
- B. Trao tặng cổ vật có giá trị.
- C. Thu phí tham quan cổ vật.
- D. Giữ gìn giá trị các cổ vật.

**Câu 38:** Nội dung nào dưới đây thể hiện nghĩa vụ của ông N trong việc tham gia bảo vệ di sản văn hoá?

- A. Trao tặng cổ vật cho bảo tàng.
- B. Giới thiệu giá trị của cổ vật.
- C. Trưng bày cổ vật tại gia đình.
- D. Giữ gìn giá trị của các

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi

Hàng năm trường trung học phổ thông B thường tổ chức cho học sinh đi tham quan các di tích lịch sử - văn hoá ở tỉnh nhà. Qua hoạt động tham quan này, học sinh của trường được thực hiện quyền của công dân về bảo vệ di sản văn hoá, được giáo dục truyền thống văn hoá của dân tộc qua các thời kì lịch sử. Khi đi tham quan, học sinh tìm hiểu ý nghĩa, lịch sử của các di sản văn hoá. Một số bạn còn ghi chép lại các sự kiện, tìm hiểu thêm các tư liệu liên quan đến di tích

**Câu 39:** Hoạt động tổ chức cho học sinh tham quan các di tích lịch sử văn hoá tỉnh của của trường THPT B là góp phần thực hiện quyền của công dân trong bảo vệ di sản văn hoá ở nội dung nào dưới đây?

- A. Khai thác nguồn lợi kinh tế của di sản.
- B. Tôn tạo và bổ sung các di sản mới.
- C. Tham gia phục dựng giá trị di sản.
- D. Tiếp cận và hưởng thụ giá trị di sản.

**Câu 40:** Việc làm nào sau đây của các bạn học sinh thể hiện nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ di sản văn hoá?

- A. Ghi chép lại đặc điểm di sản.
- B. Thay đổi giá trị vốn có của di sản.
- C. Tìm hiểu giá trị các di tích.
- D. Tôn trọng giá trị vốn có của di sản.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi

Kể từ khi được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại, dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh ngày càng được phát huy trong đời sống văn hoá của nhân dân xứ Nghệ. Ở Nghệ An, Hà Tĩnh, các câu lạc bộ Ví, Giặm được thành lập ở khắp nơi để duy trì và phát huy làn điệu dân ca xứ sở. Cộng đồng dân cư ở hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh tích cực tham gia giao lưu các hoạt động, hưởng thụ đời sống tinh thần hay quả đó góp phần để dân ca Ví, Giặm mãi được duy trì và phát huy trong nền văn hoá dân tộc.

**Câu 42:** Việc làm nào dưới đây **không** thể hiện quyền của công dân trong việc tham gia bảo vệ các giá trị di sản văn hoá?

- A. Thành lập câu lạc bộ Ví, Giặm.
- B. Thay đổi nội dung của hát Ví, Giặm.
- C. Tham gia tìm hiểu hát Ví Giặm.
- D. Phổ biến giá trị của hát Ví, Giặm.

**Câu 43:** Để dân ca Ví, Giặm phát huy được giá trị là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại, việc làm nào dưới đây là phù hợp?

- A. Hạn chế dân tỉnh khác tìm hiểu.
- B. Thu phí bản quyền khi biểu diễn.
- C. Thành lập câu lạc bộ hát Ví, Giặm.
- D. Thi hát chế làn điệu dân ca Ví, Giặm.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1:** Đọc đoạn thông tin sau:

Các di sản văn hoá đã được đặt dưới sự bảo hộ của Luật Di sản văn hoá và các công ước của UNESCO mà Việt Nam đã tham gia. Trong số gần 4 triệu hiện vật đang lưu giữ trong các bảo tàng công lập, bảo tàng ngoài công lập và các bộ , tập tư nhân có 238 hiện vật và nhóm hiện vật được Thủ tướng Chính phủ công



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

nhận là bảo vật quốc gia. Từ năm 2015 – 2022, đã có 131 nghệ nhân được phong tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân và 1 507 nghệ nhân được phong tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú. Luật Di sản văn hoá cho phép tư nhân/chủ sở hữu sưu tập hiện vật xây dựng bảo tàng ngoài công lập, tư nhân hiến tặng cổ vật cho các bảo tàng công lập. Nhà nước đã đầu tư những khoản ngân sách khá lớn cho mục tiêu bảo tồn di sản văn hoá. Ngoài ra, phải kể tới hàng nghìn tỉ đồng được huy động từ sự tự nguyện đóng góp của cộng đồng cư dân các địa phương cũng như vốn hỗ trợ từ UNESCO.

a) Quyền của công dân về bảo vệ di sản văn hoá thể hiện ở việc 238 hiện vật và nhóm hiện vật được Thủ tướng Chính phủ công nhận là bảo vật quốc gia. *Sai: Việc công nhận bảo vật quốc gia là quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không phải là quyền trực tiếp của công dân. Quyền của công dân thể hiện ở việc họ có thể tiếp cận, nghiên cứu và bảo vệ các di sản văn hóa.*

b) Việc phong tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân và danh hiệu Nghệ nhân ưu tú nằm ngoài lĩnh vực về bảo vệ di sản văn hoá. *Sai: Việc phong tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân và Nghệ nhân ưu tú là một phần trong việc ghi nhận và bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể thông qua việc vinh danh những cá nhân có đóng góp lớn trong việc gìn giữ và truyền bá văn hóa dân gian.*

c) Pháp luật cho phép tư nhân sưu tập hiện vật xây dựng bảo tàng ngoài công lập là để tạo cơ hội cho người dân được tiếp cận và hưởng thụ các giá trị di sản văn hoá. *Đúng: Việc này giúp mở rộng phạm vi bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, đồng thời tạo điều kiện cho người dân tiếp cận và tìm hiểu về các giá trị văn hóa.*

d) Pháp luật quy định cộng đồng cư dân các địa phương có nghĩa vụ tự nguyện đóng góp hàng nghìn tỉ đồng cho mục tiêu bảo tồn di sản văn hoá. *Sai: Pháp luật không quy định cư dân phải có nghĩa vụ tự nguyện đóng góp tài chính cho việc bảo tồn di sản văn hóa. Việc đóng góp là tự nguyện và không bắt buộc.*

**Câu 2:** Đọc đoạn thông tin sau:

Năm 2021, Chùa Đậu – di tích lịch sử được mệnh danh là “Danh lam đệ nhất. trời Nam” bỗng nhiên bị làm mới. Công trình hàng nghìn năm tuổi với nhiều hạng mục được xây thêm, làm mới khiến nhiều người chua xót: Chùa Đậu giờ chỉ còn 1 năm tuổi, nhưng có người lại cho rằng, chỉ vài năm nữa, rêu xanh sẽ mọc lên vì các hạng mục được xây mới, sửa chữa sẽ lại nhuốm màu cổ kính như xưa. Cả chuyện của Chùa Đậu được làm mới vốn không mới, nhưng lại xảy ra thường xuyên tại hầu hết các địa phương trong cả nước.

a) Với việc làm mới, Chùa Đậu chỉ mất đi vẻ cổ kính, nhưng thực tế vẫn được lịch sử hàng nghìn năm. *Sai: Việc làm mới khiến Chùa Đậu mất đi giá trị lịch sử và tính nguyên gốc của công trình, không chỉ mất đi vẻ cổ kính mà còn ảnh hưởng đến giá trị văn hóa và lịch sử của di tích.*

b) Công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hoá bằng cách tranh cãi về việc nên/không nên làm mới các di tích lịch sử. *Sai: Tranh cãi không phải là cách thực hiện quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa. Công dân nên thông báo và hợp tác với cơ quan chức năng để có biện pháp phù hợp bảo vệ di tích.*

c) Nhiều hạng mục được xây thêm và làm mới khiến Chùa Đậu mất đi vẻ cổ kính là dấu hiệu công dân lạm dụng quyền về bảo vệ di sản văn hoá. *Đúng: Việc làm mới và xây thêm hạng mục mà không tuân thủ quy định bảo vệ di sản văn hóa cho thấy sự thiếu trách nhiệm và lạm dụng quyền về bảo vệ di sản văn hóa.*

d) Xử lý hành vi làm mới ở di tích lịch sử Chùa Đậu sẽ ngăn chặn được hiện tượng này ở hầu hết các địa phương khác. *Đúng: Việc xử lý nghiêm các hành vi vi phạm sẽ tạo tiền lệ và răn đe, ngăn chặn tình trạng tương tự ở các địa phương khác.*

**Câu 3:** Đọc đoạn thông tin sau:

Tổ liên ngành an ninh của Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế trong quá trình tuần tra đã phát hiện một nhóm học sinh leo qua gác chắn đi vào khu vực kì đài nên đã đề nghị nhóm học sinh ra khỏi khu vực di tích. Sau đó, phát hiện một số bóng đèn LED chiếu sáng tại đây đã bị đập vỡ, mảnh kính từ bóng đèn nằm vương vãi trên mặt nền di tích. Thông qua hệ thống giám sát của trung tâm, lực lượng bảo vệ xác định đây là hành vi phá hoại tài sản của nhóm học sinh kể trên.

a) Cố đô Huế là di sản văn hóa được nhà nước bảo vệ. *Đúng đây là công trình văn hóa được bảo vệ theo Luật di sản văn hóa*

b) Việc phá hoại các bóng đèn LED của khu di tích không nằm trong giá trị bảo tồn của di tích Cố đô Huế. *Sai, các công trình phụ trợ trong di sản cũng chính là một phần của di sản văn hóa.*

c) Các thanh niên trong thông tin trên thực hiện chưa đúng trách nhiệm của công dân trong việc giữ gìn và bảo vệ di sản văn hóa. *Sai, ở đây các thanh niên chưa thực hiện đúng nghĩa vụ, mọi công dân có trách nhiệm bảo vệ di sản*

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

d) Các học sinh trong thông tin trên sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý về hành vi vi phạm của mình. *Đúng* hành vi này có thể bị xử phạt hành chính ngoài ra còn có thể bị nhà trường xử lý về nội quy nếu các thanh niên đang đi học, đồng thời phải khắc phục thiệt hại do mình gây ra.

**Câu 4:** Đọc đoạn thông tin sau:

Ngôi đền cổ ở xã X của bạn H bị các đối tượng xấu đột nhập trộm một lượng lớn cổ vật có giá trị. Các lực lượng chức năng và người dân địa phương nhiều lần tìm kiếm nhưng chưa bắt được thủ phạm và chưa thu hồi được các cổ vật. Một lần sang nhà bạn thân chơi, H vô tình bắt gặp anh trai bạn thân đang ngồi đóng gói một số đồ vật có hình dạng giống các cổ vật đã bị đánh cắp ở ngôi đền nên nảy sinh nghi ngờ. Sau đó H viết thư tố cáo gửi tới cơ quan chức năng để xem xét. Tuy nhiên vì do sợ bị trả thù nên H đã không trình bày cụ thể tên tuổi và địa chỉ người tố cáo nên đơn tố cáo của H không được xem xét giải quyết.

a) Bạn H vừa chưa thực hiện đúng quyền vừa chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của công dân trong việc bảo vệ di sản văn hóa. *Đúng* ở đây bạn H thực hiện chưa đúng quyền tố cáo hành vi vi phạm về bảo vệ di sản, chưa thực hiện đúng trách nhiệm bảo vệ di sản ở đây là không dám đứng lên tố cáo.

b) Người dân và lực lượng chức năng chưa thực hiện tốt nghĩa vụ của công dân về bảo vệ di sản văn hóa theo quy định. *Đúng*, ở đây di sản văn hóa là sản phẩm của cả cộng đồng có trách nhiệm bảo vệ, việc để mất cắp là thể hiện việc chưa thực hiện tốt nghĩa vụ của công dân.

c) Việc cơ quan chức năng không xem xét đơn của H là hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ di sản. *Sai*, vì đơn của H không ghi cụ thể tên người tố cáo nên cơ quan chức năng không xem xét giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

d) Bạn H nên trực tiếp chia sẻ với người có thẩm quyền để có biện pháp xử lý phù hợp. *Đúng*, thông qua việc chia sẻ này sẽ giúp các cơ quan chức năng có hướng giải quyết phù hợp.

**Câu 5:** Đọc đoạn thông tin sau:

Nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản văn hoá, anh K đã dày công tìm hiểu và số hoá các di sản văn hoá Việt Nam. Dự án của anh K đã góp phần giúp cho công chúng có thể tiếp cận dễ dàng với các di sản bằng việc trải nghiệm qua mô hình 2D và 3D qua đó cũng góp phần giúp anh K có được một phần thu nhập từ việc quảng bá các di sản này. Nhờ đó, giúp mọi người hiểu rõ và có ý thức hơn trong việc bảo vệ các di sản văn hoá của Việt Nam.

a) Việc tìm hiểu các di sản văn hoá Việt Nam của anh K là phù hợp với quyền của công dân trong việc tiếp cận di sản văn hoá. *Đúng*, mọi công dân có quyền tìm hiểu và hưởng thụ các giá trị của di sản.

b) Quá trình số hóa các di sản văn hoá Việt Nam để mọi người có thể tiếp cận của anh K phù hợp với trách nhiệm của công dân trong bảo vệ di sản. *Sai* đây là quyền của mỗi công dân trong việc góp phần bảo vệ di tích.

c) Hoạt động thu phí từ việc quảng bá di sản của anh K là vi phạm Luật di sản văn hoá. *Sai* đây là hình thức quảng bá không vi phạm pháp luật nên anh K có thể thu phí nếu thấy phù hợp

d) Bản quyền số hóa các di sản văn hoá này thuộc quyền sở hữu của anh K. *Đúng*, anh K là tác giả của các sản phẩm này nên anh là chủ sở hữu hợp pháp đối với các sản phẩm này

**Câu 6:** Đọc đoạn thông tin sau:

Ngôi đền ở xã X từ lâu đã tồn tại các lễ hội, phong tục tốt đẹp được pháp luật bảo vệ. Ông P, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã đề xuất trùng tu lại ngôi đền để đảm bảo an toàn về mặt kiến trúc và bảo vệ các giá trị văn hoá. Biết được thông tin này, anh Y đã giả danh là một công ty xây dựng để nhận thầu thi công. Phát hiện thấy trong đền có nhiều cổ vật nên anh Y có ý định lấy trộm. Anh Y dùng tiền, quà tặng để hối lộ ông P và đã thành công lấy được một số cổ vật. Người dân xã X phát hiện sự việc nên đã ngay lập tức trình báo vụ việc cho cơ quan chức năng.

a) Ông P đề xuất trùng tu lại ngôi đền thể hiện ông là người hiểu rõ quyền và nghĩa vụ về bảo tồn di sản văn hoá. *Đúng* điều thể hiện trách nhiệm của công dân trong tham gia bảo vệ các di sản văn hoá

b) Hành vi nhận hối lộ của ông P và dung túng cho anh Y phạm tội là **không** vi phạm quy định của pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá. *Sai*, hành vi này đã vi phạm các quy định của pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá, gián tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ các di sản văn hoá khiến các di sản bị mất mát

c) Người dân xã X đã sử dụng quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ di sản văn hoá để tố cáo vụ việc của anh Y cho cơ quan có thẩm quyền. *Đúng* mọi công dân nếu phát hiện các hành vi vi phạm về bảo vệ di sản văn hoá đều có quyền tố cáo tới cơ quan chức năng

d) Anh Y đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về hưởng thụ các di sản văn hoá vật chất và tinh thần của dân tộc. *Sai*, hành vi của anh Y ở đây là xâm phạm đến giá trị các di sản văn hoá

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

**TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025**

**II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG BẢO VỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (Mỗi câu hỏi chỉ chọn một phương án)**

**Câu 1:** “Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa” thuộc nội dung quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong

- A.** bảo vệ môi trường tự nhiên                      **B.** bảo vệ tài nguyên thiên nhiên  
**C.** bảo vệ di sản văn hóa                              **D.** tiếp cận di sản văn hóa.

**Câu 2:** Theo quy định của pháp luật, công dân có **quyền** bảo vệ các di sản văn hóa trong trường hợp nào dưới đây?

- A.** thông báo địa điểm phát hiện di vật, cổ vật của quốc gia  
**B.** tôn trọng bảo vệ, giữ gìn di sản văn hóa  
**C.** khiểm nại các hành vi vi phạm pháp luật trong bảo vệ di sản văn hóa  
**D.** thông báo địa điểm giao nộp di vật, cổ vật của quốc gia

**Câu 3:** Theo quy định của pháp luật, công dân có **quyền** bảo vệ các di sản văn hóa trong trường hợp nào dưới đây?

- A.** thông báo địa điểm phát hiện di vật, cổ vật của quốc gia  
**B.** tôn trọng bảo vệ, giữ gìn di sản văn hóa  
**C.** được thực hiện các biện pháp bảo vệ di sản văn hóa theo quy định  
**D.** thông báo địa điểm giao nộp di vật, cổ vật của quốc gia

**Câu 4:** Theo quy định của pháp luật, công dân có **nghĩa vụ** bảo vệ các di sản văn hóa trong trường hợp nào dưới đây?

- A.** tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật trong bảo vệ di sản văn hóa  
**B.** tôn trọng bảo vệ, giữ gìn di sản văn hóa của quốc gia  
**C.** được thực hiện các biện pháp bảo vệ di sản văn hóa theo quy định  
**D.** nghiên cứu di sản văn hóa quốc gia

**Câu 5:** Theo quy định của pháp luật, công dân có **nghĩa vụ** bảo vệ các di sản văn hóa trong trường hợp nào dưới đây?

- A.** tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật trong bảo vệ di sản văn hóa  
**B.** thông báo địa điểm phát hiện di vật, cổ vật của quốc gia  
**C.** được thực hiện các biện pháp bảo vệ di sản văn hóa theo quy định  
**D.** nghiên cứu di sản văn hóa quốc gia

**Câu 6:** “Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường” thuộc nội dung quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong

- A.** bảo vệ môi trường tự nhiên                      **B.** bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên  
**C.** bảo vệ di sản văn hóa                              **D.** tiếp cận di sản văn hóa.

**Câu 7:** Theo Điều 4 của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của

- A.** mọi cơ quan, tổ chức của nhà nước.                      **B.** mọi cơ quan, tổ chức của tư nhân  
**C.** mọi cơ quan, tổ chức của quốc tế                      **D.** mọi cá nhân, cơ quan, tổ chức và cộng đồng

**Câu 8:** Theo Điều 6 của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, hành vi nào dưới đây bị nghiêm cấm trong hoạt động bảo vệ môi trường?

- A.** khai thác sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên theo quy định.  
**B.** được tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường  
**C.** được tiếp cận, tìm hiểu thông tin về môi trường  
**D.** xả chất thải chưa được xử lý ra môi trường tự nhiên

**Câu 9:** Theo quy định của pháp luật, công dân có **quyền** bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên trong trường hợp nào dưới đây?

- A.** che giấu các hành vi gây ô nhiễm môi trường.  
**B.** tôn trọng các quyền bảo vệ môi trường của người khác  
**C.** chi trả, bồi thường, khắc phục sự cố môi trường  
**D.** tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

**Câu 10:** Theo quy định của pháp luật, công dân có **nghĩa vụ** bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên trong trường hợp nào dưới đây?

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- A. tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường
- B. bảo vệ tài nguyên thiên nhiên theo quy định
- C. chi trả, bồi thường, khắc phục sự cố môi trường
- D. che giấu các hành vi gây ô nhiễm môi trường.

**Câu 11:** Di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam bao gồm những yếu tố nào sau đây?

- A. Các di tích lịch sử và công trình kiến trúc
- B. Các phong tục, lễ hội, nghệ thuật trình diễn dân gian
- C. Các bảo tàng và thư viện
- D. Các khu du lịch và điểm tham quan

**Câu 12:** Tại sao việc bảo vệ di sản văn hóa lại quan trọng đối với Việt Nam?

- A. Để thu hút khách du lịch quốc tế
- B. Để giữ gìn bản sắc dân tộc và truyền thống văn hóa
- C. Để phát triển kinh tế quốc gia
- D. Để xây dựng các công trình hiện đại

**Câu 13:** Một trong những hành động nào sau đây **không** phù hợp với việc bảo vệ di sản văn hóa?

- A. Tham gia vào các hoạt động bảo tồn và phục hồi di tích
- B. Chụp ảnh và chia sẻ hình ảnh về di sản trên mạng xã hội
- C. Khai thác tài nguyên di sản để kinh doanh mà không quan tâm đến bảo tồn
- D. Tìm hiểu và tuyên truyền về giá trị của di sản văn hóa

**Câu 14:** Hoạt động nào sau đây **không** phải là biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng ở Việt Nam?

- A. Trồng rừng mới và bảo vệ rừng hiện có
- B. Khai thác gỗ trái phép để tăng nguồn thu nhập
- C. Tuyên truyền, giáo dục về ý thức bảo vệ rừng
- D. Hạn chế khai thác và sử dụng các sản phẩm từ gỗ rừng tự nhiên

**Câu 15:** Việc phân loại và tái chế rác thải sinh hoạt có lợi ích gì đối với môi trường?

- A. Giảm thiểu lượng rác thải đưa vào các bãi chôn lấp
- B. Tăng cường ô nhiễm môi trường nước và không khí
- C. Làm tăng lượng rác thải không phân hủy
- D. Tạo ra nhiều chất thải độc hại hơn cho môi trường

**Câu 16:** Chính sách nào của nhà nước Việt Nam có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên?

- A. Khuyến khích khai thác tối đa tài nguyên để phát triển kinh tế
- B. Ban hành các quy định về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên
- C. Tăng cường xuất khẩu tài nguyên thô mà không qua chế biến
- D. Mở rộng diện tích đất rừng để khai thác khoáng sản

**Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai (5 câu).** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

**Câu 1.** Đọc đoạn thông tin sau:

Cắm trại đang trở thành một hoạt động phổ biến trong giới trẻ hiện nay, không chỉ vì nó mang lại cơ hội thư giãn và khám phá thiên nhiên mà còn giúp tăng cường sự kết nối với nhau. Tuy nhiên, sự gia tăng của hoạt động này cũng đồng nghĩa với việc cần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Sau mỗi chuyến cắm trại, việc dọn dẹp và giữ gìn sạch sẽ khu vực cắm trại là rất quan trọng. Giới trẻ cần chú ý thu gom và xử lý rác thải đúng cách, không để lại bất kỳ dấu vết nào của sự hiện diện, như lửa trại còn sót lại hay rác thải. Việc này không chỉ bảo vệ môi trường mà còn góp phần duy trì vẻ đẹp tự nhiên cho những người đến sau. Sự ý thức và trách nhiệm của mỗi cá nhân sẽ giúp bảo vệ hệ sinh thái và đảm bảo rằng các thế hệ tương lai cũng có thể tận hưởng thiên nhiên một cách trọn vẹn.

a) Cắm trại là hoạt động mang lại cơ hội thư giãn và khám phá thiên nhiên, đồng thời cũng giúp củng cố mối quan hệ và sự kết nối giữa các cá nhân.	<b>Đúng</b>
b) Việc bảo vệ môi trường sau hoạt động cắm trại rất quan trọng.	<b>Đúng</b>
c) Thu gom và xử lý rác sau hoạt động cắm trại không chỉ bảo vệ môi trường mà còn duy trì vẻ đẹp tự nhiên cho những người cắm trại sau này	<b>Đúng</b>
d) Cắm trại là hoạt động vui chơi, giải trí, còn việc dọn dẹp rác thải là không cần thiết	<b>Sai</b>

**Câu 2.** Đọc đoạn thông tin sau:

Việc bảo vệ nước sạch hiện nay ở Việt Nam là vô cùng quan trọng vì nước sạch là nguồn tài nguyên thiết yếu cho sức khỏe cộng đồng và sự phát triển bền vững. Nước sạch không chỉ phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cuộc sống và sức khỏe của người dân. Ô nhiễm

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

nguồn nước do chất thải công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt có thể dẫn đến các vấn đề sức khỏe nghiêm trọng, như bệnh tật và ô nhiễm nguồn thực phẩm. Bảo vệ nước sạch giúp đảm bảo nguồn cung cấp nước an toàn cho sinh hoạt, cải thiện điều kiện sống, và hỗ trợ sự phát triển kinh tế bền vững của đất nước.

a) Nước sạch là một tài nguyên cơ bản cần thiết cho sức khỏe cộng đồng và sự phát triển bền vững.	<b>Đúng</b>
b) Ô nhiễm nước do các hoạt động công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt có thể gây ra các vấn đề sức khỏe nghiêm trọng như bệnh tật và ô nhiễm thực phẩm.	<b>Đúng</b>
c) Bảo vệ nước sạch không chỉ giúp cung cấp nước an toàn cho sinh hoạt mà còn góp phần cải thiện điều kiện sống của người dân.	<b>Đúng</b>
d) Việc duy trì nguồn nước sạch là không cần thiết vì nguồn nước ở nước ta là vô hạn đặc biệt là vào mùa mưa.	<b>Sai</b>

### Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Bạn H và nhóm bạn cùng lớp đã lên kế hoạch tổ chức một buổi tham quan di tích lịch sử địa phương, nhưng có một số thành viên trong nhóm cho rằng việc tham quan này không cần thiết và lãng phí thời gian. Họ muốn dành thời gian cho các hoạt động giải trí khác. Vì họ cho rằng việc bảo vệ di sản văn hóa là không quan trọng

a) Di sản văn hóa là những giá trị lịch sử, văn hóa được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác, giúp chúng ta hiểu rõ hơn về nguồn gốc, bản sắc dân tộc và giữ gìn những giá trị tinh thần của cộng đồng.	<b>Đúng</b>
b. Tham quan di tích lịch sử không chỉ là cơ hội để học hỏi kiến thức mới, mà còn giúp chúng ta biết trân trọng và có ý thức bảo vệ các giá trị văn hóa, lịch sử của quê hương.	<b>Đúng</b>
c) Các di tích lịch sử của từng địa phương không quan trọng, chỉ có di tích văn hóa mang tầm quốc gia mới đáng để bảo tồn	<b>Sai</b>
d) Không đi tham quan vì không cần thiết và lãng phí thời gian	<b>Sai</b>

### Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Việc bảo vệ di tích văn hóa chùa cổ của Việt Nam có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc giữ gìn bản sắc dân tộc và truyền thống văn hóa. Chùa cổ không chỉ là nơi thờ cúng linh thiêng mà còn là biểu tượng của lịch sử, nghệ thuật và kiến trúc độc đáo. Những ngôi chùa này chứa đựng những giá trị tinh thần, giáo dục đạo đức, và là nơi hội tụ của những nghi lễ, phong tục truyền thống. Việc bảo tồn di tích chùa cổ giúp thế hệ sau hiểu rõ hơn về nguồn cội, văn hóa của dân tộc, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ và phát huy những giá trị này. Đồng thời, chùa cổ cũng là điểm thu hút du khách, góp phần phát triển kinh tế và quảng bá hình ảnh Việt Nam ra thế giới.

a) Ngôi chùa không chỉ là một công trình kiến trúc cổ, mà còn là nơi lưu giữ các giá trị văn hóa, tín ngưỡng và là một phần của lịch sử địa phương.	<b>Đúng</b>
b) Ngôi chùa cổ nếu không trùng tu kịp thời, ngôi chùa có thể bị hư hỏng nghiêm trọng hơn hoặc thậm chí bị phá hủy, gây mất mát lớn cho cộng đồng.	<b>Đúng</b>
c) Ngôi chùa chùa cổ cũng là điểm thu hút du khách, góp phần phát triển kinh tế và quảng bá hình ảnh Việt Nam ra thế giới.	<b>Đúng</b>
d) Không cần phải bảo vệ và gìn giữ các ngôi chùa cổ vì hiện nay có nhiều tiêu cực liên quan đến một số ngôi chùa trong cả nước	<b>Sai</b>

### Câu 5. Đọc đoạn thông tin sau:

Áo bà ba là một biểu tượng văn hóa độc đáo của Việt Nam, đặc biệt phổ biến ở vùng Nam Bộ. Áo bà ba không chỉ là trang phục truyền thống mà còn thể hiện tinh thần giản dị, mộc mạc, và sự khéo léo trong cách ăn mặc của người Việt. Việc bảo vệ và phát huy văn hóa áo bà ba không chỉ giúp giữ gìn bản sắc dân tộc mà còn là cách để giới thiệu văn hóa Việt Nam ra thế giới. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, khi các nền văn hóa khác nhau dễ dàng bị xâm nhập và hòa tan, việc giữ gìn những giá trị truyền thống như áo bà ba là cần thiết để duy trì sự đa dạng và phong phú của văn hóa dân tộc. Bằng cách bảo tồn và tôn vinh áo bà ba, chúng ta không chỉ bảo vệ di sản văn hóa mà còn góp phần giữ gìn những giá trị tinh thần, lịch sử và bản sắc dân tộc cho thế hệ mai sau.

a) Áo bà ba, một trang phục truyền thống gắn liền với cuộc sống của người phụ nữ miền Nam Việt Nam. <b>Đúng</b> , Áo Bà ba luôn hiện diện như người bạn đồng hành không thể thiếu với người phụ nữ Nam Bộ ngày xưa.
---

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT





**TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025**

**BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO**

**Phần I. TRẮC NGHIỆM 1 PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN**

**Chọn 1 đáp án đúng nhất**

**Câu 1.** Cơ sở xây dựng pháp luật quốc tế là

- A.** bình đẳng và tự nguyện.                      **B.** công bằng và tự nguyện  
**C.** thoả thuận và tự nguyện.                      **D.** bình đẳng và thoả thuận

**Câu 2.** Phương thức để các quốc gia hoặc các chủ thể khác của pháp luật quốc tế xây dựng các nguyên tắc và quy phạm pháp luật quốc tế là

- A.** thương lượng.                      **B.** hoà giải                      **C.** thoả thuận.                      **D.** áp đặt.

**Câu 3.** Nội dung nào dưới đây không phải là vai trò của pháp luật quốc tế

- A.** Cơ sở điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia và các chủ thể khác của pháp luật quốc tế  
**B.** Cơ sở thiết lập quan hệ ngoại giao, hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia.  
**C.** Cơ sở giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia và các chủ thể khác của pháp luật quốc tế.  
**D.** Cơ sở thay đổi hệ thống quy phạm pháp luật của các quốc gia.

**Câu 4.** Nội dung quan trọng nhất của nguyên tắc bình đẳng là

- A.** bình đẳng về chủ quyền.                      **B.** bình đẳng về nghĩa vụ.  
**C.** bình đẳng về vị thế quốc gia.                      **D.** bình đẳng về lợi ích.

**Câu 5.** Giải quyết tranh chấp quốc tế bằng đàm phán, trung gian, hoà giải, trọng tài, toà án là các biện pháp của

- A.** nguyên tắc giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình,  
**B.** nguyên tắc quyền tự quyết của các dân tộc.  
**C.** nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác.  
**D.** nguyên tắc bình đẳng của các dân tộc.

**Câu 6.** Nghĩa vụ hợp tác của các quốc gia được hiểu là

- A.** nghĩa vụ hợp tác giữa các quốc gia với nhau.  
**B.** nghĩa vụ hợp tác giữa quốc gia với các tổ chức của Liên hợp quốc mà quốc gia đó là thành viên.  
**C.** nghĩa vụ hợp tác giữa quốc gia với quốc gia và với các tổ chức của Liên hợp quốc mà quốc gia đó là thành viên.  
**D.** nghĩa vụ hợp tác giữa quốc gia với quốc gia và với các tổ chức quốc tế khác.

**Câu 7.** Nhận định nào dưới đây là đúng khi nói về vai trò của pháp luật quốc tế?

- A.** Điều chỉnh luật pháp trong một quốc gia cụ thể.  
**B.** Thúc đẩy sự đoàn kết và hợp tác giữa các quốc gia.  
**C.** Quyết định vấn đề nội bộ của mỗi quốc gia.  
**D.** Tạo ra sự đối đầu và xung đột giữa các quốc gia.

**Câu 8.** Pháp luật quốc tế được phát triển thông qua

- A.** quyết định của một quốc gia duy nhất.  
**B.** hiệp định và thoả thuận giữa các quốc gia.  
**C.** sự can thiệp của các tổ chức kinh tế quốc tế.  
**D.** sự chứng kiến của một tổ chức phi chính phủ.

**Câu 9.** Mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia được mô tả như thế nào?

- A.** Pháp luật quốc tế và luật quốc gia hoàn toàn độc lập với nhau.  
**B.** Pháp luật quốc tế phụ thuộc vào luật quốc gia.  
**C.** Pháp luật quốc gia là cơ sở để xây dựng pháp luật quốc tế.  
**D.** Pháp luật quốc tế là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện luật quốc gia.

**Câu 10.** Trong trường hợp có tranh chấp về biên giới giữa hai quốc gia, nguyên tắc nào của pháp luật quốc tế cần được áp dụng đầu tiên?

- A.** Nguyên tắc quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc.  
**B.** Nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.  
**C.** Nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác.  
**D.** Nguyên tắc cấm dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực.

**Câu 11.** Một quốc gia ký kết một hiệp định quốc tế về bảo vệ môi trường. Quốc gia này cần tuân thủ nguyên tắc nào của pháp luật quốc tế?

- A.** Nguyên tắc hợp tác quốc tế.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

B. Nguyên tắc không can thiệp vào nội bộ quốc gia khác.

C. Nguyên tắc tự quyết của các dân tộc.

**D.** Nguyên tắc tận tâm, thiện chí thực hiện cam kết quốc tế.

**Câu 12.** Quốc gia X ban hành luật mới về Luật biển quốc gia nhưng luật này mâu thuẫn với một hiệp định quốc tế mà quốc gia đã ký kết (*đã trở thành Công ước Quốc tế*). Hướng xử lý nào là phù hợp theo quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia?

A. Luật quốc gia phải được ưu tiên thi hành.

B. Hiệp định quốc tế phải được ưu tiên thi hành.

C. Quốc gia X cần sửa đổi luật quốc gia để phù hợp với hiệp định quốc tế.

D. Quốc gia X có quyền rút khỏi hiệp định quốc tế đó.

**Đọc thông tin sau trả lời câu hỏi 13,14,15**

Việt Nam là thành viên của Công ước Quốc tế về các quyền lao động, trong đó bao gồm các tiêu chuẩn về điều kiện làm việc và bảo vệ quyền lợi của người lao động. Để thực hiện các cam kết quốc tế này, Việt Nam đã áp dụng các quy định của Luật Lao động 2019, điều chỉnh và cập nhật các quy định liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động cũng như người sử dụng lao động. Luật Lao động 2019 được xây dựng nhằm đảm bảo sự phù hợp với các nguyên tắc của Công ước Quốc tế về quyền lao động và tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững của thị trường lao động. Ngoài Luật Lao động, Việt Nam còn ban hành nhiều văn bản pháp lý khác liên quan đến lao động, bao gồm Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, và các nghị định về an toàn lao động, bảo hiểm xã hội.

Câu hỏi:

**Câu 13.** Mỗi quan hệ giữa việc thực hiện các cam kết quốc tế và quy định pháp luật lao động quốc gia được thể hiện qua nội dung nào dưới đây?

A. Đảm bảo điều kiện làm việc và bảo vệ quyền lợi của người lao động

**B.** Cập nhật các quy định của Luật Lao động để phù hợp với Công ước Quốc tế về quyền lao động

C. Thực hiện các nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội và an toàn lao động

D. Xây dựng chính sách phát triển thị trường lao động

**Câu 14.** Tại sao Việt Nam cần phải điều chỉnh các quy định trong Luật Lao động để phù hợp với Công ước Quốc tế về quyền lao động?

A. Để bảo vệ quyền lợi của người lao động và tạo sự công bằng trong quan hệ lao động

B. Để đáp ứng yêu cầu của các tổ chức quốc tế và nâng cao uy tín quốc gia

**C.** Để thực hiện các cam kết quốc tế và đảm bảo sự phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế

D. Để cải cách hệ thống bảo hiểm xã hội và tăng cường an toàn lao động

**Câu 15.** Để thực hiện các cam kết của Công ước Quốc tế về quyền lao động, Việt Nam đã thực hiện các biện pháp nào theo Luật Lao động 2019?

**A.** Cập nhật và điều chỉnh các quy định về quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động

B. Đảm bảo các điều kiện làm việc và bảo vệ quyền lợi của người lao động trong mọi lĩnh vực

C. Ban hành các nghị định về an toàn lao động và bảo hiểm xã hội

D. Tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của thị trường lao động và tăng cường quản lý lao động

## II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

**Câu 1.** *Đọc đoạn thông tin sau:*

Trong quá trình hội nhập quốc tế, việc tham gia vào các tổ chức quốc tế và thực hiện các cam kết quốc tế là một nhiệm vụ quan trọng của Việt Nam. Đặc biệt, Bộ Ngoại giao Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối các hoạt động ngoại giao và bảo đảm rằng các hiệp định quốc tế mà Việt Nam ký kết được thực hiện đúng đắn. Bộ này đã tham gia đàm phán nhiều hiệp định quốc tế quan trọng, bao gồm các hiệp định về bảo vệ môi trường, an ninh khu vực, và các thỏa thuận đa phương liên quan đến phát triển bền vững. Ví dụ, Bộ Ngoại giao Việt Nam đã chủ trì các cuộc đàm phán để ký kết các thỏa thuận về biến đổi khí hậu và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, cũng như tham gia tích cực vào các diễn đàn quốc tế để thúc đẩy các mục tiêu phát triển toàn cầu.

(Nguồn: *Tạp chí Đối ngoại*, Số 129)

1. Bộ Ngoại giao Việt Nam không tham gia vào việc đàm phán các hiệp định quốc tế quan trọng.

**S**



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

2. Các hiệp định quốc tế mà Việt Nam ký kết không có tác động đến môi trường và phát triển bền vững. **S**
3. Việt Nam tích cực tham gia vào các thỏa thuận quốc tế liên quan đến bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. **D**
4. Việc thực hiện các cam kết quốc tế không phải là trách nhiệm của Bộ Ngoại giao Việt Nam. **S**

### Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 5-6/12, tại phiên họp đặc biệt của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ở Geneva (Thụy Sĩ), Hội đồng Bảo an đã thảo luận về “Tình hình nhân quyền và các hành vi vi phạm nhân quyền ở Myanmar”. Tại phiên họp này, nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế đã bày tỏ quan ngại về tình trạng vi phạm nhân quyền nghiêm trọng tại Myanmar, bao gồm các hành vi bạo lực và đàn áp đối với các nhóm dân tộc thiểu số và các nhà hoạt động chính trị. Đồng thời, các quốc gia này kêu gọi cộng đồng quốc tế tăng cường áp lực đối với chính phủ Myanmar và yêu cầu các biện pháp trừng phạt nghiêm khắc hơn nhằm chấm dứt các vi phạm nhân quyền.

(Nguồn: <https://baotintuc.vn/>)

1. Việc Hội đồng Bảo an LHQ thảo luận về tình hình nhân quyền ở Myanmar là phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế. **D**
2. Các quốc gia và tổ chức quốc tế kêu gọi áp dụng các biện pháp trừng phạt nghiêm khắc hơn đối với Myanmar là hành vi vi phạm nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia. **S**
3. Các hành vi vi phạm nhân quyền nghiêm trọng tại Myanmar có thể được coi là hành vi vi phạm các nghĩa vụ quốc tế về nhân quyền. **D**
4. Tăng cường áp lực quốc tế đối với Myanmar nhằm chấm dứt các vi phạm nhân quyền không phải là một hành động hợp pháp theo pháp luật quốc tế. **S**

### Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Năm 2004, Việt Nam gia nhập Công ước Genève năm 1951 về tình trạng người tị nạn và Nghị định thư năm 1967 liên quan. Điều 33 của Công ước Genève quy định nguyên tắc không trục xuất người tị nạn, nhấn mạnh rằng “các bên ký kết không được trục xuất hoặc trao trả người tị nạn đến một quốc gia nơi họ có thể bị đe dọa”. Nguyên tắc này đã được tích hợp vào pháp luật Việt Nam qua Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014, trong đó quy định rằng Việt Nam phải tuân thủ các nghĩa vụ quốc tế liên quan đến việc bảo vệ người tị nạn và người xin tị nạn.

(Nguồn: *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*)

1. Việc Việt Nam gia nhập Công ước Genève về người tị nạn năm 1951 và Nghị định thư năm 1967 không có tác động đến quy định của pháp luật Việt Nam về quyền và nghĩa vụ của người tị nạn. **S**
2. Nguyên tắc không trục xuất người tị nạn theo Công ước Genève được phản ánh rõ trong Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014. **D**
3. Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 áp dụng cho người nước ngoài, nhưng không liên quan đến việc bảo vệ người tị nạn và người xin tị nạn. **S**
4. Điều 33 của Công ước Genève năm 1951 về người tị nạn có thể được áp dụng trực tiếp trong pháp luật Việt Nam mà không cần phải được chuyển hóa qua các quy định pháp lý nội bộ. **S**

### Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Năm 2020, Việt Nam chính thức phê chuẩn Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển (UNCLOS) năm 1982, theo đó Việt Nam cam kết tuân thủ các quy định quốc tế liên quan đến chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán trên các vùng biển. Điều 58 của UNCLOS quy định rằng các quốc gia phải tôn trọng các quyền và tự do của các quốc gia ven biển trong việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, cũng như bảo vệ môi trường biển. Luật Biển Việt Nam năm 2012 cũng đã chuyển hóa các quy định của UNCLOS vào pháp luật quốc gia, cụ thể quy định rằng “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của quốc gia ven biển theo quy định của luật quốc tế” (Điều 6 - Luật Biển Việt Nam 2012).

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

1. Việt Nam phê chuẩn Công ước UNCLOS năm 1982 là một minh chứng cho việc Việt Nam cam kết tôn trọng và tuân thủ luật pháp quốc tế về biển. **Đ**
2. Các quốc gia ven biển, bao gồm cả Việt Nam, có quyền tuyệt đối trong việc khai thác tài nguyên trong vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) mà không cần tuân thủ bất kỳ quy định quốc tế nào. **S**
3. Luật Biển Việt Nam năm 2012 được ban hành nhằm thực thi các cam kết quốc tế của Việt Nam liên quan đến luật biển, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của quốc gia. **Đ**
4. Quy định của UNCLOS và Luật Biển Việt Nam không có giá trị pháp lý cao hơn so với các quy định pháp luật quốc gia khác liên quan đến biển. **S**

### Câu 5. Đọc đoạn thông tin sau:

Theo Bộ luật Lao động năm 2019, người chưa thành niên (dưới 18 tuổi) được bảo vệ đặc biệt trong quan hệ lao động, bao gồm các quy định về độ tuổi, điều kiện làm việc, và thời gian làm việc. Đồng thời, Việt Nam cũng đã tham gia Công ước của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) về xóa bỏ lao động trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em trong lao động. Công ước ILO số 138 quy định rằng tuổi tối thiểu để tham gia lao động không được dưới 15 tuổi, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt được quy định trong luật quốc gia. Điều này đã được Việt Nam thể hiện rõ trong Bộ luật Lao động, với các quy định cụ thể về việc cấm sử dụng lao động trẻ em dưới độ tuổi tối thiểu và bảo vệ trẻ em trong quá trình làm việc.

1. Theo quy định của luật quốc tế và pháp luật Việt Nam, trẻ em dưới 15 tuổi hoàn toàn không được tham gia bất kỳ hoạt động lao động nào, bất kể điều kiện lao động là gì. **S**
2. Bộ luật Lao động Việt Nam năm 2019 quy định rõ ràng về độ tuổi tối thiểu cho phép trẻ em tham gia lao động, phù hợp với các quy định quốc tế về lao động trẻ em. **Đ**
3. Việt Nam đã tham gia Công ước ILO số 138, nhưng vẫn có thể cho phép trẻ em dưới 15 tuổi làm việc trong các điều kiện đặc biệt được quy định trong pháp luật quốc gia. **Đ**
4. Các quy định về lao động trẻ em trong Bộ luật Lao động Việt Nam chỉ áp dụng đối với trẻ em là công dân Việt Nam, không áp dụng cho trẻ em nước ngoài làm việc tại Việt Nam. **S**

## Bài 15. CÔNG PHÁP QUỐC TẾ VỀ DÂN CƯ, LÃNH THỔ VÀ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA

### HỆ THỐNG LÝ THUYẾT

#### 1. Công pháp quốc tế về dân cư

##### a. Chế độ pháp lý của các bộ phận dân cư trong quốc gia

- Dân cư quốc gia là tổng hợp những người sinh sống, cư trú trên lãnh thổ của quốc gia, chịu sự quản lý bằng pháp luật của nhà nước ở quốc gia đó.
- Dân cư của một quốc gia bao gồm 3 bộ phận: công dân nước sở tại, công dân nước ngoài, người không quốc tịch.
- Chế độ pháp lý của công dân một quốc gia thường được quy định trong Hiến pháp hoặc luật cơ bản của quốc gia.
- Các chế độ pháp lý dành cho người nước ngoài gồm chế độ đãi ngộ quốc gia áp dụng trong các lĩnh vực chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá; chế độ đãi ngộ tối huệ quốc chủ yếu được áp dụng trong lĩnh vực thương mại và hàng hải; chế độ đãi ngộ đặc biệt được áp dụng đối với các cơ quan và nhân viên ngoại giao và lãnh sự ở nước ngoài.
- Chế độ pháp lý của người không quốc tịch cư trú và sinh sống ở một quốc gia về cơ bản tương tự như của người nước ngoài cư trú và sinh sống tại quốc gia đó.

##### b. vấn đề cư trú chính trị và bảo hộ công dân.

- Cư trú chính trị là việc một quốc gia cho phép những người nước ngoài đang bị trục nã tại quốc gia mà họ mang quốc tịch do những hoạt động và quan điểm về chính trị, khoa học và tôn giáo,... được quyền nhập cảnh và cư trú trên lãnh thổ của nước mình.
- Bảo hộ công dân là hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích của công dân nước mình ở nước ngoài cũng như đại diện cho Nhà nước thực hiện sự giúp đỡ về mọi mặt cho công dân của nước mình đang ở nước ngoài.

#### 2. Công pháp quốc tế về lãnh thổ và biên giới quốc gia.

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- Lãnh thổ quốc gia là các bộ phận lãnh thổ thuộc chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối hay riêng biệt của một quốc gia, tại đó quốc gia duy trì quyền lực nhà nước đối với cộng đồng dân cư của nó.
- Chủ quyền của quốc gia đối với lãnh thổ được thể hiện ở hai phương diện: quyền lực và vật chất.
- Tất cả các quốc gia đều có nghĩa vụ tôn trọng quyền bất khả xâm phạm về lãnh thổ của quốc gia khác.
- Biên giới quốc gia là ranh giới phân định lãnh thổ của quốc gia này với lãnh thổ của quốc gia khác hoặc với các vùng mà quốc gia có quyền chủ quyền trên biển. – Chế độ pháp lý biên giới của mỗi quốc gia đều được quy định trong pháp luật quốc gia đó và các điều ước quốc tế giữa quốc gia đó với các quốc gia có chung đường biên giới.

### 3. Công pháp quốc tế về các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia.

#### a. Pháp luật quốc tế về các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

- Các vùng biển thuộc chủ quyền của quốc gia ven biển gồm vùng nội thủy và vùng lãnh hải.
- Trong vùng nội thủy, quốc gia ven biển có chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ. Bất kỳ ai muốn ra vào hoặc hoạt động trong vùng nội thủy của quốc gia khác đều phải xin phép và chỉ được lưu thông, hoạt động khi đã được phép.
- Trong vùng lãnh hải, quốc gia ven biển có chủ quyền hoàn toàn và đầy đủ trừ quyền đi qua không gây hại của tàu thuyền nước ngoài.

#### b. Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền của quốc gia gồm vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.
- Trong vùng tiếp giáp lãnh hải quốc gia ven biển có quyền thi hành sự kiểm soát cần thiết đối với tàu thuyền nước ngoài nhằm ngăn ngừa và trừng trị một số loại vi phạm pháp luật nhất định xảy ra trên lãnh thổ hay trong lãnh hải của mình.
- Trong vùng đặc quyền kinh tế, quốc gia ven biển có quyền thăm dò khai thác, bảo tồn và quản lý các tài nguyên thiên nhiên cũng như những hoạt động khác nhằm thăm dò và khai thác vùng này vì mục đích kinh tế. Các quốc gia khác được hưởng các quyền tự do hàng hải và hàng không, quyền tự do đặt dây cáp và ống dẫn ngầm.

Ở thềm lục địa, quốc gia ven biển có đặc quyền về thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên của mình, cho phép đặt tuyến ống dẫn, cho phép và quy định việc khoan ở thềm lục địa bất kỳ vào mục đích gì.

- Các quốc gia ven biển có nghĩa vụ không được cản trở quyền tự do hàng hải, hàng không, đặt dây cáp và ống dẫn ngầm của các quốc gia khác trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của mình.

## BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO

### Phần I: Trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (15 câu).

**Câu 1.** Hệ thống pháp luật quốc tế điều chỉnh các quan hệ chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật... nảy sinh giữa các quốc gia trong quan hệ hợp tác với nhau được gọi là

- A. công pháp quốc tế.      B. công luật quốc gia.      C. pháp lệnh quốc dân.      D. pháp lệnh quốc gia.

**Câu 2.** Tổng hợp những người sinh sống, cư trú trên lãnh thổ của quốc gia, chịu sự quản lý bằng pháp luật của nhà nước ở quốc gia đó được gọi là

- A. dân cư địa phương.      B. dân cư quốc gia.      C. dân số nội địa.      D. dân số thổ cư.

**Câu 3.** Các bộ phận của dân cư của quốc gia có chế độ pháp lý riêng, phụ thuộc vào

- A. nguồn gốc xuất thân của người dân.      B. quy định pháp luật của mỗi quốc gia.  
C. thành phần và địa vị xã hội.      D. tín ngưỡng và tôn giáo lựa chọn.

**Câu 4.** Hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đại diện cho nhà nước thực hiện sự giúp đỡ về mọi mặt cho công dân nước mình đang ở nước ngoài được gọi là

- A. bảo hộ công dân.      B. an ninh công dân.      C. quản lý công dân.      D. giám sát công dân.

**Câu 5.** Lãnh thổ quốc gia là toàn vẹn và

- A. có quyền xâm phạm.      B. có thể xâm phạm.      C. dễ dàng xâm phạm.      D. bất khả xâm phạm.

**Câu 6.** Khái niệm thường được sử dụng để ám chỉ khu vực mà một quốc gia kiểm soát hoặc quản lý, bao gồm cả đất đai, vùng biển và không gian khí quyển mà quốc gia đó có thẩm quyền?

- A. Lãnh địa.      B. Lãnh thổ.      C. Lãnh sự.      D. Lãnh vực.

**Câu 7.** Đường biên giới được xác định trên đất liền, trên đảo, trên sông, hồ, kênh, biển nội địa... được quy định trong các điều ước quốc tế là khái niệm về

- A. biên giới quốc gia trên bộ.      B. biên giới quốc gia trên biển.  
C. biên giới quốc gia trên không.      D. biên giới quốc gia trong lòng đất.

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

**TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025**

**Câu 8.** Biên giới quốc gia trên đất liền được hoạch định và đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống nào dưới đây?

- A. Mốc không giới.                      B. Mốc hải giới.                      C. Mốc lộ giới.                      **D. Mốc quốc giới.**

**Câu 9.** Theo Luật Biên giới Quốc gia Việt Nam 2003, nội dung nào dưới đây **không** phải là cơ sở hình thành biên giới quốc gia?

- A. Điều ước quốc tế mà VN ký kết hoặc gia nhập.                      B. Sự thỏa thuận giữa VN và quốc gia khác.  
**C. Nguyên vọng của một bộ phận người dân.**                      D. Quy định của pháp luật Việt Nam.

**Câu 10.** Ranh giới phân định lãnh thổ quốc gia này với lãnh thổ quốc gia khác gọi là

- A. biên giới.**                      B. biên đạo.                      C. biên độ.                      D. biên kịch.

**Câu 11.** Theo luật biên Việt Nam 2012, vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận của lãnh thổ Việt Nam được gọi là

- A. nội thủy.**                      B. ngoại thủy.                      C. lãnh hải.                      D. lãnh địa.

**Câu 12.** Vùng biển nằm giữa nội thủy và các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia ven biển được gọi là

- A. lãnh vực.                      B. lãnh sự.                      **C. lãnh hải.**                      D. lãnh địa.

**Câu 13.** Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở gọi là

- A. vùng đặc biệt quốc gia.                      B. vũng lãnh hải chiến lược.  
C. vùng tiếp giáp lãnh hải.                      **D. vùng đặc quyền kinh tế.**

**Câu 14.** Thềm lục địa của một quốc gia ven biển bao gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển bên ngoài lãnh hải của quốc gia đó đến một giới hạn theo quy định. Nội dung này được quy định tại văn bản quốc tế nào dưới đây?

- A. Công ước về Đa dạng sinh học Biển (CBD).                      B. Hiến pháp Vùng Biển Nam Cực (Antarctic Treaty)  
C. Hiến pháp Hòa bình về Biển (UN Charter)                      **D. Công ước LHQ về luật biển 1982 (UNCLOS)**

**Câu 15.** Mỗi quốc gia độc lập đều được cấu thành từ 3 yếu tố cơ bản là

- A. văn hoá, tôn giáo và kinh tế.                      B. văn hoá, lịch sử và con người.  
C. lãnh thổ, pháp luật và lịch sử.                      **D. lãnh thổ, dân cư và chủ quyền.**

**Phần II: Câu trắc nghiệm đúng/sai (5 câu).**

**Câu 1.** Đọc đoạn thông tin sau:

Tối 19/7/2019, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam Lê Thị Thu Hằng xác nhận: tàu khảo sát Hải Dương 8 của Trung Quốc đã có hành vi vi phạm vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam ở khu vực phía nam Biển Đông. Đây là vùng biển hoàn toàn của Việt Nam, được xác định theo đúng các quy định của Công ước của Liên Hiệp Quốc (LHQ) về Luật biển 1982 mà Việt Nam và Trung Quốc đều là thành viên. Việt Nam đã tiếp xúc nhiều lần với phía Trung Quốc ở các kênh khác nhau, trao công hàm phản đối, kiên quyết yêu cầu chấm dứt ngay các hành vi vi phạm, rút toàn bộ tàu ra khỏi vùng biển Việt Nam. Việt Nam yêu cầu Trung Quốc tôn trọng quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam vì quan hệ hai nước và ổn định, hòa bình ở khu vực. Các lực lượng chức năng trên biển của Việt Nam tiếp tục triển khai nhiều biện pháp phù hợp thực thi chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán một cách hòa bình, đúng pháp luật nhằm bảo vệ vùng biển Việt Nam.

(Nguồn: <https://tuoitre.vn>)

A. Tàu khảo sát Hải Dương 8 của Trung Quốc đã có hành vi vi phạm vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam ở khu vực phía nam Biển Đông là hành vi vi phạm quy định của Luật Biển quốc tế.	<b>Đ</b>
B. Các lực lượng chấp pháp của nhà nước Việt Nam <b>không</b> có quyền yêu cầu chấm dứt các hành vi của tàu khảo sát Hải Dương 8 của Trung Quốc.	<b>S</b>
C. Việt Nam trao công hàm phản đối các hành vi của tàu khảo sát Hải Dương 8 của Trung Quốc là thực hiện đúng quy định của Công ước LHQ về luật biển .	<b>Đ</b>
D. Trung Quốc cần tôn trọng quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam vì quan hệ hai nước và ổn định, hòa bình ở khu vực.	<b>Đ</b>

**Câu 2.** Đọc đoạn thông tin sau:

Hiệp ước biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, ký kết ngày 30 tháng 12 năm 1999, chính thức có hiệu lực từ ngày 06 tháng 7 năm 2000.

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

Điều I: Hai bên ký kết lấy các Công ước lịch sử về biên giới hiện nay giữa Việt Nam và Trung Quốc làm cơ sở, căn cứ vào các nguyên tắc luật pháp quốc tế được công nhận cũng như các thỏa thuận đạt được trong quá trình đàm phán về vấn đề biên giới Việt - Trung, đã giải quyết một cách công bằng, hợp lý vấn đề biên giới và xác định lại đường biên giới trên đất liền giữa hai nước.

Điều II: Hai bên ký kết đồng ý hướng đi của đường biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được xác định từ Tây sang Đông .... Đường biên giới trên đất liền giữa hai nước mô tả ở Điều này được vẽ bằng đường đỏ trên bản đồ tỷ lệ 1/50.000 do hai bên cùng xác định, độ dài và diện tích dùng trong mô tả đường biên giới được đo từ bản đồ này. Bộ bản đồ nói trên đính kèm Hiệp ước này là bộ phận cấu thành không thể tách rời của Hiệp ước.

(Nguồn: <http://bienphongvietnam.gov.vn/hiiep-uoc-bien-gioi-tren-dat-lien-giua-viet-nam-trung-quoc-ky-ngay-30-12-1999>.)

A. Hiệp ước biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được ký kết theo đúng trình tự và thủ tục của pháp luật quốc tế.	<b>Đ</b>
B. Cơ sở của hiệp ước này phù hợp với quy định của pháp luật quốc tế	<b>Đ</b>
C. Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa có thể tự ý huỷ bỏ hiệp ước này mà không cần sự đồng ý của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam .	<b>S</b>
D. Đường biên giới trên đất liền giữa hai nước không cần thể hiện trên bản đồ.	<b>S</b>

**Câu 3.** Đọc đoạn thông tin sau:

Từ ngày 13 - 17/6/2022, tại Thủ đô Phnom Penh, Campuchia đã diễn ra Cuộc họp hai Chủ tịch Ủy ban liên hợp biên giới Việt Nam - Campuchia, Campuchia - Việt Nam. Tại Cuộc họp, hai bên đã trao đổi một số nội dung liên quan đến việc bảo đảm sự ổn định của đường biên, mốc giới nhằm góp phần củng cố và xây dựng đường biên giới hòa bình, ổn định, hữu nghị và hợp tác cùng phát triển giữa hai nước như: kế hoạch xử lý các cột mốc cũ còn tồn tại trên thực địa tại các khu vực đã hoàn thành phân giới cắm mốc (bao gồm việc dỡ bỏ và giữ lại một số cột mốc để làm chứng tích lịch sử và tạo thuận lợi cho công tác quản lý biên giới); xử lý, khắc phục một số mốc biên giới bị hư hỏng, sạt lở hoặc có nguy cơ sạt lở; khảo sát thực địa, cắm thêm một số cọc đánh dấu điểm đặc trưng làm rõ hướng đi của đường biên giới trên thực địa tại một số khu vực đã hoàn thành phân giới cắm mốc nhưng vẫn có khó khăn trong việc nhận biết.

Hai bên khẳng định quyết tâm và nỗ lực tìm giải pháp công bằng, hợp lý mà hai bên cùng chấp nhận được để phân giới cắm mốc đối với 16% đường biên giới còn lại; đồng thời, nhất trí về sự cần thiết xây dựng Hiệp định về quy chế biên giới mới để thay thế cho Hiệp định về quy chế biên giới ký năm 1983 nhằm tạo thuận lợi cho công tác phối hợp quản lý biên giới chung.

(Nguồn: <https://dangcongsan.vn/thoi-su/viet-nam-va-campuchia-nhat-tri-xay-dung-hiep-dinh-ve-quy-che-bien-gioi-moi-612399>)

A. Xây dựng đường biên giới hòa bình, ổn định, hữu nghị và hợp tác cùng phát triển giữa hai nước Việt Nam – Campuchia là trách nhiệm của Nhà nước và nhân dân cả hai nước.	<b>Đ</b>
B. Hai nước Việt Nam – Campuchia phối hợp với nhau trong công tác quản lý biên giới chung là thực hiện đúng quy định của pháp luật quốc tế.	<b>Đ</b>
C. Khảo sát thực địa, cắm thêm một số cọc đánh dấu điểm đặc trưng làm rõ hướng đi của đường biên giới trên thực địa là việc làm cần thiết.	<b>Đ</b>
D. Đường biên giới trên đất liền giữa hai nước không cần thể hiện trên bản đồ.	<b>S</b>

**Câu 4.** Đọc đoạn thông tin sau:

Là Quốc gia thành viên Công ước Luật Biển 1982, ngày 12/11/1982 Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam ra tuyên bố về đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam... Là một quốc gia có nhiều lợi ích gắn với biển và là thành viên có trách nhiệm của Công ước Luật Biển 1982, Việt Nam luôn đi đầu và không ngừng nỗ lực trong việc thực hiện Công ước, kể từ khi chấp nhận sự ràng buộc và trở thành một quốc gia thành viên của Công ước. Với chủ trương nhất quán thông qua các biện pháp hòa bình giải quyết tranh chấp, bất đồng trên biển, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc áp dụng có hiệu quả Công ước Luật Biển 1982 để giải quyết các tranh chấp về phân định biển với các nước láng giềng. Tại các khu vực chưa phân định, Việt Nam cùng các bên đã có những biện pháp để quản lý các vấn đề trên biển cũng như đang tiến hành đàm phán, đối thoại với các quốc gia ven biển để giải quyết các khu vực chồng lấn còn lại.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

Việt Nam luôn đề cao mục tiêu, tôn chỉ và các quy định của Công ước, nỗ lực triển khai các biện pháp để thực thi Công ước; đồng thời kiên trì, kiên quyết yêu cầu các quốc gia khác tuân thủ các nghĩa vụ của Công ước, qua đó đóng góp vào bảo vệ trật tự pháp lý trên biển.

(Nguồn: <http://biengioilanhtho.gov.vn>)

A. VN xác định đường cơ sở của Quốc gia trên biển căn cứ vào Công ước Luật Biển 1982.	<b>Đ</b>
B. Việt Nam <b>không</b> đề cao mục tiêu, tôn chỉ và các quy định của Công ước.	<b>S</b>
C. Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc áp dụng có hiệu quả Công ước Luật Biển 1982 để giải quyết các tranh chấp về phân định biển với các nước láng giềng.	<b>Đ</b>
D. Việt Nam <b>không</b> có vai trò gì trong việc bảo vệ trật tự pháp lý trên biển.	<b>S</b>

**Câu 5. Đánh giá Đúng – Sai cho các ý kiến dưới đây?**

A. Mỗi nước toàn quyền quy định về quyền và nghĩa vụ của người nước ngoài theo quan điểm của mình.	<b>Đ</b>
B. Thành phần dân cư của một nước bao gồm người nước ngoài đang công tác trong các đại sứ quán nước ngoài và cơ quan đại diện của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam.	<b>Đ</b>
C. Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam được hưởng chế độ đối xử quốc gia, có đầy đủ quyền và nghĩa vụ như công dân Việt Nam.	<b>S</b>
D. Chế độ đối xử tối huệ quốc được áp dụng cho tất cả người nước ngoài đang sinh sống, lao động, học tập, công tác ở nước sở tại.	<b>Đ</b>

**PHẦN III: Câu hỏi trả lời ngắn (5 câu).**

**Câu 1. UNCLOS** là tên viết tắt của văn bản nào dưới đây?

**Đáp án:** Công ước LHQ về luật biển 1982.

**Câu 2. VN** có đường bờ biển dài bao nhiêu km

**Đáp án:** 3260km. Đường bờ biển Việt Nam kéo dài khoảng 13 vĩ độ từ Móng Cái (Quảng Ninh) qua mũi Cà Mau (cực Nam của tổ quốc) đến Hà Tiên (Kiên Giang) đi qua 28/63 tỉnh, thành phố ven biển của nước ta.

**Câu 3. VN** có đường biên giới trên đất liền tiếp giáp với những quốc gia nào?

**Đáp án:** Việt Nam có đường biên giới trên đất liền dài 4.550 km tiếp giáp với **Trung Quốc** ở phía Bắc, với **Lào** và **Căm-pu-chia** ở phía Tây.

**Câu 4. Điều 1, Hiến pháp 2013** của Việt Nam quy định nội dung gì?

**Đáp án:** Quy định nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời.

**Câu 5. Luật Biển Việt Nam** đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày tháng năm nào?

**Đáp án:** Thông qua ngày 21/6/2012 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013.

## BÀI 16: NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI VÀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

### HỆ THỐNG LÝ THUYẾT

#### 1. Nguyên tắc cơ bản của Tổ chức Thương mại Thế giới.

\* Các nguyên tắc cơ bản của WTO gồm:

- Nguyên tắc thương mại không phân biệt đối xử thể hiện qua 2 chế độ pháp lý là: Đối xử huệ quốc và đối xử quốc gia.

+ *Chế độ đối xử huệ quốc* (đối xử công bằng với các nước khác) : Nếu một nước thành viên WTO dành cho một nước thành viên khác các ưu đãi về hàng hóa dịch vụ, đầu tư, quyền sở hữu trí tuệ thì nước này cũng phải dành sự ưu đãi cho tất cả các nước thành viên khác.

+ *Chế độ đối xử quốc gia* (đối xử bình đẳng giữa các sản phẩm nước ngoài với các sản phẩm trong nước): Các nước thành viên WTO phải dành những ưu đãi về hàng hóa, dịch vụ và quyền sở hữu trí tuệ cho các nước thành viên khác không kém thuận lợi hơn so với sản phẩm cùng loại trong nước mình.

- Nguyên tắc mở cửa thị trường ( tự do hoá thương mại từng bước và bằng con đường đàm phán): yêu cầu các nước thành viên WTO phải từng bước mở cửa thị trường, xoá bỏ các rào cản trong thương mại quốc tế để các hoạt động thương mại được tự do hơn.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- **Nguyên tắc thương mại công bằng** cho phép các nước thành viên WTO được tự do cạnh tranh trong những điều kiện bình đẳng như nhau, thúc đẩy cạnh tranh tự do, công bằng, hạn chế những biện pháp thương mại không lành mạnh (trợ giá, bán phá giá, cấm vận, hạn ngạch...) nhằm mục đích chiếm thị phần.

- **Nguyên tắc minh bạch**: Yêu cầu các nước thành viên phải thông báo, trả lời những thông tin cần thiết về mọi biện pháp có liên quan hoặc tác động đến việc thi hành các hiệp định thương mại quốc tế cho các nước khác và cho các cơ quan giám sát việc thực hiện các hiệp định thương mại đa phương của WTO.

- **Nguyên tắc ưu đãi dành cho các nước đang phát triển**: Cho phép các nước đang phát triển và chậm phát triển được hưởng một số quyền ưu đãi đặc biệt hoặc quyền được đối xử nung nhẹ hơn trong các hoạt động thương mại quốc tế.

### 2. Nguyên tắc cơ bản của hợp đồng thương mại quốc tế

\* Khái niệm hợp đồng thương mại quốc tế

Hợp đồng thương mại quốc tế là sự thỏa thuận giữa các bên, trong đó có ít nhất 1 bên phải là thương nhân, quốc gia hoặc các tổ chức kinh tế; đối tượng của hợp đồng phải là động sản; có trụ sở thương mại tại các quốc gia khác nhau nhằm xác lập, thay đổi, chấm dứt các quyền và nghĩa vụ liên quan đến các lĩnh vực của thương mại quốc tế.

#### a. Nguyên tắc tự do hợp đồng

- Các bên tham gia hợp đồng thương mại được tự do giao kết, được quyền tự do lựa chọn đối tác, tự do thiết lập các điều khoản của hợp đồng, thỏa thuận nội dung, hình thức của hợp đồng, tự do chọn luật điều chỉnh, cơ quan giải quyết tranh chấp

- Cam kết, thỏa thuận giữa các bên giao kết hợp đồng phải không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không gây thiệt hại cho bên thứ ba, cho lợi ích công cộng, cho lợi ích của một trong các bên trong hợp đồng hoặc cả hai bên trong hợp đồng

#### b. Nguyên tắc thiện chí, trung thực:

- Các bên khi tham gia vào quan hệ hợp đồng thương mại ở tất cả các giai đoạn (các lập, thực hiện, chấm dứt) đều phải hoạt động với tinh thần thiện chí và trung thực, không bên nào được lừa dối bên nào.

#### c. Nguyên tắc tuân thủ hợp đồng đã giao kết và xử lý việc không thực hiện hợp đồng.

- Hợp đồng thương mại hợp pháp, không trái đạo đức xã hội, có hiệu lực thì các bên tham gia ký kết bắt buộc phải tôn trọng và thực hiện

- Hợp đồng thương mại có thể bị thay đổi điều chỉnh hoặc chấm dứt 1 phần hay toàn bộ khi rơi vào trường hợp hợp đồng được kí kết trên cơ sở lừa dối, cưỡng ép, bất bình đẳng về năng lực đàm phán giữa các bên hoặc những rủi ro khách quan từ ngoại cảnh vượt ngoài khả năng kiểm soát của bên đó.

- Khi 1 bên không thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết thì bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bên vi phạm: buộc phải thực hiện đúng hợp đồng; chịu phạt do vi phạm hợp đồng; bồi thường thiệt hại cho bên bị vi phạm (trừ trường hợp được miễn trách nhiệm)

### BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO

#### Phần I: Trắc nghiệm 4 đáp án

**Câu 1.** Nguyên tắc MFN (Most-Favoured-Nation) của WTO yêu cầu các quốc gia thành viên phải:

**A. Đối xử bình đẳng với tất cả các quốc gia thành viên khác.**

B. Ưu tiên các quốc gia có nền kinh tế yếu hơn.

C. Miễn thuế cho hàng hóa từ các quốc gia thành viên.

D. Không áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại.

**Câu 2.** Nguyên tắc đối xử quốc gia (National Treatment) của WTO quy định:

**A. Các quốc gia thành viên không được phân biệt đối xử giữa hàng hóa nội địa và hàng hóa nhập khẩu.**

B. Chỉ áp dụng thuế nhập khẩu cho hàng hóa từ các quốc gia ngoài WTO.

C. Ưu tiên hàng hóa nội địa trong các giao dịch thương mại.

D. Được phép đánh thuế nhập khẩu cao hơn đối với hàng hóa từ quốc gia ngoài WTO.

**Câu 3.** Hợp đồng thương mại quốc tế phải bao gồm các yếu tố nào sau đây:

**A. Đối tượng, giá cả, thời hạn hợp đồng.**

B. Chữ ký của người mua, người bán và nhân chứng.

C. Địa điểm ký hợp đồng và các điều kiện phân phối. D. Giá trị và giá cả của hàng hóa được mang trao đổi.

### MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 4.** Nguyên tắc công khai minh bạch trong WTO có nghĩa là:

- A. Các quy định thương mại của mỗi quốc gia phải được công khai cho các thành viên khác.
- B. Các quốc gia thành viên phải công khai tất cả các thông tin về kinh tế.
- C. Không áp dụng thuế ẩn đối với hàng hóa nhập khẩu.
- D. Công khai tất cả các hoạt động thương mại nội địa.

**Câu 5.** Điều khoản "Force Majeure" trong hợp đồng thương mại quốc tế có nghĩa là:

- A. Sự kiện bất khả kháng làm cho hợp đồng không thể thực hiện được.
- B. Các bên có thể tự ý thay đổi hợp đồng theo nhu cầu phát triển.
- C. Bên mua có quyền hủy hợp đồng bất kỳ lúc nào khi thấy rủi ro.
- D. Bên bán phải chịu mọi rủi ro trong quá trình vận chuyển.

**Câu 6.** WTO được thành lập vào năm nào?

- A. 1947
- B. 1985
- C. 1995
- D. 2001

**Câu 7.** Quy tắc xuất xứ trong thương mại quốc tế nhằm mục đích:

- A. Xác định quốc gia xuất xứ của hàng hóa.
- B. Ưu tiên hàng hóa từ các nước đang phát triển.
- C. Giảm thuế nhập khẩu cho hàng hóa có nguồn gốc rõ ràng.
- D. Tăng cường kiểm soát chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

**Câu 8.** WTO có bao nhiêu nguyên tắc cơ bản?

- A. 2
- B. 3
- C. 5
- D. 7

**Câu 9.** Nguyên tắc không phân biệt đối xử trong WTO yêu cầu:

- A. Không phân biệt đối xử giữa các quốc gia thành viên trong các điều kiện thương mại.
- B. Phải phân biệt rõ ràng giữa các hàng hóa nhập khẩu và nội địa.
- C. Không áp dụng thuế đối với hàng hóa từ các nước đang phát triển.
- D. Không có sự phân biệt đối xử về quyền lực trong WTO.

**Câu 10.** Trong hợp đồng thương mại quốc tế, điều khoản về luật áp dụng thường được thỏa thuận:

- A. Giữa luật quốc gia của bên mua và luật quốc gia của bên bán.
- B. Theo quy định của WTO và các nước có tiềm lực kinh tế phát triển.
- C. Luật của quốc gia bên bán và vai trò của bên bán trong hợp đồng.
- D. Luật của quốc gia bên mua và vai trò của bên mua trong hợp đồng.

**Câu 11.** Một hợp đồng thương mại quốc tế có hiệu lực khi:

- A. Cả hai bên đều ký vào hợp đồng.
- B. Đã thanh toán đủ tiền.
- C. Được công chứng viên xác nhận.
- D. Hợp đồng được gửi tới cơ quan chính phủ.

**Câu 12.** Nguyên tắc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong WTO yêu cầu:

- A. Các quốc gia thành viên phải áp dụng luật bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.
- B. Không được bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của hàng hóa nhập khẩu.
- C. Phải công khai mọi thông tin về sở hữu trí tuệ.
- D. Các quốc gia có thể áp dụng luật riêng về sở hữu trí tuệ mà không cần tuân theo WTO.

Đáp án: A

**Câu 13.** Một trong các nguyên tắc của WTO là:

- A. Tự do hóa thương mại.
- B. Bảo hộ hàng hóa nội địa.
- C. Áp dụng thuế quan bảo vệ ngành công nghiệp trong nước.
- D. Khuyến khích chính sách bảo hộ.

**Câu 14.** Điều khoản nào sau đây thường có trong hợp đồng thương mại quốc tế?

- A. Điều khoản xoay chuyển.
- B. Điều khoản cung cấp thông tin.
- C. Điều khoản thanh toán.
- D. Điều khoản tỉ giá hối đoái.

**Câu 15.** Trong một hợp đồng thương mại quốc tế, bên nào chịu trách nhiệm về việc xin giấy phép nhập khẩu?

- A. Bên bán.
- B. Bên mua.
- C. Chính phủ quốc gia nhập khẩu.
- D. Tổ chức Thương mại Thế giới.

**Câu 16.** Trong hợp đồng thương mại quốc tế, việc xác định quyền và nghĩa vụ của các bên thường dựa trên:

- A. Thỏa thuận miệng giữa hai bên.
- B. Điều khoản rõ ràng và bằng văn bản trong hợp đồng.
- C. Quy định của bên mua trong hợp đồng thương mại quốc tế.

**TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025**

D. Quy định của bên bán trong hợp đồng thương mại quốc tế.

**Câu 17.** Một hợp đồng thương mại quốc tế có thể bao gồm điều khoản về:

- A. Quyền sở hữu trí tuệ.
- B. Điều kiện về giá trị hàng hóa.
- C. Các biện pháp giải quyết xung đột .
- D. Quyền tự do kinh doanh.

**Câu 18.** Nguyên tắc tự do hợp đồng trong thương mại quốc tế cho phép:

- A. Các bên tự do thỏa thuận về các điều khoản mà không cần tuân theo bất kỳ luật lệ nào.
- B. Các bên tự do thỏa thuận nhưng vẫn phải tuân theo các quy định pháp lý liên quan.**
- C. Bên bán có quyền áp đặt các điều khoản lên bên mua.
- D. Hợp đồng có thể bị hủy bỏ bất cứ lúc nào bởi bên mua.

**Câu 19.** Một hợp đồng thương mại quốc tế có thể được điều chỉnh bởi luật của quốc gia nào?

- A. Quốc gia có vai trò lãnh đạo.
- B. Quốc gia có tiềm lực phát triển kinh tế.
- C. Một quốc gia thứ ba được thỏa thuận bởi hai bên.**
- D. Quốc gia có vai trò sáng lập.

**Câu 20.** Điều khoản bảo mật trong hợp đồng thương mại quốc tế thường yêu cầu:

- A. Các bên không được tiết lộ thông tin liên quan đến hợp đồng cho bên thứ ba.**
- B. Bên bán phải công khai tất cả thông tin về sản phẩm khi được quốc gia khác yêu cầu.
- C. Bên mua phải chia sẻ thông tin tài chính với bên bán để tránh rủi ro.
- D. Các bên phải công khai hợp đồng trên các phương tiện truyền thông.

**Phần II: Trắc nghiệm đúng/sai**

**Câu 1.** Đánh giá Đúng – Sai cho các ý kiến dưới đây?

A. Tuyên bố chung của các quốc gia thành viên WTO là tài liệu chính thức của tổ chức này.	S
B. Trong WTO, các quốc gia thành viên có thể áp dụng các biện pháp thương mại bảo hộ trong các trường hợp đặc biệt.	Đ
C. Tất cả các quốc gia thành viên WTO đều phải tuân thủ hoàn toàn các quy định của WTO mà không có bất kỳ ngoại lệ nào.	S
D. Điều khoản về bồi thường trong hợp đồng thương mại quốc tế chỉ có hiệu lực nếu được cả hai bên đồng ý bằng văn bản.	Đ

**Câu 2.** Đánh giá Đúng – Sai cho các ý kiến dưới đây?

A. Quy định về xuất xứ hàng hóa chỉ áp dụng cho các nước đang phát triển trong WTO.	S
B. Công ty V ở nước X (thành viên WTO) nhập khẩu hàng hóa từ nước Y (cũng là thành viên WTO). Công ty V cho rằng nước Y áp dụng thuế nhập khẩu cao hơn cho hàng hóa của X so với hàng hóa từ nước Z. Điều này có vi phạm nguyên tắc của WTO không?	Đ
C. Một quốc gia thành viên WTO quyết định cấm nhập khẩu hoàn toàn sản phẩm nông nghiệp từ các nước khác để bảo vệ nông dân trong nước. Quốc gia này có vi phạm nguyên tắc không phân biệt đối xử của WTO không?	Đ
D. Công ty G của nước H ký hợp đồng xuất khẩu với công ty E của nước K, nhưng sau đó phát hiện ra một số điều khoản không rõ ràng về luật áp dụng trong hợp đồng. Trong trường hợp này, hợp đồng có thể bị vô hiệu hóa theo quy định của WTO không?	S

**Câu 3.** Đánh giá Đúng – Sai cho các ý kiến dưới đây?

A. Công ty F ký hợp đồng mua bán quốc tế, trong đó điều khoản thanh toán chỉ áp dụng cho bên bán. Bên mua không có nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Điều này có hợp lý theo các quy định của hợp đồng thương mại quốc tế không?	S
B. Quốc gia X áp đặt các hạn chế thương mại đối với quốc gia Y với lý do quốc gia Y có hành vi không công bằng trong thương mại quốc tế. Quốc gia X có thể bị khiếu nại lên WTO về việc này không?	Đ
C. Công ty G từ nước N không thực hiện đúng cam kết giao hàng cho công ty H từ nước M theo hợp đồng thương mại quốc tế. Công ty H có thể yêu cầu bồi thường theo nguyên tắc bảo vệ quyền lợi của bên bị hại trong WTO không?	Đ
D. Một quốc gia thành viên WTO áp dụng biện pháp thuế bảo hộ đối với một ngành công nghiệp nội địa mới phát triển mà không thông báo cho WTO. Điều này có vi phạm quy định của WTO không?	Đ

**Câu 4.** Đánh giá Đúng – Sai cho các ý kiến dưới đây?

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

A. Trong hợp đồng thương mại quốc tế, điều khoản về luật áp dụng có thể không được đề cập nếu các bên tin tưởng lẫn nhau.	S
B. Hợp đồng thương mại quốc tế có hiệu lực ngay khi hai bên thỏa thuận miệng mà không cần văn bản.	S
C. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn về điều khoản, các hợp đồng thương mại quốc tế sẽ luôn được ưu tiên áp dụng luật của quốc gia bên mua.	S
D. Một hợp đồng thương mại quốc tế phải tuân thủ luật pháp quốc tế và các quy định pháp lý của các quốc gia liên quan.	Đ

**Câu 5.** Đánh giá Đúng – Sai cho các ý kiến dưới đây?

A. Điều khoản thanh toán trong hợp đồng thương mại quốc tế thường quy định rõ về phương thức và thời hạn thanh toán giữa các bên.	Đ
B. Một quốc gia thành viên WTO quyết định tăng mức thuế nhập khẩu đối với tất cả các mặt hàng công nghệ từ các quốc gia khác để bảo vệ ngành công nghệ trong nước. Quyết định này có phù hợp với nguyên tắc không phân biệt đối xử của WTO không?	Đ
C. Một quốc gia thành viên WTO áp dụng biện pháp hạn chế nhập khẩu đối với các sản phẩm nông nghiệp từ một quốc gia khác để bảo vệ sức khỏe cộng đồng do nghi ngờ về an toàn thực phẩm. Điều này có vi phạm nguyên tắc của WTO không?	S
D. Quốc gia E, một thành viên WTO, không công bố các quy định mới về tiêu chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm nhập khẩu, khiến các đối tác thương mại khác không thể điều chỉnh kịp thời. Quốc gia E có vi phạm nguyên tắc minh bạch của WTO không?	Đ

## CHƯƠNG TRÌNH 11

### TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN LỚP 11

#### I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LƯU Ý KHI ÔN THI TỐT NGHIỆP LỚP 12 PHẦN LỚP 11

- Theo đề minh họa thì kiến thức lớp 11 chỉ có 8 câu tập trung ở 8 chủ đề. Như vậy so với kiến thức lớp 10 thì lớp 11 đã chiếm 20% số câu trong đề thi tốt nghiệp. Số câu được trải đều ở nhiều chủ đề. Đây sẽ là khó khăn thách thức lớn đối với học sinh vì các em cần phải ôn tập một lượng kiến thức khá lớn

- Tuy nhiên cũng như 10, lớp 11 các câu hỏi chủ yếu ở dạng kiến thức nhận biết và thông hiểu vì vậy trong quá trình ôn tập giáo viên cần giúp học sinh nắm các kiến thức cơ bản là các em có thể làm được lớp 11 dễ dàng

- Cần giúp học sinh nắm kỹ các kiến thức cơ bản của phần này để học sinh dễ dàng làm bài tập

Khối	Chủ đề	Vị trí câu trong đề
11	Chủ đề 1: Cạnh tranh, cung cầu trong nền kinh tế thị trường	Câu 15
11	Chủ đề 2: Lạm phát, thất nghiệp	Câu 03
11	Chủ đề 3: Thị trường lao động và việc làm	Câu 14
11	Chủ đề 4: Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh	Câu 04
11	Chủ đề 7: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật	Câu 05
11	Chủ đề 8: Một số quyền tự do cơ bản của công dân	Câu 12
11	Chủ đề 8: Một số quyền tự do cơ bản của công dân	Câu 13
11	Chủ đề 9: Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân	Câu 06

#### II. KIẾN THỨC CƠ BẢN

#### **Chủ đề 1: Cạnh tranh, cung cầu trong nền kinh tế thị trường**

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

### *Nội dung 1: Khái niệm nguyên nhân, vai trò và các biểu hiện của cạnh tranh*

**Khái niệm:** Cạnh tranh là sự ganh đua giữa các chủ thể kinh tế nhằm giành lấy những điều kiện thuận lợi trong sản xuất hay lưu thông hàng hoá, dịch vụ để thu được nhiều lợi ích nhất cho mình.

**Nguyên nhân:** Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do trong sản xuất, kinh doanh; có điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau.

#### **Vai trò của cạnh tranh:**

+ **Đối với người sản xuất:** Cạnh tranh thúc đẩy người sản xuất đưa ra các biện pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

+ **Đối với người tiêu dùng:** Cạnh tranh tạo điều kiện cho người tiêu dùng thoả mãn nhu cầu của mình.

+ **Đối với nền kinh tế:** Cạnh tranh thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và khai thác tối đa mọi nguồn lực của quốc gia.

**Cạnh tranh không lành mạnh** là hành vi của doanh nghiệp trái với nguyên tắc thiện chí, trung thực, tập quán thương mại và các chuẩn mực khác trong kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác.

#### **- Một số biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh:**

- + Xâm phạm thông tin, bí mật trong kinh doanh;
- + Cung cấp thông tin không trung thực về doanh nghiệp khác;
- + Gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác;
- + Lôi kéo khách hàng một cách bất chính.

### *Nội dung 2: Khái niệm cung cầu, các nhân tố ảnh hưởng cung cầu và mối quan hệ*

**Cung** là số lượng hàng hoá, dịch vụ mà người bán có khả năng và sẵn sàng bán ở các mức giá khác nhau trong một thời kì nhất định.

**Các yếu tố ảnh hưởng đến cung:** giá cả các yếu tố đầu vào để sản xuất ra hàng hoá, dịch vụ, kì vọng của chủ thể sản xuất kinh doanh, giá bán sản phẩm, số lượng người tham gia cung ứng,...

**Cầu:** là số lượng hàng hoá, dịch vụ mà người mua có khả năng và sẵn sàng mua ở các mức giá khác nhau trong một thời kì nhất định.

**Các yếu tố ảnh hưởng đến cầu:** giá cả hàng hoá, dịch vụ; thu nhập, thị hiếu, sở thích của người tiêu dùng; giá cả những hàng hoá, dịch vụ thay thế; kì vọng, dự đoán của người tiêu dùng về hàng hoá, dịch vụ;...

#### **Mối quan hệ cung cầu:**

Cầu xác định khối lượng, cơ cấu của cung, ví như "đơn đặt hàng" của thị trường cho các nhà sản xuất, cung ứng. Cung tác động đến cầu, kích thích cầu. Những hàng hoá, dịch vụ được cung ứng phù hợp với nhu cầu, thị hiếu người tiêu dùng sẽ được ưa thích khiến cho cầu về chúng tăng lên.

#### **Vai trò của quan hệ cung cầu:**

+ Người sản xuất đưa ra quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao.

+ Người tiêu dùng lựa chọn mua hàng hoá phù hợp với nhu cầu và đem lại hiệu quả kinh tế.

## **Chủ đề 2: Lạm phát, thất nghiệp**

### *Nội dung 1: Khái niệm, phân loại, nguyên nhân, hậu quả lạm phát và vai trò của nhà nước*

- **Khái niệm:** Lạm phát là sự tăng mức giá chung các hàng hoá, dịch vụ của nền kinh tế (thường tính bằng chỉ số giá tiêu dùng CPI) một cách liên tục trong một thời gian nhất định.

#### **- Các loại hình lạm phát:**

- + Lạm phát vừa phải: mức độ tăng của giá cả ở một con số hàng năm (0% - dưới 10%).
- + Lạm phát phi mã: Mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hàng năm (10% - 1.000%), gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế.
- + Siêu lạm phát: giá cả tăng lên với tốc độ vượt xa mức lạm phát phi mã (>1.000%), nền kinh tế lâm vào khủng hoảng.

#### **- Nguyên nhân dẫn đến lạm phát**

## **MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

+ Do nhu cầu thị trường tăng: nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ của thị trường gia tăng một cách nhanh chóng khiến giá cả các mặt hàng bị đẩy lên cao dẫn đến mức giá chung của hàng hóa, dịch vụ tăng lên, làm giảm sức mua của đồng tiền.

+ Do chi phí sản xuất của doanh nghiệp tăng: khi giá cả của một hoặc vài yếu tố sản xuất (tiền lương, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu,...) tăng sẽ làm tổng chi phí sản xuất của doanh nghiệp tăng, đẩy giá thành sản phẩm tăng và kéo giá cả của hầu hết hàng hóa, dịch vụ khác tăng theo, làm giảm sức mua của đồng tiền.

+ Do cung lượng tiền lưu thông trong nước tăng: khi ngân hàng nhà nước mua ngoại tệ, mua công trái, phát hành tiền mới làm lượng cung tiền lưu thông vượt lượng cầu tiền lưu thông, mức giá chung tăng, sức mua của đồng tiền giảm.

### - **Hậu quả của lạm phát**

+ Đối với nền kinh tế: doanh nghiệp thu hẹp quy mô sản xuất - kinh doanh, giảm sản lượng, lãng phí các nguồn lực sản xuất, thất nghiệp gia tăng;

+ Đối với xã hội: thu nhập thực tế của người lao động giảm, đời sống khó khăn; phân hoá giàu nghèo trong xã hội tăng lên.

### - **Vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát**

+ Chính sách phát triển sản xuất, kinh doanh: giúp doanh nghiệp khôi phục sản xuất, tăng sản lượng đáp ứng nhu cầu tăng của thị trường;

+ Chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng: bảo đảm mức cung tiền tệ hợp lí, giảm lãi suất hỗ trợ doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất;

+ Thực hiện chính sách tài khoá thắt chặt: giảm thuế, cắt giảm đầu tư công, giảm bội chi ngân sách nhà nước để giảm lượng tiền trong lưu thông và giúp doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất.

+ Tăng cường chính sách an sinh xã hội: hỗ trợ hộ nghèo, hỗ trợ tiền thuê nhà, mua bảo hiểm cho công nhân, giúp giảm bớt khó khăn trong cuộc sống.

### - **Nội dung 2: Khái niệm, phân loại, nguyên nhân, hậu quả thất nghiệp và vai trò nhà nước**

- **Khái niệm:** Thất nghiệp là tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm

#### - **Các loại hình thất nghiệp:**

+ *Thất nghiệp tạm thời:* là tình trạng thất nghiệp xuất hiện khi người lao động thay đổi công việc hoặc chỗ ở,... chưa xin được việc làm mới nên tạm thời thất nghiệp.

+ *Thất nghiệp cơ cấu:* Là tình trạng thất nghiệp xuất hiện do có sự mất cân đối giữa cung và cầu lao động, sự dịch chuyển cơ cấu giữa các ngành trong nền kinh tế hoặc sự thay đổi phương thức sản xuất trong một ngành.

+ *Thất nghiệp chu kỳ:* Là tình trạng thất nghiệp xuất hiện do tính chu kỳ của nền kinh tế khi nền kinh tế bị suy thoái hoặc khủng hoảng dẫn đến mức cầu chung về lao động giảm.

+ Thất nghiệp tự nguyện: xảy ra do người lao động không muốn làm việc do điều kiện làm việc và mức lương chưa phù hợp với họ.

+ Thất nghiệp không tự nguyện: xảy ra khi người lao động mong muốn đi làm nhưng không thể tìm kiếm được việc làm.

#### - **Nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp**

+ Nguyên nhân chủ quan: bị đuổi việc do vi phạm kỉ luật, tự thôi việc do không hài lòng với công việc đang có, do thiếu kĩ năng làm việc,...

+ Nguyên nhân khách quan: do cơ sở sản xuất kinh doanh đóng cửa, do sự mất cân đối giữa cung và cầu trên thị trường lao động.

#### - **Hậu quả của thất nghiệp**

+ Đối với người bị thất nghiệp: Thất nghiệp ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động, khiến cho đời sống của họ gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến kiến thức chuyên môn, nghề nghiệp.

+ Đối với doanh nghiệp: Thất nghiệp tăng cao dẫn đến nhu cầu xã hội bị giảm sút, hàng hoá và dịch vụ không có người tiêu dùng, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp giảm,... nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất hoặc đóng cửa.

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

+ Đối với nền kinh tế: Thất nghiệp tăng gây lãng phí nguồn lực, làm cho nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái, tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm, ngân sách nhà nước suy giảm,...

+ Đối với chính trị - xã hội: Thất nghiệp gia tăng làm cho hiện tượng tiêu cực trong xã hội phát sinh nhiều, gây ra những xáo trộn trong xã hội, trật tự xã hội không ổn định, hiện tượng lãn công, bãi công, biểu tình,... tăng lên.

### **Vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp**

- Thường xuyên thông tin về tình hình thất nghiệp, từ đó dự báo, đồng thời đưa ra các giải pháp để kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp.

- Khi tỉ lệ thất nghiệp tăng cao, Nhà nước sử dụng nhiều giải pháp để kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp như: Hoàn thiện thể chế về thị trường lao động, thực hiện đúng pháp luật về lao động; Khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh mở rộng hoạt động sản xuất, chuyển đổi sản xuất để tạo thêm việc làm cho người lao động; Thực hiện chính sách an sinh xã hội, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp để giải quyết việc làm cho người lao động.

- Ngoài ra, Nhà nước còn thường xuyên quan tâm đào tạo lao động trình độ cao, đa dạng hoá các loại hình trường lớp, hỗ trợ người lao động tự tạo việc làm.

### **Chủ đề 3: Thị trường lao động và việc làm**

#### *Nội dung 1: Thị trường lao động*

**Khái niệm lao động:** Lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho nhu cầu của đời sống.

**Khái niệm thị trường lao động:** Thị trường lao động là nơi diễn ra các quan hệ thoả thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động về tiền lương, điều kiện làm việc trên cơ sở hợp đồng lao động.

#### **Xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường.**

- Lao động trong nông nghiệp giảm; lao động trong công nghiệp và dịch vụ tăng.

- Lao động được đào tạo ngày một tăng và chiếm ưu thế so với lao động chưa qua đào tạo trong tổng lao động xã hội.

- Tốc độ tăng lao động trong khu vực dịch vụ tăng nhanh hơn tốc độ tăng lao động trong các khu vực sản xuất vật chất.

#### *Nội dung 2: Thị trường việc làm*

**Khái niệm việc làm:** Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm.

**Khái niệm thị trường việc làm:** Thị trường việc làm là nơi thực hiện các quan hệ thoả thuận giữa người tạo việc làm (người sử dụng lao động) và người có khả năng đáp ứng yêu cầu của việc làm (người lao động) về việc làm, tiền lương và các điều kiện làm việc trên cơ sở hợp đồng lao động.

#### **Mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm.**

Thị trường việc làm và thị trường lao động có mối quan hệ tác động qua lại chặt chẽ với nhau. Khi khả năng cung ứng lao động lớn hơn khả năng tạo việc làm sẽ dẫn đến tình trạng thất nghiệp gia tăng và ngược lại khi khả năng tạo việc làm lớn hơn khả năng cung ứng lao động sẽ dẫn đến tình trạng thiếu hụt lao động.

### **Chủ đề 4: Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh**

#### *Nội dung 1: Ý tưởng kinh doanh*

**Khái niệm:** Ý tưởng kinh doanh là điểm xuất phát của quá trình sản xuất kinh doanh, thể hiện sự sáng tạo của cá nhân hoặc tổ chức trong việc lựa chọn loại sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho thị trường nhằm thu được lợi nhuận.

**Đặc điểm của ý tưởng kinh doanh:** Để có một ý tưởng kinh doanh tốt. các chủ thể sản xuất kinh doanh cần phải quan tâm đến tính vượt trội; tính mới mẻ độc đáo; tính hữu dụng; tính khả thi và lợi thế cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ. Có hai dạng ý tưởng kinh doanh là ý tưởng cải tiến kinh doanh và ý tưởng kinh doanh mới.

#### **Nguồn tạo ý tưởng kinh doanh:**

+ Lợi thế nội tại, bao gồm: sự đam mê; hiểu biết, khả năng huy động các nguồn lực (tài chính, kết nối với khách hàng, nhà cung cấp đầu vào, nhà tài trợ,...).

## **MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

+ Cơ hội bên ngoài, bao gồm: nhu cầu sản phẩm trên thị trường; nguồn cung ứng; sự cạnh tranh; vị trí triển khai; chính sách vĩ mô của Nhà nước....

### *Nội dung 2: Cơ hội kinh doanh*

**Cơ hội kinh doanh** là tập hợp các hoàn cảnh thuận lợi tạo ra nhu cầu đối với sản phẩm, dịch vụ của một nhóm khách hàng dẫn đến xuất hiện cơ hội thoả mãn nhu cầu này, qua đó thực hiện được mục tiêu kinh doanh (thu lợi nhuận).

**Một cơ hội kinh doanh tốt cần phải** có tính hấp dẫn, ổn định, đúng thời điểm, khả năng duy trì sản phẩm dịch vụ và tạo ra giá trị cho người tiêu dùng.

### *Nội dung 3: Các năng lực của người kinh doanh*

Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; năng lực tổ chức, lãnh đạo; năng lực nắm bắt cơ hội kinh doanh; năng lực thiết lập quan hệ; có khả năng phân tích và sáng tạo, có tầm nhìn chiến lược; luôn kiên trì với mục tiêu, nỗ lực hết mình với công việc kinh doanh và thực hiện trách nhiệm với xã hội.

## **Chủ đề 7: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật**

### *Nội dung 1: Công dân bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý*

**Công dân bình đẳng về quyền.** Bất kì công dân nào nếu có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đều được hưởng các quyền công dân

**Công dân bình đẳng về nghĩa vụ** như tuân theo Hiến pháp và pháp luật. nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, nghĩa vụ nộp thuế

**Bình đẳng về trách nhiệm pháp lý** là bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và phải bị xử lí theo quy định của pháp luật, không phân biệt đó là người có chức, có quyền, có địa vị xã hội hay là một công dân bình thường, không phân biệt giới tính, tôn giáo.

### *Nội dung 2: Bình đẳng giới*

**Khái niệm:** Bình đẳng giới là việc nam và nữ có vị trí, vai trò ngang nhau trên mọi phương diện của đời sống xã hội.

**Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị:** Nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lí nhà nước tham gia hoạt động xã hội trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của các tổ chức khác. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lí, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức

**Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế:** Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lí doanh nghiệp, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động.

**Bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động:** Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác.

**Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục:** Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng; bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo; trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

**Bình đẳng giới trong lĩnh vực gia đình:** Trong gia đình, vợ, chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác, trong việc sở hữu tài sản chung, sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng, quyết định các nguồn lực trong gia đình và bàn bạc, quyết định những vấn đề chung khác của gia đình. Con trai, con gái được gia đình chăm sóc, giáo dục và tạo điều kiện như nhau để học tập, lao động, vui chơi, giải trí và phát triển. Tất cả các thành viên nam, nữ đều có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình.

### *Nội dung 3: Bình đẳng giữa các dân tộc và tôn giáo*

#### **Bình đẳng giữa các dân tộc**

+ Về chính trị: Các dân tộc có quyền làm chủ đất nước; tham gia thảo luận, góp ý các vấn đề chung của đất nước; tham gia quản lí nhà nước và xã hội, tham gia vào bộ máy nhà nước.

+ Về kinh tế. Các dân tộc có quyền tham gia vào các thành phần kinh tế, được tạo cơ hội, điều kiện để phát triển kinh tế.

## **MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

+ Về văn hoá, giáo dục: Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình; được giữ gìn, phát huy phong tục, tập quán, giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc mình; có cơ hội học tập và bình đẳng trong giáo dục..

### **Bình đẳng giữa các tôn giáo**

+ Các tôn giáo được Nhà nước công nhận đều bình đẳng trước pháp luật, có quyền hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật.

+ Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật được Nhà nước bảo đảm, các cơ sở tôn giáo hợp pháp được pháp luật bảo hộ, nghiêm cấm việc xâm phạm.

### **Chủ đề 8: Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân**

*Nội dung 1: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội.*

**Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội** là quyền của công dân trong tham gia bộ máy nhà nước và tổ chức xã hội, thảo luận các công việc chung của đất nước, của địa phương, của cơ quan, đơn vị, tổ chức; quyền kiến nghị với các cơ quan nhà nước về xây dựng bộ máy nhà nước, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương và đất nước.

**Công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ khi tham gia quản lý nhà nước và xã hội** thông qua tổ chức tự quản cộng đồng để quản lý những công việc của cộng đồng dân cư, giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật, đảm bảo an ninh trật tự, góp phần phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội ở địa phương.

*Nội dung 2: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử*

**Quyền bầu cử** là quyền của công dân thực hiện quyền lựa chọn người đại biểu của mình vào cơ quan quyền lực nhà nước, bao gồm việc đề cử, giới thiệu người khác ứng cử và bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

**Quyền ứng cử** là quyền của công dân khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thì có thể thể hiện nguyện vọng của mình được ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một

Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân một cách bình đẳng, không bị phân biệt đối xử, trừ những trường hợp do pháp luật quy định.

Công dân thực hiện quyền bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Công dân thực hiện quyền ứng cử bằng tự ứng cử hoặc giới thiệu người khác ứng cử, trừ các trường hợp do pháp luật quy định.

Công dân phải tự mình đi bỏ phiếu bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay, trừ những trường hợp do pháp luật quy định.

**Công dân có các nghĩa vụ về bầu cử, ứng cử:** tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật về bầu cử và ứng cử, tôn trọng quyền của người khác về bầu cử và ứng cử; không lợi dụng quyền bầu cử, ứng cử để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác....

*Nội dung 3: Quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo*

### **Người khiếu nại có quyền:**

+ Tự mình khiếu nại, nhờ luật sư tư vấn về pháp luật hoặc uỷ quyền cho luật sư khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

+ Tham gia đối thoại hoặc uỷ quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia đối thoại;

+ Được biết, đọc, sao chụp, sao chép tài liệu, chứng cứ do người giải quyết khiếu nại thu thập để giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước;

+ Đưa ra chứng cứ về việc khiếu nại và giải trình ý kiến của mình về chứng cứ đó;

+ Nhận văn bản trả lời về việc thụ lý giải quyết khiếu nại, nhận quyết định giải quyết khiếu nại, được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm;

+ Được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

+ Khiếu nại lần hai hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính; rút khiếu nại,...

## **MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

### Người tố cáo có quyền:

- + Thực hiện quyền tố cáo theo quy định của pháp luật được bảo đảm bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích và thông tin cá nhân khác;
- + Được thông báo về việc thụ lý hoặc không thụ lý tố cáo,...
- + Tố cáo tiếp khi có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không đúng pháp luật hoặc quá thời hạn quy định mà tố cáo chưa được giải quyết, rút tố cáo;
- + Đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ người tố cáo;
- + Được khen thưởng, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật...

### Nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo

- Trong quá trình thực hiện quyền khiếu nại, quyền tố cáo, công dân có nghĩa vụ sau:
- + Trình bày trung thực nội dung khiếu nại, tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo;
- + Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khiếu nại, tố cáo;
- + Tuân theo các quy định của Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người khác;
- + Không lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vi phạm pháp luật, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể khác....

### *Nội dung 4: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc*

#### **Quyền của công dân về bảo vệ tổ quốc**

- + Bảo vệ Tổ quốc là quyền cao quý của mỗi công dân.
- + Công dân có quyền tham gia lực lượng bảo vệ an ninh quốc gia và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật có quyền tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ Tổ quốc; có quyền bình đẳng về bảo vệ Tổ quốc; có quyền kiến nghị với chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia khắc phục sơ hở, thiếu sót trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia

#### **Nghĩa vụ của công dân về bảo vệ tổ quốc**

Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi công dân Việt Nam.

Công dân có nghĩa vụ tuân theo các quy định của Hiến pháp và pháp luật về bảo vệ Tổ quốc; thực hiện nghĩa vụ quân sự; tham gia dân quân tự vệ, xây dựng nền quốc phòng toàn dân; giúp đỡ, tạo điều kiện cho cơ quan và người có trách nhiệm tiến hành các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; vận động, tuyên truyền người thân tuân theo các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc.....

#### **Chủ đề 9: Một số quyền tự do cơ bản của công dân**

##### *Nội dung 1: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể.*

#### **- Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể:**

+ Không một ai có quyền tự ý bắt, giam, giữ người nếu không thuộc trường hợp pháp luật cho phép như có quyết định của Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp cá nhân đó vi phạm pháp luật bị bắt quả tang.

+ Tự tiện bắt người và giam giữ người không theo quy định của pháp luật là hành vi trái pháp luật, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân. Hành vi đó tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý hình sự, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỉ luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

- Các trường hợp được phép bắt người gồm bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang, bắt người đang bị truy nã, bắt bị can, bị cáo để tạm giam, bắt người bị yêu cầu dẫn độ. Trong các trường hợp này việc bắt, giam giữ người phải được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

##### *Nội dung 2: Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân*

Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm có nghĩa là tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người được pháp luật bảo hộ. Mọi người có quyền được bảo đảm

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

an toàn về tính mạng, sức khỏe, được bảo vệ danh dự và nhân phẩm. Không ai được xâm phạm tới tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của người khác.

Xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác là hành vi cố ý hoặc vô ý làm tổn hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác như hành vi đánh người gây thương tích, làm chết người, đe dọa giết người. Xâm phạm danh dự và nhân phẩm của người khác là hành vi bịa đặt điều xấu, tung tin xấu, nói xấu, xúc phạm người khác để hạ uy tín và danh dự của người đó.

Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật. Pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi đánh người, tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình gây thương tích, xâm phạm tới tính mạng, làm tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Danh dự và nhân phẩm của cá nhân được tôn trọng và bảo vệ.

### *Nội dung 3: Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở*

Xâm phạm chỗ ở của người khác là hành vi khám trái pháp luật chỗ ở, đuổi trái pháp luật người khác ra khỏi chỗ ở của họ hoặc có những hành vi trái pháp luật khác xâm phạm chỗ ở của công dân.

Công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý.

Việc khám xét chỗ ở của một người chỉ được tiến hành trong trường hợp được pháp luật cho phép và phải có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đó là khi có căn cứ để nhận định chỗ ở đó đang có công cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có hoặc đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án; khi cần bắt người phạm tội quả tang hoặc người đang bị truy nã lần trốn ở đó. Việc khám xét cũng phải tuân theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

### *Nội dung 4: Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín*

Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín là quyền về bí mật đời tư của cá nhân, được pháp luật ghi nhận, tôn trọng và bảo vệ.

+ Thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật.

+ Không ai được tự tiện bóc mở, tiêu hủy thư, kiểm soát điện thoại, điện tín của người khác.

+ Những người làm nhiệm vụ chuyển thư, điện tín phải chuyển đến tận tay người nhận.

- Pháp luật nước ta nghiêm cấm hành vi xâm phạm thư tín, điện thoại, điện tín của người khác.

Trong những trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền được kiểm soát thư tín, điện thoại, điện tín của người khác, nhưng việc khám xét thư tín, điện thoại, điện tín của công dân phải được tiến hành đúng trình tự, thủ tục do luật định.

### *Nội dung 5: Quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận*

Quyền tự do ngôn luận là quyền của công dân được tự do phát biểu ý kiến, bày tỏ quan điểm của mình về tất cả các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước dưới hình thức bằng lời nói, văn bản bản điện tử (Facebook, Zalo,...), hoặc dưới hình thức khác.

- Công dân có thể sử dụng quyền tự do ngôn luận để:

+ Đóng góp ý kiến với cơ quan, trường học, khu dân cư, nơi sinh sống, học tập và công tác,...;

+ Viết bài đăng báo phát biểu ý kiến của mình về tình hình đất nước và thế giới;

+ Tham gia ý kiến về chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước;

+ Góp ý kiến, phê bình, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trên báo chí với cơ quan, tổ chức và cá nhân, cán bộ công chức nhà nước;

+ Góp ý kiến, kiến nghị với đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân trong những lần đại biểu tiếp xúc với cử tri.

- Nghĩa vụ của công dân khi thực hiện quyền tự do ngôn luận:

+ Tuân thủ pháp luật, thực hiện trong khuôn khổ quy định của pháp luật.

+ Không ai được lạm dụng quyền tự do ngôn luận để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân.

- Nhà nước, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm tôn trọng quyền tự do ngôn luận của công dân.

### *Nội dung 6: Quyền và nghĩa vụ công dân về tự do báo chí*

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- Quyền tự do báo chí là quyền của công dân được sáng tạo tác phẩm báo chí, tiếp cận thông tin báo chí, cung cấp thông tin cho báo chí, phản hồi thông tin trên báo chí.

- Tự do báo chí là một trong các quyền cơ bản của công dân, được pháp luật bảo vệ, thông qua phương tiện thông tin đại chúng, thể hiện ý kiến, quan điểm, tình cảm của mình trước các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước.

- Đồng thời với việc thực hiện quyền, công dân có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật nhằm bảo vệ chế độ xã hội, bảo vệ Nhà nước. Chỉ thực hiện quyền tự do báo chí trong khuôn khổ pháp luật, không được lợi dụng quyền để xuyên tạc sự thật, chống phá Nhà nước, xâm phạm quyền và lợi ích của Nhà nước và công dân.

### *Nội dung 7: Quyền và nghĩa vụ công dân về tiếp cận thông tin*

+ Được tiếp cận mọi thông tin của cơ quan nhà nước (trừ thông tin không được tiếp cận và thông tin được tiếp cận có điều kiện). Việc thực hiện quyền này phải theo Luật Tiếp cận thông tin.

+ Được tiếp cận thông tin bằng cách tự do tiếp cận thông tin được cơ quan nhà nước công khai hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin.

+ Được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời;

+ Khiếu nại, khởi kiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin.

### **- Khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin, công dân có nghĩa vụ:**

+ Tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin;

+ Không làm sai lệch nội dung thông tin đã được cung cấp;

+ Không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

## HỆ THỐNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO LỚP 10 VÀ 11

**Câu 1:** Theo quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, các Chức sắc trong quá trình thực hiện các sinh hoạt tôn giáo phải thực hiện đúng

A. việc chi trả kinh phí.

B. mọi lợi ích của tôn giáo,

C. quy định của pháp luật.

D. chế độ cho các thành viên.

**Câu 2:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò, tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh?

A. Cụ thể hóa về mặt cá nhân.

B. Xác định đối tượng khách hàng.

C. Cụ thể mục tiêu kinh doanh.

D. Xác định cách thức hoạt động.

**Câu 3:** Phát biểu nào sau đây là sai về quyền bầu cử của công dân?

A. Công dân tự mình thực hiện quyền bầu cử theo quy định của pháp luật.

B. Mọi công dân từ 18 tuổi trở lên có quyền tham gia bầu cử.

C. Công dân thực hiện quyền bầu cử theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

D. Mọi công dân đủ 18 tuổi trở lên nếu không bị cấm đều có quyền tham gia bầu cử.

**Câu 4:** Phát biểu nào sau đây là sai về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo?

A. Ở Việt Nam mọi tôn giáo hợp pháp đều có quyền được tham gia hoạt động tôn giáo.

B. Ở Việt Nam mọi tôn giáo đều có quyền được thực hiện các hoạt động tôn giáo.

C. Ở Việt Nam mọi hành vi lợi dụng tôn giáo để vi phạm đều bị xử lý nghiêm minh.

D. Ở Việt Nam những tôn giáo được nhà nước công nhận có quyền hoạt động tôn giáo.

**Câu 5:** Tự ý vào nhà người khác kiểm tra vì nghi ngờ có chứa hàng cấm là công dân đã vi phạm quyền nào dưới đây?

A. Bất khả xâm phạm về chỗ ở.

B. Được bảo hộ về danh dự.

C. Bất khả xâm phạm về tài sản.

D. Được bảo hộ về đời tư.

**Câu 6:** Theo quy định của pháp luật, để bảo vệ Tổ quốc, mọi công dân có nghĩa vụ

A. phản bội Tổ quốc.

B. trung thành với Tổ quốc.

C. từ chối nghĩa vụ quân sự.

D. phải nộp mọi loại thuế.

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 7:** Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi lượng cầu có xu hướng tăng lên sẽ làm cho lượng cung có xu hướng như thế nào?

- A. Lượng cung giảm. B. Lượng cung cân bằng. C. Lượng cung giữ nguyên D. Lượng cung tăng.

**Câu 8:** Loại hình thất nghiệp được phát sinh do sự dịch chuyển không ngừng của người lao động giữa các vùng, các loại công việc hoặc giữa các giai đoạn khác nhau trong cuộc sống được gọi là

- A. thất nghiệp tạm thời. B. thất nghiệp tự nguyện. C. thất nghiệp cơ cấu. D. thất nghiệp chu kỳ.

**Câu 9:** Giám giữ người quá thời hạn qui định là vi phạm quyền nào của công dân ?

- A. Bất khả xâm phạm về thân thể. B. Pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe.  
C. Pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm. D. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

**Câu 10:** Công dân kiến nghị với các cơ quan nhà nước về xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội là thể hiện quyền

- A. tự do ngôn luận. B. tham gia xây dựng đất nước.  
C. tự do dân chủ. D. tham gia quản lí nhà nước và xã hội.

**Câu 11:** Theo quy định của pháp luật, cơ quan có thẩm quyền được thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín khi

- A. đính chính thông tin cá nhân. B. thống kê bưu phẩm đã giao.  
C. cần chứng cứ để điều tra vụ án. D. kiểm tra hóa đơn dịch vụ.

**Câu 12:** Một cơ hội kinh doanh tốt là cơ hội đó phải có

- A. tính ổn định. B. tính ràng buộc. C. tính nhất thời. D. tính phổ biến.

**Câu 13:** Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, xu hướng tuyển dụng lao động trong đó lao động trong lĩnh vực công nghiệp có xu hướng

- A. không đổi. B. tăng. C. giảm. D. giữ nguyên.

**Câu 14:** Bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực kinh tế **không** thể hiện ở việc cả nam và nữ đều có quyền

- A. chăm sóc con cái. B. thành lập doanh nghiệp. C. quản lý doanh nghiệp. D. mở rộng sản xuất.

**Câu 15:** Theo quy định của pháp luật, loại thông tin nào dưới đây công dân **không** có quyền được tiếp cận một cách phổ biến?

- A. Thông tin về kinh tế. B. Thông tin dân sự.  
C. Thông tin an ninh, quốc phòng D. Thông tin bí mật quốc gia.

**Câu 16:** Phát biểu nào dưới đây là sai về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế?

- A. Nam nữ bình đẳng để thành lập doanh nghiệp. B. Nam nữ bình đẳng trong tiếp cận nguồn vốn.  
C. Nam nữ bình đẳng về độ tuổi khi tuyển dụng. D. Nam nữ bình đẳng khi tiến hành kinh doanh.

**Câu 17:** Trong nền kinh tế, mối quan hệ giữa mức tăng của lạm phát với giá trị của đồng tiền là

- A. độc lập. B. tỷ lệ nghịch. C. tỷ lệ thuận. D. cân bằng.

**Câu 18:** Trong hoạt động sản xuất, lao động có vai trò như là một yếu tố

- A. độc lập. B. đầu vào. C. đầu ra. D. thứ yếu.

**Câu 19:** Theo quy định của pháp luật, việc nam nữ bình đẳng trong tham gia hoạt động xã hội là nội dung cơ bản về bình đẳng giới trên lĩnh vực

- A. kinh tế. B. gia đình. C. văn hóa. D. chính trị.

**Câu 20:** Theo quy định của pháp luật, quyền và nghĩa vụ của công dân không

- A. tác động nhau. B. tách rời nhau. C. ảnh hưởng đến nhau. D. liên quan với nhau.

**Câu 21:** Việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó là nội dung của khái niệm

- A. bảo hiểm xã hội. B. phúc lợi xã hội. C. bình đẳng giới. D. an sinh xã hội.

**Câu 22:** Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, phong tục tập quán, văn hoá tốt đẹp, của dân tộc mình là thể hiện bình đẳng giữa các dân tộc về

- A. chính trị. B. kinh tế. C. phong tục. D. văn hóa.

**Câu 23:** Trong quá trình thực hiện quyền tự do báo chí công dân **không** được

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- A. chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp.      B. xuyên tạc chính quyền địa phương.  
C. tuân thủ quy định Hiến pháp.                D. trung thành với Tổ quốc.

**Câu 24:** Lao động nam và lao động nữ được bình đẳng về cơ hội tiếp cận việc làm là thể hiện sự bình đẳng giới trong lĩnh vực

- A. Văn hóa.    B. Chính trị.    C. Lao động.    D. Giáo dục.

**Câu 25:** Một trong những hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử là dẫn đến

- A. mất thời gian kiểm đếm.    B. công dân phải nghỉ làm.  
C. uy tín của cử tri giảm sút.    D. sai lệch kết quả bầu cử.

**Câu 26:** Một trong những nguyên nhân dẫn tới hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế là do

- A. các yếu tố đầu vào giảm.    B. chi phí sản xuất tăng cao.  
C. chi phí sản xuất giảm sâu.    D. chi phí sản xuất không đổi.

**Câu 28:** Theo quy định của pháp luật, cơ quan nhà nước có thẩm quyền vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể khi bắt giữ người đang

- A. thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng.    B. Không chế và bắt giữ tên trộm.  
C. Không chế và bắt giữ con tin.    D. thực hiện hành vi giết người.

**Câu 29:** Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, vai trò tích cực của cạnh tranh thể hiện ở việc những người sản xuất vì giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

- A. đầu cơ tích trữ hàng hóa.    B. áp dụng kỹ thuật tiên tiến.  
C. làm giả thương hiệu.    D. hủy hoại môi trường tự nhiên.

**Câu 30:** Trong các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh dưới đây, yếu tố nào **không** thuộc lợi thế nội tại của chủ thể sản xuất kinh doanh?

- A. Sự hiểu biết của chủ thể sản xuất kinh doanh.      B. Khả năng huy động các nguồn lực.  
C. Chính sách vĩ mô của Nhà nước.    D. Sự đam mê của chủ thể sản xuất kinh doanh.

**Câu 31:** Theo quy định của pháp luật, một trong những biện pháp nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động là việc nhà nước có quy định đối với lao động nữ, các doanh nghiệp phải có chính sách đào tạo bồi dưỡng để

- A. nâng cao năng lực.      B. tiếp cận thông tin.    C. đề bạt bổ nhiệm.    D. học nghề, dạy nghề.

**Câu 32:** Theo quy định của pháp luật, một trong những biện pháp nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục là việc quy định phải đảm bảo tỷ lệ nam nữ trong việc

- A. tham gia học tập, đào tạo.    B. quản lý doanh nghiệp.  
C. ứng cử đại biểu Quốc hội    D. bổ nhiệm các chức danh quản lý.

**Câu 33:** Trong mối quan hệ giữa thị trường việc làm và thị trường lao động, khi khả năng tạo việc làm lớn hơn khả năng cung ứng lao động sẽ dẫn đến hiện tượng nào trong xã hội gia tăng?

- A. Thiếu việc làm.    B. Thiếu lao động.    C. Thất nghiệp.    D. Lạm phát.

**Câu 34:** Theo quy định của pháp luật, tài sản hợp pháp của các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo được nhà nước

- A. tịch thu.    B. đầu tư.    C. bảo hộ.    D. quản lý.

**Câu 35:** Trong nền kinh tế thị trường khi xuất hiện tình trạng lạm phát phi mã sẽ làm cho lãi suất thực tế của đồng tiền nước đó có xu hướng

- A. giảm.    B. không đổi.    C. tăng.    D. giữ nguyên.

**Câu 36:** Theo quy định của pháp luật, quyền tự do báo chí của công dân thể hiện ở việc, mọi công dân nếu có đủ năng lực đều có quyền được

- A. cung cấp tiền làm từ thiện.    B. bày tỏ ý kiến trong cuộc họp.  
C. cung cấp thông tin cho tòa soạn.    D. thay đổi quan hệ nhân thân.

**Câu 37:** Theo quy định của pháp luật, công dân **không** được thực hiện quyền bầu cử, ứng cử khi đang

- A. điều trị sau phẫu thuật.    B. hưởng trợ cấp thất nghiệp.  
C. Bị tình nghi là tội phạm.    D. chuẩn bị được đặc xá.

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 38:** Trong mối quan hệ giữa thị trường việc làm và thị trường lao động, khi khả năng cung ứng lao động lớn hơn khả năng tạo việc làm sẽ dẫn đến hiện tượng nào trong xã hội gia tăng?

- A. Khủng hoảng.      B. Lạm phát.      C. Cạnh tranh.      D. Thất nghiệp.

**Câu 39:** Phát biểu nào sau đây là sai về quyền bầu cử của công dân?

- A. Quyền bầu cử là quyền của công dân tham gia lựa chọn đại biểu vào cơ quan nhà nước.  
B. Quyền bầu cử là quyền của công dân tham gia bỏ phiếu bầu cử.  
C. Quyền bầu cử là quyền dân chủ của công dân trên lĩnh vực xã hội.  
D. Quyền bầu cử là quyền của công dân giới thiệu người khác tham gia ứng cử.

**Câu 40:** Theo quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, các tôn giáo hợp pháp trong quá trình tổ chức hoạt động tín ngưỡng tôn giáo **không** được thực hiện hành vi nào dưới đây?

- A. Xâm phạm quốc phòng.      B. Phổ biến sách Kinh thánh.  
C. Tuyên truyền giáo lý.      D. Nâng cấp cơ sở thờ tự

**Câu 41:** Các dân tộc đều được bình đẳng trong việc hưởng thụ một nền giáo dục, được tạo điều kiện để mọi dân tộc đều được bình đẳng về cơ hội học tập là thể hiện bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực

- A. văn hóa.      B. kinh tế.      C. giáo dục.      D. chính trị.

**Câu 42:** Việc làm nào dưới đây thể hiện hình thức thực hiện của quyền tự do báo chí?

- A. Phát hành ấn phẩm truyền ngắn.      B. Phát hành ấn phẩm truyền tranh.  
C. Phát hành các ấn phẩm báo chí.      D. Phát hành ấn phẩm hồi kí.

**Câu 43:** Theo quy định của pháp luật, quyền tự do báo chí của công dân thể hiện ở việc, mọi công dân đều được

- A. cấp phát báo miễn phí.      B. cấp thẻ hành nghề báo.  
C. cấp căn cước công dân.      D. tiếp cận thông tin báo chí.

**Câu 44:** Tự tiện khám chỗ ở của người khác là xâm phạm đến quyền cơ bản nào của công dân?

- A. Bất khả xâm phạm về chỗ ở.      B. Bảo hộ về tính mạng sức khỏe.  
C. Bảo hộ về danh dự nhân phẩm.      D. Bất khả xâm phạm về thân thể.

**Câu 45:** Phát biểu nào dưới đây là sai về quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực kinh tế?

- A. Về kinh tế, các dân tộc đều được nhà nước quan tâm đầu tư ở tất cả các vùng miền.  
B. Về kinh tế, các dân tộc đều không bị phân biệt đối xử giữa các dân tộc.  
C. Về kinh tế, các dân tộc đều được tham góp ý vào các đề án quy hoạch vùng kinh tế.  
D. Về kinh tế, các dân tộc đều được tạo mọi điều kiện để có cơ hội phát triển kinh tế.

**Câu 46:** Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

- A. Do tái cấu trúc hoạt động.      B. Đơn hàng công ty sụt giảm.  
C. Thiếu kỹ năng làm việc.      D. Cơ chế tinh giảm lao động.

**Câu 47:** Trong nền kinh tế thị trường, một trong những nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh là do sự tồn tại của nhiều chủ sở hữu có điều kiện sản xuất và lợi ích

- A. cào bằng.      B. bằng nhau.      C. giống nhau.      D. khác nhau.

**Câu 48:** Theo quy định của pháp luật, nam và nữ đều có quyền bình đẳng trong việc tiếp cận thị trường vốn để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh là nội dung cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trên lĩnh vực

- A. tài sản.      B. kinh tế.      C. văn hóa.      D. gia đình.

**Câu 49:** Theo quy định của pháp luật, quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên trong lĩnh vực giáo dục thể hiện ở chỗ, các dân tộc khác nhau đều bình đẳng về

- A. đời sống xã hội.      B. cơ hội học tập.      C. phát triển văn hóa.      D. phát triển chính trị.

**Câu 50:** Theo quy định của pháp luật, cơ quan có thẩm quyền được kiểm soát thư tín, điện thoại, điện tín khi

- A. xác minh địa chỉ giao hàng.      B. thống kê bưu phẩm thất lạc.

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

C. cần phục vụ công tác điều tra.

D. sao lưu biên lai thu phí.

**Câu 51:** Theo quy định của pháp luật, đối tượng nào dưới đây **không** được thực hiện quyền bầu cử, ứng cử?

A. Người đang điều trị tại bệnh viện.

B. Người đang đi công tác xa.

C. Người mất năng lực hành vi dân sự.

D. Người đang đảm nhiệm chức vụ.

**Câu 52:** Phát biểu nào dưới đây là sai về công dân bình đẳng trong thực hiện quyền?

A. Mọi công dân đều được hưởng quyền nếu có đủ điều kiện.

B. Mọi công dân nếu đủ các điều kiện đều được hưởng quyền.

C. Mọi công dân đều không bị phân biệt trong việc hưởng quyền.

D. Mọi công dân đều bị giới hạn về quyền do vấn đề tôn giáo.

**Câu 53:** Một trong những biện pháp để góp phần kiểm soát và kiềm chế lạm phát là nhà nước

A. đẩy mạnh chi tiêu công. B. tăng mạnh cung tiền. C. cắt giảm chi tiêu công. D. giảm mạnh lãi suất.

**Câu 54:** Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, xu hướng tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp có nhiều thay đổi, trong đó lao động có đặc trưng nào dưới đây chiếm ưu thế trong tuyển dụng?

A. lao động có trình độ thấp.

B. Lao động không qua đào tạo.

C. Lao động được đào tạo.

D. Lao động giản đơn.

**Câu 55:** Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, tốc độ tăng lao động trong khu vực dịch vụ có xu hướng như thế nào đối với tốc độ tăng lao động trong các khu vực sản xuất vật chất?

A. Luôn cân bằng.

B. Giảm sâu hơn.

C. Tăng chậm hơn.

D. Tăng nhanh hơn.

**Câu 56:** Phát biểu nào sau đây là sai về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo ở nước ta?

A. Tôn giáo được pháp luật công nhận có quyền xây dựng cơ sở thờ tự.

B. Tôn giáo được pháp luật công nhận được xuất bản phẩm về tôn giáo.

C. Mọi tôn giáo đều bình đẳng trong hoạt động tôn giáo.

D. Mọi tôn giáo hợp pháp đều bình đẳng trong hoạt động tôn giáo.

**Câu 57:** Loại hình thất nghiệp gắn với từng giai đoạn trong chu kỳ kinh tế được gọi là

A. thất nghiệp chu kỳ. B. thất nghiệp cơ cấu. C. thất nghiệp tự nhiên.

D. thất nghiệp tự nguyện.

**Câu 58:** Khi thu nhập của người tiêu dùng tăng lên sẽ làm cho cầu về hóa hóa tăng lên từ đó thúc đẩy cung về hàng hóa

A. tăng lên.

B. giữ nguyên.

C. không đổi.

D. giảm xuống.

**Câu 59:** Tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm là nội dung của khái niệm

A. thất nghiệp.

B. khủng hoảng.

C. lạm phát.

D. thu nhập.

**Câu 60:** Theo quy định của pháp luật, công dân có hành vi nào sau đây xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của người khác?

A. Xúc phạm nhằm hạ uy tín người khác.

B. Điều tra hiện trường gây án

C. Không chế và bắt giữ tên trộm.

D. Theo dõi phạm nhân vượt ngục.

**Câu 61:** Nhà nước có chính sách học bổng và ưu tiên con em đồng bào dân tộc vào học các trường Đại học, điều này thể hiện sự bình đẳng về

A. chính trị.

B. tự do tín ngưỡng.

C. giáo dục.

D. văn hóa

**Câu 62:** Nội dung nào dưới đây phản ánh tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh?

A. Định hướng cơ quan quản lý nhà nước.

B. Thúc đẩy lạm phát và thất nghiệp.

C. Định hướng chủ thể sản xuất.

D. Làm gia tăng tình trạng thất nghiệp.

**Câu 63:** Theo quy định của pháp luật, một trong những biện pháp nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo là đối với lao động nữ ở nông thôn nếu đủ điều kiện theo quy định được

A. hỗ trợ học nghề và dạy nghề.

B. tư vấn sức khỏe sinh sản.

C. miễn mọi loại thuế và phí.

D. cấp vốn để mở doanh nghiệp.

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 64:** Nội dung nào sau đây được xem là biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh?

- A. Kích thích sức sản xuất.
- B. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- C. Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường.
- D. Khai thác tối đa mọi nguồn lực.

**Câu 65:** Theo quy định của pháp luật, công dân thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội trong trường hợp nào sau đây?

- A. Thay đổi kiến trúc thượng tầng.
- B. Đóng góp ý kiến vào dự thảo luật.
- C. Sử dụng dịch vụ công cộng.
- D. Tham khảo dịch vụ trực tuyến.

**Câu 66:** Trước khi công bố phương án thi. Bộ giáo dục và đào tạo đã lấy ý kiến của nhân dân trong cả nước. Điều đó nhằm phát huy quyền cơ bản nào của công dân?

- A. Quyết định của mọi người
- B. Tham gia quản lý Nhà nước, xã hội.
- C. Xây dựng xã hội học tập.
- D. Xây dựng Nhà nước pháp quyền.

**Câu 67:** Một trong những quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị là: nam, nữ bình đẳng trong việc

- A. tiếp cận các cơ hội việc làm.
- B. lựa chọn ngành nghề học tập.
- C. tiếp cận nguồn vốn đầu tư.
- D. tham gia các hoạt động xã hội.

**Câu 68:** Đối với người lao động, khi bị thất nghiệp sẽ làm cho đời sống của người lao động

- A. được cải thiện đáng kể.
- B. có khả năng cải thiện.
- C. ngày càng sung túc.
- D. gặp nhiều khó khăn.

**Câu 69:** Trong nền kinh tế, khi mức giá chung các hàng hoá, dịch vụ của nền kinh tế tăng một cách liên tục trong một thời gian nhất định được gọi là

- A. tiền tệ.
- B. cung cầu.
- C. lạm phát.
- D. thị trường.

**Câu 70:** Theo quy định của pháp luật, quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực chính trị thể hiện ở việc các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam đều có quyền

- A. xây dựng thiết chế văn hóa.
- B. Hỗ trợ chi phí học tập.
- C. tham gia bầu cử đại biểu quốc hội.
- D. khám chữa bệnh theo quy định .

**Câu 71:** Trong quá trình thực hiện quyền tự do báo chí, công dân **không** được

- A. chia rẽ đoàn kết dân tộc
- B. giữ gìn an ninh trật tự.
- C. giữ gìn biển, hải đảo.
- D. tuân thủ pháp luật.

**Câu 72:** Số lượng hàng hóa, dịch vụ mà người bán có khả năng bán và sẵn sàng bán ở các mức giá khác nhau trong một khoảng thời gian nhất định được gọi là

- A. cầu.
- B. lạm phát.
- C. cung.
- D. thất nghiệp.

**Câu 73:** Nội dung nào sau đây thể hiện quy định của pháp luật về sự bình đẳng của công dân trong việc thực hiện nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội?

- A. Hỗ trợ người già neo đơn
- B. Lựa chọn loại hình bảo hiểm
- C. Từ bỏ quyền thừa kế tài sản
- D. Tham gia bảo vệ Tổ quốc

**Câu 74:** Khi có được những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để chủ thể kinh tế thực hiện được mục tiêu kinh doanh của mình nhằm thu lợi nhuận đó là

- A. chiến lược kinh doanh.
- B. ý tưởng kinh doanh.
- C. mục tiêu kinh doanh.
- D. cơ hội kinh doanh.

**Câu 75:** Bình đẳng giới trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình quy định, vợ và chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc

- A. định đoạt tài sản công cộng.
- B. sử dụng nguồn thu nhập chung.
- C. bài trừ quyền tự do tín ngưỡng.
- D. lựa chọn giới tính thai nhi.

**Câu 76:** Theo quy định của pháp luật, công dân thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội trong trường hợp nào sau đây?

- A. Giám sát hoạt động nhóm từ thiện .
- B. Tìm hiểu hoạt động chuyển đổi số.
- C. Giám sát việc thực hiện pháp luật.
- D. Sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

**Câu 77:** Phát biểu nào dưới đây là sai về quyền của người khiếu nại?

- A. Người khiếu nại có quyền ủy quyền cho người khác khiếu nại thay mình.
- B. Người khiếu nại có quyền không thực hiện khi chưa được giải quyết khiếu nại.

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

C. Người khiếu nại có quyền nhờ luật sư tư vấn về khiếu nại.

D. Người khiếu nại có quyền tự mình thực hiện việc khiếu nại.

**Câu 78:** Việc khám xét chỗ ở của một người **không** được tiến hành tùy tiện mà phải tuân theo

A. yêu cầu của

B. chỉ đạo của cơ quan điều tra.

C. yêu cầu của Viện Kiểm sát.

D. trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

**Câu 79:** Quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của công dân thể hiện ở việc, mọi công dân đều có quyền

A. lợi dụng tôn giáo để vi phạm.

B. theo hoặc không theo tôn giáo.

C. xây dựng cơ sở tôn giáo.

D. thành lập tổ chức tôn giáo.

**Câu 80:** Bất kì công dân nào đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đều được

A. sở hữu mọi tài sản công cộng.

B. chia đều của cải trong xã hội.

C. bài trừ quyền tự do tín ngưỡng.

D. hưởng các quyền công dân.

**Câu 81:** Theo quy định của pháp luật, công dân vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe khi

A. mạo danh lực lượng chức năng.

B. thực hiện tố cáo nặc danh.

C. đánh người gây thương tích.

D. theo dõi phạm nhân vượt ngục.

**Câu 82:** Phát biểu nào dưới đây là sai về khái niệm bình đẳng giới?

A. Bình đẳng giới là việc nam và nữ có vị trí ngang nhau?

B. Bình đẳng giới là việc nam và nữ có quyền lợi giống nhau?

C. Bình đẳng giới là việc nam và nữ có cơ hội ngang nhau?

D. Bình đẳng giới là việc nam và nữ có vai trò ngang nhau?

**Câu 83:** Trong nền kinh tế thị trường, nếu số lượng người cùng sản xuất một loại hàng hoá giảm xuống thì cung về loại hàng hoá đó sẽ có xu hướng

A. không đổi.

B. tăng.

C. giữ nguyên.

D. giảm.

**Câu 84:** Theo quy định của pháp luật, trong thời gian khiếu nại, người khiếu nại có trách nhiệm nào dưới đây?

A. Không chấp hành quyết định mình khiếu nại B. Từ bỏ mọi quan hệ nhân thân.

C. Chấp hành quyết định mà mình khiếu nại. D. Tạm dừng mọi công việc cá nhân.

**Câu 85:** Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền tố cáo, người tố cáo có quyền được

A. sử dụng tên nặc danh.

B. sử dụng tên của người khác.

C. đảm bảo bí mật về họ tên.

D. sử dụng nhiều tên khác nhau.

**Câu 86:** Khi thực hiện quyền khiếu nại của mình, người khiếu nại không có nghĩa vụ nào dưới đây?

A. Cung cấp thông tin có người giải quyết.

B. Chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp.

C. Khiếu nại đúng người có thẩm quyền.

D. Phải bảo vệ mọi nguồn thu nhập cá nhân.

**Câu 87:** Theo quy định của pháp luật, nếu lần đầu tiên hành khiếu nại, người khiếu nại nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền thì có quyền

A. sử dụng các biện pháp bạo lực.

B. từ chối không thực hiện.

C. tố cáo cơ quan chức năng.

D. khiếu nại tiếp lần thứ hai.

**Câu 88:** Theo quy định của pháp luật, công dân được thực hiện quyền bầu cử trong trường hợp đang

A. công tác ngoài hải đảo.

B. mất năng lực hành vi dân sự.

C. chấp hành hình phạt tù.

D. bị tước quyền công dân.

**Câu 89:** Nam, nữ bình đẳng trong tham gia xây dựng và thực hiện quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức là quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực nào dưới đây?

A. Lao động.

B. Kinh tế.

C. Văn hoá.

D. Chính trị.

**Câu 90:** Quyền của mỗi công dân về bảo vệ tổ quốc thể hiện ở việc mỗi công dân tích cực thực hiện tốt việc làm nào dưới đây?

A. Tham gia hiến máu nhân đạo.

B. Tự trang bị vũ khí quân dụng.

C. Tham gia nghĩa vụ quân sự.

D. Lan truyền bí mật quốc gia.

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 91:** Quyền nào dưới đây **không** phải là quyền tự do báo chí?

- A. Cung cấp thông tin cho báo chí.
- B. Góp ý kiến với báo chí.
- C. Sáng tạo tác phẩm báo chí.
- D. Tiếp cận thông tin báo chí.

**Câu 92:** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc?

- A. Tham gia dân quân tự vệ.
- B. Phá hoại cột mốc biên giới quốc gia.
- C. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân.
- D. Thực hiện nghĩa vụ quân sự.

**Câu 93:** Phát biểu nào dưới đây là sai về nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc?

- A. Công dân có quyền từ chối tham gia nghĩa vụ quân sự khi đến tuổi.
- B. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân là trách nhiệm của mọi công dân.
- C. Giữ gìn an ninh trật tự là nhiệm vụ của mỗi công dân Việt Nam.
- D. Mọi công dân nếu đủ điều kiện có quyền tham gia lực lượng dân quân tự vệ.

**Câu 94:** Theo quy định của pháp luật, công dân vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể khi

- A. đánh người gây thương tích.
- B. giam giữ người trái pháp luật.
- C. bắt người theo quyết định của Tòa án.
- D. đã tham gia giải cứu nạn nhân.

**Câu 95:** Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tôn giáo của các tôn giáo khác nhau đều có nghĩa vụ

- A. nói lời hay, làm việc thiện.
- B. tuân thủ Hiến pháp, pháp luật.
- C. làm việc tốt, có lòng thiện.
- D. bớt sân si, thôi tranh giành.

**Câu 96:** Trong nền kinh tế, khi lạm phát ở mức độ phi mã nó thể hiện ở mức độ tăng của giá cả hàng hóa, dịch vụ từ

- A. mọi ngành hàng.
- B. một con số trở lên.
- C. không đến có.
- D. hai con số trở lên.

**Câu 97:** Theo quy định của pháp luật, trong quá trình thực hiện khiếu nại, mọi công dân đều có quyền

- A. xuyên tạc người bị khiếu nại.
- B. uy hiếp người bị khiếu nại,
- C. xúc phạm người bị khiếu nại.
- D. đôi thoại với người bị khiếu nại.

**Câu 98:** Hành vi nào dưới đây xâm phạm quyền tự do báo chí?

- A. Viết bài báo xuyên tạc sự thật.
- B. Cung cấp thông tin cho báo chí.
- C. Viết bài ca ngợi hoạt động tình nguyện.
- D. Cung cấp thông tin về doanh nghiệp.

**Câu 99:** Công dân sử dụng quyền nào dưới đây để phát biểu ý kiến, bày tỏ quan điểm của mình về các vấn đề chính trị, của đất nước ?

- A. Quyền tự do ngôn luận.
- B. Quyền bầu cử, ứng cử.
- C. Quyền khiếu nại.
- D. Quyền tố cáo.

**Câu 100:** Theo quy định của pháp luật, các tôn giáo hợp pháp đều có quyền được ban hành

- A. quốc hiệu riêng.
- B. điều lệ hoạt động.
- C. luật pháp riêng.
- D. loại tiền tệ riêng.

**Câu 101:** Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, xu hướng tuyển dụng lao động trong đó lao động trong lĩnh vực dịch vụ có xu hướng

- A. không đổi.
- B. giữ nguyên.
- C. tăng.
- D. giảm.

**Câu 102:** Theo quy định của pháp luật, quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi

- A. trạng thái sức khỏe tâm thần.
- B. tâm lí và yếu tố thể chất.
- C. năng lực trách nhiệm pháp lí.
- D. thành phần và địa vị xã hội.

**Câu 103:** Theo quy định của pháp luật, trong những trường hợp cần thiết, chủ thể nào dưới đây được kiểm soát thư tín, điện thoại, điện tín của công dân?

- A. Lực lượng bưu chính viễn thông.
- B. Nhân viên chuyển phát nhanh.
- C. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- D. Đội ngũ phóng viên báo chí.

**Câu 104:** Đối với hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, khi lạm phát xảy ra sẽ khiến hoạt động sản xuất kinh doanh gặp khó khăn vì

- A. chi phí sản xuất tăng cao.
- B. không nhận được hỗ trợ vốn.
- C. chi phí sản xuất giảm xuống.
- D. không được tái cấp vốn.

**Câu 105:** Phát biểu nào sau đây là sai về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân ?

- A. Cơ quan chức năng có quyền khám chỗ ở trong mọi trường hợp.

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

B. Không ai được tự ý xâm phạm chỗ ở trái phép của công dân.

C. Chỗ ở là nhà ở, phương tiện mà công dân sử dụng để cư trú.

D. Khi pháp luật cho phép cơ quan chức năng được phép khám chỗ ở của công dân.

**Câu 106:** Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, xu hướng tuyển dụng lao động trong đó lao động trong lĩnh vực nông nghiệp có xu hướng

A. không đổi.

B. giữ nguyên.

C. tăng.

D. giảm.

**Câu 107:** Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý trừ trường hợp

A. công an cho phép. B. có người làm chứng. C. pháp luật cho phép. D. trưởng ấp cho phép.

**Câu 108:** Phát biểu nào dưới đây là sai về quyền của công dân về bảo vệ Tổ quốc?

A. Bảo vệ Tổ quốc là quyền cao quý của mỗi công dân?

B. Mọi công dân đều bình đẳng trong việc bảo vệ Tổ quốc.

C. Mọi công dân đều có quyền tham gia bảo vệ an ninh quốc gia.

D. Bảo vệ Tổ quốc là trách nhiệm của lực lượng vũ trang chính quy.

**Câu 109:** Đối với người lao động, khi bị thất nghiệp sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến yếu tố nào dưới đây?

A. Tuổi thọ.

B. Thu nhập.

C. Thăng tiến.

D. Địa vị.

**Câu 110:** Theo quy định của pháp luật, trong trường hợp người khiếu nại ốm đau, già yếu mà không thể tự mình khiếu nại được thì có quyền

A. ủy quyền cho người khác. B. khởi kiện ra Tòa án. C. khiếu nại vượt cấp. D. đặc cách giải quyết luôn.

**Câu 111:** Công dân vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Vận chuyển bưu phẩm đường dài.

B. Tự ý thu giữ thư tín của người khác.

C. Công khai lịch trình chuyển phát.

D. Thông báo giá cước dịch vụ viễn thông.

**Câu 112:** Theo quy định của pháp luật, thư tín, điện thoại, điện tín của công dân được cơ quan chức năng

A. chủ động thu thập và lưu trữ

B. bảo đảm an toàn và bí mật.

C. thực hiện in ấn và phân loại.

D. tiến hành sao kê và cất giữ.

**Câu 113:** Phát biểu nào dưới đây là sai về quyền của công dân về tự do ngôn luận?

A. Công dân được tham gia ý kiến về chính sách phát triển kinh tế của Nhà nước.

B. Công dân có quyền bày tỏ ý kiến các vấn đề kinh tế - xã hội tại địa phương.

C. Mọi công dân trưởng thành đều được bày tỏ quan điểm về các lĩnh vực xã hội.

D. Mọi công dân đều có quyền bất biểu ý kiến về các vấn đề của đời sống xã hội.

**Câu 114:** Theo quy định của pháp luật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân được cơ quan chức năng

A. sao kê đồng loạt. B. niêm yết công khai. C. kiểm soát nội dung. D. bảo đảm bí mật.

**Câu 115:** Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền khiếu nại, người khiếu nại phải có trách nhiệm khiếu nại đúng người

A. có quan hệ rộng.

B. có thẩm quyền.

C. có quyền lực.

D. có tài chính mạnh.

**Câu 116:** Công dân có quyền tiếp cận thông tin như thế nào?

A. Được cung cấp thông tin đầy đủ.

B. Chỉ được cung cấp thông tin qua báo chí.

C. Được cung cấp thông tin mọi lúc.

D. Chỉ được cung cấp thông tin qua cán bộ.

**Câu 117:** Theo quy định của pháp luật, việc làm nào dưới đây **không** vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử, ứng cử ?

A. Xuyên tạc nội dung bầu cử.

B. Nhờ người khác bỏ phiếu.

C. Trực tiếp viết phiếu bầu.

D. Chia sẻ nội dung phiếu bầu.

**Câu 118:** Theo quy định của pháp luật, cơ quan chức năng có thẩm quyền được phép khám chỗ ở của công dân khi có căn cứ cho rằng ở đó có

A. tài sản quý hiếm.

B. người phạm tội đang lẫn trốn.

C. nhiều người tụ tập.

D. tình báo viên đang cư trú.

**Câu 119:** Việc người lao động đang trong quá trình chuyển việc nên chưa có việc làm được gọi là

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

A. thất nghiệp cơ cấu.

B. thất nghiệp tam thời

C. thất nghiệp chu kì

D. thất nghiệp cơ cấu.

**Câu 120:** Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, nội dung nào dưới đây **không** phản ánh mặt tích cực của cạnh tranh?

A. Sử dụng những thủ đoạn phi pháp.

B. Giành nguồn nguyên nhiên vật liệu.

C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

D. Hạ giá thành sản phẩm.

**Câu 121:** Bình đẳng về quyền giữa các tôn giáo **không** thể hiện ở việc, nhà nước

A. xóa bỏ tôn giáo bất hợp pháp.

B. tôn trọng quyền tín ngưỡng.

C. tôn vinh người có Đạo tiêu biểu.

D. bảo vệ cơ sở thờ tự.

**Câu 122:** Công dân tham gia thảo luận, góp ý kiến xây dựng các văn bản pháp luật quan trọng, liên quan đến quyền và lợi ích cơ bản của mọi công dân hội là thể hiện nội dung của quyền nào sau đây?

A. Quyền về đời sống xã hội.

B. Quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội.

C. Quyền tự do phát biểu.

D. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

**Câu 123:** Mọi công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và phải chịu trách nhiệm pháp lý là một trong những quy định của pháp luật về công dân

A. bình đẳng trước pháp luật.

B. ngang bằng về lợi nhuận.

C. đáp ứng mọi sở thích.

D. thoả mãn tất cả nhu cầu.

**Câu 124:** Khi lượng tiền phát hành vượt quá mức cần thiết làm xuất hiện tình trạng người giữ tiền sẵn sàng bỏ ra số tiền lớn hơn để mua một đơn vị hàng hoá, làm cho giá cả hàng hoá leo thang sẽ gây ra hiện tượng

A. thất nghiệp.

B. lạm phát.

C. nghèo đói.

D. cạnh tranh.

**Câu 125:** Khi thị trường việc làm ngày càng tăng sẽ làm cho thị trường lao động có xu hướng

A. giữ nguyên.

B. tăng.

C. giảm.

D. cân bằng.

**Câu 126:** Một trong những hậu quả do lạm phát gây ra là làm cho nền kinh tế có nguy cơ

A. suy thoái.

B. tăng trưởng.

C. vững mạnh.

D. phát triển.

**Câu 127:** Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền tố cáo, người tố cáo có trách nhiệm

A. chứng minh quan hệ nhân thân.

B. cung cấp đầy đủ thông tin.

C. hoàn thiện hồ sơ tín dụng.

D. đảm bảo tài chính vững mạnh.

**Câu 128:** Một trong những lợi thế nội tại giúp cá nhân tạo ý tưởng kinh doanh đó là

A. địa điểm cư trú. B. sự cạnh tranh đối thủ. C. sự đam mê. D. địa điểm kinh doanh.

**Câu 129:** Theo quy định của pháp luật, nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền các dân tộc bình đẳng trong lĩnh vực văn hóa?

A. Bảo tồn trang phục của dân tộc mình.

B. Phát triển văn hóa truyền thống.

C. Phát triển kinh tế gia đình.

D. Khôi phục ngôn ngữ và chữ viết.

**Câu 130:** Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh không lành mạnh **không** thể hiện ở việc các chủ thể kinh tế tìm các biện pháp để

A. làm giả thương hiệu.

B. đầu cơ tích trữ nâng giá.

C. hạ giá thành sản phẩm.

D. hủy hoại môi trường.

**Câu 131:** Trong nền kinh tế, khi lạm phát ở mức độ vừa phải thì giá cả hàng hóa, dịch vụ thường tăng ở mức độ

A. một con số.

B. hai con số trở lên.

C. không đáng kể.

D. không xác định

**Câu 132:** Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín thuộc về quyền

A. bí mật đời tư.

B. bí mật của công chức.

C. bí mật của nhà nước.

D. bí mật của công dân.

**Câu 133:** Ở nước ta hiện nay, nam nữ bình đẳng trong về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan tổ chức là thể hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

A. gia đình.                      B. văn hóa.                      C. kinh tế.                      D. chính trị.

**Câu 134:** Theo quy định của pháp luật, bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động thể hiện ở việc, lao động nam và lao động nữ được bình đẳng về cơ hội

A. cân bằng giới tính.    B. tiếp cận việc làm.    C. thôn tính thị trường.    D. duy trì lạm phát.

**Câu 135:** Nhân tố nào dưới đây **không** phải là yếu tố nội tại giúp tạo ý tưởng kinh doanh cho mỗi cá nhân?

A. Vị trí địa lý                      B. Sự đam mê.                      C. Hiểu biết.                      D. Kinh nghiệm.

**Câu 136:** Theo quy định của pháp luật, khi tiếp nhận đơn tố cáo đúng pháp luật của công dân, người giải quyết tố cáo **không** được thực hiện hành vi nào dưới đây đối với người tố cáo?

A. Đình chỉ giải quyết tố cáo.                      B. Chia sẻ thông tin người tố cáo.  
C. Ban hành kết luận giải quyết.                      D. Kết luận nội dung tố cáo.

**Câu 137:** Yếu tố nào dưới đây **không** phải là tiêu chí để đánh giá một cơ hội kinh doanh tốt?

A. Khả thi.                      B. Ổn định.                      C. Hấp dẫn.                      D. Lỗi thời.

**Câu 138:** Thực hiện tốt quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện tốt việc đoàn kết

A. với giai cấp công nhân.                      B. giữa các dân tộc.  
C. cộng đồng quốc tế.                      D. với giai cấp nông dân.

**Câu 139:** Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền tố cáo, người khiếu nại có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu liên quan cho người giải quyết khiếu nại và phải chịu trách nhiệm về

A. chi phí tiếp nhận thông tin.                      B. quy trình giải quyết khiếu nại.  
C. mọi quyết định đã ban hành.                      D. nội dung thông tin cung cấp.

**Câu 140:** Phát biểu nào dưới đây là sai về quyền bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân?

A. Mọi công dân có quyền được bảo đảm an toàn, thư tín, điện tín.  
B. Pháp luật nghiêm công công dân tự ý xâm phạm thư tín người khác.  
C. Việc kiểm soát thư tín được thực hiện theo quy định pháp luật.  
D. Trong mọi trường hợp không được xâm phạm thư tín người khác.

**Câu 141:** Nhà nước có chính sách học bổng và ưu tiên con em đồng bào dân tộc thiểu số được tạo điều kiện nâng cao trình độ là góp phần thực quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực

A. văn hóa, giáo dục.                      B. chính trị.                      C. kinh tế.                      D. tự do tín ngưỡng.

**Câu 142:** Khi tham gia quản lý nhà nước và xã hội, công dân cần chấp hành những

A. quy tắc coi trọng lợi ích.                      B. quy tắc bản thân đề ra.  
C. quy tắc dĩ công vi tư.                      D. quy tắc sinh hoạt công cộng.

**Câu 143:** Khẳng định nào dưới đây **không** đúng khi nói về hậu quả của thất nghiệp?

A. Thất nghiệp là nguyên nhân cơ bản làm xuất hiện các tệ nạn xã hội.  
B. Thất nghiệp làm cho đời sống của người lao động và gia đình gặp khó khăn.  
C. Thất nghiệp cao làm cho sản lượng của nền kinh tế ở trên mức tiềm năng.  
D. Thất nghiệp gây lãng phí lao động xã hội, làm giảm sản lượng của nền kinh tế.

**Câu 144:** Đối với các doanh nghiệp, khi tình trạng thất nghiệp tăng cao sẽ làm cho nhiều doanh nghiệp phải

A. thúc đẩy sản xuất.                      B. đầu tư hiệu quả.                      C. mở rộng sản xuất.                      D. đóng cửa sản xuất.

**Câu 145:** Các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam đều có đại biểu của mình trong hệ thống các cơ quan quyền lực nhà nước là thể hiện quyền bình đẳng trong lĩnh vực

A. chính trị.                      B. kinh tế.                      C. kinh doanh.                      D. lao động.

**Câu 146:** Là sự thỏa thuận giữa người bán sức lao động và người mua sức lao động về tiền công, tiền lương và các điều kiện làm việc khác là nội dung của khái niệm

A. thị trường lao động.    B. thị trường công nghệ    C. thị trường tiền tệ.    D. thị trường tài chính.

**Câu 147:** Bất kỳ công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và bị xử lý theo quy định của pháp luật. Điều này thể hiện công dân bình đẳng về

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

A. trách nhiệm chính trị.

B. trách nhiệm pháp lí.

C. trách nhiệm xã hội.

D. trách nhiệm kinh tế.

**Câu 148:** Trong nền kinh tế, khi mức độ tăng của giá cả ở một con số hàng năm từ 0% đến dưới 10% khi đó nền kinh tế có mức độ

A. lạm phát phi mã.

B. lạm phát tuyệt đối.

C. siêu lạm phát.

D. lạm phát vừa phải.

**Câu 149:** Khẳng định nào dưới đây **không** đúng khi nói về vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp?

A. Nhà nước điều tiết để duy trì một tỉ lệ thất nghiệp cao trong nền kinh tế.

B. Nhà nước phát triển hệ thống dạy nghề, dịch vụ việc làm.

C. Nhà nước ban hành các chính sách để thu hút đầu tư.

D. Nhà nước xây dựng hệ thống bảo hiểm thất nghiệp, xuất khẩu lao động.

**Câu 150:** Theo quy định của pháp luật, các cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo hợp pháp được nhà nước

A. thu hồi và quản lý. B. thiết kế và đầu tư. C. tôn trọng và bảo hộ. D. xây dựng và vận hành.

**Câu 151:** Theo quy định của pháp luật, khi có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo của cơ quan có thẩm quyền không đúng pháp luật thì người tố cáo có quyền

A. tiếp tục tố cáo.

B. sử dụng vũ lực.

C. xuyên tạc nội dung.

D. khởi kiện ra tòa.

**Câu 152:** Theo quy định của pháp luật, với chỗ ở hợp pháp của công dân, hành vi nào dưới đây vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở?

A. Chiếm giữ chỗ ở trái phép.

B. Phá cửa để cấp cứu người bị nạn.

C. Chia sẻ công khai địa điểm cư trú.

D. Vào nhà dập tắt vụ hỏa hoạn.

**Câu 153:** Trong nền kinh tế thị trường, nếu số lượng người cùng sản xuất một loại hàng hoá tăng lên thì cung về loại hàng hoá đó sẽ có xu hướng

A. không đổi.

B. tăng.

C. giữ nguyên.

D. giảm.

**Câu 154:** Theo quy định của pháp luật, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của

A. toàn dân.

B. Công an.

C. Quân đội

D. Cán bộ nhà nước.

**Câu 155:** Phát biểu nào dưới đây là sai về quyền bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân?

A. Mọi công dân có trách nhiệm tôn trọng thư tín của người khác.

B. Khi có dấu hiệu phạm tội, cơ quan chức năng có quyền khám xét thư tín.

C. Khám xét thư tín phải theo trình tự do pháp luật quy định.

D. Mọi cơ quan có thẩm quyền đều được khám xét thư tín, điện tín.

**Câu 156:** Việc phân chia các loại hình thất nghiệp thành thất nghiệp tạm thời, thất nghiệp cơ cấu, thất nghiệp chu kì là căn cứ vào

A. nguồn gốc thất nghiệp.

B. chu kỳ thất nghiệp.

C. tính chất của thất nghiệp.

D. nguyên nhân của thất nghiệp.

**Câu 157:** Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định mọi công dân đều

A. bình đẳng về quyền lợi.

B. bình đẳng về nghĩa vụ.

C. bình đẳng trước pháp luật.

D. bình đẳng trước Nhà nước.

**Câu 158:** Theo quy định của pháp luật, tại thời điểm tổ chức bầu cử, cử tri **không** vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử khi

A. công khai nội dung đã viết vào phiếu bầu.

B. ủy quyền thực hiện nghĩa vụ bầu cử.

C. tự ý bỏ phiếu thay người khác.

D. độc lập lựa chọn ứng cử viên.

**Câu 159:** Yếu tố nào dưới đây là tiêu chí để đánh giá tính khả thi của một cơ hội kinh doanh?

A. Tính triu tượng.

B. Tính phổ biến.

C. Tính nhân đạo.

D. Tính hiệu quả.

**Câu 160:** Công dân có thể thực hiện quyền tự do ngôn luận bằng cách phát biểu ý kiến nhằm xây dựng cơ quan, trường học, địa phương mình

A. trong các cuộc họp của cơ quan.

B. ở bất cứ nơi nào.

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- C. ở những nơi công cộng. D. ở những nơi có người tụ tập.
- Câu 161:** Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền tự do ngôn luận công dân có nghĩa vụ
- A. trình bày mọi quan điểm. B. tuân thủ quy định pháp luật.
- C. xuyên tạc về mặt nội dung. D. ủng hộ mọi quan điểm đưa ra.
- Câu 162:** Theo quy định của pháp luật, công dân **không** được thực hiện quyền bầu cử, ứng cử khi đang
- A. đi công tác ở hải đảo. B. thi hành án phạt tù.
- C. bị nghi ngờ phạm tội D. đảm nhiệm chức vụ.
- Câu 163:** Hành vi nào sau đây là biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh?
- A. Hạ giá thành sản phẩm. B. Áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến.
- C. Khuyến mãi để thu hút khách hàng. D. Đầu cơ tích trữ để nâng giá cao.
- Câu 164:** Theo quy định của pháp luật, nội dung nào dưới đây là biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế?
- A. Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ được ưu đãi về thuế.
- B. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm.
- C. Doanh nghiệp đảm bảo an toàn cho lao động nữ khi làm việc nặng nhọc.
- D. Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập và điều hành doanh nghiệp.
- Câu 165:** Một trong những hình thức để công dân thực hiện đúng quyền tự do ngôn luận là
- A. phát biểu ý kiến nhằm xây dựng cơ quan. B. bảo trợ trẻ em khuyết tật.
- C. tuyên truyền thông tin thất thiệt. D. theo dõi phạm nhân vượt ngục.
- Câu 166:** Theo quy định của pháp luật, quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực kinh tế thể hiện ở việc các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam đều có quyền ?
- A. Ứng cử hội đồng nhân dân xã. B. Đóng góp ý kiến vào dự thảo luật.
- C. Tham gia bầu cử đại biểu quốc hội. D. Vay vốn ưu đãi để sản xuất.
- Câu 167:** Hành vi dùng vũ lực để đe dọa người khác phải dời khỏi chỗ ở hợp pháp của họ là hành vi vi phạm quyền
- A. bất khả xâm phạm về thân thể. B. được pháp luật bảo hộ về danh dự.
- C. được bảo vệ quan điểm cá nhân. D. bất khả xâm phạm về chỗ ở.
- Câu 168:** Khi thị trường lao động ngày càng phong phú và đa dạng sẽ thúc đẩy thị trường việc làm có xu hướng
- A. giảm. B. giữ nguyên. C. cân bằng. D. tăng.
- Câu 169:** Yếu tố nào dưới đây **không** phải là tiêu chí để đánh giá một ý tưởng kinh doanh tốt?
- A. Có ưu thế vượt trội. B. Có tính mới mẻ, độc đáo.
- C. Không có tính khả thi. D. Có lợi thế cạnh tranh.
- Câu 170:** Trong nền kinh tế thị trường, nếu giá cả các yếu tố đầu vào của sản xuất như tiền công, giá nguyên vật liệu, tiền thuê đất,... giảm giá thì sẽ tác động như thế nào đến cung hàng hóa?
- A. Cung không đổi. B. Cung tăng lên. C. Cung giảm xuống. D. Cung bằng cầu.
- Câu 171:** Phát biểu nào dưới đây là sai về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật?
- A. Mọi công dân đều phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định
- B. Mọi công dân đều không bị phân biệt đối xử trong hưởng quyền.
- C. Mọi công dân nếu vi phạm pháp luật đều bị xử lý nghiêm minh.
- D. Mọi công dân đều được miễn truy cứu trách nhiệm pháp lý
- Câu 172:** Theo quy định của pháp luật, khi có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo của cơ quan có thẩm quyền đã quá thời hạn quy định mà chưa được giải quyết thì người tố cáo có quyền
- A. thuê công đồ giải quyết. B. tiếp tục tố cáo. C. thuê luật sư can thiệp. D. từ chối giải quyết.
- Câu 173:** Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền tố cáo, người tố cáo phải có trách nhiệm
- A. trình bày không trung thực sự việc. B. trình bày trung thực nội dung tố cáo.
- C. phản bác mọi quan điểm trái chiều. D. từ chối mọi quyết định giải quyết.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 174:** Một trong những hình thức để công dân thực hiện đúng quyền tự do ngôn luận là

- A. theo dõi tội phạm nguy hiểm  
B. tung tin, bịa đặt nói xấu người khác.  
C. giam giữ người trái pháp luật.  
D. kiến nghị với đại biểu Quốc hội.

**Câu 175:** Việc giải quyết tốt mối quan hệ giữa thị trường việc làm và thị trường lao động sẽ góp phần gia tăng việc làm, giảm

- A. lạm phát.                      B. khủng hoảng.                      C. đầu cơ.                      D. thất nghiệp.

**Câu 176:** Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền tự do ngôn luận công dân **không** được

- A. xâm phạm lợi ích nhà nước.  
B. tự mình trình bày quan điểm.  
C. ủy quyền người khác trình bày.  
D. tự do phát biểu ý kiến.

**Câu 177:** Số lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng có khả năng mua và sẵn sàng mua ở các mức giá khác nhau trong một thời gian nhất định gọi là

- A. lạm phát.                      B. cung.                      C. cầu.                      D. thất nghiệp.

**Câu 178:** Những suy nghĩ, hành động sáng tạo, có tính khả thi, có thể đem lại lợi nhuận trong kinh doanh được gọi là

- A. ý tưởng hội họa.    B. ý tưởng nghệ thuật.    C. ý tưởng kinh doanh.    D. ý tưởng kiến trúc.

**Câu 179:** Đối với xã hội, khi lạm phát xảy ra sẽ khiến cho tình trạng nào dưới đây gia tăng?

- A. Thất nghiệp.                      B. Tiêu dùng.                      C. Phân phối.                      D. Sản xuất.

**Câu 180:** Sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận là nội dung của khái niệm

- A. tranh giành.                      B. đấu tranh.                      C. canh tranh.                      D. lợi tức.

**Câu 181:** Khi tham gia vào thị trường lao động, người bán sức lao động và người mua sức lao động thỏa thuận nội dung nào dưới đây?

- A. Tiền môi giới lao động.                      B. Điều kiện đi nước ngoài.  
C. Tiền công, tiền lương.                      D. Điều kiện xuất khẩu lao động.

**Câu 182:** Theo quy định của pháp luật, bình đẳng về trách nhiệm pháp lý có nghĩa là bất kỳ công dân nào vi phạm pháp luật đều

- A. bị xử lý nghiêm minh.                      B. được đền bù thiệt hại.  
C. bị tước quyền con người.                      D. được giảm nhẹ hình phạt.

**Câu 183:** Phát biểu nào dưới đây là đúng về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật?

- A. Mọi công dân đều phải chịu trách nhiệm pháp lý.  
B. Mọi công dân đều có quyền và nghĩa vụ như nhau.  
C. Mọi công dân đều phải từ bỏ quyền của mình.  
D. Mọi công dân đều phải thực hiện mọi nghĩa vụ.

**Câu 184:** Nội dung nào dưới đây có thể là một trong những nguyên nhân dẫn đến lạm phát?

- A. lượng cung tiền đưa ra ít.                      B. Nhà nước mua ngoại tệ.  
C. Các chi phí đầu vào giảm.                      D. chi phí sản xuất giảm.

**Câu 185:** Việc giải quyết tốt mối quan hệ giữa thị trường việc làm và thị trường lao động sẽ góp phần giảm thất nghiệp và gia tăng nhiều

- A. thất nghiệp.                      B. việc làm.                      C. lạm phát.                      D. khủng hoảng.

**Câu 186:** Đối với thư tín, điện thoại điện tín của công dân, pháp luật nghiêm cấm cá nhân hoặc tổ chức có hành vi nào dưới đây?

- A. Điều chỉnh thời gian phát.                      B. Cập nhật thông tin người nhận.  
C. Thu cước phí vận chuyển.                      D. Khám xét nội dung điện tín.

**Câu 187:** Theo quy định của pháp luật, để góp phần vào công cuộc bảo vệ Tổ quốc, mọi công dân đều có quyền được

- A. phổ biến đường lối quốc phòng.                      B. từ chối nghĩa vụ quân sự.  
C. tiếp cận trí tuệ nhân tạo.                      D. từ chối bảo vệ an ninh quốc gia.

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 188:** Bất kỳ công dân nào nếu có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật đều bình đẳng về cơ hội học tập là thể hiện công dân bình đẳng về

- A. nghĩa vụ.                      B. quyền.                      C. tập tục.                      D. trách nhiệm.

**Câu 189:** Theo quy định của pháp luật, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, khi thực hiện quyền khiếu nại, chủ thể khiếu nại có quyền cung cấp chứng cứ và

- A. từ chối thực hiện quyết định.                      B. hạ uy tín người giải quyết khiếu nại.  
C. giải trình các nội dung chứng cứ.                      D. hối lộ người giải quyết khiếu nại.

**Câu 190:** Xu hướng tuyển dụng những người đã được đào tạo ngày một tăng và chiếm ưu thế so với người chưa qua đào tạo là xu hướng của thị trường nào dưới đây?

- A. Việc làm.                      B. Kinh doanh.                      C. Sản xuất.                      D. Lao động.

**Câu 191:** Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, bản chất mối quan hệ cung - cầu phản ánh mối quan hệ tác động qua lại giữa

- A. người mua và người bán.                      B. người bán và người bán.  
C. người sản xuất và người đầu tư.                      D. người sản xuất với người tiêu dùng.

**Câu 192:** Phát biểu nào dưới đây là sai về nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc?

- A. Mọi công dân đều có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc.  
B. Mọi công dân theo quy định phải thực hiện nghĩa vụ quân sự.  
b. Mọi công dân nếu không thích có thể từ chối nghĩa vụ quân sự.  
d. Bảo vệ Tổ quốc là trách nhiệm của mọi công dân.

**Câu 193:** Nhà nước đầu tư tài chính để xây dựng hệ thống trường lớp ở vùng sâu, vùng xa là thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực

- A. dân vận.                      B. truyền thông.                      C. văn hóa.                      D. giáo dục.

**Câu 194:** Ý tưởng kinh doanh là những suy nghĩ, hành động sáng tạo, có tính khả thi, có thể đem lại lợi nhuận trong

- A. học tập.                      B. công tác.                      C. nghệ thuật.                      D. kinh doanh.

**Câu 195:** Việc xây dựng ý tưởng kinh doanh **không** có vai trò nào dưới đây đối với các chủ thể kinh doanh?

- A. Xác lập quan hệ về lao động.                      B. Xác định hình thức kinh doanh.  
C. Xác định đối tượng kinh doanh.                      D. Xác định mục tiêu kinh doanh.

**Câu 196:** Theo quy định của pháp luật, việc khám xét chỗ ở của người nào đó được tiến hành khi đủ căn cứ để khẳng định ở đó có

- A. bạo lực gia đình.                      B. hoạt động tín ngưỡng.                      C. công cụ gây án.                      D. tổ chức sự kiện.

**Câu 197:** Một cơ hội kinh doanh tốt là cơ hội đó phải có

- A. tính hấp dẫn.                      B. tính pháp lý.                      C. tính bắt buộc.                      D. tính quốc tế.

**Câu 198:** Trong nền kinh tế, thất nghiệp tự nhiên là hình thức thất nghiệp trong đó bao gồm thất nghiệp tạm thời và thất nghiệp

- A. hiện đại.                      B. truyền thống.                      C. không tạm thời                      D. cơ cấu.

**Câu 199:** Đối với lĩnh vực văn hóa, hành vi nào dưới đây **không** vi phạm pháp luật về bình đẳng giới?

- A. Phê bình nội dung tuyên truyền định kiến giới.                      B. Cản trở hoạt động nghệ thuật vì định kiến giới.  
C. Phổ biến tập tục có tính phân biệt đối xử giới                      D. Sáng tác tác phẩm nâng cao nhân thức giới

**Câu 200:** Theo quy định của pháp luật, nội dung nào dưới đây là biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế?

- A. Quy định điều kiện an toàn đối với lao động nữ.                      B. Bảo đảm tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội.  
C. Quy định tỷ lệ nam nữ khi tuyển dụng.                      D. Ưu đãi thuế với doanh nghiệp nhiều lao động nữ.

**Câu 201:** Bất kỳ công dân nào nếu có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật đều tham gia quản lý nhà nước và xã hội là thể hiện công dân bình đẳng về hưởng

- A. trách nhiệm.                      B. nghĩa vụ.                      C. tập tục.                      D. quyền.

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 223:** Theo quy định của pháp luật, độ tuổi tham gia nghĩa vụ quân sự của thanh niên hiện này là đủ bao nhiêu tuổi trở lên?

- A. 16 tuổi.                      B. 18 tuổi.                      C. 17 tuổi.                      D. 15 tuổi.

**Câu 224:** Việc làm nào dưới đây thể hiện quyền bình đẳng giới trên lĩnh vực chính trị?

- A. Đăng ký thành lập doanh nghiệp.                      B. Hưởng trợ cấp tai nạn lao động.  
C. Đăng ký học nâng cao trình độ.                      D. Góp ý dự thảo Luật đất đai sửa đổi.

**Câu 225:** Trong nền kinh tế thị trường, nếu nhà nước có chính sách giảm thuế đối với một mặt hàng nào đó thì sẽ làm cho cung hàng hóa về mặt hàng đó có xu hướng

- A. giảm.                      B. không đổi.                      C. tăng.                      D. giữ nguyên.

**Câu 226:** Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền tố cáo, người tố cáo phải có trách nhiệm tố cáo đúng người

- A. có quan hệ rộng.                      B. có quyền lực.                      C. có tài chính mạnh.                      D. có thẩm quyền.

**Câu 227:** Theo quy định của pháp luật, để bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa, mọi công dân có nghĩa vụ

- A. bảo vệ tư tưởng cực đoan.                      B. bảo vệ lợi ích cá nhân mình.  
C. bảo vệ mọi quan điểm trái chiều.                      D. bảo vệ an ninh quốc gia.

**Câu 228:** Công dân dù ở địa vị nào, làm bất cứ nghề gì khi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm

- A. pháp lí.                      B. hòa giải.                      C. cải chính.                      D. bồi thường.

**Câu 229:** Trong nền kinh tế, căn cứ vào tính chất của thất nghiệp thì thất nghiệp được chia thành thất nghiệp tự nguyện và thất nghiệp

- A. luôn bắt buộc.                      B. quyền lực.                      C. không tự nguyện.                      D. tự giác.

**Câu 230:** Khi mức độ tăng giá của hàng hóa và dịch vụ ở một con số điều đó phản ánh mức độ lạm phát của nền kinh tế đó ở mức độ

- A. lạm phát vừa phải.                      B. siêu lạm phát.                      C. lạm phát phi mã.                      D. không đáng kể.

**Câu 231:** Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị thể hiện ở việc, cả nam và nữ đều bình đẳng trong việc tham gia

- A. quản lý kinh tế.                      B. quản lý nhà nước.                      C. quản lý doanh nghiệp.                      D. quản lý gia đình.

**Câu 232:** Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, vai trò tích cực của cạnh tranh thể hiện ở việc những người sản xuất vì giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

- A. nâng cao năng suất lao động                      B. lạm dụng chất cấm.  
C. triệt tiêu động lực sản xuất kinh doanh.                      D. chạy theo lợi nhuận làm hàng giả

**Câu 233:** Việc công dân biểu quyết các vấn đề trọng đại khi được Nhà nước trưng cầu ý dân là thực hiện quyền nào dưới đây?

- A. Quyền quyết định công việc địa phương.                      B. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.  
C. Quyền bảo vệ các lợi ích quốc gia, dân tộc.                      D. Quyền tự quyết mang tính dân tộc.

**Câu 234:** Theo quy định của pháp luật, thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân được

- A. niêm phong và cất trữ.                      B. phổ biến rộng rãi và công khai.  
C. phát hành và lưu giữ.                      D. bảo đảm an toàn và bí mật.

**Câu 235:** Cùng với tiếng phổ thông, các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình là thể hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực

- A. tín ngưỡng.                      B. tôn giáo.                      C. văn hóa.                      D. giáo dục.

**Câu 236:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân là xâm phạm đến

- A. Xâm phạm tài sản công cộng.                      B. Xâm phạm trật tự hành chính.  
C. Gây mất an ninh trật tự xã hội.                      D. Xâm phạm bí mật đời tư.

**Câu 237:** Công dân có thể trực tiếp phát biểu ý kiến trong các cuộc họp là một nội dung thuộc quyền

- A. tự do ngôn luận.                      B. tự do hội họp.                      C. tự do dân chủ.                      D. tự do thân thể.

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 238:** Một trong những nguyên nhân dẫn tới lạm phát trong nền kinh tế là do

- A. cầu tăng cao.      B. cầu không tăng.      C. cầu suy giảm.      D. cầu giảm mạnh.

**Câu 239:** Theo quy định của pháp luật, quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực chính trị thể hiện ở việc các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam đều có quyền

- A. khám chữa bệnh theo quy định.      B. tham gia quản lý nhà nước và xã hội.  
C. hỗ trợ chi phí học tập đại học.      D. tham gia phát triển du lịch cộng đồng.

**Câu 240:** Công dân có hành vi bịa đặt để hạ uy tín người khác là xâm phạm đến quyền được pháp luật bảo hộ về

- A. tự do thân thể.      B. tính mạng, sức khỏe.      C. danh dự nhân phẩm.      D. Năng lực thể chất.

**Câu 241:** Một trong những quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế là cả nam và nữ đều bình đẳng trong việc thực hiện quyền

- A. nhân thân.      B. kinh doanh.      C. tài sản.      D. bầu cử.

**Câu 242:** Về mặt xã hội, khi thất nghiệp tăng cao sẽ gián tiếp dẫn đến phát sinh nhiều

- A. công ty mới thành lập.      B. hiện tượng xã hội tốt.  
C. tê nạn xã hội tiêu cực.      D. nhiều người thu nhập cao.

**Câu 243:** Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền của mình về bảo vệ Tổ quốc, công dân **không** được thực hiện hành vi nào dưới đây?

- A. Từ chối đăng ký nghĩa vụ quân sự.      B. Từ chối lưu hành vũ khí trái phép.  
C. Tìm hiểu về đường lối quân sự.      D. Tham gia dân quân tự vệ.

**Câu 244:** Theo quy định của pháp luật, tại thời điểm tổ chức bầu cử, cử tri vi phạm nghĩa vụ bầu cử khi

- A. theo dõi kết quả bầu cử.      B. bí mật viết phiếu và bỏ phiếu.  
C. công khai nội dung phiếu bầu.      D. tìm hiểu thông tin ứng cử viên.

**Câu 245:** Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân khách quan khiến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

- A. Không hài lòng với công việc.      B. Thiếu kỹ năng làm việc.  
C. Cơ chế tinh giảm lao động.      D. Do vi phạm hợp đồng lao động.

**Câu 246:** Yếu tố nào ảnh hưởng đến cung mang tính tập trung nhất?

- A. Năng suất lao động.      B. Chi phí sản xuất.      C. Giá cả.      D. Nguồn lực.

**Câu 247:** Bất người trái pháp luật là xâm phạm đến quyền nào sau đây của công dân?

- A. bắt người hợp pháp của công dân.      B. bất khả xâm phạm thân thể của công dân.  
C. bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân.      D. bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

**Câu 248:** Phát biểu nào dưới đây là sai về bình đẳng giới trong lĩnh vực gia đình?

- A. Con trai, con gái được bình đẳng trong chăm sóc.  
B. Con trai con gái được phân biệt khi nhận thừa kế.  
C. Các con đều có quyền ngang nhau về học tập.  
D. Các con cùng được giáo dục và phát triển.

**Câu 249:** Theo quy định của pháp luật, việc làm nào dưới đây thể hiện công dân tích cực thực hiện quyền và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc?

- A. Đăng ký nghĩa vụ quân sự.      B. Đăng ký hiến máu nhân đạo.  
C. Phá bỏ thủ tục lạc hậu.      D. Giữ gìn nét đẹp truyền thống.

**Câu 250:** Việc bảo đảm tỉ lệ thích hợp người dân tộc thiểu số trong các cơ quan quyền lực nhà nước thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực

- A. giáo dục.      B. chính trị.      C. kinh tế.      D. văn hóa.

**Câu 251:** Một trong những quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị là nam, nữ bình đẳng trong việc

- A. tiếp cận nguồn vốn đầu tư.      B. tiếp cận các cơ hội việc làm.  
C. tham gia các hoạt động xã hội.      D. lựa chọn ngành nghề học tập.

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 252:** Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền tự do ngôn luận công dân **không** được

- A. xâm phạm lợi ích hợp pháp công dân.
- B. chủ động bảo lưu quan điểm cá nhân.
- C. ủng hộ những quan điểm tương đồng.
- D. công khai những nội dung đã góp ý.

**Câu 253:** Các tổ chức tôn giáo, cũng như người theo các tôn giáo khác nhau dù ở bất kì cương vị nào nếu vi phạm pháp luật

- A. phải từ bỏ sở hữu mọi tài sản.
- B. bị xử lí theo quy định của pháp luật.
- C. phải tham gia lao động công ích.
- D. được quyền phủ nhận lời khai nhân chứng.

**Câu 254:** Một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế là do có sự khác nhau về

- A. quan hệ tài sản.
- B. nguồn gốc nhân thân.
- C. điều kiện sản xuất.
- D. giá trị thặng dư.

**Câu 255:** Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền của mình về bảo vệ Tổ quốc, mọi công dân đều được

- A. tàng trữ vũ khí quân sự.
- B. biên chế vào lực lượng an ninh.
- C. giáo dục kiến thức quốc phòng.
- D. huy động vào quân đội.

**Câu 256:** Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền khiếu nại, người khiếu nại **không** được thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Ủy quyền luật sư giải quyết.
- B. Tiếp tục khiếu nại lần thứ hai.
- C. Xuyên tạc nội dung giải quyết.
- D. Khởi kiện vụ án hành chính.

**Câu 257:** Theo quy định của pháp luật, đối với quyền về bảo vệ Tổ quốc, mọi công dân nếu đủ điều kiện đều được

- A. miễn đăng ký nghĩa vụ quân sự.
- B. từ bỏ quyền tham gia quân đội.
- C. trang bị kiến thức về quốc phòng.
- D. lợi dụng quốc phòng để vi phạm.

**Câu 258:** Theo quy định của pháp luật, trong quá trình thực hiện quyền khiếu nại, nếu công dân là người chưa thành niên thì có quyền đề nghị chủ thể nào dưới đây thực hiện quyền khiếu nại thay mình?

- A. Người đại diện theo pháp luật.
- B. Người bị khiếu nại làm thay.
- C. Bạn bè cùng tuổi với mình.
- D. Đối tượng bị khiếu nại.

**Câu 259:** Hiến pháp quy định công dân Việt Nam đủ bao nhiêu tuổi trở lên có quyền ứng cử?

- A. 21.
- B. 17.
- C. 18.
- D. 16.

**Câu 260:** Ngăn cản đại biểu trình bày ý kiến của mình trong hội nghị là công dân vi phạm quyền

- A. tự do ngôn luận.
- B. quản lí truyền thông.
- C. quản lí cộng đồng.
- D. tự do thông tin.

**Câu 261:** Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh của chủ thể sản xuất kinh doanh xuất phát từ yếu tố nào dưới đây?

- A. Khó khăn của chủ thể sản xuất.
- B. Điểm yếu nội tại và khó khăn bên ngoài.
- C. Mâu thuẫn của chủ thể sản xuất.
- D. Lợi thế nội tại và cơ hội bên ngoài.

**Câu 262:** Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền khiếu nại, người khiếu nại phải có trách nhiệm

- A. từ chối mọi quyết định giải quyết.
- B. phản bác mọi quan điểm trái chiều.
- C. trình bày trung thực sự việc.
- D. trình bày không trung thực sự việc.

**Câu 263:** Công dân kiến nghị với đại biểu quốc hội là nội dung của quyền nào sau đây?

- A. Được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe.
- B. Chính trị.
- C. Tự do ngôn luận.
- D. Bất khả xâm phạm về thân thể.

**Câu 264:** Trong nền kinh tế thị trường, nội dung nào dưới đây là nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh?

- A. Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập.
- B. Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những chủ thể cạnh tranh.
- C. Sự tồn tại một chủ sở hữu với tư cách là đơn vị kinh tế độc lập.
- D. Sự tồn tại của một chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập.

**Câu 265:** Việc làm nào dưới đây của cơ quan quản lý nhà nước sẽ góp phần kiềm chế tiến tới đẩy lùi nguy cơ lạm phát trong nền kinh tế?

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

A. Tăng cung tiền.      B. Giảm lãi suất.      C. Đổi tiền mới.      D. Tăng lãi suất.

**Câu 266:** Theo quy định của pháp luật, trong quá trình thực hiện quyền khiếu nại, công dân nếu có đầy đủ năng lực trách nhiệm pháp lý có thể

A. tự mình giải quyết khiếu nại.      B. tự mình giải quyết tố cáo.  
C. tự mình thực hiện khiếu nại.      D. làm sai lệch nội dung khiếu nại.

**Câu 267:** Theo quy định của pháp luật, công dân có hành vi nào sau đây xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của người khác?

A. Đang thực hiện hành vi phạm tội.      B. Theo dõi tội phạm nguy hiểm  
C. Tung tin, bịa đặt nói xấu người khác.      D. Lan truyền bí mật quốc gia.

**Câu 268:** Theo quy định của pháp luật, các cơ quan báo chí khi tiếp nhận các bài viết của công dân có nội dung phản ánh đúng sự việc thì các cơ quan này có trách nhiệm

A. chuyển cơ quan khác.      B. xem xét đăng bài.      C. xử phạt hành chính.      D. hủy bỏ mọi bài viết.

**Câu 269:** Theo quy định của pháp luật, công dân thực hiện quyền tự do ngôn luận khi thực hiện hành vi nào dưới đây?

A. Tự công khai đời sống của bản thân.      B. Bảo trợ người già neo đơn.  
C. Đang tìm hiểu hoạt động tín ngưỡng.      D. Phát biểu ý kiến trong hội nghị.

**Câu 270:** Trong nền kinh tế thị trường, yếu tố nào dưới đây **không** ảnh hưởng tới cung hàng hóa?

A. Tâm trạng của người mua hàng.      B. Thị hiếu của người tiêu dùng.  
C. Tâm lý của người tiêu dùng.      D. Kỳ vọng của người sản xuất.

**Câu 271:** Những chính sách phát triển kinh tế- xã hội mà Nhà nước ban hành cho vùng đồng bào dân tộc và miền núi, vùng sâu vùng xa là góp phần thực hiện tốt quyền bình đẳng giữa các dân tộc về

A. xã hội.      B. kinh tế.      C. chính trị.      D. văn hóa, giáo dục.

**Câu 272:** Các cơ sở tôn giáo được pháp luật thừa nhận dù lớn hay nhỏ được nhà nước đối xử

A. không bình đẳng.      B. bình đẳng như nhau.      C. có sự phân biệt.      D. tùy theo từng tôn giáo.

**Câu 273:** Theo quy định của pháp luật, hành vi tự tiện khám chỗ ở của công dân là vi phạm quyền

A. bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.      B. bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.  
C. bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân.      D. bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

**Câu 274:** Công dân Việt Nam thuộc các dân tộc khác nhau khi đủ điều kiện mà pháp luật quy định đều có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, là thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc về

A. kinh tế.      B. văn hóa, giáo dục.      C. chính trị.      D. xã hội.

**Câu 275:** Loại hình thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và sự thay đổi của công nghệ dẫn đến yêu cầu lao động có trình độ cao hơn, lao động không đáp ứng yêu cầu sẽ bị đào thải là hình thức

A. thất nghiệp cơ cấu.      B. thất nghiệp chu kỳ.  
C. thất nghiệp tự nguyện.      D. thất nghiệp tạm thời.

**Câu 276:** Theo quy định của pháp luật, tại thời điểm tổ chức bầu cử, cử tri **không** vi phạm nghĩa vụ bầu cử khi

A. công khai thời gian bỏ phiếu      B. công khai nội dung phiếu bầu.  
C. Bỏ phiếu thay cử tri vắng mặt.      D. tự ý bỏ phiếu thay người khác.

**Câu 277:** Công dân trực tiếp phát biểu ý kiến trong cuộc họp nhằm xây dựng cơ quan, trường học, địa phương là biểu hiện của quyền nào dưới đây?

A. Quyền tự do ngôn luận.      B. Quyền xây dựng đất nước.  
C. Quyền tự do hội họp.      D. Quyền tham gia phát biểu ý kiến.

**Câu 278:** Trong các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh, yếu tố nào dưới đây **không** thuộc về cơ hội bên ngoài của các chủ thể sản xuất kinh doanh?

A. Sự cạnh tranh giữa các chủ thể.      B. Nhu cầu của thị trường.  
C. Vị trí triển khai hoạt động kinh doanh.      D. Khả năng huy động các nguồn lực.

**Câu 279:** Theo quy định của pháp luật, công dân đủ bao nhiêu tuổi trở lên thì có quyền tham gia bầu cử?

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

A. 19 tuổi.

B. 18 tuổi.

C. 21 tuổi.

D. 17 tuổi.

**Câu 280:** Hành vi bắt, giam giữ người trái pháp luật là xâm phạm đến quyền nào dưới đây của công dân?

A. Được đảm bảo về tính mạng.

B. Tự do đi lại và lao động.

C. Pháp luật bảo hộ về sức khỏe.

D. Bất khả xâm phạm về thân thể.

**Câu 281:** Nội dung nào dưới đây phản ánh tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh?

A. Lành mạnh hóa và thúc đẩy thị trường.

B. Nâng tầm thương hiệu quốc gia.

C. Đem lại lợi nhuận cho chủ thể kinh doanh.

D. Giảm thiểu nguy cơ lạm phát, tăng giá.

**Câu 282:** Theo quy định của pháp luật, quyền bình đẳng trong trên lĩnh vực chính trị thể hiện ở việc các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam đều được

A. tổ chức lễ hội truyền thống.

B. phát triển kinh tế du lịch cộng đồng.

C. đóng góp ý kiến sửa đổi Hiến pháp.

D. bảo tồn trang phục dân tộc .

**Câu 283:** Theo quy định của pháp luật, ngoài những thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, quyền tiếp nhận thông tin của công dân thể hiện ở việc với những thông tin do cơ quan nhà nước nắm giữ, mọi công dân đều có quyền

A. xác lập sở hữu. B. thay đổi nội dung. C. đăng ký bản quyền. D. tiếp nhận thông tin.

**Câu 284:** Cử tri **không** thực hiện đúng nghĩa vụ bầu cử ứng cử khi thực hiện hành vi nào dưới đây ?

A. Ủy quyền tham gia bầu cử.

B. Tìm hiểu danh sách đại biểu.

C. Nghiên cứu tiểu sử ứng cử viên.

D. Chứng kiến niêm phong hòm phiếu.

**Câu 285:** Theo quy định của pháp luật, công dân thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Khai báo hồ sơ dịch tễ trực tuyến.

B. Đề cao quản điểm cá nhân.

C. Sử dụng dịch vụ công cộng.

D. Giám sát việc giải quyết khiếu nại.

**Câu 286:** Bình đẳng giới trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình thể hiện ở việc vợ và chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc

A. chiếm hữu tài sản công cộng.

B. tôn trọng danh dự của nhau.

C. áp đặt quan điểm cá nhân.

D. che giấu hành vi bạo lực.

**Câu 287:** Phát biểu nào dưới đây là sai về khái niệm bình đẳng giới?

A. Bình đẳng giới là việc nam và nữ đều có vị trí ngang nhau.

B. Bình đẳng giới là việc nam và nữ đều có chế độ giống nhau.

C. Bình đẳng giới là việc nam và nữ đều có cơ hội phát huy năng lực.

D. Bình đẳng giới là việc nam và nữ đều được tạo điều kiện phát triển.

**Câu 288:** Theo quy định của pháp luật, nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền các dân tộc bình đẳng trong lĩnh vực giáo dục?

A. Xây dựng trường dân tộc nội trú.

B. Thực hiện chế độ cử tuyển .

C. Tuyên truyền từ bỏ hủ tục.

D. Hỗ trợ kinh phí học tập.

**Câu 289:** Phát biểu nào dưới đây là sai về bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động?

A. Nam nữ bình đẳng về tiền công, tiền thưởng. B. Nam nữ bình đẳng trong tiếp cận vốn vay.

C. Nam nữ bình đẳng khi tiếp cận điều kiện lao động.

D. Nam nữ được đối xử bình đẳng về bảo hiểm xã hội.

**Câu 290:** Tại thời điểm bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, công dân vi phạm nghĩa vụ bầu cử khi

A. giám sát hoạt động bầu cử.

B. bỏ phiếu thay cử tri vắng mặt.

C. nghiên cứu lí lịch ứng cử viên.

D. kiểm tra niêm phong hòm phiếu.

**Câu 291:** Theo quy định của pháp luật, các tôn giáo hợp pháp đều có quyền được

A. tổ chức sinh hoạt tôn giáo.

B. tổ chức quân đội riêng.

C. tổ chức ngân hàng riêng.

D. tổ chức chống phá nhà nước.

**Câu 292:** Hành vi đánh người, làm tổn hại cho sức khỏe của người khác là xâm phạm đến quyền tự do cơ bản nào của công dân?

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

A. Bất khả xâm phạm về thân thể.

B. Bảo hộ về danh dự, nhân phẩm.

C. Bảo hộ về tính mạng, sức khỏe.

D. Tự do về thân thể của công dân.

**Câu 293:** Bình đẳng trước pháp luật có nghĩa là bình đẳng về hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước

A. gia đình theo quy định của dòng họ.

B. tổ dân phố theo quy định của xã, phường.

C. tổ chức, đoàn thể theo quy định của Điều lệ. D. Nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật.

**Câu 294:** Theo quy định của pháp luật, công dân có hành vi đặt điều nói xấu người khác là vi phạm quyền

A. được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm. B. được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe.

C. được bảo đảm an toàn, bí mật, thư tín, điện tín. D. bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

**Câu 295:** Theo quy định của pháp luật, khi có căn cứ cho rằng việc tố cáo là không cần thiết nữa, người tố cáo có quyền được

A. rút đơn tố cáo. B. tiếp tục tố cáo. C. can thiệp vũ lực.

D. xuyên tạc nội dung.

**Câu 296:** Trong nền kinh tế thị trường, khi các chủ thể sản xuất dự báo được nhu cầu của người tiêu dùng trong thời gian tới sẽ tăng điều này sẽ tác động tới cung hàng hóa như thế nào?

A. Cung bằng cầu.

B. Cung giảm xuống.

C. Cung không đổi.

D. Cung tăng lên.

**Câu 297:** Theo quy định của pháp luật, khi tham gia quản lý nhà nước và xã hội, công dân có nghĩa vụ nào dưới đây?

A. Tham gia hiến máu nhân đạo.

B. Lan truyền bí mật quốc gia.

C. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

D. Từ chối nhận các di sản thừa kế.

**Câu 298:** Khi thực hiện quyền bầu cử, công dân được quyền

A. lôi kéo, mua chuộc cử tri.

B. gian lận thông tin lý lịch cử tri.

C. tiếp cận các thông tin về bầu cử.

D. xuyên tạc kết quả bầu cử.

**Câu 299:** Theo quy định của pháp luật, cơ quan nhà nước có thẩm quyền **không** vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể khi bắt giữ người đang

A. kiểm tra hóa đơn dịch vụ.

B. bị truy nã toàn quốc.

C. kiểm soát truyền thông

D. tìm hiểu hoạt động tín ngưỡng.

**Câu 300:** Bình đẳng giới trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình quy định, vợ và chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc

A. lựa chọn giới tính thai nhi.

B. áp đặt vị trí việc làm.

C. áp đặt quan điểm tôn giáo.

D. tôn trọng ý kiến của nhau.

**Câu 301:** Phát biểu nào dưới đây là sai về công dân bình đẳng trong thực hiện nghĩa vụ?

A. Mọi công dân đều phải thực hiện nghĩa vụ khi có đủ các điều kiện.

B. Mọi công dân đều được miễn thực hiện nghĩa vụ vì vấn đề giới tính.

C. Mọi công dân đều phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

D. Mọi công dân không bị phân biệt đối xử khi thực hiện nghĩa vụ của mình.

**Câu 302:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền của công dân về tự do báo chí?

A. Cung cấp thông tin báo chí.

B. Sáng tạo tác phẩm báo chí.

C. Xử phạt cơ quan báo chí.

D. Phản hồi thông tin báo chí.

**Câu 303:** Hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho các nhu cầu của đời sống xã hội là nội dung của khái niệm

A. cung cầu.

B. cạnh tranh.

C. thất nghiệp.

D. lao động.

**Câu 304:** Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là các tôn giáo ở Việt Nam đều có quyền tự do hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ của

A. pháp luật.

B. hội thánh.

C. đạo pháp.

D. giáo hội.

**Câu 305:** Theo quy định của pháp luật, trong những trường hợp cần thiết, việc kiểm soát điện thoại, điện tín của công dân chỉ được tiến hành bởi

A. lực lượng bu chính. B. cơ quan ngôn luận. C. phóng viên báo chí. D. người có thẩm quyền.

**Câu 306:** Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, các doanh nghiệp có xu hướng tuyển dụng lao động

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

A. không đào tạo.      B. không trình độ.      C. chất lượng thấp.      D. chất lượng cao.

**Câu 307:** Theo quy định của luật bầu cử, cử tri đủ điều kiện tham gia bầu cử được quyền ghi tên vào mấy danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú?

A. 2.      B. 4.      C. 1.      D. 3.

**Câu 308:** Do sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất, kinh doanh là một trong những

A. nguyên nhân của sự giàu nghèo.      B. nguyên nhân của sự ra đời hàng hóa.  
C. nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.      D. tính chất của cạnh tranh.

**Câu 309:** Trong nền kinh tế, khi mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hằng năm, gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế khi đó lạm phát của nền kinh tế ở mức độ

A. lạm phát vừa phải.      B. siêu lạm phát.      C. lạm phát phi mã.      D. lạm phát tượng trưng.

**Câu 310:** Phát biểu nào dưới đây là sai về nghĩa vụ của người khiếu nại?

A. Người khiếu nại có trách nhiệm trình bày trung thực sự việc khiếu nại.  
B. Người khiếu nại có nghĩa vụ khai báo không trung thực nội dung khiếu nại.  
C. Người khiếu nại có trách nhiệm đưa ra chứng cứ về tính đúng đắn của khiếu nại.  
D. Người khiếu nại có nghĩa vụ khiếu nại đến đúng người có thẩm quyền.

**Câu 311:** Phát biểu nào dưới đây là sai về quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực chính trị?

A. Về chính trị các dân tộc đều có quyền thảo luận góp ý các vấn đề chung.  
B. Về chính trị các dân tộc đều có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.  
C. Về chính trị các dân tộc đều có quyền thực hiện quyền tự do kinh doanh.  
D. Về chính trị các dân tộc đều có quyền tham gia vào bộ máy nhà nước.

**Câu 312:** Một trong những hình thức để công dân thực hiện đúng quyền tự do ngôn luận là

A. theo dõi diễn biến dịch bệnh.      B. tuyên truyền thông tin thất thiệt.  
C. phải tán thành mọi quan điểm trái chiều      D. phát biểu ý kiến trong hội nghị.

**Câu 313:** Theo quy định của pháp luật, trong quá trình giải quyết khiếu nại, nếu có yêu cầu của người khiếu nại, người giải quyết khiếu nại phải có trách nhiệm cung cấp nội dung nào dưới đây?

A. Tài chính để hỗ trợ người bị khiếu nại.      B. Tài liệu, chứng cứ giải quyết khiếu nại.  
C. Đảm bảo an ninh cho người bị khiếu nại.      D. Các danh mục tài liệu bí mật nhà nước.

**Câu 314:** Theo quy định của pháp luật, để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam, mọi công dân có nghĩa vụ

A. chiếm đoạt tài nguyên.      B. sử dụng bạo lực.  
C. tuân thủ Hiến pháp.      D. từ bỏ quốc tịch đang có.

**Câu 315:** Công dân vi phạm quyền tự do ngôn luận khi cố ý thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Trình bày tham luận trong hội nghị.      B. Phát tán thông tin chưa kiểm chứng.  
C. Ủy quyền phát ngôn với báo chí.      D. Phê phán hệ tư tưởng lỗi thời.

**Câu 316:** Theo quy định của pháp luật, đối với quyền về bảo vệ Tổ quốc, mọi công dân đều bình đẳng trong việc thực hiện

A. quyền kinh doanh.      B. nhiệm vụ quốc phòng.      C. nhiệm vụ học tập.      D. diễn biến hòa bình.

**Câu 317:** Một trong những nguyên nhân dẫn tới hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế là trong quá trình sản xuất có sự tăng giá của

A. các yếu tố đầu ra.      B. các yếu tố đầu vào.      C. cầu giảm quá nhanh.      D. cung tăng quá nhanh.

**Câu 318:** Quyền của công dân về tự do báo chí thể hiện ở việc, các tác phẩm báo chí do công dân sáng tác nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đều có quyền được

A. chuyển quyền tác giả.      B. xuyên tạc nội dung.  
C. xúc phạm người khác.      D. đăng bài công khai.

**Câu 319:** Khi các yếu tố đầu vào của sản xuất tăng lên sẽ đẩy chi phí sản xuất tăng cao khiến cho giá cả nhiều loại hàng hóa, dịch vụ trên thị trường tăng lên từ đó dẫn đến

A. thất nghiệp.      B. lạm phát.      C. khủng hoảng.      D. suy thoái.

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**





## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 333:** Một trong những hình thức để công dân thực hiện đúng quyền tự do ngôn luận là

- A. cản trở phản biện xã hội. B. ngăn chặn đấu tranh phê bình  
C. lan truyền bí mật quốc gia. D. kiến nghị với đại biểu Quốc hội.

**Câu 334:** Theo quy định của pháp luật, quyền tự do báo chí của công dân thể hiện ở việc, mọi công dân đều được

- A. phản bác mọi quan điểm. B. phản hồi thông tin báo chí.  
C. viết bài sai nội dung phản ánh. D. đăng mọi bài viết cá nhân.

**Câu 335:** Theo quy định của pháp luật, người làm nhiệm vụ chuyển phát vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín của khách hàng khi

- A. thay đổi phương tiện vận chuyển. B. bảo quản bưu phẩm đường dài.  
C. tự tiêu hủy thư gửi nhầm địa chỉ. D. chủ động định vị khi giao nhận.

**Câu 336:** Trong nền kinh tế thị trường, yếu tố nào dưới đây **không** ảnh hưởng tới cung hàng hóa?

- A. Nguồn gốc xuất thân doanh nghiệp. B. Giá cả của các hàng hóa cùng loại.  
C. Giá cả của hàng hóa đó. D. Thu nhập của người tiêu dùng.

----- HẾT -----

### PHẦN III: ĐỀ MINH HỌA ĐỀ THAM KHẢO THI TỐT NGHIỆP 2025 MÔN GDKT&PL

**PHẦN I.** Thí sinh lưu ý từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Chủ thể nào sau đây đóng vai trò điều tiết hoạt động của các chủ thể hình thành khác trong nền kinh tế?

- A. Chủ thể nhà nước. B. Chủ thể tiêu dùng. C. Chủ thể sản xuất. D. Chủ thể trung gian.

**Câu 2.** Việc cá nhân, tổ chức chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm là hình thức thực hiện pháp luật nào sau đây?

- A. Tuân thủ pháp luật. B. Thi hành pháp luật. C. Sử dụng pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.

**Câu 3.** Người lao động mất việc làm trong thời gian chuyển đổi giữa các công việc thuộc loại hình thất nghiệp nào sau đây?

- A. Thất nghiệp cơ cấu. B. Thất nghiệp tạm thời. C. Thất nghiệp chu kỳ. D. Thất nghiệp thời vụ.

**Câu 4.** Việc xây dựng phương án phân bổ đúng nguồn lực, đúng thời điểm trong quá trình sản xuất, kinh doanh và giải quyết mối quan hệ nội tại của doanh nghiệp là biểu hiện của năng lực nào sau đây của lãnh đạo doanh nghiệp?

- A. Năng lực tổ chức, lãnh đạo. B. Năng lực giải quyết mối quan hệ.  
C. Năng lực tìm kiếm thị trường. D. Năng lực phân phối sản phẩm.

**Câu 5.** Theo Luật Bình đẳng giới năm 2006, nam, nữ được đối xử bình đẳng về bảo hiểm xã hội thuộc quyền bình đẳng giới trong lĩnh vực nào sau đây?

- A. Chính trị. B. Kinh tế. C. Lao động. D. Y tế.

**Câu 6.** Việc làm nào sau đây là quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của công dân?

- A. Góp ý xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật. B. Tham gia thảo luận về các vấn đề quan trọng của đất nước.  
C. Quyết định hình thức quản lý nhà nước ở cơ sở. D. Vận động mọi người góp ý hiện về các vấn đề của địa phương.

**Câu 7.** Một trong những yếu tố thể hiện sự khác biệt giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế là

- A. Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người. B. Chỉ số phát triển con người.  
C. Thu nhập quốc dân bình quân đầu người. D. Tổng sản phẩm quốc nội.

**Câu 8.** Để đảm bảo đủ đáp ứng một phần thu nhập, học nghề, duy trì và tìm kiếm việc làm khi bị mất việc làm, người lao động nên tham gia loại hình bảo hiểm nào sau đây?

- A. Bảo hiểm thất nghiệp. B. Bảo hiểm y tế. C. Bảo hiểm xã hội. D. Bảo hiểm thân thể.

**Câu 9.** Chủ sở hữu có quyền bán, trao đổi, tặng, cho vay, để thừa kế, từ bỏ quyền sở hữu, tiêu dùng, tiêu hủy hoặc thực hiện các hình thức định đoạt khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với tài sản là nội

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

dung của quyền nào sau đây?

A. Chiếm hữu tài sản. B. Định đoạt tài sản. C. Sử dụng tài sản. D. Quyền tài sản.

**Câu 10.** Tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 05 thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh là địa điểm cơ bản của mô hình sản xuất kinh doanh nào sau đây?

A. Mô hình kinh tế hợp tác xã. B. Mô hình kinh tế hộ gia đình.  
C. Mô hình công ty cổ phần. D. Mô hình doanh nghiệp tư nhân.

**Câu 11.** Hiến pháp năm 2013 quy định nền kinh tế của nước ta là

A. nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. B. kinh tế hàng hóa định hướng xã hội chủ nghĩa.  
C. hình thức hàng hóa nguyên liệu thặng dư. D. kinh tế thị trường hỗn hợp.

**Câu 12.** Theo quy định của pháp luật hiện hành, người có hành vi tổ chức xâm nhập trái phép nơi ở của người khác phải chịu trách nhiệm pháp lý nào sau đây?

A. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng. B. Cải tạo không giam giữ từ 18 tháng đến 24 tháng.  
C. Phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. D. Cảnh cáo, nhắc nhở ở địa phương nơi cư trú.

**Câu 13.** Theo quy định của pháp luật hiện hành, hành vi bắt giữ người mà không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân là vi phạm quyền nào sau đây?

A. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể. B. Quyền được pháp luật bảo vệ về tính mạng.  
C. Quyền được pháp luật bảo vệ về sức khỏe. D. Quyền được pháp luật bảo vệ về danh dự.

**Câu 14.** Nội dung thể hiện các quan hệ thỏa thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động về tiền lương và các điều kiện làm việc trên cơ sở hợp đồng lao động thuộc nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Tình hình việc làm. B. Hợp đồng lao động. C. Thị trường kinh doanh. D. Hợp đồng tiền lương.

**Câu 15.** Trong bối cảnh xuất hiện nhiều doanh nghiệp sản xuất cùng mặt hàng với mình, công ty X với tiềm lực tài chính mạnh đã thực hiện chiến lược hạ giá bán sản phẩm thấp hơn chi phí sản xuất trong thời gian dài để thu hút người tiêu dùng. Việc làm của công ty X thể hiện hành vi

A. phù hợp với tập quán thương mại. B. cạnh tranh không lành mạnh.  
C. vì lợi ích của người tiêu dùng. D. vì lợi ích lâu dài của xã hội.

### Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 16, 17.

Theo báo cáo của ngành Bảo hiểm, tính đến hết tháng 6/2022, cả nước có trên 17,1 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), đạt 33,87% lực lượng lao động trong độ tuổi; trên 86,8 triệu người tham gia bảo hiểm y tế (BHYT), đạt tỷ lệ bao phủ 88,99% dân số. Ngành Bảo hiểm đã giải quyết đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn. Trong đó, gần 6,3 triệu lượt người hưởng chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, khoảng 409 nghìn người hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn, gần 65 triệu lượt người khám chữa bệnh BHYT nội trú và ngoại trú.

**Câu 16.** Từ những số liệu trong thông tin trên, nhận định nào sau đây phù hợp với vai trò của bảo hiểm?

A. Gần 65 triệu lượt người khám bệnh trong khi có trên 86,8 triệu người tham gia BHYT, cho thấy khoảng 21,8 triệu người tham gia bảo hiểm nhưng không được hưởng lợi.  
B. Gần 65 triệu lượt người khám, điều trị nội trú và ngoại trú đã được giảm bớt khó khăn về chi phí khám chữa bệnh.

C. Gần 65 triệu lượt người khám, điều trị nội trú và ngoại trú bằng BHYT tạo gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

D. 33,87% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH mới được hưởng lợi từ việc làm này.

**Câu 17.** Trong thông tin trên, nội dung nào sau đây thể hiện trách nhiệm công dân về bảo hiểm?

A. Trên 86,8 triệu người tham gia BHYT.  
B. Gần 6,3 triệu lượt người được giải quyết các chế độ bảo hiểm.  
C. Gần 65 triệu lượt người khám chữa bệnh BHYT nội trú và ngoại trú.  
D. Khoảng 409 nghìn người hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn.

**Câu 18.** Quản lý thu, chi trong gia đình là việc sử dụng các khoản thu và chi nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần của các thành viên sao cho phù hợp với

A. nguồn thu nhập. B. nhu cầu tiêu dùng. C. mức sống trung bình của xã hội. D. địa vị xã hội của gia đình.

**Câu 19.** Phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về sự cần thiết của quản lý thu, chi trong gia đình?

A. Nâng cao chất lượng cuộc sống của các thành viên trong gia đình.  
B. Kiểm soát được các khoản chi tiêu của gia đình.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

C. Kiểm soát được mọi khoản chi của các cá nhân trong gia đình.

D. Phân bổ hợp lý nguồn thu trong gia đình.

**Câu 20.** Theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023, mọi người được thông tin, giải thích về tình trạng sức khỏe, phương pháp, dịch vụ khám, chữa bệnh, giá dịch vụ khám bệnh, được hướng dẫn cách tự theo dõi, chăm sóc, phòng ngừa tai biến là một trong những nội dung của quyền nào dưới đây?

A. Quyền được khám bệnh, chữa bệnh.

B. Quyền được lựa chọn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

C. Quyền được tôn trọng danh dự trong khám bệnh, chữa bệnh.

D. Quyền được lựa chọn dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

**Câu 21.** Thanh tra Sở Y tế X phát hiện phòng khám của ông T bán thuốc hết hạn sử dụng với tổng giá trị số thuốc được xác định là 25 triệu đồng. Theo quy định của pháp luật, hành vi bán thuốc hết hạn sử dụng của ông T phải chịu trách nhiệm pháp lý nào sau đây?

A. Cảnh cáo và buộc tiêu hủy toàn bộ số thuốc hết hạn sử dụng.

B. Phạt tiền và buộc tiêu hủy toàn bộ số thuốc hết hạn sử dụng.

C. Thu hồi giấy phép hoạt động đối với phòng khám của ông T.

D. Phạt tiền, thu hồi chứng chỉ hành nghề của ông T.

**Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 22, 23, 24.**

Hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo điều kiện thu hút đầu tư cho Việt Nam tiếp cận thị trường toàn cầu. Một trong những mặt hàng có thế mạnh xuất khẩu lớn của Việt Nam hiện nay là sầu riêng. Bốn tháng đầu năm 2024, mặt hàng này đã xuất khẩu đạt (khoảng) 111.600 tấn với giá trị trên 470 triệu đô la Mỹ, tăng 124,6% về lượng và 145,8% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) S có lô hàng xuất khẩu sầu riêng chứa cadmium (kim loại nặng) vượt mức cho phép. Phía đối tác yêu cầu công ty TNHH S đền bù 100% giá trị lô hàng bị trả lại nhưng công ty này không đồng ý do không có điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

**Câu 22.** Trong thông tin trên, hội nhập kinh tế quốc tế đem lại lợi ích nào sau đây cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực xuất khẩu sầu riêng tại Việt Nam?

A. Tăng giá trị xuất khẩu và khai thác tối ưu lợi thế quốc gia.

B. Xuất khẩu đạt doanh thu 470 triệu đô la Mỹ trong năm 2024.

C. Tiếp cận thị trường và tăng giá trị xuất nhập khẩu là 124,6%.

D. Tạo việc làm và tăng thu nhập cho mọi tầng lớp dân cư.

**Câu 23.** Theo quy định của pháp luật Việt Nam, hành vi vi phạm của công ty TNHH S phải chịu trách nhiệm pháp lý nào sau đây?

A. Buộc thu hồi sản phẩm và điều chỉnh quy trình xuất khẩu.

B. Đền bù cho đối tác 100% giá trị của lô hàng bị trả lại.

C. Xử phạt hành chính và cấm xuất khẩu trong thời gian quy định.

D. Đình chỉ hoạt động kinh doanh của công ty TNHH S để khắc phục hậu quả.

**Câu 24.** Trong trường hợp trên, công ty TNHH S nên lựa chọn phương thức giải quyết đầu tiên nào sau đây phù hợp với nguyên tắc hợp tác quốc tế với phía đối tác?

A. Chủ động thương lượng với các bên liên quan. B. Đàm phán trực tiếp với chính phủ nước sở tại.

C. Dẫn phương châm dứt hợp đồng thương mại. D. Đưa ra Tòa án quốc tế ngay

**PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a,b,c,d**

**Câu 1.** Năm 2020, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam — Liên minh châu Âu (EU) được ký kết. Tháng 12/2022, EU thông báo thực hiện Thỏa thuận xanh châu Âu, sẽ đánh thuế carbon đối với tất cả hàng hóa được nhập khẩu vào thị trường này dựa trên mức độ phát thải khí nhà kính trong quy trình sản xuất của nước sở tại. Theo đó, thỏa thuận ban đầu sẽ áp dụng đối với các hàng hóa nhập khẩu có nguy cơ gây ô nhiễm cao như xi măng, thép, phân bón, nhôm, điện và hydrogen. Cơ chế này sẽ được giới thiệu dần cho đến cuối năm 2025 và sau đó sẽ được áp dụng đầy đủ vào năm 2026. Nhằm thực hiện các yêu cầu của Thỏa thuận xanh châu Âu, tập đoàn V đã nhanh chóng điều chỉnh chiến lược kinh doanh cho mục tiêu phát triển bền vững.

a) Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU là hình thức hội nhập song phương. S

b) Tập đoàn V cần chủ động đào tạo nhân sự cho chiến lược phát triển bền vững để phù hợp với lộ trình hội nhập của Việt Nam. Đ

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

c) Việc điều chỉnh chiến lược kinh doanh của tập đoàn V là bước xác định ý tưởng kinh doanh.S

d) Đến năm 2026, tất cả hàng hóa Việt Nam nếu không đạt được các tiêu chuẩn của Thỏa thuận xanh thì không được xuất khẩu vào thị trường EU.S

**Câu 2.** Sau một thời gian kinh doanh trực tuyến với nguồn hàng tốt và quảng cáo hấp dẫn, thu nhập bình quân của anh N lên đến 7 triệu đồng/ngày. Hàng tháng, anh chi trả một số tiền thuê mặt bằng, trả tiền công cho sinh viên làm bán thời gian cho mình sau khi đã chịu 10% thuế thu nhập. Vì được trả lương cao nên một số sinh viên đã nghỉ học tạm thời để bán hàng cho anh. Thấy anh N kinh doanh có nguồn thu nhập tốt, chị Q đã tìm hiểu và đăng ký cửa hàng kinh doanh trực tuyến trên sàn thương mại điện tử. Trong quá trình kinh doanh, chị Q đã khai thuế đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn. Do chưa có kinh nghiệm bán hàng nên doanh thu của chị Q chưa đến 90 triệu đồng/năm.

a) Anh N không phải kê khai thuế vì anh kinh doanh trực tuyến độc lập, thường xuyên, không có địa điểm cố định.S

b) Chị Q đã kê khai thuế nhưng với doanh thu dưới 90 triệu đồng/năm, chị không phải đóng thuế.Đ

c) Việc anh N khấu trừ 10% thuế thu nhập chi trả công cho sinh viên làm bán thời gian là đúng.Đ

d) Sinh viên có quyền điều chỉnh kế hoạch học tập của mình để tham gia bán hàng cho anh N.Đ

**Câu 3.** Công ty X do ông Q là giám đốc hoạt động theo mô hình nông nghiệp sạch, được đầu tư, ứng dụng công nghệ trong sản xuất. Cứ hai năm một lần, ông Q tổ chức khám sức khỏe cho người lao động. Năm 2022, để giảm thiểu chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, công ty đã thành lập không gian mái nhà xưởng để lắp đặt hệ thống điện mặt trời với tổng mức đầu tư 1,4 tỷ đồng và áp dụng các biện pháp nâng cao năng suất. Nhờ vậy, lợi nhuận công ty tăng lên, thu nhập của người lao động được cải thiện. Đến năm 2023, ông Q đã huy động thêm 40% vốn điều lệ từ người lao động để chuyển đổi công ty từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần.

a) Việc công ty X thực hiện các biện pháp nâng cao năng suất, cải thiện thu nhập cho người lao động là thực hiện trách nhiệm xã hội về hình thức. Đ

b) Việc đầu tư hệ thống điện mặt trời là trách nhiệm pháp lý của Công ty X. S

c) Ông Q tổ chức khám sức khỏe cho người lao động hai năm một lần là nhằm đảm bảo quyền lợi được chăm sóc sức khỏe của người lao động. Đ

d) Người lao động nên trở thành cổ đông của công ty vì họ phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ của công ty trong phạm vi số vốn đã đóng góp. Đ

**Câu 4.** Sau khi nhận được yêu cầu từ ngành sản xuất ô tô điện trong nước, Bộ Công nghiệp của nước N tiến hành cuộc điều tra chống bán phá giá đối với mặt hàng xe ô tô điện được nhập khẩu từ nước P. Kết quả điều tra cho thấy có đủ căn cứ khẳng định mặt hàng ô tô điện nhập khẩu từ nước P được nhận trợ cấp từ chính phủ của mình trong quá trình sản xuất. Đại diện ngành sản xuất ô tô điện của nước N kiến nghị đánh thuế nhập khẩu 20% đối với mặt hàng ô tô điện nhập khẩu từ nước P để bảo vệ ngành sản xuất trong nước.

a) Trong trường hợp muốn khởi kiện hành vi bán phá giá mặt hàng ô tô điện nhập khẩu từ nước P, nước N sẽ thực hiện theo quy trình: khởi kiện — điều tra - kết luận — áp dụng biện pháp (nếu có). Đ

b) Trong trường hợp bị khởi kiện vì bán phá giá, nước P có quyền yêu cầu tham vấn với nước N để giải quyết vụ việc. Đ

c) Nếu có đủ căn cứ khẳng định mặt hàng ô tô điện nhập khẩu từ nước P được nhận trợ cấp từ chính phủ, đại diện ngành sản xuất ô tô điện nước N có quyền áp thuế nhập khẩu 20%. S

d) Việc khởi kiện hành vi bán phá giá đối với mặt hàng ô tô điện được nhập khẩu từ nước P sẽ được thực hiện tại Tòa án của nước N. S

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

**PHẦN I.** Thí sinh lưu ý từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Chủ thể nào sau đây đóng vai trò điều tiết hoạt động của các chủ thể hình thành khác trong nền kinh tế?

A. Chủ thể nhà nước. B. Chủ thể tiêu dùng. C. Chủ thể sản xuất. D. Chủ thể trung gian.

*Giải thích:*

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Đáp án đúng là A. Chủ thể nhà nước.** Nhà nước đóng vai trò điều tiết hoạt động của các chủ thể khác trong nền kinh tế thông qua các chính sách, quy định và cơ chế quản lý nhằm ổn định kinh tế và phát triển bền vững.

**Lý do không chọn các đáp án khác:**

**B. Chủ thể tiêu dùng:** Chủ yếu tác động đến cung và cầu hàng hóa, dịch vụ, nhưng không có vai trò điều tiết các hoạt động kinh tế tổng thể.

**C. Chủ thể sản xuất:** Chủ yếu tham gia vào sản xuất và cung cấp hàng hóa, không có quyền điều tiết hoạt động của các chủ thể khác.

**D. Chủ thể trung gian:** Đóng vai trò kết nối sản xuất và tiêu dùng nhưng không điều tiết toàn bộ hoạt động của nền kinh tế.

**Câu 2.** Việc cá nhân, tổ chức chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm là hình thức thực hiện pháp luật nào sau đây?

A. Tuân thủ pháp luật. B. Thi hành pháp luật. C. Sử dụng pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.

*Giải thích:*

**Đáp án đúng là B. Thi hành pháp luật.** Thi hành pháp luật là việc cá nhân, tổ chức chủ động thực hiện đúng các quy định mà pháp luật bắt buộc phải làm.

**Lý do không chọn các đáp án khác:**

**A. Tuân thủ pháp luật:** Là việc không làm những điều pháp luật cấm, không nhất thiết là phải chủ động làm.

**C. Sử dụng pháp luật:** Là quyền tự do lựa chọn thực hiện hoặc không thực hiện các quyền được pháp luật cho phép.

**D. Áp dụng pháp luật:** Là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết các vấn đề cụ thể dựa trên quy định của pháp luật.

**Câu 3.** Người lao động mất việc làm trong thời gian chuyển đổi giữa các công việc thuộc loại hình thất nghiệp nào sau đây?

A. Thất nghiệp cơ cấu. B. Thất nghiệp tạm thời. C. Thất nghiệp chu kỳ. D. Thất nghiệp thời vụ.

*Giải thích:*

**Đáp án đúng là B. Thất nghiệp tạm thời.** Thất nghiệp tạm thời là tình trạng người lao động mất việc làm trong giai đoạn ngắn khi họ đang tìm kiếm hoặc chuyển đổi sang công việc mới.

**Lý do không chọn các đáp án khác:**

**A. Thất nghiệp cơ cấu:** Xảy ra khi có sự không phù hợp giữa kỹ năng của người lao động và yêu cầu công việc.

**C. Thất nghiệp chu kỳ:** Xảy ra do suy thoái kinh tế, khi các doanh nghiệp giảm tuyển dụng lao động.

**D. Thất nghiệp thời vụ:** Xảy ra khi công việc chỉ có theo mùa hoặc chu kỳ cụ thể.

**Câu 4.** Việc xây dựng phương án phân bổ đúng nguồn lực, đúng thời điểm trong quá trình sản xuất, kinh doanh và giải quyết mối quan hệ nội tại của doanh nghiệp là biểu hiện của năng lực nào sau đây của lãnh đạo doanh nghiệp?

A. Năng lực tổ chức, lãnh đạo. B. Năng lực giải quyết mối quan hệ.

C. Năng lực tìm kiếm thị trường. D. Năng lực phân phối sản phẩm.

*Giải thích:*

**Đáp án đúng là A. Năng lực tổ chức, lãnh đạo.** Đây là khả năng phân bổ nguồn lực hiệu quả và xử lý các vấn đề nội bộ trong doanh nghiệp của lãnh đạo.

**Lý do không chọn các đáp án khác:**

**B. Năng lực giải quyết mối quan hệ:** Tập trung vào kỹ năng giao tiếp và điều hòa quan hệ trong doanh nghiệp.

**C. Năng lực tìm kiếm thị trường:** Liên quan đến việc mở rộng, nghiên cứu thị trường, không phải phân bổ nguồn lực.

**D. Năng lực phân phối sản phẩm:** Liên quan đến việc đưa sản phẩm ra thị trường, không phải tổ chức nguồn lực nội bộ.

**Câu 5.** Theo Luật Bình đẳng giới năm 2006, nam, nữ được đối xử bình đẳng về bảo hiểm xã hội thuộc quyền bình đẳng giới trong lĩnh vực nào sau đây?

A. Chính trị. B. Kinh tế. C. Lao động. D. Y tế.

*Giải thích:*

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Đáp án đúng là C. Lao động.** Luật quy định rằng nam, nữ phải được đối xử bình đẳng trong lĩnh vực lao động, bao gồm quyền lợi bảo hiểm xã hội.

**Lý do không chọn các đáp án khác:**

**A. Chính trị:** Đề cập đến quyền bình đẳng trong tham gia và ứng cử, bầu cử.

**B. Kinh tế:** Tập trung vào quyền sở hữu tài sản và tiếp cận cơ hội kinh doanh.

**D. Y tế:** Bao gồm quyền được tiếp cận chăm sóc y tế, không bao gồm bảo hiểm xã hội.

**Câu 6.** Việc làm nào sau đây là quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của công dân?

A. Góp ý xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật.

B. Tham gia thảo luận về các vấn đề quan trọng của đất nước.

C. Quyết định hình thức quản lý nhà nước ở cơ sở.

D. Vận động mọi người góp ý hiện về các vấn đề của địa phương.

*Giải thích:*

**Đáp án đúng là A. Góp ý xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật.** Đây là một hình thức công dân tham gia trực tiếp vào việc xây dựng và quản lý nhà nước.

**Lý do không chọn các đáp án khác:**

**B. Tham gia thảo luận về các vấn đề:** Là quyền thể hiện quan điểm, không trực tiếp liên quan đến quản lý nhà nước.

**C. Quyết định hình thức quản lý ở cơ sở:** Là quyền của cơ quan có thẩm quyền, không phải quyền của cá nhân công dân.

**D. Vận động mọi người góp ý:** Đơn thuần là khuyến khích người khác tham gia.

**Câu 7.** Một trong những yếu tố thể hiện sự khác biệt giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế là

A. Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người. B. Chỉ số phát triển con người.

C. Thu nhập quốc dân bình quân đầu người. D. Tổng sản phẩm quốc nội.

*Giải thích:*

**Đáp án đúng là B. Chỉ số phát triển con người.** Phát triển kinh tế không chỉ là tăng trưởng thu nhập mà còn phải bao gồm nâng cao chất lượng cuộc sống, mà chỉ số phát triển con người là yếu tố đo lường quan trọng.

**Lý do không chọn các đáp án khác:**

**A. Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người và D. Tổng sản phẩm quốc nội:** Chỉ đo lường mức tăng trưởng kinh tế.

**C. Thu nhập quốc dân bình quân đầu người:** Là một yếu tố kinh tế, nhưng chưa đo lường toàn diện các khía cạnh xã hội như chỉ số phát triển con người.

**Câu 8.** Để đảm bảo đủ đáp ứng một phần thu nhập, học nghề, duy trì và tìm kiếm việc làm khi bị mất việc làm, người lao động nên tham gia loại hình bảo hiểm nào sau đây?

A. Bảo hiểm thất nghiệp. B. Bảo hiểm y tế. C. Bảo hiểm xã hội. D. Bảo hiểm thân thể.

*Giải thích:*

**Đáp án đúng là A. Bảo hiểm thất nghiệp.** Bảo hiểm thất nghiệp giúp người lao động đảm bảo một phần thu nhập, cơ hội học nghề và hỗ trợ tìm kiếm việc làm trong trường hợp mất việc làm.

**Lý do không chọn các đáp án khác:**

**B. Bảo hiểm y tế:** Chỉ hỗ trợ các chi phí liên quan đến khám chữa bệnh, không có chức năng hỗ trợ thu nhập khi mất việc.

**C. Bảo hiểm xã hội:** Chủ yếu hỗ trợ khi về hưu, ốm đau, thai sản, tai nạn, không trực tiếp hỗ trợ tìm kiếm việc làm khi mất việc.

**D. Bảo hiểm thân thể:** Hỗ trợ chi phí khi có tai nạn thân thể, không liên quan đến hỗ trợ học nghề hay tìm kiếm việc làm.

**Câu 9.** Chủ sở hữu có quyền bán, trao đổi, tặng, cho vay, để thừa kế, từ bỏ quyền sở hữu, tiêu dùng, tiêu hủy hoặc thực hiện các hình thức định đoạt khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với tài sản là nội dung của quyền nào sau đây?

A. Chiếm hữu tài sản. B. Định đoạt tài sản. C. Sử dụng tài sản. D. Quyền tài sản.

*Giải thích:*

**Đáp án đúng là B. Định đoạt tài sản.** Quyền định đoạt tài sản cho phép chủ sở hữu thực hiện các hành vi như bán, trao đổi, tặng, cho vay, để thừa kế, tiêu dùng hoặc tiêu hủy tài sản.

**Lý do không chọn các đáp án khác:**

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**A. Chiếm hữu tài sản:** Chỉ bao gồm quyền nắm giữ, quản lý tài sản, không bao gồm quyền bán, trao đổi hoặc tiêu hủy tài sản.

**C. Sử dụng tài sản:** Chỉ giới hạn trong việc sử dụng tài sản, không bao gồm quyền bán hoặc tặng cho.

**D. Quyền tài sản:** Là quyền chung bao hàm nhiều quyền khác nhau, không cụ thể về quyền bán hoặc trao đổi tài sản.

**Câu 10.** Tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 05 thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh là địa điểm cơ bản của mô hình sản xuất kinh doanh nào sau đây?

A. Mô hình kinh tế hợp tác xã.                      B. Mô hình kinh tế hộ gia đình.

C. Mô hình công ty cổ phần.                      D. Mô hình doanh nghiệp tư nhân.

*Giải thích:*

**Đáp án đúng là A. Mô hình kinh tế hợp tác xã.** Mô hình kinh tế hợp tác xã thường được thành lập bởi các thành viên tự nguyện hợp tác và có tư cách pháp nhân nhằm hỗ trợ lẫn nhau trong sản xuất, kinh doanh.

**Lý do không chọn các đáp án khác:**

**B. Mô hình kinh tế hộ gia đình:** Không có tư cách pháp nhân và thường là hoạt động kinh tế tự quản của hộ gia đình.

**C. Mô hình công ty cổ phần:** Thường là doanh nghiệp với vốn góp từ cổ đông, không phải tổ chức tự nguyện hợp tác để tương trợ lẫn nhau.

**D. Mô hình doanh nghiệp tư nhân:** Do một cá nhân làm chủ, không có hình thức hợp tác tương trợ của nhiều thành viên.

**Câu 11.** Hiến pháp năm 2013 quy định nền kinh tế của nước ta là

A. nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.    B. kinh tế hàng hóa định hướng xã hội chủ nghĩa.

C. hình thức hàng hóa nguyên liệu thặng dư.                      D. kinh tế thị trường hỗn hợp.

*Giải thích:*

**Đáp án đúng là A. nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.** Hiến pháp 2013 quy định nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường có sự định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với đặc điểm của quốc gia.

**Lý do không chọn các đáp án khác:**

**B. kinh tế hàng hóa định hướng xã hội chủ nghĩa:** Không phải là cụm từ chính xác được quy định trong Hiến pháp.

**C. hình thức hàng hóa nguyên liệu thặng dư:** Không phản ánh mô hình kinh tế của nước ta.

**D. kinh tế thị trường hỗn hợp:** Đây là một khái niệm chung chung, không cụ thể theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

**Câu 12.** Theo quy định của pháp luật hiện hành, người có hành vi tổ chức xâm nhập trái phép nơi ở của người khác phải chịu trách nhiệm pháp lý nào sau đây?

A. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng.    B. Cải tạo không giam giữ từ 18 tháng đến 24 tháng.

C. Phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.                      D. Cảnh cáo, nhắc nhở ở địa phương nơi cư trú.

*Giải thích:*

**Đáp án đúng là C. Phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.** Tổ chức xâm nhập trái phép nơi ở của người khác là hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền bất khả xâm phạm nơi ở và có thể bị xử lý bằng hình phạt tù từ 1 đến 5 năm theo quy định của pháp luật.

**Lý do không chọn các đáp án khác:**

**A. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng:** Không đủ nghiêm trọng để xử lý hành vi xâm nhập trái phép.

**B. Cải tạo không giam giữ từ 18 tháng đến 24 tháng:** Không áp dụng cho hành vi tổ chức xâm nhập nơi ở.

**D. Cảnh cáo, nhắc nhở:** Không đủ để xử lý hành vi vi phạm nghiêm trọng như xâm nhập nơi ở của người khác.

**Câu 13.** Theo quy định của pháp luật hiện hành, hành vi bắt giữ người mà không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân là vi phạm quyền nào sau đây?

A. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể.                      B. Quyền được pháp luật bảo vệ về tính mạng.

C. Quyền được pháp luật bảo vệ về sức khỏe.    D. Quyền được pháp luật bảo vệ về danh dự.

*Giải thích:*

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Đáp án đúng là A. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể.** Bắt giữ người trái pháp luật là vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, một quyền cơ bản được pháp luật bảo vệ.

**Lý do không chọn các đáp án khác:**  
**B. Quyền được pháp luật bảo vệ về tính mạng:** Không liên quan trực tiếp đến việc bắt giữ người trái pháp luật.

**C. Quyền được pháp luật bảo vệ về sức khỏe:** Không trực tiếp bị ảnh hưởng trong hành vi này.

**D. Quyền được pháp luật bảo vệ về danh dự:** Hành vi bắt giữ trái pháp luật không trực tiếp ảnh hưởng đến danh dự của người bị bắt.

**Câu 14.** Nội dung thể hiện các quan hệ thỏa thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động về tiền lương và các điều kiện làm việc trên cơ sở hợp đồng lao động thuộc nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Tình hình việc làm. B. Hợp đồng lao động. C. Thị trường kinh doanh. D. Hợp đồng tiền lương.

*Giải thích:*

**Đáp án đúng là B. Hợp đồng lao động.** Quan hệ thỏa thuận về tiền lương và điều kiện làm việc được ghi rõ trong hợp đồng lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động.

**Lý do không chọn các đáp án khác:**

**A. Tình hình việc làm:** Chỉ phản ánh tình trạng có hoặc không có việc làm, không bao gồm các điều khoản cụ thể về lương và điều kiện làm việc.

**C. Thị trường kinh doanh:** Liên quan đến môi trường kinh doanh nói chung, không liên quan đến hợp đồng lao động.

**D. Hợp đồng tiền lương:** Không có khái niệm này trong pháp luật lao động, và không bao gồm điều kiện làm việc.

**Câu 15.** Trong bối cảnh xuất hiện nhiều doanh nghiệp sản xuất cùng mặt hàng với mình, công ty X với tiềm lực tài chính mạnh đã thực hiện chiến lược hạ giá bán sản phẩm thấp hơn chi phí sản xuất trong thời gian dài để thu hút người tiêu dùng. Việc làm của công ty X thể hiện hành vi

A. phù hợp với tập quán thương mại. B. cạnh tranh không lành mạnh.

C. vì lợi ích của người tiêu dùng. D. vì lợi ích lâu dài của xã hội.

*Giải thích:*

**Đáp án đúng là B. cạnh tranh không lành mạnh.** Việc hạ giá sản phẩm thấp hơn chi phí sản xuất để chiếm lĩnh thị trường và loại bỏ đối thủ là hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

**Lý do không chọn các đáp án khác:**

**A. phù hợp với tập quán thương mại:** Đây không phải là tập quán thương mại hợp pháp và được chấp nhận.

**C. vì lợi ích của người tiêu dùng:** Mặc dù có thể thu hút người tiêu dùng trong ngắn hạn, hành vi này có thể gây thiệt hại cho người tiêu dùng nếu các đối thủ bị loại bỏ.

**D. vì lợi ích lâu dài của xã hội:** Cạnh tranh không lành mạnh không mang lại lợi ích lâu dài cho xã hội mà làm suy yếu tính cạnh tranh của thị trường.

**Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 16, 17.**

Theo báo cáo của ngành Bảo hiểm, tính đến hết tháng 6/2022, cả nước có trên 17,1 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), đạt 33,87% lực lượng lao động trong độ tuổi; trên 86,8 triệu người tham gia bảo hiểm y tế (BHYT), đạt tỷ lệ bao phủ 88,99% dân số. Ngành Bảo hiểm đã giải quyết đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn. Trong đó, gần 6,3 triệu lượt người hưởng chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, khoảng 409 nghìn người hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn, gần 65 triệu lượt người khám chữa bệnh BHYT nội trú và ngoại trú.

**Câu 16.** Từ những số liệu trong thông tin trên, nhận định nào sau đây phù hợp với vai trò của bảo hiểm?

A. Gần 65 triệu lượt người khám bệnh trong khi có trên 86,8 triệu người tham gia BHYT, cho thấy khoảng 21,8 triệu người tham gia bảo hiểm nhưng không được hưởng lợi.

B. Gần 65 triệu lượt người khám, điều trị nội trú và ngoại trú đã được giảm bớt khó khăn về chi phí khám chữa bệnh.

C. Gần 65 triệu lượt người khám, điều trị nội trú và ngoại trú bằng BHYT tạo gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

D. 33,87% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH mới được hưởng lợi từ việc làm này.

*Giải thích:*

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Đáp án đúng là B. Gần 65 triệu lượt người khám, điều trị nội trú và ngoại trú đã được giảm bớt khó khăn về chi phí khám chữa bệnh.** Bảo hiểm y tế hỗ trợ giảm chi phí khám, chữa bệnh, giúp người tham gia giảm bớt gánh nặng tài chính khi ốm đau.

**Lý do không chọn các đáp án khác:**

**A.** Sai vì không phải tất cả người tham gia BHYT đều khám bệnh mỗi năm, việc không khám chữa bệnh không có nghĩa là họ không được hưởng lợi từ việc tham gia bảo hiểm.

**C.** Sai vì BHYT là một phần trong hệ thống an sinh xã hội, hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ y tế, không được xem là gánh nặng ngân sách.

**D.** Sai vì tỷ lệ 33,87% chỉ liên quan đến số người tham gia BHXH, không liên quan đến lợi ích của những người tham gia BHYT.

**Câu 17.** Trong thông tin trên, nội dung nào sau đây thể hiện trách nhiệm công dân về bảo hiểm?

**A.** Trên 86,8 triệu người tham gia BHYT.

**B.** Gần 6,3 triệu lượt người được giải quyết các chế độ bảo hiểm.

**C.** Gần 65 triệu lượt người khám chữa bệnh BHYT nội trú và ngoại trú.

**D.** Khoảng 409 nghìn người hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn.

*Giải thích:*

**Đáp án đúng là A. Trên 86,8 triệu người tham gia BHYT.** Số lượng lớn người dân tham gia bảo hiểm y tế thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc đóng góp vào hệ thống an sinh xã hội.

**Lý do không chọn các đáp án khác:**

**B.** Chỉ là thông tin về số người được hưởng quyền lợi bảo hiểm, không thể hiện trách nhiệm tham gia của công dân.

**C.** Chỉ đề cập đến số lượt khám chữa bệnh, không liên quan đến trách nhiệm tham gia bảo hiểm.

**D.** Đề cập đến số người được hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn, không thể hiện trách nhiệm tham gia BHYT của công dân.

**Câu 18.** Quản lý thu, chi trong gia đình là việc sử dụng các khoản thu và chi nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần của các thành viên sao cho phù hợp với

**A.** nguồn thu nhập. **B.** nhu cầu tiêu dùng. **C.** mức sống trung bình của xã hội. **D.** địa vị xã hội của gia đình.

*Giải thích:*

**Đáp án đúng là A. nguồn thu nhập.** Quản lý thu chi hợp lý phải dựa trên nguồn thu nhập của gia đình, đảm bảo cân đối chi tiêu và không vượt quá khả năng tài chính.

**Lý do không chọn các đáp án khác:**

**B.** Nhu cầu tiêu dùng chỉ là một phần của thu chi, không phải yếu tố chính trong quản lý tài chính gia đình.

**C.** Mức sống trung bình của xã hội không quyết định việc thu chi của từng gia đình, vì mỗi gia đình có điều kiện khác nhau.

**D.** Địa vị xã hội của gia đình không phải là yếu tố chính trong việc quản lý tài chính hàng ngày.

**Câu 19.** Phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về sự cần thiết của quản lý thu, chi trong gia đình?

**A.** Nâng cao chất lượng cuộc sống của các thành viên trong gia đình.

**B.** Kiểm soát được các khoản chi tiêu của gia đình.

**C.** Kiểm soát được mọi khoản chi của các cá nhân trong gia đình.

**D.** Phân bổ hợp lý nguồn thu trong gia đình.

*Giải thích:*

**Đáp án đúng là C. Kiểm soát được mọi khoản chi của các cá nhân trong gia đình.** Việc quản lý thu chi không nhằm mục đích kiểm soát hoàn toàn các khoản chi của từng cá nhân mà chỉ để phân bổ hợp lý tổng thu nhập và chi tiêu chung của gia đình.

**Lý do không chọn các đáp án khác:**

**A.** Quản lý thu chi giúp nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua việc sử dụng hợp lý tài chính gia đình.

**B.** Quản lý thu chi giúp kiểm soát tốt hơn các khoản chi của gia đình.

**D.** Quản lý thu chi giúp phân bổ hợp lý các nguồn thu, đáp ứng nhu cầu chung của gia đình.

**Câu 20.** Theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023, mọi người được thông tin, giải thích về tình trạng sức khỏe, phương pháp, dịch vụ khám, chữa bệnh, giá dịch vụ khám bệnh, được hướng dẫn cách tự theo dõi, chăm sóc, phòng ngừa tai biến là một trong những nội dung của quyền nào dưới đây?

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- A. Quyền được khám bệnh, chữa bệnh.      B. Quyền được lựa chọn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  
C. Quyền được tôn trọng danh dự trong khám bệnh, chữa bệnh.  
D. Quyền được lựa chọn dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

*Giải thích:*

**Đáp án đúng là A. Quyền được khám bệnh, chữa bệnh.** Quyền được thông tin và giải thích về tình trạng sức khỏe, dịch vụ y tế, và cách chăm sóc là một phần của quyền khám chữa bệnh.

**Lý do không chọn các đáp án khác:**

**B.** Chỉ là quyền chọn cơ sở khám chữa bệnh, không bao hàm quyền được thông tin và giải thích tình trạng sức khỏe.

**C.** Chỉ liên quan đến quyền được tôn trọng danh dự, không liên quan trực tiếp đến việc cung cấp thông tin y tế.

**D.** Chỉ là quyền chọn dịch vụ khám chữa bệnh, không bao hàm quyền được thông tin và hướng dẫn.

**Câu 21.** Thanh tra Sở Y tế X phát hiện phòng khám của ông T bán thuốc hết hạn sử dụng với tổng giá trị số thuốc được xác định là 25 triệu đồng. Theo quy định của pháp luật, hành vi bán thuốc hết hạn sử dụng của ông T phải chịu trách nhiệm pháp lý nào sau đây?

- A. Cảnh cáo và buộc tiêu hủy toàn bộ số thuốc hết hạn sử dụng.  
B. Phạt tiền và buộc tiêu hủy toàn bộ số thuốc hết hạn sử dụng.  
C. Thu hồi giấy phép hoạt động đối với phòng khám của ông T.  
D. Phạt tiền, thu hồi chứng chỉ hành nghề của ông T.

*Giải thích:*

**Đáp án đúng là B. Phạt tiền và buộc tiêu hủy toàn bộ số thuốc hết hạn sử dụng.** Bán thuốc hết hạn sử dụng là vi phạm quy định về dược phẩm và thường bị xử phạt hành chính kèm theo buộc tiêu hủy số thuốc vi phạm.

**Lý do không chọn các đáp án khác:**

**A.** Chỉ cảnh cáo là không đủ nghiêm khắc cho hành vi này.

**C.** Thu hồi giấy phép hoạt động là mức xử phạt nặng hơn và thường áp dụng cho các hành vi vi phạm nghiêm trọng hơn.

**D.** Thu hồi chứng chỉ hành nghề là hình thức xử phạt cao hơn, thường áp dụng khi hành vi vi phạm có tính chất nguy hiểm cao hơn.

**Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 22, 23, 24.**

Hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo điều kiện thu hút đầu tư cho Việt Nam tiếp cận thị trường toàn cầu. Một trong những mặt hàng có thế mạnh xuất khẩu lớn của Việt Nam hiện nay là sàu riêng. Bón tháng đầu năm 2024, mặt hàng này đã xuất khẩu đạt (khoảng) 111.600 tấn với giá trị trên 470 triệu đô la Mỹ, tăng 124,6% về lượng và 145,8% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) S có lô hàng xuất khẩu sàu riêng chứa cadmium (kim loại nặng) vượt mức cho phép. Phía đối tác yêu cầu công ty TNHH S đền bù 100% giá trị lô hàng bị trả lại nhưng công ty này không đồng ý do không có điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

**Câu 22.** Trong thông tin trên, hội nhập kinh tế quốc tế đem lại lợi ích nào sau đây cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực xuất khẩu sàu riêng tại Việt Nam?

- A. Tăng giá trị xuất khẩu và khai thác tối ưu lợi thế quốc gia.  
B. Xuất khẩu đạt doanh thu 470 triệu đô la Mỹ trong năm 2024.  
C. Tiếp cận thị trường và tăng giá trị xuất nhập khẩu là 124,6%.  
D. Tạo việc làm và tăng thu nhập cho mọi tầng lớp dân cư.

**Giải thích:**

**Đáp án A đúng** vì hội nhập kinh tế quốc tế giúp các doanh nghiệp khai thác tối ưu lợi thế cạnh tranh của quốc gia, từ đó tăng giá trị xuất khẩu.

**Đáp án B không đúng** vì mặc dù có doanh thu 470 triệu đô la Mỹ, nhưng đây không phải là lợi ích chung cho tất cả doanh nghiệp trong lĩnh vực xuất khẩu sàu riêng.

**Đáp án C không chính xác** vì việc tăng giá trị xuất nhập khẩu 124,6% chỉ là một con số cụ thể, không phải là lợi ích trực tiếp cho doanh nghiệp.

**Đáp án D không đúng** vì việc tạo việc làm và tăng thu nhập là kết quả gián tiếp từ hội nhập chứ không phải lợi ích trực tiếp cho doanh nghiệp xuất khẩu sàu riêng.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

**Câu 23. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, hành vi vi phạm của công ty TNHH S phải chịu trách nhiệm pháp lý nào sau đây?**

- A. Buộc thu hồi sản phẩm và điều chỉnh quy trình xuất khẩu.
- B. Đền bù cho đối tác 100% giá trị của lô hàng bị trả lại.
- C. Xử phạt hành chính và cấm xuất khẩu trong thời gian quy định.
- D. Đình chỉ hoạt động kinh doanh của công ty TNHH S để khắc phục hậu quả.

**Giải thích:**

**Đáp án C đúng** vì theo quy định của pháp luật, hành vi xuất khẩu hàng hóa không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ bị xử phạt hành chính. Công ty TNHH S có thể bị cấm xuất khẩu trong thời gian quy định để khắc phục các vi phạm.

**Đáp án A không đúng** vì việc buộc thu hồi sản phẩm và điều chỉnh quy trình xuất khẩu có thể là một phần của biện pháp khắc phục nhưng không đủ mạnh để mô tả trách nhiệm pháp lý tổng quát.

**Đáp án B không đúng** vì việc đền bù cho đối tác là trách nhiệm dân sự và không phải là một hình thức xử phạt chính thức từ cơ quan chức năng.

**Đáp án D không đúng** vì đình chỉ hoạt động kinh doanh không phải là trách nhiệm pháp lý bắt buộc cho vi phạm này.

**Câu 24. Trong trường hợp trên, công ty TNHH S nên lựa chọn phương thức giải quyết đầu tiên nào sau đây phù hợp với nguyên tắc hợp tác quốc tế với phía đối tác?**

- A. Chủ động thương lượng với các bên liên quan.
- B. Đàm phán trực tiếp với chính phủ nước sở tại.
- C. Dẫn phương châm dứt hợp đồng thương mại.
- D. Đưa ra Tòa án quốc tế ngay.

**Giải thích:**

**Đáp án A đúng** vì việc chủ động thương lượng với các bên liên quan là cách tiếp cận hợp tác, giúp hai bên tìm ra giải pháp hợp lý để giải quyết tranh chấp mà không cần đến các biện pháp pháp lý cứng rắn hơn.

**Đáp án B không đúng** vì việc đàm phán với chính phủ nước sở tại không phải là cách tiếp cận tốt nhất trong trường hợp này mà cần tập trung vào việc thương lượng với đối tác trực tiếp.

**Đáp án C không đúng** vì việc dứt hợp đồng thương mại không phải là lựa chọn tối ưu, nhất là trong bối cảnh hợp tác quốc tế.

**Đáp án D không phù hợp** vì đưa ra Tòa án quốc tế ngay lập tức có thể gây mất mát trong quan hệ hợp tác và không phải là lựa chọn đầu tiên trong việc giải quyết tranh chấp.

**PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a,b,c,d**

**Câu 1:**

Năm 2020, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam — Liên minh châu Âu (EU) được ký kết. Tháng 12/2022, EU thông báo thực hiện Thỏa thuận xanh châu Âu, sẽ đánh thuế carbon đối với tất cả hàng hóa được nhập khẩu vào thị trường này dựa trên mức độ phát thải khí nhà kính trong quy trình sản xuất của nước sở tại. Theo đó, thỏa thuận ban đầu sẽ áp dụng đối với các hàng hóa nhập khẩu có nguy cơ gây ô nhiễm cao như xi măng, thép, phân bón, nhôm, điện và hydrogen. Cơ chế này sẽ được giới thiệu dần cho đến cuối năm 2025 và sau đó sẽ được áp dụng đầy đủ vào năm 2026. Nhằm thực hiện các yêu cầu của Thỏa thuận xanh châu Âu, tập đoàn V đã nhanh chóng điều chỉnh chiến lược kinh doanh cho mục tiêu phát triển bền vững.

a) **Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU là hình thức hội nhập song phương.**

**Đáp án: S (Sai)**

Giải thích: Hiệp định này là một hiệp định thương mại đa phương, không chỉ liên quan đến hai bên mà còn bao gồm nhiều quốc gia khác trong EU.

b) **Tập đoàn V cần chủ động đào tạo nhân sự cho chiến lược phát triển bền vững để phù hợp với lộ trình hội nhập của Việt Nam.**

**Đáp án: Đ (Đúng)**

Giải thích: Việc đào tạo nhân sự là cần thiết để đáp ứng yêu cầu về phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

c) Việc điều chỉnh chiến lược kinh doanh của tập đoàn V là bước xác định ý tưởng kinh doanh.

**Đáp án: S (Sai)**

Giải thích: Điều chỉnh chiến lược kinh doanh không chỉ đơn thuần là xác định ý tưởng mà còn là một phần quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu dài hạn của doanh nghiệp.

d) Đến năm 2026, tất cả hàng hóa Việt Nam nếu không đạt được các tiêu chuẩn của Thỏa thuận xanh thì không được xuất khẩu vào thị trường EU.

**Đáp án: S (Sai)**

Giải thích: Không phải tất cả hàng hóa đều bị cấm xuất khẩu nếu không đạt tiêu chuẩn, nhưng sẽ gặp khó khăn trong việc tiếp cận thị trường EU.

### Câu 2:

Sau một thời gian kinh doanh trực tuyến với nguồn hàng tốt và quảng cáo hấp dẫn, thu nhập bình quân của anh N lên đến 7 triệu đồng/ngày. Hàng tháng, anh chi trả một số tiền thuê mặt bằng, trả tiền công cho sinh viên làm bán thời gian cho mình sau khi đã chịu 10% thuế thu nhập. Vì được trả lương cao nên một số sinh viên đã nghỉ học tạm thời để bán hàng cho anh. Thấy anh N kinh doanh có nguồn thu nhập tốt, chị Q đã tìm hiểu và đăng ký cửa hàng kinh doanh trực tuyến trên sàn thương mại điện tử. Trong quá trình kinh doanh, chị Q đã khai thuế đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn. Do chưa có kinh nghiệm bán hàng nên doanh thu của chị Q chưa đến 90 triệu đồng/năm.

a) Anh N không phải kê khai thuế vì anh kinh doanh trực tuyến độc lập, thường xuyên, không có địa điểm cố định.

**Đáp án: S (Sai)**

Giải thích: Anh N vẫn phải kê khai thuế theo quy định, bất kể hình thức kinh doanh nào.

b) Chị Q đã kê khai thuế nhưng với doanh thu dưới 90 triệu đồng/năm, chị không phải đóng thuế.

**Đáp án: Đ (Đúng)**

Giải thích: Chị Q không phải đóng thuế do doanh thu chưa đạt mức quy định.

c) Việc anh N khấu trừ 10% thuế thu nhập chi trả công cho sinh viên làm bán thời gian là đúng.

**Đáp án: Đ (Đúng)**

Giải thích: Anh N thực hiện việc khấu trừ thuế thu nhập là hợp lý theo quy định pháp luật.

d) Sinh viên có quyền điều chỉnh kế hoạch học tập của mình để tham gia bán hàng cho anh N.

**Đáp án: Đ (Đúng)**

Giải thích: Sinh viên hoàn toàn có quyền điều chỉnh kế hoạch học tập để tham gia vào công việc này.

### Câu 3:

Công ty X do ông Q là giám đốc hoạt động theo mô hình nông nghiệp sạch, được đầu tư, ứng dụng công nghệ trong sản xuất. Cứ hai năm một lần, ông Q tổ chức khám sức khỏe cho người lao động. Năm 2022, để giảm thiểu chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, công ty đã thành lập không gian mái nhà xưởng để lắp đặt hệ thống điện mặt trời với tổng mức đầu tư 1,4 tỷ đồng và áp dụng các biện pháp nâng cao năng suất. Nhờ vậy, lợi nhuận công ty tăng lên, thu nhập của người lao động được cải thiện. Đến năm 2023, ông Q đã huy động thêm 40% vốn điều lệ từ người lao động để chuyển đổi công ty từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần.

a) Việc công ty X thực hiện các biện pháp nâng cao năng suất, cải thiện thu nhập cho người lao động là thực hiện trách nhiệm xã hội về hình thức.

**Đáp án: Đ (Đúng)**

Giải thích: Việc cải thiện năng suất và thu nhập là một phần của trách nhiệm xã hội doanh nghiệp.

b) Việc đầu tư hệ thống điện mặt trời là trách nhiệm pháp lý của Công ty X.

**Đáp án: S (Sai)**

Giải thích: Đầu tư hệ thống điện mặt trời không phải là trách nhiệm pháp lý bắt buộc mà là một lựa chọn để nâng cao hiệu quả sản xuất.

c) Ông Q tổ chức khám sức khỏe cho người lao động hai năm một lần là nhằm đảm bảo quyền lợi được chăm sóc sức khỏe của người lao động.

**Đáp án: Đ (Đúng)**

Giải thích: Việc tổ chức khám sức khỏe là để bảo đảm quyền lợi và chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

d) Người lao động nên trở thành cổ đông của công ty vì họ phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ của công ty trong phạm vi số vốn đã đóng góp.

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

### Đáp án: Đ (Đúng)

Giải thích: Khi trở thành cổ đông, người lao động có trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính của công ty theo quy định.

### Câu 4:

Sau khi nhận được yêu cầu từ ngành sản xuất ô tô điện trong nước, Bộ Công nghiệp của nước N tiến hành cuộc điều tra chống bán phá giá đối với mặt hàng xe ô tô điện được nhập khẩu từ nước P. Kết quả điều tra cho thấy có đủ căn cứ khẳng định mặt hàng ô tô điện nhập khẩu từ nước P được nhận trợ cấp từ chính phủ của mình trong quá trình sản xuất. Đại diện ngành sản xuất ô tô điện của nước N kiến nghị đánh thuế nhập khẩu 20% đối với mặt hàng ô tô điện nhập khẩu từ nước P để bảo vệ ngành sản xuất trong nước.

a) Trong trường hợp muốn khởi kiện hành vi bán phá giá mặt hàng ô tô điện nhập khẩu từ nước P, nước N sẽ thực hiện theo quy trình: khởi kiện — điều tra - kết luận — áp dụng biện pháp (nếu có).

### Đáp án: Đ (Đúng)

Giải thích: Nước N sẽ thực hiện quy trình điều tra bán phá giá theo các bước đã được quy định.

b) Trong trường hợp bị khởi kiện vì bán phá giá, nước P có quyền yêu cầu tham vấn với nước N để giải quyết vụ việc.

### Đáp án: Đ (Đúng)

Giải thích: Nước P có quyền yêu cầu tham vấn trong quá trình giải quyết tranh chấp thương mại.

c) Nếu có đủ căn cứ khẳng định mặt hàng ô tô điện nhập khẩu từ nước P được nhận trợ cấp từ chính phủ, đại diện ngành sản xuất ô tô điện nước N có quyền áp thuế nhập khẩu 20%.

### Đáp án: S (Sai)

Giải thích: Mặc dù có căn cứ, nhưng việc áp thuế vẫn phải tuân theo quy trình pháp lý và quyết định cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

d) Việc khởi kiện hành vi bán phá giá đối với mặt hàng ô tô điện được nhập khẩu từ nước P sẽ được thực hiện tại Tòa án của nước N.

### Đáp án: S (Sai)

Giải thích: Các tranh chấp về bán phá giá thường được giải quyết thông qua cơ quan điều tra thương mại chứ không phải tại tòa án.

## Đề số 2

### Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án)

Câu 1. Một trong những mục tiêu về kinh tế đối với mỗi quốc gia trên con đường hướng tới sự thịnh vượng là

- A. tăng cường sức mạnh về quốc phòng.
- B. tăng trưởng kinh tế cao và bền vững.
- C. xây dựng một nền an ninh vững chắc.
- D. đa dạng hoá các ngành nghề trong xã hội.

Câu 2. Sự gia tăng về quy mô sản lượng của một nền kinh tế trong một thời kì nhất định so với thời kì gốc được gọi là gì?

- A. Phát triển kinh tế
- B. Tăng trưởng kinh tế
- C. Hội nhập kinh tế
- D. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 3. Quá trình một quốc gia thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Hội nhập kinh tế quốc tế.
- B. Tăng trưởng kinh tế quốc tế.
- C. Phát triển kinh tế quốc tế.
- D. Quan hệ thương mại quốc tế.

Câu 4. Việt Nam tích cực, chủ động tham gia các tổ chức kinh tế toàn cầu như Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Liên hợp quốc,... là đã tham gia

- A. hội nhập kinh tế song phương.
- B. hội nhập kinh tế đa phương.
- C. hội nhập kinh tế toàn cầu.
- D. hội nhập kinh tế khu vực.

Câu 5. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ chấm: Bảo hiểm là hoạt động chuyển giao rủi ro giữa và tổ chức bảo hiểm thông qua các cam kết bảo hiểm.

- A. bên mua bảo hiểm
- B. người thụ hưởng
- C. người được bảo hiểm
- D. các bên tham gia bảo hiểm

Câu 6. Người lao động khi bị ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động sẽ được bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập nếu tham gia

## MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

A. bảo hiểm y tế. B. bảo hiểm thất nghiệp. C. bảo hiểm xã hội. D. bảo hiểm thương mại.

**Câu 7.** Khi tham gia bảo hiểm y tế, người lao động được

A. chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí khám và điều trị bệnh.

B. trợ cấp trong thời gian nghỉ việc để điều trị bệnh.

C. trợ cấp trong thời gian điều trị bệnh nghề nghiệp.

D. trợ cấp trong thời gian nghỉ sinh con đối với lao động nữ.

**Câu 8.** Bản mô tả các nội dung cơ bản về định hướng, mục tiêu, nguồn lực, tài chính, kế hoạch bán hàng được gọi là

A. kế hoạch thu, chi của gia đình.

B. kế hoạch tài chính cá nhân.

C. kế hoạch chi tiêu.

D. kế hoạch kinh doanh.

**Câu 9.** Lập kế hoạch kinh doanh giúp người kinh doanh

A. cải thiện và tăng cường các mối quan hệ cá nhân.

B. thiết lập được nhiều hơn các mối quan hệ kinh tế.

C. đưa ra được phương hướng kinh doanh và phương thức thực hiện.

D. nắm bắt được chiều hướng phát triển của nền kinh tế.

**Câu 10.** Người lao động được mua nhà ở xã hội theo chính sách hỗ trợ của Nhà nước được quy định tại Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014, thể hiện nội dung của chính sách an sinh xã hội nào sau đây?

A. Chính sách bảo hiểm xã hội.

B. Chính sách trợ giúp xã hội.

C. Chính sách việc làm, thu nhập và giảm nghèo.

D. Chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản.

**Câu 11.** Theo Điều 33 Hiến pháp năm 2013, quyền tự do kinh doanh những ngành, nghề pháp luật không cấm là quyền của

A. mọi người.

B. mọi thương nhân.

C. mọi nông dân.

D. mọi công nhân.

**Câu 12.** Nội dung nào sau đây **không** phù hợp với quy định tại Hiến pháp năm 2013 về quyền tự do kinh doanh?

A. Mọi người có quyền tự do lựa chọn mô hình kinh doanh.

B. Mọi người có quyền tự do lựa chọn quy mô kinh doanh.

C. Mọi người có quyền tự do kinh doanh những ngành nghề pháp luật không cấm.

D. Mọi người có quyền sử dụng mọi hình thức huy động vốn cho việc kinh doanh.

**Câu 13.** Theo quy định của pháp luật hiện hành, thẩm quyền giải quyết li hôn thuộc về cơ quan nào?

A. Viện kiểm sát nhân dân. B. Tòa án nhân dân. C. Hội đồng nhân dân. D. Ủy ban nhân dân.

**Câu 14.** Hành vi kết hôn nào sau đây **không** bị cấm theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014?

A. Giữa những người đang có vợ, có chồng với nhau.

B. Giữa người chưa có vợ, có chồng với người đang có vợ, có chồng.

C. Giữa những người cùng dòng máu về trực hệ.

D. Giữa những người có họ trong phạm vi bốn đời.

**Câu 15.** Trường hợp nào sau đây vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình?

A. Anh A và chị C kết hôn mặc dù bị gia đình hai bên ngăn cấm.

B. Vợ chồng anh K tranh luận với nhau về việc lựa chọn nơi cư trú.

C. Anh M chung sống với chị N trong thời gian anh li thân với vợ.

D. Chị K đề nghị chồng hỗ trợ công việc gia đình để chị đi học thêm.

**Câu 16.** Điều **không** phải là nguyên tắc cơ bản của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)?

A. Ưu tiên cho các nước lớn.

B. Cạnh tranh công bằng.

C. Không phân biệt đối xử.

D. Tự do hoá thương mại.

**Câu 17.** Tổ chức Thương mại Thế giới được thành lập vào thời gian nào?

A. 01/01/1975.

B. 01/01/1985.

C. 01/01/1995.

D. 01/01/2005.

**Câu 18.** Nguyên tắc không phân biệt đối xử của Tổ chức Thương mại Thế giới được thể hiện qua mấy chế độ pháp lý?

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

**Câu 19.** Hợp đồng có tính chất quốc tế, được kí kết giữa các bên có trụ sở thương mại đặt ở các nước khác nhau là hợp đồng

A. giao thương quốc tế.

B. giao kết quốc tế.

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**



## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

C. trao đổi kinh tế.

D. thương mại quốc tế.

**Câu 20.** Mục đích cuối cùng của hợp đồng thương mại là

A. nhân đạo.

B. cạnh tranh.

C. công bằng.

D. lợi nhuận.

*Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 21, 22*

Phát triển bền vững là mối quan tâm trên phạm vi toàn cầu. Trong tiến trình phát triển của thế giới, mỗi khu vực và quốc gia xuất hiện nhiều vấn đề bức xúc mang tính phổ biến. Kinh tế càng tăng trưởng thì tình trạng khan hiếm các loại nguyên nhiên liệu, năng lượng do sự cạn kiệt các nguồn tài nguyên không tái tạo được càng tăng thêm, môi trường thiên nhiên càng bị huỷ hoại, cân bằng sinh thái bị phá vỡ, thiên nhiên gây ra những thiên tai vô cùng thảm khốc.

Sự tăng trưởng kinh tế không phải lúc nào cũng cùng nhịp với tiến bộ và phát triển xã hội, có thể tăng trưởng kinh tế nhưng không có tiến bộ và công bằng xã hội; tăng trưởng kinh tế nhưng văn hoá, đạo đức bị suy đồi; tăng trưởng kinh tế làm giãn cách hơn sự phân hoá giàu – nghèo, dẫn tới sự bất ổn trong xã hội. Vì vậy, quá trình phát triển cần có sự điều tiết hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với bảo đảm an ninh xã hội và bảo vệ môi trường hay phát triển bền vững đang trở thành yêu cầu bức thiết đối với toàn thế giới.

**Câu 21.** Một trong những mục tiêu mà nhân loại đang quan tâm, hướng đến và ưu tiên phát triển hiện nay là

A. phát triển bền vững.

B. giao lưu quốc tế.

C. thúc đẩy phân hoá giàu – nghèo.

D. gia tăng dân số.

**Câu 22.** Để phát triển bền vững, bên cạnh việc tăng trưởng kinh tế thì các quốc gia cần phải đảm bảo yếu tố nào sau đây?

A. Đẩy mạnh chiến tranh.

B. Xúc tiến thương mại.

C. Tăng cường đối ngoại.

D. Bảo vệ môi trường.

*Đọc thông tin và trả lời câu hỏi số 23, 24*

Anh Nguyễn Văn B đăng kí thành lập doanh nghiệp tư nhân kinh doanh mặt hàng đồ gia dụng và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp mang tên LC. Một thời gian sau, anh B tham gia thành lập hộ kinh doanh cùng gia đình do bố của anh là ông Nguyễn Văn C làm chủ hộ. Vì muốn con trai phát huy kinh nghiệm kinh doanh của mình, ông C đã đề nghị cơ quan chức năng chuyển tên chủ hộ kinh doanh lại cho anh B. Để tập trung thời gian cho công việc kinh doanh của gia đình, anh B đã cho chị Ngô Thị H thuê lại doanh nghiệp tư nhân của mình và có thông báo bằng văn bản cho cơ quan chức năng. Do chị H không có kinh nghiệm quản lí nên Công ty LC kinh doanh giảm sút và có phát sinh một khoản nợ với bà Hoàng Thị T.

**Câu 23.** Nội dung nào sau đây **không** đúng với quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ kinh doanh của công dân?

A. Anh Nguyễn Văn B không thể vừa là chủ doanh nghiệp tư nhân vừa là chủ hộ kinh doanh.

B. Anh Nguyễn Văn B có thể vừa là chủ doanh nghiệp tư nhân vừa là chủ hộ kinh doanh.

C. Ông Nguyễn Văn C là đại diện chủ sở hữu hộ kinh doanh của gia đình ông.

D. Những nghĩa vụ tài chính phát sinh từ hộ kinh doanh của ông Nguyễn Văn C do các thành viên đứng tên hộ kinh doanh chịu trách nhiệm.

**Câu 24.** Trong trường hợp trên, ai là người đứng ra giải quyết trách nhiệm tài chính với bà Hoàng Thị T?

A. Anh B.

B. Anh B và chị H.

C. Chị H và ông C.

D. Anh B, chị H và ông C.

**Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.)

Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai)

**Câu 1.** Đọc đoạn thông tin sau:

Công ty G chuyên cung cấp thức ăn chăn nuôi và thực phẩm sạch đã thực hiện dự án “Tiếp sức nhà nông cho con đến trường” nhằm giúp các hộ nghèo vươn lên thoát nghèo, nuôi con ăn học thành tài. Ngoài việc cung cấp tài chính như 20 triệu đồng tiền mặt không lãi suất trong 2 năm, tặng phiếu thức ăn chăn nuôi mua hàng của công ty trị giá 3 triệu đồng cho mỗi hộ nông dân, công ty còn đưa đội ngũ tư vấn kỹ thuật chăn nuôi tham gia hướng dẫn, gắn kết trực tiếp với các hộ nông dân trong 2 năm. Sau thời gian này, nếu nông dân làm ăn hiệu quả và có con học tập tốt, công ty sẽ trích 1/5 số vốn vay để thưởng cho hộ vay. Dự án cũng không bắt buộc nông dân phải mua hàng của công ty về sau. Qua 6 năm, gần 1 900 hộ nông dân tại 15 tỉnh thành Việt Nam thụ hưởng chương trình “Tiếp sức nhà nông cho con đến trường” với số vốn giải ngân khoảng 50 tỉ đồng. Hoạt động sau 13 năm, Công ty G hiện sở hữu 6 nhà máy sản xuất thức ăn tại Việt Nam với công suất 1,5 triệu tấn/năm.

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

- a. Giúp nông dân vươn lên thoát nghèo, nuôi con ăn học thành tài là một trong những ý nghĩa khi thực hiện trách nhiệm xã hội của Công ty G.
- b. Hành động tặng phiếu thức ăn và cho vay không lãi suất là sẽ làm giảm đi sức sản xuất và năng lực cạnh tranh của Công ty G.
- c. Dự án “Tiếp sức nhà nông cho con đến trường” góp phần tạo ra hình ảnh thương hiệu tích cực, tạo dựng tên tuổi cho Công ty G.
- d. Để có thể hội nhập kinh tế quốc tế, Công ty G chỉ nên tập trung vào việc kết hợp hài hoà lợi ích của công ty và lợi ích của người tiêu dùng.

### Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

*Khi lập kế hoạch thu, chi trong gia đình, việc xây dựng một khoản tiết kiệm và đầu tư là một nội dung quan trọng, giúp tích lũy và gia tăng tài sản theo thời gian, đảm bảo tương lai tài chính ổn định hơn. Để xây dựng khoản tiết kiệm và đầu tư, có thể bắt đầu bằng việc đặt mục tiêu về số tiền muốn tích lũy trong một khoảng thời gian nhất định. Sau đó, cần tìm hiểu các loại hình đầu tư như tiết kiệm trực tuyến, chứng khoán, bất động sản, kinh doanh,... và lựa chọn phương án đầu tư phù hợp với mục tiêu và tình hình tài chính hiện tại của gia đình. Kế hoạch thu, chi trong gia đình cũng không bất biến mà cần được điều chỉnh khi cuộc sống ngày càng phát triển và trở nên phức tạp hơn.*

- a. Khi lập kế hoạch thu, chi trong gia đình không nên quá chú trọng vào việc tiết kiệm và đầu tư.
- b. Việc lập kế hoạch thu, chi trong gia đình giúp duy trì tình hình tài chính lành mạnh, có tiết kiệm và đầu tư.
- c. Ngoài việc quan tâm đến tiết kiệm và đầu tư, cần chú trọng phân bổ phù hợp cho các khoản chi thiết yếu, không thiết yếu.
- d. Trong quá trình thực hiện kế hoạch thu, chi của gia đình, để đạt được mục tiêu tài chính cần tuyệt đối tuân thủ kế hoạch.

### Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

*Trên đường đi học về, A nhặt được một chiếc điện thoại đắt tiền nên đã mang về nhà đưa cho mẹ dùng. Hai tháng sau, khi đến cửa hàng tạp hoá nhà A mua đồ, chú T (là hàng xóm của A) nhận ra chiếc điện thoại mà mẹ A đang dùng là của mình đã làm rơi nên xin được nhận lại. Do là chỗ hàng xóm thân tình, mẹ A cũng đã sử dụng chiếc điện thoại một thời gian, lại đánh rơi làm vỡ màn hình nên mẹ A có đề nghị được giữ lại chiếc điện thoại để dùng và trả tiền để chú T mua chiếc điện thoại khác.*

- a. Khi nhặt được chiếc điện thoại, bạn A phải giao nộp lại cho cơ quan có thẩm quyền là uỷ ban nhân dân xã/phường hoặc công an xã/phường nơi gần nhất.
- b. Vì không biết chiếc điện thoại đó là của ai, lại do bạn A vô tình nhặt được chứ không lấy trộm nên mẹ bạn A không sai khi sử dụng chiếc điện thoại đó.
- c. Chú T là chủ sở hữu chiếc điện thoại trên nên có quyền yêu cầu mẹ bạn A trả lại chiếc điện thoại đó cho mình.
- d. Bạn A và mẹ bạn A có trách nhiệm hoàn trả chiếc điện thoại cho chú T hoặc giữ lại điện thoại và trả tiền cho chú T sau khi đã thoả thuận với chú T.

### Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

*Vào một đêm trời mưa to, nhân lúc người coi đèn ngủ quên, kẻ gian đã đột nhập vào đèn QT thuộc xã DN phá két lấy đi 40 sắc phong và sách cổ chữ Hán. Ban Quản lý Di tích xã DN cho biết: “Sắc phong cổ nhất thuộc thời vua Lê Chân Tông năm 1645 phong cho Đức Thánh Cao Sơn là Linh ứng Đại vương, còn sắc phong cuối cùng là năm 1909 của vua Duy Tân năm thứ 3 phong cho các Đức Đại vương ở đây. Trong 40 sắc phong ấy thì phong cho Đức Thánh Cao Sơn đến tận 28 lần, các Đức Đại vương ít nhất thì được phong 2 lần, các ngài khác thì từ 5 đến 7 lần”.*

- a. Các sắc phong bị mất trong thông tin trên là di sản văn hoá của Việt Nam được UNESCO công nhận.
- b. Ban Quản lý Di tích xã DN có quyền bán các sắc phong nêu trên cho những người có nhu cầu.
- c. Các cá nhân, tổ chức có quyền thăm quan đền QT và nghiên cứu các sắc phong ở đây.
- d. Học sinh khi phát hiện việc kẻ gian đột nhập vào đền QT trộm cắp có quyền báo cho cá nhân, cơ quan có thẩm quyền hoặc tham gia bắt giữ kẻ gian.

### Đề số 3

**Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án)

**Câu 1.** Đầu **không** phải là yếu tố cấu thành chỉ số phát triển con người theo tiêu chí của Chương trình phát triển của Liên hợp quốc?

- A. Chỉ số sức khoẻ.
- B. Chỉ số giáo dục.
- C. Chỉ số thu nhập.
- D. Chỉ số hạnh phúc.

**Câu 2.** Một trong những vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế là

- A. làm cho nền kinh tế suy thoái.
- B. gây bất ổn về chính trị đất nước.
- C. phát triển con người toàn diện.
- D. đa dạng hoá các loại hình sở hữu.

**Câu 3.** Nhận định nào sau đây là **sai** về sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Hội nhập kinh tế quốc tế giúp mỗi quốc gia mở rộng thị trường.
- B. Hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra nhiều cơ hội việc làm.
- C. Hội nhập kinh tế quốc tế thúc đẩy phân hoá giàu – nghèo.
- D. Hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra cơ hội thu hút vốn đầu tư.

**Câu 4.** Năm 2007, Việt Nam đã tham gia vào tổ chức quốc tế nào sau đây?

- A. ASEAN.
- B. APEC.
- C. WTO.
- D. CPTPP.

**Câu 5.** Việc tham gia hội nhập kinh tế quốc tế giúp Việt Nam

- A. nâng cao vị thế trên trường quốc tế.
- B. hạn chế hoạt động xuất, nhập khẩu.
- C. tập trung vào thị trường nội địa.
- D. giảm bớt sự liên kết với thị trường quốc tế.

**Câu 6.** Xác định mục tiêu kinh doanh là

- A. xác định biện pháp, cách thức hoạt động, kế hoạch thực hiện.
- B. phân tích chất lượng, giá cả, dịch vụ khách hàng.
- C. xác định quy mô vốn đầu tư, chi phí đầu tư.
- D. đặt ra kết quả kinh doanh cụ thể cần đạt được trong tương lai.

**Câu 7.** Lợi thế nội tại gồm sự đam mê, hiểu biết về sản phẩm của người kinh doanh là một trong những căn cứ để xác định

- A. chiến lược kinh doanh.
- B. ý tưởng kinh doanh.
- C. mục tiêu kinh doanh.
- D. điều kiện kinh doanh.

**Câu 8.** Thị phần của đối thủ cạnh tranh tăng lên có thể gây ra rủi ro khi thực hiện kế hoạch kinh doanh về phương diện

- A. tài chính.
- B. cung ứng.
- C. thị trường.
- D. nhân sự.

**Câu 9.** Trong các trách nhiệm sau đây, đâu **không** phải là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp?

- A. Trách nhiệm kinh tế.
- B. Trách nhiệm chính trị.
- C. Trách nhiệm pháp lí.
- D. Trách nhiệm đạo đức.

**Câu 10.** Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp được biểu hiện thông qua những chính sách và việc làm cụ thể, đóng góp cho việc thực hiện các mục tiêu xã hội và

- A. các mục tiêu tài chính của cá nhân.
- B. sự phát triển bền vững của cá nhân.
- C. tạo ra tình trạng khan hiếm hàng hoá.
- D. sự phát triển bền vững của đất nước.

**Câu 11.** Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp **không** thể hiện ở việc mỗi doanh nghiệp phải

- A. tuân thủ Hiến pháp, pháp luật.
- B. thực hiện đạo đức kinh doanh.
- C. tạo việc làm cho người lao động.
- D. cam kết tham gia thiện nguyện.

**Câu 12.** Đâu **không** phải quyền tự do kinh doanh quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 2020?

- A. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.
- B. Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
- C. Doanh nghiệp được chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh.
- D. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật.

**Câu 13.** Theo quy định của pháp luật, hành vi cho mượn tài sản là thể hiện quyền nào của chủ sở hữu tài sản?

- A. Quyền sử dụng. B. Quyền chiếm hữu. C. Quyền hưởng dụng. D. Quyền định đoạt.

**Câu 14.** Việc lấy vợ, lấy chồng khi một hoặc cả hai bên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật được gọi là

- A. tảo hôn. B. li hôn. C. kết hôn giả tạo. D. cưỡng ép kết hôn.

**Câu 15.** Hành vi nào sau đây **không** bị cấm theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014?

- A. Kết hôn giả tạo, li hôn giả tạo. B. Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.  
C. Yêu sách của cải trong kết hôn. D. Bạo lực gia đình.

**Câu 16.** Người nộp thuế **không** có quyền nào sau đây?

A. Nhận quyết định xử lý về thuế, biên bản kiểm tra thuế, thanh tra thuế, được yêu cầu giải thích nội dung quyết định xử lý về thuế.

B. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của công chức quản lý thuế và tổ chức, cá nhân khác.

C. Kí hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế, đại lý làm thủ tục hải quan để thực hiện dịch vụ đại lý thuế, đại lý làm thủ tục hải quan.

D. Được bồi thường thiệt hại do quá trình chậm nộp thuế gây ra đối với công ty, doanh nghiệp.

**Câu 17.** Người nộp thuế có hoạt động kinh doanh trong thời gian ngừng, tạm ngừng hoạt động kinh doanh nhưng không thông báo với cơ quan quản lý thuế là hành vi

- A. vi phạm thủ tục về thuế. B. chậm nộp thuế. C. trốn thuế. D. khai sai thuế.

**Câu 18.** Việc xác định thêm lục địa của một quốc gia ven biển dựa trên cơ sở nào?

- A. Quy định của các nước lớn. B. Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.  
C. Văn kiện về nhân quyền quốc tế. D. Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982.

*Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 19, 20*

CSR được viết tắt của cụm từ Corporate Social Responsibility, có nghĩa là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Hiện nay, CSR được coi là một trong những tiêu chuẩn quan trọng trong việc đánh giá, xếp loại doanh nghiệp.

Từ khi thành lập đến nay, tập đoàn V luôn định hướng các hoạt động CSR của doanh nghiệp hướng tới các mục tiêu văn hoá – giáo dục, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, hỗ trợ kinh tế và an sinh xã hội. Với những đóng góp trong các hoạt động CSR, tập đoàn V đã trở thành “người hùng” luôn tiên phong vì cộng đồng, góp phần quảng bá hình ảnh và uy tín thương hiệu một cách hiệu quả.

**Câu 19.** Việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) góp phần giúp tập đoàn V

- A. nâng cao uy tín, thương hiệu của tập đoàn. B. giảm khả năng cạnh tranh của tập đoàn.  
C. thúc đẩy sự phân hoá giàu – nghèo. D. tự đào thải mình ra khỏi thị trường.

**Câu 20.** Để thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp thì tập đoàn V

**không** được thực hiện việc làm nào sau đây?

- A. Trao học bổng cho sinh viên nghèo vượt khó. B. Đối xử bất công với người lao động.  
C. Hỗ trợ vốn cho bà con nông dân. D. Đóng góp xây dựng các công trình văn hoá.

**Câu 21.** Tổ chức, cá nhân **không** có quyền nào sau đây đối với di sản văn hoá?

- A. Sở hữu hợp pháp di sản văn hoá. B. Tham quan, nghiên cứu di sản văn hoá.  
C. Bảo vệ và phát huy di sản văn hoá. D. Tuỳ ý đưa di vật, cổ vật ra nước ngoài.

*Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 22, 23, 24*

Chị H và chị K cùng nộp hồ sơ đăng kí kinh doanh thuốc tân dược trên cùng một con phố. Không muốn chị K là đối thủ cạnh tranh với mình, chị H đưa 20 triệu cho ông B là Trưởng phòng Đăng kí kinh doanh để loại hồ sơ của chị K. Thấy chị H không có chứng chỉ hành nghề dược mà vẫn được cấp giấy phép kinh doanh trong khi hồ sơ của mình đủ điều kiện vẫn bị loại, chị K tức giận liền thuê anh T đổ nước muối vào cánh cửa sắt nhà chị H và giàn hoa trước cổng nhà ông B, tung tin đồn là chị H thường xuyên bán thuốc tân dược không đảm bảo chất lượng.

**Câu 22.** Những ai trong tình huống trên vi phạm pháp luật về quyền bình đẳng trong kinh doanh?

- A. Chị H và anh T. B. Chị K, ông B và anh T.  
C. Anh T, chị H, chị K và ông B. D. Ông B và chị H.

**Câu 23.** Trong tình huống trên, những ai đã vi phạm pháp luật về quyền tôn trọng tài sản của người khác?

- A. Ông B và anh T. B. Chị K và anh T.  
C. Chị H và chị K. D. Chị K, ông B và anh T.

**Câu 24.** Theo em, khi hồ sơ đủ điều kiện nhưng vẫn bị loại, chị K nên làm gì theo quy định của pháp luật?

- A. Đưa cho ông B 20 triệu để được cấp giấy phép kinh doanh.
- B. Không xin giấy phép kinh doanh nữa mà bán thuốc tân dược trên mạng xã hội.
- C. Gửi đơn khiếu nại tới cơ quan chức năng.
- D. Cho người khác thuê chứng chỉ hành nghề dược và cửa hàng kinh doanh.

**Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai)

**Câu 1.** Đọc đoạn thông tin sau:

*Việt Nam là một quốc gia đang phát triển, có thu nhập trung bình thấp, có tốc độ già hoá dân số tăng nhanh, tuổi thọ người dân được nâng lên, tỉ suất sinh giảm,... Điều này khiến cho tỉ lệ lao động trên số người hưởng lương hưu thấp đã và đang đặt ra những yêu cầu khách quan, cấp bách của việc tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, trong đó có chính sách bảo hiểm xã hội. Đến nay, ở Việt Nam đã hình thành hệ thống chính sách bảo hiểm xã hội tương đối đồng bộ gồm bảo hiểm hưu trí – tử tuất, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm ốm đau, thai sản và bảo hiểm tai nạn lao động, cơ bản bao quát các chế độ bảo hiểm xã hội theo thông lệ quốc tế về bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện trong các ngành, thành phần kinh tế với các loại hình lao động khác nhau. Quỹ bảo hiểm xã hội trở thành quỹ an sinh lớn nhất, hoạt động theo nguyên tắc đóng – hưởng và chia sẻ giữa những người lao động cùng thế hệ và giữa các thế hệ tham gia bảo hiểm xã hội. Diện bao phủ bảo hiểm xã hội theo quy định và quy mô tham gia bảo hiểm xã hội được mở rộng, số người tham gia, số người được hưởng bảo hiểm xã hội tăng lên.*

- a. Tỉ lệ lao động trên số người hưởng lương hưu thấp là yếu tố thuận lợi cho việc đảm bảo an sinh xã hội ở Việt Nam.
- b. Hưu trí, tử tuất, ốm đau, thai sản,... là các chế độ mà người tham gia bảo hiểm xã hội được hưởng.
- c. Chỉ người lao động làm việc trong doanh nghiệp và cơ quan nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp mới là đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.
- d. Nguyên tắc đóng – hưởng được hiểu là mức hưởng bảo hiểm xã hội được tính trên cơ sở mức đóng góp của người lao động.

**Câu 2.** Đọc đoạn thông tin sau:

*Là người quản lí tài chính trong gia đình, chị H luôn tính toán các khoản chi tiêu sao cho hợp lí và rõ ràng. Mỗi tháng, chị xác định các khoản bắt buộc phải chi như: tiền học của con, tiền điện nước, tiền xăng xe, tiền ăn, rồi các khoản ma chay, cưới hỏi phát sinh,... Khi ghi chép cụ thể chị mới biết được lượng tiền phải chi dùng hằng tháng chênh nhau như thế nào. Từ đó, chị mặc định số tiền chi tiêu hằng tháng theo tỉ lệ 50/30/20: 50 % cho các nhu cầu cơ bản (tiền ăn, tiền học, tiền gửi xe, xăng xe,...); 30 % cho sở thích cá nhân từng thành viên (mua sắm, giải trí,...); 20 % còn lại để tiết kiệm và đầu tư. Ngoài ra, chị H cũng hạn chế mua sắm bằng cách ít truy cập vào các trang mua sắm để tránh tiêu tiền quá mức.*

- a. Khi lập kế hoạch thu, chi trong gia đình, việc phân loại các khoản chi như chị H là không nên.
- b. Các khoản chi cho các nhu cầu cơ bản như tiền ăn, tiền học, tiền gửi xe, xăng xe chính là các khoản chi thiết yếu.
- c. Việc hạn chế mua sắm những thứ không cần thiết cũng là cách chị H quản lí tài chính, giúp việc chi tiêu trong gia đình hợp lí, đạt được mục tiêu tài chính.
- d. Chị H nên theo dõi tình hình thu, chi hằng tháng và điều chỉnh ngân sách khi có sự thay đổi tình hình tài chính gia đình.

**Câu 3.** Đọc đoạn thông tin sau:

*Anh T đăng kí và được cơ quan có thẩm quyền cấp phép kinh doanh dịch vụ karaoke ở địa điểm X. Để phục vụ cho công việc kinh doanh, anh T đã thuê chú H, chú K là người ở cùng khu phố làm bảo vệ cho cơ sở của mình với suy nghĩ vừa tạo được việc làm cho người cùng khu phố, vừa không phải trả số tiền công cao hơn nhân viên của công ty bảo vệ chuyên nghiệp. Để thuận tiện hơn cho công việc quản lí cơ sở kinh doanh, anh T giao cho chú K chiếc điện thoại để liên lạc lúc cần thiết. Cơ sở hoạt động được một thời gian thì lượng khách ngày càng đông, do vẫn còn một phòng 18 m<sup>2</sup> trống chưa được sử dụng, anh T đã cải tạo thành phòng hát để phục vụ thêm cho khách.*

- a. Trường hợp kinh doanh dịch vụ karaoke của anh T thuộc loại hình kinh doanh có điều kiện.
- b. Anh T thuê chú H và chú K làm bảo vệ chứ không nhất thiết phải thuê bảo vệ chuyên nghiệp là quyết



TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM HỌC 2024 - 2025  
định đúng trong kinh doanh.

- c. Anh T cải tạo căn phòng trồng 18 m<sup>2</sup> làm phòng hát để tối ưu hiệu quả hoạt động kinh doanh là việc làm đúng đắn.
- d. Chú K được anh T giao cho chiếc điện thoại nên chú là chủ sở hữu chiếc điện thoại đó.

**Câu 4.** Đọc đoạn thông tin sau:

*Trong 6 tháng đầu năm 2023, Bộ Công nghiệp Brazil mở ít nhất 6 cuộc điều tra chống bán phá giá đối với các sản phẩm của Trung Quốc từ thép tấm, thép tráng màu cho đến hoá chất và lốp xe. Một trong những cuộc điều tra gần đây nhất được tiến hành vào đầu tháng này theo yêu cầu của CSN, một nhà sản xuất thép lớn của Brazil. Theo CSN, từ tháng 7/2022 đến tháng 6/2023, lượng nhập khẩu các loại thép tấm carbon, đặc biệt từ Trung Quốc, tăng gần 85 %. Khi mở cuộc điều tra dự kiến kéo dài 18 tháng, Bộ Công nghiệp Brazil cho biết có đủ yếu tố cho thấy hành vi bán phá giá trong hàng xuất khẩu từ Trung Quốc sang Brazil, gây thiệt hại cho ngành sản xuất thép trong nước. Các nhà sản xuất thép Brazil đã yêu cầu chính phủ áp dụng mức thuế từ 9,6 – 25 % đối với các sản phẩm thép nhập khẩu. Tổng kim ngạch nhập khẩu sắt thép từ Trung Quốc của Brazil tăng từ 1,6 tỉ đô la vào năm 2014 lên 2,7 tỉ đô la vào năm 2023.*

(Theo: Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, “Brazil điều tra chống bán phá giá đối với hàng giá rẻ Trung Quốc”, ngày 20/3/2024)

- a. Theo nguyên tắc cơ bản của WTO, hàng xuất khẩu từ Trung Quốc sang Brazil có giá thấp hơn giá bán tại thị trường Trung Quốc được gọi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh.
- b. Theo nguyên tắc cơ bản của WTO, nhà sản xuất thép Brazil có quyền áp dụng mức thuế từ 9,6 – 25 % đối với các sản phẩm thép nhập khẩu từ Trung Quốc trong trường hợp nghi ngờ có hiện tượng bán phá giá từ mặt hàng thép Trung Quốc.
- c. Trường hợp Brazil muốn “kiện chống bán phá giá” đối với mặt hàng thép của Trung Quốc sẽ tuân theo quy trình: Kiện – Điều tra – Kết luận – Áp dụng biện pháp chống bán phá giá (nếu có).
- d. Khi thấy có đủ yếu tố cho thấy hành vi bán phá giá trong hàng xuất khẩu từ Trung Quốc sang Brazil gây thiệt hại cho sản xuất trong nước, Bộ Công nghiệp Brazil có quyền khởi kiện ra toà án tại Trung Quốc.

## ĐỀ SỐ 4

**Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án)

**Câu 1.** Quy định: “Tình trạng con người không được đáp ứng ở mức tối thiểu các nhu cầu cơ bản trong cuộc sống...” trong khoản 1 Điều 3 Nghị định 07/2021/NĐ-CP là nói đến

- A. nghèo bền vững. B. nghèo đa chiều. C. nghèo vững chắc. D. nghèo ổn định.

**Câu 2.** Sự tăng lên trong thu nhập hoặc gia tăng giá trị hàng hoá và dịch vụ mà một nền kinh tế sản xuất ra trong một thời kì nhất định là nói đến

- A. phát triển kinh tế. B. tăng trưởng kinh tế. C. hội nhập kinh tế. D. thay đổi kinh tế

**Câu 3.** Phương án nào sau đây là đúng về các cấp độ của hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Đối thoại đa phương, đối thoại khu vực và đối thoại toàn cầu.  
B. Kết nối toàn diện, kết nối song phương và kết nối toàn cầu.  
C. Hội nhập song phương, hội nhập khu vực và hội nhập toàn cầu.  
D. Cộng tác toàn diện, cộng tác song phương và cộng tác đa phương.

**Câu 4.** Hợp tác được kí kết giữa hai quốc gia dựa trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi được gọi là

- A. hội nhập song phương. B. hội nhập khu vực. C. hội nhập toàn cầu. D. hội nhập đa chiều.

**Câu 5.** Việc phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh nhằm đảm bảo

- A. tính khả thi của ý tưởng kinh doanh. B. tính nhất quán của ý tưởng kinh doanh.  
C. tính khác biệt của ý tưởng kinh doanh. D. tính sáng tạo của ý tưởng kinh doanh.

**Câu 6.** Một chuỗi các biện pháp, cách thức của chủ thể kinh doanh nhằm đạt được kết quả tối ưu được gọi là

- A. cơ hội kinh doanh. B. ý tưởng kinh doanh. C. mục tiêu kinh doanh. D. chiến lược kinh doanh.

**Câu 7.** Việc sử dụng các khoản thu và chi nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của các thành viên trong gia đình sao cho phù hợp với các nguồn thu nhập là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Quản lí thu, chi trong gia đình. B. Quản lí tài chính của cá nhân.

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

C. Quản lý ngân sách nhà nước.

D. Bình ổn kinh tế trong gia đình.

**Câu 8.** Nhận định nào sau đây là **sai** về ý nghĩa của việc quản lý thu, chi trong gia đình?

A. Kiểm soát được các nguồn thu, chi trong gia đình. B. Gia tăng rủi ro về tài chính trong gia đình.

C. Nâng cao chất lượng cuộc sống của gia đình. D. Chủ động thực hiện kế hoạch tài chính của gia đình.

**Câu 9.** Phát biểu nào sau đây thể hiện sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình?

A. Tạo ra sự phân hoá giàu – nghèo trong xã hội. B. Tạo ra áp lực tài chính và các khoản nợ.

C. Thực hiện kế hoạch tài chính gia đình theo cảm hứng.

D. Kiểm soát được các nguồn thu, chi trong gia đình.

**Câu 10.** Trong các nội dung sau đây, đâu là thói quen chi tiêu **không** hợp lý trong gia đình?

A. Chi tiêu theo kế hoạch.

B. Kiểm soát tốt nguồn thu.

C. Chi tiêu quá mức, lãng phí.

D. Lập quỹ dự phòng, tiết kiệm.

**Câu 11.** Theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, ngành, nghề nào sau đây **không** phải là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện?

A. Kinh doanh dịch vụ cầm đồ.

B. Kinh doanh dịch vụ xoa bóp.

C. Hành nghề luật sư.

D. Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

**Câu 12.** Người nộp thuế **không** có trách nhiệm nào sau đây?

A. Thực hiện đăng ký thuế, sử dụng mã số thuế theo quy định của pháp luật.

B. Khai thuế chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ thuế đúng thời hạn.

C. kê khai đầy đủ thu nhập các thành viên trong gia đình.

D. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế.

**Câu 13.** Trường hợp nào sau đây sẽ xác lập quyền sở hữu đối với tài sản của cá nhân?

A. Hưởng thừa kế từ cha ruột.

B. Sử dụng tài sản công.

C. Mượn tài sản cho từ người thân.

D. Vay tài sản từ anh chị ruột.

**Câu 14.** Hành vi thuê, mượn, nhận cầm cố, nhận thế chấp, mua, nhận chuyển nhượng giấy phép kinh doanh sẽ phải chịu hậu quả pháp lý nào sau đây?

A. Phạt tiền từ 3 000 000 đồng đến 5 000 000 đồng. B. Phạt tiền từ 1 000 000 đồng đến 2 000 000 đồng.

C. Buộc nộp lại số lợi thu được từ hoạt động kinh doanh.

D. Tịch thu giấy phép kinh doanh trong 3 tháng.

**Câu 15.** Chọn từ ngữ thích hợp để điền vào chỗ chấm trong quy định hiện hành đối với người bệnh về nghĩa vụ chấp hành các quy định trong khám bệnh, chữa bệnh: “Cung cấp ..... về thông tin liên quan đến nhân thân, tình trạng sức khoẻ của mình, hợp tác đầy đủ với người hành nghề và người khác làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh”.

A. trung thực và chịu trách nhiệm. B. đầy đủ và chịu trách nhiệm.

C. trung thực cho cơ quan chức năng. D. đầy đủ cho cơ sở khám, chữa bệnh.

**Câu 16.** Sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, bao gồm di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia là khái niệm

A. di sản văn hoá vật thể.

B. di sản văn hoá phi vật thể.

C. di sản lịch sử, văn hoá.

D. di sản lịch sử, văn hoá, khoa học.

**Câu 17.** Đối tượng người nước ngoài nào ở nước sở tại được hưởng chế độ đối xử đặc biệt?

A. Khách du lịch.

B. Người nổi tiếng.

C. Doanh nhân thành công.

D. Viên chức ngoại giao.

**Câu 18.** Các công dân của quốc gia khi đi công tác, học tập, lao động và sinh sống ở nước ngoài sẽ được nhà nước

A. ưu tiên.

B. đầu tư.

C. bảo hộ.

D. tài trợ.

**Câu 19.** Theo Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, trong vùng biển nào của Việt Nam thì tàu thuyền của tất cả các quốc gia có quyền đi qua không gây hại?

A. Lãnh hải.

B. Nội thủy.

C. Thềm lục địa.

D. Đặc quyền kinh tế.

*Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 20, 21*

Sách cũ là mặt hàng rất tiềm năng do những người thích đọc sách thường có nhu cầu tìm mua các ấn bản xưa, những tựa sách đã bán hết và không còn tái bản. Mọi người có thể tìm mua nguồn sách cũ ở các phố như Trần Nhân Tông, Trần Huy Liệu (Thành phố Hồ Chí Minh), phố Đinh Lễ, Đường Láng (Hà Nội), các hội sách giảm giá với mức giảm sâu hấp dẫn. Hình thức kinh doanh này rất phù hợp với những bạn trẻ muốn khởi nghiệp nhưng có nguồn lực tài chính hạn chế.

**Câu 20.** Ý tưởng kinh doanh sách cũ được xác định dựa trên yếu tố nào?



TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM HỌC 2024 - 2025

- A. Sự đam mê của người kinh doanh. B. Sự hiểu biết của người kinh doanh về sản phẩm.  
C. Khả năng huy động các nguồn lực. D. Nhu cầu sản phẩm trên thị trường.

**Câu 21.** Đoạn thông tin đưa ra gợi ý về kế hoạch thực hiện hoạt động nào sau đây?

- A. Kế hoạch sản phẩm. B. Kế hoạch tài chính. C. Kế hoạch tiếp thị. D. Kế hoạch nhân sự.

*Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 22, 23, 24*

Cơ quan điều tra Bộ Công an đã ban hành kết luận điều tra bổ sung vụ án thao túng thị trường chứng khoán và lừa đảo chiếm đoạt tài sản liên quan của ông TVQ, cựu Chủ tịch Tập đoàn X. Theo kết luận điều tra bổ sung, từ 26/5/2017 – 10/01/2022, ông TVQ đã chỉ đạo đồng phạm thao túng thị trường chứng khoán, qua đó thu lợi bất chính hơn 723 tỉ đồng. Cơ quan Công an còn xác định, trong thời gian từ năm 2014 – 2016, thực tế các cổ đông chỉ góp 1 197 tỉ đồng vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Xây dựng Y nhưng ông TVQ chỉ đạo cấp dưới lập và kí khống hồ sơ, chứng từ góp vốn 3 102 tỉ đồng, làm tăng khống vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Xây dựng Y lên gần 4 300 tỉ đồng. Sau đó, các bị can đề nghị đăng kí niêm yết 430 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây dựng Y trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh để bán và chiếm đoạt hơn 3 620 tỉ đồng của các nhà đầu tư.

(Theo: Báo Công an nhân dân, “Khi cán bộ quản lý nhà nước dung túng sai phạm...”, ngày 04/3/2024)

**Câu 22.** Việc lập và kí khống hồ sơ, chứng từ góp vốn, làm tăng khống vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Xây dựng Y trong trường hợp trên vi phạm pháp luật như thế nào?

- A. Vi phạm quyền tự do lựa chọn quy mô sản xuất kinh doanh.  
B. Vi phạm trong lựa chọn hình thức, phương thức huy động vốn.  
C. Kê khai không đúng hồ sơ làm cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp.  
D. Kê khai không chính xác nội dung hồ sơ đăng kí doanh nghiệp.

**Câu 23.** Số cổ phiếu của ông TVQ tại Công ty Cổ phần Xây dựng Y sẽ thuộc quyền sở hữu của ai sau khi ông đã nộp lại các khoản thu bất chính và phải chấp hành án phạt tù?

- A. Ông TVQ. B. Nhà nước. C. Nhà đầu tư còn lại của công ty. D. Đại diện gia đình ông TVQ.

**Câu 24.** Hình thức đăng kí niêm yết trên sàn chứng khoán của các doanh nghiệp thể hiện quyền nào sau đây của công dân trong kinh doanh?

- A. Tự do lựa chọn ngành, nghề kinh doanh. B. Tự do lựa chọn hình thức huy động vốn.  
C. Tự do lựa chọn thị trường kinh doanh. D. Tự do lựa chọn quy mô kinh doanh.

**Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai)

**Câu 1.** Đọc đoạn thông tin sau:

*Trước những thách thức lớn vì cạnh tranh trong hội nhập, tác động của cuộc Cách mạng 4.0, cũng như xu hướng già hoá dân số và tác động của biến đổi khí hậu, dịch bệnh,... Việt Nam đang tích cực nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống an sinh xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Tại Việt Nam, hệ thống an sinh xã hội được hình thành từ các trụ cột cơ bản, bao gồm: giảm nghèo bền vững; đào tạo nghề, lao động, việc làm; bảo hiểm xã hội và các loại bảo hiểm khác; bảo trợ xã hội và các dịch vụ xã hội cơ bản. Mô hình an sinh xã hội của Việt Nam đã đem lại những thành quả đáng khích lệ, được thế giới công nhận như thành tích xoá đói, giảm nghèo, giáo dục, y tế,..., thể hiện rõ quan điểm tăng trưởng kinh tế gắn liền với sự tiến bộ và công bằng xã hội.*

- a. An sinh xã hội là sự che chắn, bảo vệ cho các thành viên trong xã hội trước các thách thức trong cuộc sống như già hoá dân số, biến đổi khí hậu, dịch bệnh,...
- b. Bảo hiểm thất nghiệp không phải là một thành phần của hệ thống an sinh xã hội.
- c. Các trụ cột của hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam nhằm thực hiện ba chức năng: phòng ngừa rủi ro, giảm thiểu rủi ro và khắc phục rủi ro.
- d. Các thành tựu về an sinh xã hội ở Việt Nam thể hiện mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và sự phát triển bền vững.

**Câu 2.** Đọc đoạn thông tin sau:

*Công ty V chuyên cung cấp sữa trong nhiều năm qua đã và đang thực hiện nhiều hoạt động có quy mô lớn. Tính đến nay, quỹ sữa “Vươn cao Việt Nam” đã trao gần hai triệu lít sữa nước cho hơn 21 nghìn trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại 727 cơ sở khắp toàn quốc. Chương trình “Một triệu cây xanh” do Công ty V khởi xướng đã thực hiện trồng hơn 250 000 cây xanh các loại tại 20 tỉnh thành. Ngoài hai*

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM HỌC 2024 - 2025

chương trình lớn kể trên, Công ty V cũng tham gia nhiều hoạt động từ thiện khác với tổng kinh phí lên tới 25 tỉ đồng.

- Quỹ sữa “Vươn cao Việt Nam” là một trong những chương trình vì cộng đồng cần được nhân rộng, thể hiện việc thực hiện trách nhiệm pháp lý của Công ty V.
- Chương trình “Một triệu cây xanh” góp phần bảo vệ môi trường, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, của xã hội.
- Việc tham gia các hoạt động thiện nguyện, nhân đạo thể hiện trách nhiệm nhân văn của Công ty V khi thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.
- Công ty V đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững quốc gia.

**Câu 3.** Đọc đoạn thông tin sau:

Vào ngày 20/4/2022, lực lượng Phòng Cảnh sát môi trường, Công an tỉnh ĐN bắt quả tang công nhân xí nghiệp X đang thực hiện xây nghiên tiêu huỷ các vỏ bóng đèn thải không đúng quy định. Tại hiện trường, khoảng gần 5 tấn thủy tinh có hoá chất chứa trong 195 bao và gần 370 nghìn bóng đèn thải chưa kịp xây nghiên đưng trong các sọt nhựa. Nước thải trong quá trình xây nghiên bóng đèn được thoát trực tiếp ra hệ thống mương nước mưa.

Tiếp tục kiểm tra, lực lượng công an phát hiện 2 hầm bê tông được xây dựng âm dưới đất bên trong xí nghiệp có chứa hơn 89 tấn bóng đèn hỏng, thủy tinh đã nghiền, gần 1 tấn thủy tinh lẫn bùn thải và hơn 32 tấn nước phát sinh từ hoạt động tiêu huỷ. Mở rộng điều tra, cơ quan chức năng phát hiện xí nghiệp X cũng không đóng bảo hiểm xã hội, không tổ chức khám sức khoẻ định kì cho các công nhân đang làm việc tại đó.

- Các loại chất thải do xí nghiệp X thải ra thuộc loại chất thải nguy hại.
- Việc xả chất thải của xí nghiệp X là một sự cố môi trường.
- Công nhân đang làm việc trong xí nghiệp X không nên yêu cầu xí nghiệp này đóng bảo hiểm xã hội, tổ chức khám sức khoẻ cho mình vì như vậy sẽ khiến thu nhập bị giảm.
- Học sinh khi phát hiện các vụ việc xả thải trái phép của các doanh nghiệp có quyền cùng với người thân trong gia đình kiểm tra giấy phép kinh doanh và xử phạt các doanh nghiệp đó.

**Câu 4.** Đọc đoạn thông tin sau:

Theo Bộ đội Biên phòng (BĐBP) Quảng Bình, từ nguồn tin của ngư dân Việt Nam cung cấp đã phát hiện 6 tàu cá nước ngoài hành nghề câu đáy đang đánh bắt tại khu vực trong lãnh hải Việt Nam.

BĐBP Quảng Bình đã điều 2 tàu tuần tra công suất lớn với 17 cán bộ, chiến sĩ ra khơi, qua kiểm tra, 28 ngư dân ở trên 6 tàu đánh cá nước ngoài này đều không có một loại giấy tờ tùy thân nào. Sau khi lập biên bản và đánh dấu toạ độ vi phạm của 6 tàu cá nước ngoài trên vùng biển Việt Nam, BĐBP Quảng Bình đã cảnh cáo hành vi vi phạm và yêu cầu số tàu cá đó ra khỏi vùng biển Việt Nam.

- 6 tàu cá nước ngoài vào sâu trong lãnh hải Việt Nam để đánh cá là không được phép.
- 28 ngư dân ở trên 6 tàu đánh cá nước ngoài này đều mang đầy đủ các loại giấy tờ tùy thân.
- Việt Nam hoàn toàn có chủ quyền đối với vùng biển của mình và có quyền lập biên bản, đánh dấu toạ độ vi phạm của 6 tàu cá nước ngoài để làm chứng cứ.
- BĐBP Quảng Bình đã cảnh cáo hành vi vi phạm và yêu cầu số tàu cá nước ngoài ra khỏi vùng biển Việt Nam là cách xử lý đúng đắn và mềm dẻo để tránh những căng thẳng không đáng có giữa Việt Nam và nước ngoài.

## ĐỀ SỐ 5

**Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án)

**Câu 1.** Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập là chỉ tiêu phản ánh tình trạng bất bình đẳng trong phân phối thu nhập của các tầng lớp dân cư, được gọi là hệ số

- A.** GNI. **B.** HDI. **C.** GDP. **D.** GINI.

**Câu 2.** Nội dung nào sau đây phù hợp với xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta?

- A.** Tăng tỉ trọng ngành nông nghiệp, giảm tỉ trọng ngành công nghiệp.  
**B.** Tăng tỉ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ, giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp.  
**C.** Tăng tỉ trọng ngành nông nghiệp, giảm tỉ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ.

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM HỌC 2024 - 2025

**D.** Tăng tỉ trọng ngành công nghiệp, giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp, dịch vụ.

**Câu 3.** Về khía cạnh kinh tế, bảo hiểm có vai trò

**A.** góp phần ngăn ngừa rủi ro, giảm thiểu tổn thất cho con người.

**B.** đảm bảo an toàn cho cuộc sống của con người.

**C.** góp phần tạo việc làm cho một bộ phận dân cư.

**D.** là một kênh huy động vốn cho đầu tư phát triển kinh tế – xã hội.

**Câu 4.** Người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ mồ côi là đối tượng của chính sách an sinh xã hội nào sau đây?

**A.** Chính sách việc làm, thu nhập và giảm nghèo. **B.** Chính sách về bảo hiểm.

**C.** Chính sách trợ giúp xã hội.

**D.** Chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản.

**Câu 5.** Hệ thống chính sách an sinh xã hội **không** có vai trò nào sau đây?

**A.** Phát huy tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái trong cộng đồng.

**B.** Góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.

**C.** Góp phần đảm bảo công bằng xã hội.

**D.** Bình ổn giá cả hàng hoá/dịch vụ, kiềm chế lạm phát.

**Câu 6.** Đối với doanh nghiệp, thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp sẽ góp phần

**A.** thúc đẩy phân hoá giàu – nghèo. **B.** làm giảm niềm tin với công chúng.

**C.** tăng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp. **D.** tăng gánh nặng và áp lực tài chính.

**Câu 7.** Nội dung nào sau đây thể hiện ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp?

**A.** Tăng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp. **B.** Thúc đẩy quá trình phân hoá giàu – nghèo.

**C.** Thúc đẩy hiện tượng đầu cơ tích trữ.

**D.** Giảm uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp.

**Câu 8.** Trong các biểu hiện sau đây, đâu là biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một doanh nghiệp?

**A.** Tuân thủ các quy định của pháp luật. **B.** Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

**C.** Đối xử không công bằng với người lao động. **D.** Tạo quan hệ gắn bó giữa nhân viên và công ty.

**Câu 9.** Khi thực hiện nhiệm vụ điều hành doanh nghiệp, mỗi công dân **không** cần thực hiện trách nhiệm nào sau đây?

**A.** Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, an toàn.

**B.** Đảm bảo chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp.

**C.** Đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người lao động.

**D.** Công khai chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp.

**Câu 10.** Trong các khoản chi sau đây, đâu là khoản chi thiết yếu?

**A.** Mua sắm trang sức, phụ kiện đắt đỏ. **B.** Vui chơi, giải trí.

**C.** Du lịch.

**D.** Chi phí nhà ở, tiền điện, tiền xăng.

**Câu 11.** Trong kế hoạch thu, chi, các nguồn thu nhập trong gia đình **không** bao gồm khoản nào sau đây?

**A.** Tiền mượn nợ.

**B.** Tiền thu nhập bổ sung.

**C.** Tiền lãi từ tiết kiệm và đầu tư.

**D.** Thu nhập từ kinh doanh.

**Câu 12.** Phát biểu nào sau đây thể hiện thói quen chi tiêu **không** hợp lí?

**A.** Chi tiêu theo cảm xúc cá nhân.

**B.** Không bỏ qua chi phí phát sinh.

**C.** Sử dụng công cụ hỗ trợ quản lí tài chính.

**D.** Điều chỉnh hoạt động chi tiêu

**Câu 13.** Quyền mà người không phải chủ sở hữu được sử dụng tài sản theo thoả thuận với chủ sở hữu hoặc theo quy định của pháp luật là

**A.** quyền sử dụng của chủ sở hữu. **B.** quyền sử dụng của người không phải là chủ sở hữu.

**C.** quyền định đoạt của người không phải chủ sở hữu. **D.** quyền chiếm hữu của chủ sở hữu.

**Câu 14.** Quyền sở hữu **không** bị chấm dứt trong trường hợp nào sau đây?

**A.** Chủ sở hữu chuyển quyền sử dụng tài sản của mình cho người khác.

**B.** Chủ sở hữu từ bỏ quyền sở hữu của mình.

**C.** Tài sản đã được tiêu dùng hoặc bị tiêu huỷ.

**D.** Tài sản bị trưng mua.

**Câu 15.** Hành vi nào sau đây thể hiện việc **không** tôn trọng quyền sở hữu tài sản của công dân?

**A.** Trao đổi tài sản với bạn bè.

**B.** Thừa kế tài sản của người thân.

**C.** Kí kết hợp đồng mua bán tài sản.

**D.** Làm hỏng tài sản của đồng nghiệp.

**Câu 16.** Theo Luật Di sản văn hoá năm 2013, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ giao nộp di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia do mình tìm được cho ai?

- A. Bất kì ai mà tổ chức, cá nhân tin tưởng.                      B. Đại diện tổ chức xã hội nơi cư trú.  
C. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi gần nhất.            D. Bất kì cơ quan nhà nước nào.

**Câu 17.** Trường hợp nào sau đây vi phạm pháp luật về quyền, nghĩa vụ của công dân trong học tập?

- A. Học sinh K tự ý tắt điện phòng học bên cạnh khi thấy các bạn lớp đó quên tắt.  
B. Ông B yêu cầu hội đồng tuyển sinh đại học Trường Đại học X phải cộng điểm ưu tiên cho con mình vì gia đình ông thuộc đồng bào dân tộc thiểu số.  
C. Với lí do để nâng cao kết quả học tập của học sinh, cô giáo S đã yêu cầu học sinh lớp mình chủ nhiệm học thêm lớp học miễn phí do cô dạy.  
D. Cho rằng con gái thì không cần học cao nên sau khi T học hết trung học cơ sở, gia đình bà M đã không cho T tiếp tục học lên cấp THPT.

*Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 18, 19, 20*

*Gia đình anh T có thu nhập trung bình và đang có kế hoạch sau 8 năm nữa sẽ mua một căn hộ trên phố. Để thực hiện được kế hoạch này, vợ anh là chị H thường xuyên theo dõi, lập kế hoạch thu, chi trong gia đình và điều chỉnh việc sử dụng tài chính để đảm bảo các nhu cầu cơ bản được đáp ứng, tài chính gia đình được duy trì ổn định. Chị cũng thường xuyên theo dõi chi tiêu, ghi chép đánh giá để điều chỉnh kế hoạch khi cần.*

**Câu 18.** Việc chi tiêu có kế hoạch sẽ giúp gia đình anh T chủ động thực hiện

- A. tiêu dùng không giới hạn.    B. chi tiêu không tiết kiệm.  
C. kế hoạch tài chính gia đình.    D. cắt bỏ chi tiêu thiết yếu.

**Câu 19.** Thói quen chi tiêu của gia đình anh T là

- A. Chi tiêu cảm hứng, không có kế hoạch.                      B. Lãng phí tiền bạc cho những khoản chi không cần thiết.  
C. Chi tiêu quá mức so với khả năng tài chính.                      D. Thường xuyên theo dõi, điều chỉnh cách chi tiêu.

**Câu 20.** Để thực hiện tốt kế hoạch thu, chi trong gia đình, trong thời gian tới chị H không nên

- A. điều chỉnh tỉ lệ phân chia các khoản chi.                      B. thực hiện các khoản chi theo kế hoạch.  
C. cắt giảm các khoản chi thiết yếu.    D. kiểm soát các nguồn thu trong gia đình.

*Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 21, 22, 23, 24*

*Sau khi học hết lớp 9, T muốn tiếp tục đi học tiếp nhưng bố mẹ T không đồng ý vì cho rằng là con gái thì không cần học nhiều và yêu cầu T vào làm ở nhà máy X gần nhà dù gia đình vẫn có đủ điều kiện cho T theo học. Trong quá trình làm việc ở nhà máy X, T làm ở bộ phận thường xuyên tiếp xúc với các chất độc hại thông qua công việc hằng ngày là xả nước thải ra môi trường.*

**Câu 21.** Theo Luật Hôn nhân và gia đình hiện hành, bố mẹ của T đã phân biệt đối xử với các con trên cơ sở nào?

- A. Điều kiện kinh tế gia đình.    B. Giới tính.  
C. Lực học của các con.    D. Điều kiện việc làm ở địa phương.

**Câu 22.** Theo Luật Giáo dục hiện hành, việc T học hết lớp 9 thể hiện T đã hoàn thành

- A. giáo dục phổ thông.    B. giáo dục nghề nghiệp.  
C. bồi dưỡng giáo dục.    D. phổ cập giáo dục.

**Câu 23.** Với tính chất công việc của mình, T có quyền yêu cầu Công ty X tổ chức cho mình khám sức khoẻ định kì theo quy định hiện hành của pháp luật là

- A. ít nhất 01 tháng một lần.    B. ít nhất 03 tháng một lần.  
C. ít nhất 06 tháng một lần.    D. ít nhất 09 tháng một lần.

**Câu 24.** Để được phép xả chất thải ra môi trường, Công ty X cần có văn bản nào do cơ quan quản lí nhà nước cấp cho sau khi đã đáp ứng yêu cầu, điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật?

- A. Giấy phép môi trường.    B. Giấy phép xả thải.  
C. Giấy phép sản xuất.    D. Giấy phép kinh doanh.

**Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai)

**Câu 1.** Đọc đoạn thông tin sau:

## TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM HỌC 2024 - 2025

Theo số liệu từ Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến ngày 20/12/2023, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam (FDI) đạt gần 36,61 tỉ USD, tăng 32,1 % so với cùng kỳ; vốn thực hiện của dự án đầu tư nước ngoài ước đạt khoảng 23,18 tỉ USD, tăng 3,5 % so với năm 2022.

Trong những năm qua, vốn vay ưu đãi và vốn viện trợ không hoàn lại (ODA) có tác động trực tiếp và gián tiếp đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Vốn ODA góp phần gia tăng tổng đầu tư xã hội, tạo động lực thu hút đầu tư tư nhân và vốn FDI, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hỗ trợ Việt Nam đạt được nhiều kết quả trong công cuộc xoá đói giảm nghèo.

(Theo: Trang thông tin điện tử Đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và Đầu tư, “Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2023”, ngày 16/01/2024)

- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) còn có tên gọi khác là vốn ODA.
- Mặc dù vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tăng nhưng tác động của nó đến tăng trưởng kinh tế vẫn còn nhiều tranh cãi.  
Cùng với hoạt động thương mại quốc tế và các dịch vụ thu ngoại tệ, đầu tư quốc tế là một trong các hoạt động kinh tế đối ngoại cơ bản, có ý nghĩa to lớn đối với sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.
- Việt Nam tiếp nhận vốn vay ưu đãi và vốn viện trợ không hoàn lại góp phần xoá đói giảm nghèo, nâng cao đời sống của các tầng lớp dân cư, thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội.

**Câu 2.** Đọc đoạn thông tin sau:

Vốn được đào tạo bài bản về công nghệ thông tin và có niềm đam mê đặc biệt với lĩnh vực giáo dục, anh S – Giám đốc điều hành của Công ty Cổ phần phát triển công nghệ giáo dục ABC bắt đầu khởi nghiệp từ năm 2019 (khi còn là sinh viên). Anh cho biết, bản thân nhận thức được rất rõ những giá trị mà khởi nghiệp sớm mang lại, cũng như những khó khăn, thách thức đi kèm. Anh cho rằng để tránh thất bại, các bạn trẻ cần hiểu bản chất của kinh doanh, phân tích thật kỹ về lợi thế cạnh tranh, sự khác biệt, tìm hiểu thị trường và lập kế hoạch kinh doanh thật chi tiết. Tiếp theo là khâu tìm kiếm đội ngũ nhân sự chất lượng để thực hiện dự án. Yếu tố cuối cùng không thể thiếu được đó là dự phòng rủi ro.

- Ý tưởng kinh doanh của anh S được xác định dựa trên lợi thế nội tại về sự đam mê và hiểu biết.
- Lập kế hoạch kinh doanh một cách chi tiết là việc cần làm đối với người khởi sự kinh doanh.
- Khi đưa ra lời khuyên về khởi nghiệp, anh S nhấn mạnh bước xác định mục tiêu trong quy trình lập kế hoạch kinh doanh.
- Chỉ nên phân tích rủi ro và biện pháp xử lý khi kế hoạch kinh doanh được triển khai trong thực tiễn.

**Câu 3.** Đọc đoạn thông tin sau:

Vợ chồng ông K cùng con là anh T đang sinh sống trên mảnh đất được cấp quyền sử dụng đất mang tên ông K. Năm 2006, vì làm ăn không thuận lợi, ông K có thương lượng và nhượng lại mảnh đất gia đình đang ở cho em gái ruột của ông là cô P với giá 50 triệu đồng. Vì là anh em ruột, ông K và cô P chỉ làm giấy tờ kí tay về thoả thuận trên và ông K giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cô P giữ. Cô P có hứa với gia đình ông K sau này nếu làm ăn được muốn lấy lại đất thì cô sẽ bán lại mảnh đất trên để sinh sống. Năm 2011, con ông K là anh T có đến xin chuộc lại mảnh đất trên thì được cô P đồng ý với giá 130 triệu đồng. Hai tháng sau, tình hình bất động sản nơi này giao dịch trở nên “sôi động”, anh T mang tiền đến mua lại đất thì được biết cô P đã nhượng lại cho cô Ch với giá 500 triệu đồng.

- Mảnh đất của gia đình ông K trước khi giao cho cô P thuộc sở hữu toàn dân mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu.

Sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông K và kí giấy thoả thuận tay với ông, quyền sử dụng đất đã được xác lập cho cô P.

- Thoả thuận nhượng đất giữa cô P và cô Ch là phù hợp với quy định của pháp luật.
- Gia đình anh T có quyền yêu cầu cô P huỷ bỏ thoả thuận nhượng đất với cô Ch.

**Câu 4.** Đọc đoạn thông tin sau:

Với chủ trương nhất quán thông qua các biện pháp hoà bình giải quyết tranh chấp, bất đồng trên biển, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc áp dụng có hiệu quả Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 để phân định biển với các nước láng giềng, trong đó luôn đề cao nguyên tắc công bằng để tìm ra giải pháp hợp lý, cụ thể là: Việt Nam đã kí với Thái Lan Hiệp định về phân định biển ngày 09/8/1997; kí với Trung Quốc Hiệp định về phân định vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá trong vịnh Bắc Bộ ngày 25/12/2000; kí với Indonesia Hiệp định về phân định thêm lục địa ngày 26/6/2003.

- Các quốc gia cần đàm phán với nhau để giải quyết những tranh chấp, bất đồng trên biển.

**MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM HỌC 2024 - 2025

- b. Trong bất kì trường hợp nào, các quốc gia cũng không được giải quyết tranh chấp, bất đồng trên biển bằng vũ lực.
- c. Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 là cơ sở pháp lí quan trọng để bảo vệ quyền và lợi ích của Việt Nam trên biển.
- d. Việt Nam kí các Hiệp định với Thái Lan, Trung Quốc, Indonesia nhằm chia đều lợi ích giữa các quốc gia.

**HẾT**